

Bài 1: CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ (11 TIẾT)

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

* Đọc:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: Không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện (ngôi thứ nhất, ngôi thứ ba), sự thay đổi điểm nhìn, sự kết nối giữa người kể chuyện và lời nhân vật.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có định hướng vận dụng phù hợp hiệu quả.

* Viết: Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện, chú ý phân tích đặc điểm riêng trong cách kể của tác giả.

* Nói và nghe: Biết thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

2. Về năng lực:

* **Năng lực chung:** Năng lực tiếp nhận; Năng lực tự nhận thức; Hợp tác, trao đổi; Tạo lập; Giao tiếp và hợp tác; Tự chủ và tự học; Đánh giá. Tư duy phản biện; Giải quyết vấn đề,...

* **Năng lực đặc thù:**

- Năng lực thẩm mĩ; Năng lực ngôn ngữ; Năng lực đọc – hiểu;

3. Về phẩm chất: Thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương.

II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT ...: VĂN BẢN 1

VỢ NHẬT (KIM LÂN)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

a. Về năng lực chung: Học sinh phát triển tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...

b. Năng lực đặc thù

- Học sinh phân tích được mối liên hệ giữa nhan đề và nội dung câu chuyện
- Học sinh xác định và nêu được ý nghĩa tình huống truyện
- Học sinh xác định trình tự kể chuyện và bố cục của văn bản
- Học sinh phân tích sự thay đổi của các nhân vật từ khía cạnh điểm nhìn, lời kể và giọng điệu
- Học sinh nêu chủ đề và đánh giá giá trị tư tưởng của tác phẩm
- Học sinh viết được đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ về một thông điệp ý nghĩa trong văn bản

2. Về phẩm chất:

- Học sinh có thêm sự đồng cảm với con người trong nạn đói, tiếp thêm hi vọng ngay cả trong hoàn cảnh khổ đau,...
- Học sinh có niềm tin tưởng, lạc quan biết vượt qua những khó khăn thử thách, hướng về tương lai

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung thực hiện:

❖ GV chiếu video về nạn đói năm Ất Dậu (1945) và gợi dẫn: Em biết gì về nạn đói năm Ất Dậu (1945)

❖ Link: https://www.youtube.com/watch?v=RV0gK8Myv_I

c. Sản phẩm

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập ❖ GV chiếu video về nạn đói năm Ất Dậu (1945) và gợi dẫn: Em biết gì về nạn đói năm Ất Dậu (1945) ❖ Link: https://www.youtube.com/watch?v=RV0gK8Myv_I Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và chia sẻ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Chia sẻ của HS Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS ⇒ Dẫn dắt vào bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**Nội dung 1: TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN**

a. Mục tiêu:

b. Nội dung thực hiện: GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn, thực hiện phiếu học tập, thảo luận nhóm

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần Tri thức ngữ văn trong SGK để nêu những hiểu biết về thể loại. GV giúp HS tổ chức buổi tọa đàm với chủ đề: <i>Vẻ đẹp của truyện ngắn hiện đại</i> * Chia nhóm nhỏ và giao	A. TRI THỨC NGŨ VĂN 1. Truyện ngắn hiện đại Truyện ngắn hiện đại là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh nét riêng của tư duy thể loại. Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế. Tuy nhiên, những lát cắt đời sống này lại giàu sức khơi gợi, có khả năng gây ấn tượng mạnh đối với người đọc. Do dung lượng bị giới hạn, truyện ngắn đòi hỏi sự chặt chẽ, dồn nén của các chi tiết và việc vận dụng

nhiệm vụ:

Nhóm 1:

GV trực tiếp hướng dẫn để nhóm MC thiết kế bộ câu hỏi về truyện ngắn hiện đại

Nhóm 2:

Tìm câu chuyện và truyện kể để kể lại theo trí nhớ

Nhóm 3:

Chuẩn bị các tri thức về điểm nhìn trong truyện kể

Nhóm 4:

Chuẩn bị các tri thức lời người kể chuyện và lời nhân vật

Nhóm 5:

Chuẩn bị các tri thức ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

Dự kiến bộ câu hỏi và phân hướng:

? Chọn kể một truyện hiện đại mà bạn yêu thích.

? Tìm và kể lại một câu chuyện hiện đại mà em đã từng đọc.

? Điểm nhìn trong truyện kể là gì? Các câu chuyện kể có thể được nhìn theo những điểm nhìn nào.

? Trong truyện hiện đại lời người kể chuyện và lời nhân vật được xác định bằng cách nào?

? Phân biệt ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết? Lấy ví dụ về ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong cuộc sống hàng ngày mà em biết

Bước 2. Tổ chức tọa đàm theo nhiệm vụ đã phân công

Bước 3. Các nhóm bổ sung, hoàn thành phiếu học tập về thể loại truyện hiện đại

GV kiểm tra phiếu học tập sau tiết học.

Bước 4: Đánh giá kết quả

các bút pháp chấm phá trong trần thuật.

2. Câu chuyện và truyện kể

- Câu chuyện (còn có thể gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian. Truyện kể gắn liền với câu chuyện nhưng không đồng nhất: nó bao gồm các sự kiện được tổ chức theo mạch kể của văn bản tự sự, gắn liền với vai trò của người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn là chú ý đến cách câu chuyện kể tức là chú ý đến cách câu chuyện được kể như thế nào.

3. Điểm nhìn trong truyện kể

- Để câu chuyện được kể ra, nhất thiết phải có người kể chuyện (tức người biết, nhìn thấy và kể lại câu chuyện ấy). Người kể chuyện bao giờ cũng kể chuyện từ điểm nhìn nhất định, được hiểu là vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá.

- Có thể phân chia điểm nhìn trong tác phẩm tự sự thành nhiều thể loại khác nhau như: điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật được kể; điểm nhìn bên ngoài (miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật không biết) và điểm nhìn bên trong (kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức của nhân vật); điểm nhìn không gian (nhìn xa – nhìn gần) và điểm nhìn thời gian (nhìn từ thời điểm hiện tại, miêu tả sự việc như nó đang diễn ra hay nhìn lại quá khứ, kể lại qua lăng kính hồi ức,...) Điểm nhìn còn mang tính tâm lí, tư tưởng, gắn liền với vai kể của người kể chuyện hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật.

- Câu chuyện được kể có thể được kể có thể gắn với một điểm nhìn thấu suốt mọi sự việc, một quan điểm, một cách đánh giá mang tính định hướng cho người đọc. Nhưng có thể câu chuyện được kể từ nhiều điểm nhìn, gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, thậm chí đối lập nhau, xoay quanh sự việc hay nhân vật. Điều này tạo nên tính đối thoại của tác phẩm đặt người đọc vào một vai trò chủ động, tích cực hơn trong việc diễn giải và đánh giá.

4. Lời người kể chuyện và lời nhân vật

- Lời người kể chuyện và lời nhân vật là những yếu tố cấu thành lời văn và nghệ thuật của văn bản tự sự.

- Lời người kể chuyện gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện. Chức năng của nó là miêu tả, trần thuật, đưa ra những phán đoán, đánh giá đối với đối tượng miêu tả, trần thuật cũng như định hướng việc hình dung, theo dõi mạch kể của người đọc. Trong khi đó, lời nhân vật là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật.

- Trong văn bản tự sự, đặc biệt ở các thể loại tự sự hiện đại, lời người kể chuyện và lời nhân vật có khả năng kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau tạo nên một số hiện tượng đặc biệt về lời văn như lời nửa trực tiếp (lời của người kể chuyện như tái hiện ý thức, giọng điệu của nhân vật), lời độc thoại nội tâm (tái hiện lời nói bên trong nhân vật), lời nhại (lời mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ

<p>thực hiện</p> <p>- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.</p>	<p>ý mĩa mai hay bông đùa,...)</p> <p>5. Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết</p> <p>- Ngôn ngữ nói (còn gọi là khẩu ngữ) là ngôn ngữ âm thanh được tiếp nhận bằng thính giác. Ngôn ngữ nói gắn liền với hoạt động giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật như trò chuyện ở gia đình, nhà trường, nhà máy, công sở,...; phát biểu giờ học, cuộc họp, hội thảo; trao đổi khi mua bán ở chợ, siêu thị;...</p> <p>- Trong một số trường hợp đặc biệt, ngôn ngữ nói cũng xuất hiện dưới hình thức văn bản viết. Ví dụ: tin nhắn qua điện thoại hoặc qua các ứng dụng trên mạng xã hội, văn bản bóc băng ghi âm một cuộc phỏng vấn hay lời khai,... Những đoạn hội thoại giữa các nhân vật trong tác phẩm truyện thực chất là ngôn ngữ viết mô phỏng ngôn ngữ nói. Ở đây ngôn ngữ nói được tái tạo, nghệ thuật hoá nhằm thực hiện chức năng thẩm mỹ, không còn là ngôn ngữ nói đích thực, “nguyên dạng”.</p> <p>- Ngôn ngữ viết là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết, được dùng trong sách báo, văn bản hành chính, thư từ,... Ngôn ngữ viết tồn tại trong các văn bản xuất hiện dưới nhiều hình thức vật thể khác nhau: bản viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi dành cho người khiếm thị,...</p> <p>- Có những văn bản viết mà nội dung thông tin được truyền tải bằng âm thanh, chẳng hạn bài diễn văn, bản tin trên truyền hình,... Tuy các văn bản này được tiếp nhận bằng thính giác, nhưng ngôn ngữ trong đó vẫn mang đầy đủ đặc điểm của ngôn ngữ viết.</p>
--	---

Nội dung 2: TÌM HIỂU VĂN BẢN “VỢ NHẶT”

* Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn để:

- HS trình bày được những nét khái quát về cuộc đời, sự nghiệp, phong cách sáng tác của tác giả Kim Lân và quá trình sáng tác truyện ngắn *Vợ nhặt*.
- HS tóm tắt được tác phẩm, nội dung của đoạn trích.
- Học sinh phân tích được mối liên hệ giữa nhan đề và nội dung câu chuyện
- Học sinh xác định và nêu được ý nghĩa tình huống truyện
- Học sinh xác định trình tự kể truyện và bố cục của văn bản

b. Nội dung

- HS thực hiện nhiệm vụ được giao: sưu tầm tư liệu về tác giả và tác phẩm, thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm...

c. Sản phẩm

- Các tài liệu HS sưu tầm
- Sản phẩm giới thiệu về tác giả, tác phẩm (video, sơ đồ tư duy, power point,...)

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>2.1 Đọc văn bản và tìm hiểu chung</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn</p> <p>+ Một số hiểu biết của em về tác giả?</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>Kim Lân (1920 – 2007)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài - Quê quán: Bắc Ninh - Là cây bút chuyên viết truyện ngắn - Thế giới nghệ thuật của ông chủ yếu tập trung ở khung cảnh nông thôn và hình tượng người nông dân. Ông am hiểu sâu sắc

+ Nhan đề văn bản với nội dung câu chuyện và hoàn cảnh ra đời (Gợi ý: Quan điểm của Kim Lân khi sáng tác truyện ngắn này)

+ Tình huống truyện có gì đặc sắc

+ Trình tự kể và bố cục của truyện.

Thời gian: 35ph

Chia sẻ và thảo luận: 10ph

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc kĩ văn bản

- HS suy ngẫm các câu hỏi

- Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

cảnh ngộ và tâm lí của những người nông dân nghèo, rất gần gũi với sinh hoạt của ông – những con người gắn bó tha thiết với quê hương và cách mạng

2. Tác phẩm

a. Nhan đề và mối liên hệ với nội dung, hoàn cảnh ra đời

- **Hoàn cảnh ra đời:** Truyện ngắn “Vợ nhặt” có tiền thân là tiểu thuyết “Xóm ngụ cư”. Cuốn tiểu thuyết được viết ngay sau khi CMT8 thành công nhưng còn dang dở, sau đó bị lạc mất bản thảo trong kháng chiến chống Pháp. Sau khi hoà bình lập lại (1954), Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn “Vợ nhặt”.

+ Tác phẩm được in trong tập “Con chó xấu xí” (1962).

- **Nội dung:** Truyện viết về bối cảnh nạn đói năm 1945. Câu chuyện xoay quanh một gia đình nghèo với nhân vật anh cu Tràng, bà cụ Tứ, nhân vật “thị”. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai.

- Nhan đề:

+ “Vợ nhặt” là một nhan đề độc đáo, phù hợp với tình huống truyện. Kim Lân đã kết hợp hai khái niệm trái ngược nhau: Chuyện lấy chồng gả vợ - chuyện hệ trọng của đời người - với việc “nhặt nhạnh, lượm lặt” được một cách tình cờ, vu vơ...

+ Qua nghịch lí ấy, người đọc sẽ cảm thấy tò mò bởi nhan đề và đặc biệt còn cảm thấy xót xa cho thân phận con người, nhưng cũng từ đó xúc động vì tình người mà những người nông dân dành cho nhau trong hoàn cảnh khốn cùng; xúc động vì vẻ đẹp tâm hồn, vì khát khao yêu thương và trân trọng hạnh phúc của họ

MỐI LIÊN HỆ:

1. Nạn đói – Khổ đau tận cùng của con người, đến việc ma chay, cưới hỏi là việc quan trọng vậy mà phải dùng từ “nhặt” là việc tạm bợ, vô thức, không có giá trị trân trọng → Nỗi khổ của con người trong nạn đói

2. Đồng cảm, xót xa cho số phận con người

3. Xúc động và trân trọng vẻ đẹp tâm hồn, khát khao tin tưởng sống của những con người trong nạn đói

b. Tình huống truyện

- Tình huống là yếu tố làm nảy sinh ra truyện; là thành phần cốt lõi để từ đó các sự việc, chi tiết trong truyện được phát triển; bản chất của tình huống là nhằm nảy sinh những mâu thuẫn và cách nhà văn hướng tới giải quyết tình huống chính là giải quyết những mâu thuẫn

- Tình huống trong truyện: Anh cu Tràng xấu xí, thô kệch, nghèo xơ xác, lại là dân ngụ cư không ai thèm lấy, trong thảm cảnh đói khát đang hoành hành dữ dội, bỗng nhiên “nhặt” được vợ một cách thật dễ dàng, nhanh chóng, ở giữa chợ chỉ nhờ “bốn bát bánh đúc” đã gây nên sự ngạc nhiên, thương cảm đến xót xa trong lòng người đọc

- Tình huống nhìn bề ngoài tưởng như đơn giản nhưng lại chứa đầy những mâu thuẫn, xung đột gay gắt hiếm có bên trong. Tình huống bi thảm cười ra nước mắt; vừa lạ, vừa hết sức éo le, độc đáo; vừa thấm đẫm tình người vừa hấp dẫn, lôi cuốn người đọc

- Đó là sự kết hợp nghịch lí đến mức vô lí : giữa một đám cưới//với một nạn đói khủng khiếp; một sự kiện trọng đại của đời người// với một hành động “nhặt” rất giản đơn; một niềm vui hạnh phúc lứa đôi// với một tai hoạ khủng khiếp của dân tộc.

	<p>Khiến người đọc tự đặt ra câu hỏi: Liệu có hạnh phúc nào được đặt trên nền của đói khát, tai hoạ?</p> <p>Ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phản ánh số phận rẻ rúng, bọt bèo của con người trong nạn đói năm 1945 Gián tiếp lên án tội ác của thực dân, của phát xít và tầng lớp phong kiến đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 khiến số phận con người bọt bèo như cỏ rác Ca ngợi sự đùm bọc, chở che, đạo lí, tình cảm yêu thương của con người với con người trong nạn đói “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”. Tình cảm ấy được thể hiện rõ qua thái độ của Tràng và bà cụ Tứ với cô vợ nhặt Thể hiện thái độ của nhà văn Kim Lân: trân trọng trước niềm khát khao sống và khát khao hạnh phúc của con người trong nạn đói. Dù trong hoàn cảnh bi thảm đến đâu, con người vẫn hướng về sự sống, hướng về ánh sáng, vẫn tin tưởng, lạc quan, hi vọng vào tương lai <p>c. Trật tự kể và bố cục</p> <p>Trật tự kể theo trình tự thời gian, có thể chia làm hai phần để thấy được sự thay đổi của các nhân vật</p> <ol style="list-style-type: none"> Từ đầu đến “u thương quá...”: Tràng nhặt vợ và thị theo Tràng về nhà ra mắt Còn lại: Sự thay đổi của các nhân vật vào buổi sáng ngày hôm sau.
--	---

*Khám phá văn bản

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn để:

- Học sinh phân tích sự thay đổi của các nhân vật từ khía cạnh điểm nhìn, lời kể và giọng điệu
- Học sinh nêu chủ đề và đánh giá giá trị tư tưởng của tác phẩm
- Học sinh viết được đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ về một thông điệp ý nghĩa trong văn bản

b. Nội dung thực hiện:

GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn, thực hiện phiếu học tập, thảo luận nhóm

c. Sản phẩm

- Phiếu học tập nhóm
- Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
<p>2.2 Hình tượng nhân vật qua điểm nhìn, lời kể và giọng điệu</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chia lớp thành các nhóm (đôi hoặc nhóm lớn) hoàn thành phiếu học tập hoặc thực hiện sơ đồ tư duy theo câu hỏi gợi dẫn để tìm hiểu nhân vật qua trật tự kể và qua lời người kể chuyện</p> <p>*Qua trật tự kể: Trước và Sau khi Tràng nhặt vợ</p> <p>+ Trước khi nhặt vợ Tràng là người thế nào? (Lưu ý về ngoại hình, hoàn cảnh sống).</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Hình tượng các nhân vật qua điểm nhìn, lời kể và giọng điệu</p> <p>a. Sự thay đổi của các nhân vật theo trình tự của câu chuyện NHÂN VẬT TRÀNG</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Trước</th><th>Sau</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td> <p>Nghèo khổ, xấu xí, thô kệch, sống với một người mẹ già nua. Không thể lấy được vợ.</p> <p>=> Tràng điển hình cho số phận bi thảm của người nông dân dưới chế độ cũ.</p> </td><td> <p>- Bần khổ, lo lắng</p> <p>- Tràng như đổi khác: Biết yêu thương, trọng nghĩa tình; có ý thức trách nhiệm; cảm nhận và hạnh phúc trước cuộc sống mới trong ngôi nhà của mình; khát khao hạnh phúc; có niềm tin hướng đến một tương lai tươi sáng.</p> </td></tr> </tbody> </table> <p>NHÂN VẬT CÔ VỢ NHẬT</p>	Trước	Sau	<p>Nghèo khổ, xấu xí, thô kệch, sống với một người mẹ già nua. Không thể lấy được vợ.</p> <p>=> Tràng điển hình cho số phận bi thảm của người nông dân dưới chế độ cũ.</p>	<p>- Bần khổ, lo lắng</p> <p>- Tràng như đổi khác: Biết yêu thương, trọng nghĩa tình; có ý thức trách nhiệm; cảm nhận và hạnh phúc trước cuộc sống mới trong ngôi nhà của mình; khát khao hạnh phúc; có niềm tin hướng đến một tương lai tươi sáng.</p>
Trước	Sau				
<p>Nghèo khổ, xấu xí, thô kệch, sống với một người mẹ già nua. Không thể lấy được vợ.</p> <p>=> Tràng điển hình cho số phận bi thảm của người nông dân dưới chế độ cũ.</p>	<p>- Bần khổ, lo lắng</p> <p>- Tràng như đổi khác: Biết yêu thương, trọng nghĩa tình; có ý thức trách nhiệm; cảm nhận và hạnh phúc trước cuộc sống mới trong ngôi nhà của mình; khát khao hạnh phúc; có niềm tin hướng đến một tương lai tươi sáng.</p>				

Sau khi nhật vợ Tràng đã có những thay đổi ra sao?

+ Trước khi theo Tràng về nhà, cô vợ nhật hiện lên với ngoại hình ra sao? Hành động có gì đáng chú ý? Sau khi theo Tràng về nhà cô vợ nhật hiện lên là người như thế nào?

+ Trước khi Tràng đưa vợ về bà cụ Tứ là người mẹ ra sao? Sau khi con trai giới thiệu người vợ và chấp nhận có con dâu mới, bà cụ Tứ có những suy nghĩ và tâm trạng gì?

***Qua lời người kể chuyện: Lời kể, điểm nhìn và giọng điệu**

+ Người kể chuyện thể hiện sự thay đổi của Tràng vào sáng hôm sau bằng lời kể thế nào? Điểm nhìn từ đâu? Giọng điệu có gì đặc biệt?

+ Người kể chuyện thể hiện sự thay đổi của cô vợ nhật vào sáng hôm sau bằng lời kể thế nào? Điểm nhìn từ đâu? Giọng điệu có gì đặc biệt?

+ Người kể chuyện thể hiện sự thay đổi của bà cụ Tứ vào sáng hôm sau bằng lời kể thế nào? Điểm nhìn từ đâu? Giọng điệu có gì đặc biệt?

+ **Qua đó, ta thấy được điều gì đáng chú ý trong cách kể chuyện của Kim Lân, cách nhìn nhận về con người trong nạn đói của tác giả có gì đặc biệt?**

Thời gian: 45ph

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc kĩ văn bản
- HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Trước	Sau
- Một thân phận người khổ đau, bất hạnh: Không tên tuổi, không quê quán; Xộc xệch về nhân hình, nhân tính hề quen biết, chị ta lập tức bám theo, liều lĩnh đến mức đáng sợ.	- Một con người giàu khát vọng sống; biết đón nhận và quý trọng tình yêu thương; tìm thấy niềm vui hạnh phúc bên gia đình; đôn hậu, dịu dàng trở lại; thổi một luồng sinh khí mới vào cuộc sống gia đình và thắp sáng cho họ niềm tin, hi vọng vào một tương lai

NHÂN VẬT BÀ CỤ TỨ

Trước	Sau
- Là dân ngụ cư; gia đình nghèo khó. - Già nua, ốm yếu nhưng vẫn nặng gánh mưu sinh. “lọng khọng đi vào ngõ, vừa đi vừa lăm bắm tính toán gì trong miệng”, khuôn mặt thì búng beo u ám như vỏ quả chanh.	- Khi biết Tràng có vợ: ngạc nhiên, tâm trạng vừa đau đớn, tủi cực, xót xa xen lẫn vui mừng - Sau khi Tràng có vợ: Khuôn mặt rạng rỡ hẳn lên, cùng con dâu dọn dẹp nhà cửa, dặn dò các con và có niềm tin vào tương lai, dự cảm đổi đời.

b. Sự thay đổi của các nhân vật qua lời kể của người kể chuyện (điểm nhìn, lời kể và giọng điệu)

* Điểm nhìn	Tràng	thị	Bà cụ Tứ
Trước	Bên ngoài (Hình dáng, tính cách, lời nói ngôn ngữ và hoàn cảnh sống)	Bên ngoài (Hình dạng, tính cách, cách nói chuyện)	Bên ngoài (lời nói) và Bên trong (suy nghĩ, cảm xúc dành cho đứa con)
Sau	Bên trong – kết hợp bên ngoài (Suy nghĩ, cảm xúc tâm trạng, lời nói với cô vợ và người mẹ, suy nghĩ và cảm xúc vào buổi sáng ngày hôm sau)	Bên ngoài kết hợp (Hành động, nét mặt, biểu hiện qua những chi tiết nhỏ trên gương mặt)	Bên ngoài (Lời nói và hành động)
Điểm nhìn toàn tri			

Lời kể	Tràng	thị	Bà cụ Tứ
	- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Hắn nghĩ bụng: “Quái sao nó lại buồn thế nhỉ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ”) - Lời độc thoại	- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng	- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	nội tâm (Người ta có gặp bước khó.... có vợ được)	thở dài)	là dâu là con trong nhà rồi)
	<div><div>* Giọng điệu</div><div>- Mộc mạc, giản dị. Ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, nhưng có sự chặt chẽ logic, có sức gợi đáng kể - Diễn tả chân thật từng ánh mắt, cử chỉ và nội tâm của nhân vật</div></div>		

2.3 Chủ đề và tư tưởng

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn HS có thể làm nhóm và cùng suy ngẫm theo kĩ thuật **KHĂN TRÁI BÀN**:
Hãy nêu chủ đề và đánh giá tư tưởng của tác phẩm.
Thời gian: 10ph
Chia sẻ: 10ph

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc kĩ văn bản
- HS suy ngẫm các câu hỏi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Đánh giá kết quả nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

2. Đề tài, chủ đề và tư tưởng

* **Đề tài:** Người nông dân

* **Chủ đề**

- Phản ánh thành công hình ảnh nông thôn Việt Nam trong nạn đói 1945. Không khí nạn đói như đang bao trùm khắp mọi nơi, được thể hiện qua những hình ảnh như
- Thương cảm cho số phận của con người bèo bọt như cỏ rác
- Anh Tràng đứng trước tình cảnh ế vợ vậy mà lại có thể nhất được vợ một cách dễ dàng chỉ với một câu đùa vu vợ và bốn bát bánh đúc
- Thái độ xót xa của nhà văn thể hiện rõ nhất qua cách nhà văn miêu tả về hình ảnh , về số phận của người đàn bà không tên
- Số phận tiêu biểu cho biết bao số phận của con người trong nạn đói: không tên, không quê

* **Tư tưởng**

- Cái đói, cái chết lại càng khiến con người lao động ngời lên những phẩm chất tốt đẹp.
- Lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương vị tha, niềm khát khao sống, khát khao hạnh phúc và niềm tin mãnh liệt vào một tương lai

2.3 Chủ đề và tư tưởng

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn HS có thể làm nhóm và cùng suy ngẫm theo kỹ thuật **KHAN TRAI BÀN**: Hãy nêu chủ đề và đánh giá tư tưởng của tác phẩm.

Thời gian: 10ph

Chia sẻ: 10ph

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc kỹ văn bản

- HS suy ngẫm các câu hỏi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Đánh giá kết quả nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

2. Đề tài, chủ đề và tư tưởng

*** Đề tài:** Người nông dân

*** Chủ đề**

- Phản ánh thành công hình ảnh nông thôn Việt Nam trong nạn đói 1945. Không khí nạn đói như đang bao trùm khắp mọi nơi, được thể hiện qua những hình ảnh như

- Thương cảm cho số phận của con người bèo bọt như cỏ rác

- Anh Tràng đứng trước tình cảnh ế vợ vậy mà lại có thể nhạt được vợ một cách dễ dàng chỉ với một câu đùa vu vợ và bốn bát bánh đúc

- Thái độ xót xa của nhà văn thể hiện rõ nhất qua cách nhà văn miêu tả về hình ảnh, về số phận của người đàn bà không tên

- Số phận tiêu biểu cho biết bao số phận của con người trong nạn đói: không tên, không quê

*** Tư tưởng**

- Cái đói, cái chết lại càng khiến con người lao động ngời lên những phẩm chất tốt đẹp.

- Lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương vị tha, niềm khát khao sống, khát khao hạnh phúc và niềm tin mãnh liệt vào một tương lai

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về bài cáo, HS viết kết nối với đọc

b. Nội dung thực hiện

Học sinh thực hành viết kết nối với đọc theo đề bài

c. Sản phẩm

Bài làm của HS: đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn vợ nhặt Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p>	<p>Bài làm tham khảo Truyện ngắn “Vợ nhặt” của nhà văn Kim Lân là một bài học về tình yêu thương giữa người với người đối với mỗi chúng ta. Tình yêu thương có vô vàn hình trạng, nó như một viên đá ngũ sắc lung linh. Tuy nó vô hình nhưng lại hữu hình, luôn xuất hiện vào cuộc sống hằng ngày. Tình yêu thương giống như một chiếc túi khổng lồ mà nhân loại không định nghĩa được. Nó trừu tượng đến mức khó hiểu. Nhìn đứa trẻ mồ côi nằm ở hàng ghế đá, nhìn cụ già đang mon men đi xin ăn, nhìn người dân miền trung đang chịu những cơn bão, người thì bị chết, gia đình li tán, của cải mất mát.....chúng ta cảm thấy sao xót xa, sao đau lòng quá. Tình yêu thương chính là sự lo lắng cho người với người, dù chưa từng gặp mặt, dù chỉ là sự lướt quá, nhưng trái tim con người là thế, tình yêu thương là vô tận. Và rồi, vì yêu vì thương chúng ta sẵn</p>

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt ý theo bài làm của HS	sàng giúp đỡ, bỏ tâm huyết chăm lo xây dựng các nhà tình thương tình nghĩa, để bao bọc các em nhỏ mồ côi, để cho các cụ già neo đơn có một mái nhà, để những người tàn tật, những trẻ em bị mắc bệnh hiểm nghèo có thể được chữa trị,... Dù là âm thầm giúp đỡ, hay công khai giúp đỡ, họ đều không cần mọi người biết đến, không cần mọi người tuyên dương, ghi danh. Chỉ cần nơi nào có tình yêu thương, nơi ấy thật ấm áp, và hạnh phúc. (Vietjack.com)
--	---

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ về tình thần lạc quan, ý chí tin tưởng vào tương lai và vượt qua khó khăn trong cuộc sống; hoặc chủ đề về tình yêu thương con người,...

b. Nội dung thực hiện:

GV đưa vấn đề: Có thể xem truyện ngắn Vợ nhặt là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói hay không? Hãy nêu và phân tích quan điểm của em về điều này? Tìm một ví dụ khác về sự lạc quan tin tưởng trong cuộc sống ngay cả trong hoàn cảnh khổ đau.

c. Sản phẩm

- Bài viết sáng tạo, trình chiếu của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đưa vấn đề: Có thể xem truyện ngắn Vợ nhặt là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói hay không? Hãy nêu và phân tích quan điểm của em về điều này? Tìm một ví dụ khác về sự lạc quan tin tưởng trong cuộc sống ngay cả trong hoàn cảnh khổ đau. Thời gian: 15ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV sử dụng linh hoạt phần trả lời của HS Có thể tham khảo gợi ý sau: - Có thể xem truyện ngắn Vợ nhặt là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói bởi: - Câu chuyện trong truyện ngắn “Vợ nhặt” có motif giống với truyện cổ tích, đám cưới của Tràng với thị cũng được coi là đám cưới cổ tích. + Giữa cái cảnh đói kém, khi mà bản thân còn lo chưa xong nhưng vẫn ánh lên tình thương giữa người với người trong hoàn cảnh khốn cùng ấy. Tràng và bà cụ Tứ sẵn sàng đèo bồng thêm một người vợ nhặt, thị cũng sẵn sàng theo không Tràng về làm vợ. Khát vọng hạnh phúc gia đình lớn lao hơn những nhu cầu cuộc sống tầm thường. + Chuyện kết thúc bằng một chi tiết “sáng” mở ra một tương lai mới cho các nhân vật (hình ảnh phá kho thóc Nhật, đoàn người đi trên đê và lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới). - HS tìm thêm những tấm gương.

4. Củng cố

5. Hướng dẫn về nhà

Phụ lục 1. Phiếu học tập nhóm tìm hiểu nhân vật

Nhân vật	Trước	Sau
<i>Tràng</i>		
<i>Thị</i>		
<i>Bà cụ Tứ</i>		

Phụ lục 2. II. 1. b. Sự thay đổi của các nhân vật qua lời kể của người kể chuyện (điểm nhìn, lời kể và giọng điệu)

Người kể chuyện	Nhân vật Tràng	Nhân vật thị	Nhân vật bà cụ Tứ
Điểm nhìn	<p>*Trước khi nhật vợ: Bên ngoài (Hình dáng, tính cách, lời nói ngôn ngữ và hoàn cảnh sống)</p> <p>*Sau khi nhật vợ: Bên trong – kết hợp bên ngoài (Suy nghĩ, cảm xúc tâm trạng, lời nói với cô vợ và người mẹ, suy nghĩ và cảm xúc vào buổi sáng ngày hôm sau)</p>	<p>*Trước khi theo Tràng: Bên ngoài (Hình dáng, tính cách, cách nói chuyện)</p> <p>*Sau khi theo Tràng và buổi sáng ngày hôm sau: Bên ngoài (Hành động, nét mặt, biểu hiện qua những chi tiết nhỏ trên gương mặt)</p>	<p>*Khi Tràng vừa đi Thị về: Bên ngoài (lời nói) và Bên trong (suy nghĩ, cảm xúc dành cho đứa con)</p> <p>*Sáng ngày hôm sau: Bên ngoài (Lời nói và hành động)</p>
Lời kể	<p>- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Hắn nghĩ bụng: “<i>Quái sao nó lại buồn thế nhỉ?... Ở sao nó lại buồn thế nhỉ</i>”)</p> <p>- Lời độc thoại nội tâm (Người ta có gặp bước khó.... có vợ được)</p> <p>- Lời nhại (có khối cơm trắng mấy giò đấy),...</p>	<p>- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nên một tiếng thở dài)</p>	<p>- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi)</p>
Giọng điệu	<p>- Mộc mạc, giản dị. Ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, nhưng có sự chặt chẽ, có sức gợi đáng kể</p> <p>- Diễn tả chân thật từng ánh mắt, cử chỉ và nội tâm của nhân vật</p>		

Phụ lục 3. Rubric thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	<p>0 điểm</p> <p>Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả</p> <p>Sai lỗi chính tả</p>	<p>1 điểm</p> <p>Bài làm tương đối đầy đủ, chìn chu</p> <p>Trình bày cẩn thận</p> <p>Không có lỗi chính tả</p>	<p>2 điểm</p> <p>Bài làm tương đối đầy đủ, chìn chu</p> <p>Trình bày cẩn thận</p> <p>Không có lỗi chính tả</p> <p>Có sự sáng tạo</p>
Nội dung (6 điểm)	<p>1 - 3 điểm</p> <p>Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm</p> <p>Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn</p> <p>Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện</p>	<p>4 – 5 điểm</p> <p>Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn</p> <p>Trả lời đúng trọng tâm</p> <p>Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao</p>	<p>6 điểm</p> <p>Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn</p> <p>Trả lời đúng trọng tâm</p> <p>Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao</p> <p>Có sự sáng tạo</p>
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	<p>0 điểm</p> <p>Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ</p> <p>Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động</p>	<p>1 điểm</p> <p>Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất</p> <p>Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động</p>	<p>2 điểm</p> <p>Hoạt động gắn kết</p> <p>Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo</p> <p>Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động</p>
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Rubric chấm bài viết kết nối với đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	<p>1 điểm</p> <p>Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả</p> <p>Sai lỗi chính tả</p> <p>Sai kết cấu đoạn</p>	<p>2 điểm</p> <p>Bài làm tương đối đầy đủ, chìn chu</p> <p>Trình bày cẩn thận</p> <p>Chuẩn kết cấu đoạn</p> <p>Không có lỗi chính tả</p>	<p>3 điểm</p> <p>Bài làm tương đối đầy đủ, chìn chu</p> <p>Trình bày cẩn thận</p> <p>Chuẩn kết cấu đoạn</p> <p>Không có lỗi chính tả</p> <p>Có sự sáng tạo</p>
Nội dung (7 điểm)	<p>1 – 4 điểm</p> <p>Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện</p>	<p>5 – 6 điểm</p> <p>Nội dung đúng, đủ và trọng tâm</p> <p>Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao</p>	<p>7 điểm</p> <p>Nội dung đúng, đủ và trọng tâm</p> <p>Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao</p> <p>Có sự sáng tạo</p>
Điểm			
TỔNG			

Tiết - VĂN BẢN 2**CHÍ PHÈO**
(Nam Cao)**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức**

- Nêu được một số thông tin về tác giả, tác phẩm.
- Cảm nhận, phân tích được bản chất của cuộc đời nhân vật Chí Phèo
- Nhận biết và phân tích được giá trị nhân đạo, giá trị hiện thực trong tác phẩm.
- Xác định được ngôn ngữ trần thuật; điểm nhìn; chi tiết đặc sắc; diễn biến tâm lí của nhân vật.

2. Về năng lực

- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản truyện.
- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết đoạn văn kết nối với phần đọc.

3. Về phẩm chất

Học sinh biết đồng cảm với những số phận bất hạnh, trân trọng các nỗ lực giữ gìn nhân tính, phẩm giá khi con người đối diện với hoàn cảnh sống bi đát.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, bút màu, giấy A0...

2. Học liệu: SGK, SGV, phiếu học tập....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

- Tình huống truyện là gì?
- Xác định tình huống truyện trong tác phẩm “Vợ nhặt”?
- Tình huống truyện trong tác phẩm “Vợ nhặt” có ý nghĩa như thế nào?

3. Bài mới:**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: tạo tâm thế thoải mái, tích cực và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung:

- GV đặt câu hỏi về những từ mang tính chất châm biếm thể hiện sự cùng đau khổ của con người lại xuất hiện ở một người, bị áp đặt bởi những định kiến xã hội.
- HS theo dõi và đưa ra cách hiểu của mình

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ ? Em hãy ghi lại cách hiểu của em về những từ sau: - tha hóa - con quỷ - cô lập - mồ côi - bần cùng ? Nhận xét ý nghĩa chung của chúng B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh theo dõi và đưa ra cách hiểu của mình về các từ	Các từ ngữ đã cho mang tính chất châm biếm, thể hiện sự tột cùng đau khổ của con người lại xuất hiện ở một người, bị áp đặt bởi những định kiến xã hội.

ngữ đã cho

B3. Báo cáo thảo luận:

Học sinh trả lời cá nhân

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chốt ý và dẫn dắt vào bài

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: HS nêu và nắm được một số thông tin về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm: Phiếu học tập HS đã hoàn thành

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên phát phiếu học tập về tác giả, tác phẩm</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nam Cao (1915 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân; Xuất thân trong một gia đình công giáo bậc trung. - Trước CMT8: làm nhiều nghề để kiếm sống: dạy trường tư, làm gia sư, viết văn,...Đề tài: xoay quanh đời sống cơ cực của người nông dân và các bi kịch của tầng lớp trí thức nghèo ở thành thị. - Sau CM: tích cực tham gia các hoạt động báo chí, văn nghệ phục vụ cuộc sống mới,... - Quan điểm nghệ thuật: nghệ thuật vị nhân sinh, sống đã rồi hãy viết. - Tác phẩm chính: SGK (tr34) -> Là nhà văn hiện thực tiêu biểu của VHVN TK XX. <p>2. Văn bản</p> <p>a. Bối cảnh và hoàn cảnh ra đời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh: nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Xây dựng dựa trên một số nguyên mẫu tại làng Đại Hoàng. <p>b. Nhan đề: Tác phẩm ban đầu được Nam Cao đặt tên là <i>Cái lò gạch cũ</i>, khi ra mắt độc giả lần đầu, NXB tự đổi thành <i>Đôi lứa xứng đôi</i>. Sau này, khi in lại trong tập <i>Luống cày</i> Nam Cao đặt lại tên là <i>Chí Phèo</i>.</p>

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Xác định cốt truyện, trật tự kể chuyện và tác dụng của việc thay đổi trật tự kể
- Phân loại được điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu, nhận xét về tương quan, sự dịch chuyển giữa các điểm nhìn và chỉ ra những nét đặc sắc trong cách mở đầu.
- Phân tích diễn biến tâm trạng của Chí Phèo, thái độ của người kể đối với nhân vật
- Nhận xét về điểm nhìn và giọng điệu trần thuật ở đoạn kết và phân tích ý nghĩa cái chết của Chí Phèo
- Phân tích nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả

b. Nội dung:

- Hoàn thành phiếu học tập
- Trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập học sinh hoàn thành
- Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Cốt truyện và trật tự kể chuyện</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên phát phiếu học tập cung cấp các sự kiện liên quan đến cuộc đời của nhân vật Chí Phèo - Cuộc đời của nhân vật Chí Phèo được kể theo trật tự nào? Tác dụng? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS đọc văn bản, sắp xếp các sự kiện liên quan đến cuộc đời Chí Phèo theo trình tự thời gian; Trả lời câu hỏi</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ sản phẩm và báo cáo sản phẩm hoàn thiện.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Cốt truyện và trật tự kể chuyện</p> <p>a. Cốt truyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chí Phèo mồ côi sinh ra ở cái lò gạch cũ - Lớn lên, Chí làm thuê cho bá Kiến - Vợ bá Kiến dụ dỗ Chí, Bá Kiến ghen tuông đẩy Chí vào tù - Ra tù Chí thay đổi nhân hình, nhân tính - Chí gặp Thị Nở, nảy sinh tình cảm và khát khao làm người lương thiện - Bị Thị Nở từ chối, Chí Phèo chìm trong hơi rượu, kết liễu Bá Kiến và chính mình <p>b. Trật tự kể chuyện: Hiện tại -> Quá khứ -> Hiện tại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện tại: Khơi gợi tò mò, băn khoăn của người đọc về sự tồn tại của Chí Phèo; Khắc họa chân dung khác lạ của Chí Phèo - Quá khứ: Gợi dẫn về quá khứ; Lí giải vì sao có sự xuất hiện của một kẻ khác lạ như Chí? Hắn đã được sinh ra và trở thành người như hiện tại ra sao? - Hiện tại: Đặt ra câu hỏi: Liệu có con đường nào khác dành cho Chí Phèo của hiện tại và tương lai? Chí Phèo đã tìm lại cuộc đời mình như thế nào? <p>2. Đoạn mở đầu theo điểm nhìn trần thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm nhìn từ người kể chuyện: Tạo sự chú ý đối với người đọc; Tái hiện đậm nét chân dung của nhân vật - Điểm nhìn từ Chí Phèo: Chí bất lực khi không thay đổi được số phận, Chí rất đơn độc. - Điểm nhìn từ dân làng Vũ Đại: Sự chối bỏ của dân làng Vũ Đại đối với Chí Phèo, họ không còn coi Chí là một con người trong xã hội. <p>=> Đoạn mở đầu không có một điểm nhìn duy nhất bao trùm. Người kể chuyện không đứng hẳn về ý thức của nhân vật nào. Đây chính là biểu hiện của lối trần thuật đa thanh thể hiện được cái nhìn đa chiều của tác giả và nội tâm sâu sắc của nhân vật.</p> <p>3. Nhân vật Chí Phèo</p> <p>a. Trước khi ở tù, Chí là một nông dân lương thiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh xuất thân: mồ côi, lớn lên ở làng quê nghèo - Tính cách, phẩm chất: chăm chỉ làm ăn,
<p>Nhiệm vụ 2: Đoạn mở đầu theo điểm nhìn trần thuật</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>HS đọc đoạn mở đầu và thực hiện bảng theo điểm nhìn trần thuật và nhận xét</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Nhóm đôi – hoàn thành bảng trong thời gian 20 phút</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	

Nhiệm vụ 3: Nhân vật Chí Phèo**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Tìm những chi tiết miêu tả hình ảnh, suy nghĩ của Chí trong quá khứ trước khi đi tù trở về? (Hoàn cảnh, công việc, tính cách, ước mơ) – HS có thể vẽ hoặc tái hiện chân dung nhân vật

- Qua những chi tiết đó em có nhận xét gì về nhân vật Chí Phèo

- Đọc đoạn văn “Hồi ấy hẵn hai mươi ... chứ yêu đương gì” và cho biết lời và điểm nhìn của người kể chuyện thể hiện thái độ như thế nào đối với Chí Phèo?

- Phân tích phản ứng tâm lí và hành động của Chí Phèo sau khi bị thị Nở từ chối chung sống?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS trả lời các câu hỏi phát vấn (cá nhân)

B3. Báo cáo thảo luận

HS trả lời câu hỏi

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

ước mơ chân chính; Có lòng tự trọng cao

=> Chí Phèo có đủ điều kiện để sống cuộc sống yên bình như bao người khác.

b. Sau khi ra tù, Chí Phèo là con quỷ dữ của làng Vũ Đại

- Thay đổi về hình dạng (...)

- Thay đổi về nhân tính: du côn, du đàng, triển miên trong cơn say, đập đầu, chửi bới, phá phách và làm tay sai cho Bá Kiến.

- Nguyên nhân: Sự ghen tuông vô lí của Bá Kiến, chế độ nhà tù thực dân PK (trực tiếp); Những người nông dân cùng quần đằm chém, giành giật lẫn nhau. Bọn địa chủ cường hào như đàn cá tranh mồi (Sâu xa)

c. Cuộc gặp gỡ giữa Chí Phèo và Thị Nở

- Tình yêu thương mộc mạc, chân thành của Thị Nở- người đàn bà xấu như ma chê quỷ hờn, lại dờ hơi ấy đã đánh thức bản chất lương thiện của Chí Phèo.

- Chí Phèo đã thức tỉnh

+ Về nhận thức: Nhận biết được mọi âm thanh trong cuộc sống.

+ Nhận ra bi kịch trong cuộc đời của mình và sợ cô đơn, cô độc đối với Chí Phèo “*cô độc còn đáng sợ hơn đối rét và ốm đau*”.

+ Về ý thức: Chí Phèo thèm lương thiện và muốn làm hòa với mọi người.

- Hình ảnh bát cháo hành là hình ảnh độc đáo, chân thật và giàu ý nghĩa: Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng Chí được ăn trong tình yêu thương và hạnh phúc.

=> Chí Phèo đã hoàn toàn thức tỉnh, Chí đang đứng trước tình huống có lối thoát là con đường trở về với cuộc sống của một con người. Cái nhìn đầy chiều sâu nhân đạo của nhà văn.

d. Bị kích bị cự tuyệt

- Nguyên nhân:

+ Do bà cô Thị Nở không cho Thị lấy Chí Phèo → định kiến của xã hội.

+ Thị Nở từ chối Chí Phèo -> con đường trở thành người lương thiện bị cắt đứt.

- Diễn biến tâm trạng của Chí Phèo:

+ Lúc đầu: Chí ngạc nhiên trước thái độ của Thị Nở

+ Sau Chí hiểu ra mọi việc: ngăn người, nắm lấy tay Thị Nở, bị thị xô ngã, Chí thấy hơi cháo hành nhưng lại tuyệt vọng Chí uống rượu và khóc “*rưng rức*”, xách dao đến nhà Bá Kiến đâm chết Bá Kiến và tự sát.

- Ý nghĩa hành động đâm chết Bá Kiến và tự sát của Chí:

Nhiệm vụ 4: Đoạn kết truyện**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Nhận xét về điểm nhìn và giọng điệu trần thuật ở đoạn kết của truyện khi Chí Phèo tìm đến nhà bá Kiến lần cuối và phản ứng của dân làng Vũ Đại về cái chết của hai nhân vật. Phân tích ý nghĩa cái chết của Chí Phèo

- So sánh đoạn kết của hai truyện ngắn Chí Phèo và Vợ nhặt (bảng so sánh)

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Cá nhân thực hiện trả lời câu hỏi

- Nhóm đôi – hoàn thành bảng so sánh

B3. Báo cáo thảo luận

Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

Nhiệm vụ 5: Đặc sắc trong cách kể chuyện**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

HS chia nhóm và tổng hợp thông tin quá trình đọc và tìm hiểu văn bản và vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hóa đặc sắc trong cách kể chuyện của Nam Cao trên ba bình diện: người kể chuyện, điểm nhìn và lời trần thuật.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Cá nhân thực hiện trả lời câu hỏi

- Nhóm lớn - hoàn thành nội dung

B3. Báo cáo thảo luận

Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

+ Đâm chết Bá Kiến là hành động lấy máu rửa thù của người nông dân thức tỉnh về quyền sống.

+ Cái chết của Chí Phèo là cái chết của con người trong bi kịch đau đớn tột cùng trên ngưỡng cửa trở về cuộc sống làm người.

4. Đoạn kết truyện

- Giọng điệu: Tự nhiên, sinh động, sử dụng khẩu ngữ quần chúng một cách triệt để, mang hơi thở đời sống, giọng văn hoá đời sống. Ngôn ngữ kể chuyện vừa là ngôn ngữ của tác giả, vừa là ngôn ngữ của nhân vật, nhiều giọng điệu đan xen, tạo nên một thứ ngôn ngữ đa thanh đặc sắc.

- Cái chết cũng thể hiện lòng tin của tác giả vào bản chất lương thiện của người nông dân lao động sẽ mãi mãi không bao giờ mất đi.

- Cái chết của Chí Phèo là một cái kết đầy ám ảnh.

5. Đặc sắc trong cách kể chuyện

- Điểm nhìn: Điểm nhìn có sự thay đổi linh hoạt, luân phiên. điểm nhìn của người kể chuyện/ điểm nhìn của nhân vật; điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong

- Người kể chuyện: Người kể chuyện ở ngôi thứ ba, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật. Giọng điệu kể đa thanh.

- Lời trần thuật: Kể truyện linh hoạt tự nhiên phóng túng mà vẫn nhất quán, chặt chẽ, đảo lộn trình tự thời gian, mạch tự sự có những đoạn hồi tưởng, liên tưởng tạt ngang, tưởng như lỏng lẻo mà thực sự rất tự nhiên, hợp lý, hấp dẫn.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm vững những nét khái quát về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm

b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên nêu câu hỏi về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm	III. Tổng kết 1. Nội dung “Chí Phèo” tố cáo mạnh mẽ xã hội thuộc địa phong kiến tàn bạo đã cướp đi nhân
B2. Thực hiện nhiệm vụ:	

Học sinh suy nghĩ và hoàn thành câu trả lời cá nhân	hình lẫn nhân tính của người nông dân lương thiện đồng thời nhà văn phát hiện và khẳng định bản chất tốt đẹp của con người ngay cả khi họ đã biến thành quỷ dữ.
B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh trình bày cá nhân khi được GV đặt câu hỏi	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	2. Nghệ thuật - Xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo. - Ngôn ngữ giản dị, diễn đạt độc đáo. - Kết cấu truyện mới mẻ, tưởng như tự do nhưng lại rất chặt chẽ, lôgic. - Cốt truyện và các tình tiết hấp dẫn, biến hóa giàu kịch tính.

PHIẾU HỌC TẬP

PHT1.

1	Tác giả Nam Cao	- Những nét chính về cuộc đời: - Quan điểm sáng tác:
2	Tác phẩm <i>Chí Phèo</i>	- Xuất xứ: - Tên gọi:

PHT2. Nối cột A với cột B tương ứng với các sự kiện diễn ra trong cuộc đời của Chí Phèo

Cột A	Cột B
1	Vợ bá Kiến dụ dỗ Chí, Bá Kiến ghen tuông đẩy Chí vào tù
2	Bị Thị Nở từ chối, Chí Phèo chìm trong hơi rượu, kết liễu Bá Kiến và chính mình
3	Chí gặp Thị Nở, nảy sinh tình cảm và khát khao làm người lương thiện
4	Chí Phèo mồ côi sinh ra ở cái lò gạch cũ
5	Ra tù Chí thay đổi nhân hình, nhân tính
6	Lớn lên, Chí làm thuê cho bá Kiến

PHT3. Phân loại điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu theo các bình diện đã cho

Bình diện	Nội dung thể hiện
Điểm nhìn người kể chuyện (Điểm nhìn bên ngoài)	
Điểm nhìn Chí Phèo (điểm nhìn bên trong)	
Điểm nhìn dân làng Vũ Đại (Điểm nhìn bên ngoài)	
Nhận xét:	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về chi tiết bát cháo hành của thị Nở trong truyện ngắn Chí Phèo.

b. Nội dung:

Thực hành viết đoạn văn 150 chữ

c. Sản phẩm:

Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ	Đoạn văn mẫu: Cháo hành vốn là một món ăn bình thường, nếu không nói là xoàng xĩnh, lại được nấu bởi sự vụng về của người đàn bà thô kệch, xấu xí là Thị Nở thì lại càng tầm thường đến mức nào. Thế nhưng, đối với Chí Phèo, thứ vật chất tầm thường
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc	
B3. Báo cáo thảo luận	

<p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>ấy lại là một thứ lớn lao, đáng trân trọng. Bởi chính bát cháo hành đã khiến hân yêu và khao khát được yêu. Khơi dậy niềm khát vọng sống lên đến cực điểm của Chí lúc này. Bát cháo hành không còn là bát cháo thông thường mà trở thành bát cháo của tình thương người và thức tỉnh lương tri con người. Khi đón nhận bát cháo hành từ tay Thị Nở. Đầu tiên, hân ngạc nhiên. Ngạc nhiên vì lần đầu tiên được người ta cho ăn, ngạc nhiên vì có được sự quan tâm từ người khác, có được cái ăn mà không phải cướp bóc, dọa nạt. Rồi mất hân “ươn ướt”. Có gì đó như là chút ăn năn, hối hận trong lòng hân. Hân khóc vì nhận được tình thương từ người khác, khóc với niềm hi vọng cái tương lai cô độc kia sẽ không còn nữa, hân khóc vì hân tin rằng mình vẫn còn cơ hội để làm lại cuộc đời. Bát cháo như một động lực thúc đẩy những cảm xúc vốn đã chết lạng từ lâu trong Chí</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS đưa ra lời bào chữa cho Chí Phèo gắn với hình thức thể hiện cụ thể

b. Nội dung: HS mở cuộc hội thảo “**Lời bào chữa của Chí Phèo**”

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên giao nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và thực hiện

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh suy ngẫm và thực hiện hội thảo theo nhóm

B3. Báo cáo thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

4. Củng cố:

5. HDVN:

- Tìm đọc toàn bộ tác phẩm
- Tóm tắt nội dung tác phẩm bằng một trong các cách: dùng lời văn, dùng tranh vẽ, dùng sơ đồ
- Tìm đọc các tác phẩm cùng đề tài
- Chuẩn bị bài học tiếp theo: Thực hành tiếng Việt.

PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT... ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Phân biệt được các đặc điểm riêng của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, từ đó, biết sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết một cách hiệu quả tùy từng trường hợp giao tiếp cụ thể.
- Phân tích được ý nghĩa của việc tái tạo ngôn ngữ nói trong ngôn ngữ viết và ngược lại, việc “trích dẫn” ngôn ngữ viết trong ngôn ngữ nói.
- Nhận biết được các lỗi về phong cách trong các văn bản nói và viết cụ thể, đồng thời, chỉ ra được hướng khắc phục.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Năng lực đặc thù: năng lực sử dụng ngôn ngữ trong quá trình nói và viết

3. Về phẩm chất: Yêu quý, tự hào về ngôn ngữ dân tộc và có trách nhiệm gìn giữ, phát huy sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy chiếu, bảng, máy tính.

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo.
- HS: sách giáo khoa, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài.

b. Nội dung: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu hai ví dụ: 1 ví dụ về một cuộc trò chuyện thông thường hàng ngày, 1 ví dụ về một đoạn văn.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhận xét về ngôn ngữ của 2 ví dụ.

Đoạn văn 1: - Trong quá trình hội nhập quốc tế và hiện đại hóa thì tre ngày nay lại trở thành những sản phẩm văn hóa có giá trị thẩm mỹ cao được nhiều khách nước ngoài ưa thích,

như những mặt hàng dùng để trang trí ở những nơi sang trọng: đèn chụp bằng tre, đĩa đan bằng tre...

Đoạn văn 2:

A: Bác đan những cái đĩa, những cái đèn chụp, giỏ đựng đồ bằng tre ă?

B: Ủ! Đây là những vật dụng đan bằng tre để xuất khẩu châu ă! Người nước ngoài họ thích lắm, họ đặt hàng liên tục.

A: Thế ă! Tre nước mình trở thành sản phẩm tiêu dùng tốt quá bác nhỉ?

B: Ủ! Đây là hàng thủ công mỹ nghệ đặc biệt và an toàn đấy cháu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: thảo luận, ghi kết quả vào bảng phụ. GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh.

Bước 3: Báo cáo kết quả HS báo cáo kết quả thảo luận.

HS khác: nhận xét, bổ sung. GV: quan sát, hỗ trợ.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Ở đoạn văn 1: Người nói và người nghe tiếp xúc gián tiếp với nhau và sử dụng chữ viết làm phương tiện để trao đổi thông tin.

- Ở đoạn văn 2: Người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau và sử dụng ngôn ngữ âm thanh làm phương tiện để trao đổi thông tin.

GV dẫn vào bài mới: Từ xa xưa, loài người trao đổi ý nghĩ, tình cảm với nhau bằng ngôn ngữ nói. Sau này, khi sáng tạo ra chữ viết, người ta dùng chữ viết cùng với tiếng nói để thông tin với nhau. Chữ viết ra đời đánh dấu một bước phát triển mới trong lịch sử văn minh nhân loại, và từ đó chúng ta có hai loại phương tiện để trao đổi thông tin, đó là ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Tiết học hôm nay, cô sẽ hướng dẫn các em tìm hiểu đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nhận rõ đặc điểm, các mặt thuận lợi và hạn chế của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

b. Nội dung: HS sử dụng sách giáo khoa và vận dụng hiểu biết của bản thân tìm hiểu về đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Nội dung 1: Khái quát lý thuyết.

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần tri thức Ngữ văn, phần Nhận biết của bài học, kết hợp hiểu biết của mình trả lời các câu hỏi. - HS làm việc nhóm, lập bảng làm rõ sự khác biệt của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trên 4 phương diện: tình huống giao tiếp, phương tiện ngôn ngữ, phương tiện hỗ trợ, hệ thống các yếu tố ngôn ngữ. B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc sách, trả lời các câu hỏi - HS hoạt động nhóm B3. Báo cáo thảo luận - HS trả lời câu hỏi - Đại diện 1 nhóm trả lời, các nhóm khác góp ý, bổ sung.	I. Nhận biết ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết <i>Em hiểu thế nào là ngôn ngữ nói? Thế nào là ngôn ngữ viết?</i> - Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ âm thanh, là lời nói trong giao tiếp, ở đó người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau. - Ngôn ngữ viết: được thể hiện bằng chữ viết trong văn bản và được tiếp nhận bằng thị giác. <i>Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết được hình thành trong những tình huống giao tiếp khác nhau như thế nào?</i> - Ngôn ngữ nói: tình huống tiếp xúc trực tiếp. - Ngôn ngữ viết: không tiếp xúc trực tiếp <i>Điều gì quy định đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết?</i> - Mục đích và tình huống giao tiếp sẽ quyết định đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết <i>* Bảng so sánh sự khác biệt của ngôn ngữ nói và</i>

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên đánh giá kết quả, chốt kiến thức.	<i>ngôn ngữ viết.</i>		
	Phương diện	NGÔN NGỮ NÓI	NGÔN NGỮ VIẾT
	Tình huống giao tiếp.	- Tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trực tiếp, phản hồi tức khắc, có sự đổi vai. - Người nói ít có điều kiện lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ - Người nghe ít có điều kiện suy ngẫm, phân tích	- Không tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trong phạm vi rộng lớn, thời gian lâu dài, không đổi vai - Người giao tiếp phải biết các ký hiệu chữ viết, qui tắc chính tả, qui cách tổ chức VB. - Có điều kiện suy ngẫm, lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ
	Phương tiện ngôn ngữ	- Âm thanh	- Chữ viết
	Phương tiện hỗ trợ	- Ngữ điệu - Nét mặt, ánh mắt - Cử chỉ, điệu bộ	- Dấu câu - Hình ảnh minh họa - Sơ đồ, bảng biểu
	Hệ thống các yếu tố ngôn ngữ	- Từ ngữ: + Khẩu ngữ, từ ngữ địa phương, tiếng lóng, biệt ngữ + Trợ từ, thán từ, từ ngữ đưa đẩy, chêm xen. - Câu: Kết cấu linh hoạt (câu tỉnh lược, câu có yếu tố dư thừa...) - Văn bản: không chặt chẽ, mạch lạc.	- Từ ngữ: + được chọn lọc, gọt giũa + sử dụng từ ngữ phổ thông. - Câu: Câu chặt chẽ, mạch lạc: câu dài nhiều thành phần. - Văn bản: có kết cấu chặt chẽ, mạch lạc ở mức độ cao.

*** Nội dung 2: Bài tập nhận biết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm			
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Bài 1: HS hoạt động nhóm 5, vận dụng kết quả lập bảng ở trên để làm bài tập. (3 nhóm làm câu a, 3 nhóm làm câu b) - Bài 2: HS hoạt động cá nhân thực hiện yêu cầu. B2. Thực hiện nhiệm vụ:	Bài tập 1:			
	Phương diện	Bài 1 a	Bài 1b	Bài 2
	Tình huống giao tiếp.	- Nhân vật “hắn” và Thị nói chuyện trực tiếp - Phản hồi tức	- Nhân vật “cụ” và Chí Phèo nói chuyện trực tiếp - Phản hồi tức	- Không tiếp xúc trực tiếp, không đổi vai

HS đọc SGK, vận dụng kiến thức và làm bài. B3. Báo cáo thảo luận - Bài 1: 1 nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét bổ sung - Bài 2: 1 HS báo cáo. HS khác bổ sung, góp ý. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV đánh giá và chữa bài.		khắc, có sự đổi vai.	
	Phương tiện ngôn ngữ	- Âm thanh	- Âm thanh
	Phương tiện hỗ trợ	- Ngữ điệu đa dạng (căn cứ vào dấu câu) - Cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt: + Tràng: giương mắt nhìn, toét miệng cười, vỗ vỗ vào túi, cười + Thị: cong cớn, mắt sáng lên, đon đả, sà xuống ăn, cầm đầu ăn, cầm đũa quệt ngang miệng, thờ.	- Ngữ điệu: Bá Kiến thay đổi ngữ điệu liên tục, phù hợp với từng đối tượng và chiến lược giao tiếp. - Cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt: + Bá Kiến: lay và gọi cười nhạo, thân mật + Chí Phèo: lim dim mắt, rên lên, không nhúc nhích
	Hệ thống các yếu tố ngôn ngữ	- Khẩu ngữ: bỏ bố, đêch - Tiếng lóng: rích bố cu - Trợ từ, thán từ, từ ngữ đưa đẩy, chêm xen: này, chả, đấy, hờ, nhá, ừ, hà. - Câu tỉnh lược: Rích bố cu, hờ!; Ăn thật nhá! Ừ thì ăn sợ gì; Hà, ngon! Làm đêch gì có vợ!...	- Trợ từ, thán từ, từ ngữ đưa đẩy chêm xen: biết gì; cả, thôi chứ, như thế này, ời, thể, sao, nào, có cái gì, mang tiếng cả. - Câu tỉnh lược: Có gì mà xúm lại như thế này? Lại say rồi phải ko? Về bao giờ thế? Nào, đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã..... - Từ ngữ: + được chọn lọc, gọt giũa + sử dụng từ ngữ phổ thông. - Câu: Câu chặt chẽ, mạch lạc: câu dài nhiều thành phần. - Văn bản: có kết cấu chặt chẽ, mạch lạc ở mức độ cao.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Giúp học sinh vận dụng kiến thức ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết để làm những bài tập cụ thể.

b. Nội dung: HS làm các bài tập trong SGK

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	Bài tập luyện tập: Phân tích lỗi và chữa lại các câu dưới đây

<p>vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cá nhân, làm bài tập luyện tập <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS vận dụng kiến thức và làm bài.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi bài cho nhau, nhận xét, góp ý. - HS báo cáo. HS khác bổ sung, góp ý <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá và chữa bài. 	<p>cho phù hợp với ngôn ngữ viết.</p> <p>a) Trong thơ ca Việt Nam thì đã có nhiều bức tranh mùa thu đẹp hết ý.</p> <p>b) Còn như máy móc, thiết bị do nước ngoài đưa vào góp vốn thì không được kiểm soát, họ sẵn sàng khai uổng lên đến mức vô tội vạ.</p> <p>c) Cá, rùa, ba ba, ếch nhái, chim ở gần nước thì như cò, vạc, vịt, ngỗng... thì cả ốc, tôm, cua,... chúng chẳng chừa ai sắt.</p> <p>Hướng dẫn làm bài:</p> <p>a) Bỏ từ thì, hết ý. => Trong thơ ca Việt Nam, đã xuất hiện nhiều bức tranh mùa thu đẹp, thơ mộng.</p> <p>b) Bỏ từ như, vổng lên, vô tội vạ => Còn máy móc, thiết bị do nước ngoài đưa vào góp vốn thì không được kiểm soát. Họ sẵn sàng khai quá mức thực tế đến mức tùy tiện.</p> <p>c) Câu văn tôi nghĩ, bỏ từ sắt và viết lại câu => Từ cá, rùa, ba ba, ếch nhái hay những loài chim ở gần nước như cò vạc, vịt, ngỗng, thậm chí cả một số loài như ốc, tôm, cua, chúng đều vơ vét về làm thức ăn, không chừa bất cứ loài nào.</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng kiến thức ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết để làm những bài tập cụ thể.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập vận dụng

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.

GV: Cho HS đọc lại đoạn thơ sau:

“Người đi? Ừ nhỉ? Người đi thực

Mẹ thà coi như chiếc lá bay

Chị thà coi như là hạt bụi

Em thà coi như hơi rượu say”

(Trích: Tống Biệt Hành)

Yêu cầu HS đọc diễn cảm đoạn thơ. Em có nhận xét như thế nào về cách đọc của bạn? Hãy phân biệt giữa đọc và nói?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS: suy nghĩ, thảo luận, ghi vào bảng phụ. GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh.

Bước 3: Báo cáo kết quả HS mỗi nhóm cử đại diện, báo cáo kết quả thảo luận. GV quan sát, hỗ trợ.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.

Phân biệt nói và đọc: Giống: Cùng dùng âm thanh

Khác: + Nói: Phải có ngữ điệu, cử chỉ

+ Đọc: Phải lệ thuộc tuyệt đối vào văn bản, phải tận dụng ưu thế của ngữ điệu để làm toát lên nội dung.

5. HDVN

PHẦN VIẾT

TIẾT.....

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

(Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

1.1 Năng lực đặc thù

- **Học sinh giới thiệu** ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích).
- **Học sinh nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng** về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...).
- **Học sinh nêu được** nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ.
- **Học sinh khẳng định** giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.

1.2 Năng lực chung

Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...

2. Về phẩm chất: Tự rút ra được bài học trong cuộc sống và liên kết với các yếu tố số hóa, công dân toàn cầu,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Học liệu: Máy chiếu, bảng, dụng cụ, đồ dung khác.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: HS xem video phân tích và đánh giá một tác phẩm văn học và trả lời câu hỏi: Video thuyết trình về tác phẩm văn học nào? Người nói đã giới thiệu những phương diện nào của tác phẩm?

<https://www.youtube.com/watch?v=WSvQA7vqiWY&pp=ygUqdGh1eeG6v3QgdHLDrg5oIGdp4bubaSB0aGnhu4d1IHtDoWMgcGjhuqlt>

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv chiếu video và đặt câu hỏi gợi dẫn: Video thuyết trình về tác phẩm văn học nào? Người nói đã giới thiệu những phương diện nào của tác phẩm? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học	GV từ câu trả lời của hs dẫn vào bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: Hs biết được những yêu cầu chung của kiểu bài

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	Yêu cầu

Giáo viên yêu cầu HS đọc kĩ yêu cầu trong SGK và gạch chân từ khóa Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm - Nêu và phân tích cụ thể, rõ ràng về một số phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm - Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm - Khẳng định giá trị của tác phẩm
---	---

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS hiểu được tầm quan trọng của việc trình bày cụ thể về các khía cạnh trong nghệ thuật tự sự, tránh lối viết chung chung; học hỏi được cách triển khai luận điểm của người viết

b. Nội dung: HS sử dụng SKG, chốt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ văn bản mẫu trong SGK và trả lời câu hỏi theo nhóm đôi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành đọc và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	Văn bản: Một vài nét về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa. 1. Nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa có những phương diện đáng chú ý nào? Nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa có những phương diện đáng chú ý: - Tổ chức mạch truyện - Người kể chuyện - Lối trần thuật hướng nội - Thái độ của người kể với nhân vật - Lối trần thuật 2. Khi phân tích từng phương diện làm nên sức hấp dẫn của nghệ thuật tự sự trong Đời thừa, tác giả đã đi theo trình tự nào? Khi phân tích từng phương diện làm nên sức hấp dẫn của nghệ thuật tự sự trong Đời thừa, tác giả đã đi theo trình tự: - Miêu tả yếu tố đó. - Chỉ ra chức năng, vai trò của nó. - Thái độ của người kể chuyện với nhân vật. - Đánh giá hiệu quả nghệ thuật của nó. 3. Bạn có thể học hỏi được điều gì từ cách phân tích các phương diện của nghệ thuật tự sự trong Đời thừa? Điều gì ở bài viết chưa làm bạn thỏa mãn. - Học hỏi: Khi biết bài văn phân tích các phương diện của nghệ thuật tự sự cần phải nêu được giá trị của văn bản, chỉ ra phương diện nghệ thuật cần đánh giá. Mô tả và nêu vai trò chức năng của nó. Chỉ ra được thái độ của nhân vật và đánh giá hiệu quả nghệ thuật của nó. - Bài viết chưa đánh giá hiệu quả nghệ thuật

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: Học sinh giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích).

- Học sinh nêu được và **phân tích một cách cụ thể, rõ ràng** về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...).

- Học sinh nêu được nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ.

- Học sinh **khẳng định** giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị viết – tìm ý, lập dàn ý – trong khi viết – chỉnh sửa bài viết

- Học sinh thực hành lập dàn ý và viết bài

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV phát PHT và hướng dẫn HS làm phiếu B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt kt	PHIẾU VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN (Những đặc điểm trong cách kể chuyện của tác giả) ĐỀ BÀI: Viết một bài văn nghị luận phân tích những đặc điểm trong cách kể chuyện của tác giả trong một truyện ngắn mà em thích. Chuẩn bị viết 1. Tác phẩm truyện mà tôi chọn là tác phẩm nào? Của ai? 2. Cách kể chuyện của tác giả khiến tôi ấn tượng là gì? 3. Vì vậy, tôi sẽ lựa chọn vấn đề nghị luận, đó là.....

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập, HS hoàn thành phiếu đầy đủ các bước theo yêu cầu của SGK Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành hoàn thành phiếu Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	Tìm ý và lập dàn ý 1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm 2. Trong truyện ngắn có những đặc điểm kể chuyện nào đáng lưu ý: + Tổ chức mạch truyện, người kể chuyện và lối trần thuật hướng nội (sử dụng điểm nhìn bên trong, nương theo ý thức của nhân vật), thái độ của người kể chuyện với nhân vật và đặc điểm của lời trần thuật. + Từ ngữ, cấu trúc câu, các phương thức tổ chức điểm nhìn trần thuật, nhịp điệu trần thuật. + Cách xây dựng tình huống truyện ... 3. Hiệu quả của các phương thức, phương tiện

	<p>nghệ thuật đã giúp bộc lộ cảm quan về đời sống của nhà văn cũng như khơi gợi suy tưởng và hứng thú diễn giải ở người đọc như thế nào?</p> <p>4. Đánh giá giá trị của tác phẩm bạn đã chọn trên phương diện nghệ thuật Tác phẩm các vị trí như thế nào trong sự nghiệp của nghệ sĩ? Nó đã tạo nên đột phá gì trong cách biểu đạt đời sống, đem đến những ấn tượng, xúc động thẩm mỹ mới mẻ thế nào?</p> <p>* Lập dàn ý: HS sắp xếp các ý vừa tìm được vào bố cục 3 phần sao cho hợp lí</p>
--	---

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết theo rubric chấm</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	Bài viết của hs

Rubric đánh giá

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật bạn sẽ phân tích. Nêu khía cạnh trong nghệ thuật của tác phẩm mà bạn sẽ tập trung làm rõ.		
	Nêu được khái quát giá trị trong đặc sắc cách kể chuyện của tác phẩm		
Thân bài	Miêu tả yếu tố (Sử dụng các định nghĩa và kiến thức lí luận, đồng thời diễn giải yếu tố đó trong tác phẩm)		
	Chỉ ra chức năng của yếu tố đó và vai trò của nó trong tác phẩm		
	Đánh giá hiệu quả của yếu tố đó đối với tác phẩm		
	Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về tác phẩm		
Kết bài	Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện.		

	Nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Kết hợp các thao tác lập luận, lập luận chặt chẽ, hệ thống luận điểm mạch lạc.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh bàn luận về một vấn đề được người viết đề cập

b. Nội dung: HS hoàn thành bài viết và tiến hành kiểm tra đánh giá

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, đánh giá Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

4. củng cố:

5. HDVN:

PHẦN: NÓI VÀ NGHE

Tiết....

**THUYẾT TRÌNH VỀ NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN
TRONG MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Biết cách giới thiệu những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình.
- Nêu được các khía cạnh về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.
- Trình bày được những phát hiện cá nhân về giá trị của tác phẩm, thu hút sự quan tâm của người nghe về tác phẩm được chọn để thuyết trình.

2. Về năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề: thực hiện nhiệm vụ trước vấn đề được cung cấp.
- Năng lực thuyết trình: giới thiệu, đánh giá về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

3. Về phẩm chất: Bồi dưỡng khả năng lắng nghe và góp ý trên tinh thần cởi mở và xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, bút màu, giấy A0...

2. Học liệu: SGK, SGV, phiếu học tập....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái học mới và gợi dẫn cho sinh về nội dung

b. Nội dung: GV phát vấn: Theo em, cần chuẩn bị những gì để có một bài thuyết trình tốt?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời B3. Báo cáo thảo luận:	

Học sinh chia sẻ

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giáo viên dẫn dắt vào bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS chuẩn bị bài nói dựa vào nhiệm vụ đã phân công.

(Chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn trong SGK: Lưu ý: GV cho các nhóm đăng kí tác phẩm truyện trước để tránh trùng lặp)

b. Nội dung: Các thành viên trong nhóm sẽ thực hiện các nhiệm vụ gợi ý, hoàn thành sản phẩm trước ở nhà.

c. Sản phẩm: Video trình chiếu, bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm chuẩn bị nội dung, 1HS (MC) điều hành buổi trình bày nói- nghe.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ MC mời lần lượt các nhóm lên trình bày. Những nhóm còn lại lắng nghe theo dõi. Hs thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận MC mời lần lượt nhóm nghe phản hồi về bài thuyết trình của người nhóm nói. Nhóm nói có sự trao đổi lại với người nghe.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Người nói cần chú ý: - Sử dụng từ ngữ chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết, giúp người nghe dễ theo dõi - Sử dụng ngữ điệu, giọng điệu phù hợp - Kết hợp ngôn ngữ hình thể với các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh... Người nghe cần chú ý: - Tôn trọng quan điểm của người nói - Tinh thần cởi mở, góp ý tích cực. Có thể đưa ra các câu hỏi trao đổi, phản biện với các vấn đề người nói trình bày.</p>	

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập số 1: Chuẩn bị nội dung nói

Họ tên.....Nhóm.....Lớp.....

* Nhiệm vụ:

1. Chọn 1 tác phẩm truyện (Truyện ngắn/ tiểu thuyết) để lại ấn tượng về cách kể chuyện

Tên truyện:.....

2. Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật

- Tác giả:

- Hoàn cảnh ra đời:

- Vị trí của tác phẩm trong sự nghiệp của nhà văn/ trong lịch sử văn học:

3. Lựa chọn 1 đề tài yêu thích/ phù hợp về cách kể chuyện của tác phẩm truyện được chọn để triển khai thành các luận điểm

4. Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện

Phiếu học tập số 5: Phiếu đánh giá

Tên đề tài:.....

Người trình bày:.....

Người đánh giá:.....

Stt	Nội dung	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu các thông tin cần thiết về tác phẩm truyện được lựa chọn thuyết trình		
2	Chỉ ra và đánh giá được các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện		
3	Biết phối hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu/hình ảnh minh họa		
4	Tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe đối với tác phẩm		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu:

Người nói và người nghe đối thoại trên tinh thần cởi mở. Thực hiện đánh giá, tự đánh giá theo các tiêu chí.

b. Nội dung:

Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện cụ thể

c. Sản phẩm: Đánh giá bài thuyết trình.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Nhóm điều phối sẽ tổ chức nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Các suy nghĩ để đưa ra ý kiến, chia sẻ về các bài nói dựa trên phiếu đánh giá. B3. Báo cáo thảo luận Các nhóm góp ý, chia sẻ về các bài nói dựa trên phiếu đánh giá. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Sử dụng phiếu đánh giá	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để trình bày về một tác phẩm mới.

b. Nội dung: Giới thiệu những thông tin về tác phẩm truyện; Nêu cảm nhận về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.

c. Sản phẩm: HS thực hiện được bài thuyết trình giới thiệu, cảm nhận về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa ra tác phẩm (hoặc HS chọn tác phẩm mình muốn đọc).

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS tìm đọc ở nhà; Giới thiệu những thông tin về tác phẩm truyện đã đọc; Nêu cảm nhận về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện đó.

B3. Báo cáo thảo luận

Thực hiện trên lớp vào giờ sau.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Rút kinh nghiệm về kĩ năng đọc, tìm hiểu về tác phẩm truyện.

4. Củng cố:

5. HDVN:

Tiết: 11

TRẢ BÀI VIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hệ thống hóa những yêu cầu cần đạt của đề bài (kiểu bài, các phương diện độc đáo của tác phẩm truyện để bàn luận, xây dựng hệ thống luận điểm, yêu cầu về dùng từ, chính tả, câu...).
- Thể hiện được quan điểm cá nhân về vấn đề cần bàn luận

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo và tư duy để làm tốt các bài văn nghị luận văn học.
- Tự đánh giá những ưu - nhược điểm trong bài làm của mình.
- Năng lực tự chủ và tự học, có được những định hướng cần thiết để làm tốt hơn những bài viết sau.

3. Phẩm chất:

- Tự giác về sửa chữa lại bài.
- Ý thức nỗ lực vươn lên trong học tập.
- Chăm chỉ, vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống.
- Giáo dục lòng yêu văn học, yêu cái đẹp, sống tốt hơn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị

Bảng, phấn, máy chiếu.

2. Học liệu

- Đề, đáp án, giáo án trả bài của GV.
- Bài kiểm tra của HS.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế tiếp nhận cho HS, HS rút kinh nghiệm cho bài viết sau.

b. Nội dung: GV chữa bài, trả bài; HS đối chiếu đáp án với bài làm của bản thân.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV: - Chiếu 3 văn bản trích từ bài làm của HS: + 1 văn bản TB : mắc lỗi diễn đạt, chính tả/ chữ viết cẩu thả... + 1 văn bản viết khá : diễn đạt trong sáng, mạch lạc; ít mắc lỗi diễn đạt/ chính tả... + 1 VB viết tốt: lập luận rõ ràng, mạch lạc; diễn đạt sáng rõ; không mắc lỗi.. - Y.c HS đọc và so sánh để chỉ ra lỗi của văn bản : ưu – nhược của từng VB. - Lựa chọn VB tối ưu nhất . B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời B3. Báo cáo thảo luận:	- Đọc to VB và phân tích ưu – nhược của từng VB. - Lựa chọn VB: hay nhất.

Học sinh chia sẻ

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chuyển dẫn vào bài mới : Nguyên nhân nào dẫn đến các hạn chế trong bài viết của HS...?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS làm tốt các dạng câu hỏi đọc hiểu, viết đoạn văn nghị luận xã hội, rèn kỹ năng phân tích đề, lập dàn ý, lập ý, liên kết, sử dụng kết hợp các TTLL (phân tích, so sánh...) để viết bài nghị luận văn học.

b. Nội dung: HS chữa bài, phân tích đề, lập dàn ý; GV đưa ra đáp án.

c. Sản phẩm: Nội dung bài học, bài viết của HS đã được GV chữa, nhận xét, chấm điểm.

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS phân tích đề và Lập dàn ý</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu hs nhắc lại đề. GV chiếu đề lên ? Xác định yêu cầu của đề ở bài văn? ? Lập dàn ý?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gọi 1 – 2 HS nhận xét. GV bổ sung, chốt. Đáp án tiết viết bài</p> <p>Nhiệm vụ 2: Nhận xét, đánh giá chung</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nhận xét ưu - nhược điểm bài viết của mình.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>BIỂU ĐIỂM:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 9 - 10: Đáp ứng tốt các yêu cầu của đề, bố cục sáng rõ, văn viết mạch lạc, có cảm xúc, cảm nhận độc đáo, sâu sắc, sáng tạo. - Điểm 7- 8: Đáp ứng khá tốt các yêu cầu của đề, bố cục hợp lí, mắc một số lỗi về diễn đạt. - Điểm 5- 6: Đáp ứng 1/2 các yêu cầu của đề, mắc 1 số lỗi diễn đạt, viết câu. - Điểm 3 - 4: Chưa sát đề, mắc nhiều lỗi diễn đạt, viết câu. 	<p>I. Đề bài và đáp án biểu điểm Giáo án tiết kiểm tra...</p> <p>Đề bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lên bảng chữa bài. + Đọc hiểu + Đoạn văn + Bài văn <p>* Phân tích đề:</p> <p>1. Kiểu bài: Nghị luận về 1 tác phẩm truyện ngắn</p> <p>2. Nội dung:</p> <p>3. Phạm vi dẫn chứng, tư liệu: Kiến thức văn học.</p> <p>* Lập dàn ý: Giáo án tiết viết bài...</p> <p>II. Nhận xét chung</p> <p>1. Ưu điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng vấn đề nghị luận - Triển khai yêu cầu về nội dung của đề. - Chữ viết rõ ràng, diễn đạt trong sang, mạch lạc - Sáng tạo, liên hệ, mở rộng.... <p>2. Nhược điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 số bài chưa bám sát đề, chưa làm rõ được yêu cầu của đề. - Nội dung sơ sài. - Một số bài diễn đạt chưa lưu loát, mắc nhiều lỗi về diễn đạt, dùng từ, viết câu. - Chữ viết xấu - Có bài cả phần thân bài chỉ có 1 đoạn văn. <p>...</p> <p>.....</p>

- **Điểm 1- 2:** Chưa hiểu đề, bài làm sơ sài, hoặc lan man, kiến thức thiếu chắc chắn, diễn đạt hạn chế

- **Điểm 0:** Không làm bài, bỏ giấy trắng.

Nhiệm vụ 3: Trả bài, rút kinh nghiệm.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV trả bài cho HS.

GV yêu cầu:

? Em hãy đối chiếu với yêu cầu của đề, so sánh với dàn ý vừa lập để nhận ra ưu, khuyết điểm trong bài làm của bản thân.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Hs đọc bài và tự nhận xét bài làm.

GV gọi HS đọc 3 bài văn tiêu biểu.

B3. Báo cáo thảo luận

GV gọi HS đọc 3 bài văn tiêu biểu.

Gv yêu cầu các HS sinh trao đổi bài cho nhau để cùng học tập, rút kinh nghiệm.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV trả lời bản khoản của HS về bài làm của mình.

Gv đọc 1 số dẫn chứng HS mắc lỗi.

GV tổng kết kết quả bài viết của học sinh.

III. Trả bài và đọc bài.

1. Cho HS đọc 3 bài, cụ thể:

+ Một bài thuộc loại khá, giỏi:

+ Một bài thuộc loại trung bình:

+ Một bài thuộc loại yếu kém :

- Trao đổi bài cho bạn để cùng nhau rút kinh nghiệm.

2. Trao đổi bài .

3. Hướng dẫn chữa lỗi.

Xem lại những lỗi đã mắc mà cô giáo đã chỉ ra bằng mực đỏ.

IV. Bài viết tiêu biểu

- Bài viết tốt (8-9,10 điểm):

- Bài viết đạt yêu cầu (5-6-7 điểm):

- Bài viết yếu, kém (dưới 5):

V. Tổng kết kết quả

Thống kê			
Điểm giỏi:			
Điểm khá:			
Điểm TB:			
Điểm kém:			

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng những KT, KN đọc – hiểu; thực hành các lỗi trong bài viết của mình.

b. Nội dung: HS có thể làm chữa các lỗi trong bài kiểm tra của bản thân, khắc phục các lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả, viết câu, liên kết câu, đoạn văn.

c. Sản phẩm: Bài kiểm tra của HS đã được sửa các lỗi

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu đọc kĩ bài, lời nhận xét của GV. - Đối chiếu dàn ý, biểu điểm, đáp án. - Sửa những lỗi mắc cơ bản: + Lỗi diễn đạt, dùng từ (viết lại phần sai).	Thực hành. 1. Lỗi diễn đạt, dùng từ 2. Lỗi chính tả. 3. Lỗi viết câu. 4. Lỗi liên kết.

- + Lỗi chính tả.
- + Lỗi viết câu.
- + Lỗi liên kết.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày trước lớp phần đã sửa.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng những KT, KN mới tiếp nhận từ việc phân tích đề, lập dàn ý; KN đọc - hiểu để áp dụng vào các bài tập khác.

b. Nội dung: HS có thể làm các bài tập khác, khắc phục các lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả, viết câu, liên kết câu, đoạn văn.

c. Sản phẩm: Bài tập vận dụng của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động GV - HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv giao nhiệm vụ cho HS. 1. Phân tích 1 bài thơ bất kì/ 1 nhân vật trong tác phẩm truyện 2. Suy tầm đoạn văn/ bài văn hay để tham khảo: cách diễn đạt, dùng từ, đặt câu... B2. Thực hiện nhiệm vụ: B3. Báo cáo thảo luận B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv giao nhiệm vụ cho HS. 1. Phân tích 1 bài thơ bất kì/ 1 nhân vật trong tác phẩm truyện 2. Suy tầm đoạn văn/ bài văn hay để tham khảo: cách diễn đạt, dùng từ, đặt câu...	Vận dụng 1. Phân tích 1 bài thơ bất kì/ 1 nhân vật trong tác phẩm truyện 2. Suy tầm những đoạn văn hay viết về bức tranh thiên nhiên, c/s bài Cảnh ngày hè

4. Củng cố:**5. HDVN:**

Ngày soạn: 25/7/2023

BÀI 1:**CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ**

Thời gian thực hiện: 11 tiết

(Đọc: 06 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01 tiết, Trả bài viết: Viết văn bản nghị luận: 01 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG**1. Về kiến thức:**

Hiểu được kiến thức cơ bản về thể loại tự sự với các khái niệm câu chuyện, điểm nhìn cùng với các kiến thức đã được học ở bài 7- SGK Ngữ văn 10, tập hai (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba, cảm hứng chủ đạo và tình cảm, cảm xúc của người viết), làm rõ khái niệm qua hai tác phẩm *Vợ nhặt* và *Chí Phèo*.

2. Về năng lực:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả.

- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện, chú ý phân tích đặc điểm riêng trong cách kể của tác giả.

- Biết thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong tác phẩm truyện.

3. Về phẩm chất:

- Biết yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống.

- Thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người, đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn, trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 1,2,3 - VĂN BẢN 1: VỢ NHẶT

(03 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS hiểu được nội dung, bối cảnh của tác phẩm; hoàn cảnh, số phận, tính cách từng nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật; tư tưởng nhân văn cao đẹp của tác giả thể hiện ở quan niệm về các giá trị, văn hóa ứng xử, tình cảm của con người trong hoạn nạn.

- HS hiểu được câu chuyện ngôi thứ ba thể hiện ở mức độ thấu suốt diễn biến cũng như mọi thay đổi tình vi trong hành động, suy nghĩ của nhân vật; sự chuyển dịch linh hoạt điểm nhìn trong kể chuyện; khả năng chi phối cách nhìn nhận, đánh giá của người đọc về sự việc, nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.

2. Về năng lực:

- HS nhận biết được chủ đề và giá trị tư tưởng của tác phẩm.
- HS nhận biết và phân tích được đặc sắc của tình huống truyện, ý nghĩa của nó trong việc bộc lộ tính cách nhân vật, chủ đề tác phẩm.
- HS nhận biết và phân tích được những nét đáng chú ý trong cách người kể chuyện quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật thể hiện ở các khía cạnh: điểm nhìn, lời kể và giọng điệu.
- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố nổi bật của truyện ngắn hiện đại qua đọc tác phẩm

3. Về phẩm chất:

- HS biết trân trọng tình người, yêu thương con người, đoàn kết, cứu mang nhau để vượt qua nghịch cảnh.
- Sống luôn có ước mơ, khát vọng hạnh phúc, lạc quan và không bao giờ được từ bỏ cơ hội, cho dù đó là cơ hội nhỏ nhất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

a. Chuẩn bị của giáo viên

- KHBD, Bài giảng Power Point.
- Các tài liệu lí thuyết về truyện ngắn, tự sự học các bài nghiên cứu, phê bình về tác phẩm của Kim Lân. Một số sơ đồ về cốt truyện, nghệ thuật tổ chức điểm nhìn trong truyện ngắn *Vợ nhặt*.
- Phương tiện dạy học: Máy chiếu/Ti vi, máy tính kết nối mạng.
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh ở nhà.

b. Chuẩn bị của học sinh

SGK, sách Bài tập Ngữ văn 11, bài soạn theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

2. Học liệu: tranh ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ, bảng biểu, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh tiếp nhận câu chuyện qua một sự chia sẻ, cảm thông, yêu thương, đùm bọc nhau trong hoạn nạn của con người Việt Nam.

b. Nội dung:

- HS theo dõi video trên mạng xã hội YouTube do GV giới thiệu hoặc do HS chuẩn bị trước

- Vận dụng tri thức về cuộc sống và chính kiến của bản thân để trình bày vấn đề.

- HS biết độc lập suy nghĩ, làm chủ tình huống để có tư duy tiếp cận nội dung bài học.

- GV động viên khích lệ HS tự bộc lộ cảm xúc trước một vấn đề.

c. Sản phẩm: HS trao đổi suy nghĩ của mình

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS xem video về nạn đói năm 1945 và nêu cảm nhận của em.</p> <p>https://www.youtube.com/watch?v=9KdeaPq7Pac</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS xem video và suy ngẫm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>- HS chia sẻ quan điểm của mình</p> <p>- HS theo dõi, nhận xét và phản biện.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>- GV đánh giá.</p> <p>- Từ đó GV dẫn vào bài mới</p>	<p>* HS chia sẻ theo sự hiểu biết của mình sau khi đã tìm hiểu.</p> <p>* Những thước phim cho thấy hiện thực cảnh sinh tử trong nạn đói lịch sử 1945.</p> <p>* Phát biểu suy nghĩ về bối cảnh lịch sử, tình cảnh đói khát, tinh thần cộng đồng, ý thức cách mạng...</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: Nhận biết được những tri thức: Truyện ngắn hiện đại; câu chuyện và truyện kể; điểm nhìn trong truyện kể; lời người kể chuyện và lời nhân vật; ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

b. Nội dung:

- HS hoàn thành phiếu học tập ở nhà.
- GV tổ chức cho học sinh trình bày tại lớp
- HS tương tác, bổ sung vào hoàn thiện sản phẩm

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV cho học sinh trình bày nhanh tại lớp các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện ngắn hiện đại - Câu chuyện và truyện kể - Điểm nhìn trong truyện kể - Lời người kể chuyện và lời nhân vật - Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết <p>Lưu ý HS kết nối lớp 10 và lớp 11:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp 10: <ul style="list-style-type: none"> + Bài 1- Sức hấp dẫn của truyện kể: Truyện kể (tr.9), người kể chuyện(tr.10) + Bài 7- Quyền năng của người kể chuyện: người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba, có gắn với điểm nhìn. 	<p>* Tìm hiểu tri thức Ngữ văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Truyện ngắn hiện đại</i> là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh nét riêng của tư duy thể loại. Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế. - <i>Câu chuyện và truyện kể</i> + <i>Câu chuyện</i> (còn có thể gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian. + <i>Truyện kể</i> gắn liền với câu chuyện nhưng không đồng nhất: nó bao gồm các sự kiện được tổ chức theo mạch kể của văn bản tự sự, gắn liền với vai trò người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật. Chú ý đến truyện kể tức là chú ý đến diễn biến câu chuyện được kể như thế nào. - <i>Điểm nhìn trong truyện kể</i> + <i>Điểm nhìn</i> được hiểu là vị trí để quan sát, trần thuật đánh giá của người kể chuyện. + <i>Phân loại điểm nhìn trong tác phẩm tự sự</i>: điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật được kể; điểm nhìn bên ngoài (miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật không biết); điểm nhìn bên trong (kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức nhân vật); điểm nhìn không gian (nhìn xa - nhìn gần) và điểm nhìn thời gian (nhìn từ thời điểm hiện tại, miêu tả sự

<p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS dựa vào tri thức Ngữ văn ở SGK để hoàn thành phiếu học tập tại nhà - HS báo cáo kết quả theo hướng dẫn của GV <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lên trình bày kết quả làm việc cá nhân - Giáo viên tổ chức cho HS đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>GV bổ sung kiến thức như phần <i>Dự kiến sản phẩm</i></p>	<p>việc như nó đang diễn ra hay nhìn lại quá khứ, kể lại qua lăng kính hồi ức)...</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Lời người kể chuyện và lời nhân vật</i> + <i>Lời người kể chuyện</i> gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện. + <i>Lời nhân vật</i> là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật. - <i>Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết</i> + <i>Ngôn ngữ nói</i> (còn gọi là khẩu ngữ) là ngôn ngữ âm thanh, được tiếp nhận bằng thính giác. Ngôn ngữ nói gắn liền với hoạt động giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật như trò chuyện ở gia đình, nhà trường, nhà máy, công sở,...; phát biểu trong giờ học, cuộc họp, hội thảo; trao đổi khi mua bán ở chợ, siêu thị,... + <i>Ngôn ngữ viết</i> là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết, được dùng trong sách, báo, văn bản hành chính, thư từ,... Ngôn ngữ viết tồn tại trong các văn bản xuất hiện dưới nhiều hình thức vật thể khác nhau: văn bản viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi dành cho người khiếm thị,...
--	--

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN *VỢ NHẶT*

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được thông tin về tác giả Kim Lân.
- HS nhận biết được sự nghiệp sáng tác và hoàn cảnh ra đời truyện ngắn *Vợ nhặt*.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- HS dựa vào SGK và tìm hiểu qua Internet để nắm bắt được thông tin.
- GV hướng dẫn học sinh thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung

<p>1. Đọc</p> <p>2. Tác giả</p> <p>3. Tác phẩm</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc ở nhà, (<i>Sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để diễn đạt</i>), khi đến lớp thuyết trình ngắn gọn:</p> <p>+ Cuộc đời và đóng góp của nhà văn Kim Lân.</p> <p>+ Tác phẩm: Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS tham khảo SGK, nền tảng công nghệ số hoặc làm sơ đồ tư duy để thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>- Báo cáo kết quả học tập tại lớp. GV gọi 1-2 em trình bày sản phẩm (<i>Qua tivi/ máy chiếu/ giấy A0</i>).</p> <p>- GV tổ chức cho HS góp ý, nhận xét và bổ sung để hoàn thiện.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>- GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS.</p>	<p>1. Tác giả</p> <p>- Kim Lân (1920-2007) tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, quê Bắc Ninh.</p> <p>- Là cây bút chuyên viết truyện ngắn.</p> <p>- Thế giới nghệ thuật của ông chủ yếu tập trung ở khung cảnh nông thôn và hình tượng người nông dân. Ông am hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lý của những người nông dân nghèo, rất gần gũi với sinh hoạt của ông – những con người gắn bó tha thiết với quê hương và cách mạng.</p> <p>→ “<i>nhà văn một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy của cuộc sống nông thôn</i>” (Nguyễn Hồng).</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>- Bối cảnh: nạn đói năm Ất Dậu (1945).</p> <p>- Xuất xứ: Tiền thân là tiểu thuyết <i>Xóm ngụ cư</i> (viết ngay sau Cách mạng tháng Tám), mất bản thảo, còn dang dở. Sau đó tác giả viết lại thành truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i>.</p>
---	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- Nhận biết và phân tích được các yếu tố trong truyện ngắn hiện đại: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba, sự thay đổi điểm nhìn, sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.

- HS hiểu được sự kiện chính của tác giả lựa chọn để tạo dựng tình huống truyện.

- HS nhận biết vai trò người kể chuyện trong cách quan sát và miêu tả sự thay đổi của nhân vật (điểm nhìn, lời kể và giọng điệu).

- HS có khả năng nhận biết, phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát đặc điểm tính cách nhân vật.

b. Nội dung

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.

- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để tìm hiểu về tình huống truyện; vai trò người kể chuyện; nhân vật trong tác phẩm.

- GV hướng dẫn HS cách thức thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

** Đọc - hiểu khái quát*

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* Nhiệm vụ 1: Đọc và nêu cảm nhận chung</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc bài ở nhà. Em hãy chọn đọc một vài chi tiết, sự kiện trong truyện mà em yêu thích. HS chia sẻ vì sao em lại thích chi tiết, sự kiện đó?</p> <p>- GV nhắc HS chú ý những gợi ý, định hướng trong các thẻ chỉ dẫn bên phải văn bản.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc, nêu cảm nhận của cá nhân.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Gọi 2 – 3 em đọc và chia sẻ cảm nhận của mình.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Đọc hiểu khái quát văn bản</p> <p>a. Đọc</p> <p>- <i>Cách đọc:</i> Vừa chậm rãi, hóm hỉnh, hài hước vừa đồng cảm thiết tha; chú ý những câu thoại ngắn, lửng lơ cần đọc nhấn giọng để hiểu ý.</p> <p>HS nêu cảm nhận cá nhân</p> <p>- HS có thể chọn những chi tiết, sự kiện trong truyện khác nhau. Nêu cảm nhận khái quát về những chi tiết, sự kiện đó, lí giải được cơ bản về sự yêu thích của mình.</p>

<p>- GV căn cứ vào Dự kiến sản phẩm để nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.</p>	
<p>* <i>Nhiệm vụ 2: Xác định bố cục truyện</i></p> <p><i>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- Từ sự chuẩn bị bài ở nhà em hãy cho biết câu chuyện trong <i>Vợ nhặt</i> được kể theo trình tự nào, có thể chia thành mấy phần? Nêu khái quát nội dung từng phần?(GV lưu ý HS về một số dấu hiệu phân đoạn hiện diện trên bề mặt văn bản: dấu hoa thị, sự xen kẽ của một số đoạn tóm tắt phần bị lược trích, cần quan tâm đến các mốc thời gian trong câu chuyện được kể: <i>một buổi chiều giữa cái cảnh tối sầm lại vì đói khát...sáng hôm sau mặt trời lên bằng con sào</i></p> <p>- Theo mạch truyện kể và trình tự sự kiện, em thấy truyện ngắn tập trung miêu tả nhiều nhất nhân vật nào?</p> <p><i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>- HS sử dụng máy chiếu/ tivi/ giấy A0 để trình bày kết quả làm việc của mình.</p> <p>- HS nhận xét và bổ sung cho nhau.</p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>- HS trình bày. GV và HS theo dõi góp ý, bổ sung.</p> <p><i>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>- GV căn cứ vào Dự kiến sản phẩm để nhận xét, đánh giá kết quả làm</p>	<p><i>b. Bố cục</i></p> <p><i>- Theo diễn biến của câu chuyện:</i></p> <p>+ Đoạn 1 (Từ đầu đến hết phần tóm tắt đoạn tình lược thứ hai): Sự hiện diện bất ngờ của người “vợ nhặt” vào buổi chiều trong con mắt dân xóm ngụ cư.</p> <p>+ Đoạn 2 (Tiếp theo đến “đẩy xe bò về...”): Tràng nhớ lại cơ duyên gặp người “vợ nhặt”.</p> <p>+ Đoạn 3 (Tiếp theo đến hết phần tóm tắt đoạn tình lược thứ ba): Cuộc “chạm mặt” giữa nhân vật bà cụ Tứ với nàng dâu mới.</p> <p>+ Đoạn 4 (còn lại): Buổi sáng sau đêm tân hôn ở gia đình Tràng.</p> <p><i>- Theo mạch truyện kể:</i></p> <p>+ Truyện ngắn Vợ nhặt bắt đầu từ buổi chiều Tràng đưa người vợ nhặt về nhà mình.</p> <p>+ Sau đó Tràng hồi cố những gì xảy ra trước đó.</p> <p>-> Trình tự sự kiện trong mạch truyện kể cho thấy truyện tập trung miêu tả nhiều nhất những sự thay đổi trong tâm trạng và nhận thức của nhân vật Tràng</p>

việc của HS.

→ Chú ý:

- **Câu chuyện** được bắt đầu từ cuộc gặp gỡ tình cờ giữa Tràng và người phụ nữ sau này là vợ anh trong một lần Tràng đẩy xe thóc Liên đoàn lên tỉnh. Đến lần thứ hai, khi Tràng buông câu nói đẩy đưa bông đùa, người phụ nữ ấy đã quyết định theo Tràng về làm vợ- một quyết định liều lĩnh của hai người. Nhưng từ buổi chiều khi Tràng đưa vợ về ra mắt mẹ, cuộc sống của các nhân vật có những thay đổi quan trọng → Nhà văn đã tạo ra những chi tiết thắt nút, mở nút, sự luân phiên của những khoảnh khắc căng chùng khiến **truyện** có tiết tấu linh hoạt, hấp dẫn người đọc

*** Đọc hiểu chi tiết văn bản**

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nhan đề và tình huống truyện</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc thảo luận theo cặp đôi để thực hiện yêu cầu:</p> <p>+ Căn cứ vào nghĩa của từ em có suy nghĩ gì về ý nghĩa nhan đề <i>Vợ nhặt</i>.</p> <p>+ Xác định tình huống truyện trong <i>Vợ nhặt</i> được tác giả tạo ra. Lí giải về sự độc đáo và nêu ý nghĩa của tình huống đó.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>2 Đọc hiểu chi tiết văn bản</p> <p>2.1. Nhan đề và tình huống truyện</p> <p>a. Nhan đề</p> <p>- <i>Hiểu nghĩa của từ</i></p> <p>+ <i>Nhặt (động từ)</i>: hành động không chủ định, nhặt nhanh một thứ đồ vật nào đó bị rơi vãi, mang tính ngẫu nhiên, may rủi (trong kết hợp từ có thể được dùng như tính từ)</p> <p>+ <i>Vợ (danh từ)</i>: người bạn đời, người phụ nữ quan trọng trong cuộc sống người đàn ông</p> <p>-> <i>Vợ nhặt</i>: Con người (đáng lẽ cao quý) nhưng lại rẻ rúng như đồ vật, rơi vãi bên đường, dễ dàng nhặt được.</p>

- HS thực hiện thảo luận theo yêu cầu và ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV cho HS báo cáo kết quả làm việc cặp đôi để cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.

- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét đánh giá và bổ sung kết quả hoạt động của HS theo mục Sản phẩm.

GV bổ sung làm rõ đặc điểm của tình huống truyện: Sự kiện xảy ra trong truyện dẫn đến những đột biến trong câu chuyện, làm bộc lộ những nét bản chất của đời sống và của nhân vật *làm nổi hình nổi sắc nhân vật*, đồng thời thể hiện rõ tư tưởng nghệ thuật của nhà văn.

- *Ý nghĩa nhan đề*

+ Nhan đề “Vợ nhặt” thu tóm giá trị nội dung tư tưởng tác phẩm. Từ “nhặt” là động từ diễn tả sự rẻ rúng, tầm thường đi với những thứ lấy được cũng không ra gì. Thân phận con người bị rẻ rúng như cái rơm, cái rác, có thể “nhặt” ở bất kỳ đâu, bất kỳ lúc nào. Người ta hỏi vợ, cưới vợ, còn ở đây Tràng “nhặt” vợ. Đó thực chất là sự khốn cùng của hoàn cảnh, khiến người đọc vừa có thể phỏng đoán một tình huống khôi hài vừa liên hệ thân phận bé mọn, rẻ rúng của con người.

=> Nhan đề dự đoán được tình huống truyện, nhân vật chính, và các sắc thái tâm lí khác: thể hiện thảm cảnh của người dân trong nạn đói 1945 (Át Dậu), bộc lộ sự curu mang, đùm bọc và khát vọng, sức mạnh hướng tới cuộc sống, tổ ấm, niềm tin của con người trong cảnh khốn cùng.

b. Tình huống truyện

- Tình huống truyện: Tràng nhặt vợ trên phố chợ (ngoài tỉnh) nơi Tràng mưu sinh trong nạn đói 1945.

- Tình huống độc đáo

+ Lấy vợ, cưới xin, hôn nhân là những việc trọng đại nhất của đời người, cần có những nghi lễ trang nghiêm, sự chuẩn bị chu đáo, tỉ mỉ, cẩn trọng.

+ Nhặt vợ như nhặt nhạnh của rơi vãi, rẻ rúng.

→ Tràng- một chàng trai xấu, nghèo nghệch, là dân ngụ cư, gia cảnh nghèo khó bỗng *nhặt* vợ - chấp nhận một người phụ nữ tứ cố vô thân, mỗi ngày phải chống chọi với nguy cơ chết đói, theo mình về làm vợ giữa nạn đói.

- *Ý nghĩa*

+ Tình huống bất ngờ (nằm ngoài mọi tính toán từ trước của cả hai nhân vật), éo le (trong nạn đói, chuyện dựng vợ gả chồng là chuyện xa vời với những người dân nghèo phải chật vật xoay xở để sống sót qua ngày), tạo thành trung tâm cốt truyện, làm nền cho sự nảy nở những tình huống nhỏ, phụ

	<p>khác, góp phần hình thành tính cách nhân vật và thể hiện chủ đề truyện.</p> <p>+ Tình huống mang giá trị nhân đạo khi tỏa sáng vẻ đẹp của tình người và tính người trong hoàn cảnh bi đát. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào họ- những thân phận nghèo khổ vẫn yêu thương, bao dung, có tình thần lạc quan, có khát vọng sống và khát vọng hạnh phúc.</p> <p>→ Đặt trong tình huống truyện, theo trình tự câu chuyện - mỗi nhân vật đã có những thay đổi quan trọng từ diện mạo, tâm trạng, đến cách ứng xử.</p>
<p>* Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nhân vật truyện</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm (3 HS), phát <i>Phiếu học tập số 1</i> để học sinh thảo luận, thống nhất về nội dung/ HS có thể chọn cách trình bày sơ đồ tư duy và trình bày.</p> <p>* Nhân vật Tràng</p> <p>+ Xuất thân, lai lịch; Hành động “nhặt vợ”.</p> <p>+ Diễn biến tâm lí của Tràng sau quyết định nhặt vợ (<i>khi quyết định đưa thị về; trên đường về nhà; khi về đến nhà; sáng hôm sau tỉnh dậy</i>).</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 3 người, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đại diện nhóm lên trình bày</p>	<p>2.2. Hình tượng các nhân vật qua điểm nhìn, lời kể và giọng điệu</p> <p>a. Nhân vật Tràng</p> <p>* Trước khi nhặt vợ</p> <p>- Ngoại hình: vẻ ngoài xấu xí, thô kệch.</p> <p>(Đôi mắt gà gà nhỏ tí, quai hàm bạnh ra, mặt thô kệch, thân hình thì vạm vạp, to rộng, cái đầu trọc nhẵn, cái lưng to rộng lừng lững như con gấu. Ngoại hình của Tràng phản chiếu cả một sự tăm tối, hằn in dấu ấn của cuộc đời nghèo khổ, lam lũ)</p> <p>- Hoàn cảnh: nhà nghèo, thân phận dân ngụ cư bị coi thường, khinh rẻ; làm nghề kéo xe bò thuê.</p> <p>- Tính cách: ngờ nghệch, vụng về</p> <p>Ngôn ngữ khi suồng sã, lúc cộc lốc (“đấy, muốn ăn gì thì ăn”, “làm đếch gì có vợ”, khi lại lảm bảm một mình “quái, sao nó buồn thế nhỉ?” hay “Chán quá. Chẳng đâu vào đâu, tự nhiên cũng khóc”)</p> <p>* Sau khi nhặt vợ</p> <p>- <i>Khi ở chợ:</i></p> <p>+ Lúc đầu: nói đùa -> thành thật: “<i>có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về</i>” -> Khát vọng về mái nhà hạnh phúc, về tổ ấm gia đình.</p> <p>-> lo “<i>thóc gạo này...</i>” -> vì nghèo đói, vì sự đói nghèo lúc này biết có qua khỏi nạn đói không -> băn</p>

<p>sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS theo dõi, nhận xét và phản biện. - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá, bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm. 	<p>khoản về sự lựa chọn của một con người trước thử thách cuộc đời.</p> <p>+ Sau đó: tặc lưỡi “chậc, kệ!”: thể hiện bên ngoài là sự liều lĩnh, chấp nhận người đàn bà một cách không tính toán như bản tính nông nổi, ít suy nghĩ của Tràng -> Ẩn đằng sau đó là khao khát về tổ ấm gia đình, về hạnh phúc lứa đôi.</p> <p>- Trên đường về nhà:</p> <p>+ Mặt hân “Phởn phở khác thường”, “tủm tủm cười nụ một mình”, “hai mắt thì sáng lên lấp lánh”, bật cười khi bị trêu....</p> <p>-> hạnh phúc, mãn nguyện; sự xôn xao trong lòng anh nông dân nghèo khổ, làm thuê làm mướn lần đầu có được “niềm vui” chưa từng có.</p> <p>- Khi về đến nhà:</p> <p>+ Bước vào nhà Tràng vội dọn dẹp sơ qua, tự giải thích về cảnh bừa bộn áo quần đồ đạc... “không có người đàn bà, nhà cửa thế đấy!” -> Lời thanh minh rất ngượng, nhưng chân chất, mộc mạc và đáng yêu.</p> <p>+ Tiếp theo Tràng thấy ngượng, đứng sững sờ giữa nhà một lúc, cảm thấy sợ, không hiểu... trông ngóng mẹ về, sốt ruột mong mẹ về hơn bao giờ hết.</p> <p>+ Tràng sợ đối diện với vợ, băn khoăn, lo lắng vì sợ vợ mới đổi ý vì gia cảnh khốn khó của hân. Tràng còn pháp phởng sợ vì chưa xin phép mẹ, không biết bà cụ có đồng ý hay không... cho nên anh gắt với mình một cách vô cớ, tự hỏi sao mẹ về muộn “Sao hôm nay bà lão về muộn thế không biết!”.</p> <p>+ Tâm trạng Tràng xen lẫn lo lắng, băn khoăn và buồn “Quái sao nó lại buồn thế nhỉ?”. Phải chăng cái buồn cho số phận, hoàn cảnh trớ trêu, cái buồn ấy lướt qua để cái hạnh phúc “tủm tủm cười một mình” bởi món quà bất ngờ từ hoàn cảnh, hân ngạc nhiên, ngỡ ngàng như không phải thế. Câu hỏi “ra hân đã có vợ rồi đấy ư?” thể hiện chính hân cũng không tin đó là sự thật.</p> <p>+ Khi mẹ về, Tràng trình trọng mời mẹ vào nhà,</p>
--	---

trình bày ngắn gọn và mộc mạc câu chuyện lấy vợ đặc biệt của mình và cho rằng do duyên số cả, đây cũng là cách xin ý kiến mẹ. Khi được mẹ chấp nhận, thông cảm thì Tràng thở phào một cái, người nhẹ hẫng đi và bước ra sân.

- *Sau đêm tân hôn (sáng hôm sau):*

+ “Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra” -> hạnh phúc ngọt ngào, vừa mơ vừa thực

+ “thấy thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng”, “vui sướng, phấn chấn”, “hắn thấy có bốn phần lo lắng cho vợ con sau này”; hắn muốn góp phần tu sửa cho căn nhà...

-> Tràng tự thấy mình thay đổi, trưởng thành, ý thức được vị trí chủ nhà, biết sống trách nhiệm với mọi người, hắn sẽ tham gia xây dựng gia đình trong niềm vui sướng đột ngột tràn ngập trong lòng.

- Hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng trên đê Sộp (“Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới”) -> Nghĩ tới sự đổi thay, niềm tin vào tương lai, mơ hồ cảm thấy phải tham gia vào hành động chung của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Việt Minh để tự giải phóng.

* **Tiểu kết**

- **Điểm nhìn:**

+ Trước khi nhặt vợ: điểm nhìn bên ngoài (hình dáng, tính cách, lời nói ngôn ngữ và hoàn cảnh sống)

+ Sau khi nhặt vợ và buổi sáng hôm sau: điểm nhìn bên trong kết hợp bên ngoài (Suy nghĩ, cảm xúc tâm trạng, lời nói với cô vợ và người mẹ, suy nghĩ và cảm xúc vào buổi sáng ngày hôm sau).

- **Lời kể:** Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật, lời độc thoại nội tâm (“Quái sao nó lại buồn thế nhỉ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ”)

- **Giọng điệu:** mộc mạc, tự nhiên, gần gũi, có tính khẩu ngữ; có sự chất lọc kỹ lưỡng, có sức gợi.

	<p>- Theo trình tự câu chuyện, nhân vật có sự thay đổi: Từ ngờ nghếch, khó lấy vợ, Tràng như đổi khác. Tràng có những cảm giác mới mẻ, trỗi dậy tình nghĩa khi đi bên vợ, muốn sống cho nên người để lo cho gia đình, ý thức về sự đổi đời...</p> <p>=> Hạnh phúc gia đình thực sự đã đến với người đàn ông thô kệch, kém duyên, nghèo khổ giữa cơn đói khát năm 1945.</p> <p>Thông qua đó, tác giả thể hiện tinh thần lạc quan, niềm tin vào cuộc sống bởi cuộc sống không có đường cùng nếu con người biết ước mơ, biết chắt chiu cơ hội để tìm kiếm hạnh phúc.</p>
<p>* Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nhân vật (tiếp)- có thể định hướng cho HS tự chuẩn bị và trình bày với hai nhân vật bà cụ Tứ và người vợ nhặt nếu thời gian hữu hạn.</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và phát biểu cảm nhận của mình về nhân vật <i>người vợ nhặt</i></p> <p>* Nhân vật người vợ nhặt</p> <p>+ Xuất thân, lai lịch, biểu hiện.</p> <p>+ Diễn biến trở thành vợ Tràng (khát khao sinh tồn và tìm kiếm hạnh phúc).</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS lên trình bày sản phẩm, cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.</p>	<p>b. Nhân vật người vợ nhặt</p> <p>* Trước khi làm vợ nhặt</p> <p>- Thân phận: Thị là một cô gái không tên, không gia đình, quê hương, bị cái đói cướp đi tất cả, đẩy ra lề đường, rách rưới, gầy xẹp...</p> <p>-> Người đàn bà không tên (phiếm định) đại diện cho biết bao con người trong nạn đói có chung số phận nhỏ nhoi, tội nghiệp, đáng thương, những nạn nhân thê thảm của nạn đói.</p> <p>- Lời nói, cử chỉ:</p> <p>+ Cong cớn, sưng sứa, chao chát, chổng lòn (“<i>Điêu! Người thế mà điêu!</i>”; “<i>Hôm ấy leo lẻo cái mồm</i>”)</p> <p>+ “<i>cắm mắt ăn một chặp bốn bát bánh đúc chẳng chuyện trò gì</i>”.</p> <p>-> Cái đói đã làm thị trở nên chao chát, đánh đá, liều lĩnh, đánh mất sĩ diện, sự e thẹn, bản chất dịu dàng, chấp nhận làm “vợ nhặt”. Tuy nhiên trong sâu thẳm con người, cô vẫn khao khát một mái ấm.</p> <p>* Sau khi làm vợ Tràng</p> <p>- Trên đường theo Tràng về:</p> <p>“<i>Thị cắp cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che đi nửa mặt. Thị có vẻ</i></p>

<p>- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV đánh giá, bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm.</p>	<p><i>rón ren, e then”.</i></p> <p>Khi nhận thấy cái nhìn tò mò của người xung quanh, <i>“thị càng ngượng ngịu, chân nọ bước riu cả vào chân kia”</i></p> <p>-> cái vẻ “cong cón” biến mất, chỉ còn người phụ nữ xấu hổ, ngượng ngùng và cũng đầy nữ tính.</p> <p>- Khi về đến nhà:</p> <p>+ Bước vào cổng: <i>“nén một tiếng thở dài”</i></p> <p>-> Sự thất vọng thầm kín trước gia cảnh nhà chồng; sự chấp nhận hoàn cảnh, số phận đưa đẩy; sự cảm thông, chia sẻ với người cùng khổ.</p> <p>+ Vào trong nhà: <i>“ngồi móm ở mép giường”</i>; Gặp bà cụ Tứ: Chào “U” nhỏ nhẹ, đứng khép nép, mặt cúi xuống, <i>tay vân vê tà áo đã rách bợt...</i></p> <p>-> Thị như ý thức được vị trí chưa chắc của mình, đang lo âu, băn khoăn, hồi hộp; xót xa, tủi phận</p> <p>-> người có lòng tự trọng.</p> <p>- Sáng hôm sau:</p> <p>+ Dậy sớm, quét dọn nhà cửa; ăn nói lễ phép, đúng mực-> tham gia công việc nhà chồng một cách tự nguyện, chăm chỉ, có khả năng chịu khổ, biết đồng cảm, có ý thức chia sẻ, cảm thông; trở thành một người vợ hiền dâu thảo; biết chăm lo, vun vén cho gia đình (khác hẳn những lần Tràng gặp trên tỉnh)</p> <p>+ Kể chuyện ở Bắc Giang, Thái Nguyên phá kho thóc Nhật chia cho người đói-> thắp lên niềm tin và hi vọng của mọi người.</p> <p>* Tiểu kết:</p> <p>- Điểm nhìn:</p> <p>+ Trước khi theo Tràng: điểm nhìn bên ngoài (hình dáng, tính cách, cách nói chuyện)</p> <p>+ Sau khi theo Tràng và buổi sáng ngày hôm sau: Bên ngoài (Hành động, nét mặt, biểu hiện qua những</p>
--	---

	<p>chi tiết nhỏ trên gương mặt)</p> <p>- Lời kể: Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài)</p> <p>- Giọng điệu: mộc mạc, chân thật, có tính khẩu ngữ; có sự chất lọc...</p> <p>- Theo trình tự câu chuyện, nhân vật có sự thay đổi: Từ chao chát, chổng lòn, trơ trẽn, liều lĩnh theo một người đàn ông chưa hề quen biết, thị như trở thành một con người khác. Thị cư xử đúng mực, trở thành người vợ hiền dâu thảo, gieo niềm tin, vun đắp tổ ấm.</p> <p>=> Qua nhân vật người vợ nhặt, nhà văn đã tô đậm hiện thực nạn đói và đặc biệt là giá trị nhân đạo của tác phẩm: dù trong hoàn cảnh nào, người phụ nữ vẫn khát khao sự sống, khao khát một mái ấm gia đình hạnh phúc, có niềm tin cuộc sống.</p>
<p>* Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nhân vật (tiếp)</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm (3 HS), phát <i>Phiếu học tập số 2</i> để học sinh thảo luận và tìm hiểu về nhân vật bà cụ Tứ</p> <p>+ Hình ảnh người mẹ</p> <p>+ Diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ (gặp mặt, trao đổi và đãi cơm).</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 3 người, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đại diện nhóm lên trình bày</p>	<p>c. Nhân vật bà cụ Tứ</p> <p>* Trước khi Tràng có vợ</p> <p>- Hoàn cảnh: Bà là một người mẹ nghèo khổ, góa bụa, già nua, ốm yếu, là dân ngụ cư, sống cùng con trai trong ngôi nhà rúm rỏ.</p> <p>- Ngoại hình: “lọng khọng”, “lập cập”; vừa đi vừa “lầm bầm tính toán”, “húng hắng ho”</p> <p>-> Tuổi tác, vất vả, lo toan hằn in lên vóc dáng người mẹ nghèo khổ, ốm yếu.</p> <p>* Sau khi Tràng có vợ</p> <p>- Khi mới bước vào nhà:</p> <p>+ Khi nghe tiếng reo, nhận thấy thái độ vồn vã khác thường của con (vô tâm, vô tính), bà lão phấp phồng, biết có điều bất thường đang chờ đợi.</p> <p>+ Đến giữa sân nhà, “bà lão đứng sững lại, càng ngạc nhiên hơn”, đặt ra hàng loạt câu hỏi “<i>Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ?... Ai thế</i></p>

sản phẩm, cả lượp theo dõi, nhận xét và phản biện.

- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá, bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm.

nhi?”

-> ngạc nhiên, sững sờ.

- Khi nghe Tràng thưa chuyện

+ Bà cúi đầu nín lặng, không nói và hiểu ra. Trong lòng chất chứa biết bao suy nghĩ: *“Bà lão hiểu rồi... vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình”* -> thương con, buồn tủi khi nghĩ đến thân phận của con phải lấy vợ trong hoàn cảnh éo le này.

+ *“Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng... đôi khát này không”* -> Lo lắng vì không biết vợ chồng nó có sống qua nổi cái đói này không.

+ *“Người ta có gặp bước khó khăn đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được...”*. -> Thương cho người đàn bà khốn khổ cùng đường mới lấy đến con trai mình mà không tính đến nghi lễ cưới hỏi -> Người mẹ thấu cảm

+ *“Thôi thì bốn phận bà là mẹ... chứ biết thế nào mà lo cho hết được”*. Tủi vì chưa hoàn thành bốn phận người mẹ lo vợ cho con trai. Mừng cho con trai mình có được vợ nhưng không giấu được sự lo lắng khi nghĩ đến tương lai của con.

- Khi trò chuyện với các con:

+ *“ừ, thôi thì các con phải duyên, phải số với nhau, u cũng mừng lòng”* -> Nén vào lòng tất cả những lo lắng xót xa, bà giang tay đón người đàn bà xa lạ làm con dâu mình với tất cả sự cảm thông, bao dung

-> người mẹ hiểu chuyện, thấu cảm.

+ Từ tốn căn dặn nàng dâu mới *“Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi may ra mà ông giời cho khá... Biết thế nào hử con, ai giàu ba, họ ai khó ba đời”* -> Bà an ủi, động viên, gieo vào lòng con dâu niềm tin.

+ Tuy vậy, bà vẫn không sao thoát khỏi sự ngao ngán khi nghĩ đến ông lão, đứa con gái út, *“đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ*

trước kia không?” -> Xót thương, lo lắng cho cảnh ngộ của con dâu.

=> một người mẹ nghèo khổ, rất mực thương con; một người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung và giàu lòng vị tha,

- Buổi sáng hôm sau:

+ “*Sáng hôm sau, bà cảm thấy “nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên”*. Cùng với nàng dâu, bà thu dọn, quét nước nhà cửa, ý thức được bốn phận và trách nhiệm của mình.

+ *Bữa cơm đãi nàng dâu mới*: bữa cơm ngày đói thật thảm hại nhưng “*cả nhà ăn rất ngon lành*”.

-> chắc chiu hạnh phúc đơn sơ.

+ Bà toàn nói đến chuyện tương lai, chuyện vui, chuyện làm ăn với con dâu “*khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà, ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có đàn gà cho xem*” -> nhen nhóm niềm tin, niềm hi vọng cho các con, là một con người lạc quan, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng.

+ Chi tiết nồi chè khoán:

-> hình ảnh thu nhỏ của hiện thực đói nghèo trong cuộc sống của người dân xóm ngụ cư giữa nạn đói năm 1945.

-> lời tố cáo tội ác của thực dân, phát xít, đã gây ra thảm cảnh nạn đói cho người Việt.

-> Sự chắc chiu, tấm lòng của người mẹ dành cho các con.

*** Tiểu kết:**

- Điểm nhìn:

+ Khi Tràng vừa đưa thị về: điểm nhìn bên ngoài (lời nói) và bên trong (suy nghĩ, cảm xúc dành cho đứa con)

+ Buổi sáng ngày hôm sau: Bên ngoài (Lời nói và

	<p>hành động)</p> <p>- Lời kể: Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (đối thoại và độc thoại nội tâm).</p> <p>- Giọng điệu: mộc mạc, tự nhiên, diễn tả chân thật, tinh tế từng ánh mắt, cử chỉ và nội tâm của nhân vật.</p> <p>- Theo trình tự câu chuyện, nhân vật có sự thay đổi: Từ bưng beo, u ám -> ngạc nhiên -> đau đớn, tủi cực, xót xa xen lẫn vui mừng -> rạng rỡ, có niềm tin vào tương lai, dự cảm đổi đời.</p> <p>=> Hình tượng nhân vật bà cụ Tứ hoàn chỉnh bức tranh chân thực về cuộc sống và con người trong nạn đói, làm nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm.</p>
--	--

Rubric thảo luận nhóm:

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo

Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu

- HS biết cách khái quát vấn đề qua một văn bản truyện cụ thể

b. Nội dung

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để tìm hiểu về giá trị nội dung, đặc sắc nghệ thuật tác phẩm.
- GV hướng dẫn HS cách thức thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS tổng kết văn bản qua các yêu cầu: Giá trị nội dung; Đặc sắc nghệ thuật</p> <p>→ Lưu ý HS phát hiện đặc điểm nghệ thuật gắn với dẫn chứng từ văn bản.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS sử dụng máy chiếu/ tivi/ giấy A0 để trình bày kết quả làm</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung</p> <p>- Tình cảnh thâm cảm của người nông dân Việt Nam trước cách mạng trong nạn đói khủng khiếp 1945</p> <p>-> giá trị hiện thực.</p> <p>- Trân trọng và ngợi ca tình yêu thương, đùm bọc, niềm khát khao tổ ấm gia đình, niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống của những con người nghèo khổ ngay bên bờ vực của cái chết.</p>

việc của mình.

Bước 3. Báo cáo thảo luận:

- HS trình bày. GV và HS theo dõi góp ý, bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV căn cứ vào Dự kiến sản phẩm để nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

Chú ý: chỉ rõ cho HS cách người kể chuyện quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật qua điểm nhìn, lời kể, giọng điệu → khái quát đặc sắc nghệ thuật tác phẩm.

GV bổ sung:

- Kiến thức lớp 10 (tr.38 - NV tập 2): Người kể chuyện ngôi thứ ba là người ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật, không tham gia vào mạch vận động của cốt truyện và chỉ được nhận biết qua lời kể. Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện, kể cả những biểu hiện sâu kín trong nội tâm nhân vật, do vậy có khả năng trở thành người kể chuyện toàn tri (biết hết mọi chuyện) song người kể chuyện ngôi thứ ba có sử dụng quyền toàn tri hay không còn tùy thuộc vào nguyên tắc tổ chức truyện kể của từng tác phẩm.

-> giá trị nhân đạo sâu sắc.

→ **Chủ đề:** Thông qua tình huống truyện bất ngờ mà éo le, *Vợ nhặt* đề cao sức mạnh của lòng cảm thông giữa con người với con người trong hoàn cảnh khắc nghiệt; đề cao niềm lạc quan tin tưởng vào sự sống.

Chia sẻ của Kim Lân: *Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết, những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai. Họ vẫn muốn sống, sống cho ra con người.*

2. Nghệ thuật

- Cách kể chuyện tự nhiên, lôi cuốn, hấp dẫn, kể theo ngôi thứ ba song có sự dịch chuyển điểm nhìn trần thuật, nương theo điểm nhìn của các nhân vật, đặc biệt nhân vật Tràng và bà cụ Tứ.

+ Ngôi kể thứ ba cho phép người kể chuyện có thể quan sát cả ba nhân vật cũng như bối cảnh của câu chuyện. Điểm nhìn của người kể chuyện chiếm ưu thế trong những miêu tả về nạn đói khiến người đọc hình dung chân thật về cái đói khủng khiếp thành hình, thành màu, thành mùi, thành âm thanh.

+ Người kể chuyện thường nương theo điểm nhìn của các nhân vật, đặc biệt là nhân vật Tràng và bà mẹ. Điểm nhìn bên trong là loại điểm nhìn chủ yếu của *Vợ nhặt*, làm phát lộ những suy nghĩ bên trong, những thay đổi trong tâm trạng của các nhân vật. Người vợ nhặt chủ yếu là nhân vật được quan sát từ bên ngoài qua điểm nhìn của người kể chuyện và Tràng (người đọc cần chú ý phát hiện vẻ đẹp con người bên trong nhân vật qua những thay đổi bên ngoài của nhân vật theo mạch truyện- ví dụ *cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài*)

- Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện đầy tính sáng tạo.

- Dựng cảnh chân thật, gây ấn tượng: cảnh chết đói, cảnh bữa cơm ngày đói,...

- Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế nhưng bộc lộ tự nhiên, chân thật.

	<p>- Ngôn ngữ gần gũi, mộc mạc, tự nhiên, giàu giá trị tạo hình, gợi tả, biểu cảm (đặc biệt là các từ láy), sắc thái khẩu ngữ đời thường, đậm đà bản sắc địa phương.</p> <p>- Giọng kể thay đổi linh hoạt theo sự thay đổi điểm nhìn, bao trùm là giọng hóm hỉnh, hài hước pha lẫn giọng ưu ái, cảm thông.</p>
--	--

Phiếu học tập số 1

VỢ NHẬT (Kim Lân)

Tìm hiểu về nhân vật Tràng

• Nhân vật Tràng

+ Xuất thân, lai lịch

.....

.....

.....

.....

.....

.....

+ Hành động “nhật vợ”

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

+ Diễn biến tâm lí của Tràng sau quyết định nhật vợ (khi quyết định đưa thị về; trên đường về nhà; khi về đến nhà; sáng hôm sau tỉnh dậy)

.....

.....

.....

.....

.....

Tìm hiểu về nhân vật bà cụ Tứ

- + *Diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ (gặp mặt, nói chuyện và nấu bữa cơm đón nàng dâu mới)*

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

- HS hiểu một cách sâu sắc về điểm nhìn trần thuật trong một tác phẩm tự sự.
- HS biết cách thể hiện vấn đề bằng sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.

b. Nội dung hoạt động

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu.</p> <p>+ Vẽ sơ đồ biểu thị điểm nhìn trong tác phẩm “Vợ nhặt” – Kim Lân.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>- HS lên trình bày sản phẩm của mình qua (Máy chiếu, tivi...) cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.</p> <p>- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.</p>	<div style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin-bottom: 10px;"> <p>Điểm nhìn tác giả (ngôi thứ 3) - Khách quan, toàn tri.</p> <p>Ví dụ: những miêu tả về nạn đói</p> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin-bottom: 10px;"> <p>Sự dịch chuyển Điểm nhìn: người kể chuyện nương theo điểm nhìn của nhân vật: từ bên ngoài vào bên trong, từ người kể chuyện sang nhân vật.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>+ Tâm trạng Bà cụ Tứ(buổi chiều hôm trước) - Thấu hiểu sâu sắc, trân trọng phẩm chất con người./- Nghèo khổ, thương con, hướng tới tương lai.</p> <p>+ Tâm trạng, nhận thức Tràng(chiều hôm trước và sáng hôm sau) - Nghèo khổ, mệt mỏi, lo lắng trước cái đói nhưng Khao khát hạnh phúc mái ấm gia đình./- Có những ý nghĩ trưởng thành</p> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; width: 30%;"> <p>Điểm nhìn không gian</p> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; width: 65%;"> <p>- Xóm ngụ cư, cái nhà vắng teo của Tràng, cổng chợ, nhà kho, dốc tỉnh... chật hẹp, ngột ngạt.</p> </div> </div>

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét, tư vấn và bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm.		- Con đường ngồn ngang còng queo xác người. Cái đói thành hình, thành màu, thành mùi, thành âm thanh.
	Điểm nhìn thời gian	- Hiện tại → Quá khứ → Hiện tại → Tương lai.
	Điểm nhìn đa chiều, nhiều góc độ về cuộc sống và con người nghèo khổ vùng nông thôn Bắc Bộ năm 1945	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

- HS biết cách liên hệ thực tế để làm rõ vấn đề từ một tác phẩm văn học cụ thể.
- HS biết cách đọc tích cực từ văn bản để tự bồi đắp kinh nghiệm sống, hình thành thái độ ứng xử nhân văn trước cuộc đời.

b. Nội dung hoạt động

- HS biết cách vận dụng kiến thức, kỹ năng để liên hệ mở rộng.
- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để tìm hiểu và thuyết minh về một trong các vấn đề: + Vấn đề 1: Câu chuyện trong tác phẩm đã gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về tình người trong hoạn nạn, khó khăn của dân tộc ta. Hãy liên hệ vấn đề với xã hội ngày nay.	* HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau và sau đây là một số gợi ý cho vấn đề 1 - Đặt vấn đề + Trong cuộc sống, việc gặp hoàn cảnh éo le vẫn thường xảy đến không chỉ cá nhân mà có khi cả xã hội. + Trong sự hoạn nạn đó, ta rất cần sự chung tay giúp sức của những con người trong cộng đồng. - Triển khai vấn đề + Dân tộc Việt Nam luôn có tình yêu thương, đùm bọc lẫn nhau “Lá lành đùm lá rách”, “Thương người như thể thương thân”; “Đói bụng mới biết cơm ngon; Gặp cơn hoạn

<p>+ Vấn đề 2: Có thể xem truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói không? Nêu và phân tích quan điểm bản thân.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- HS lên trình bày sản phẩm của mình qua (Máy chiếu/ tivi...) cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.</p> <p>- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>- GV đánh giá, bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm.</p>	<p>nạn mới biết bà con thương mình”...</p> <p>+ Thực tế xã hội đã chứng minh cho tư tưởng, đạo lý đó qua những chương trình “Vì người nghèo”; “Tết ấm tình người”, Cứu trợ lũ lụt... đặc biệt là qua đại dịch Covid-19...</p> <p>+ Tuy nhiên vẫn còn có một bộ phận thờ ơ, vô cảm trước hoạn nạn của dân tộc Đáng xấu hổ khi có những kẻ còn lợi dụng vào sự hoạn nạn, éo le đó để trục lợi (liên hệ vụ Chuyển bay giải cứu- tòa án nhân dân Hà Nội xét xử tháng 7-2023)</p> <p>- Kết thúc vấn đề</p> <p>+ Khẳng định được tình cảm của con người trong hoạn nạn thật đáng trân trọng.</p> <p>+ Lên án những kẻ thờ ơ, vô cảm, thậm chí trục lợi trước nỗi đau đồng loại.</p> <p>* Gợi ý cho vấn đề 2:</p> <p>- Có thể xem truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói bởi:</p> <p>- Câu chuyện trong truyện ngắn “<i>Vợ nhặt</i>” có motip giống với truyện cổ tích, đám cưới của Tràng với thị cũng được coi là đám cưới cổ tích.</p> <p>+ Giữa cái cảnh đói kém, khi mà bản thân còn lo chưa xong nhưng vẫn ánh lên tình thương giữa người với người trong hoàn cảnh khốn cùng ấy. Tràng và bà cụ Tứ sẵn sàng đèo bồng thêm một người vợ nhặt, thị cũng sẵn sàng theo không Tràng về làm vợ. Khát vọng hạnh phúc gia đình lớn lao hơn những nhu cầu cuộc sống tầm thường.</p> <p>+ Chuyện kết thúc bằng một chi tiết “sáng” mở ra một tương lai mới cho các nhân vật (hình ảnh phá kho thóc Nhật, đoàn người đi trên đê và lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới).</p>
---	--

4. Củng cố:

5. HDVN: * Kết nối đọc – viết

a. Mục tiêu

- + Rèn luyện cho học sinh viết một đoạn văn nghị luận (NLXH hoặc NLVH)
- + HS biết cách nhận diện về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ một truyện ngắn hiện đại.
- + HS nhận thức được bài học cuộc sống mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm của mình.

b. Nội dung

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm

- + Bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc, trao đổi thảo luận (tại lớp- có thể dành 10-15 phút, có thể để lập dàn ý cho bài viết., có thể nêu định hướng Về nhà HS hoàn thiện viết đoạn văn. <p>+ Viết đoạn văn (<i>khoảng 150 chữ</i>) trình bày suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i>.</p> <p>GV lưu ý HS: Một tác phẩm có thể chứa đựng nhiều thông điệp và các thông điệp đó có những tác động khác nhau đến mỗi người đọc, Vì vậy cần tránh sao chép, chỉ nên nêu những điều mình thấy có ý nghĩa, thực sự gây tác động mạnh về tình cảm và nhận thức đối với bản thân.</p> <p>Bước 2: HS nhận nhiệm vụ thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện yêu cầu theo sự hướng dẫn của GV <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lên trình bày sản phẩm, GV cùng HS theo dõi, góp ý và bổ sung. - Cho HS đọc đoạn văn hay trước lớp. <p>Bước 4: Đánh giá sản phẩm</p>	<p>* HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau song cần lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS cần nắm lại kiến thức ở phần đọc hiểu để rút ra thông điệp cuộc sống từ tác phẩm. - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn - Biết cách triển khai đoạn văn <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mở đoạn: Giới thiệu được thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> + Thân đoạn: triển khai đoạn văn logic, hợp lí; Vận dụng lí luận và dẫn chứng để làm sáng tỏ thông điệp có ý nghĩa với bản thân. + Kết đoạn: Khẳng định được thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i>.

- (Đầu tiết học sau) GV cho HS đánh giá, nhận xét về đoạn văn học sinh đã viết. GV đánh giá theo yêu cầu viết đoạn văn.

Đoạn văn tham khảo:

Mọi truyện ngắn hay bao giờ cũng phản ánh chân thực cuộc sống và hướng con người tới những Chân- Thiện - Mĩ. “*Vợ nhặt*” xứng đáng là kiệt tác không chỉ vì nghệ thuật viết truyện ngắn hiện đại mà còn bởi nhà văn đã thiết tha gửi tới bạn đọc ý nghĩa nhân bản sâu sắc với người đọc bao thế hệ mà đã gần bảy thập kỷ nhưng những thông điệp cuộc sống qua hiện thực thời bấy giờ đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Đó là tình người trong hoạn nạn khó khăn đến mức đối diện với ranh giới giữa sự sống và cái chết, là cách con người lao động càng yêu thương nhau, giữ được phẩm chất đẹp đẽ, dám cứu mang người khác trong khi *cái thân mình cũng chẳng biết có nuôi nổi không*. Nạn đói khủng khiếp và dữ dội năm 1945 đã hằn in trong tâm trí Kim Lân - một nhà văn hiện thực có thể xem là con đẻ của đồng ruộng, một con người một lòng đi về với “thuần hậu phong thủy” ấy nên sau Cách mạng, ông đã bắt tay ngay vào viết tác phẩm *Xóm ngụ cư* và khi hòa bình lập lại (1954), nỗi trăn trở tiếp tục thôi thúc ông viết tiếp thiên chuyện ấy song ở một lát cắt cô đọng của truyện ngắn. Cuộc sống đói khổ khắc nghiệt đã dọa dẫm, nhưng không thể dập tắt được phần NGƯỜI tìm thấy: là khao khát sống, khao khát hạnh phúc cùng niềm tin mãnh liệt vào sự sống trong niềm vui của sự nương tựa, cứu mang. Tình vợ chồng, mẹ con, tình người của những người dân trong xóm ngụ cư sẽ là động lực giúp họ sức mạnh vượt qua những cơn hoạn nạn khủng khiếp. Ba nhân vật: Tràng, người vợ nhặt và bà cụ Tứ cùng những tình cảm, lễ sống cao đẹp của họ chính là những điểm sáng mà nhà văn luôn *một lòng đi về với đất với người với những thuần hậu nguyên thủy của cuộc sống nông thôn* trân trọng phát hiện trong một đề tài không mới nhưng thật độc đáo trong cách nhìn. Như vậy bên cạnh thể hiện thành công nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, khả năng tạo tình huống hấp dẫn thì tác phẩm còn có đa tầng ý nghĩa, nhiều thông điệp cuộc sống. Một trong những thông điệp để lại cho chúng ta có ý nghĩa giáo dục đối với tâm hồn người, với cộng đồng là tình người trong hoạn nạn và nghị lực vượt lên nghịch cảnh để có được cuộc sống *sống cho ra con người* như một bài ca không bao giờ quên từ một thời kì lịch sử không bao giờ quên.

Rubric chấm bài viết viết KẾT NỐI ĐỌC – VIẾT:

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn

		Không có lỗi chính tả	Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Ngày soạn:

BÀI 1: CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ

Tiết 4-5-6:

VĂN BẢN 2: CHÍ PHÈO

(trích) – Nam Cao

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được bản chất bi kịch của cuộc đời nhân vật Chí Phèo.
- HS nhận biết được giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm.
- HS nhận biết và phân tích được những điểm đặc sắc trong nghệ thuật tự sự của nhà văn, thể hiện qua việc thay đổi trình tự tự nhiên của câu chuyện; luân phiên, phối hợp các điểm nhìn; lựa chọn các chi tiết độc đáo; đi sâu khám phá đời sống tâm lý của nhân vật; sử dụng ngôn ngữ trần thuật đa thanh và kết thúc bỏ ngỏ.

- HS nhận biết được và phân tích được một số yếu tố nổi bật của truyện ngắn hiện đại qua đọc tác phẩm.

2. Về năng lực:

- Phát huy năng lực tự chủ, hợp tác và giao tiếp để giải quyết những vấn đề của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:

+ Tóm tắt truyện theo trình tự thời gian cuộc đời nhân vật.

+ Xác định điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu.

+ Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật Chí Phèo.

+ Nêu thái độ của người kể chuyện đối với nhân vật Chí Phèo, thị Nở.

+ Nhận xét về ý nghĩa phân kết truyện.

- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc –viết trong bài học.

3. Về phẩm chất:

HS biết đồng cảm với một số phận bất hạnh; trân trọng các nỗ lực gìn giữ nhân tính, phẩm giá khi con người phải đối diện với hoàn cảnh sống bi đát.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,...

2. **Học liệu:** SGK, phiếu học tập, giấy kiểm tra...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. **Kiểm tra bài cũ:** kết hợp trong giờ học

3. **Bài mới:**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng khởi để tiến hành hoạt động hình thành kiến thức và luyện tập, vận dụng.

b. Nội dung:

- Học sinh xem video phim “*Làng Vũ Đại ngày ấy*” và trả lời câu hỏi của GV:

Câu hỏi 1: Đoạn phim mang đến cho em cảm nhận gì về cuộc sống của người nông dân ở làng quê trước Cách mạng tháng Tám?

Câu hỏi 2: Có thể em đã từng nghe thấy người ta gọi tính cách hay cách ứng xử của một ai đó là “Chí Phèo”. Cách gọi ấy đã hàm ẩn sự đánh giá như thế nào đối với tính cách hay cách ứng xử này?

- GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1. Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV lần lượt nêu các câu hỏi:</p> <p>Câu hỏi 1: Đoạn phim mang đến cho em cảm nhận gì về cuộc sống của người nông dân ở làng quê trước Cách mạng tháng Tám?</p> <p>Câu hỏi 2: Có thể em đã từng nghe thấy người ta gọi tính cách hay cách ứng xử của một ai đó là “Chí Phèo”. Cách gọi ấy đã hàm ẩn sự đánh giá như thế nào đối với tính cách hay cách ứng xử này?</p> <p>B2. HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi</p> <p>B3. HS báo cáo, thảo luận.</p> <p>HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV</p> <p>B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc của HS</p> <p>- GV chuẩn hóa kiến thức và dẫn dắt, giới thiệu vào bài mới:</p> <p><i>Bối cảnh xã hội trước Cách mạng đã khiến bao người nông dân rơi vào số phận bi kịch. Bi kịch ấy có thể bắt nguồn từ sự áp bức những tên quan nghị như trong “Tắt đèn” (Ngô Tất Tố) nhưng cũng có thể bắt nguồn từ những định kiến lạc hậu như trong “Chí Phèo” của Nam Cao. Sự thành công xuất sắc</i></p>	<p>Hướng trả lời các câu hỏi:</p> <p>Câu hỏi 1:</p> <p>Đoạn phim tái hiện chân thực cuộc sống của những người nông dân ở làng quê trước Cách mạng tháng Tám. Họ sống trong sự bóc lột, đè nén của chế độ TDPK và những định kiến của xã hội. Điều đó đã khiến họ rơi vào vòng xoáy của sự tha hóa, cuộc sống của họ bị đẩy vào ngõ cụt.</p> <p>Câu hỏi 2:</p> <p>Cách gọi tính cách hay cách ứng xử của một ai đó là “Chí Phèo” hàm ý phê phán. Cách ứng xử “Chí Phèo” là cách ứng xử có tính lưu manh, ăn vạ. Tuy đây là một cách gọi có tính phê phán song nó đã minh chứng cho sức sống của nhân vật được sáng tạo bởi Nam Cao.</p>

của truyện ngắn “Chí Phèo” đã khiến tác phẩm vượt qua được thử thách của thời gian. Cũng nhờ có ngòi bút tài hoa của nhà văn Chí Phèo đã ngật ngưỡng bước từ trang văn đến cuộc đời. Bài học hôm nay chúng cùng khám phá sự đặc sắc trong nghệ thuật tự sự của Nam Cao và tìm hiểu bản chất bi kịch của nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: TÌM HIỂU KHÁI QUÁT

a. Mục tiêu:

- HS nắm được những nét chính về cuộc đời, các chặng đường sáng tác, những mảng đề tài chính của các sáng tác trước và sau Cách mạng.
- Nắm được những đóng góp nghệ thuật nổi bật qua các sáng tác của Nam Cao - điều đã giúp khẳng định vị trí của ông trong nền văn học.
- Nắm được các tác phẩm tiêu biểu của Nam Cao và hoàn cảnh ra đời, xuất xứ của tác phẩm *Chí Phèo*

b. Nội dung:

- Học sinh thuyết trình về tác giả Nam Cao
- GV nhận xét phần thuyết trình và chuẩn hóa kiến thức

c. Sản phẩm:

- Bài thuyết trình về Nam Cao của HS (có thể trình bày trên Power Point hoặc A0)

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. GV chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm. Giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị ở nhà Nhóm 1,3. Tìm hiểu về tác giả Nhóm 2,4. Tìm hiểu về tác phẩm - Dựa vào kiến thức sgk và các tài liệu khác, hãy nêu những nét chính về tiểu sử và sự	I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT 1. Tác giả a. Tiểu sử - Nam Cao (1917 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri. - Quê: làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lí Nhân (nay là xã Hòa

<p><i>nghiệp sáng tác của Nam Cao?</i></p> <p>- <i>Quê hương, gia đình và cuộc đời của NC có ảnh hưởng gì đến sự nghiệp sáng tác của ông?</i></p> <p>Gợi ý: Cần làm rõ:</p> <p>- <i>Những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp văn chương, những mảng đề tài chính của các sáng tác trước và sau Cách mạng.</i></p> <p>- <i>Những đặc sắc trong các sáng tác của Nam Cao - điều đã giúp Nam Cao khẳng định vị trí của mình trong nền văn học.</i></p> <p>B2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc nhóm ở nhà</p> <p>B3. HS báo cáo, thảo luận.</p> <p>HS trình bày sản phẩm hoạt động nhóm</p> <p>Các nhóm trao đổi thảo luận</p> <p>B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc của HS, đánh giá theo Rubric.</p> <p>- GV chuẩn hóa kiến thức.</p> <p><i>Nam Cao là nhà văn gắn bó sâu sắc với cuộc sống và Cách mạng. Nhà văn có ý thức lao động nghệ thuật nghiêm túc nhờ vậy khẳng định được vị trí của mình trên văn đàn.</i></p> <p>- GV mở rộng về quan niệm nghệ thuật của Nam Cao:</p> <p>- Nam Cao quan niệm một tác phẩm hay, có giá trị phải có tư tưởng nhân đạo. “<i>Một tác phẩm thật có giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một</i></p>	<p>Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam -> Nguyên mẫu trong nhiều sáng tác của Nam Cao với cái tên: làng Vũ Đại.</p> <p>- Xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo-> là người con duy nhất trong gia đình được ăn học tử tế.</p> <p>- Bản thân: Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 ông từng làm nhiều nghề để kiếm sống: dạy trường tư, làm gia sư, viết văn... Sau Cách mạng, nhà văn tích cực tham gia các hoạt động báo chí, văn nghệ phục vụ cuộc sống mới.</p> <p>b. Sự nghiệp văn học</p> <p>* Đề tài sáng tác:</p> <p>- Trước CM, tập trung ở hai đề tài chính: Người trí thức nghèo và người nông dân nghèo.</p> <p>- Sau Cách mạng, nhà văn hướng ngòi bút phục vụ cuộc kháng chiến.</p> <p>*Đặc sắc trong các sáng tác:</p> <p>- Quan điểm sáng tác: nghệ thuật vị nhân sinh</p> <p>- Phong cách nghệ thuật:</p> <p>+ Nhà văn chú trọng diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật, xây dựng các tính cách phức tạp, thực hiện nhiều đột phá trong nghệ thuật tự sự với lối trần thuật phối hợp nhiều điểm nhìn, giọng điệu;</p> <p>+ Cách kết cấu linh hoạt;</p> <p>+ Cách sử dụng ngôn ngữ sinh động, vừa gần gũi với ngôn ngữ giao tiếp đời thường, vừa giàu suy tưởng.</p> <p>*Tác phẩm tiêu biểu:</p> <p><i>Chí Phèo</i> (truyện ngắn, 1941), <i>Giăng sáng</i> (truyện ngắn, 1942), <i>Lão Hạc</i> (truyện ngắn,</p>
---	---

<p><i>tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình...Nó làm cho người gần người hơn”</i> (Đời thừa).</p> <p>- Nam Cao đòi hỏi sự tìm tòi sáng tạo trong nghề văn. Trong <i>Đời thừa</i>, ông viết “<i>Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có</i>”.</p>	<p>1943), <i>Đời thừa</i> (truyện ngắn, 1943), <i>Sống mòn</i> (tiểu thuyết, 1944), <i>Đôi mắt</i> (truyện ngắn, 1948), <i>Ở rừng</i> (Nhật ký, 1947 - 1948) ...</p> <p>⇒ Nam Cao là nhà văn hiện thực chủ nghĩa, có tấm lòng nhân đạo sâu sắc. Có ý thức lao động nghệ thuật nghiêm túc nhờ vậy khẳng định được vị trí của mình trên văn đàn.</p>
<p>B1. GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p><i>Em hãy cho biết truyện ngắn “Chí Phèo” ra đời năm nào? Đã có mấy lần đổi tên? Theo em, cái tên nào phù hợp nhất với tư tưởng chủ đề của truyện?</i></p> <p>B2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi</p> <p>B3. HS báo cáo, thảo luận. HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV</p> <p>B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc của HS</p> <p>- GV chuẩn hóa kiến thức.</p> <p><i>Chí Phèo là kiệt tác trong sự nghiệp sáng tác của Nam Cao và là tác phẩm xuất sắc nhất của văn học hiện thực phê phán trước 1945. Tác phẩm thể hiện tài năng nghệ thuật độc đáo của Nam Cao, đánh dấu trình độ phát triển mới của ngôn ngữ văn học và nghệ thuật văn xuôi hiện đại Việt Nam.</i></p>	<p>2. Văn bản</p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác</p> <p>- Truyện ngắn sáng tác năm 1941. Tác giả viết dựa trên cơ sở người thật, việc thật ở làng Đại Hoàng- quê hương của nhà văn. Nam Cao đã hư cấu, sáng tạo nên câu chuyện về cuộc đời Chí Phèo. Qua đó, phản ánh bức tranh hiện thực sinh động về xã hội nông thôn VN trước CMT8/1945. Cuộc sống của con người trong xã cũ vô cùng khốn khổ, ngột ngạt tới tấp với nhiều sự áp bức, bóc lột, những bi kịch đau đớn. Điều đó đã được nhà văn thể hiện một cách tài hoa trong tác phẩm Chí Phèo.</p> <p>b. Nhan đề</p> <p>- Lúc đầu: Nam Cao đặt tên “Cái lò gạch cũ”.</p> <p>- Năm 1941, NXB Đời mới đổi tên thành “Đôi lứa xứng đôi”</p> <p>- Năm 1945, khi in lại trong tập “Luống cày”, Nam Cao đặt tên là “Chí Phèo”.</p> <p>=> Nhan đề “Chí Phèo” phù hợp nhất với tư tưởng chủ đề của truyện. Chí Phèo là tên nhân vật chính của truyện ngắn. Qua nhân vật này, nhà văn muốn khẳng định bản chất lương thiện đẹp đẽ của người nông dân</p>

	đồng thời là tiếng nói đấu tranh chống lại các thế lực chà đạp lên nhân cách, phẩm giá và quyền sống của người nông dân lương thiện.
--	--

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được bản chất bi kịch của cuộc đời nhân vật Chí Phèo.
- Nhận biết được giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm.
- Nhận biết và phân tích được những điểm đặc sắc trong nghệ thuật tự sự của nhà văn, thể hiện qua việc thay đổi trình tự tự nhiên của câu chuyện; luân phiên, phối hợp các điểm nhìn; lựa chọn các chi tiết độc đáo; đi sâu khám phá đời sống tâm lí của nhân vật; sử dụng ngôn ngữ trần thuật đa thanh và kết thúc bỏ ngỏ.
- Nhận biết được và phân tích được một số yếu tố nổi bật của truyện ngắn hiện đại qua đọc.

b. Nội dung:

- Học sinh tiến hành khám phá văn bản thông qua hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.
- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh và chuẩn hóa kiến thức.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời và các phiếu nhóm của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1. GV chuyển giao nhiệm vụ <i>HS đọc, xác định bố cục của văn bản và tóm tắt nội dung từng đoạn bằng một câu khái quát?</i> B2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi B3. HS báo cáo, thảo luận. HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Đọc và xác định bố cục - Bố cục 4 phần: + Đoạn 1 (Từ đầu đến hết phần tóm tắt đoạn tình lược thứ nhất): <i>Tiếng chửi của Chí Phèo và sự hé lộ lai lịch đặc biệt về nhân vật</i> + Đoạn 2 (Từ tiếp đến phần tóm tắt đoạn tình lược thứ hai): <i>Hành xử của Chí Phèo sau khi ra tù và quá trình Chí Phèo trở thành công cụ trong tay Bá Kiến</i> + Đoạn 3: (Tiếp đến “máu vẫn còn ứ ra”): <i>Sự</i>

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét phần trả lời của HS - GV chuẩn hóa kiến thức. 	<p><i>thức tỉnh của Chí Phèo sau khi gặp Thị Nở và hành động đòi lương thiện.</i></p> <p>+ Đoạn 4 (Còn lại): <i>Phản ứng của mọi người về cái chết của Chí Phèo</i></p>
<p>B1. GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: <i>Hãy tóm tắt cốt truyện theo trình tự thời gian cuộc đời nhân vật Chí Phèo</i> - Nhóm 2: <i>Hãy xác định trình tự các sự việc trong cuộc đời Chí Phèo theo mạch trần thuật (trình tự kể của Nam Cao)</i> - Nhóm 3: <i>So sánh sự khác biệt về mạch sự kiện của câu chuyện và trình tự kể trong TP?</i> - Nhóm 4: <i>Lí giải vì sao nhà văn lại lựa chọn trật tự kể như vậy?</i> <p>- HS có thể sử dụng giấy A0 để sơ đồ hóa cốt truyện và nhận xét về cuộc đời của Chí Phèo</p> <p>B2. HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>HS làm việc nhóm ở lớp</p> <p>B3. HS báo cáo, thảo luận. HS trình bày sản phẩm hoạt động nhóm theo chỉ định của Giáo viên.</p> <p>B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc nhóm, đánh giá theo Rubric. - GV chuẩn hóa kiến thức: <p>+ <i>GV nêu trình tự của các sự việc trong cuộc đời Chí và lưu ý HS nên chọn các sự việc có ý nghĩa quan trọng, tác động đến tính cách,</i></p>	<p>2. Cốt truyện và mạch trần thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt cốt truyện theo trình tự thời gian cuộc đời của Chí Phèo: <ol style="list-style-type: none"> (1) Chí Phèo được sinh ra và bị bỏ rơi ngay từ khi chào đời ở lò gạch hoang. (2) Chí Phèo lớn lên, đi ở đợ cho nhà Lí Kiến rồi bị đi tù vì một lí do không rõ. (3) Khi ra tù, Chí Phèo đã thay đổi về nhân hình lẫn nhân tính, biến thành kẻ lưu manh. (4) Chí Phèo đến nhà Bá Kiến đòi nợ, với sự không ngoan và thủ đoạn Bá Kiến đã biến Chí Phèo thành tay sai đắc lực cho hắn. Chí Phèo trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, trượt dài trên con đường tha hoá. (5) Chí Phèo gặp Thị Nở. Nhờ tình thương của Thị Nở, Chí Phèo khao khát được trở lại làm người lương thiện. (6) Bị Thị Nở cự tuyệt, Chí Phèo tuyệt vọng, đến nhà bá Kiến để đòi lương thiện. Hắn giết chết bá Kiến rồi tự sát. <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt các sự việc trong cuộc đời Chí Phèo theo mạch kể (trình tự kể của Nam Cao): <ol style="list-style-type: none"> (4) Chí Phèo trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, trượt dài trên con đường tha hoá. (1) Chí Phèo được sinh ra và bị bỏ rơi ngay từ khi chào đời ở lò gạch hoang. (2) Chí Phèo lớn lên ở làng Vũ Đại, đi ở đợ cho nhà Lí Kiến rồi bị đi tù vì một lí do không rõ. (3) Khi ra tù, Chí Phèo đã thay đổi về nhân

<p><i>số phận nhân vật.</i></p> <p>+ GV mở rộng:</p> <p><i>Sự phá vỡ trình tự thời gian của các sự việc trong cuộc đời nhân vật là một đặc điểm độc đáo trong truyện ngắn hiện đại bởi các truyện ngắn dân gian, trung đại luôn có sự tuân thủ trình tự thời gian này. Sự phá vỡ trình tự thời gian của các sự việc trong cuộc đời nhân vật cho thấy các nhà văn hiện đại không chỉ quan tâm đến câu chuyện mà còn quan tâm đến cách câu chuyện ấy được kể.</i></p>	<p>hình lẫn nhân tính, biến thành kẻ lưu manh.</p> <p>(5) Chí Phèo gặp Thị Nở. Nhờ tình thương của Thị Nở, Chí Phèo khao khát được trở lại làm người lương thiện.</p> <p>(6) Bị Thị Nở cự tuyệt tình cảm, Chí Phèo tuyệt vọng, đến nhà bá Kiến để đòi lương thiện. Hắn giết chết bá Kiến rồi tự sát.</p> <p>- So sánh sự khác biệt về mạch sự kiện của câu chuyện và truyện kể trong tác phẩm Chí Phèo:</p> <p>Mạch kể: Hiện tại – Quá khứ - Hiện tại</p> <p>Mạch trần thuật bắt đầu từ khi Chí Phèo trượt dài trên con đường tha hoá, sau đó quay trở lại sự kiện CP được sinh ra như thế nào, rồi một lần nữa trở lại thực tại.</p> <p>⇒ Sự phá vỡ trật tự thời gian của các sự kiện trong cuộc đời của nhân vật nhằm khơi gợi sự tò mò về quá khứ và bản chất của nhân vật, đồng thời khắc đậm chân dung méo mó cùng bi kịch của Chí Phèo. Mặt khác, cách đảo trật tự các sự việc trong cuộc đời nhân vật còn thể hiện quan điểm trong tư duy tự sự của nhà văn: phân tích, lí giải những yếu tố đã nhào nặn số phận con người.</p> <p>-Sở dĩ nhà văn lại lựa chọn trật tự kể như vậy, Vì:</p> <p>Nhờ việc xử lí cái cốt truyện tự nhiên ấy, NC đã cho chúng ta thấy được cái hành trình đi tìm lại chính mình, hành trình tìm kiếm giá trị bản thân ngay ở một con người tưởng như không có gì có thể nương tựa, hy vọng.</p>
<p>B1. GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p><i>GV nêu câu hỏi thảo luận nhóm, sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn.</i></p> <p><i>- Hãy phân loại điểm nhìn trong đoạn mở</i></p>	<p>3. Nghệ thuật kể chuyện qua nhiều điểm nhìn</p> <p>a. Đoạn mở đầu truyện</p> <p>- Đoạn mở đầu <i>Chí Phèo</i> có sự phối hợp và</p>

đầu theo các bình diện: điểm nhìn của người kể chuyện/ điểm nhìn của nhân vật (Chí Phèo, dân làng Vũ Đại); điểm nhìn bên ngoài/ điểm nhìn bên trong. Nhận xét về tương quan và sự dịch chuyển giữa các điểm nhìn này, qua đó, chỉ ra những nét đặc sắc trong cách Nam Cao mở đầu câu chuyện.

B2. HS thực hiện nhiệm vụ.

HS làm việc nhóm, suy nghĩ và trả lời câu hỏi

B3. HS báo cáo, thảo luận.

HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV

Và thảo luận

B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc của HS. Đánh giá bằng **Rubric**

- GV nêu sản phẩm dự kiến, chuẩn hóa kiến thức.

- GV mở rộng về tiếng chửi của Chí:

Bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người được hé lộ ngay trong thứ ngôn ngữ nửa trực tiếp ở đoạn mở đầu tác phẩm khi Nam Cao miêu tả hình ảnh Chí Phèo uống rượu say rồi vừa đi vừa chửi. Hắn chửi trời, hắn chửi đời, hắn chửi cả làng Vũ Đại nhưng tuyệt nhiên không ai lên tiếng, chẳng ai ra điều. Chí Phèo chửi tất cả nhưng chẳng trúng vào ai bởi cái làng đó có biết bao nhiêu người mà người nào cũng nghĩ “chắc nó trù mình ra”. Tiếng chửi của Chí trên bề mặt là tiếng chửi của một kẻ lưu manh, nhưng bề sâu đó lại là tiếng nói của một người nông dân lương thiện thêm khát sự giao tiếp với đồng loại. Tiếng chửi là sự hòa quyện giữa hai phần của Chí Phèo. Phần ý thức của kẻ lưu manh say xỉn chửi bới ngang ngược và phần vô thức của

lun phiên nhiều điểm nhìn: điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn của dân làng Vũ Đại và điểm nhìn của Chí Phèo:

+ *Hắn vừa đi vừa chửi*: Sự việc được miêu tả từ điểm nhìn của người kể chuyện cũng đồng thời là điểm nhìn bên ngoài.

+ *Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời: Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại*: Sự việc được miêu tả từ điểm nhìn của người kể chuyện cũng đồng thời là điểm nhìn bên ngoài.

+ *Nhưng làng Vũ Đại ai cũng tự nhủ: “chắc nó trù mình ra”*: Điểm nhìn dân làng Vũ Đại, điểm nhìn bên trong.

+ *Không ai lên tiếng cả*: Sự việc được miêu tả từ điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn bên ngoài.

+ *Tức thật! Tức thật! Ô! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất*: Điểm nhìn Chí Phèo, điểm nhìn bên trong

+ *Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều*: Sự việc được miêu tả từ điểm nhìn của người kể chuyện cũng đồng thời là điểm nhìn bên ngoài.

+ *Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không?* Điểm nhìn Chí Phèo, điểm nhìn bên trong

+ *Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nổi này? A ha! Phải đấy, hắn cứ thế mà chửi, hắn chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiến răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà chẳng biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo. Có trời mà biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết. Sự*

<p><i>người lương thiện tinh táo cô đơn. Trong vô thức, Chí Phèo nhận ra hắt đầu khổ, cay đắng. Hắt tự nhủ “thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắt không?” Lời tự nhủ của Chí Phèo cho thấy hình như Chí Phèo đã mơ hồ cảm nhận được nỗi đau của một kẻ lạc loài. Hắt uống rượu không hoàn toàn vì nghiện, mà hắt tìm đến rượu như tìm đến sự say để được sự quên để rồi được gây sự, được phá phách như một cách để giải tỏa sự phẫn uất âm ỉ ẩn giấu đầu đó trong cõi vô thức mông lung của cõi lòng.</i></p>	<p>việc được miêu tả từ điểm nhìn của người kể chuyện cũng đồng thời là điểm nhìn bên ngoài.</p> <p>- Đoạn mở đầu không có một điểm nhìn duy nhất bao trùm. Người kể chuyện không dừng hẳn về ý thức của nhân vật nào, và điểm nhìn của người kể chuyện cũng không phải là quan điểm thống trị. Người kể chuyện trên thực tế cũng không biết gì hơn về Chí Phèo so với dân làng Vũ Đại. Sự đa dạng về điểm nhìn tạo nên tính đa thanh trong nghệ thuật tự sự hiện đại.</p>
<p>B1. GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV nêu câu hỏi:</p> <p><i>Nhận xét về điểm nhìn và giọng điệu trần thuật ở đoạn kết của truyện ngắn khi Chí Phèo tìm đến nhà bá Kiến lần cuối và phản ứng của dân làng Vũ Đại về cái chết của hai nhân vật này?</i></p> <p>B2. HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi</p> <p>B3. HS báo cáo, thảo luận.</p> <p>HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV</p> <p>B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc của HS</p> <p>- GV chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>b. Đoạn kết truyện</p> <p>- Điểm nhìn của người kể chuyện chủ yếu là điểm nhìn bên ngoài. Điều này tạo cho người đọc một khoảng tự do suy nghĩ về cái chết của Chí Phèo.</p> <p>- Người kể chuyện sử dụng giọng khách quan, lạnh lùng, hạn chế tối đa việc đưa ra những bình phẩm, đánh giá về cái chết của nhân vật cũng như tỏ thái độ đối với những ý kiến của dân làng Vũ Đại về cái chết của Chí Phèo.</p> <p>* Kết luận:</p> <p>Điểm nhìn được nhà văn sử dụng linh hoạt, phù hợp với nội dung trần thuật. Sự đa dạng của điểm nhìn tạo nên sức hấp dẫn cho người đọc và là điểm độc đáo của nghệ thuật tự sự hiện đại.</p>
<p>B1. GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV nêu câu hỏi thảo luận nhóm đôi. HS trình bày sản phẩm ra giấy A4:</p> <p><i>Phân tích diễn biến tâm trạng của Chí Phèo vào buổi sáng sau cuộc gặp gỡ với thị Nở đêm trước. Theo em, nhân tố nào mang tính</i></p>	<p>4. Nhân vật Chí Phèo và bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người lương thiện</p> <p>a. Con người lương thiện hồi sinh</p> <p>- Tỉnh dậy, Chí cảm nhận được không gian xung quanh qua ánh sáng và âm thanh: “trời sáng đã lâu”, “chim hót ríu rít bên ngoài”,</p>

<p><i>quyết định đối với quá trình hồi sinh nhân tính của nhân vật? Vì sao?</i></p> <p>B2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc nhóm, suy nghĩ và trả lời câu hỏi</p> <p>B3. HS báo cáo, thảo luận. HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV</p> <p>B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tác phong, thái độ làm việc của HS. - GV chuẩn hóa kiến thức. <p>GV mở rộng:</p> <p><i>Tâm trạng của Chí Phèo khi tỉnh dậy vào buổi sáng sau đêm gặp gỡ Thị Nở là một chuỗi cảm xúc phức tạp. Đó là quá trình thức tỉnh của giác quan, cảm xúc, hoài niệm và ý thức. Nam Cao tỏ ra am tường về tâm lí con người khi miêu tả sự thức tỉnh của thể xác vốn đã lâu chìm trong men say diễn ra đồng thời với sự trở về của con người lương thiện vốn khuất lấp.</i></p>	<p><i>“cái lều ẩm thấp vẫn hơi lò mờ”, “tiếng anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá”, “tiếng cười nói của những người đi chợ”.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chí có những cảm xúc, cảm giác của một người tỉnh rượu: <i>“bâng khuâng”, “miệng đắng”, “lòng mơ hồ buồn”, “người bủn rủn, chân tay không buồn nhấc”, “rùng mình”, “ruột gan lại nôn nao”.</i> - Chí hoài nhớ về quá khứ và buồn nao nao: <i>“nao nao buồn”, “nhắc cho hắt một cái gì rất xa xôi”, “hình như có một thời hắt đã ao ước có một gia đình nho nhỏ”.</i> - Chí ý thức về thực tại và cảm thấy cô đơn, buồn bã, xót xa: <i>“già mà vẫn cô độc”, “buồn thay cho đời”,</i> - Chí nghĩ về tương lai và lo lắng: <i>“như đã trông thấy trước tuổi già của hắt”, “cô độc đáng sợ hơn đời rét và ốm đau”.</i> <p>=> Nhận xét, đánh giá: Tâm trạng của Chí Phèo vận động từ cảm giác đến ý thức. Nhân tính của hắt hồi sinh bắt đầu từ việc nhận ra vẻ đẹp của cuộc sống bình yên và thấy được sự vô nghĩa của đời mình. -> Chí khao khát được trở về cõi người lương thiện.</p>
<p>B1. GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi. HS trình bày sản phẩm ra giấy A4: <p><i>Phân tích phản ứng tâm lý và hành động của Chí Phèo sau khi bị Thị Nở từ chối chung sống. Người kể chuyện có đưa ra những phán đoán đáng tin cậy để người đọc hiểu được tâm lý và hành động của nhân vật không?</i></p> <p>B2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi</p> <p>B3. HS báo cáo, thảo luận. HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV</p>	<p>b. Con người lương thiện bị chối từ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn biến tâm trạng và hành động của Chí: + Khi thị đến, Chí Phèo đang uống rượu và không hiểu tại sao thị Nở nổi giận với mình + Khi hiểu chuyện, Chí Phèo <i>“bỗng nhiên ngẩn người”</i> + Niu kéo thị Nở không được, Chí Phèo muốn uống rượu thật say để có động lực trả thù bà cô thị Nở nhưng càng uống càng không say, càng uống càng thấy hương cháo hành ám ảnh. + Chí Phèo định sang nhà bà cô Thị Nở trả

<p>B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhấn mạnh:</p> <p><i>Về điều đã chi phối hành động của Chí Phèo, không thể chỉ dựa vào lời bình luận của người kể chuyện: “Những thằng điên và những thằng say rượu không bao giờ làm những cái mà lúc ra đi chúng định làm”.</i></p>	<p>thù nhưng thực tế lại đến nhà Bá Kiến.</p> <p>- Người kể chuyện không giải thích điều gì chi phối hành vi của Chí Phèo. Người kể chuyện dường như đơn thuần ghi chép lại về hành động của Chí khiến câu chuyện trở nên chân thực.</p> <p>=> Nhận xét đánh giá: Chính sự từ chối của bà cô thi Nở mà sâu xa hơn là sự chối từ của định kiến xã hội đã đẩy Chí Phèo vào bi kịch bị từ chối quyền làm người lương thiện.</p>
<p>B1. GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV nêu câu hỏi:</p> <p>Câu hỏi 1: Theo em, điều gì đã khiến Chí tự kết liễu cuộc đời mình? Liệu có con đường nào cứu thoát Chí không?</p> <p>Câu hỏi 2: Ý nghĩa cái chết của Chí Phèo? Có thể nói Nam Cao là nhà văn nhân đạo không khi ông để nhân vật của mình tìm đến cái chết?</p> <p>B2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi</p> <p>B3. HS báo cáo, thảo luận. HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV</p> <p>B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>Câu hỏi 1: Nguyên nhân chủ yếu khiến Chí Phèo tìm đến cái chết là những định kiến tồn tại lâu đời ở làng quê và rộng hơn là bối cảnh ngột ngạt của cuộc sống ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng.</p> <p>Câu hỏi 2: Nam Cao là nhà văn nhân đạo sâu sắc khi ông thấu hiểu nhân vật cũng là thấu hiểu con người. Ở vào hoàn cảnh của Chí Phèo, cái chết là tất yếu.</p>	<p>c. Bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người lương thiện</p> <p><i>* Cái chết của Chí Phèo:</i></p> <p>- Nguyên nhân:</p> <p>+ Về mặt xã hội: Chí Phèo đã thực sự hoàn lương nhưng xã hội đầy định kiến đã từ chối anh.</p> <p>+ Về mặt tính cách nhân vật: Chí bế tắc khi không thể làm người lương thiện và cũng không thể lại trở về làm quỷ dữ.</p> <p>+ Về diễn biến của câu chuyện: Chí đã giết bá Kiến bởi vậy bề lũ phong kiến sẽ không tha cho anh. Cái chết là tất yếu.</p> <p>- <i>Đánh giá:</i></p> <p>Nguyên nhân chủ yếu khiến Chí Phèo tìm đến cái chết là những định kiến tồn tại lâu đời ở làng quê và rộng hơn là bối cảnh ngột ngạt của cuộc sống ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng.</p> <p>- <i>Ý nghĩa:</i></p> <p>+ Cái chết của Chí là đỉnh cao của bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người lương thiện.</p> <p>+ Cái chết của Chí thể hiện khát vọng lương thiện của một cá nhân đòi quyền được công nhận nhân cách.</p>

	+ Cái chết của Chí nói lên bản chất lương thiện sau bao vùi dập của anh.
--	--

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu:

- HS hệ thống các kiến thức đã được khám phá

b. Nội dung:

- HS tiến hành tổng kết các kiến thức đã học
- GV nhận xét, đánh giá

c. Sản phẩm

- Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1. GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV nêu câu hỏi:</p> <p>Câu hỏi 1: <i>Nêu giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của truyện ngắn “Chí Phèo”</i></p> <p>Câu hỏi 2: <i>Hệ thống hóa những nét đáng chú ý trong nghệ thuật kể chuyện của Nam Cao ở truyện ngắn Chí Phèo trên các phương diện: người kể chuyện, điểm nhìn và lời trần thuật.</i></p> <p>B2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi</p> <p>B3. HS báo cáo, thảo luận. HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV</p> <p>B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuẩn hóa kiến thức. 	<p>III. TỔNG KẾT</p> <p>1. Nội dung</p> <p>- Giá trị hiện thực:</p> <p>+ Tác phẩm phản ánh chân thực bức tranh cuộc sống làng quê Việt Nam trước Cách mạng với những mâu thuẫn giai cấp gay gắt giữa bọn địa chủ cường hào thống trị với người nông dân lao động, và tình trạng tha hóa khá phổ biến trong xã hội.</p> <p>+ Truyện ngắn đã phản ánh sự cai trị độc ác, tàn nhẫn của bè lũ phong kiến ở làng quê Việt Nam đồng thời tái hiện chân dung của những người nông dân lương thiện bị bần cùng hóa, tha hóa.</p> <p>-Giá trị nhân đạo.</p> <p>+ Lên án, tố cáo XH thực dân pk tàn bạo đã đẩy người nông dân đến bước đường cùng, tước đoạt quyền sống, quyền làm người lương thiện.</p> <p>+ Đồng cảm với nỗi đau của những số phận người nông dân lương thiện như Chí Phèo,</p>

<p>- GV nhấn mạnh một số phương diện:</p> <p>+ Người kể chuyện: Người kể chuyện toàn tri mang đến câu chuyện với tư cách khách quan bởi vậy có thể đưa ra những bình luận, đánh giá về nhân vật, sự việc trong câu chuyện từ đó khiến lời kể trở nên độc đáo và làm câu chuyện hấp dẫn hơn.</p> <p>+ Điểm nhìn: Việc gia tăng trần thuật theo ý thức nhân vật cho thấy sự đột phá trong quan niệm nghệ thuật của Nam Cao: văn chương cần phải khám phá hiện thực tâm lí của con người.</p> <p>+ Lời trần thuật: trần thuật đa giọng điệu; đa điểm nhìn; đặc biệt có sự kết hợp, cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết tạo ra các hiện tượng lời nửa trực tiếp, lời độc thoại nội tâm.</p>	<p>thị Nở</p> <p>+ Khẳng định niềm tin của tác giả vào bản chất lương thiện của những người nông dân cả khi tưởng như họ đã mất cả nhân hình lẫn nhân tính.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>Truyện ngắn độc đáo từ nghệ thuật xây dựng nhân vật đến nghệ thuật trần thuật.</p> <p>- Người kể chuyện: Người kể chuyện toàn tri sử dụng ngôi thứ ba mang đến cái nhìn khách quan.</p> <p>- Điểm nhìn: Người kể chuyện toàn tri không chỉ sử dụng điểm nhìn bên ngoài mà còn có thể sử dụng điểm nhìn bên trong để mở ra thế giới nội tâm nhân vật. Người kể chuyện gia tăng việc trần thuật theo ý thức nhân vật.</p> <p>- Lời trần thuật: trần thuật đa giọng điệu; đa điểm nhìn; đặc biệt có sự kết hợp, cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết tạo ra các hiện tượng lời nửa trực tiếp, lời độc thoại nội tâm.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS củng cố kiến thức đã học
- Rèn luyện năng lực tạo lập văn bản

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS viết đoạn văn khoảng 150 chữ

c. Sản phẩm

- Đoạn văn của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS:</p> <p><i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ” trình bày suy nghĩ của anh/ chị về chi tiết bát cháo hành của thị Nở trong truyện ngắn Chí Phèo.</i></p> <p>B2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi</p> <p>B3. HS báo cáo, thảo luận. HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV</p> <p>B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nêu sản phẩm dự kiến, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>- GV gợi ý:</p> <p>+ <i>Chi tiết bát cháo hành xuất hiện ở giai đoạn nào của tác phẩm? Đoạn đó nói về sự việc gì?</i></p> <p>+ <i>Chi tiết bát cháo hành thể hiện được điều gì về mối quan hệ thị Nở - Chí Phèo và có tác dụng soi rọi tâm lí nhân vật chính ra sao?</i></p> <p>+ <i>Tác giả chú ý tô đậm chi tiết này như thế nào?</i></p> <p>+ <i>Vì sao bát cháo hành lại có thể trở thành biểu tượng của sự săn sóc và tình người nói chung, từ khi được nhà văn Nam Cao kể lại trong tác phẩm Chí Phèo?</i></p>	<p>IV. LUYỆN TẬP</p> <p>Đề bài:</p> <p><i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ” trình bày suy nghĩ của anh/ chị về chi tiết bát cháo hành của thị Nở trong truyện ngắn Chí Phèo.</i></p> <p>Hướng dẫn:</p> <p>Gợi ý một số ý chính sau đây:</p> <p>- Vị trí của chi tiết bát cháo hành: Chi tiết bát cháo hành xuất hiện sau cuộc gặp giữa Chí Phèo và thị Nở.</p> <p>- Bát cháo hành thể hiện mối quan hệ thân mật giữa thị Nở và Chí Phèo. Đối với Chí Phèo, bát cháo hành của thị Nở là điều đầu tiên hắn được cho bởi vậy hắn rất xúc động.</p> <p>- Nhà văn đã tô đậm chi tiết bát cháo hành thông qua sự ghi nhớ của Chí Phèo về hương cháo hành đến mãi sau này.</p> <p>- Bát cháo hành trở thành biểu tượng của sự săn sóc và tình người nói chung từ khi được nhà văn Nam Cao kể lại trong tác phẩm Chí Phèo bởi sự kết hợp của ba yếu tố:</p> <p>+ Cháo hành được tạo nên bởi những nguyên liệu đơn sơ, mộc mạc, gần gũi người Việt Nam</p> <p>+ Bát cháo hành được thị Nở ân cần mang đến cho Chí Phèo mà không hề tính toán, vụ lợi.</p>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết tình huống cụ thể

b. Nội dung

- HS thực hiện viết bài văn theo yêu cầu

c. Sản phẩm

- Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS:

So sánh và nhận xét về đoạn kết của hai truyện ngắn Chí Phèo (Nam Cao) và Vợ Nhặt (Kim Lân)

B2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi

B3. HS báo cáo, thảo luận. HS trình bày câu trả lời theo chỉ định của GV

B4. GV đánh giá kết quả thực hiện:

- GV gợi ý:

+ Ở “Chí Phèo”, câu chuyện khép lại dự báo luẩn quẩn, bế tắc của cho những số phận trong tác phẩm với sự trở lại của hình ảnh “*chiếc lò cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người lại qua*”,

+ Ở “Vợ nhặt”, câu chuyện khép lại với dự báo tương lai sáng sủa, hạnh phúc cho các nhân vật nhờ sự xuất hiện của chi tiết “*đám người và lá cờ đỏ bay phấp phới*”.

4. Củng cố

GV nêu câu hỏi:

Theo em, để giải thoát Chí Phèo khỏi số phận nghiệt ngã thì cần phải làm gì?

5. Hướng dẫn về nhà

- Ôn tập kiến thức đã khám phá

- Chuẩn bị bài học tiếp theo.

Ngày soạn:

BÀI 1 : PHẦN II: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

Thời gian thực hiện: 1 tiết

TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh nhận biết được đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết
- Học sinh nhận tự nhận biết được các yếu tố hỗ trợ, ưu và nhược điểm của mỗi loại ngôn ngữ để vận dụng trong đời sống và tạo lập văn bản
- Học sinh biết vận dụng lý thuyết để làm bài tập

2. Về năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến việc tạo lập và lĩnh hội văn bản; liên quan đến ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.
- Năng lực đọc – hiểu các văn bản liên quan đến hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; liên quan đến ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân trong quá trình giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về những vấn đề liên quan đến hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; về sự khác nhau giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.
- Năng lực tự học, tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức và thói quen nói và viết thích hợp với từng dạng ngôn ngữ.
- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Giáo án PP, ti vi

biếng 5. Đi, chạy 6. Ăn 7. Chết		
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện nhiệm vụ học sinh làm việc nhóm theo yêu cầu của giáo viên giáo viên B3. Báo cáo thảo luận: -Giáo viên gọi học sinh đại diện các nhóm Lên trình bày kết quả làm việc cả lớp lắng nghe và nhận xét bổ sung hoặc phản biện -Giáo viên lắng nghe hỗ trợ tư vấn điều chỉnh B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét đánh giá kết quả của học sinh theo mục Dự kiến sản phẩm		

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Kiến thức Tiếng Việt được học

a.Mục tiêu:

-Học sinh biết cách nhận diện đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

b. Nội dung:

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên

- Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết và trình bày

c. Sản phẩm:

-Kết quả luyện tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>1.Hướng dẫn hs tìm hiểu ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết</p> <p>Bước 1: giáo viên chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-Giáo viên yêu cầu học sinh đọc phần nhận biết ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, việc theo nhóm (bàn học tập). Từ đó cho biết:</p> <p>+ Ngôn ngữ nói: đặc điểm, cách sử dụng</p> <p>+Ngôn ngữ viết: đặc điểm cách sử dụng</p> <p>Bước 2: học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>-Học sinh làm việc nhóm theo yêu cầu của giáo viên giáo viên quan sát, tư vấn hỗ trợ</p> <p>Bước 3: báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>-Giáo viên gọi học sinh đại diện các nhóm lên trình bày kết quả làm việc, cả lớp lắng nghe nhận xét bổ sung phản biện</p> <p>-Giáo viên lắng nghe, hỗ trợ tư vấn điều chỉnh</p> <p>Bước 4 : đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>-Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh theo mục Dự kiến sản phẩm</p>	<p>I. Lý thuyết</p> <p>1.Ngôn ngữ nói</p> <p>-Trong giao tiếp bằng ngôn ngữ nói, người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau, thay vai luân phiên:</p> <p>+Người nói ít có điều kiện gọt giũa lời nói'</p> <p>+ Ngôn ngữ nói thường có tính biểu cảm, tính cụ thể và tính cá thể cao.</p> <p>+Nếu không có phương tiện kỹ thuật hỗ trợ thì ngôn ngữ nói chỉ tồn tại nhất thời và được truyền đi trong phạm vi không gian hạn chế.</p> <p>-Cách sử dụng:</p> <p>+Từ ngữ và cách diễn đạt thường ít được chấp nhận trong ngôn ngữ viết:</p> <p>> Lóp từ mang tính khẩu ngữ (nhất là các trợ từ, thán từ. từ đưa đẩy chêm xen.....)</p> <p>> Câu tỉnh lược, câu có yếu tố trùng lặp hay dư thừa</p> <p>+Trong nhiều tình huống giao tiếp, người nói có thể dùng cách phát âm địa phương, từ ngữ địa phương, biệt ngữ....</p> <p>+ Ngôn ngữ nói thường cho phép người sử dụng phát huy tác dụng của ngữ điệu, cử chỉ điệu bộ nét mặt để gia tăng hiệu quả giao tiếp.</p> <p>2.Ngôn ngữ viết</p> <p>-Trong ngôn ngữ viết, người viết và người đọc thường không có sự tiếp xúc trực tiếp. Người viết có thời gian để suy ngẫm lựa chọn cách biểu đạt, vì vậy, ngôn ngữ viết nói chung được gọt giũa có khả năng lưu trữ thông tin lâu dài và hướng tới một phạm vi người đọc rộng lớn.</p>

	-Ngôn ngữ viết đòi hỏi người viết phải tuân theo các quy định về chính tả, từ vựng, ngữ pháp, bố cục trình bày, phong cách,... đặc biệt ngôn ngữ viết có thể dùng các kiểu câu dài nhiều thành phần câu phức tạp.										
2. Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết B1. Gv chuyển giao nhiệm vụ: -Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ chia lớp thành 4 nhóm thảo luận trao đổi để hoàn thành Yêu cầu HS so sánh đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết theo những đặc điểm sau: - Hoàn cảnh sử dụng trong giao tiếp - Phương tiện, yếu tố hỗ trợ - Từ ngữ, câu. - Ưu thế B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh làm việc nhóm theo yêu cầu của giáo viên. GV quan sát, tư vấn hỗ trợ. B3. Báo cáo thảo luận: -Giáo viên gọi học sinh đại diện các nhóm lên trình bày kết quả làm việc cả lớp lắng nghe và nhận xét bổ sung hoặc phản biện -Giáo viên lắng nghe hỗ trợ tư vấn điều chỉnh B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét đánh giá kết quả của học sinh theo mục Dự kiến sản phẩm	3. So sánh đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết Bảng so sánh: <table> <tr> <th></th><th>Ngôn ngữ nói</th><th>Ngôn ngữ viết</th></tr> <tr> <td>Hoàn cảnh sử dụng trong giao tiếp</td><td> - Tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trực tiếp, phản hồi tức khắc, có sự đổi vai. - Người nói ít có điều kiện lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ - Người nghe ít có điều kiện suy ngẫm, phân tích </td><td> - Không tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trong phạm vi rộng lớn, thời gian lâu dài, không đổi vai - Người giao tiếp phải biết các ký hiệu chữ viết, qui tắc chính tả, qui cách tổ chức VB. - Có điều kiện suy ngẫm, lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ </td></tr> <tr> <td>Phương</td><td>Sử dụng ngữ điệu rất</td><td>Hệ thống</td></tr> </table>			Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết	Hoàn cảnh sử dụng trong giao tiếp	- Tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trực tiếp, phản hồi tức khắc, có sự đổi vai. - Người nói ít có điều kiện lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ - Người nghe ít có điều kiện suy ngẫm, phân tích	- Không tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trong phạm vi rộng lớn, thời gian lâu dài, không đổi vai - Người giao tiếp phải biết các ký hiệu chữ viết, qui tắc chính tả, qui cách tổ chức VB. - Có điều kiện suy ngẫm, lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ	Phương	Sử dụng ngữ điệu rất	Hệ thống
	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết									
Hoàn cảnh sử dụng trong giao tiếp	- Tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trực tiếp, phản hồi tức khắc, có sự đổi vai. - Người nói ít có điều kiện lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ - Người nghe ít có điều kiện suy ngẫm, phân tích	- Không tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trong phạm vi rộng lớn, thời gian lâu dài, không đổi vai - Người giao tiếp phải biết các ký hiệu chữ viết, qui tắc chính tả, qui cách tổ chức VB. - Có điều kiện suy ngẫm, lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ									
Phương	Sử dụng ngữ điệu rất	Hệ thống									

	tiện, yếu tố hỗ trợ	đa dạng có sự phối hợp giữa âm thanh giọng điệu kết hợp với nét mặt cử chỉ điệu bộ, nét mặt ...	dấu câu, kí hiệu văn tự, hình ảnh minh hoạ, bảng biểu sơ đồ.
	Từ ngữ	Đa dạng, nhiều từ khẩu ngữ, từ địa phương tiếng lóng, chêm xen, đưa đẩy....	Mang tính chính xác cao, sử dụng lớp từ phù hợp v ới từng phong cách ngôn ngữ.
	Câu	Câu tỉnh lược, câu rườm rà, có yếu tố dư thừa trùng lặp.	Câu nhiều thành phần được tổ chức mạch lạc chặt chẽ.
	Ưu thế	Sử dụng ngữ điệu và các yếu tố hỗ trợ ngoài ngôn ngữ -> tăng cường tối đa sức biểu đạt cho lời nói. - Ngôn ngữ tự nhiên, giàu sức biểu cảm.	Có sự chuẩn bị -> tính chính xác, mạch lạc, chặt chẽ (từ ngữ, diễn đạt, bố cục, sử dụng kí hiệu, đề mục,...).
<p>* Lưu ý:</p> <p>Phân biệt : Nói và đọc</p> <p>viết và ghi</p> <p>- Nói và đọc</p> <p>+ Giống: Điều dùng ngôn ngữ âm thanh</p>			

	<p>+ Khác:</p> <p>Nói: Phát sinh trong hoàn cảnh giao tiếp, ý tưởng, tình cảm, thái độ... nảy sinh trong quá trình giao tiếp</p> <p>Độc: Có sẵn văn bản, chuyển thành lời.</p> <p>- Viết và ghi</p> <p>+ Giống: Dùng chữ viết</p> <p>+ Khác:</p> <p>Viết: Phát sinh trong hoàn cảnh giao tiếp gián tiếp, ý tưởng, tình cảm... nảy sinh thành hoạt động viết</p> <p>Ghi: Người nói, người nghe cố gắng chuyển ngôn ngữ âm thanh thành văn bản.</p> <p>Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, có hai trường hợp:</p> <p>+ Ngôn ngữ nói được ghi lại bằng chữ viết trong văn bản</p> <p>+ Ngôn ngữ viết trong văn bản được trình bày lại bằng lời nói miệng</p>
--	---

Nội dung 2: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết cách vận dụng kiến thức về câu để thực hành nhận diện đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

b. Nội dung:

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết và trình bày

c. Sản phẩm:

- Kết quả luyện tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

<p>THỰC HÀNH BÀI TẬP 1</p> <p>B1. Gv chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>-Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ chia lớp thành 4 nhóm thảo luận trao đổi để hoàn thành Bài tập 1 (SGK Ngữ Văn 11 trang 36)</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Học sinh làm việc nhóm theo yêu cầu của giáo viên. GV quan sát, tư vấn hỗ trợ.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>-Giáo viên gọi học sinh đại diện các nhóm lên trình bày kết quả làm việc cả lớp lắng nghe và nhận xét bổ sung hoặc phản biện</p> <p>-Giáo viên lắng nghe hỗ trợ tư vấn điều chỉnh</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Giáo viên nhận xét đánh giá kết quả của học sinh theo mục Dự kiến sản phẩm</p>	<p>II. Luyện tập</p> <p>1.Bài tập 1 (SGK Ngữ Văn 11 trang 36)</p> <p><i>a. Đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng tái tạo trong đoạn trích thứ nhất</i></p> <p>-Tác giả thay vai liên tục từ người kể chuyện đến lời nhân vật Tràng, thể hiện rõ tâm trạng của nhân vật Tràng khi thị xuất bất ngờ xuất hiện</p> <p>-Trong lời thoại của nhân vật tác giả sử dụng những từ cảm thán như: “à”, “hà”, “nhá”, “đấy” và những từ địa phương như “hờ”</p> <p>→ Qua cách sử dụng ngôn ngữ nói vào trong văn viết, tác giả giúp người đọc có thể dễ dàng nắm bắt được tâm lý, cảm xúc của nhân vật qua những ngôn từ hết sức gần gũi, cụ thể từ đó làm nổi bật lên cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ và trở trêu trong tình thế khó khăn của hai con người điển hình của nạn đói</p> <p><i>b. Đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng tái tạo trong đoạn trích thứ hai</i></p> <p>-Tác giả sử dụng linh hoạt những từ ngữ của văn nói như “biết gì”, “ôi”, “rồi”, “ai”...</p> <p>→ Qua cách sử dụng linh hoạt ngôn ngữ nói, tác giả muốn thể hiện sự gian xảo trong lời nói cũng như của Bá Kiến chỉ bằng một vài câu nói ngắn ông đã có thể xoa dịu được một Chí Phèo say rượu, hung hăng. Trọng lượng của lời nói không chỉ thể hiện ở những câu từ trau chuốt, đôi khi sự đơn giản, dễ hiểu lại có giá trị thuyết phục đối với người nghe cao hơn.</p> <p>2.Bài tập 2 (SGK Ngữ Văn 11 trang 38)</p> <p>-Trong đoạn văn trên, tác giả đã rất thành công trong việc trau chuốt từ ngữ, cấu trúc để gợi lên khung cảnh tang tóc, thê lương của xóm ngụ cư khi cái đói tràn về. Câu văn ngắn cùng cách diễn đạt đơn giản: “<i>người chết như ngã rạ</i>”, “<i>cái đói đã tràn đến xóm này từ lúc nào</i>”..... Kết hợp với nhiều từ láy mang ý nghĩa biểu tượng “xác xơ” “ngăn nắp”, “úp súp”, “heo hút”..... nhằm gợi lên</p>
--	---

THỰC HÀNH BÀI TẬP 2

B1. Gv chuyển giao nhiệm vụ:

-Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ chia lớp thành 4 nhóm thảo luận trao đổi để hoàn thành **Bài tập 2 (SGK Ngữ Văn 11 trang 38)**

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh làm việc nhóm theo yêu cầu của giáo viên. GV quan sát, tư vấn hỗ trợ.

B3. Báo cáo thảo luận:

-Giáo viên gọi học sinh đại diện các nhóm lên trình bày kết quả làm việc cả lớp lắng nghe và nhận xét bổ sung hoặc phản biện

-Giáo viên lắng nghe hỗ trợ tư vấn điều chỉnh

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giáo viên nhận xét đánh giá kết quả của học sinh theo mục Dự kiến sản phẩm

một khung cảnh rừng rợn, tiêu điều, đáng thương mà ở đó người con người dường như trở thành những bóng ma vật vờ, đợi chờ cái chết. Cái đói năm Ất Dậu đã tràn đến xóm ngụ cư bao trùm lên cảnh vật và con người, gợi mở ra một tương lai đen tối, cái chết cận kề đang chờ đón họ

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a.Mục tiêu:

-Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b. Nội dung:

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết và trình bày

c. Sản phẩm:

-Kết quả luyện tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:**BÀI TẬP. Phân tích lỗi và chữa lỗi những câu sau đây:**

- 1.Trong thơ ca Việt Nam thì đã có nhiều bức tranh mùa thu đẹp hết ý.
- 2.Còn như máy móc, thiết bị do nước ngoài đưa vào góp vốn thì không được kiểm soát, họ sẵn sàng khai vống lên đến mức vô tội vạ.
- 3.Cá, rùa, ba ba, ếch nhái, chim ở gần nước thì như cò, vạc, vịt, ngỗng,...thì cả ốc, tôm, cua...chúng chẳng chừa ai sát

4. Củng cố:

5. HDVN: - Xem lại các bài làm văn của anh (chị) để phát hiện và sửa các lỗi "viết như nói" (nếu có).

Ngày soạn:

BÀI 1: CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ**PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE**

Tiết 10:

**THUYẾT TRÌNH VỀ NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN
TRONG MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN
(01 tiết)**

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức: Giúp học sinh:**

- Giới thiệu được những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình
- Học sinh trình bày về các nhận định, đánh giá về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện một cách thuyết phục, rõ ràng, phối hợp với các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, làm nổi bật các nội dung thuyết trình

2. Về năng lực**a. Năng lực cốt lõi: Nói và nghe****Nói**

- Trình bày được những ý kiến, quan điểm của cá nhân về giá trị của tác phẩm thông qua nghệ thuật kể chuyện
- Biết tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình

Nghe

- Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

Nói nghe tương tác

- Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

b. Năng lực chung:

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

3. Về phẩm chất

- Tôn trọng người đối thoại, lắng nghe tích cực.

- Tự tin thể hiện bản thân, có sắc thái, cảm xúc, giọng điệu khi tranh luận phù hợp

- Tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng của người khác về một tác phẩm truyện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính, bảng viết...

2. Học liệu: SGK, sách giáo viên, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá, bảng kiểm...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung: GV cho HS xem 1 clip thuyết trình ngắn và yêu cầu học sinh chỉ ra những yếu tố làm nên thành công của bài thuyết trình đó

c. Sản phẩm: Nhận xét của HS thông qua phiếu học tập, GV dẫn dắt vào tiết học

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>HS xem clip thuyết trình và chỉ ra những yếu tố làm nên thành công của một bài thuyết trình thông qua việc hoàn thiện phiếu học tập 01</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi thông qua cách hoàn thiện phiếu học tập 01 - GV quan sát, động viên quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 02 HS trình bày sản phẩm của mình, các hs khác lắng nghe và nhận xét. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, cho điểm và dẫn dắt vào nội dung tiết học: 	<ul style="list-style-type: none"> - Gợi ý đáp án + Tìm hiểu kỹ về vấn đề thuyết trình + Sắp các ý mạch lạc, logic + Phong thái bình tĩnh tự tin. + Giọng nói rõ ràng, mạch lạc + Biết kết hợp yếu tố phi ngôn ngữ

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Biết lựa chọn đề tài thuyết trình
- Nêu được tên truyện, tên tác giả, giá trị nội dung, những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện đã chọn
- Biết cách tìm ý, sắp xếp ý hợp lý

b. Nội dung:

- HS đọc kỹ các thao tác chuẩn bị nói
- HS hoàn thiện phiếu học tập về kỹ năng nói – nghe

c. Sản phẩm: Sản phẩm bài viết bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
GV hướng dẫn HS Chuẩn bị nói	I. Chuẩn bị nói

<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>? Hãy tìm ý và sắp xếp ý cho vấn đề thuyết trình theo nhóm đã phân công dựa vào hướng dẫn trong SGK tr.46 và triển khai các ý theo Phiếu học tập 02 và 03</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS hoàn thành phiếu học tập số 02 và 03</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận về sản phẩm</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.</p>	<p>1. Lựa chọn đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề 1: Nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn “Đời thừa” của Nam Cao (tổ 1,2) - Vấn đề 2: Nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam (Tổ 3,4) <p>2. Tìm ý và sắp xếp ý</p> <p>*Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu nét chính về tác giả, tác phẩm - Câu chuyện được kể trong truyện là gì? - Người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? Điểm nhìn nhân vật? - Đặc điểm của lời trần thuật? - Vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc họa nhân vật?
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu: HS tự tin, có kỹ năng trình bày sản phẩm thuyết trình trước tập thể lớp.

- Nêu được tên truyện, tên tác giả, giá trị nội dung, những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện đã chọn
- HS trình bày được các nhận định, đánh giá về nghệ thuật kể chuyện một cách thuyết phục, nêu được luận điểm rõ ràng, có sự kết hợp giữa ngôn ngữ nói và các phương tiện phi ngôn ngữ.
- HS có kỹ năng nghe và phản hồi thông tin.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã lập dàn ý xong, các HS khác lắng nghe và phản hồi ý kiến.

c. Sản phẩm: Phần thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p><u>GV hướng dẫn HS thực hiện lập dàn ý bài thuyết trình</u></p>	<p>II. Thực hành nói</p> <p>1. Lập dàn ý</p> <p>Bài nói gồm 3 phần, tập trung vào các nội dung sau:</p>

<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu bố cục, dàn ý bài thuyết trình <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoàn thiện nhiệm vụ được giao <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm nêu ngắn gọn dàn ý <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về tác giả và tác phẩm truyện sẽ thuyết trình - Triển khai: Thuyết trình tuần tự nội dung một cách hợp lí, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu hay minh họa trực quan nếu có + Có thể kể lại ngắn gọn nội dung câu chuyện nếu tác phẩm ấy chưa được nhiều người biết đến + Chỉ ra, đánh giá các phương diện nổi bật trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm: Người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn nhân vật; Lời trần thuật trong việc xây dựng nhân vật và khắc họa thời gian, không gian nghệ thuật; giọng điệu... + Nhận xét về vai trò, ý nghĩa của nghệ thuật tự sự trong tác phẩm - Kết luận: + Khái quát lại những điều cảm nhận cũng như đánh giá về tính nghệ thuật của tác phẩm mà mình đã lựa chọn để thuyết trình. + Khuyến khích người nghe chia sẻ những cảm nhận hay góc nhìn khác về tác phẩm
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu bố cục, dàn ý bài thuyết trình và lập dàn ý cho đề 1, đề 2 theo sự phân công của GV <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoàn thiện nhiệm vụ được giao <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm nêu ngắn gọn dàn ý <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm. 	<p>1.1. Dàn ý đề 1: Nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn “Đời thừa” của Nam Cao</p> <p>a. Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về tác giả Nam Cao và truyện ngắn “Đời thừa”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nam Cao: là nhà văn xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện thực phê phán, bậc thầy trong việc phân tích, miêu tả tâm lý nhân vật - Tác phẩm Đời thừa: là truyện ngắn đặc sắc viết về đề tài người trí thức, được coi như tuyên ngôn của Nam Cao về văn học. <p>b. Triển khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu ngắn gọn nội dung tác phẩm (Câu chuyện được kể): cốt truyện đơn giản viết về đề tài người trí thức nghèo trước cách mạng. Câu chuyện xoay quanh bi kịch tình thân không lối thoát của Hộ - một

nhà văn có lý tưởng sống với những khát khao, hoài bão cao đẹp. Nhưng cuộc sống thực tại nghiệt ngã, nghèo khổ đã khiến Hộ không thực hiện được ước mơ của mình và phải sống trong sự dằn vặt, đau khổ, sống một cuộc “đời thừa”.

- Ngôi kể, điểm nhìn nhân vật:

- Ngôi kể: Ngôi thứ 3

- Điểm nhìn:

+ Bên trong: gắn với những suy nghĩ nội tâm, tư tưởng của nhân vật Hộ, giúp tác giả thể hiện tốt nhất nội tâm đang đấu tranh, giằng xé để nhận ra lỗi lầm của nhân vật. Anh yêu văn chương, sống với lý tưởng thanh cao nhưng nằm trên nỗi lo về mưu sinh, kiếm sống, anh không thể theo đuổi nó một cách trọn vẹn mà phải rẽ hướng rồi bị tha hóa.

+ Điểm nhìn Bên ngoài: Người kể chuyện đứng đằng sau câu chuyện để miêu tả, khắc họa ngoại hình của nhân vật, người đọc cảm nhận được sự đáng thương, bi kịch của nhân vật từ ngoại hình.

+ Điểm nhìn không gian và thời gian: có sự thay đổi linh hoạt tạo nên kiểu kết cấu tâm lý đặc trưng trong các truyện ngắn của Nam Cao. Thời gian trong chuyện có sự thay đổi đứt quãng từ hiện tại, quá khứ, tương lai... để khắc họa rõ bi kịch nội tâm không lối thoát của nhân vật, những trăn trở, dằn vặt của Hộ khi nhớ đến quá khứ, những dự định cho tương lai rồi lại đắm chìm trong thực tại với gánh nặng cơm, áo, gạo, tiền của mình.

- Lời trần thuật: Kết hợp lời trần thuật nửa trực tiếp giữa lời kể của tác giả và lời tự vấn của nhân vật để diễn tả tâm lý nhân vật.

- Giọng điệu trần thuật: vừa thương cảm, đồng cảm, xót thương vừa hàm chứa sự mỉa mai, nghiêm khắc đối với nhân vật khi để nhân vật tự bộc bạch tâm trạng của mình hay cách xưng hô đối với nhân vật (gọi nhân vật là “hắn”). Ngôn ngữ trần thuật đời thường, sắc sảo, linh hoạt.

- Nhận xét về vai trò, ý nghĩa của nghệ thuật trần

thuật trong tác phẩm: Với cách kiến tạo câu chuyện, lựa chọn ngôi kể và điểm nhìn linh hoạt, tác giả đã hướng ngòi bút vào việc miêu tả thành công thế giới tinh thần bên trong của nhân vật để khám phá con người trong con người, miêu tả và phân tích mọi biểu hiện, biến chuyển trong thế giới nội tâm nhân vật. Trong tác phẩm, Nam Cao không hướng ngòi bút vào việc miêu tả nỗi khổ cơm áo mà tập trung thể hiện nỗi đau đớn, dằn vặt tinh thần của nhân vật trước gánh nặng cơm áo làm mai một tài năng và xói mòn nhân cách.

c. Kết luận: Nghệ thuật tự sự của Nam Cao được thể hiện trên nhiều phương diện nhưng trong đó đáng chú ý nhất là về điểm nhìn và lối trần thuật của tác giả. Sự nhất quán giữa điểm nhìn và lối trần thuật giúp lời văn của tác giả trở nên chân thực, giá trị biểu cảm và ý nghĩa truyền tải được rõ nét hơn. Đây cũng là một điểm quan trọng góp phần làm nên thành công lớn của tác phẩm.

1.2. Dàn ý đề 2: Nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam

a. Mở đầu: giới thiệu về tác giả Thạch Lam và tác phẩm “ Hai đứa trẻ”

- **Tác giả Thạch Lam:** là thành viên chính của nhóm Tự lực văn đoàn. Ông quan niệm văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực, nó tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của con người.

- **Tác phẩm “Hai đứa trẻ”:** tiêu biểu cho giọng văn Thạch Lam nhẹ nhàng, thâm trầm, sâu sắc. Tác phẩm có sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và lãng mạn, tự sự và trữ tình

b. Triển khai:

- **Nêu ngắn gọn nội dung tác phẩm (Câu chuyện được kể):** cốt truyện đơn giản viết về cuộc sống nghèo khổ, quanh quẩn, bế tắc, tàn lụi của những người dân nơi phố huyện nghèo trước Cách mạng tháng 8. Qua đó, nhà văn đã thể hiện sự trân trọng đối với những khát khao đổi đời dù rất mong manh, mơ hồ của họ thông qua cảnh đợi tàu của chị em Liên và An – nhân vật chính của truyện

- **Ngôi kể, điểm nhìn nhân vật:**

- Ngôi kể: ngôi thứ 3

- **Điểm nhìn nhân vật:** Điểm nhìn bên trong để miêu tả tâm hồn Liên một cách tinh tế, sâu sắc từ đó tác giả có thể đi sâu khai thác tâm trạng và cảm xúc, sự biến đổi tinh tế trong suy nghĩ của nhân vật. Tâm hồn nhạy cảm, nhân hậu của Liên khi thương xót cho những đứa trẻ không có tiền, mảy mò tìm kiếm, nhặt nhạnh cái gì trong bãi rác. ..

+ **Điểm nhìn không gian:** điểm nhìn từ xa đến gần, từ khái quát trên diện rộng đến cụ thể (cách miêu tả cảnh chợ tàn, chuyến tàu...)

+ **Điểm nhìn thời gian:** có sự thay đổi linh hoạt từ cái nhìn đầy quần quanh, bết tắc trong hiện tại hướng đến quá khứ hạnh phúc và mơ ước tương lai tươi sáng nhưng mơ hồ ở phía trước của chị em Liên cũng như người dân phố huyện qua đó làm nổi bật lên sự thương cảm sâu sắc của tác giả đối với những kiếp người nhỏ bé trước cách mạng.

- **Lời trần thuật:** kết hợp linh hoạt giữa lời trần thuật của người kể chuyện và lời nhân vật. Lời người kể chuyện chủ yếu miêu tả cảnh vật và con người. Lời nhân vật là những đối thoại rời rạc, chủ yếu mang tính xác nhận, phụ họa gọi ra không khí buồn tẻ, nhịp sống đều đều bình lặng của phố huyện nghèo....

- **Giọng điệu trần thuật:** giọng điệu rất riêng, giọng điệu tâm tình thủ thỉ, nhẹ nhàng, chậm rãi, man mác buồn với những câu văn dài. Ngôn ngữ trần thuật giản dị, giàu hình ảnh, giàu chất thơ thể hiện sự thương cảm của tác giả đối với kiếp người nghèo khổ

- **Nhận xét về vai trò, ý nghĩa của nghệ thuật trần thuật trong tác phẩm:** Truyện ngắn “Hai đứa trẻ” với nghệ thuật kể chuyện đặc sắc, giọng văn cảm xúc và nhẹ nhàng, điềm tĩnh, khách quan đã tái hiện một cách chân thực cuộc sống nghèo đói, bết tắc của người dân trước cách mạng. Với việc lựa chọn điểm nhìn trần thuật linh hoạt được đặt vào nhân vật Liên – một cô bé mới lớn, giàu lòng trắc ẩn và rất tinh tế, ngôn ngữ kể chuyện nhẹ nhàng khiến tác phẩm có sức lan tỏa sâu sắc vào tâm trí người đọc như những mạch nước ngầm trong mát, dịu ngọt.

c. Kết luận: “Hai đứa trẻ” – Một cốt truyện đơn giản và nghệ thuật tự sự tài tình trong việc lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn, lời trần thuật... đã khơi dậy cho người

đọc những cảm xúc thuần khiết nhất. Thạch Lam đã có những chất liệu nghệ thuật vô cùng hoàn hảo để giúp tác phẩm vượt ra khỏi sự trói buộc của lối văn chương cũ để thể hiện cái tài riêng nổi bật của chính nhà văn..

2. Thực hành nói - nghe

2.1 Một số yêu cầu nói và nghe.

+ Nêu đề tài của bài nói, trình bày lý do lựa chọn đề tài.

+ Trình bày các ý của bài nói (theo đề cương đã chuẩn bị).

+ Tóm tắt lại nội dung chính của bài nói, đưa ra một số ý tưởng mở rộng.

*** Chú ý:**

+ Sử dụng các từ ngữ chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết chặt chẽ cho bài nói, giúp người nghe dễ theo dõi. Ví dụ: *đầu tiên, tiếp theo, cuối cùng, tóm lại, thứ nhất, thứ hai,...*

+ Sử dụng giọng nói và ngữ điệu một cách thích hợp: nhấn mạnh, lên giọng, xuống giọng khi cần thiết,...

+ Sử dụng có hiệu quả các động tác cơ thể, biết giao tiếp bằng mắt với người nghe và di chuyển vị trí một cách hợp lý.

+ Các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ,...(nếu có) cần được sử dụng với mức độ vừa phải, cốt để làm nổi bật vấn đề muốn nói.

+ Chú ý lắng nghe bài nói của bạn.

+ Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra quan điểm của mình để đối thoại với người nói.

2.2 Thực hành nói

- Nhóm 1, 2 thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn *Đời thừa*.

- Nhóm 3, 4 thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ*.

3. Trao đổi

- Người nghe:

+ Chia sẻ điểm hợp lý và hấp dẫn trong bài thuyết trình

+ Nêu những điểm còn băn khoăn hoặc cách đánh giá, cảm nhận về tác phẩm khác với người nói

+ Có thể đưa ra những câu hỏi cho người thuyết trình về những nội dung mình tâm đắc.

- Người nói:

+ Trả lời những thắc mắc từ người nghe

+Thể hiện thái độ tiếp thu chân thành, cởi mở với góp ý xác đáng, nghiêm túc

+ Chia sẻ thêm một số điểm mình muốn làm rõ hơn hay những phát hiện về tính nghệ thuật của tác phẩm

*** Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá về bài trình bày**

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu các thông tin cần thiết về tác phẩm truyện được lựa chọn để thuyết trình (Tác giả, hoàn cảnh ra đời...)		
2	Chỉ ra và đánh giá được các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện		
3	Biết phối hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu hay minh họa trực		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Kiểm tra kết quả nghe:		
	Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?		
	Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về nghệ thuật của một tác phẩm truyện của bạn?		
4	Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:		
	Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?		
	Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?		

quan

4

Có phong thái tự tin, tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe với tác phẩm

* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe

ST T	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- GV lưu ý HS những điều cần chú ý của người nói và người nghe
- GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần thuyết trình của các nhóm
- Mỗi vấn đề thuyết trình gọi 01 HS đại diện cho nhóm trình bày. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các nhiệm vụ được giao

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

- Hs báo cáo sản phẩm và thảo luận về sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của

các nhóm.

GV hướng dẫn HS trao đổi và phản hồi

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- GV lưu ý HS những điều cần chú ý trong trao đổi và phản hồi sau thuyết trình đối với người nói và người nghe

- GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt và điều hành phần trao đổi và phản hồi của các nhóm sau thuyết trình

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ được giao thông qua những câu hỏi, chia sẻ xung quanh vấn đề thuyết trình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

- Các HS tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về bài thuyết trình

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- HS đánh giá phần thuyết trình của nhóm bạn và phần lắng nghe của bản thân thông qua bảng kiểm

- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của HS

a. Mục tiêu:

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung:

HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Quay video thuyết trình về nghệ thuật tự sự của 1 tác phẩm truyện ngắn mà em yêu thích (Thời lượng 3 – 5 phút)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hoàn thiện bài tập theo yêu cầu của GV

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

+ Thực hiện báo cáo việc thực hiện sản phẩm vào tiết học sau.

+ Báo cáo sản phẩm sau 01 tuần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- Nhận xét ý thức làm bài và chất lượng sản phẩm học tập của HS

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

4. Củng cố:

- HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi sau:

+ Theo em điều gì làm nên sức hấp dẫn của một truyện ngắn hiện đại (đề tài, trình tự, điểm nhìn, ngôn ngữ, cốt truyện....)

+ Suy nghĩ của em về hình tượng nhân vật nữ : Thị Nở (**Chí Phèo** – Nam Cao) và người vợ nhặt (**Vợ nhặt** – Kim Lân). Từ đó, đánh giá giá trị nhân đạo của mỗi tác phẩm. (So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa các nhân vật. Lí giải...)

5. HDVN:

- HS xem lại toàn bộ nội dung bài học

- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có kỹ năng khi tiếp cận các tác phẩm truyện ngắn hiện đại ngoài chương trình.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 2 - Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình

- + Xem và ghi chép những kiến thức quan trọng trong phần Tri thức ngữ văn
- + Xem trước các phiếu bài tập được giao và trả lời câu hỏi trong SGK

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập 01: Tìm hiểu về bài thuyết trình minh họa

- Vấn đề thuyết trình: 	- Cách sắp xếp luận điểm:
- Phong thái người thuyết trình: 	- Giọng nói:
- Các yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng: 	Cảm nhận, đánh giá chung của em về bài thuyết trình:

Phiếu học tập 02: Tìm hiểu về nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn

“Đời thừa” của Nam Cao

- Tác giả Nam Cao: 	- Câu chuyện được kể:
---------------------------------------	--

- Tác phẩm <i>Đời thừa</i> :	
.....	
.....	
- Ngôi kể, điểm nhìn nhân vật:	- Lời trần thuật, giọng điệu trần thuật:
.....	
.....	

Phiếu học tập 03: Tìm hiểu về nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn

“Hai đứa trẻ” của Thạch Lam

- Tác giả Thạch Lam:	- Câu chuyện được kể:
.....	
.....	
- Tác phẩm <i>Hai đứa trẻ</i> :	
.....	
.....	
.....	
- Ngôi kể, điểm nhìn nhân vật:	- Lời trần thuật, giọng điệu trần thuật: ...
.....	
.....	

Dự kiến sản phẩm phiếu học tập 02, 03 của HS

Phiếu học tập 02: Tìm hiểu về nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn

“Đời thừa” của Nam Cao

<p>Tác giả Nam Cao: là nhà văn xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện thực phê phán, bậc thầy trong việc phân tích, miêu tả tâm lý nhân vật</p> <p>Tác phẩm <i>Đời thừa</i>: là truyện ngắn đặc sắc viết về đề tài người trí thức, được coi như</p>	<p>Câu chuyện được kể: cốt truyện đơn giản xoay quanh bi kịch không lối thoát giữa khát khao, hoài bão, lý tưởng sống cao đẹp và hiện thực cuộc sống nghiệt ngã, nghèo khổ của nhà văn Hộ,</p>
---	---

tuyên ngôn của Nam Cao về văn học	
<p>Ngôi kể, điểm nhìn nhân vật:</p> <p>- Ngôi kể: Ngôi thứ 3</p> <p>- Điểm nhìn:</p> <p>+ Bên trong: gắn với những suy nghĩ nội tâm, tư tưởng của nhân vật</p> <p>+ Điểm nhìn toàn tri: người kể chuyện biết trước câu chuyện</p> <p>+ Điểm nhìn không gian và thời gian:</p>	<p>- Lời trần thuật: Kết hợp lời trần thuật nửa trực tiếp giữa lời kể của tác giả và lời tự vấn của nhân vật để diễn tả tâm lý nhân vật</p> <p>- Giọng điệu trần thuật: vừa thương cảm, đồng cảm, xót thương vừa hàm chứa sự mỉa mai, nghiêm khắc đối với nhân vật khi để nhân vật tự bộc bạch tâm trạng của mình hay cách xung hô đối với nhân vật (gọi nhân vật là “hắn”). Ngôn ngữ trần thuật đời thường, sắc sảo, linh hoạt.</p>

Phiếu học tập 03: Tìm hiểu về nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn

“Hai đứa trẻ” của Thạch Lam

<p>Tác giả Thạch Lam: là thành viên chính của nhóm Tự lực văn đoàn. Ông quan niệm văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực, nó tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của con người.</p> <p>Tác phẩm “Hai đứa trẻ”: tiêu biểu cho giọng văn Thạch Lam nhẹ nhàng, thâm trầm, sâu sắc. Tác phẩm có sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực và lãng mạn, tự sự và trữ tình</p>	<p>Câu chuyện được kể: Cuộc sống nghèo khổ, quẩn quanh, bế tắc, tàn lụi của những người dân nơi phố huyện nghèo trước Cách mạng tháng 8. Qua đó, nhà văn đã thể hiện sự trân trọng đối với những khát khao đời đời rất mong manh, mơ hồ của họ thông qua cảnh đợi tàu của chị em Liên và An – nhân vật chính của truyện</p>
<p>Ngôi kể, điểm nhìn nhân vật:</p> <p>- Ngôi kể: ngôi thứ 3</p> <p>- Điểm nhìn nhân vật: Điểm nhìn bên trong để miêu tả tâm hồn Liên một cách tinh tế, sâu sắc từ đó tác giả có thể đi sâu khai thác tâm trạng và cảm xúc, sự biến đổi tinh tế trong suy nghĩ của nhân vật. Tâm hồn nhạy cảm, nhân hậu của Liên khi thương xót cho những đứa trẻ không có tiền, mảy mò tìm kiếm, nhặt nhạnh cái gì trong bãi rác. ..</p>	<p>Lời trần thuật: kết hợp linh hoạt giữa lời trần thuật của người kể chuyện và lời nhân vật. Lời người kể chuyện chủ yếu miêu tả cảnh vật và con người. Lời nhân vật là những đối thoại rời rạc, chủ yếu mang tính xác nhận, phụ họa gợi ra không khí buồn tẻ....</p> <p>- Giọng điệu trần thuật: nhẹ nhàng, chậm rãi, man mác buồn với những câu văn dài. Ngôn ngữ trần thuật giản dị, giàu hình ảnh, giàu chất thơ.</p>

Ngày soạn:

BÀI 2: CẤU TỬ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Thời gian thực hiện: 11 tiết

(Đọc: 7 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 2 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG**1. Về kiến thức:**

- Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản; nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- Viết được văn bản nghị luận về một bài thơ: tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm.
- Biết giới thiệu (dưới hình thức nói) về một tác phẩm nghệ thuật (văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội họa) theo lựa chọn cá nhân.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tiếp nhận; năng lực tự nhận thức; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực tự chủ và tự học; năng lực đánh giá; năng lực tư duy phản biện; giải quyết vấn đề, ...
- Năng lực đặc thù: Năng lực thẩm mỹ; năng lực ngôn ngữ; năng lực đọc – hiểu tác phẩm thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại

3. Về phẩm chất: Biết sống hòa đồng với mọi người, thiên nhiên; biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với cuộc đời.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**PHẦN 1: ĐỌC****Tiết - VĂN BẢN 1****NHỚ ĐỒNG****(Tố Hữu)****I. MỤC TIÊU**

1. Về kiến thức:

- HS hiểu được cảm hứng chủ đạo của bài thơ: khát khao tự do, khát khao một sự thay đổi mang tính cách mạng trên quê hương.

2. Về năng lực:

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm cấu tứ cùng hệ thống hình ảnh tổ chức xoay quanh trục cảm xúc “nhớ đồng” của bài thơ.

- HS nhận biết và phân tích được dấu ấn tượng trưng trong bài thơ, chỉ ra được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua hệ thống ngôn từ của văn bản.

3. Về phẩm chất:

HS biết trân trọng tình cảm gắn bó máu thịt với cảnh sắc, con người và số phận của quê nghèo đang đứng trước ngưỡng cửa những thay đổi lớn lao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV chiếu video bài hát Giấc mơ trưa (Tùy lựa chọn của GV và xu hướng lớp học: Sôi nổi hoặc Nhẹ nhàng lựa chọn bản Hát hoặc Rap)

- GV gợi dẫn câu hỏi: Theo trải nghiệm của em, nỗi nhớ về quê hương, kỉ niệm sẽ bắt đầu hình ảnh nào?

- HS lắng nghe và suy nghĩ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu video bài hát Giấc mơ trưa (Tùy lựa chọn của GV và xu hướng lớp học: Sôi nổi hoặc Nhẹ nhàng lựa chọn bản Hát hoặc Rap) Link 1:	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS => Dẫn dắt vào bài học

<https://www.youtube.com/watch?v=2o0cNxO2fWE>

Link 2:

<https://www.youtube.com/watch?v=u2Ix73ePWDs>

GV gợi dẫn câu hỏi: Theo trải nghiệm của em, nổi nhớ về quê hương, kỉ niệm sẽ bắt đầu hình ảnh nào?

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh theo dõi và chia sẻ

B3. Báo cáo thảo luận:

Chia sẻ của học sinh

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

e. Mục tiêu:

Học sinh đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản; nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ.

f. Nội dung:

- Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa.

- Học sinh thực hành cá nhân – thảo luận nhóm để tìm hiểu phần tri thức ngữ văn

g. Sản phẩm: Phiếu học tập ghi nhận tri thức ngữ văn

h. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - GV phát phiếu học tập cho HS để tìm hiểu về “Cấu tứ” và “Tứ” trong thơ trữ tình, yếu tố tượng trưng trong thơ.	1. Cấu tứ trong thơ - Cấu tứ là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. Trong lĩnh vực thơ, cấu tứ gắn liền với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn



Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và thực hiện

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.

- Sản phẩm của hoạt động cấu tứ trong thơ là tứ thơ (thường được gọi đơn giản là tứ). Tứ đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. Nhờ có tứ, tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng – hình ảnh trung tâm.

- Mỗi bài thơ thường có một cách cấu tứ và một cái tứ riêng. Chú ý tìm hiểu vấn đề này là điều có ý nghĩa quan trọng trong việc đọc hiểu thơ, nhìn ra những phát hiện độc đáo của nhà thơ về con người, cuộc sống và đánh giá đúng phẩm chất nghệ thuật của bài thơ.

- Vì mối liên hệ nhân quả tất yếu giữa cấu tứ và tứ mà trong nhiều trường hợp, người ta đã đồng nhất hai khái niệm này. Lúc đó, có thể xem "tìm hiểu cấu tứ của bài thơ" và "tìm hiểu tứ thơ của bài thơ" là hai hình thức diễn đạt khác nhau về cùng một ý (nội dung).

- Những kiểu cấu tứ quen thuộc trong thơ:

+ Cấu tứ dựa trên mô hình cấu trúc phổ quát của bài thơ: Cấu tứ dựa trên việc xây dựng, tạo lập các hình tượng trong thơ. Cách tổ chức tác phẩm dựa trên việc xây dựng và tổ chức hình tượng có sức khái quát cao luôn là khao khát và thách thức lớn đối với mỗi nhà thơ; Cấu tứ dựa trên việc tổ chức sắp xếp các nguồn cảm xúc sao cho chúng được bung nở, biểu hiện một cách tự nhiên nhất, cho thấy được trạng thái tâm hồn của nhà thơ; Cấu tứ dựa trên việc tạo lập và tổ chức bố cục của bài thơ trữ tình. Bố cục của một văn bản thơ hoàn chỉnh bao gồm có nhan đề, các câu thơ, khổ thơ tạo thành các đoạn thơ, các đoạn thơ đó hợp lại tạo thành một tác phẩm thơ trọn vẹn

+ Cấu tứ dựa trên đặc trưng cấu trúc của thể thơ và đặc trưng của một số biện pháp nghệ thuật trong thơ: Cấu tứ dựa trên sự tôn trọng đặc trưng của các thể thơ: Thơ lục bát, thơ Đường luật, Thơ tự do, Thơ văn xuôi,

...

2. Yếu tố tượng trưng trong thơ

- Trong lĩnh vực sáng tác văn học – nghệ thuật nói chung, sáng tác thơ ca nói riêng, thuật ngữ tượng trưng trước hết được dùng để chỉ một loại hình ảnh, hình tượng mang tính đặc thù. Ở đó, người nghệ sĩ thường sử dụng các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất. Thuật ngữ này thường xuất hiện trong các kết hợp từ: hình ảnh, hình tượng tượng trưng; yếu tố tượng trưng; tính chất tượng trưng; chủ nghĩa tượng trưng...

- Trước một hình ảnh, hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa và gợi lên những cảm nhận đa chiều, người ta có căn cứ để nói đến sự hiện diện của yếu tố tượng trưng. Yếu tố tượng trưng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính chất tượng trưng của bài thơ.

- Mọi hình ảnh, hình tượng thơ, xét từ bản chất, đã có tính chất tượng trưng. Nhưng với những sáng tác thuộc trường phái thơ tượng trưng hoặc thuộc loại hình thơ tượng trưng, tính chất này đã đạt một chất lượng mới. Điều này liên quan đến sự ý thức sâu sắc của nhà thơ về các mối tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ.

- Ở bài thơ có yếu tố tượng trưng, các tác giả thường chú ý làm nổi bật tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc... bằng những cách thức khác nhau.

- Bên cạnh đó, việc phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ cũng rất được quan tâm. Với một số nhà thơ tượng trưng, trong số nhiều thủ pháp nghệ thuật được sử dụng không thể không nói đến việc hoà trộn cảm nhận của các giác quan, việc diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng,...

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn để:

- Học sinh hiểu được cảm hứng chủ đạo của bài thơ: khát khao tự do, khát khao một sự thay đổi mang tính cách mạng trên quê hương.
- Học sinh nhận biết và phân tích được đặc điểm cấu tứ cùng hệ thống hình ảnh tổ chức xoay quanh trục cảm xúc “nhớ đồng” của bài thơ.
- Học sinh nhận biết và phân tích được dấu ấn tượng trưng trong bài thơ, chỉ ra được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua hệ thống ngôn từ của văn bản.

b. Nội dung:

GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn, thực hiện phiếu học tập, thảo luận nhóm, phát vấn cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS thể hiện kiến thức về tác giả, tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn</p> <p>+ Nêu những nét chính về tiểu sử và phong cách sáng tác của Tố Hữu?</p> <p>+ Hoàn cảnh sáng tác của văn bản có gì đặc biệt?</p> <p>+ Bố cục bài thơ có thể chia như thế nào? Nội dung của mỗi đoạn là gì?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc kĩ văn bản: lưu ý cách ngắt giọng, ngừng giọng phù hợp, biết nhấn giọng khi gặp điệp ngữ, biết thay đổi ngữ điệu khi gặp các kiểu câu khác nhau; Chú ý thể chỉ dẫn</p> <p>- HS suy ngẫm các câu hỏi</p> <p>- Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>- Tố Hữu (1920 – 2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, quê gốc ở làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>- Ông từng được tôn vinh là “lá cờ đầu” của nền thơ cách mạng Việt Nam nửa sau thế kỉ XX.</p> <p>- Thơ Tố Hữu là tiếng nói trữ tình nhiệt huyết về những vấn đề lớn của đất nước và cách mạng, mang đậm tính sử thi, tràn đầy niềm tin ở tương lai, tất cả được thể hiện bằng một hình thức thơ giàu tính dân tộc, gần gũi với đại chúng.</p> <p>- Các chặng đường sáng tác của Tố Hữu được đánh dấu bằng 7 tập thơ chính, gắn với quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam nửa sau thế kỉ XX: Thơ (1946, từ lần in thứ hai trở đi vào năm 1959, tập thơ mang nhan đề mới là Từ ấy), Việt Bắc</p>

<p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>(1954), Gió lộng (1961), Ra trận (1972), Máu và hoa (1977) Một tiếng đờn (1992), Ta với ta (2000)</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác</p> <p>Nhớ đồng được viết trong thời gian tác giả bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ (thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế). Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, bài thơ được đưa vào tập Thơ (tức Từ ấy). Cũng như nhiều bài thơ khác được tác giả sáng tác trong hoàn cảnh tù đầy. Nhớ đồng thể hiện rõ tâm sự của một người thanh niên yêu nước giàu nhiệt huyết, khao khát tự do, nôn nóng muốn trở về sát cánh với đồng chí, đồng bào lúc phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đang phát triển mạnh mẽ.</p> <p>b. Bố cục</p> <p>+ Đoạn 1 (8 khổ đầu): Nỗi nhớ thế giới bên ngoài với những cảnh, những con người đặc trưng cho quê nghèo muôn thuở.</p> <p>+ Đoạn 2 (5 khổ còn lại): Nỗi nhớ bước đường hoạt động cách mạng vừa qua và niềm khao khát tự do.</p>
---	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc văn bản thơ trữ tình hiện đại, nắm được một số đặc điểm riêng của thể tự do (cấu tứ, ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu...)
- HS nhận biết và phân tích được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả - người thanh niên trí thức yêu nước thời bấy giờ.
- HS nhận biết và phân tích dòng hồi tưởng khi bị tù giam của tác giả với cuộc sống bên ngoài. Thông qua đó hiểu được tâm trạng, sự nhiệt huyết của tuổi trẻ khi giác ngộ được chân lí của thời đại.
- HS hiểu được những nét nghệ thuật cơ bản của bài thơ được tác giả sử dụng.

b. Nội dung hoạt động

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- HS làm việc cá nhân kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc của HS (phiếu học tập, câu trả lời...)

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu cấu tứ bài thơ</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV yêu cầu HS đọc văn bản, chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu theo các câu hỏi gợi dẫn từng vấn đề</p> <p>Vấn đề 1. Nhan đề</p> <p>1. Em hãy liệt kê những khía cạnh phong phú của nội dung cảm xúc được thể hiện trong bài.</p> <p>2. Theo em, nhan đề Nhớ đồng đã bao quát được toàn bộ nội dung cảm xúc ấy chưa? Vì sao?</p> <p>3. Em hiểu thế nào về ý nghĩa của từ “đồng” trong nhan đề.</p> <p>Vấn đề 2. Quy luật phân bố khổ thơ và sắp xếp hình ảnh thơ</p> <p>a. Quy luật phân bố khổ thơ</p> <p>1. Em có nhận xét gì về đặc điểm hình thức và nội dung của các khổ 1,4,7,13 trong văn bản.</p> <p>2. Các khổ thơ này phân bố theo quy luật nào?</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Cấu tứ bài thơ</p> <p>a. Nhan đề</p> <p>- Những khía cạnh phong phú của nội dung cảm xúc</p> <p>+ Nhớ sắc màu, hương vị, cảnh quan đơn sơ mà quyến rũ của làng quê (khổ 2).</p> <p>+ Nhớ nhịp sống trì đọng, “không đổi” qua bao năm tháng của làng quê (khổ 3).</p> <p>+ Nhớ những con người cần cù lao động và luôn nuôi hi vọng trên những “luống cày” (khổ 5).</p> <p>+ Nhớ nỗi buồn cố hữu toả ra từ không gian làng quê (khổ 6).</p> <p>+ Nhớ những người quê “thiệt thà” “chất phác” và những “dáng hình” ruột thịt (khổ 8, 9).</p> <p>+ Nhớ những ngày đi ra từ làng quê, bắt đầu dần thân vào con đường Cách mạng và vui say với lí tưởng (khổ 10, 11).</p> <p>+ Nhớ tất cả những gì thuộc về cuộc sống tự do bên ngoài nhà tù (khổ 12).</p> <p>- Qua tất cả những gì nêu ở trên, có thể thấy toàn bộ cảm xúc của bài thơ đều hướng về nỗi nhớ “ruộng đồng quê” (cụm từ này được nhấn mạnh trong hai khổ thơ có nội dung và hình thức hoàn toàn giống nhau là khổ 4 và khổ 13). Như vậy, Nhớ</p>

<p>3. Các khổ thơ đó đã góp phần làm nổi bật mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình như thế nào?</p> <p>4. Nếu không có các khổ ấy cấu trúc của tác phẩm sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?</p> <p>b. Quy luật sắp xếp hình ảnh</p> <p>1. Khái quát tính chất các cụm hình ảnh trong từng khổ thơ và nội dung được biểu hiện trong từng khổ.</p> <p>2. Ấn tượng của em về các cụm hình ảnh có đồng nhất không? Điều gì được lặp lại và điều gì được biến đổi trong các cụm hình ảnh đây?</p> <p>3. Em hiểu và đánh giá như thế nào về cách tác giả đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh.</p> <p>Vấn đề 3. Tính liên kết trong bài thơ</p> <p>1. Từ “đâu” hiện diện ở những vị trí nào trong các câu thơ?</p> <p>2. Vị trí này cho biết điều gì về ý nghĩa của nó?</p> <p>3. Từ “đâu” đưa lại ấn tượng gì về nhịp điệu bài thơ?</p> <p>Vấn đề 4. Hình thức thể hiện của bài thơ</p> <p>Phân tích tác dụng nghệ thuật của việc sử dụng luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm trong văn bản</p>	<p>đồng là một nhan đề hoàn toàn phù hợp với nội dung tác phẩm. Có thể xem đây là từ khoá chi phối việc tổ chức văn bản của nhà thơ.</p> <p>- Từ “đồng” trước hết chỉ một không gian cụ thể, là cánh đồng, “bãi đồng, nơi có những “ô mạ xanh mơn mớn, nơi xuất hiện hình ảnh người nông dân “Vãi giống tung trời những sớm mai”. Nhưng từ “đồng” còn mang nghĩa khái quát, chỉ chung làng quê với sự thống nhất giữa cảnh và người. Hơn nữa, trong suy nghĩ và cảm xúc của nhân vật trữ tình, “đồng” chính là điểm tựa tinh thần, là toàn bộ cuộc sống bên ngoài nhà tù mà anh luôn hướng về. Như vậy, trong ngữ cảnh của bài thơ, từ “đồng” quen thuộc đã được cấp thêm những nét nghĩa mới.</p> <p>b. Quy luật phân bố khổ thơ và sắp xếp hình ảnh thơ</p> <p>*Quy luật phân bố khổ thơ</p> <p>- Quy luật chung: Các khổ 1, 4, 7, 13 đều chỉ có hai câu, trong đó khổ 7 lặp lại hoàn toàn khổ 1; khổ 13 lặp lại hoàn toàn khổ 4. So sánh các khổ 1, 7 với các khổ 4, 13, thấy chỉ có khác biệt ở từ cuối cùng của câu đầu: một bên là “thương nhớ và một bên là “hiu quạnh” (tuy nhiên, ở khổ 4 và 13, từ thương nhớ lại xuất hiện ở câu thứ hai). Tất cả các khổ đều thể hiện nỗi nhớ đồng từ không gian lao tù, vào thời điểm buổi trưa. Rõ ràng, các khổ 1, 4, 7, 13 đã đóng vai trò bản lề để kết nối hai không gian (bên trong – bên ngoài) và hai thời gian (hiện tại – quá khứ).</p> <p>- Tác dụng của kết cấu: Bốn khổ thơ hai câu đảm nhiệm chức năng đánh dấu các giai đoạn phát triển của cảm xúc trong bài thơ. Mỗi khi những hình ảnh thân thương của đồng quê, của ngày qua được gọi lên, nhân vật trữ tình không nén nỗi cảm xúc, phải bật thốt tiếng kêu tự đáy lòng, và sau tiếng kêu ấy, cảm xúc chùng lắng xuống để loạt hình ảnh từ quá khứ hiện ra, tiếp nối, dồn tụ, đợi phát triển đến đỉnh cao lần nữa. Tất cả như những đợt sóng gối nhau tạo thành một dòng chảy liên tục nhưng có biến đổi lên xuống nhịp nhàng. Cần lưu ý là câu sau của khổ 1 và khổ 7 kết thúc bằng âm tiết mang thanh điệu</p>
--	---

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc kĩ văn bản
- HS suy ngẫm và thảo luận

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

được phát âm ở âm vực thấp (“hờ”), còn câu sau của khổ 4 và khổ 13 kết thúc bằng âm tiết mang thanh điệu được phát âm ở âm vực cao (“ơ”). Sự luân phiên này không chỉ phản ánh chân thực các cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình mà còn tạo cho bài thơ một nhạc tính hấp dẫn.

* Quy luật sắp xếp hình ảnh

- Tính chất của các cụm hình ảnh trong từng khổ thơ và nêu nhận xét về nội dung được biểu hiện:

+ Khổ 2: “gió còn thơm”, “ruộng tre mát”, “ô mạ xanh mơn mớn”, “nương khoai ngọt sẵn bùi” → phong vị đồng quê đầy thân thương khuấy động nỗi nhớ.

+ Khổ 3: “đường con bước vạ đời”, “xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi” → cuộc sống “âm u gợi nỗi cảm thương, day dứt.

+ Khổ 5: “lưng cong xuống luống cày”, bàn tay “vãi giống tung trời những sớm mai” → hoạt động của những người cần lao gieo niềm hi vọng vào một ngày mới.

+ Khổ 6: “chiều sương phủ bãi đồng” “lúa mềm xao xác ở ven sông” “tiếng xe lừa nước “giọng hò đưa hò náo nùng” — không khí âm đạm của đồng quê gợi nỗi niềm “xao xác”.

+ Khổ 9: “những hồn thân tự thuở xưa”, “những hồn chất phác hiền như đất” — sự hồn hậu của những người lao động nghèo khổ khơi dậy bao tình cảm ấm áp.

+ Khổ 11: “Tôi” “nhẹ nhàng như con chim cà lơi”, “say đồng hương nắng vui ca hát” → những ngày hoạt động trước đây (kiếm tìm lẽ sống và bắt gặp lí tưởng) làm dấy lên niềm khao khát cuộc đời tự do.

- Mỗi cụm hình ảnh gợi lên ở người đọc một ấn tượng riêng, có gây ngất hân hoan, có u sầu trĩu nặng, tất cả đan bện vào nhau, tạo nên một trạng thái cảm xúc, tinh thần đặc biệt, cho thấy sự phức hợp của nỗi nhớ và đời sống nội tâm phong phú của nhân vật trữ tình. Nói chung, bài thơ đã thể

hiện được nỗi “nhớ đồng” của nhân vật trữ tình một cách chân thực, sống động, có thể gọi lên được mỗi đồng cảm sâu xa ở độc giả.

c. Tính liên kết trong bài thơ

- Từ “đâu” xuất hiện 10 lần trong bài thơ, thể hiện hoạt động ráo riết của kí ức nhằm làm sống dậy quá khứ, làm hiển hiện cả một không gian thân quen giờ đây đã trở thành cõi tách biệt.

- Từ “đâu” được đặt ở vị trí đầu tiên của các câu thơ, đóng vai trò thúc giục, khuấy động tâm trí của nhân vật trữ tình. Lần nào xuất hiện, từ này cũng kéo theo một loạt hình ảnh mới. Bên cạnh đó, từ “đâu” còn góp phần tạo cho bài thơ một nhịp điệu đầy biến hoá, khi hồi thúc, gấp gáp, khi chậm rãi, lắng sâu, thể hiện được đặc điểm tâm tư đầy xáo động của người tù trẻ tuổi đang khao khát tự do, khao khát hoạt động.

+ Từ “đâu” góp phần quan trọng tạo nên mạch lạc và liên kết của văn bản, khiến cho việc bộc lộ cảm xúc của nhân vật trữ tình trở nên thuận lợi, đảm bảo cho bài thơ vừa có được sự phong phú của các loại hình ảnh, lại vừa có được sự chặt chẽ, phân minh về cấu trúc, phù hợp với sự tiến triển theo đúng quy luật tâm lí của mạch cảm xúc.

- Với ý nghĩa đó, từ “đâu” rõ ràng đóng vai trò then chốt trong việc làm nổi rõ cấu tứ độc đáo của bài thơ.

d. Hình thức biểu hiện của bài thơ

- Tổ chức nhịp điệu phong phú của bài thơ (ngắt nhịp, điệp ngữ, phân bố số câu khác nhau trong các khổ, dùng nhiều kiểu câu,...).

- Cần lưu ý 1. Do cách tổ chức đặc thù của văn bản thơ không phải câu thơ nào cũng được kết thúc bằng một dấu chấm câu như trong các văn bản thuộc loại sáng tác khác; 2. Trong thơ hiện đại, có sự phân biệt giữa câu ngữ pháp và câu thơ theo âm luật. Có khi một câu ngữ pháp kéo dài chiếm trọn một khổ thơ (như các khổ 9, 10, 11).

	<p>- Gắn với yêu cầu biểu hiện thế giới chủ quan của nhân vật trữ tình, việc sử dụng luân phiên các kiểu câu trong văn bản cho thấy cảm xúc là một hiện tượng phức tạp, ít khi tồn tại ở dạng đơn nhất mà thường bao gồm nhiều sắc thái khác nhau. Gắn với yêu cầu tác động vào người đọc, việc sử dụng luân phiên các kiểu câu giúp bài thơ thoát khỏi sự đơn điệu của cách diễn tả để luôn kích thích cảm giác và suy ngẫm, biến việc đọc bài thơ thành một quá trình đối thoại và tự đối thoại không dứt.</p>
<p>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu dấu ấn tượng trưng trong bài thơ</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn</p> <p>+ Theo em hình ảnh nào trong bài thơ mang tính tượng trưng rõ nét hơn cả. Hãy làm rõ tính tượng trưng ở hình ảnh đó</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc kĩ văn bản</p> <p>- HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>2. Dấu ấn tượng trưng trong bài thơ</p> <p>- Hình ảnh “đường con bước vạn đời” và “xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi”: Hai hình ảnh này bổ sung cho nhau tạo nên một hình tượng khái quát, không chỉ thể hiện con đường, mái nhà cụ thể mà còn ngụ ý về cuộc sống quần quanh, tù túng, đơn điệu, nhụt nhòa, cần thay đổi. Xét rộng ra trong nghệ thuật của Việt Nam và thế giới, hàm nghĩa triết lí gắn với hình tượng này đã được rất nhiều tác giả (nhất là các tác giả của chủ nghĩa lãng mạn) chú ý khai thác.</p> <p>- Hình ảnh “lưng cong xuống luống cày”, bàn tay “vãi giống tung trời những sớm mai”: Hai hình ảnh này phối hợp với nhau để tạo nên một hình tượng lớn về vẻ đẹp của lao động và về sự mạnh mẽ, lạc quan của tầng lớp cần lao. Khi xây dựng hình tượng này, Tố Hữu chịu ảnh hưởng sâu sắc từ bài thơ Mùa gieo hạt, buổi chiều (Saison des semailles, le soir) của nhà thơ Pháp Vich-to Huy-gô (Victor Hugo). Đây cũng là hình tượng mang ý nghĩa khái quát triết lí, từng được thể hiện trong nhiều bức tranh của danh họa Pháp Giăng-Phrăng-xoa Mìn-lê (Jean-François Millet) cũng như trong sáng tác của một số họa sĩ nổi tiếng khác.</p>

2.3 Tổng kết

a. Mục tiêu: HS hiểu nội dung, tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ

b. Nội dung: HS nghiên cứu SGK, sử dụng kiến thức đã học để nêu cảm nhận, suy nghĩ về nội dung và nghệ thuật của toàn bài thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn</p> <p>+ Bài thơ cho thấy điều gì về tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của nhân vật trữ tình. Nêu cảm nhận của em về những cảm xúc, tâm tình được tác giả bộc lộ trong bài thơ</p> <p>+ Đánh giá khái quát về đặc sắc nghệ thuật của văn bản?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc kĩ văn bản</p> <p>- HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung</p> <p>- Tâm trạng của nhân vật trữ tình: nhớ đồng cồn cào do tác động ban đầu của một tiếng hò vắng lên trong không gian tù ngục hiu quạnh lúc buổi trưa.</p> <p>- Phẩm chất của nhân vật trữ tình: chân thành, trung hậu, có tình cảm gắn bó sâu nặng với gia đình, quê hương, đặc biệt với những người lao khổ.</p> <p>- Lí tưởng của nhân vật trữ tình: mong thay đổi cuộc sống mỗi mòn, tù đọng; luôn hướng về Cách mạng với niềm tin lớn.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>- Sử dụng thành công biện pháp tu từ điệp ngữ, điệp cấu trúc, sử dụng đa dạng các kiểu câu.</p> <p>- Giọng thơ da diết, khắc khoải, sâu lắng</p> <p>- Hình ảnh thơ giản dị, mộc mạc, đời thường.</p>

PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM – NHAN ĐỀ		PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM – QUY LUẬT PHÂN BỐ KHỔ THƠ	
1. Em hãy liệt kê những khía cạnh phong phú của nội dung cảm		1. Em có nhận xét gì về đặc điểm hình thức và nội dung của các khổ thơ?	
PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM – QUY LUẬT SẮP XẾP HÌNH ẢNH THƠ		PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM – TÍNH LIÊN KẾT TRONG BÀI THƠ	
1. Khái quát tính chất các cụm hình ảnh trong từng khổ thơ và nội dung được biểu hiện trong từng khổ		2. Từ “đâu” hiện diện ở những vị trí nào trong các câu thơ?	
2. Ấn tượng của em về các cụm hình ảnh có đồng nhất không?		2. Vị trí này cho biết điều gì về ý nghĩa của	

PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM: HÌNH THỨC THỂ HIỆN CỦA BÀI THƠ

Phân tích tác dụng nghệ thuật của việc tổ chức nhịp điệu, sử dụng luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm trong văn bản

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

Dựa vào nội dung tìm hiểu về bài cáo, HS viết kết nối với đọc

b. Nội dung:

Học sinh thực hành viết kết nối với đọc theo đề bài

c. Sản phẩm:

Đoạn văn của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Giáo viên giao nhiệm vụ</p> <p>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) làm sáng tỏ mỗi</p>	<p>Bài làm tham khảo</p> <p>Nhà thơ Tố Hữu được đông đảo bạn đọc yêu mến văn chương biết đến là một con người có đường thơ và đường cách mạng song hành với nhau. Thơ ông mang đậm phong cách trữ tình chính trị. Thơ gắn liền với dòng lí tưởng cách mạng, những ngày đầu giác ngộ cho đến khi hiện thực cách</p>

liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh đã làm nên thế giới cảm xúc “nhớ đồng” trong bài thơ.	mạng trải qua đều in dấu trong thơ ông. Trong tập thơ đầu tay Từ ấy, ông đã viết lại những dòng thi sử để diễn tả tâm trạng, cảm xúc của mình. Trong khi bị giam cầm tác giả đã từng viết “Tâm tư trong tù” nhưng ấn tượng nhất vẫn là bộc lộ cảm xúc “Nhớ đồng” của mình bằng hệ thống các hình ảnh rất gần gũi và thân quen. Các hình ảnh ấy có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, cùng nhau làm nổi bật tâm trạng của người tù cách mạng, hình ảnh đồng quê hiện lên rất đậm nét qua nỗi nhớ của tác giả. Trong hồi tưởng về cảnh quá khứ hay trong hiện tại thì những cảnh sắc như đồng ruộng với những cón thom, ô mạ xanh mơn mớn, nương khoai sắn ngọt bùi; xóm nhà chìm lặng, con đường mòn mỗi theo năm tháng đều hiện lên. Tất cả đều là những cảnh sắc đơn sơ quen thuộc mà rất đổi thân thương, từ nỗi nhớ đồng quê, nhà thơ nhớ về những người nông dân cần lao và nhớ về người mẹ hồn hậu của mình. Những nỗi nhớ và thực tại tù hãm đã thôi thúc tâm trí nhà thơ nhớ về những ngày tháng gian nan đi tìm chân lí cuộc đời và sự hạnh phúc đến vô cùng khi ông được giác ngộ lí tưởng cách mạng. Cả bài thơ thấm đượm nỗi nhớ thương da diết, khôn nguôi; khiến độc giả thêm cảm phục hình ảnh người chiến sĩ cách mạng - nhà thơ Tố Hữu.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	
Học sinh thực hiện bài làm	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận	
Học sinh trình bày phần bài làm của mình	
Bước 4. Kết luận, nhận định	
GV chốt ý theo bài làm của HS	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh biết trân trọng tình cảm gắn bó máu thịt với cảnh sắc, con người và số phận của quê nghèo đang đứng trước ngưỡng cửa những thay đổi lớn lao

b. Nội dung:

GV đưa vấn đề: Dù trong chiến tranh gian khổ, Tố Hữu vẫn đưa vào trong bài thơ của mình những hình ảnh tuyệt đẹp về quê hương cần lao nhưng tràn đầy sức sống. Trước những thách thức của xã hội và thời đại, theo em số phận con người và những làng quê nghèo sẽ ra sao? Có giải pháp nào cho những thay đổi đó không? Em hãy thảo luận và chia sẻ

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV đưa vấn đề: Dù trong chiến tranh gian khổ, Tố Hữu vẫn đưa vào trong bài thơ của mình những hình ảnh tuyệt đẹp về quê hương cần lao nhưng tràn đầy sức sống. Trước những thách thức của xã hội và thời đại, theo em số phận con người và những làng quê nghèo sẽ ra sao? Có giải pháp nào cho những thay đổi đó không? Em hãy thảo luận và chia sẻ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

4. củng cố: Khắc sâu thêm nội dung, nghệ thuật đặc sắc của bài thơ

5. HDVN:

- **Bài cũ:** Học và hoàn thiện các nhiệm vụ đã giao trên lớp
- **Bài mới:** Tìm hiểu bài thơ “Tràng giang”- Huy Cận
- + GV yêu cầu HS: Đọc Tiểu dẫn SGK tìm hiểu tác giả - tác phẩm.
- + Trả lời các câu hỏi trang 60/SGK

Tiết - VĂN BẢN 2

TRÀNG GIANG

(Huy Cận)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được cấu tứ độc đáo của bài thơ gắn với việc xây dựng hai hệ thống hình ảnh chuyển hóa luân phiên từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng, từ gợi cảm xúc trần thế đến cảm xúc vũ trụ.
- HS cảm nhận được vẻ đẹp riêng của một bài thơ có yếu tố tượng trưng, chỉ ra và phân tích được sự hiện diện của các yếu tố ấy trong bài *Tràng giang*.
- Vẻ đẹp cổ điển trong một bài thơ mới.

2. Về năng lực:

- HS phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua cách dùng từ ngữ và xây dựng hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang*.

3. Về phẩm chất:

- HS đồng cảm được với tâm trạng, cảm xúc, suy nghiệm của nhà thơ về cuộc đời. Tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;
- Máy chiếu

2. Học liệu

- SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.
- Các bức tranh ảnh, video clip có liên quan đến phần giới thiệu về tác giả và tác phẩm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Tràng giang*
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về thơ và thể thơ, cấu tứ, và phong trào thơ Mới đã học vào nội dung bài học.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi theo hình thức trả lời nhanh

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Tràng giang*

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	Câu trả lời:
GV yêu cầu học sinh trả lời nhanh các câu hỏi trên màn	Câu 1: Phong trào Thơ

<p>hình tivi</p> <p>Câu 1: Đây là phong trào Thơ ca ra đời vào những năm 1932 – 1945, đánh dấu sự phát triển của thơ ca Việt Nam, phá tan sự kìm kẹp của thơ cũ với những định luật nghiêm khắc, giải phóng cái tôi nhân bản của các nhà thơ, và đưa thơ nước nhà vào giai đoạn sôi nổi nhất, rạo rực nhất. Một thời kì mà hàng loạt các bông hoa đua nở, toàn vẹn về cả tài năng lẫn đạo đức?</p> <p>Câu 2: Câu 2: Đỗ Phủ, Lí Bạch, Bạch Cư Dị, Vương Bột... là những nhà thơ tiêu biểu của Thơ.....?</p> <p>Câu 3: Tác giả của bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá?”</p> <p>Câu 4: Đây là khái niệm để chỉ một khâu then chốt mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo thơ ca, gắn liền với việc xác định hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, một đối tượng...được bộc lộ một cách tự nhiên, sinh động, tròn vẹn nhất?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi - HS trả lời câu hỏi của GV theo cá nhân, câu trả lời đúng nhất sẽ được cộng điểm. <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời và GV nhận xét <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, bổ sung và dẫn dắt vào bài</p>	<p>mới</p> <p>Câu 2: Thơ Đường</p> <p>Câu 3: Huy Cận</p> <p>Câu 4: Cầu tứ</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS có một số hiểu biết tác giả Huy Cận và bài thơ Tràng giang.

b. Nội dung: HS đọc SGK, tóm tắt và tự ghi lại các ý chính về tác giả và trình bày trước lớp.

c. Sản phẩm: Câu trả lời trong vở của HS hoặc theo phiếu học tập GV phát

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc văn bản SGK theo trình tự: Văn bản, tác giả, chú ý các câu hỏi gợi mở trong hộp</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc văn bản SGK, đọc phần Thông tin về tác giả và tác phẩm</p> <p>- HS tự tóm tắt các thông tin chính về tác giả và tác phẩm vào trong vở ghi hoặc trong phiếu học tập.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>- GV mời 1 HS trình bày trước lớp.</p> <p>- Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản.</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>- Huy Cận (1919 -2005), là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ Mới và có nhiều đóng góp xuất sắc cho thơ ca CM Việt Nam.</p> <p>- Thơ giàu chất suy tưởng, tràn đầy cảm xúc về vũ trụ, luôn thể hiện khát khao hòa điệu với cuộc đời và tạo vật.</p> <p>- Thơ Huy Cận tạo sự cân bằng hiếm có giữa vẻ đẹp cổ điển và vẻ đẹp hiện đại, giữa chất lãng mạn và tượng trưng.</p> <p>2. Văn bản</p> <p>- In trong tập Lửa thiêng</p> <p>- Cảm hứng được khơi dậy từ những buổi chiều tác giả ngắm cảnh mênh mang của sông Hồng ở vùng Chèm – Vẽ vào mùa thu năm 1939.</p> <p>- Thể loại: thất ngôn trường thiên</p>

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được thể thơ, cấu tứ và các yếu tố tượng trưng trong thơ; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu qua đó nắm được tình cảm của tác giả.

- Kết nối văn bản trải nghiệm với cá nhân; bồi đắp cảm xúc thẩm mỹ, tình yêu quê hương, đất nước của mỗi người.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Tràng giang* theo gợi ý của Giáo viên để đạt được mục tiêu bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Tràng giang*, từ đó khái quát và có kỹ năng phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua cách dùng từ ngữ và xây dựng hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang*.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về nhan đề và lời đề từ</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>HS đọc văn bản, chú ý những thể chỉ dẫn trong văn bản.</p> <p>- GV yêu cầu HS dựa vào phiếu học tập và cho biết ý nghĩa nhan đề và lời đề từ của bài thơ.</p> <p>- GV yêu cầu HS trao đổi những từ ngữ khó trong văn bản.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS trả lời câu hỏi</p> <p>- HS đọc diễn cảm bài thơ, chú ý sử dụng các thể gợi dẫn.</p> <p>- Tìm hiểu nghĩa của các từ khó, ghi lại những từ chưa hiểu; vận dụng các câu hỏi trong khi đọc để hiểu VB.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>HS trả lời câu hỏi, thảo luận.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét câu trả lời của HS và kết luận về nhan đề, lời đề từ: báo hiệu trạng</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Nhan đề và lời đề từ:</p> <p>a. Nhan đề “Tràng giang”</p> <p>- Âm Hán -Việt thường gặp trong thơ Đường.</p> <p>+ Gợi sắc thái trang nhã, cổ kính.</p> <p>+ Gợi liên tưởng về con sông lớn dài, rộng.</p> <p>- Điệp âm “ang” liên nhau âm điệu gợi ra không gian mênh mang, bát ngát của con sông dài, rộng.</p> <p>b. Lời đề từ: “<i>Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài</i>”</p> <p>- Cảm xúc: <i>Bâng khuâng, nhớ</i> là tâm trạng buồn, cô đơn.</p> <p>- Không gian: <i>Trời rộng, sông dài</i> không gian mênh mông, rộng lớn.</p> <p>→ Nỗi buồn trước cảnh vũ trụ bao la bát ngát, báo hiệu trạng thái tinh thần bao trùm bài thơ vừa trực tiếp khai mở dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình trước không gian rộng lớn và trước cuộc đời.</p>

thái tinh thần bao trùm bài thơ vừa trực tiếp khai mở dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình trước không gian rộng lớn và trước cuộc đời

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về hình ảnh dòng tràng giang hữu hình và dòng sông suy tưởng

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS đọc lại văn bản, hoàn thành các phiếu học tập theo nhóm

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS nhận PHT, hoàn thành PHT theo nhóm (PHT 2,3,4)

B3. Báo cáo thảo luận

- Sau khi hoàn thành PHT, các nhóm trình bày kết quả trước lớp, mỗi nhóm trình bày 3 phút

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét và đánh giá, củng cố lại bài học

2. Tràng giang – dòng sông hữu hình, dòng sông suy tưởng

- **Khung cảnh dòng sông thiên nhiên được miêu tả trong bài thơ:** *Sóng gợn, tràng giang, nước song song, thuyền về, nước lại, cồn nhỏ, làng xa, nắng xuống, trời lên, sông dài, trời rộng, bến cô liêu, bờ xanh bãi vàng...*

→ Cảnh không gian rộng lớn, mênh mông vô tận, nhưng vắng vẻ, cô đơn đến rợn ngợp.

- **Tràng giang – dòng sông của cảm xúc tâm hồn – dòng sông suy tưởng:** *Buồn điệp điệp, sầu trăm ngả, củi một cành khô, lơ thơ, đìu hiu, vắng chợ chiều...*

→ Cảnh gợi buồn, nỗi buồn như nhân lên, vương vãi khắp không gian rộng lớn, bến sông vắng vẻ cô đơn, vạn vật, con người trở nên bé nhỏ, rợn ngợp trước vũ trụ rộng lớn, lạc loài giữa mênh mông đất trời. Đường như không có bóng dáng của cuộc sống con người, chỉ có thiên nhiên buồn vắng, hoang vu.

+ “Lòng quê dờn dợn vời con nước

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”

→ Khẳng định rất rõ không có khói sóng mà vẫn đượm buồn → nỗi nhớ quê hương da diết và luôn thường trực trong lòng nhà thơ.

⇒ Nỗi buồn của Huy Cận là nỗi buồn của một cái tôi cá nhân khát khao hoà nhập với cuộc đời và đó cũng là nỗi buồn của thế hệ

<p>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu vài nét về nghệ thuật</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau: (PHT số 5)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ có nhiều hình ảnh tương phản, đối lập, em hãy chỉ ra các hình ảnh đó? - Liệt kê các từ láy trong bài, các từ láy có tác dụng gì? - Bài thơ giàu yếu tố tượng trưng, chỉ ra một vài yếu tố tượng trưng trong bài thơ? - Chỉ ra một số hình ảnh là thi liệu truyền thống xuất hiện trong văn bản? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS lần lượt trả lời các câu hỏi mà giáo</p>	<p>thanh niên trí thức trong những năm tháng mất nước, ngột ngạt, bế tắc→Lòng yêu nước thầm kín của nhà thơ.</p> <p>Nhận xét: Tràng giang được cấu tứ trên nền cảm hứng không gian sóng đôi: Có dòng “tràng giang” thuộc về thiên nhiên trong tư cách một không gian hữu hình và dòng “tràng giang” tâm hồn như một không gian vô hình trong tâm tưởng. Đây vốn là cấu tứ quen thuộc của Đường thi.</p> <p>3. Vài nét về nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tương phản, đối lập: Vũ trụ thì bao la, vô tận còn con người thì quá nhỏ bé, đơn độc, lẻ loi, thiên nhiên hùng vĩ nhưng lòng người thì buồn vơi vợi bởi nỗi nhớ quê hương. - Sử dụng hệ thống từ láy gợi âm hưởng cổ kính (10 lần/16 dòng thơ, cách ngắt nhịp truyền thống: 3/4). - Tạo ra cách kết hợp từ mới: <i>buồn điệp điệp, nước song song, sâu chót vót, niềm thân mật, sâu trăm ngả</i>; cú pháp khác lạ: <i>nắng xuống, trời lên, thuyền về, nước lại...</i> - Biện pháp nghệ thuật tượng trưng: <i>củi một cành khô lạc mấy dòng, bến cô liêu, chim nghiêng cánh nhỏ, bóng chiều sa.</i> - Thơ mới lãng mạn nhưng mang đậm dấu ấn Đường thi → vừa cổ điển vừa hiện đại: <p>+ Cổ điển:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Các hình ảnh: <i>sông nước, hoàng hôn, cánh chim, con thuyền...</i> → quen thuộc trong thơ cổ ▪ Hệ thống từ Hán Việt: <i>tràng giang, cô liêu..</i> ▪ “<i>Lớp lớp mây cao đùn núi bạc</i>”– “<i>Tái thượng phong vân tiếp địa âm</i>”(Mặt đất mây
---	--

viên yêu cầu B3. Báo cáo thảo luận - HS lần lượt trả lời trước lớp các câu hỏi B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và đánh giá, củng cố lại bài học.	đùn cửa ải xa) –Đỗ Phủ ▪ “ <i>Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà</i> ” – “ <i>Yên ba giang thượng sử nhân sầu</i> ” (Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai). + Hiện đại: ▪ Từ sáng tạo: <i>sâu chót vót, niềm thân mật, dọn dọn,...</i> ▪ Cách diễn đạt phù hợp với tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ ▪ <i>Cành củi khô, bèo, bến đò, chợ chiều, cầu....</i> : hình ảnh quen thuộc, thân thiết với người Việt Nam.
--	--

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Học sinh đánh giá được nội dung, nghệ thuật, cấu tứ của bài thơ.

b. Nội dung: GV cho HS phát biểu, đánh giá về bài thơ sau khi học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS tổng kết nội dung và ý nghĩa của văn B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận: - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, chốt kiến thức → Viết lên bảng.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật : - Sự kết hợp hài hòa giữa sắc thái cổ điển và hiện đại - Nghệ thuật tương phản, đối - Bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình: Nắng xuốngchót vót - Hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm. 2 . Nội dung - Tràng giang là nỗi sầu vũ trụ, nhưng chủ yếu vẫn là nỗi buồn thương về cuộc đời, kiếp người, nỗi sầu nhân thế. Đằng sau tâm trạng buồn , cô đơn là niềm khao khát sự sống, khao khát hoà hợp, cảm thông →nỗi nhớ quê của người xa xứ -

tâm trạng của một lớp người trong hoàn cảnh bế tắc đương thời.

PHIẾU HỌC TẬP 1

Nhóm..... Lớp.....

Câu hỏi: Bạn cảm nhận gì về nhan đề “Tràng giang”? Nhan đề và lời đề từ có liên quan thế nào đến nội dung cảm xúc bài thơ?

Trả lời:

PHIẾU HỌC TẬP 2

Nhóm..... Lớp.....

Câu hỏi 1: Khung cảnh được vẽ ra trong bài thơ là khung cảnh như thế nào? Liệt kê các từ ngữ “vẽ” khung cảnh ấy?

Trả lời:

PHIẾU HỌC TẬP 3

Nhóm..... Lớp.....

Câu hỏi: Theo em, ngoài khung cảnh dòng sông thiên nhiên, trong bài thơ ẩn sau khung cảnh ấy là tâm trạng như thế nào của con người? Vì sao em nhận xét như vậy?

Trả lời:

PHIẾU HỌC TẬP 4

Nhóm..... Lớp.....

Câu hỏi: Theo em, bài thơ được cấu tứ như thế nào? Dựa vào đâu em xác định như vậy?

Trả lời:

PHIẾU HỌC TẬP 5

Nhóm..... Lớp.....

Câu hỏi: Theo em, trong bài thơ có những cách khác lạ nào trong việc sử dụng ngôn ngữ? Em hãy thử phân tích một ví dụ để làm rõ?

Trả lời:

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn.
- HS nắm được cấu tứ và một số phương diện nổi bật của bài thơ Tràng giang.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, học sinh thực hành

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS: <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một phương diện nổi bật của bài thơ Tràng giang.</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết đoạn văn theo yêu cầu vào vở</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>- GV có thể dành thời gian (khoảng 7-10 phút) cho HS trình bày ý tưởng rồi viết trên lớp hoặc viết ở nhà</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV cho cả lớp nghe một số đoạn văn, yêu cầu cả lớp về nhà hoàn thành nốt đoạn văn (nếu chưa viết xong).</p>	<p>Tràng giang là một bài thơ vừa giàu yếu tố cổ điển, vừa mang tính hiện đại. Mượn những thi liệu quen thuộc trong thơ ca cổ như: <i>sông dài, hoàng hôn, cánh chim, con thuyền...</i>, hệ thống từ Hán Việt: <i>tràng giang, cô liêu...</i> hay lấy cảm hứng từ các câu thơ cổ của thơ Đường như:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc</i></p> <p>từ câu <i>“Tái thượng phong vân tiếp địa âm”</i></p> <p style="text-align: center;">(Mặt đất mây đùn cửa ải xa) –Đỗ Phủ</p> <p style="text-align: center;"><i>“Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”</i></p> <p>từ câu <i>“Yên ba giang thượng sử nhân sầu”</i></p> <p style="text-align: center;">(Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai).</p> <p>Huy Cận đã khiến cho một bài thơ mới nhưng vẫn mang âm hưởng Đường thi. Bên cạnh đó việc sử dụng hàng loạt các từ ngữ kết hợp khác lạ, độc đáo mang hơi hướng hiện đại như: <i>sâu chót vót, niềm thân mật, dợn dợn...</i> hình ảnh quen thuộc, thân thiết với người Việt Nam như: <i>cánh cui khô, bèo, bến đò, chợ chiều, cầu...</i> Bài thơ Tràng giang được xem là</p>

	một thi phẩm vừa giàu yếu tố cổ điển, vừa giàu yếu tố hiện đại. Việc sử dụng các thi liệu truyền thống nằm trong ý đồ cấu tứ và chiến lược tổ chức văn bản của nhà thơ.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS rèn luyện khả năng phân tích một đoạn thơ

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ, HS làm vào vở soạn ở nhà.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV VÀ HS	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi :</p> <p><i>Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu</i></p> <p><i>Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều</i></p> <p><i>Nắng xuống, trời lên sâu chót vót</i></p> <p><i>Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.</i></p> <p>(Trích <i>Tràng giang</i>, Huy Cận, Tr 59, SGK Ngữ văn 11 – KNTT, Tập 1, NXBGD 2023)</p> <p>1. Liệt kê các từ láy trong đoạn thơ trên.</p> <p>2. Nêu hiệu quả của phép đảo ngữ trong câu: “<i>Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu</i>”.</p> <p>3. Tại sao nhà thơ không dùng từ <i>cao chót vót</i> mà lại dùng <i>sâu chót vót</i>.</p>	<p>1. Các từ láy trong đoạn thơ: <i>lơ thơ, đìu hiu, chót vót</i></p> <p>2. Hiệu quả của phép đảo ngữ trong câu: “<i>Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu</i>”:</p> <p>- Nhân mạnh và đặc tả sự vắng vẻ, hiu quạnh của cảnh vật, tô đậm cảm giác trống vắng, cô đơn của con người trước không gian rộng lớn và vắng vẻ.</p> <p>- Tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu thơ</p> <p>3. Nhà thơ không dùng từ <i>cao chót vót</i> mà lại dùng <i>sâu chót vót</i> : vì từ <i>sâu</i> không chỉ diễn tả độ cao mà còn muốn đặc tả chiều cao thăm thẳm, vô cùng. <i>Chót vót</i> khắc họa chiều cao dường như vô tận. Càng rộng, càng sâu, càng cao thì cảnh vật càng thêm vắng lặng. Đó là sự kết hợp từ ngữ độc đáo, mới mẻ, sáng tạo.</p> <p>4. Qua đoạn thơ, nhân vật trữ tình bộc lộ tâm trạng buồn cô đơn, trống vắng, một niềm khao khát tìm đến cõi nhân thế để giao hoà với con người.</p>

<p>4. Qua đoạn thơ, nhân vật trữ tình bộc lộ tâm trạng gì.?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>- GV có thể dành thời gian (khoảng 2 phút) để hướng dẫn HS</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p>	
---	--

4. Củng cố:

5. HDVN:

Phụ lục 1. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	<p>0 điểm</p> <p>Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả</p> <p>Sai lỗi chính tả</p>	<p>1 điểm</p> <p>Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu</p> <p>Trình bày cẩn thận</p> <p>Không có lỗi chính tả</p>	<p>2 điểm</p> <p>Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu</p> <p>Trình bày cẩn thận</p> <p>Không có lỗi chính tả</p> <p>Có sự sáng tạo</p>
Nội dung (6 điểm)	<p>1 - 3 điểm</p> <p>Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm</p> <p>Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn</p> <p>Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện</p>	<p>4 – 5 điểm</p> <p>Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn</p> <p>Trả lời đúng trọng tâm</p> <p>Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao</p>	<p>6 điểm</p> <p>Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn</p> <p>Trả lời đúng trọng tâm</p> <p>Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao</p> <p>Có sự sáng tạo</p>
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	<p>0 điểm</p> <p>Các thành viên chưa</p>	<p>1 điểm</p> <p>Hoạt động tương đối gắn</p>	<p>2 điểm</p>

	gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 2. Rubric chấm bài viết kết nối đọc viết

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS vận dụng được những hiểu biết các kiến thức được giới thiệu trong phần Tri thức ngữ văn để đọc – hiểu một tác phẩm thơ trữ tình nước ngoài của tác giả A. X Pus – kin.

- HS hiểu được vị trí, vai trò của câu tứ và hình ảnh trong bài thơ trữ tình.

-- HS đánh giá được giá trị thẩm mỹ của câu tứ bài thơ – câu tứ hành trình nương theo dòng tâm tưởng nhân vật trữ tình, xoay quanh một hình tượng – hạt nhân được nêu ra ngay từ nhan đề bài thơ.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

b. Năng lực riêng biệt

- HS nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, đặc biệt là tính đa nghĩa, thể hiện qua cách kết hợp từ ngữ, kiến tạo hình tượng trong bản dịch bài thơ *Con đường mùa đông*.

- HS cảm nhận được vẻ đẹp của một bài thơ nước ngoài có những hình ảnh, chi tiết mang ý nghĩa biểu trưng, nhận biết và phân tích được vai trò của những yếu tố ấy trong bài *Con đường mùa đông*.

3. Về phẩm chất:

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn.

- Đồng cảm với tâm trạng, cảm xúc, suy nghiệm của nhân vật trữ tình trong hành trình trên con đường mùa đông, cũng là hành trình cuộc đời của con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Giáo án, máy tính, ti vi

- Tranh, ảnh về tác giả, tác phẩm.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
-----	------	----------	-------	------

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh khi bước vào bài học mới

b. Nội dung:

- HS theo dõi qua máy chiếu, ti vi một số hình ảnh do GV trình chiếu
- HS trao đổi, thảo luận và trình bày suy nghĩ của mình

c. Sản phẩm: Hs trình bày suy nghĩ của mình

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>-GV trình chiếu hình ảnh về con đường vắng lạnh, đường đêm hun hút ... từ đó GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Cảm giác của em khi đi qua những con đường này một mình</p> <p>+ Để vượt qua những sợ hãi, ghê rợn khi đi qua những con đường này các em sẽ làm gì?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS trình bày ý kiến của mình</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>GV gọi 2, 3 em chia sẻ</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV cho HS đánh giá, phản biện trao đổi</p>	<p>*HS có thể có nhiều suy nghĩ, quan điểm khác nhau về thái độ của mình, miễn là không vi phạm pháp luật, phù hợp với thuần phong mỹ tục và cách lí giải hợp lí. Sau đây là một số gợi ý có thể HS sẽ trình bày:</p> <p>- Những trở ngại tinh thần mà một người độc hành trên đường lạnh vắng, có thể phải đối diện: sợ hãi; sự buồn tẻ; đơn độc, lẻ loi; mệt mỏi...</p> <p>- Để vượt qua những trở ngại đó, người ta có thể có một tinh thần vững chắc, một ý chí kiên cường và cần một chỗ dựa tinh thần tìm ra mục tiêu sống của mình, tự động viên bản thân vượt qua những tháng ngày cô đơn, có những người bạn tâm giao....</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nắm bắt được thông tin về tác giả A. X . Pus- kin
- HS nhận biết được sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật của nhà thơ

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- HS dựa vào SGK và tìm hiểu qua các kênh thông tin khác nhau để nắm bắt thông tin.
- GV hướng dẫn học sinh thực hiện và trình bày

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của HS**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm</p> <p>*B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS chuẩn bị bài (ở nhà) hoàn thành phiếu học tập số 1, để tìm hiểu những thông tin cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp thơ văn, phong cách nghệ thuật của tác giả.</p> <p>+ Vị trí của nhà thơ Pus- kin</p> <p>+ Hoàn cảnh xuất thân</p> <p>+ Các giai đoạn trong cuộc đời</p> <p>+ Sự nghiệp sáng tác (tác phẩm)</p> <p>+ Đặc điểm nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Pus- kin</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS tham khảo SGK kết hợp với vở soạn bài thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Báo cáo kết quả học tập tại lớp. Gọi HS trình bày sản phẩm qua bảng phụ hoặc trình chiếu. GV cho HS góp ý, nhận xét, đánh giá bổ sung để hoàn thiện.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>a. Cuộc đời</p> <p>-A- lếch – xan- đơ- Xéc- ghê- ê – vich Pus – kin (1799- 1837) là người đặt nền móng cho văn học hiện thực Nga thế kỉ XIX.</p> <p>- Sinh ra trong một gia đình quý tộc lâu đời, sớm bộc lộ thiên hướng văn chương, bắt đầu sáng tác thơ văn từ khi lên 7,8 tuổi.</p> <p>- Những vần thơ của ông ca ngợi tự do, chống lại chế độ nông nô chuyên chế của chính quyền Nga Hoàng.</p> <p>- Năm 1820 – 1823, Pus – kin bị lưu đày xuống Phương Nam.</p> <p>- Năm 1824 – 1826, Pus – kin bị đày ngược lên một trang trại hẻo lánh ở Phương Bắc.</p> <p>- Đến giữa năm 1826, Pus – kin mới được miễn hạn tù đày.</p> <p>- Ông qua đời năm 1837 trong một cuộc đấu súng.</p> <p>b. Sự nghiệp sáng tác</p> <p>- Các tác phẩm chính</p> <p>+ Tiểu thuyết bằng thơ: <i>Ép-ghê-nhi Ô-nê-ghin</i>, 1823-1831;...</p> <p>+ Bi kịch lịch sử: <i>Bô-rít Gô-đu-nốp</i>, 1825;...</p> <p>+ Trường ca: <i>Ru-xlan và Li-út-mi-la</i>, 1820; <i>Người tù Cáp-ca-dơ</i>, 1821;...</p> <p>+ Truyện ngắn: <i>Cô tiểu thư nông dân</i>, 1830; <i>Con đầm</i></p>

<p>GV đánh giá , nhận xét kết quả làm việc của HS</p>	<p><i>pích</i>, 1833...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng góp của Puskin cho nền văn học: Puskin có đóng góp trên nhiều mặt, nhiều thể loại, nhưng cống hiến vĩ đại nhất của ông vẫn là Thơ trữ tình với hơn 800 bài thơ và 13 bản trường ca bất hủ. Vì thế mà Puskin được xem là “<i>Mặt trời của thi ca Nga</i>” (Léc-môn-tốp). - Về nội dung: thơ của Puskin thể hiện tâm hồn khao khát tự do và tình yêu của nhân dân Nga → Chính vì thế mà Bielinxki đã nhận định Puskin là “<i>bộ bách khoa toàn thư của hiện thực đời sống Nga nửa đầu thế kỉ XIX</i>”. - Về nghệ thuật: Puskin có đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển ngôn ngữ văn học Nga hiện đại.
<p>** Tìm hiểu bài thơ “Thu hứng”</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi gợi dẫn: -Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ? - Dựa vào tri thức ngữ văn căn cứ vào tình ý của văn bản: nhận diện thể loại,phương thức biểu đạt, bố cục văn bản.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ HS tham khảo tư liệu SGK, cùng vở soạn và trả lời câu hỏi</p> <p>B3: Báo cáo thảo luận -GV gọi 1 HS trình bày -HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>B4: Đánh giá kết quả thực hiện- GV nhận xét, chốt kiến thức, cung cấp thêm cho hs hiểu rõ hơn.</p> <p>Gv hướng dẫn đọc văn bản phần dịch nghĩa và dịch thơ và so sánh hai bản dịch</p>	<p>2. Văn bản</p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 12 năm 1925, một cuộc khởi nghĩa do đông đảo những người trí thức tiến bộ lãnh đạo chống lại chế độ nông nô chuyên chế đã nổ ra rộng khắp trên đất nước Nga. - Đầu năm 1826, cuộc khởi nghĩa Nga Hoàng dập tắt. Vào mùa đông năm ấy, nỗi buồn riêng của nhà thơ ở nơi đây ảm, nỗi buồn chung của nhân dân sau thất bại của cuộc khởi nghĩa, cùng ý chí và khát vọng vượt qua những giây phút tủi buồn trong hành trình cuộc sống riêng tư, cũng như của dân tộc, đã trở thành nguồn cảm hứng để Pus – kin sáng tác nên bài thơ <i>Con đường mùa đông</i>. <p>b. Thể loại</p> <p>Thơ trữ tình</p> <p>c. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm</p> <p>d. Bố cục: 3 đoạn</p> <p>+Đoạn 1(Khổ 1,2,3): Nỗi buồn và nỗ lực vận động vượt qua trở ngại của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông.</p> <p>+ Đoạn 2(Khổ 4): Cảnh vật và vận động tâm tưởng của người lữ hành</p> <p>+Đoạn 3(Khổ 5,6,7): Điểm tựa tinh thần và khát khao</p>

hạnh phúc của con người.

d. So sánh bản dịch thơ và dịch nghĩa

- + Bản dịch thơ có ưu điểm về vần điệu, nhịp điệu có khả năng tác động mạnh đến cảm xúc người đọc song lời thơ dịch đôi khi xa với nguyên tác. Bản dịch nghĩa thơ ráp song lại có thể trung thành với nguyên tác hơn.
- + Khổ 1: Những từ “xuyên qua”; “nhô ra”; “dội” có hàm nghĩa vận động vượt qua sức cản.
- + Khổ 2: từ “lao nhanh” cũng là vượt qua những trở ngại của con đường khó đi mùa đông chứ không phải là băng đi một cách dễ dàng trên đường bằng phẳng.
- + Khổ 4: tương phản về ánh sáng – màu sắc “mái lều” – “ánh lửa” sẽ rõ hơn nếu lưu ý đó là “mái lều thăm đen” và cụm từ “ngược chiều tôi” bị lược đi trong vế sau của khổ thơ đặc biệt quan trọng để hiểu tâm tưởng nhân vật trữ tình vận động về phía trước cùng cỗ xe bỏ lại sau những cột cây số.
- + Khổ 5: lời than trong nguyên tác bao quát cả hai sắc thái khác nhau của nỗi buồn chứ thực ra không có từ “cô lẻ” và hình tượng Nhi – na tỏa sáng giữa hai từ “ngày mai” được lặp lại trong nguyên tác
- + Khổ 6: Cụm từ “sẽ hòa tất vòng quay đều đặn của mình” chỉ ra ý thức về quy luật vận động của thời gian xưa đi lùi người phát ngáy mà không rẽ chia đôi lửa lúc nửa đêm để hạnh phúc tình yêu còn đọng lại.
- + Khổ 7: cũng cần lưu ý một số từ bị lược đi trong bản dịch thơ: sau lời than là ý thức về con đường “của tôi” – đường tôi đi dù “tẻ ngắt” nhưng sứ mệnh của tôi là phải vững bước trên con đường ấy.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc văn bản thơ có cấu tứ lạ được thể hiện qua hình ảnh con đường mùa đông, cô đơn, lạnh lẽo.
- HS nhận biết và phân tích được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả, con đường lưu đầy, ly biệt, cảm xúc rất nghệ sĩ tiêu biểu cho nước Nga.
- HS hiểu được những nét nghệ thuật cơ bản của bài thơ được tác giả sử dụng: hình ảnh, âm thanh, nghệ thuật tương phản, đối lập.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- Làm việc cá nhân kết hợp nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày.

c. Sản phẩm:

Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Nhan đề bài thơ</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV mời đại diện các nhóm dựa vào nội dung đã đọc ở nhà để trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản <i>Con đường mùa đông</i></p> <p>+ Em hiểu thế nào về nhan đề của bài thơ? Nhan đề đó gợi cho em liên tưởng gì?</p> <p>- Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Các nhóm thảo luận để trả lời</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>GV mời đại diện các nhóm lên bảng yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, chốt kiến thức.</p> <p>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đoạn 1</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV chia lớp thành các nhóm để tập trung hoàn thiện Phiếu học tập số 2 với nội dung:</p> <p>+ Thời gian</p> <p>+ Không gian</p> <p>+ Từ ngữ</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1.Nhan đề bài thơ:</p> <p>- “Con đường” gợi ý niệm về sự vận động về hành trình cuộc đời, còn “mùa đông” gợi cảm xúc giá lạnh – nỗi buồn.</p> <p>- Ý nghĩa: Qua đó tác giả thể hiện nỗi buồn và vận động có hướng vừa đồng hành với nhau vừa thể hiện sự xung đột – con đường duy trì vận động theo một hướng đi có thể mâu thuẫn với nỗi buồn lạnh giá của mà đông dân lên trong lòng như một trở ngại. Từ đó toát lên một câu hỏi “ Làm thế nào để nỗi buồn không còn là trở ngại trong hành trình trên con đường mùa đông lạnh vắng?”</p> <p>2. Đoạn 1: Nỗi buồn và nỗ lực vận động vượt qua trở ngại của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông.</p> <p>a. Khổ 1</p> <p>- Thời gian: đêm khuya mùa đông</p> <p>- Không gian: Cánh đồng bao la</p> <p>- Hình ảnh: <i>làn sương gợn sóng, mảnh trăng mờ ảo, cánh đồng buồn...</i></p> <p>→ bức tranh mùa đông lạnh lẽo, mênh mông, hiu quạnh tô đậm nỗi buồn của nhân vật trữ tình.</p> <p>-Từ ngữ:</p> <p>+ Động từ <i>gợn</i>: Sự chuyển động nhẹ nhàng của màn sương</p> <p>+ Động từ: <i>Xuyên, nhô</i>: Sự xuất hiện bất ngờ</p>

<p>+ Hình ảnh</p> <p>+ Âm thanh</p> <p>+Cảm xúc của nhân vật trữ tình</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>-GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày</p> <p>-GV tổ chức cho HS đánh giá chéo giữa các nhóm</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, bổ sung và đánh giá phần trình bày của HS</p>	<p>của vàng trắng</p> <p>+ Từ láy : <i>Buồn bã</i>: Diễn tả những tia sáng yếu ớt, hiu hắt trên cánh đồng u buồn.</p> <p>→Khung cảnh thiên nhiên nên thơ, trữ tình nhưng ảm đạm, u buồn.Qua đó nhân vật trữ tình cũng bộc lộ tâm trạng hết sức buồn bã của mình. Một nỗi buồn tê tái càng khiến cho cảnh vật và tâm trạng con người như hòa quyện vào nhau.</p> <p>b. Khổ 2,3</p> <p>- Con đường mùa đông vắng lặng u buồn</p> <p>- Cỗ xe tam mã đang lăn bánh vun vút: Diễn tả sự trôi chảy không ngừng của thời gian</p> <p>- Âm thanh của tiếng lục lạc rung lên từng hồi đơn điệu, tẻ nhạt chứa đầy sự mệt mỏi qua nghệ thuật lấy động tả tĩnh.</p> <p>- Bài ca của người xa ích chứa đựng cả niềm vui mừng khôn xiết và cả nỗi buồn nặng trĩu hiu.</p> <p>→ Mỗi âm thanh, hình ảnh xuất hiện vừa nhấn mạnh nỗi buồn của nhân vật trữ tình vừa cho thấy hướng vận động của NVTT để vượt qua những khó khăn trên đường. Nỗi buồn thời thế hoà với sự cô đơn của thân phận.</p>
<p>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu đoạn 2</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV định hướng học sinh trả lời câu hỏi: Xác định những hình ảnh, hoạt động tương phản trong khổ 4. NVTT xuất hiện trong khổ này có còn chìm trong cảnh u buồn nữa không? Vì sao</p>	<p>3. Đoạn 2: Cảnh vật và vận động tâm tưởng của người lữ hành</p> <p>- Từ phủ định không: một mái lều, ánh lửa: nhấn mạnh không gian đìu hiu, haong vu</p> <p>- Thiên nhiên Nga hiện lên qua tuyết trắng, những cánh rừng..</p> <p>- Hình ảnh “những cột dài cây số” là biểu tượng cho những cột mốc trong cuộc đời,</p>

<p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc cá nhân, kết hợp vở soạn để trả lời câu hỏi</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>-GV gọi hs lên trình bày</p> <p>-GV tổ chức cho HS đánh giá câu trả lời của bạn</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, bổ sung và đánh giá phần trình bày của HS</p>	<p>ngược chiều với sự vận động tiến lên của con người.</p> <p>- Ở khổ thứ 4 ta thấy có sự tương phản bên ngoài về ánh sáng và màu sắc của những hình ảnh “ánh lửa” – “mái lều”; “rừng sâu” – “tuyết trắng”..</p> <p>=> Sự tương phản giữa tâm cảnh và ngoại cảnh xác định vận động tâm tưởng của NVTT tách ra khỏi cảnh vật bên ngoài của thực tại. Những “cột cây số” đơn độc, tẻ ngắt, sau khi “rơi vào tầm mắt” của người lữ hành lập tức bị bỏ lại phía sau bởi người lữ hành không ngừng chuyển động về phía trước. Tương phản trong chuyển động “ngược chiều” nhau giữa cảnh vật và người lữ hành ở đây không chỉ nhấn mạnh sự tách biệt tâm tưởng của người lữ hành ra khỏi cảnh vật bên ngoài mà còn nhấn mạnh hướng vận động không ngừng về phía trước.</p>
<p>Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu đoạn 3</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV chia lớp thành các nhóm để tập trung hoàn thiện Phiếu học tập số 3 với nội dung:</p> <p>+ Thời gian</p> <p>+ Không gian</p> <p>+ Từ ngữ</p> <p>+ Hình ảnh</p> <p>+ Âm thanh</p> <p>+Cảm xúc của nhân vật trữ tình</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>-GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày</p>	<p>4. Đoạn 3: Điểm tựa tinh thần và khát khao hạnh phúc của con người.</p> <p>a. Khổ 5,6</p> <p>- Không gian : <i>bên lò lửa đỏ</i></p> <p>- Thời gian: <i>ngày mai, đêm đông</i></p> <p>- Hình ảnh: <i>lò lửa, ngày mai, Nhi – na</i></p> <p>- Âm thanh: <i>kim đồng hồ</i></p> <p>- Câu cảm thán “<i>Ôi buồn đau, ôi cô lẻ...</i>”:</p> <p>Sự thể hiện dòng cảm xúc mãnh liệt kết nối tâm tưởng NVTT với cô gái Nga yêu thương ở một không gian nhỏ, hẹp , bình yên, ấm áp nơi có lò lửa đỏ, có tiếng đồng hồ kêu tích tắc.</p> <p>→ NVTT lúc này đang tận hưởng tâm trạng nhớ thương của người lữ khách. Nhà thơ không tuyệt vọng, không bi lụy. Nhà thơ tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn bằng cách gọi tên người yêu. Hi vọng được trở về gặp lại người yêu. Trong tuyết lạnh mà nghĩ về lò lửa, mái ấm hạnh phúc gia đình, trong chia ly mà nghĩ đến đoàn tụ, trong xa vắng mà hy vọng trở về gặp Nhi – na – người yêu thương.</p> <p>b. Khổ 7</p> <p>- Hình ảnh <i>chiếc xe ngựa</i> cùng <i>bác xà ích</i> lặp lại, tạo nên kết cấu vòng tròn tương ứng cho</p>

<p>-GV tổ chức cho HS đánh giá chéo giữa các nhóm</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, bổ sung và đánh giá phần trình bày của HS</p>	<p>bài thơ.</p> <p>- “<i>Sương mờ che lấp ánh trăng nghiêng</i>”: Nỗi buồn đã được lắng lại, hóa thành niềm yêu cuộc sống → Nỗi buồn không bi lụy mà hóa thành tình yêu cuộc sống, khát vọng tự do, niềm tin vào tương lai tươi sáng.</p> <p>Những hình tượng <i>xe tam mã, bài ca của người xa ịch, mái lều, ánh lửa, Nhi – na</i> có ý nghĩa như điểm tựa nâng đỡ tâm hồn người lữ khách một đêm trăng mờ sương trên con đường màu đông tuyết trắng, làm dấy lên trong lòng lữ khách một nỗi buồn dịu ngọt.</p>
---	---

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát về nội dung, nghệ thuật của bài thơ

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Hoạt động cá nhân GV phát vấn, HS đưa ra quan điểm cá nhân: về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, phát hiện ra cấu tứ của bài thơ.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút.</p> <p>-GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1.Nội dung</p> <p>Văn bản chứa đựng nhiều cung bậc cảm xúc: buồn- vui, tĩnh – động, sáng – tối,... trong tuyết lạnh nhân vật trữ tình vẫn nghĩ về lửa đỏ, mái ấm gia đình hạnh phúc, trong chia ly lại nghĩ đến sum họp, trong xa vắng mà hi vọng gặp người thương. Niềm khao khát ấy khiến cho nhân vật trữ tình không uỷ mị mà lại càng tha thiết yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp và luôn tin tưởng mình có thể vượt lên số phận. Nỗi buồn bao</p>

<p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, bổ sung hoàn thiện kiến thức</p>	<p>trầm cả bài thơ nhưng đó là nỗi buồn trong sáng giúp thanh lọc tâm hồn. Một nỗi buồn mang dấu ấn rất Pus – kin</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>- Thể thơ tự do mạch thơ chuyển động theo trình tự không gian, thời gian.</p> <p>- Câu tứ, ngôn từ, hình ảnh thơ chân thực, giản dị</p> <p>3. Cấu tứ của bài thơ</p> <p>- Cấu tứ của bài thơ rất độc đáo. Chủ đề chính của bài thơ là tâm trạng của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông lạnh lẽo. Cùng với đó là cách sắp xếp ý, chọn lọc ý hết sức tài tình của tác giả. Tâm trạng của nhân vật trữ tình đi từ buồn chán, tẻ nhạt rồi đến cuối bài thơ, vẫn là những sự vật ấy nhưng trạng thái đã khác, càng buồn hơn nhưng trong đó vẫn ẩn chứa một niềm hy vọng mong manh về một ngày sẽ trở về.</p> <p>- Bài thơ khác cùng kiểu cấu tứ với bài “Con đường mùa đông” là bài thơ “Tuyết nhấp nhô như sóng” của Puskin:</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

aMục tiêu:

- HS nắm được hình tượng thơ, từ đó biết chia sẻ, liên hệ với bản thân trong cuộc sống.
- HS biết cách nhận xét, khái quát và trình bày về một khía cạnh nghệ thuật trong một bài thơ.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS làm theo bàn học tập, thảo luận và giải quyết vấn đề</p> <p>Nêu nhân xét về những hình tượng thơ được điểm lại trong khổ thơ cuối. Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về cách lấy lại cảm giác bình yên trên <i>con đường mùa đông</i> trong cuộc đời.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>HS trình bày sản phẩm của mình</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV cho HS nhận xét chéo, chốt kiến thức, giúp HS làm bài tập.</p>	<p>- Những hình tượng thơ được điểm lại ở khổ thơ cuối là sự tổng hợp những sự kiện quen thuộc đã xuất hiện trong những khổ thơ trên của tác giả. Những hình ảnh đó là Nhi- na, là bác xà ích, là nhạc ngựa và làn sương lạnh giá. Tất cả đều được tái hiện lại ở khổ cuối nhưng dường như đã mang một màu sắc khác, một tâm trạng khác.</p> <p>-Cách lấy lại cảm giác bình yên của tác giả hết sức độc đáo. Từ nỗi buồn chìm đắm, bao trùm lấy tâm trạng, ông dần nhận ra mọi thứ không cần phải như vậy và tâm trạng bắt đầu thay đổi. Ông chui qua lớp vỏ của nỗi buồn, giải phóng tâm trạng của mình, nghĩ về người mình yêu, về những tháng ngày hạnh phúc, ấm áp. Đây chính là chỗ dựa tinh thần lớn nhất trong ông, dựa vào nó, men theo dòng suy nghĩ, hồi tưởng của bản thân từ đó hình thành niềm tin, hi vọng vào một tương lai tươi sáng.</p> <p>-Để lấy lại cảm giác bình yên trên những “con đường mùa đông” trong cuộc đời chúng ta có thể suy nghĩ về những điều tốt đẹp mà ta hướng tới, nghĩ về những điều làm điểm tựa tâm hồn như gia đình, tình yêu,</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS biết cách vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết một vấn đề thực hiện
- HS nhận thức được bài học cuộc sống qua tác phẩm trữ tình được nhà thơ gửi gắm/

b. Nội dung:

- HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ
- GV tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện và trình bày

c. Sản phẩm:

Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để rút ra</p>	<p>- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn</p> <p>- Biết cách triển khai đoạn văn</p> <p>+Mở đoạn: Giới thiệu hình ảnh mang ý</p>

<p>bài học</p> <p>Viết đoạn văn khoảng 150 chữ về một hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng mà bạn cho là đặc sắc nhất trong bài thơ <i>Con đường mùa đông</i> Pus – kin.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS làm việc cá nhân tự thu thập tài liệu, chứng minh cho luận đề trên</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>-GV yêu cầu HS trình bày kết quả làm việc</p> <p>-GV cho HS đánh giá chéo lẫn nhau để hoàn thiện</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, đánh giá và hoàn thiện sản phẩm</p>	<p>nghĩa tượng trưng mà bản thân cho là đặc sắc nhất: Nhi – na, nhạc ngựa, làn sương lạnh giá....</p> <p>+ Thân đoạn:</p> <p>Triển khai đoạn văn logic, hợp lí; Vận dụng lí luận và dẫn chứng để làm sáng tỏ hình ảnh mà mình lựa chọn</p> <p>+ Kết đoạn</p> <p>Khẳng định hình ảnh mang tính tượng trưng có ý nghĩa quan trọng trong việc thể hiện cấu tứ của bài thơ.</p>
--	---

Đoạn văn tham khảo

“Con đường mùa đông” là bài thơ trữ tình nổi tiếng của Puskin. Hình ảnh “con đường mùa đông” đã gợi lên ấn tượng sâu sắc với người đọc về tâm trạng buồn bã, cô đơn của người lữ khách và vẻ đẹp thiên nhiên của mùa đông nước Nga. Trên con đường ấy, cảnh vật vắng lặng, bao la và buồn man mác. Một đêm Đông quạnh hiu với làn sương mờ, ánh trăng mờ, cánh đồng mờ xa. Không gian đó trải dài tít tắp tưởng chừng vô tận. Không gian đó, ngoài những hình ảnh, đường nét, màu sắc còn có cả khúc nhạc dịu êm, du dương: tiếng lục lạc đơn điệu buồn tẻ, khúc hát dân ca của người xà ích “Nhu niềm vui mừng khôn xiết/ Như nỗi buồn nặng trĩu hiu”, làm dậy lên trong lòng lữ khách một nỗi buồn dịu ngọt. Không gian đêm trên “con đường mùa Đông” tĩnh lặng, hiu quạnh quá. Ở đây, nhà thơ đã “lấy động để tả tĩnh”. Những âm thanh khe khẽ tuy giúp cho bức tranh cửa mình nhưng lại làm nổi bật cái im lìm của đêm Đông. Không cần đến những màu sắc rực rỡ, thiên nhiên trong bài thơ trong trẻo, thanh khiết, đẹp chân thực, tự nhiên, gần gũi và sống động lạ thường. Nó rất “Nga” và đậm hồn quê hương xứ sở. Cảnh sắc thiên nhiên mùa Đông nước Nga đã được Puskin miêu tả một cách tinh tế, chọn lọc.

4. Củng cố:

- HS nắm được nội dung và nghệ thuật của bài thơ
- Cấu tứ, hình ảnh thơ của Pus – kin mang đậm vẻ đẹp Nga.

5. HDVN:

Soạn bài Thực hành Tiếng Việt : MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ NHỮNG QUY TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1. Tác giả Pus – kin

+ Vị trí của nhà thơ Pus- kin	
+ Hoàn cảnh xuất thân	
+Các giai đoạn trong cuộc đời	
+ Sự nghiệp sáng tác (tác phẩm)	
+ Đặc điểm nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Pus- kin	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**HÌNH TƯỢNG CON ĐƯỜNG MÙA ĐÔNG**

Khung cảnh thiên nhiên	Cảm xúc của NVTT
+Không gian	
+ Thời gian	
+Âm thanh	
+ Hình ảnh	
+Từ ngữ	

PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT

MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ NHỮNG QUY TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực đặc thù

- **Học sinh nhận biết** được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường
- **Học sinh chỉ ra** được chức năng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường trong sáng tác văn học
- **Học sinh vận dụng** kiến thức để hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong việc tạo lập văn bản.

2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

3. Về phẩm chất: Trân trọng và yêu sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Tổ chức:**
2. **Kiểm tra bài cũ:**
3. **Bài mới:**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung thực hiện:

- ❖ **GV :** GV cho 4 câu bất kì đảo lộn xộn từ trong dòng thơ . Yêu cầu cá nhân học sinh sắp xếp thành câu có nghĩa

HS trả lời : Tự do sắp xếp và Gv, các bạn đánh giá. Hs sinh có ý kiến phản biện câu của mình khi có ý kiến trái chiều.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV cung cấp những câu thơ lộn xộn:</p> <p style="text-align: center;"><i>thót tàu hạt mưa Thánh tiêu mấy</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Khen khéo vẽ tiêu sơ ai cảnh</i></p> <p style="text-align: center;"><i>cổ thụ tròn tán om Xanh xoe</i></p> <p style="text-align: center;"><i>xoá Trắng tràng phẳng lặng tờ giang</i></p> <p style="text-align: right;">(Hồ Xuân Hương)</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và sắp xếp lại</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p style="text-align: center;"><i>Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Xanh om cổ thụ tròn xoe tán</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Trắng xoá tràng giang phẳng lặng tờ.</i></p> <p>Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Trong một số sáng tác văn học, việc xuất hiện một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường đem lại những hiệu quả, tác dụng nghệ thuật nhất định.</p>	<p>GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu hoạt động:

- ❖ **Học sinh nhận biết** được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường
- ❖ **Học sinh chỉ ra** được chức năng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường trong sáng tác văn học
- ❖ **Học sinh vận dụng** kiến thức để hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong việc tạo lập văn bản.

b. Nội dung thực hiện: GV cho HĐ nhóm – HS trả lời

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
HĐ 2.1 Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên: Chia nhóm theo kĩ thuật “khăn trải bàn” (Chia 04 nhóm) Câu hỏi cho từng nhóm trả lời : Nhóm 1: Câu 1,2 /tr65 Nhóm 2: Câu 3 /tr65 Nhóm 3: Câu 4 /tr65 Nhóm 4: Câu 5 /tr65 Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Thời gian: 7 phút Chia sẻ: 8 phút cho 4 nhóm Phản biện và trao đổi: 2 phút cho 1 nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	Câu 1 - “Buồn” chỉ tâm trạng của con người, “điệp điệp” là từ chỉ dòng chảy hoặc nói lem lem, nói lau lã. Ví dụ: Điệp điệp bất hủ (Nói luôn mồm không thôi). - Vì thế, trong cụm từ “buồn điệp điệp” ở dòng mở đầu bài thơ Tràng giang tác giả đã tạo ra cách kết hợp từ trái với logic. Cách kết hợp như vậy gợi tả một nỗi buồn day dứt lòng người của tác giả. Câu 2 - “Chót vót” là từ láy vốn chỉ được sử dụng để diễn tả độ cao, trong câu thơ của Huy Cận, nó lại đi với chiều sâu. Cảm giác sâu chót vót là có thật bởi tác giả nhìn dòng sông và thấy bầu trời dưới đáy sông sâu. Không gian được mở rộng đến hai lần: có cả chiều cao (từ mặt nước lên bầu trời) và cả chiều sâu (bầu trời dưới đáy sông sâu). => Tác giả cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập. Câu 3 - Tác giả sử dụng hình thức đảo ngữ: “Lơ thơ cồn nhỏ, tiếng làng xa vãn chợ chiều.” - Hình thức đảo ngữ giúp nhấn mạnh hình ảnh tràng giang một buổi chiều mênh mông, vắng vẻ. Cảnh vật bên cồn thưa thớt trống trải, âm thanh của tiếng chợ chiều đã vãn bao giờ cũng

chứa chất nổi buồn.

Câu 4

Giá trị biểu đạt của dấu hai chấm ở dòng thơ “Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa”: Tác giả đã bổ sung chức năng mới cho dấu câu, diễn tả hai hình ảnh đối lập nhau. Dấu hai chấm không chỉ đơn thuần để ngắt câu mà nó còn mang dụng ý nghệ thuật sâu sắc nhằm nhấn mạnh hơn không gian bao la, bát ngát đến vô tận. Con chim lẻ loi đơn độc này dường như đang mang một gánh nặng, một bóng chiều trong mình, không chỉ trong cảm xúc, mà còn trong dòng chảy nghệ thuật đang tiến trên trang giấy.

Câu 5

- Nguyên nhân của sự biến đổi: Ở bản in thơ năm 1939 có hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường. Còn ở bản in năm 1988, không có hiện tượng này.

- Ở bản in năm 1939, tác giả dùng dấu chấm than ở câu thơ thứ nhất “Ồ! Hay buồn vương cây ngô đồng”. Tác giả bổ sung chức năng mới cho dấu câu. Thông thường dấu chấm than dùng để bộc lộ cảm xúc hoặc kết thúc câu cầu khiến. Ở trong câu thơ này, dấu chấm than chia câu thơ làm hai vế, vừa để bộc lộ cảm xúc, vừa như có ý để hỏi.

● Lí thuyết

1. Cách nhận diện hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ trong sáng tác văn học

- Phải nắm vững những quy ước ngôn ngữ có tính chuẩn mực của tiếng Việt.
- Thực hiện đối chiếu, so sánh các phương án sử dụng ngôn ngữ khác nhau.

2. Một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học

- Tạo ra những kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói đến

- Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện

- Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập. Đồng thời bổ sung chức năng mới cho dấu câu khi trình bày văn bản trên giấy

HĐ 2.2 (Sau khi học sinh làm xong 5 bài tập HĐ1. GV yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi:

Nhóm 1: *Cần làm gì để nhận biết hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường?*

Nhóm 2: *Nêu một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong các sáng tác văn học?*

Nhóm 3: *Nêu mục đích của việc phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học*

Nhóm 4: *Theo em, nếu không có hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thì các sáng tác văn học (đặc biệt là thơ) có trở nên chuẩn mực và có tính ổn định hay không? Lấy ví dụ chứng minh.*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và trả lời

Thời gian: 7 phút

Chia sẻ: 8 phút cho 4 nhóm

Phản biện và trao đổi: 2 phút cho 1 nhóm

<p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để nhận diện, phân tích ý nghĩa của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường

b. Nội dung thực hiện

HS hoạt động cá nhân vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài tập củng cố

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Giáo viên giao nhiệm vụ:</p> <p>Học sinh lựa chọn 1 trong 3 đoạn thơ và tiến hành nhận diện, phân tích ý nghĩa của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.</p> <p>1. Tôi đang thêm mấy hao gầy</p> <p>Mở ngày tháng để chất đầy tương tư</p> <p>(Khúc dịu êm - Đỗ Trung Lai)</p> <p>2. Đàn cừu đi giữa tung tăng</p> <p>Làm hương cỏ rồi dậy hăng núi đồi</p> <p>(Trên Cao Nguyên - Lê Đình Cánh)</p> <p>3. Ai tình tứ cho cả chiều bờ ngõ</p> <p>Liên chị xa biên biệt nổi giăng mừng.</p> <p>(Một chút giăng mừng - Phan Quế)</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS</p> <p>Đáp án tham khảo</p> <p>1. Tính từ đặt vào vị trí của danh từ rong câu thơ thứ nhất. Tạo ra một kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa và gây ấn tượng mạnh mẽ với người đọc.</p> <p>2. Giữa thảo nguyên mênh mông, ngắm đàn cừu, nhà thơ vui như chính mình được chạy nhảy tung tăng với chúng, trẻ lại, hồn nhiên, ngây thơ như... con cừu. Trong tâm trạng ấy, nhà thơ có "đặt nhầm" vị trí từ loại thì cũng là cái "nhầm đáng yêu" làm cho câu thơ đẹp hơn, hay hơn.</p> <p>3. "xa biên biệt" thì chuyện "thương thầm" là quá hiển nhiên! Nhà thơ viết "nổi giăng mừng" hình ảnh này gây ấn tượng, xao động tâm tư, gợi nhiều liên tưởng: giăng mừng, trải chiếu thường nghĩ đến chuyện lứa đôi, hạnh phúc, đằng này lại xa biên biệt.</p>

<p>Học sinh suy nghĩ và thực hiện bài tập</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh tự tìm hiểu về một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học.

b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài viết và tự sửa lại bài viết theo rubric chấm

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Giáo viên giao nhiệm vụ</p> <p>Học sinh tìm hiểu thêm một số các trường hợp phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>GV linh hoạt vào bài chia sẻ của HS</p>

Phụ lục 2. Bảng kiểm đánh giá thảo luận nhóm

Vấn đề	Mức độ	Tiêu chí đánh giá	Nhóm số...	Tổng điểm
Quá trình thảo luận	<i>Tích cực, hiệu quả</i>	<i>Nhóm đã tích cực hoàn thành công việc được giao, có những đóng góp có giá trị.</i>		
	<i>Tích cực, chưa hiệu quả</i>	<i>Nhóm hoàn thành công việc được giao, có đóng góp ý kiến nhưng vẫn chưa đúng hoặc ít có giá trị</i>		
	<i>Chưa hiệu quả</i>	<i>Nhóm có thành viên không tham gia hoặc rất ít có đóng góp vào hoạt động thảo luận của nhóm</i>		
Mức độ tập trung chú ý	<i>Cao</i>	<i>Ghi chép đầy đủ, tập trung, tích cực lắng nghe và phản hồi các ý kiến của các nhóm khác</i>		
	<i>Bình thường</i>	<i>Ghi chép đầy đủ, chú ý nhận nhiệm vụ</i>		
	<i>Thấp</i>	<i>Không ghi chép, thiếu tập trung, lơ đãng, làm việc riêng</i>		
Trình bày kết quả thảo luận	<i>Tốt</i>	<i>Trình bày đầy đủ các nội dung được giao một cách chính xác, hợp lý</i> <i>Trình bày rõ ràng, mạch lạc</i> <i>Có sáng tạo</i>		
	<i>Khá tốt</i>	<i>Trình bày đầy đủ các nội dung được giao nhưng còn một số sai sót nhỏ</i> <i>Trình bày rõ ràng, mạch lạc</i>		
	<i>Chưa tốt</i>	<i>Trình bày chưa đầy đủ các nội dung được giao, còn nhiều sai sót</i> <i>Cách trình bày thiếu tự tin, chưa cụ thể, rõ ràng</i>		

PHẦN VIẾT

TIẾT....

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ

(Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lý do lựa chọn bài thơ;...).
- Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh).
- Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng.
- Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống.

Về năng lực:

- Vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để tạo lập văn bản phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh trong một tác phẩm thơ.

- Năng lực tự học, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề.

3. Về phẩm chất:

- Tự rút ra được bài học trong cuộc sống và liên kết với các yếu tố số hóa, công dân toàn cầu,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** máy tính, màn chiếu, loa âm thanh...

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái, hứng thú để gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. **Nội dung:** Giới thiệu về kiểu bài viết bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: Em hãy nêu các yếu tố cần thiết để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ ? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ trả lời. B3. Báo cáo thảo luận: Hs chia sẻ. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Trong tìm hiểu và phân tích một bài thơ, ngoài yếu tố về nội dung và nghệ thuật thì cấu tứ và hình ảnh thơ giữ vai	-Học sinh nêu, Gv ghi chép lại +Đề tài +Ngôn từ +Cảm xúc +Cấu tứ +Hình ảnh

trò quan trọng để tạo nên giá trị nội dung và nghệ thuật. Những hình ảnh thơ có thể giống nhau nhưng trong mỗi bài thơ phụ thuộc vào cấu tứ mà có ý nghĩa khác nhau.

GV giới thiệu về kiểu bài nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm)

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu về cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ

a. Mục tiêu:

-Học sinh nắm được **khái niệm về cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ là gì?**

b. Nội dung: Gv nêu câu hỏi:

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Dựa vào phần tri thức ngữ văn, hãy nêu khái niệm cấu tứ và hình ảnh trong bài thơ?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs nhận nhiệm vụ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Câu trả lời của học sinh.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv hệ thống lại kiến thức về cấu tứ và hình ảnh trong thơ, nhấn mạnh tầm quan trọng của hình ảnh.</p>	<p>I. Tìm hiểu về cấu tứ và hình ảnh trong thơ (SGK-54)</p> <p>1. Cấu tứ trong bài thơ</p> <p>-Cấu tứ gắn liền với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ.</p> <p>-Sản phẩm của cấu tứ là tứ thơ.</p> <p>2. Hình ảnh trong bài thơ</p> <p>Hình ảnh trong thơ thường dùng để diễn tả hoặc gợi lên cảm nhận sâu xa hoặc một ý nghĩa nào đó của bài thơ.</p>

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo “ Bài thơ “Tĩnh dạ tứ” của Lý Bạch”

a. Mục tiêu:

- **Học sinh giới thiệu** được ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá)

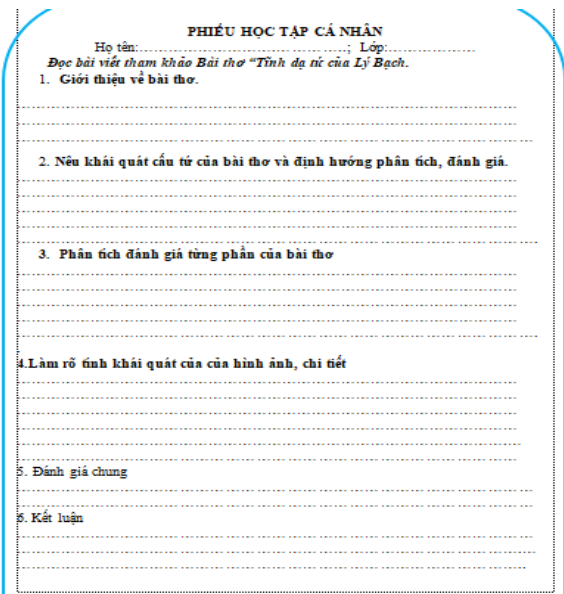
b. Nội dung:

- Học sinh đọc văn bản “ *Bài thơ Tình dạ tứ của Lý Bạch*” và thực hiện trả lời các câu hỏi trong sgk. Hoàn thiện phiếu học tập cá nhân trước khi đến lớp.

- Học sinh lập dàn ý và ghi lại các lưu ý khi thực hành bài viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, Phiếu học tập hoàn chỉnh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-Nhiệm vụ 1: Giáo viên yêu cầu HS đọc văn bản.</p> <p>Hoàn thiện phiếu học tập cá nhân</p>  <p>-Nhiệm vụ 2: Chia lớp thành 3 nhóm:</p> <p>+Nhóm 1: Bài thơ được giới thiệu như thế nào?</p> <p>+Nhóm 2: Xác định trình tự logic triển khai ý trong bài viết?</p> <p>+Nhóm 3: Cấu tứ và tính chất khái quát của bài thơ được người viết đề cập ở đoạn nào, câu nào?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh hoàn thành phiếu bài tập trước</p>	<p>II. Bài viết tham khảo “ Bài thơ “Tình dạ tứ” của Lý Bạch”</p> <p>1. Bài thơ được giới thiệu như thế nào?</p> <p>Cách giới thiệu ngắn gọn, có thể triển khai theo 2 nghĩa:</p> <p>+Tình dạ tứ: Nỗi nhớ trong đêm thanh tĩnh</p> <p>+ Tĩnh dạ tứ: Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh.</p> <p>2. Xác định trình tự logic triển khai ý trong bài viết?</p> <p>+Giới thiệu bài thơ.</p> <p>+Nêu khái quát cấu tứ bài thơ.</p> <p>+Phân tích đánh giá từng phần của bài thơ</p> <p>+Làm rõ tính khái quát của hình ảnh, chi tiết.</p> <p>+Đánh giá chung.</p> <p>+Kết luận.</p> <p>3.Cấu tứ và tính chất khái quát của bài thơ được người viết đề cập ở đoạn nào, câu nào?</p> <p>+ Cấu tứ và hình ảnh được thể hiện ở đoạn văn thứ 2.</p> <p>+ Câu văn khái quát: Đêm yên tĩnh trên đường lữ khách....viết nên một bài thơ</p>

<p>khi đến lớp.</p> <p>+ Thảo luận nhóm trong 7 phút.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Gv nhận xét, đánh giá, đưa ra đáp án PHT cá nhân.</p> <p>1. Giới thiệu về bài thơ.</p> <p>- Bài thơ có hai cách hiểu là “ Nỗi nhớ trong đêm thanh tĩnh và Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh”.</p> <p>-Đề tài: Nguyệt dạ tư hương thường gặp trong thơ Đường.</p> <p>2. Nêu khái quát cấu tứ của bài thơ và định hướng phân tích, đánh giá:</p> <p>- Bài thơ viết về một đêm yên tĩnh trên đường lữ hành và ẩn sâu trong đó là tình yêu sâu nặng với quê hương.</p> <p>- Hướng đi của bài thơ là miêu tả đêm trăng tịch mịch, qua đó làm nổi bật tâm trạng của nhân vật trữ tình.</p> <p>3. Phân tích đánh giá từng phần của bài thơ</p> <p>-Phân theo bố cục bài thơ:</p> <p>+2 câu đầu: Vầng trăng mở ra trong tâm trí tác giả một nỗi nhớ trong tiềm thức; ánh trăng mở ra rọi chiếu cho tất cả.</p> <p>+2 câu cuối: Nhà thơ nhớ về quê nhà của mình nơi ông được sinh ra. Những kỉ niệm chợt ứa về khiến nỗi lòng kẻ tha hương thêm buồn và nhớ quê hương.</p>	<p>tuyệt diệu”</p>
---	--------------------

4. Làm rõ tính khái quát của của hình ảnh, chi tiết.

+Ánh trăng vào tận phòng cho biết đêm sâu; nhận thấy ánh trăng rọi sáng đầu giường chứng tỏ là người không ngủ.

+Nhà thơ ngẩn đầu ngẩng trăng sáng bởi thấy trăng như thấy “cố tri”.

+Nhà thơ gặp lại trăng như gặp lại người quen, thấy trăng như thấy nỗi nhớ.

+Chủ đề của bài thơ “tư hương” nhưng lại dành đến ba câu tả trăng, đến câu “Tâm niệm tư cố hương” liền dừng lại.

5. Đánh giá chung: Lấy cái vô tình nói tình thì tất tình hiện ra, lấy cái vô ý tả ý thì tất ý chân thật.

6. Kết luận:

Tính chất tự nhiên, chân thật, đầy hàm ý

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày một quan điểm, đánh giá về một khía cạnh, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubric chấm

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs hoạt động cá nhân Bài thơ em chọn để phân tích cần đảm bảo tiêu chí nào về cấu tứ và hình ảnh? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh nhận	I. Thực hành viết 1. Chuẩn bị viết -Cần chọn những tác phẩm thơ có cấu tứ độc đáo và có hệ thống hình ảnh phong phú được xây dựng theo sự chi phối của tứ thơ, ngoài

nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận: Hs trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét câu trả lời của hs, chốt lại kiến thức.	giá trị tạo hình còn có tầng ý nghĩa sâu xa. -Có thể chọn những bài thơ được tìm hiểu trong chính chương trình đang học, ngoài chương trình hoặc theo sự gợi ý của thầy cô.
---	--

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs hoạt động cá nhân ?Dựa vào sách giáo khoa đưa ra một số gợi ý nhằm khai thác ý của bài thơ? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs nhận nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận: Hs trả lời. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo - GV: HS nhắc lại yêu cầu của đề bài. - Đọc một số bài tiêu biểu. - HS nhận xét, trình bày ý kiến của bản thân. - GV trao đổi những điểm đáng ghi nhận, những điểm cần sửa chữa của bài viết.	2.Tìm ý và lập dàn ý: *.Tìm ý: - Bài thơ đã hình thành và hoàn thiện dựa trên ý tưởng cơ bản nào? -Điều gì làm cho ý tưởng hiện lên một cách sinh động? -Có thể nêu nhận định khái quát nào về cấu tứ của bài thơ? Nhận định này có gì khác biệt so với những nhận định từng có và đã bao quát hết mọi yếu tố cấu thành của bài thơ chưa? -Tìm hiểu, đánh giá cấu tứ bài thơ: Với cách cấu tứ đã nêu, bài thơ thể hiện được phát hiện riêng gì của nhà thơ về thế giới và con người? -Tìm hiểu, phân tích hệ thống hình ảnh trong bài thơ. +Bài thơ có những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó có thể người đọc những ấn tượng, liên tưởng gì? + Có thể nhìn nhận như thế nào về logic kết nối các hình ảnh trong bài thơ với nhau? Cấu tứ của bài thơ đã chi phối điều này ra sao? + Có thể nói gì về hàm nghĩa của các hình ảnh trong bài thơ.

	<p>*Lập dàn ý:</p> <p>- Mở bài: Giới thiệu chung về bài thơ và vấn đề chung sẽ được bàn luận trong bài viết.</p> <p>-Thân bài: Cần triển khai các ý:</p> <p>+Cảm giác chung mà cấu tứ và hình ảnh và cách diễn tả khác lạ trong bài thơ đã gợi cho người đọc.</p> <p>+Sự khác biệt của bài thơ so với các bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ.</p> <p>+Những khả năng hiểu khác nhau với một số yếu tố, hình ảnh trong bài thơ.</p> <p>-Kết bài: Khẳng định sự độc đáo và ý nghĩa của sự độc đáo đó với độc giả.</p>
--	--

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Khi viết học sinh cần chú ý những gì?</p> <p>Chỉnh sửa và hoàn thiện cần chú ý những gì?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs nhận nhiệm vụ.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Hs trả lời.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Giáo viên đưa ra ý kiến và chốt kiến thức.</p>	<p>3. Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện</p> <p>*Viết:</p> <p>-Chủ động, sáng tạo khi viết, có thể đổi ý, đảo trật tự ý, bổ sung ý mới khi viết.</p> <p>-Nêu những cách nhìn nhận khác nhau về cấu tứ khi viết; có thể dùng sơ đồ cấu tứ.</p> <p>-Nêu hàm nghĩa của các hình ảnh, chi tiết trong bài thơ; chú ý cách dùng từ thận trọng khi thể hiện thái độ riêng.</p> <p>*Chỉnh sửa, hoàn thiện:</p> <p>- Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập.</p> <p>-Xem lại cách diễn đạt những đoạn viết về cấu tứ của bài thơ.</p> <p>-Khắc phục lỗi chính tả, ngữ pháp; chú ý tách đoạn, tách khổ để tạo hiệu quả tích cực về thị giác.</p>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh hoàn thiện bài thể hiện rõ cấu tứ và hình ảnh thơ trong bài.

b. Nội dung: Học sinh trình bày được ý tưởng

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm										
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc bài thơ: Sang Thu - Hữu Thỉnh <i>Bỗng nhận ra hương ổi</i> <i>Phả vào trong gió se</i> <i>Sương chùng chình qua ngõ</i> <i>Hình như thu đã về</i> <i>Sông được lúc dềnh dàng</i> <i>Chim bắt đầu vội vã</i> <i>Có đám mây mùa hạ</i> <i>Vắt nửa mình sang thu</i> <i>Vẫn còn bao nhiêu nắng</i> <i>Đã vơi dần cơn mưa</i> <i>Sấm cũng bớt bất ngờ</i> <i>Trên hàng cây đứng tuổi.</i> <i>Trả lời các câu hỏi sau:</i> <ol style="list-style-type: none"> Giới thiệu về bài thơ (hoàn cảnh ra đời, xuất xứ). Chỉ ra cấu tứ và ý nghĩa các hình ảnh 	PHIẾU HƯỚNG DẪN VIẾT <table> <tr> <th>HƯỚNG DẪN</th><th>THỰC HÀNH</th></tr> <tr> <td>Giới thiệu bài thơ.</td><td></td></tr> <tr> <td>Xác định cấu tứ bài thơ</td><td></td></tr> <tr> <td>Hình ảnh mang ý nghĩa sâu xa</td><td></td></tr> <tr> <td>Kết luận</td><td></td></tr> </table>	HƯỚNG DẪN	THỰC HÀNH	Giới thiệu bài thơ.		Xác định cấu tứ bài thơ		Hình ảnh mang ý nghĩa sâu xa		Kết luận	
HƯỚNG DẪN	THỰC HÀNH										
Giới thiệu bài thơ.											
Xác định cấu tứ bài thơ											
Hình ảnh mang ý nghĩa sâu xa											
Kết luận											

được tác giả nhắc đến trong bài thơ.	
B2. Thực hiện nhiệm vụ: hs nhận nhiệm vụ	
B3. Báo cáo thảo luận: Hs làm và nộp bài	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv chữa trong tiết trả bài.	

4. củng cố: Học sinh nắm chắc nội dung bài học về cách viết một bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ.

5. HDVN: Chuẩn bị cho tiết trả bài.

PHẦN NÓI VÀ NGHE

TIẾT...

GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Chọn được tác thơ có có cấu tứ độc đáo và hệ thống hình ảnh phong phú để thuyết trình.
- Hiểu được những yêu cầu cơ bản của việc thuyết trình.

2. Về năng lực

- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe.
- Đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân khi tham gia nói và nghe về vấn đề
- Biết tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình.

3. Về phẩm chất

Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Có tinh thần, thái độ phù hợp khi tham gia thảo luận tôn trọng người nói, người nghe.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, bảng kiểm, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

-GV đặt câu hỏi: Theo em, khi giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc hội họa cho người khác nghe, em sẽ giới thiệu những gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV động viên, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV trình chiếu một số phiếu trả lời nhanh; hoặc mời HS trả lời nhanh
- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dẫn dắt vào nội dung tiết học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm vững những yêu cầu chung của việc giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm nghệ thuật.

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>-GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Muốn giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ, các em cần thực hiện những yêu cầu gì?</p> <p>-HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>dựa vào phần định hướng trong SGK</p> <p>GV quan sát, khuyến khích</p>	<p>I. Những yêu cầu của bài giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp được thông tin chung về tác phẩm nghệ thuật một cách sáng rõ, chính xác (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng với các nhà chuyên môn,...). - Nêu được lý do chọn giới thiệu tác phẩm. - Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; chủ động đặt câu hỏi để người nghe cùng tương tác và đối thoại. - Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm nghệ thuật.

*CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE

a. Mục tiêu: HS nắm được quy trình của bài nói và nghe, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

b. Nội dung: HS tìm hiểu phần chuẩn bị nói và chuẩn bị nghe.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. GV nêu</p> <p>Những lưu ý trong việc lựa chọn đề tài.</p>	<p>II. Chuẩn bị nói</p> <p>1. Lựa chọn đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ kết quả của hoạt động viết trước đó, nghĩa là có thể giới thiệu về chính bài thơ mà bạn đã chọn để viết bài phân tích, đánh giá. Cũng có thể giới thiệu về một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác như bài hát (hay bản nhạc), bộ phim, bức tranh, bức tượng... - Để việc giới thiệu đạt hiệu quả tương tác tốt với người nghe, nên chọn tác phẩm nào từng được nhiều bạn trong lớp quan tâm; đặc biệt, về tác phẩm đó, người giới thiệu có thể tạo cho người nghe cơ hội được thấy, xem, nghe trực tiếp, dù chỉ qua các phiên bản, ảnh chụp hay qua các video clip sưu tầm được. - Vấn đề thuyết trình: giới thiệu một tác phẩm thơ (“Tràng giang” của Huy Cận.) - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong

<p>Bước 2: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>? Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì? - Người nghe là ai? - Chọn không gian nào để thực hiện bài nói? - Dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào? - Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất? <p>Bước 3: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ. <p>Bước 4: HS báo cáo kết quả và thảo luận:</p> <p>Bước 5: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng.</p> <p>-GV giao nhiệm vụ: Tìm ý và lập dàn ý bài “Tràng giang” (Huy Cận)</p> <p>? Hãy tìm ý và sắp xếp ý cho bài</p>	<p>lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không gian: lớp học - Thời gian: khoảng 3- 5 phút - Hình thức thuyết trình: lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê,... (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn. - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt, ... cho phù hợp với nội dung thuyết trình. - Chuẩn bị nội dung trình bày: <ul style="list-style-type: none"> + Xem lại dàn ý và bài viết đã hoàn thành ở phần Viết. Chỉnh sửa bài viết thành văn bản phù hợp để nói trong buổi học. + Tập đọc diễn cảm bài thơ “Tràng giang” để làm dẫn chứng. <p>2. Tìm ý và sắp xếp ý:</p> <p>-Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> +Nếu chọn giới thiệu về bài thơ được bàn tới trong bài viết trước đó, cần rút gọn bài viết thành một dàn ý cho bài nói, đánh dấu những ý quan trọng sẽ trình bày, những bằng chứng minh họa sẽ nêu lên và phân tích (có thể điều chỉnh trình tự các ý đã được trình bày trong bài viết, sao cho mạch triển khai của bài nói được thông suốt). + Nếu chọn giới thiệu về một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác, cần hình thành hệ thống ý dựa trên việc trả lời các câu hỏi như: Tên của tác phẩm là gì? Tác giả là ai? Có thể thấy, xem, nghe tác phẩm ở đây? Tác phẩm có đặc điểm gì về nội dung và hình thức? Câu chuyện, vấn đề, thông điệp được nêu hoặc toát ra từ tác
--	--

<p>thuyết trình</p> <p>-HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý cho bài giới thiệu, đánh giá</p> <p>GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng.</p>	<p>phẩm là gì, từng được đón nhận như thế nào và có ý nghĩa ra sao? Tác phẩm đã đóng góp được điều gì cho đời sống nghệ thuật và đời sống tinh thần của cộng đồng?</p> <p>+ Toàn bộ những ý có được nhờ trả lời các câu hỏi trên nên được tổ chức theo bố cục: Nhận diện → Tìm hiểu → Đánh giá → Đề xuất thái độ, cách thức tiếp nhận phù hợp.</p> <p>Ví dụ: Tìm ý và lập dàn ý bài “Tràng giang” (Huy Cận)</p> <p>“Tràng giang” – Huy Cận</p> <p>Lí do lựa chọn “Tràng giang”</p> <p>Ý nghĩa nhan đề bài thơ “Tràng giang”</p> <p>Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình</p> <p>Vẻ đẹp của hình tượng thơ</p> <p>Tính độc đáo của các phương tiện ngôn từ</p> <p>Nét hấp dẫn của bài thơ so với một số tác phẩm khác</p> <p>Lưu ý. Đối với người nghe:</p> <p>- Tìm hiểu trước về vấn đề thảo luận cách sử dụng, xem xét các tri thức ngữ văn, đọc các tài liệu mà người nói có thể đã chuẩn bị và cung cấp</p> <p>- Chuẩn bị tâm thế là nghe và đối thoại với người thuyết trình, chú ý theo dõi các người thuyết trình phân tích từ ngữ, hình ảnh, cách sử dụng thao tác phân tích.</p>
--	--

*THỰC HÀNH NÓI

a. Mục tiêu: Biết cách, tự tin giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật trước cả lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã lập dàn ý xong.

c. Sản phẩm: HS trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của mình.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>? Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>- Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì?</p>	<p>III. Thực hành nói</p> <p>1. Yêu cầu: Bài nói phải đảm bảo kết cấu gồm ba phần với các yêu cầu chính về nội dung như sau:</p> <p>- Mở đầu: Nêu tên tác phẩm được giới thiệu và lý do chọn giới thiệu tác phẩm đó.</p>

<p>- Người nghe là ai?</p> <p>- Chọn không gian nào để thực hiện bài nói?</p> <p>- Dự định trình bày trong bao nhiêu phút?</p> <p>- Dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào?</p> <p>- Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:</p> <p>- GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị thuyết trình.</p> <p>- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng.</p> <p>GV giao nhiệm vụ: Tìm ý và lập dàn ý bài “Tràng giang” (Huy Cận)</p> <p>? Hãy tìm ý và sắp xếp ý cho bài thuyết trình</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>- Triển khai: Miêu tả đặc điểm của tác phẩm (thể loại, tính chất, quy mô, dung lượng,...) và nêu nhận xét, đánh giá về tác phẩm theo các góc độ tiếp cận khác nhau.</p> <p>- Kết luận: Khẳng định giá trị chung và ý nghĩa của tác phẩm.</p> <p>2. Ví dụ: giới thiệu bài thơ Tràng giang</p> <p>a. Người nói:</p> <p>*Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ, có thể sử dụng nhiều cách dẫn dắt khác nhau để tạo không khí cho giờ học.</p> <p><u>Lưu ý:</u></p> <p>+ Đây không phải là yêu cầu bắt buộc nhưng để tránh việc nói mà như đọc, người nói cần khơi gợi được sự tương tác từ người nghe.</p> <p>+ Có thể chỉ cần chọn một phương diện nào đó về tư tưởng, tình cảm hoặc hình thức nghệ thuật của bài thơ mà mình thấy tâm đắc để thuyết trình.</p> <p>*Triển khai: Trình bày lần lượt các thông tin có trong bài viết theo hình thức tóm lược, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu PowerPoint (nếu có).</p> <p>+ Dành nhiều thời gian hơn để nói về những giá trị nổi bật của bài thơ mà mình đã cảm nhận được.</p> <p>+ Nên nhấn mạnh các thao tác mình đã sử dụng để phát hiện giá trị thẩm mỹ hay tư tưởng trong bài thơ (liên tưởng, đối lập).</p> <p>+ Với bài thuyết trình về bài thơ “Tràng giang”, cần nhấn mạnh đến các phương diện: (1) Nhan đề; (2) Cấu tứ; (3) Hình ảnh; (4) Tâm trạng nhân vật trữ tình.....</p> <p>*Kết luận: Khái quát lại những điều mình cảm nhận cũng như đánh giá về giá trị của bài thơ trên các phương diện hình thức và nội dung. Có thể kết bài bằng những câu khuyến khích người nghe chia sẻ những góc nhìn khác, phát hiện khác về bài thơ.</p> <p>b. Người nghe:</p> <p>- Có thái độ tôn trọng, đặc biệt quan tâm đến</p>
--	--

<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:</p> <p>Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng.</p> <p>Thực hành nói và nghe</p> <p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>- Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình cho bạn (theo mẫu)</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.</p>	<p>cảm xúc của người thuyết trình.</p> <p>- Ghi chép những ý tưởng trong bài thuyết trình đã khiến mình thực sự thấy hứng thú, những điểm bạn còn băn khoăn, muốn trao đổi.</p> <p>Chú ý đến phong thái của người thuyết trình (ví dụ: sự tự tin, khả năng điều tiết giọng nói, ngôn ngữ, cử chỉ,...)</p>
--	---

*TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ

a. Mục tiêu: HS được rèn kỹ năng đánh giá bài nói, kỹ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói thuyết trình trước tập thể

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi cá nhân.

c. Sản phẩm: Bảng kiểm đánh giá (tự đánh giá) bài nói, nghe .

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-----------------	------------------

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn

- HS cả lớp tự đánh giá kỹ năng nói và kỹ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý SGK tr.73.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận****Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.****IV. Trao đổi, đánh giá****1. Người nói**

- Làm rõ những điều người nghe muốn tìm hiểu thêm.
- Trao đổi lại những điểm chưa thống nhất về ý kiến.
- Thể hiện thái độ tiếp thu tích cực, cầu thị.

2. Người nghe

- Nêu những vấn đề muốn làm rõ hơn về tác phẩm.
- Nêu quan điểm đánh giá khác về tác phẩm (trên tinh thần tranh luận).
- Bổ sung thông tin về tác phẩm.
- Góp ý với người nói về cách thể hiện bài nói.

Lưu ý: Cả người nói và người nghe cùng bổ sung những yêu cầu phải đảm bảo khi giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm thơ.

Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá về bài nói

ST T	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn được tác phẩm nghệ thuật phù hợp để giới thiệu.		
2	Cung cấp được thông tin toàn diện về tác phẩm.		
3	Trình bày được ý nghĩa của việc giới thiệu tác phẩm.		
4	Thể hiện được những đánh giá xác đáng, có căn cứ về tác phẩm.		
5	Lựa chọn được cách giới thiệu hấp dẫn, phù hợp với tính chất, đặc điểm của tác phẩm.		
6	Thực hiện được sự tương tác tích cực với người nghe.		

Bảng tự kiểm tra kỹ năng nói của bản thân

Nội dung tự kiểm tra kỹ năng	Đạt/
------------------------------	------

	nói	chưa đạt
	- Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:	
	+ Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?	
	+ Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ... có phù hợp không?	
	+ Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào?	
	- Đánh giá chung:	
	+ Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì?	
	+ Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó?	
	Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:	
	Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Đạt/ chưa đạt
	- Kiểm tra kết quả nghe:	
	+ Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?	
	+ Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ của bạn?	
	- Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:	
	+ Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?	
	+ Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?	

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (Thực hành nói và nghe)

a. Mục tiêu: Biết cách, tự tin giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật trước cả lớp.

b. Nội dung: HS trình bày sản phẩm sau khi đã lập dàn ý xong.

c. Sản phẩm: HS trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của mình.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>? Giới thiệu bài thơ Tràng giang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề trọng tâm của bài nói là gì? - Người nghe là ai? - Chọn không gian nào để thực hiện bài nói? - Dự định trình bày trong bao nhiêu phút? - Dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào? - Ngoài lựa chọn đề tài nói, em còn cần chuẩn bị những gì để bài nói tốt nhất? <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời cá nhân theo nhiệm vụ. <p>Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS trả lời câu hỏi về vấn đề HS chuẩn bị thuyết trình. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng.</p>	<p>Ví dụ: giới thiệu bài thơ Tràng giang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nói: - Người nghe: - Bài mẫu (sưu tầm) Giới thiệu tác phẩm Tràng giang của Huy Cận về khía cạnh cấu tứ, hình ảnh và giá trị tạo hình. <p>Chào thầy/ cô và các bạn, Như chúng ta đã biết, con người luôn bị chi phối bởi hoàn cảnh, các nhà thơ trong phong trào Thơ mới cũng vậy, hoàn cảnh đã đưa họ tiếp cận với những vần thơ sâu sắc, chứa chan tình yêu nước sâu đậm. Tiêu biểu trong đó ta phải kể đến đó là nhà thơ Huy Cận với tác phẩm Tràng giang - một tác phẩm hay, ý nghĩa về tấm lòng của một con người luôn nặng lòng vì nước thể hiện qua cấu tứ, hình ảnh trong bài thơ.</p> <p>Bài thơ được gợi cảm hứng từ một buổi chiều thu bên bến Chèm, chàng thi sĩ đứng cạnh dòng nước, ngắm nhìn đất trời cảnh vật mà “tức cảnh sinh tình”. Nguồn cảm hứng đó ta có thể thấy rõ qua câu đề từ của bài thơ “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài”. Câu đề từ gợi ra một không gian rộng lớn nơi con người chan chứa cảm xúc bâng khuâng khó tả.</p> <p style="text-align: center;"><i>Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp Con thuyền xuôi mái nước song song Thuyền về nước lại sầu trăm ngả Củi một cành khô lạc mấy dòng</i></p> <p>Hình ảnh đầu tiên xuất hiện là hình ảnh con sóng nhấp nhô trùng trùng, điệp điệp. Con sóng tầng tầng, lớp lớp ấy kéo theo là nỗi buồn của nhân vật trữ tình, nhìn sóng nước như nhìn thấy nỗi buồn trong lòng mình. Cùng với đó là hình ảnh con thuyền lênh đênh trên sông gợi liên tưởng về một kiếp người nghèo khổ, nay đây mai đó, không biết đi đâu về đâu. Trong thơ Đường, ta đã từng bắt gặp hình ảnh con thuyền và dòng sông đầy ám ảnh, trĩu nặng cái tình của người đưa tiễn:</p> <p style="text-align: center;"><i>Cô phàm viễn cảnh bích không tận Duy kiến Trường giang thiên tế lưu</i> (Lí Bạch)</p> <p>Con thuyền dường như trở lên nhỏ bé lạ thường kết hợp với hình ảnh cảnh củi bị cuốn theo dòng nước càng tô đậm thêm sự nhỏ bé của sự vật hay chính là một kiếp người nào đó trong xã hội. Sang đến khổ thơ thứ hai, ta bắt gặp hình ảnh khái quát toàn bộ khung cảnh sông nước thể hiện hiện qua 4 câu thơ:</p>

Đối với người nghe

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Trước khi nghe, em cần chuẩn bị những gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kỹ năng.

Thực hành nói và nghe

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào **bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình** cho bạn (theo mẫu)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống trời lên sâu chót vót
Sông dài trời rộng bến cô liêu*

Đến đây, khung cảnh trở lên thật tĩnh lặng, vắng vẻ, gợi lên một nỗi buồn thầm kín, khó tả. Các từ láy “lơ thơ”, “chót vót”, “đìu hiu” gợi lên cảm nhận về một sự xa xăm, sự vắng lặng lạ thường, nhỏ bé của con người so với vũ trụ bao la. Gió hiu hiu thổi trên cồn cát vắng bóng của sự sống con người, sự vật, con người thật nhỏ bé, vô định trước sự rộng lớn của vũ trụ. Và không gian cứ mở rộng, con người lại càng cô đơn, nhỏ bé và buồn tủi trước thiên nhiên rộng lớn. Để rồi, sự cô quạnh, lạnh lẽo ấy khiến tác giả phải thốt ra thành lời khiến người đọc không khỏi buồn lây mà cảm thán:

*Bèo dạt về đâu hàng nối hàng
Mênh mông không một chuyến đò ngang
Không cầu gợi chút niềm thân mật
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng*

Hình ảnh bèo dạt đã nhiều lần xuất hiện trong thơ ca, nhưng ở đây nó lại thấm thía sự chia ly, gợi lên sự nhỏ bé, mong manh của kiếp người giữa dòng đời. Hình ảnh bèo nối hàng gợi cảm nhận về những kiếp người chìm nổi trong xã hội, họ vẫn ở đó và ngày càng khổ đau hơn. “Không một chuyến đò ngang” đã thể hiện sự vắng bóng, thiếu sự gắn kết với con người. Cảnh vật càng trở lên hoang vắng, mênh mông đến tận cùng như nỗi buồn của con người. Trên nền không gian ấy, hình ảnh bãi vàng vẫn hiện lên, tô điểm thêm bức tranh đồng thời cũng tô đậm thêm sự thiếu sức sống, vắng lặng của cảnh vật hoang tàn. Phải chăng bởi lòng người u buồn khiến cho cảnh vật chẳng thể đẹp mà cũng nặng trĩu tâm tư của nhân vật trữ tình?

Để rồi khổ cuối càng bộc lộ rõ tâm tư, tình cảm của tác giả:

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa
Lòng quê dờn dợn vời con nước
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*

Hình ảnh cánh chim và đám mây tiếp tục tô điểm thêm cho bức tranh thiên nhiên vũ trụ rộng lớn, cô quạnh. Sự hùng vĩ của cảnh sắc của những đám mây lớp lớp nối tiếp nhau cũng cánh chim đang bay về tổ ấm báo hiệu hoàng hôn đang buông xuống. Sự tương phản giữa cánh chim và bầu trời càng làm nổi bật lên sự tồn tại nhỏ bé như kiếp người, cũng nhỏ bé và vô định giữa đất trời rộng lớn. Bởi vậy lòng người chỉ càng thêm

	<p>tịch mịch và u buồn. Nỗi buồn về kiếp người, về nỗi nhớ quê hương tha thiết của một con người nơi đất khách quê người đang tức cảnh sinh tình, bộc lộ nỗi lòng của mình.</p> <p>Tóm lại, <i>Tràng giang</i> là một bài thơ đặc sắc cả về cấu tứ thơ cũng như các hình ảnh được sử dụng. Không chỉ thể hiện được sự tài hoa trong sáng tác thơ của Huy Cận mà nó còn làm nổi bật lên tâm tư, tình cảm trĩu nặng nỗi buồn và niềm mong nhớ về quê hương của tác giả. Cùng với đó, sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và hiện đại đã tạo nên một thi phẩm độc đáo về tình yêu quê hương, đất nước con người ẩn chứa trong nỗi buồn thâm kín của một con người đa sầu, đa cảm như Huy Cận. Đến đây, phần trình bày của em xin kết thúc, cảm ơn thầy/ cô và các bạn đã lắng nghe!</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: Củng cố, mở rộng

a. Mục tiêu: Nắm rõ yêu cầu và biết cách giới thiệu, đánh giá một tác phẩm nghệ thuật

b. Nội dung: Ôn lại kiến thức đã học

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

1. Bài học đã đưa lại cho bạn những hiểu biết mới gì về thơ?
2. Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của nó có ý nghĩa như thế nào?
3. Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể gì?
4. Chọn phân tích một bài thơ hoặc một số câu thơ có yếu tố tượng trưng đã tạo cho bạn những ấn tượng sâu đậm.
5. Xây dựng dàn ý cho bài thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật tự chọn?

***GV giao nhiệm vụ, HS hoàn thành phiếu học tập:**

Phiếu học tập

Bài học đã đưa lại cho bạn những hiểu biết mới gì về thơ?	
Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của nó có ý nghĩa như thế nào?	
Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể gì?	
Chọn phân tích một bài thơ hoặc một số câu	

thơ có yếu tố tượng trưng đã tạo cho bạn những ấn tượng sâu đậm.	
Xây dựng dàn ý cho bài thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật tự chọn?	

***HS báo cáo sản phẩm, thảo luận, GV chốt kiến thức:**

Phiếu học tập

Bài học đã đưa lại cho bạn những hiểu biết mới gì về thơ?	Bài học đã đưa lại những hiểu biết mới về thơ: - Cấu tứ trong thơ - Yếu tố tượng trưng trong thơ - Ngôn ngữ trong thơ (một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường).
Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của nó có ý nghĩa như thế nào?	Khi đọc một bài thơ, việc tìm hiểu cấu tứ của bài thơ góp phần xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, giúp hiểu được nhận thức, cảm xúc, cảm giác của tác giả về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó.
Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể gì?	Có thể nhận diện yếu tố tượng trưng trong thơ căn cứ vào những biểu hiện cụ thể: + Tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc,... + Việc sử dụng biểu tượng, hình ảnh nghệ thuật so sánh, ẩn dụ,... + Sự sáng tạo về ngôn từ. + Tính nhạc trong thơ. + ... - Một số bài thơ có yếu tố tượng trưng: Xuân tượng trưng (Bích Khê), Tiếng thu (Lưu Trọng Lư), Đêm mưa gió (Thế Lữ), Màu thời gian (Đoàn Phú Tứ)...
Chọn phân tích một bài thơ hoặc một số câu thơ có yếu tố tượng trưng đã tạo cho bạn những ấn tượng sâu đậm.	Đoạn thơ trích trong bài “Màu thời gian” – Đoàn Phú Tứ: Màu thời gian không xanh Màu thời gian tím ngắt Hương thời gian không nồng Hương thời gian thanh thanh Phân tích: - Thời gian trong bài thơ là tượng trưng. Nó không phải thời gian vật lý mà là thời gian tâm trạng, thời gian của sự trầm tư. - Màu tím tượng trưng cho tình yêu, cho sự thủy chung của tác giả. - Màu thời gian và hương thời gian gợi liên tưởng đến màu tình yêu và hương tình yêu: vừa cụ thể, vừa nhiều mộng mơ; vừa trần tục, vừa thanh cao thoát tục.
Xây dựng dàn ý cho bài thuyết trình	HS tự làm ở nhà

về một tác phẩm nghệ thuật tự chọn?	
-------------------------------------	--

4. HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Tìm trong sách, báo thông tin về các tác giả, tác phẩm đã học hoặc truy cập Internet để rèn luyện tiếp kỹ năng nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.
- Tìm đọc thêm một số bài thơ hai-cư Nhật Bản, thơ của Đỗ Phủ và các nhà thơ Đường Trung Quốc, Việt Nam, thơ Hàn Mặc Tử và các nhà Thơ mới,... có cùng đề tài với các bài thơ đã học.

5. CHUẨN BỊ BÀI 3: Cấu trúc của văn bản nghị luận.

Ngày soạn:

Bài 2: CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Thời gian thực hiện: 11 tiết

(Đọc: 7 tiết; Thực hành tiếng Việt: 1 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

HS hiểu được các khái niệm: *cấu tứ, yếu tố tượng trưng, ngôn ngữ văn học* cùng đặc điểm, vai trò của chúng trong thơ.

2. Về năng lực:

- Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản; nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lý nhân sinh từ văn bản thơ.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- Viết được văn bản nghị luận về một bài thơ: tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm.
- Biết giới thiệu (dưới hình thức nói) về một tác phẩm nghệ thuật (văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội họa) theo lựa chọn cá nhân.

3. Về phẩm chất:

- Biết sống hòa đồng với mọi người, thiên nhiên; biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với cuộc đời.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**PHẦN 1: ĐỌC****Tiết 12, 13, 14 - VĂN BẢN 1: NHỚ ĐỒNG – TỐ HỮU**

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức:**

- HS hiểu được cảm hứng chủ đạo của bài thơ: khát khao tự do, khát khao một sự thay đổi mang tính cách mạng trên quê hương.

2. Về năng lực:

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm cấu tứ cùng hệ thống hình ảnh tổ chức xoay quanh trục cảm xúc “nhớ đồng” của bài thơ.

- HS nhận biết và phân tích được dấu ấn tượng trưng trong bài thơ, chỉ ra được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua hệ thống ngôn từ của văn bản.

3. Về phẩm chất:

HS biết trân trọng tình cảm gắn bó máu thịt với cảnh sắc, con người và số phận của quê nghèo đang đứng trước ngưỡng cửa những thay đổi lớn lao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu, phiếu học tập...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ**3. Bài mới****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Huy động tri thức nền của HS về thơ trữ tình; tạo tâm thế hứng thú cho HS bước vào bài học.

b. Nội dung: Tri thức nền của HS về thơ trữ tình.

c. Sản phẩm: Những chia sẻ, cảm nhận của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV đưa ra yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy lắng nghe bài hát “<i>Thuyền và biển</i>” được phổ nhạc từ bài thơ cùng tên của nhà thơ Xuân Quỳnh. (Đồng thời, GV chiếu VB thơ để HS quan sát) <p>Link video: https://www.youtube.com/watch?v=Hdyd_xuKFt0</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thực tế, việc những bài thơ được phổ nhạc không phải là hiếm. Theo em, tại sao lại có hiện tượng này? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS lắng nghe bài hát, đọc VB thơ và suy nghĩ câu trả lời.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>HS chia sẻ suy nghĩ của mình.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>HS và GV nhận xét, thống nhất ý kiến.</p>	<p>Những chia sẻ của HS về các yếu tố khiến một bài thơ có thể phổ nhạc thành bài hát.</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

i. Mục tiêu:

- HS nhận biết được một số yếu tố của thơ trữ tình: cấu tứ, yếu tố tượng trưng.
- HS nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, đặc biệt là tính đa nghĩa.

j. Nội dung: Tri thức ngữ văn về thơ trữ tình.

k. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập của HS.

l. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	TRI THỨC NGŨ VĂN

GV đưa ra các nhiệm vụ sau, yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi:

Nhiệm vụ 1: Hoàn thành cột K và W của bảng KWL.

Nhiệm vụ 2: Đọc phần Tri thức ngữ văn (SGK – tr 54,55), tìm từ khóa cho các thuật ngữ.

Phiếu học tập số 1 – Tìm hiểu tri thức ngữ văn

1. Hoàn thành cột K, W của bảng KWL sau:

K	W	L
Những điều bạn đã biết về thể loại thơ trữ tình	Những điều bạn muốn biết thêm về thể loại thơ trữ tình	Những điều bạn đã học được về thể loại thơ trữ tình
Gợi ý: - Thơ có đặc điểm gì nổi bật? ...	Gợi ý: Dựa vào yêu cầu cần đạt của bài học, bạn hãy liệt kê những điều muốn biết thêm về thơ ...	

2. Đọc các mục trong phần Tri thức Ngữ văn (SGK/tr.54), tìm các từ khóa và điền vào bảng sau

Thuật ngữ	Từ khóa
Câu thơ	
Từ thơ	
Yếu tố tượng trưng	
Ngôn ngữ văn học	
Tính đa nghĩa	

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc theo cặp đôi hoàn thành PHT.

B3. Báo cáo thảo luận

Đại diện các cặp đôi chia sẻ kết quả làm việc của nhóm.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Các nhóm đôi khác nhận xét.

GV nhận xét, thống nhất ý kiến.

(Lưu ý:

- Trong phạm vi bài học này, GV chỉ cần dừng lại ở việc thuyết minh sâu hơn về những ý đã được đề cập trong phần Tri thức ngữ văn của SGK, tránh nói rộng ra về trường phái tượng trưng, chủ nghĩa tượng trưng.

- Khi giới thuyết về ngôn ngữ văn học,

1. Cấu tứ trong thơ:

* *Cấu tứ:*

- Là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng.

- Gắn với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.

* *Tứ thơ:*

- Là sản phẩm của hoạt động cấu tứ.

- Vai trò:

+ *Tứ* đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống.

+ *Tứ* là cái xương sống của bài thơ, là điểm tựa cho sự phát triển của hình tượng thơ, bài thơ. Nhờ có tứ, kết cấu của bài thơ trở nên chặt chẽ, gắn kết.

- Phân biệt *tứ* và *ý*: (mở rộng)

+ *Ý* tồn tại ở dạng trần trụi, khô khan, chưa thể hiện màu sắc chủ quan trong cách cảm thụ, nhìn nhận của nhà thơ.

+ *Tứ* báo hiệu sự hóa thân của ý vào những hình tượng sống động mang nhiều dấu ấn của chủ thể sáng tạo.

2. Yếu tố tượng trưng trong thơ

- *Khái niệm:* Yếu tố tượng trưng được dùng để chỉ một hình ảnh, hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa và gợi lên những cảm nhận đa chiều (hình ảnh mang tính biểu tượng).

- *Biểu hiện của yếu tố tượng trưng trong thơ:*

+ Tô đậm tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc...

GV có thể vận dụng kiến thức của mình về các loại phong cách ngôn ngữ để giúp HS nhận diện và nắm bắt tốt hơn về các đặc điểm của ngôn ngữ văn học. Rất cần đưa ra những đối sánh, ít nhất với ngôn ngữ sinh hoạt và ngôn ngữ khoa học để HS tiếp thu vấn đề dễ dàng hơn, làm nổi bật <i>tính thẩm mỹ</i> và <i>tính hình tượng</i> của ngôn ngữ văn học).	+ Phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ. + Hoà trộn cảm nhận của các giác quan, diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng... 3. Ngôn ngữ văn học - <i>Khái niệm</i> : là ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học, được hình thành và phát triển nhờ lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn trên cơ sở ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên. - <i>Một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học</i> : + Thể hiện rõ cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của nhà văn. + Tính hình tượng + Tính thẩm mỹ + Tính đa nghĩa...
--	---

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: NHỚ ĐỒNG – TỔ HỮU

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nắm được những thông tin cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp, đặc biệt là đặc điểm phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

- HS nắm được hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, bố cục của bài thơ.

b. Nội dung: Những nét khái quát về tác giả và tác phẩm.

c. Sản phẩm: Những chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: GV mời 1, 2 HS đọc VB trước lớp, nhắc các em chú ý các thể chỉ dẫn, cách ngắt giọng phù hợp, nhấn giọng khi gặp các điệp	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả: Tố Hữu (1920 – 2002) - <i>Tên</i> : Nguyễn Kim Thành. - <i>Quê hương</i> : Thừa Thiên Huế.

<p>ngữ, thay đổi ngữ điệu khi gặp các kiểu câu khác nhau.</p> <p>2. Tác giả</p> <p>Dựa vào những thông tin trong SGK – tr58 và những hiểu biết của mình, giới thiệu ngắn gọn về cuộc đời, sự nghiệp nhà thơ Tố Hữu.</p> <p>3. Tác phẩm</p> <p>- Trình bày ngắn gọn hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ của bài thơ <i>Nhớ đồng</i>.</p> <p>- Có thể chia bài thơ thành mấy đoạn? Nội dung của mỗi đoạn là gì?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc diễn cảm bài thơ.</p> <p>- HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>HS chia sẻ những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>HS khác nhận xét.</p> <p>GV nhận xét, thống nhất ý kiến.</p>	<p>- <i>Vị trí</i>: “lá cờ đầu” của nền thơ cách mạng Việt Nam nửa sau thế kỉ XX.</p> <p>- <i>Phong cách nghệ thuật thơ</i>: Thơ Tố Hữu là tiếng nói trữ tình nhiệt huyết về những vấn đề lớn của đất nước và cách mạng, mang đậm tính sử thi, tràn đầy niềm tin ở tương lai, tất cả được thể hiện bằng một hình thức thơ giàu tính dân tộc, gần gũi với đại chúng.</p> <p>- <i>TP chính</i>: 7 tập thơ (SGK – tr58).</p> <p>2. Văn bản</p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác</p> <p>Tháng 7/1939, khi tác giả bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ (thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế).</p> <p>b. Xuất xứ</p> <p>In trong tập <i>Từ ấy</i> (1946).</p> <p>c. Bố cục</p> <p>2 phần:</p> <p>- 9 khổ đầu: Nỗi nhớ thế giới bên ngoài với những cảnh vật, con người đặc trưng cho quê nghèo muôn thuở.</p> <p>- 4 khổ cuối: Nỗi nhớ bước đường hoạt động cách mạng vừa qua và niềm khao khát tự do.</p>
---	---

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được cảm hứng chủ đạo của bài thơ: khát khao tự do, khát khao một sự thay đổi mang tính cách mạng trên quê hương.
- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm cấu tứ cùng hệ thống hình ảnh tổ chức xoay quanh trục cảm xúc “nhớ đồng” của bài thơ.

- HS nhận biết và phân tích được dấu ấn tượng trung trong bài thơ, chỉ ra được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua hệ thống ngôn từ của văn bản.

- HS biết trân trọng tình cảm gắn bó máu thịt với cảnh sắc, con người và số phận của quê nghèo đang đứng trước ngưỡng cửa những thay đổi lớn lao.

b. Nội dung: Về đẹp và các lớp nghĩa của bài thơ.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu cấu tứ của bài thơ</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chia lớp thành 5 nhóm. Mỗi nhóm tìm hiểu 1 vấn đề theo các chỉ dẫn dưới đây:</p> <p>Vấn đề 1: Nhan đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những nội dung cảm xúc nào đã được thể hiện trong bài thơ? - Từ đó, hãy nhận xét nhan đề Nhớ đồng đã bao quát được toàn bộ nội dung cảm xúc của bài thơ hay chưa? Vì sao? - Nên hiểu như thế nào về nghĩa của từ “đồng” trong nhan đề? <p>Vấn đề 2: Quy luật phân bố các khổ thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em có nhận xét gì về đặc điểm hình thức và nội dung của các khổ thơ 1,4,7,13 trong bài thơ? - Các khổ thơ hai câu đã đóng vai trò gì trong việc làm nổi bật mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình? - Nếu không có các khổ ấy, cấu trúc của tác phẩm sẽ bị ảnh hưởng như thế nào? <p>Vấn đề 3: Hệ thống hình ảnh trong bài thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra các hình ảnh trong từng khổ thơ. Cho biết những cụm hình ảnh ấy biểu hiện 	<p>II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN</p> <p>1. Cấu tứ của bài thơ</p> <p>a. Nhan đề: Nhớ đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung cảm xúc trong bài thơ là nỗi nhớ với những biểu hiện rất phong phú: + Nhớ sắc màu, hương vị, cảnh quan đơn sơ mà quyến rũ của làng quê (khổ 2). + Nhớ nhịp sống trì đọng, “không đổi” qua bao năm tháng của làng quê (khổ 3). + Nhớ những con người cần cù lao động và luôn nuôi hi vọng trên những “luống cày” (khổ 5). + Nhớ nỗi buồn cố hữu toả ra từ không gian làng quê (khổ 6). + Nhớ những người quê “thiệt thà” “chất phác” và những “dáng hình” ruột thịt (khổ 8, 9). + Nhớ những ngày đi ra từ làng quê, bắt đầu dần thân vào con đường Cách mạng và vui say với lí tưởng (khổ 10, 11). + Nhớ tất cả những gì thuộc về cuộc sống tự do bên ngoài nhà tù (khổ 12). <p>=> Có thể thấy toàn bộ cảm xúc của bài thơ đều hướng về nỗi nhớ “ruộng đồng quê” (cụm từ này được nhấn mạnh trong hai khổ thơ có nội dung và hình thức hoàn toàn giống nhau là khổ 4 và khổ 13). Như</p>

những nội dung gì?

- Ấn tượng mà các cụm hình ảnh gợi ra có giống nhau không? Cái gì được lặp và cái gì biến đổi trong các cụm hình ảnh ấy?

- Từ đó, hãy đánh giá về cách tác giả đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh.

Vấn đề 4: Vai trò của từ “đâu” trong việc tạo nên cấu tứ của bài thơ.

- Từ “đâu” xuất hiện bao nhiêu lần, ở những vị trí nào trong bài thơ?

- Vị trí này có ý nghĩa như thế nào trong việc làm xuất hiện các hình ảnh, bộc lộ cảm xúc của nhân vật trữ tình và tạo nhịp điệu cho bài thơ?

Vấn đề 5: Sự linh hoạt trong việc sử dụng các kiểu câu

- Phát hiện và chia nhóm câu thuộc các kiểu khác nhau (câu hỏi, câu kể và câu cảm).

- Phân tích tác dụng nghệ thuật của việc sử dụng luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm thán trong bài thơ.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận

Đại diện các nhóm lần lượt trình bày kết quả hoạt động nhóm.

Các nhóm nhận xét, trao đổi.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét về kết quả làm việc của các nhóm, thống nhất ý kiến.

vậy, *Nhớ đồng* là một nhan đề hoàn toàn phù hợp với nội dung tác phẩm. Có thể xem đây là *từ khoá* chi phối việc tổ chức văn bản của nhà thơ.

- Từ “đồng”: đa nghĩa

+ Trước hết chỉ một không gian cụ thể, là cánh đồng, “bãi đồng”, nơi có những “ô mạ xanh mơn mơn”, nơi xuất hiện hình ảnh người nông dân “Vãi giống tung trời những sớm mai”.

+ Nhưng từ “đồng” còn mang nghĩa khái quát, chỉ chung làng quê với sự thống nhất giữa cảnh và người.

+ Hơn nữa, trong suy nghĩ và cảm xúc của nhân vật trữ tình, “đồng” chính là điểm tựa tinh thần, là toàn bộ cuộc sống bên ngoài nhà tù mà anh luôn hướng về.

=> Như vậy, trong ngữ cảnh của bài thơ, từ “đồng” quen thuộc đã được cấp thêm những nét nghĩa mới.

b. Quy luật phân bố các khổ thơ 1, 4, 7, 13

* *Nhận xét về các khổ thơ trên:*

- Về mặt hình thức:

+ đều chỉ có 2 câu điệp về lời và cấu trúc, trong đó khổ 7 lặp lại hoàn toàn khổ 1, khổ 13 lặp lại hoàn toàn khổ 4.

+ khổ (1,7) và khổ (4,13) chỉ khác nhau ở từ cuối cùng của câu đầu: một bên là “thương nhớ”, một bên là “hiu quạnh”.

- Về mặt nội dung:

Tất cả các khổ đều thể hiện nỗi nhớ đồng từ không gian lao tù, vào thời điểm buổi trưa.

=> Rõ ràng, các khổ 1, 4, 7, 13 đã đóng

vai trò bản lề để kết nối hai không gian (bên trong – bên ngoài) và hai thời gian (hiện tại – quá khứ).

** “Quy luật” phân bố các khổ thơ trên:*

Bốn khổ thơ hai câu đảm nhiệm chức năng đánh dấu các giai đoạn phát triển của cảm xúc trong bài thơ. Mỗi khi những hình ảnh thân thương của đồng quê, của ngày qua được gọi lên, nhân vật trữ tình không nén nổi cảm xúc, phải bật thốt tiếng kêu tự đáy lòng, và sau tiếng kêu ấy, cảm xúc chùng lẳng xuống để loạt hình ảnh từ quá khứ hiện ra, tiếp nối, dồn tụ, đợi phát triển đến đỉnh cao lần nữa. Tất cả như những đợt sóng gối nhau tạo thành một dòng chảy liên tục nhưng có biến đổi lên xuống nhịp nhàng. Cần lưu ý là câu sau của khổ 1 và khổ 7 kết thúc bằng âm tiết mang thanh điệu được phát âm ở âm vực thấp (“hờ”), còn câu sau của khổ 4 và khổ 13 kết thúc bằng âm tiết mang thanh điệu được phát âm ở âm vực cao (“ơ”). Sự luân phiên này không chỉ phản ánh chân thực các cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình mà còn tạo cho bài thơ một nhạc tính hấp dẫn.

c. Hệ thống hình ảnh trong bài thơ

- Các hình ảnh vừa mang tính cụ thể vừa mang tính biểu tượng:

+ Khổ 2: “gió cồn thơm”, “ruộng tre mát”, “ô mạ xanh mơn mớn”, “nuống khoai ngọt sẵn bùi” → phong vị đồng quê đầy thân thương khuấy động nỗi nhớ.

+ Khổ 3: “đường con bước vạ đời”, “xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi” → cuộc sống “âm u gợi nỗi cảm thương, day dứt.

+ Khổ 5: “lưng cong xuống luống cày”, bàn tay “vãi giống tung trời những sớm mai” → hoạt động của những người cần

lao gieo niềm hi vọng vào một ngày mới.

+ Khổ 6: “chiều sương phủ bãi đồng” “lúa mềm xao xác ở ven sông” “tiếng xe lúa nước “giọng hò đưa hò nào nùng” — không khí ẩm đậm của đồng quê gợi nỗi niềm “xao xác”.

+ Khổ 9: “những hồn thân tự thuở xưa”, “những hồn chất phác hiền như đất” — sự hồn hậu của những người lao động nghèo khổ khơi dậy bao tình cảm ấm áp.

+ Khổ 11: “Tôi” “nhẹ nhàng như con chim cà lơi”, “say đồng hương nểng vui ca hát” → những ngày hoạt động trước đây (kiếm tìm lẽ sống và bắt gặp lí tưởng) làm dấy lên niềm khao khát cuộc đời tự do.

- *Nhận xét về cách tác giả đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh:*

Mỗi cụm hình ảnh gợi lên ở người đọc một ấn tượng riêng, có ngây ngất hân hoan, có u sầu trĩu nặng, tất cả đan bện vào nhau, tạo nên một trạng thái cảm xúc, tinh thần đặc biệt, cho thấy sự phức hợp của nỗi nhớ và đời sống nội tâm phong phú của nhân vật trữ tình. Nói chung, bài thơ đã thể hiện được nỗi “nhớ đồng” của nhân vật trữ tình một cách chân thực, sống động, có thể gợi lên được mỗi đồng cảm sâu xa ở độc giả.

d. Vai trò của từ “đâu” trong việc tạo nên cấu tứ của bài thơ

- Từ “đâu” xuất hiện 10 lần trong bài thơ, thể hiện hoạt động ráo riết của kí ức nhằm làm sống dậy quá khứ, làm hiển hiện cả một không gian thân quen giờ đây đã trở thành cõi tách biệt.

- Từ “đâu” được đặt ở vị trí đầu tiên của các câu thơ, đóng vai trò thúc giục, khuấy động tâm trí của nhân vật trữ tình. Lần nào xuất hiện, từ này cũng kéo theo một loạt

hình ảnh mới.

- Bên cạnh đó, từ “đâu” còn góp phần tạo cho bài thơ một nhịp điệu đầy biến hoá, khi hối thúc, gấp gáp, khi chậm rãi, lắng sâu, thể hiện được đặc điểm tâm tư đầy xáo động của người tù trẻ tuổi đang khao khát tự do, khao khát hoạt động.

+ Từ “đâu” góp phần quan trọng tạo nên mạch lạc và liên kết của văn bản, khiến cho việc bộc lộ cảm xúc của nhân vật trữ tình trở nên thuận lợi, đảm bảo cho bài thơ vừa có được sự phong phú của các loại hình ảnh, lại vừa có được sự chặt chẽ, phân minh về cấu trúc, phù hợp với sự tiến triển theo đúng quy luật tâm lí của mạch cảm xúc.

=> Với ý nghĩa đó, từ “đâu” rõ ràng đóng vai trò then chốt trong việc làm nổi rõ cấu tứ độc đáo của bài thơ.

e. Sự linh hoạt trong việc sử dụng các kiểu câu: câu hỏi, câu kể, câu cảm.

Tác dụng:

- *Về nghệ thuật:* góp phần tạo nên nhịp điệu phong phú của bài thơ.

- *Về nội dung:*

+ Gắn với yêu cầu biểu hiện thế giới chủ quan của nhân vật trữ tình, việc sử dụng luân phiên các kiểu câu cho thấy cảm xúc là một hiện tượng phức tạp, ít khi tồn tại ở dạng đơn nhất mà thường bao gồm nhiều sắc thái khác nhau.

+ Gắn với yêu cầu tác động vào người đọc, việc sử dụng luân phiên các kiểu câu giúp bài thơ thoát khỏi sự đơn điệu của cách diễn tả để luôn kích thích cảm giác và suy ngẫm, biến việc đọc bài thơ thành một quá trình đối thoại và tự đối thoại

không dứt.

2. Các hình ảnh mang tính tượng trưng trong bài thơ

- Hình ảnh “đường con bước vạn đời” và “xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi”

=> Hai hình ảnh này bổ sung cho nhau tạo nên một hình tượng khái quát:

+ Không chỉ thể hiện con đường, mái nhà cụ thể

+ mà còn ngụ ý về cuộc sống quần quanh, tù túng, đơn điệu, nhạt nhòa, cần thay đổi.

+ Xét rộng ra trong nghệ thuật của Việt Nam và thế giới, hàm nghĩa triết lí gắn với hình tượng này đã được rất nhiều tác giả (nhất là các tác giả của chủ nghĩa lãng mạn) chú ý khai thác.

- Hình ảnh “lưng cong xuống luống cày”, bàn tay “vãi giống tung trời những sớm mai”

=> Hai hình ảnh này phối hợp với nhau để tạo nên một hình tượng lớn về vẻ đẹp của lao động và về sự mạnh mẽ, lạc quan của tầng lớp cần lao. Khi xây dựng hình tượng này, Tố Hữu chịu ảnh hưởng sâu sắc từ bài thơ *Mùa gieo hạt, buổi chiều* của nhà thơ Pháp Vích-to Huy-gô (Victor Hugo). Đây cũng là hình tượng mang ý nghĩa khái quát triết lí, từng được thể hiện trong nhiều bức tranh của danh họa Pháp Giăng-Phrăng-xoa Min-lê (Jean-François Millet) cũng như trong sáng tác của một số họa sĩ nổi tiếng khác.

3. Giá trị tư tưởng của bài thơ

Nhân vật trữ tình:

Người chiến sĩ trẻ bị tù đầy

Tâm trạng

Nhớ đồng cồn cào do tác

		động ban đầu của một tiếng hò văng lên trong không gian tù ngục hiu quạnh lúc buổi trưa.
	Phẩm chất	Chân thành, trung hậu, có tình cảm gắn bó sâu nặng với gia đình, quê hương, đặc biệt với những người lao khổ.
	Lí tưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Mong thay đổi cuộc sống mỗi mòn, tù đọng. - Luôn hướng về Cách mạng với niềm tin lớn.
<p>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu các hình ảnh mang tính tượng trưng.</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV nêu yêu cầu: <i>Theo em, hình ảnh nào trong bài thơ mang tính tượng trưng rõ nét hơn cả? Hãy làm rõ tính tượng trưng ở hình ảnh ấy.</i></p> <p>GV chia lớp thành 5 nhóm sử dụng kĩ</p>		

thuật *Khăn trải bàn* để hoàn thành nhiệm vụ.

HS 1	HS 2	HS 3
HS 8	Hình ảnh mang tính tượng trưng:	HS 4
HS 7	HS 6	HS 5

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động nhóm theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*. Thống nhất ý kiến. Cử người đại diện trình bày.

B3. Báo cáo thảo luận

Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

Các nhóm nhận xét.

GV nhận xét, thống nhất ý kiến.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu giá trị tư tưởng của bài thơ.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Chương trình: SỐNG CÙNG KÍ ỨC

GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, tiến hành cuộc phỏng vấn giữa nhân vật trữ tình và người dẫn chương trình để hoàn thành nhiệm vụ: *Bài thơ cho thấy điều gì về tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của nhân vật trữ tình? Nêu cảm nhận về những cảm xúc, tâm tình được tác giả bộc lộ trong bài thơ.*

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc theo cặp. HS đóng vai người dẫn chương trình cần chuẩn bị các câu hỏi để dẫn dắt giúp nhân vật trữ tình bộc lộ được tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của mình. Từ đó, đưa ra những cảm nhận về những cảm xúc, tâm tình đó.

HS đóng vai nhân vật trữ tình cần biết hóa thân, thấu hiểu, đồng cảm với tâm trạng của nhân vật trữ tình. Từ đó, đưa ra những lời chia sẻ về tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của mình trong vai nhân vật trữ tình.

B3. Báo cáo thảo luận

2, 3 cặp HS thực hiện cuộc phỏng vấn.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

HS và GV nhận xét, thống nhất ý kiến.

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: HS biết đánh giá, khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

b. Nội dung: Nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	III. TỔNG KẾT
Em hãy cho biết cảm hứng chủ đạo và đánh	1. Cảm hứng chủ đạo: niềm khao khát

giá khái quát về nghệ thuật của bài thơ. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận HS trình bày ý kiến cá nhân. B4. Đánh giá kết quả thực hiện HS khác nhận xét. GV nhận xét, thống nhất ý kiến.	tự do, khao khát một sự thay đổi mang tính cách mạng trên quê hương. 2. Đặc sắc nghệ thuật: - Cấu tứ độc đáo. - Hình ảnh mang tính tượng trưng....
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) kết nối Đọc – viết.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh đã làm nên thế giới cảm xúc “nhớ đồng” trong bài thơ.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc ở nhà: <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh đã làm nên thế giới cảm xúc “nhớ đồng” trong bài thơ.</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, ở nhà. B3. Báo cáo thảo luận HS nộp lại bài viết cho GV vào tiết học tiếp theo. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét bài viết của HS. Có thể chọn đọc những bài viết tốt cho HS tham khảo vào thời gian thích hợp.	Bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: Chuyển thể nội dung bài thơ sang một thể loại nghệ thuật khác (tranh ảnh, bài hát/ rap, ngâm thơ...)

c. Sản phẩm: Tác phẩm chuyển thể của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Hãy chuyển thể nội dung bài thơ <i>Nhớ đồng</i> sang một loại hình nghệ thuật khác (tranh vẽ, bài hát/ rap, ngâm thơ...)</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>HS nộp lại sản phẩm sau 1 tuần.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>GV đánh giá và trưng bày những tác phẩm có chất lượng.</p>	<p>Tranh vẽ/ bài hát/ rap/ bản thu âm ngâm thơ... của HS.</p>

VĂN BẢN 2: TRÀNG GIANG – HUY CẬN**(2 tiết)****I. MỤC TIÊU**

1. Về kiến thức: HS nhận biết được cấu tứ độc đáo của bài thơ gắn với việc xây dựng hai hệ thống hình ảnh chuyển hóa luân phiên từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng, từ gợi cảm xúc trần thế đến cảm xúc vũ trụ.

2. Về năng lực:

- HS cảm nhận được vẻ đẹp riêng của một bài thơ có yếu tố tượng trưng, chỉ ra và phân tích được sự hiện diện của các yếu tố ấy trong bài *Tràng giang*.

- HS phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua cách dùng từ ngữ và xây dựng hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang*.

3. Về phẩm chất: HS đồng cảm được với tâm trạng, cảm xúc, suy nghiệm của nhà thơ về cuộc đời và về các mối tương quan như: con người – vũ trụ, hữu hạn – vô hạn, hữu hình – vô hình...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Sách giáo khoa, giấy A0, máy chiếu,...

2. Học liệu:**a. Giáo viên**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về nhà thơ, hình ảnh sông Hồng, phim về *Huy Cận*.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

b. Học sinh

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11	15			
	16			

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp khi dạy bài mới**3. Bài mới:**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao.
- Hs hứng khởi tham gia hoạt động, mong muốn khám phá, tìm tòi kiến thức mới.

b. Nội dung: vấn - đáp (HĐ cá nhân)

c. Sản phẩm:

- + Ca dao viết về buổi chiều
- + Thơ viết về buổi chiều

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV đặt câu hỏi:</p> <p>+ GV chiếu hình ảnh đẹp về buổi chiều và đặt câu hỏi:</p> <p>+ Em đã bao giờ có trải nghiệm đứng một mình trước cảnh trời đất mênh mông trong buổi chiều tà? Theo em thì khung cảnh ấy có tác động gì tới tâm hồn con người không?</p> <p>+ Hãy đọc một số câu ca dao, thơ mà em biết viết về cảnh chiều tà?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Hs suy nghĩ trả lời</p> <p>Bước 3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>Hs đọc ca dao, hoặc thơ</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>Gv: nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>=> Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài</i>: Buổi chiều là thời điểm cuối ngày vì vậy nó là thời gian của gặp gỡ, đoàn tụ, trở về. Vào thời điểm ấy, chim bay về tổ, thủy chiều cũng vội vã về với biển và con người cũng trở về với mái ấm. Vậy nên, Không gian buổi chiều thường gợi cho con người nhiều cảm xúc.</p> <p>+ Trong ca dao: Một người con khi lấy chồng xa, mỗi chiều</p>	<p>- Ca dao</p> <p>- Thơ</p>

lại ngóng về quê mẹ:

"Chiều chiều ra đứng ngõ sau

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều"

+ Bà Huyện Thanh Quan, khi bước tới Đèo Ngang hoang sơ, hùng vĩ vào buổi chiều tà cũng nhớ nước thương nhà cùng với nỗi buồn cô đơn đã làm bài thơ: "Qua đèo ngang".

Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ gặp lại những vần thơ viết về khung cảnh chiều tà trong bài "Trang giang" của Huy Cận. Chúng ta sẽ đi khám phá xem: tâm trạng, cảm xúc và hình ảnh thơ trong bài thơ có gì đặc biệt?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: HS hiểu được những đặc điểm về cuộc đời, phong cách thơ Huy Cận, những đóng góp của Huy Cận trong văn học hiện đại Việt Nam.

b. Nội dung: 2 nội dung: tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, phiếu bài tập, thảo luận nhóm, câu trả lời miệng của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Trước giờ học:</p> <p>Chia lớp thành 4 nhóm:</p> <p>Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về tác giả Huy Cận và tóm tắt thông tin về tác giả, tác phẩm bằng sơ đồ, tranh vẽ (sử dụng phần mềm canva để làm), powerpoint, dạng avatar, ...</p> <p>Nhóm 3,4: Tái hiện lại khung cảnh "Tràng giang" mà em cảm nhận được bằng tranh, sơ đồ (dựa vào các câu hỏi gợi ý trong sách), ...</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>- Tiểu sử:</p> <p>+ Huy Cận (1919- 2005), tên khai sinh : Cù Huy Cận</p> <p>+ Quê: làng Ân Phú – Hương Sơn – Hà Tĩnh.</p> <p>- Sự nghiệp:</p> <p>+ Vị trí: Nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới, cây bút có nhiều đóng góp xuất sắc cho nền thơ ca cách mạng Việt Nam từ sau năm 1945.</p> <p>+ Phong cách:</p> <p>., Thơ Huy Cận giàu chất suy tưởng, tràn đầy cảm xúc</p>

<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu nhóm 1 cử đại diện lên thuyết trình.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Hs xem lại bài, chuẩn bị thuyết trình</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs thuyết trình - Gv quan sát, hỗ trợ nếu cần <p>Nhóm 2 nhận xét</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, đánh giá</p>	<p>về vũ trụ, luôn thể hiện khát khao hòa điệu với cuộc đời và tạo vật.</p> <p>., Thơ Huy Cận có sự cân bằng giữa vẻ đẹp cổ điển và vẻ đẹp hiện đại; giữa chất lãng mạn và chất tượng trưng.</p> <p>+ Tác phẩm tiêu biểu: <i>Lửa thiêng</i> (1940), <i>Trời mỗi ngày lại sáng</i> (1958), <i>Đất nở hoa</i> (1960), ...</p> <p>2. Văn bản</p> <p>a. Xuất xứ: in trong tập <i>Lửa thiêng</i>, tên lúc đầu của bài thơ là <i>Chiều trên sông</i>.</p> <p>b. Hoàn cảnh sáng tác: Cảm hứng sáng tác của bài thơ được khơi dậy từ những buổi chiều tác giả tới ngắm cảnh mênh mang của sông Hồng ở vùng Chèm – Vẽ vào mùa thu năm 1939.</p> <p>c. Thể loại: Thất ngôn trường thiên.</p> <p>d. Bố cục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khổ 1: Tràng giang – dòng sông hữu hình - Khổ 2: Tràng giang – dòng sông suy tưởng - Khổ 3: Tràng giang - nỗi sầu nhân thế - Khổ 4: Tràng giang - nỗi sầu vũ trụ
--	---

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được bức tranh thiên nhiên tràng giang buồn vắng, ảm đạm, đìu hiu. Hiểu được tâm sự yêu nước thầm kín của nhà thơ ẩn sau nỗi sầu không gian vũ trụ. Từ đó, gọi ra tâm trạng buồn mênh mang, cô đơn của nhân vật trữ tình.

b. Nội dung: 4 nội dung : khổ 1, khổ 2, khổ 3 và khổ 4

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, phiếu bài tập, thảo luận nhóm, câu trả lời miệng của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>GV Chiếu hoặc treo sản phẩm của nhóm 3,4 lên vị trí dễ nhìn của lớp học.</p> <p>Trong quá trình tìm hiểu bài, GV nhận xét</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Cấu tứ của bài thơ</p>

các sản phẩm cùng với quá trình tìm hiểu bài học.

Nhiệm vụ 1:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Nghĩa từ vựng của “tràng giang” là gì? Có thể thay thế nhan đề đã có của bài thơ bằng một từ hoặc cụm từ thuần Việt mang nghĩa tương đương được không? Vì sao?

- Em hiểu như thế nào về nội dung lời đề từ (vốn là một câu thơ của chính Huy Cận trong bài “Nhớ hờ” in ở tập “Lửa thiêng”)?

- Có điểm gì chung về nội dung và hình thức giữa nhan đề và lời đề từ?

- Ấn tượng mà nhan đề và lời đề từ gợi lên có sự tương hợp như thế nào với ấn tượng mà bốn khổ thơ sau đó có thể đưa lại cho người đọc?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện đọc và trả lời câu hỏi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trả lời

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các kiến thức cơ bản

Nhiệm vụ 2.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi phát vấn:

a. Nhan đề và lời đề từ

- Nhan đề: từ Hán Việt, điệp vần ang => Gợi sự cổ kính, trang trọng; gợi một sắc thái mệnh mang của một con sông vừa dài vừa rộng vô cùng.

- Lời đề từ:

+ Nằm ngoài văn bản, là một câu thơ trong bài thơ "Ghi nhớ" của tác giả.

+ Cả con người và tạo vật ngập tràn trong nỗi buồn sâu, nỗi thương nhớ băng khuâng.

=> Nhan đề và lời đề từ vừa báo hiệu trạng thái tinh thần bao trùm bài thơ vừa khai mở dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình trước "trời rộng", "sông dài" và trước cuộc đời.

b. Khung cảnh và những hình ảnh được vẽ ra trong bài thơ

- Hình ảnh thơ trong từng khổ được phân thành hai lớp kế tiếp nhau:

+ Hình ảnh cụ thể, dòng tràng giang của thiên nhiên, một không gian hữu hình.

+ Hình ảnh có tính chất ngụ ý, tượng trưng, gợi cho người đọc những suy ngẫm sâu xa hơn về cuộc đời, về vũ trụ.

=> Trong mỗi khổ thơ các hình ảnh đều được đặt trong "lộ trình" vận động: từ biểu đạt cái hữu hình đến biểu đạt cái vô hình.

- Sự tương quan đối lập, tương phản: nhỏ bé – bao la; gần bó – phân li; không – có, ...

=> Khung cảnh được "vẽ" ra trong bài thơ mệnh mông, vô tận, buồn, huu hắt, vắng vẻ, lạnh lẽo, rời rạc, ...

2. Một số đặc sắc về nghệ thuật

a/ Ngôn ngữ mang dấu ấn tác giả

- Các kết hợp từ mới: "buồn điệp điệp", "nước song song", "sầu trăm ngả", "sâu chót vót", "niềm thân mật", ...

- Mô hình cú pháp không giống cú pháp ngôn ngữ giao tiếp quen thuộc: "thuyền về nước lại", "nắng xuống trời lên", "Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa", ...

=> Đây chính là hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường tạo nên tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học, dấu ấn riêng của tác giả.

b. Thi liệu truyền thống

- Về hình ảnh: sông dài, thuyền – nước,

Liệt kê các hình ảnh trong khổ 1? Các hình ảnh này có thể chia thành những loại nào, được nhà thơ sắp xếp theo trật tự như thế nào? Từ đó nhận xét về các hình ảnh thơ trong 2,3,4 ?

Chỉ ra sự tương phản giữa các hình ảnh trong khổ thơ thứ 2. Sự tương phản đó có ý nghĩa gì và tiếp tục được triển khai ở những khổ kế tiếp như thế nào?

Có thể dùng từ ngữ nào để chỉ tính chất khung cảnh được "vẽ" ra trong bài thơ?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện đọc và trả lời câu hỏi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trả lời

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các kiến thức cơ bản

Nhiệm vụ 3.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV phát vấn, yêu cầu HS tìm các từ ngữ và hình ảnh đặc sắc dựa trên gợi ý sau:

+ *Bài thơ có những điểm khác lạ nào trong cách sử dụng ngôn ngữ? Hãy làm rõ hiện tượng đó qua phân tích một ví dụ bạn cho là tiêu biểu.*

bèo – nước, làng xa bên sông, núi mây bạc, cánh chim chiều, ...

- Về từ ngữ: "điu hiu", "đùn".

- Về tứ thơ: "không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà"

=> Bài thơ "Tràng giang" "mang đậm vẻ đẹp cổ điển".

- Nhận xét: Việc sử dụng các thi liệu truyền thống nằm trong ý đồ cấu tứ và chiến lược tổ chức văn bản của nhà thơ. Với sự xuất hiện của các thi liệu này, hướng vận động của hệ thống hình ảnh trong bài thơ được xác định rõ: mỗi hình ảnh sẽ ám gợi về một điều gì đó vô hình hơn ở bên ngoài nó và dẫn người đọc hướng tới những suy nghiệm sâu sắc về tình thế tồn tại của con người, về bản chất của cuộc sống.

c. Yếu tố tượng trưng

- "Tràng giang" vừa gợi lên một khung cảnh quen thuộc với tâm thức người Việt, vừa hướng độc giả tới những suy tưởng về mối quan hệ giữa con người cá nhân với xã hội, về tương quan giữa con người bé nhỏ với vũ trụ bí ẩn, vô tận.

- Mỗi hình ảnh thơ đều có xu hướng trở thành biểu tượng, hàm chứa nhiều lớp nghĩa, gợi vô số cảm nhận tùy theo từng trải nghiệm của người đọc.

=> Trong các nhà thơ mới, Huy Cận là người đã tạo được sự cân bằng, hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa lãng mạn và tượng trưng.

3. Thông điệp

- Cái tôi cá nhân vô cùng nhỏ bé trong cuộc đời, với đất trời, vũ trụ.

- Nỗi buồn của tác giả giúp mỗi chúng ta thêm trân trọng cuộc sống ngày hôm nay hơn.

- Ngọn "lửa thiêng" đáng quý mà tác giả trao lại cho các thế hệ độc giả: Hãy biết gắn kết, yêu thương để cuộc sống trở nên ý nghĩa và hạnh phúc.

- "Tràng giang" "đầy rẫy tình người, tình đời" bởi nói nó là sự khát khao kết nối; khát khao tìm về một điểm tựa bình yên trong tâm hồn (quê hương, gia đình).

+ Nếu một số thi liệu truyền thống xuất hiện trong văn bản. Việc tác giả sử dụng những thi liệu ấy cho biết thêm điều gì về cấu tứ của bài thơ?

+ Câu 3 của khổ 1 có thể được ngắt nhịp theo một số phương án khác nhau, theo đó, sự có mặt của dấu câu và vị trí đặt dấu câu cũng có thể đòi hỏi nhiều cân nhắc. Nếu được phép quyết định trong vai trò là tác giả bài thơ, em sẽ chọn phương án nào? Vì sao?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện đọc và thảo luận

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trả lời

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các kiến thức cơ bản

<p>Nhiệm vụ 4.</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV phát vấn: <i>Bài thơ đã giúp bạn có thêm được cảm nhận gì về đời sống, về mối quan hệ giữa con người cá nhân với vũ trụ vô biên?</i></p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thực hiện đọc và thảo luận</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trả lời</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV chốt lại các kiến thức cơ bản</p>	
---	--

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: HS nắm được những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

b. Nội dung: 2 nội dung:

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời miệng của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS đọc lại toàn bộ bài vừa học</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>? Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS sử dụng sgk - HS làm việc cá nhân 	<p>III. Tổng kết</p> <p><u>1. Nội dung:</u></p> <p>Vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên, nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết.</p> <p><u>2. Nghệ thuật:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và hiện đại.

(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)	- Sự sáng tạo trong cách sử dụng ngôn ngữ.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	- Hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng.
GV nhận xét, chốt kiến thức	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập

b. Nội dung: HS sử dụng Sách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV. Hai nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết đoạn văn.

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.

- Bài sưu tầm, bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ: + Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Làm bài tập phần Luyện tập. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một phương diện nổi bật của bài thơ Tràng Giang B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ Vẽ đúng sơ đồ tư duy B3. Báo cáo thảo luận HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chốt lại nội dung	- Sơ đồ tư duy - Đoạn văn

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một bài tập liên quan đến tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng sách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm: thơ, đoạn văn cảm nhận.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Sưu tầm thêm một số bài thơ của Huy Cận trước cách mạng. Viết cảm nhận về các bài thơ đó

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ và thực hành nhiệm vụ

B3. Báo cáo thảo luận

Hs chia sẻ bài viết

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, biểu dương những HS thực hiện tốt nhiệm vụ

4. củng cố:

5. HDVN: Học thuộc bài thơ Tràng Giang. Nắm được nội dung chính và nghệ thuật.

- Soạn bài mới: Con đường mùa đông – Pushkin

Phụ lục:

Rubic chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG	ĐÃ LÀM TỐT	RẤT XUẤT SẮC
	(0 – 4 điểm)	(5 – 7 điểm)	(8 – 10 điểm)
Hình thức	1 điểm	2 điểm	3 điểm
(3 điểm)	Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả	Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu	Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu
	Sai lỗi chính tả	Trình bày cẩn thận	Trình bày cẩn thận
	Sai kết cấu đoạn	Chuẩn kết cấu đoạn	Chuẩn kết cấu đoạn
		Không có lỗi chính tả	Không có lỗi chính tả

			Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Ngày soạn:

Tiết - VĂN BẢN 3: CON ĐƯỜNG MÙA ĐÔNG

A.X. Puskin

(... tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS đánh giá được giá trị thẩm mỹ của cấu tứ bài thơ – cấu tứ hành trình nương theo dòng tâm tưởng nhân vật trữ tình, xoay quanh một hình tượng – hạt nhân được nêu ra ngay từ nhan đề bài thơ.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung: (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

b. Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học, đặc biệt là tính đa nghĩa, thể hiện qua cách kết hợp từ ngữ, kiến tạo hình tượng trong bản dịch bài thơ Con đường mùa đông.

- Hs cảm nhận được vẻ đẹp của một bài thơ nước ngoài có những hình ảnh, chi tiết mang ý nghĩa biểu tượng, nhận biết và phân tích được vai trò của những yếu tố ấy trong bài thơ Con đường mùa đông.

3. Về phẩm chất:

HS đồng cảm được với tâm trạng, cảm xúc, suy nghiệm của nhân vật trữ tình trong hành trình trên con đường mùa đông, cũng là hành trình cuộc đời của con người: mối quan hệ tương giao giữa con người và cảnh vật, cội nguồn, khát vọng hạnh phúc và ý thức về sứ mệnh của mỗi người trên đường đời.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Giáo án, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.

2. Học liệu: Các bức tranh ảnh, video clip có liên quan đến phần giới thiệu về tác giả và tác phẩm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

b. Nội dung:

- Hs theo dõi qua máy chiếu/tivi một số hình ảnh do GV trình chiếu.
- Hs trao đổi, thảo luận và trình bày suy nghĩ của mình.

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV trình chiếu một số hình ảnh về con đường vắng lặng, đường đêm hun hút..... Từ đó GV yêu cầu HS:</p> <p>+ Cảm giác của em khi đi qua con đường này một mình.</p> <p>+ Để vượt qua nỗi sợ hãi, ghê rợn khi đi qua những con đường này thì em sẽ làm gì?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Hs trình bày ý kiến của mình</p>	<p>Hs có thể có nhiều cách suy nghĩ, quan điểm khác nhau về thái độ của mình, miễn là không vi phạm pháp luật, phù hợp với thuần phong mỹ tục và cách lý giải hợp lý.</p>

Bước 3. Báo cáo thảo luận:

GV gọi khoảng 2 -3 HS chia sẻ

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV cho HS đánh giá, phản biện, trao đổi

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nội dung 1. Đọc và tìm hiểu chung**

- Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

- Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ	I. Đọc và tìm hiểu chung
- GV chuyển giao nhiệm vụ	1. Đọc
1) <i>Đọc</i>	- Hs chú ý nhịp, đọc diễn cảm
+ GV hướng dẫn cách đọc	- Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn
+ Gv hướng dẫn học sinh chú ý câu hỏi trong hộp chỉ dẫn	2. Tìm hiểu chung
2) <i>Tìm hiểu chung</i>	a. Tác giả
Hs hoàn thành PHT số 1 để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm (ở nhà)	- A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghe-ê-vích Pu-skin (1799 -1837)
- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ	- Xuất thân trong một gia đình quý tộc mê thơ và biết làm thơ từ khi lên 7,8 tuổi.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	- Thời đại: sinh ra và lớn lên trong thời đại cả nước Nga đang bị đè nặng bởi ách thống trị của chế độ nông nô chuyên chế
- Hs làm việc cá nhân	- Là nhà thơ mở đầu, đặt nền móng cho văn học hiện thực Nga thế kỉ XIX.
- GV quan sát	- Đóng góp: Puskin có đóng góp trên nhiều mặt, nhiều thể loại, nhưng cống hiến vĩ đại nhất của ông vẫn là
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt	

<p>động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức 	<p>Thơ trữ tình với hơn 800 bài thơ và 13 bản trường ca bất hủ. Vì thế mà Puskin được xem là “<i>Mặt trời của thi ca Nga</i>” (Léc-môn-tốp).</p> <ul style="list-style-type: none"> - PCNT trong thơ trữ tình: + Ngôn từ chính xác, giản dị, trong sáng, hàm súc. + Những sắc màu, hình ảnh, âm thanh trong thơ của ông không chỉ thể hiện tâm trạng mà còn chuyên chở những vận động của ý thức của NVTT, hướng tới hóa giải những khúc mắc trong lòng người để cuối cùng đạt tới một xúc cảm cân bằng, hài hòa đến kì lạ. + Thơ Puskin tràn ngập tinh thần nhân văn, vừa cao cả, vừa trần thế. <p>b. Văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: + Tháng 12/1825, cuộc khởi nghĩa chống lại chế độ nông nô chuyên chế do những người trí thức quý tộc tiến bộ lãnh đạo đã nổ ra rộng khắp trên nước Nga. Đến đầu năm 1826, cuộc khởi nghĩa bị dập tắt. + Mùa đông năm 1826, nỗi buồn riêng của nhà thơ, nỗi buồn chung của nhân dân, cùng ý chí và khát vọng vượt qua những buồn tủi, khó khăn đã trở thành nguồn cảm hứng để Puskin sáng tác bài thơ. - Bố cục: chia làm 3 phần: + P1 – Khổ 1: Con đường mùa đông – nỗi buồn và nỗ lực vận động vượt qua trở ngại. + P2 – Khổ 2 – 6: Con đường mùa đông – cảnh vật và vận động tâm tưởng của người lữ hành. + P3 – Khổ 7: Con đường mùa đông – vững bước hành trình cùng những điểm tựa tinh thần và ý thức về sứ mệnh.
--	---

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS đánh giá được giá trị thẩm mỹ của cấu tứ bài thơ – cấu tứ hành trình nương theo dòng tâm tưởng nhân vật trữ tình, xoay quanh một hình tượng – hạt nhân được nêu ra ngay từ nhan đề bài thơ.

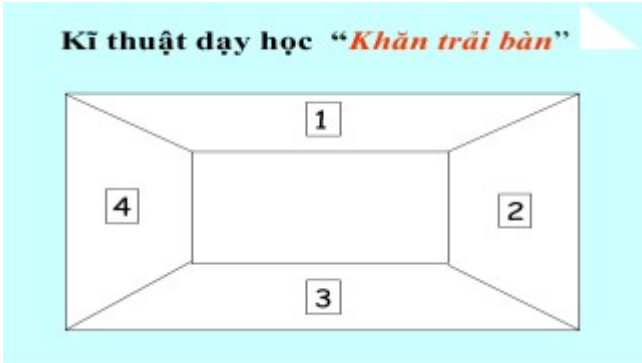
- HS nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học, đặc biệt là tình đa nghĩa, thể hiện qua cách kết hợp từ ngữ, kiến tạo hình tượng trong bản dịch bài thơ Con đường mùa đông.

- HS cảm nhận được vẻ đẹp của một bài thơ nước ngoài có những hình ảnh, chi tiết mang ý nghĩa biểu tượng, nhận biết và phân tích được vai trò của những yếu tố ấy trong bài thơ Con đường mùa đông.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, đọc hiểu văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về nhan đề</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p><i>Gv sử dụng kỹ thuật Khăn trải bàn để hs thảo luận về câu hỏi: Nhan đề của bài thơ gợi cho bạn những liên tưởng gì?</i></p>  <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, thảo luận - Gv quan sát, cố vấn <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Nhan đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Con đường</i>: gợi ý niệm về sự vận động, về hành trình cuộc đời. - <i>mùa đông</i>: gợi cảm xúc giá lạnh, nỗi buồn <p>-> Nghĩa biểu tượng: nhan đề bài thơ gợi cho chúng ta liên tưởng đến những khó khăn trở ngại trên hành trình mùa đông cô đơn, lạnh giá và ý thức vượt qua trở ngại ấy, lấy lại thăng bằng. Đó cũng là những khó khăn, trở ngại trên hành trình cuộc đời của mỗi con người.</p>

<p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>Nhiệm vụ 2:</p> <p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Gv yêu cầu hs đọc thầm khổ 1 và xác định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không gian, thời gian - Hình ảnh trung tâm của khổ thơ - Cảm xúc, tâm trạng của NVTT <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm cặp - Gv quan sát, cố vấn <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 	<p>2. Phân tích</p> <p>2.1. Con đường mùa đông – nỗi buồn và nỗ lực vận động vượt qua trở ngại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian là đêm khuya mùa đông, không gian là cánh đồng bao la. - Hình ảnh “trăng”- ánh sáng buồn bã, tỏa rộng khắp khoảng trống u buồn trên đường trong rừng khuya <p>-> Nỗi buồn cao độ, tràn ngập không gian, dâng lên chất chứa trong lòng người cảm nhận - NVTT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các từ ngữ “xuyên qua”, “nhô ra”, “dội” : tô đậm nỗ lực vượt qua khó khăn, trở ngại trong lòng NVTT. <p>-> quy luật vận động của cuộc sống: c/s luôn vận động về phía trước, xua đi nỗi buồn để hạnh phúc, niềm vui còn đọng lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm xúc của NVTT: Yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp và luôn tin tưởng mình có thể vượt lên số phận <p>=> Khung cảnh thiên nhiên nên thơ, trữ tình nhưng ảm đạm, đặc trưng mùa đông nước Nga.</p>
<p>Nhiệm vụ 2:</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Gv tổ chức HĐN: chia lớp thành các nhóm 4 HS, yêu cầu hoàn thành Phiếu học tập số 2 với nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con đường mùa đông: + Âm thanh + Hình ảnh - Cảm xúc của NVTT <p>Gợi ý:</p>	<p>2.2. Con đường mùa đông – cảnh vật và vận động tâm tưởng của người lữ hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không gian: Con đường vắng lặng, buồn tẻ. - Âm thanh <p>+ Tiếng lục lạc - rung lên đơn điệu tẻ ngắt</p> <p>+ Tiếng kim đồng hồ kêu tích tắc – tiếng điểm bước vận động không ngừng của thời gian</p> <p>+ Bài ca của người xà ích chứa đựng</p>

- Xác định những hình ảnh, hoạt động tương phản trong khổ thơ 4. Nhân vật trữ tình xuất hiện trong khổ thơ này có còn chìm trong cảnh vật u buồn nữa không? Vì sao?

- Lời than “Ôi buồn đau, ôi cô lẻ...” kết nối tâm tưởng nhân vật trữ tình với ai? Ở đâu?

- Xác định không gian, thời gian tâm tưởng của NVTT trong 2 khổ 5 và 6? Hãy hình dung NVTT được tận hưởng những gì và tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn ra sao?

Thời gian: 15ph

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc kĩ văn bản

- HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

cả niềm vui và nỗi buồn.

=> Mỗi âm thanh xuất hiện vừa nhấn mạnh nỗi buồn, vừa cho thấy hướng vận động của nhân vật trữ tình để vượt qua những khó khăn trên con đường. Nỗi buồn thời thế hòa với sự cô đơn của thân phận.

- Hình ảnh biểu tượng:

+ xe tam mã biểu tượng cho chuyển động nhanh như bay lên -> ý thức về sự vận động và tìm đến với tinh thần dân tộc Nga

+ bài ca của người xà ích – lời ca dân gian -> ý thức về cội nguồn của NVTT

+ mái lều, ánh lửa: gợi ý niệm về nhà, đó là mái ấm yên bình

+ Nhi – na – biểu tượng của hạnh phúc, tình yêu, nvtt coi đó là mục đích của hành trình.

-> NVTT coi những hình ảnh đó là điểm tựa hành trang tinh thần cho mình để có thể vững vàng đi tiếp trên con đường mùa đông tràn ngập nỗi buồn lạnh giá

- Hình ảnh tương phản:

+ ánh lửa – mái lều (thấm đen) >< rừng sâu – tuyết (trắng) ; không có (ấm áp) >< chỉ có (lạnh lẽo);

-> đó là sự đối lập giữa tâm cảnh và ngoại cảnh

+ Hình ảnh “những cột dài cây số” là biểu tượng cho những cột mốc trong cuộc đời, ngược chiều với sự vận động tiến lên của con người, người lữ hành luôn không ngừng chuyển động về phía trước

-> Nhằm nhấn mạnh sự tách biệt tâm tưởng của người lữ hành ra khỏi cảnh vật bên ngoài ; đồng thời nhấn mạnh hướng vận động không ngừng về phía

	<p>trước. NVTT không còn chìm đắm trong cảnh vật u buồn nữa.</p> <p>- Cảm xúc của NVTT:</p> <p>+ Lời than: “Ôi buồn đau, ôi cô lẻ...”: Sự thể hiện dòng cảm xúc mãnh liệt, kết nối tâm tưởng nhân vật trữ tình với cô gái Nga yêu thương.</p> <p>+ Nhân vật trữ tình lúc này đang tận hưởng tâm trạng nhớ thương của người lữ khách: hơi ấm của mái ấm (lò đỏ lửa), hơi ấm của tình yêu (ngắm em, ngắm mãi không thôi, bên nhau trong đêm)</p> <p>+ Nhà thơ tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn bằng cách gọi tên người yêu, đối mặt với “Kim đồng hồ kêu tích tắc”: tiếng điểm bước vận động không ngừng của thời gian và “lữ người tẻ ngắt”.</p> <p>->Quy luật của cuộc sống: c/s vận động không ngừng qua bước đi của thời gian, theo quy luật sẽ hoàn tất vòng quay đều đặn của mình, xua đi xa nỗi buồn để hạnh phúc tình yêu được đọng lại.</p> <p>Khát khao về hòa bình, hạnh phúc đã trở thành động lực để nhân vật trữ tình vượt qua những gian truân.</p>
<p>Nhiệm vụ 2:</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn</p> <p>- <i>Nêu nhận xét về những hình tượng thơ được điểm lại trong khổ thơ cuối.</i></p> <p><i>Hãy chia sẻ suy nghĩ của bạn về cách lấy lại cảm giác bình yên trên những “con đường mùa đông” trong cuộc đời.</i></p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc kĩ văn bản</p> <p>- HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời</p>	<p>2.3. Con đường mùa đông – vững bước hành trình cùng những điểm tựa tinh thần và ý thức về sứ mệnh.</p> <p>- Những hình tượng thơ được điểm lại:</p> <p>+ Nhi – na: người luôn đồng hành cùng lữ khách – là điểm tựa tình yêu.</p> <p>+ con đường – của tôi: sự gắn bó mật thiết giữa NVTT và con đường</p> <p>+ Hình ảnh chiếc xe ngựa cùng bác xà ích lặp lại, tạo nên kết cấu vòng tròn tương ứng cho bài thơ, gợi cảm giác bình yên, gắn bó (ý thức về cội nguồn)</p> <p>+ “Sương mờ che lấp ánh trăng</p>

Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ	nghe”: ánh trăng xuyên qua lớp sương mù, rọi sáng -> nỗi buồn bị xua đi để hạnh phúc còn đọng lại
Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	-Với ý thức về sứ mệnh, về những điểm tựa tinh thần đồng hành với mình, NVTT tìm lại được cảm giác bình yên, đạt tới xúc cảm hài hòa. Nỗi buồn đã được lắng lại, hóa thành niềm yêu cuộc sống và niềm tin vào tương lai tươi sáng.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

b. Nội dung: Giáo viên phát vấn, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi <i>Nêu khái quát nội dung và những nét đặc sắc về NT của bài thơ?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại	III. Tổng kết 1. Nội dung Bài thơ đã khắc họa vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên và tâm hồn con người Nga một cách trọn vẹn. Đó là vẻ đẹp của một con người có tấm lòng yêu thiên nhiên, yêu đất nước và giàu nghị lực, ước mơ trên con đường đời cô lẻ, lắm gian truân. 2. Nghệ thuật - Thể thơ: tự do. - Hình ảnh thơ quen thuộc, gần gũi, giàu sức gợi và giá trị biểu cảm. - Hình tượng thơ có sự vận động theo dòng tâm trạng của nhân vật trữ tình: đi từ buồn chán, tẻ nhạt rồi đến cuối bài thơ, vẫn là những sự vật ấy nhưng trạng thái đã khác, càng buồn hơn nhưng trong đó vẫn ẩn chứa một niềm hy vọng mong manh về một ngày sẽ trở về -> Cấu tứ của bài thơ rất độc đáo.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học vào thực hành

b. Nội dung: Gv hướng dẫn hs viết đoạn văn cảm nhận về một hình ảnh thơ đặc sắc

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng mà bạn cho là đặc sắc nhất trong bài thơ Con đường mùa đông.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các bài viết tốt để cả lớp tham khảo.</p>	Bài viết của học sinh

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Hs nắm bắt được một loại hình cấu tứ tương đối phổ biến trong thơ trữ tình – cấu tứ hành trình nương theo dòng tâm tưởng NVT, xoay quanh một hình tượng – hạt nhân được nêu ra ngay từ nhan đề bài thơ

b. Nội dung: Giáo viên gợi dẫn học sinh liên hệ bài thơ đã học với một bài thơ khác có cùng cấu tứ. Học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Hãy liên hệ với một bài thơ khác có cùng kiểu cấu tứ như bài thơ Con đường mùa đông mà em biết</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà.</p>	Phân liên hệ của học sinh

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần tìm hiểu của mình ở tiết học tiếp theo

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá và cho điểm những bài làm tốt của học sinh .

4. HDVN:

- Hoàn thiện nội dung bài học và hệ thống phiếu bài tập
- Soạn bài: Thực hành tiếng Việt

Phụ lục 1

Họ tên/Nhóm HS.....Lớp.....
Phiếu học tập số 1 CON ĐƯỜNG MÙA ĐÔNG (A -lếch -xan-đơ Xéc -ghê-ê -vích Pu-skin) Tìm hiểu về Hình tượng con đường đêm đông
<p>* Hình tượng con đường đêm đông</p> <p>+ Khung cảnh thiên nhiên</p> <p>Hình ảnh</p> <p>.....</p> <p>Âm thanh</p> <p>.....</p> <p>* Cảm xúc của nhân vật trữ tình</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Phụ lục 2. Rubric chấm bài viết viết KẾT NỐI VỚI ĐỌC

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG	ĐÃ LÀM TỐT	RẤT XUẤT SẮC
	(0 – 4 điểm)	(5 – 7 điểm)	(8 – 10 điểm)
Hình thức	1 điểm	2 điểm	3 điểm
(3 điểm)	Bài làm còn sơ sài,	Bài làm tương đối đầy	Bài làm tương đối

	trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Ngày soạn:

TIẾT 5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỢ NHỮNG QUY TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG

(01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- **Học sinh nhận biết** được đặc điểm của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- **Học sinh chỉ ra** được chức năng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường trong sáng tác văn học
- **Học sinh củng cố được** hiểu biết về tính đặc thù của ngôn ngữ văn học và ý nghĩa của sự sáng tạo trong tác phẩm văn học ở phương diện ngôn ngữ.

2. Về năng lực:

Học sinh phân tích được đặc điểm của một số hình thức phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học và hiệu quả thẩm mỹ mà các hình thức đó đưa lại.

3. Về phẩm chất:

Học sinh biết trân trọng những sáng tạo về phương diện ngôn ngữ trong các tác phẩm văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG . a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV phát vấn ❖ HS trả lời	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV phát vấn: Đọc bài thơ sau và chỉ ra nét độc đáo trong việc kết hợp từ: <p style="text-align: center;">Qua Đèo Ngang</p> <p style="text-align: center;"><i>Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà, Cỏ cây chen đá, lá chen hoa. Lom khom dưới núi, tiều vài chú, Lác đác bên sông, chợ mấy nhà. Nhớ nước, đau lòng, con quốc quốc, Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia. Dừng chân đứng lại, trời, non, nước, Một mảnh tình riêng, ta với ta.</i></p>	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS

<p style="text-align: center;">(Huyện Thanh Quan)</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh suy nghĩ và tham dự</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Trong một số sáng tác văn học, việc xuất hiện một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường đem lại những hiệu quả, tác dụng nghệ thuật nhất định.</p>	
<p style="text-align: center;">2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Học sinh nhận biết được được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường ❖ Học sinh chỉ ra được chức năng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường trong sáng tác văn học ❖ Học sinh vận dụng kiến thức để hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong việc tạo lập văn bản. <p>b. Nội dung thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ GV phát vấn – HS trả lời 	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Giáo viên phát vấn, HS trả lời các câu hỏi sau</p> <p>+ Cần làm gì để nhận biết hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường?</p> <p>+ Nêu một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong các sáng tác văn học?</p> <p>+ Nêu mục đích của việc phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác</p>	<p>● Lí thuyết</p> <p>1. Cách nhận diện hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ trong sáng tác văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải nắm vững những quy ước ngôn ngữ có tính chuẩn mực của tiếng Việt. - Thực hiện đối chiếu, so sánh các phương án sử dụng ngôn ngữ khác nhau. <p>2. Một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn</p>

<p><i>văn học</i></p> <p>+ Theo em, nếu không có hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thì các sáng tác văn học (đặc biệt là thơ) có trở nên chuẩn mực và có tính ổn định hay không? Lấy ví dụ chứng minh.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thảo luận và trả lời</p> <p>Thời gian: 15 phút</p> <p>Chia sẻ: 3 phút</p> <p>Phản biện và trao đổi: 2 phút</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức</p>	<p>ngữ thông thường trong sáng tác văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra những kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói đến - Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện - Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập. Đồng thời bổ sung chức năng mới cho dấu câu khi trình bày văn bản trên giấy <p>● Giải bài tập: tham khảo phụ lục</p>
<p align="center">3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để nhận diện, phân tích ý nghĩa của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường</p> <p>b. Nội dung thực hiện</p> <p>HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài tập củng cố</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Giáo viên giao nhiệm vụ:</p> <p>Học sinh lựa chọn 1 trong 3 đoạn thơ và tiến hành nhận diện, phân tích ý nghĩa của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.</p> <p>1. Tôi đang thêm mấy hao gầy</p> <p>Mở ngày tháng để chất đầy tương tư</p> <p align="center">(Khúc điệu êm - Đỗ Trung Lai))</p> <p>2. Đàn cừu đi giữa tung tăng</p>	

<p>Làm hương cỏ rồi dậy hăng núi đồi (Trên Cao Nguyên - Lê Đình Cánh)</p> <p>3. Ai tình tứ cho cả chiều bờ ngõ Liên chị xa biên biệt nổi giăng mừng. (Một chút giăng mừng - Phan Quế)</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh suy nghĩ và thực hiện bài tập</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>3. "xa biên biệt" thì chuyện "thương thầm" là quá hiển nhiên! Nhà thơ viết "nổi giăng mừng" hình ảnh này gây ấn tượng, xao động tâm tư, gợi nhiều liên tưởng: giăng mừng, trải chiếu thường nghĩ đến chuyện lứa đôi, hạnh phúc, đằng này lại xa biên biệt.</p>
<p style="text-align: center;">4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh tự tìm hiểu về một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học.</p> <p>b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài viết và tự sửa lại bài viết theo rubric chấm</p>	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Giáo viên giao nhiệm vụ</p> <p>Học sinh tìm hiểu thêm một số các trường hợp phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>GV linh hoạt vào bài chia sẻ của HS</p>

Câu 1

- “Buồn” chỉ tâm trạng của con người, “điệp điệp” là từ chỉ dòng chảy hoặc nói lem lém, nói lau láu. Ví dụ: Điệp điệp bất hưu (Nói luôn mồm không thôi).

- Vì thế, trong cụm từ “buồn điệp điệp” ở dòng mở đầu bài thơ Tràng giang tác giả đã tạo ra cách kết hợp từ trái với logic. Cách kết hợp như vậy gợi tả một nỗi buồn day dứt lòng người của tác giả.

Câu 2

- “Chót vót” là từ láy vốn chỉ được sử dụng để diễn tả độ cao, trong câu thơ của Huy Cận, nó lại đi với chiều sâu. Cảm giác sâu chót vót là có thật bởi tác giả nhìn dòng sông và thấy bầu trời dưới đáy sông sâu. Không gian được mở rộng đến hai lần: có cả chiều cao (từ mặt nước lên bầu trời) và cả chiều sâu (bầu trời dưới đáy sông sâu).

=> Tác giả cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập.

Câu 3

- Tác giả sử dụng hình thức đảo ngữ:

“Lơ thơ cồn nhỏ, tiếng làng xa vãn chợ chiều.”

- Hình thức đảo ngữ giúp nhấn mạnh hình ảnh tràng giang một buổi chiều mênh mông, vắng vẻ. Cảnh vật bên cồn thưa thớt trống trải, âm thanh của tiếng chợ chiều đã vãn bao giờ cũng chứa chất nỗi buồn.

Câu 4

Giá trị biểu đạt của dấu hai chấm ở dòng thơ “Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa”: Tác giả đã bổ sung chức năng mới cho dấu câu, diễn tả hai hình ảnh đối lập nhau. Dấu hai chấm không chỉ đơn thuần để ngắt câu mà nó còn mang dụng ý nghệ thuật sâu sắc nhằm nhấn mạnh hơn không gian bao la, bát ngát đến vô tận. Con chim lẻ loi đơn độc này dường như đang mang một gánh nặng, một bóng chiều trong mình, không chỉ trong cảm xúc, mà còn trong dòng chảy nghệ thuật đang tiến trên trang giấy.

Câu 5

- Nguyên nhân của sự biến đổi: Ở bản in thơ năm 1939 có hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường. Còn ở bản in năm 1988, không có hiện tượng này.

- Ở bản in năm 1939, tác giả dùng dấu chấm than ở câu thơ thứ nhất “Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng”. Tác giả bổ sung chức năng mới cho dấu câu. Thông thường dấu chấm than dùng để bộc lộ cảm xúc hoặc kết thúc câu cầu khiến. Ở trong câu thơ này, dấu chấm than chia câu thơ làm hai vế, vừa để bộc lộ cảm xúc, vừa như có ý để hỏi.

Phụ lục 2. Bảng kiểm đánh giá thảo luận nhóm

Vấn đề	Mức độ	Tiêu chí đánh giá	Nhóm số...	Tổng điểm
	<i>Tích cực</i>	<i>Nhóm đã tích cực hoàn thành công việc</i>		

Quá trình thảo luận	hiệu quả	được giao, có những đóng góp có giá trị.	
	Tích cực, chưa hiệu quả	Nhóm hoàn thành công việc được giao, có đóng góp ý kiến nhưng vẫn chưa đúng hoặc ít có giá trị	
	Chưa hiệu quả	Nhóm có thành viên không tham gia hoặc rất ít có đóng góp vào hoạt động thảo luận của nhóm	
Mức độ tập trung chú ý	Cao	Ghi chép đầy đủ, tập trung, tích cực lắng nghe và phản hồi các ý kiến của các nhóm khác	
	Bình thường	Ghi chép đầy đủ, chú ý nhận nhiệm vụ	
	Thấp	Không ghi chép, thiếu tập trung, lơ đãng, làm việc riêng	
Trình bày kết quả thảo luận	Tốt	Trình bày đầy đủ các nội dung được giao một cách chính xác, hợp lý Trình bày rõ ràng, mạch lạc Có sáng tạo	
	Khá tốt	Trình bày đầy đủ các nội dung được giao nhưng còn một số sai sót nhỏ Trình bày rõ ràng, mạch lạc	
	Chưa tốt	Trình bày chưa đầy đủ các nội dung được giao, còn nhiều sai sót Cách trình bày thiếu tự tin, chưa cụ thể, rõ ràng	

Ngày soạn: 30/7/2023

PHẦN 3: VIẾT

TIẾT 7: VIẾT

VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ

(Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của một tác phẩm)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh giới thiệu được ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá)

- Học sinh chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,...)

- Học sinh đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.

2. Về năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc học sinh tạo lập văn bản, tiếp nhận, đánh giá các văn bản văn học, các sản phẩm giao tiếp.

- **Năng lực đặc thù:** Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học để thực hành viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày một quan điểm, đánh giá về cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm thơ

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực qua việc tìm hiểu bài “Vẻ đẹp thơ ca”, từ đó bồi dưỡng tâm hồn, yêu thơ ca, trân trọng vẻ đẹp cuộc sống, có tình yêu đối với tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái, hứng thú để gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
- GV phát vấn: Em hiểu thế nào là cấu tứ trong thơ? Phân tích cấu tứ trong bài thơ “Mùa xuân xanh” của Nguyễn Bính.	
c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS	
d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	
- Chia lớp thành 4 nhóm tương đương 4 đội chơi. Trong thời gian 3 phút mỗi đội viết sơ đồ ngắn gọn về cấu tứ của bài thơ “Mùa xuân xanh” lên giấy dán.	- Các từ ngữ cảm nhận của HS được dán trên bảng.

<p>- Trong khoảng thời gian 1 phút nhóm nào dán được nhiều từ hơn, các từ có giá trị biểu cảm cao hơn sẽ giành chiến thắng.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Trao đổi, thảo luận, trả lời</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên dẫn dắt vào bài học</p>	
<p style="text-align: center;">2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh giới thiệu được ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá) - Học sinh chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo cấu tứ của bài thơ chi phối từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh... - Học sinh đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh. <p>b. Nội dung thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc Bài thơ “Tình dạ tứ” của Lý Bạch và thực hiện trả lời các câu hỏi trong sgk. Hoàn thiện phiếu học tập cá nhân trước khi đến lớp. - Học sinh lập dàn ý và ghi lại các lưu ý khi thực hành bài viết <p>c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, Phiếu học tập hoàn chỉnh.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Giáo viên yêu cầu HS đọc văn bản.</p> <p>? Xác định vấn đề chính được bàn</p>	<p>I. Tìm hiểu chung về bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ</p> <p>1. Tìm hiểu bài viết tham khảo SGK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề chính được bàn luận: Sự vận động

<p>luận?</p> <p>? Tác giả đã triển khai các luận điểm theo trình tự như thế nào?</p> <p>+ Yêu cầu học sinh trả lời PHT cá nhân (thực hiện ở nhà trước khi đến lớp)</p> <p>+ HS nhận xét, bổ sung, nêu ý kiến.</p> <p>+ GV đánh giá.</p> <p>- GV chia lớp thành 3 nhóm</p> <p>Nhóm 1: Trả lời câu hỏi 1</p> <p>- Ưu điểm của cách cảm nhận và phân tích thơ theo sự vận động của cấu tứ</p> <p>+ Cách cảm nhận và phân tích này chỉ ra được hướng phát triển hình tượng thơ, các hình ảnh nổi bật trong bài thơ từ đó đánh giá và nhận xét được suy nghĩ, quan niệm của tác giả một cách chính xác nhất.</p> <p>+ Cách cảm nhận và phân tích này thể hiện được rõ ràng mạch cảm xúc của bài thơ, phân tích bài thơ theo cấu tứ cảm nhận được từng câu, từng khổ thơ một</p>	<p>cấu tứ trong bài thơ” “Tình dạ tứ”</p> <p>+ Bài nghị luận giúp người đọc hiểu về tâm trạng của người lữ khách xa quê trong đêm yên tĩnh tình quê hương ngồn ngộn muôn lối đã tức cảnh sinh tình. Chọn ánh trăng để gửi gắm bao nỗi niềm.</p> <p>- Tác giả đã triển khai các luận điểm theo trình tự:</p> <p>+ Giới thiệu chung (nhân đề, định hướng phân tích)</p> <p>Phân tích sự vận động của tứ thơ chi phối đến các yếu tố làm nên vẻ đẹp của thơ (Từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, các phép tu từ đối, điệp, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,...)</p> <p>Kết luận: tóm lược khẳng định giá trị nét độc đáo của bài thơ.</p>
---	---

cách rõ ràng và mạch lạc để người đọc có thể dễ dàng hiểu được nội dung bài thơ từ đầu đến cuối.

+ Với bài thơ “Tĩnh dạ tứ”, cách cảm nhận này không chỉ làm nổi bật được nội dung bài thơ, phân tích được tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong từng câu thơ, khổ thơ; mà còn nhấn mạnh được các chi tiết, hình ảnh quan trọng trong bài thơ.

=> Cách cảm nhận và phân tích theo cấu tứ giúp người đọc cảm nhận bài thơ một cách dễ hơn, rõ ràng hơn và tính chỉnh thể sự gắn kết các hình ảnh trong việc thể hiện mạch cảm xúc của chủ thể trữ tình.

Nhóm 2: Trả lời câu hỏi 2

- Trong bài nghị luận phân tích, đánh giá về một tác phẩm thơ, thực chất của việc phân tích theo cấu tứ là việc phân tích, nêu cảm nhận của bản thân về sự vận động, hướng phát triển của các hình tượng thơ qua đó cảm nhận giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ đó.....

Nhóm 3: Trả lời câu hỏi 3

- Người viết đã đánh giá hình ảnh ánh trăng tròn viên mãn mà người xa cách, xúc cảnh sinh tình nỗi nhớ quê từ đó mà đẩy lên- Về tính thuyết phục của đánh giá trên:

+ Người viết đã phân tích từng câu thơ, từng hình ảnh trong bài thơ để làm nổi bật giá trị nội dung của bài thơ.

➔ Đánh giá của người viết với bài thơ đã có đủ sức thuyết phục người đọc, có những luận điểm, lí lẽ và bằng chứng xác đáng, làm nổi bật được giá trị nội

dung và nghệ thuật của bài thơ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

+ Học sinh hoàn thành phiếu bài tập trước khi đến lớp.

+ Thảo luận nhóm trong 7 phút.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm

- Nhóm 1 báo cáo

+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

- Nhóm 2 báo cáo

+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

- Nhóm 3 báo cáo

+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV đánh giá, nhận xét, chốt lại kiến thức

? Từ việc tìm hiểu trên, em hãy chỉ ra đặc điểm của bài văn NLPT, đánh giá một tác phẩm thơ theo cấu tứ?

<p>? Các yếu tố chủ yếu của một bài thơ?</p>	
<p>? Yêu cầu đối với bài văn bài văn NL phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ theo cấu tứ?</p>	<p>2. Tìm hiểu những đặc điểm của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ trên phương diện cấu tứ và hình ảnh.</p> <p>- Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ không phải là một bài phát biểu cảm nhận đơn thuần.</p> <p>- Kiểu bài viết này đòi hỏi sự chặt chẽ trong lập luận, sự sáng rõ, sắc nét của luận điểm và sự mạch lạc trong tổ chức bài viết.</p> <p>- Bởi vậy, người viết cần nắm chắc các tri thức về đặc trưng thi ca đặc biệt là vai trò của cấu tứ trong việc chi phối đến sự vận động của hình tượng và hình ảnh thơ đã được giới thiệu trong các bài học và được làm rõ qua các tiết đọc văn bản để có những phân tích, đánh giá thuyết phục.</p>
<p>?Trước khi viết chúng ta cần làm gì?</p> <p>- Chuẩn bị viết</p> <p>+ Lựa chọn bài thơ được phân tích, đánh giá</p>	<p>3. Các yếu tố chủ yếu của một bài thơ</p> <p>+ Mạch cảm xúc của thi nhân được gửi qua những rung động và tình cảm của nhân vật trữ tình.</p> <p>+ Các yếu tố về hình thức nghệ thuật: Từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,...</p>

<p>+ Tìm đọc tham khảo những bài viết, ý kiến liên quan</p> <p>- Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>+ Đọc lại bài thơ đã chọn</p> <p>+ Thử liên kết các hình thức đặc biệt (âm điệu, nhịp, hình ảnh, ngôn ngữ, ...)</p> <p>+ Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, chú ý các bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội</p> <p>+ Vận dụng các thao tác so sánh, liên tưởng, thống kê phân tích một cách hợp lý</p> <p>+ Đánh giá bài thơ cần đánh giá cả hình thức nghệ thuật và nội dung mang tính nhân văn của bài thơ</p>	<p>Ví dụ một số đề bài văn nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm thơ theo cấu tứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp của mùa thu trong bài thơ <i>Thu hứng</i> - Phân tích sự độc đáo cấu tứ của những hình ảnh trong thơ hai-cư - Cảm nhận về mạch liên kết cảm xúc trong bài thơ <i>Mùa xuân chín</i> <p>4. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ theo cấu tứ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn - Chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ - Đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh. <p>II. Tìm ý, lập dàn ý bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh)</p> <p>1. Cách tìm ý cho bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại bài thơ đã lựa chọn. Có thể đọc thầm hoặc đọc thành tiếng để cảm nhận đầy đủ hơn về âm điệu, nhịp điệu của nó để cảm nhận sự vận động của mạch cảm xúc. Bài thơ đã hình thành và hoàn thiện dựa trên ý tưởng nào? Điều gì làm cho ý tưởng đó được thể hiện một cách sinh động? Từ cấu tứ, bài thơ thể hiện được phát hiện gì của nhà thơ về con người về thế giới. Chú ý những cách diễn đạt lạ, có thể lần đầu mình bắt gặp và những hình ảnh gây ấn tượng. Sau khi đọc, hãy suy nghĩ vì sao bài thơ lại có những cách tổ chức và kết hợp ngôn từ đặc biệt như vậy. - Liên kết âm điệu, nhịp điệu, ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ và chú ý xem mạch liên kết này có thể đem đến cho bạn sự bất ngờ nào trong cảm xúc, liên tưởng và nhận thức.
--	---

? Các bước lập dàn ý?

- Tìm hiểu thêm thông tin về tác giả và hoàn cảnh sáng tác, chú ý bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa, văn học của bài thơ - có thể giúp hiểu sâu hơn về ngôn ngữ, hình ảnh, cảm xúc và tư tưởng của bài thơ.

- Khi phân tích nội dung nghệ thuật của bài thơ, chú ý vận dụng các thao tác so sánh và liên tưởng một cách thích hợp. (Ví dụ: so sánh từ ngữ mà nhà thơ lựa chọn với những từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa, từ đó lý giải vì sao lựa chọn của nhà thơ có thể được xem là tối ưu.)

- Cần tập trung vào những phương diện hình thức nghệ thuật và nội dung của bài thơ mà người đọc xem là độc đáo, mới mẻ, thú vị.

- Khi đánh giá bài thơ, cần chú ý đầy đủ các giá trị thẩm mỹ và giá trị nhân văn của nó. (Bài thơ gợi cho bạn những trải nghiệm đặc biệt gì về cảm giác, cảm xúc, nhận thức? Những trải nghiệm đó có ý nghĩa như thế nào đối với bạn?)

2. Lập dàn ý

+ *Mở bài*: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ và xác định sẽ được tập trung cần bàn luận trong bài viết.

+ *Thân bài*: Cần triển khai các ý

. Cảm giác chung mà cấu tứ cùng các hình ảnh và cách diễn đạt khác lạ trong bài thơ đã gợi cho người đọc.

. Sự khác biệt của bài thơ này so với bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo nên sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ.

. Khả năng hiểu khác nhau với các hình ảnh trong bài thơ.

. Sự gợi mở với cách nhìn mới với thế giới và con người được đề xuất từ mạch ngầm văn bản

	<p>bài thơ.</p> <p>+ <i>Kết bài</i>: Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn, cách đọc mới cho độc giả</p> <p>- Viết</p> <p>+ Chú ý diễn đạt, hình ảnh, chú ý dẫn các dòng thơ, khổ thơ, nối chuyển</p> <p>- Chỉnh sửa, hoàn thiện</p> <p>+ Đọc lại và chỉnh sửa bài viết, đối chiếu với các yêu cầu khác của đề bài. Đồng thời chỉnh sửa các lỗi về chính tả và ngữ pháp</p>
<p style="text-align: center;">3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày một quan điểm, đánh giá về một khía cạnh, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ</p> <p>b. Nội dung thực hiện</p> <p>HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubric chấm</p> <p>c. Sản phẩm : Câu trả lời đúng của HS</p> <p>d. Tổ chức thực hiện</p>	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Giáo viên giao nhiệm vụ</p> <p>? Nhắc lại các bước làm bài nghị luận, phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ?</p> <p>- Chuẩn bị viết:</p> <p>+ Lựa chọn bài thơ sẽ được phân tích, đánh giá. Cần nhắc để lựa chọn bài thơ đã thật sự làm bạn rung cảm và tin vào giá trị nghệ thuật của nó.</p> <p>+ Tìm đọc tham khảo những bài viết, ý kiến liên quan đến bài thơ HS sẽ phân tích, đánh giá.</p>	<p>III. Thực hành viết</p>

- Tìm ý, lập ý

- Viết

- Chỉnh sửa, hoàn thiện.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hành lập dàn ý và viết bài

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

Đề bài: Phân tích bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử theo cấu tứ

1. Bước 1: Chuẩn bị viết

- Dạng bài: nghị luận đánh giá, phân tích một tác phẩm thơ theo cấu tứ

- Về nội dung: Phân tích sự đứt đoạn trong cấu tứ của bài thơ thể hiện ở ba khổ nếu như khổ đầu là cảnh Thôn Vĩ một sớm mai tình khôi, khổ hai là cảnh sông nước đêm trăng thì khổ 3 ba lại thể giới ảo của một giấc mơ – Tiếng gọi cuống quýt trước cuộc đời. Đứt đoạn về cấu tứ nhưng lại thống nhất ở mạch cảm xúc đó là tiếng kêu rớm máu của một tâm hồn quằn quại đau thương yêu tha thiết cuộc sống.

- Về thao tác lập luận: Sử dụng tổng hợp các thao tác lập luận để triển khai vấn đề nghị luận

- Về phạm vi dẫn chứng: Sử dụng ngữ liệu trong tác phẩm “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử.

- Hệ thống luận điểm triển khai bài viết:

+ Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhan đề bài thơ

+ Phân tích, đánh giá sự gợi mở của nhan đề bài thơ

+ Phân tích, đánh giá cấu tứ và mạch cảm xúc của nhà thơ

+ Phân tích vẻ đẹp thiên nhiên và con người qua những tín hiệu thẩm mỹ (từ ngữ, cách gieo

vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ,...)

+ Nét hấp dẫn riêng của bài thơ so với những sáng tác khác cùng đề tài, chủ đề, thể loại (của chính nhà thơ hoặc của những tác giả khác).

2. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

2. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

PHIẾU TÌM Ý:		
Về đẹp thiên nhiên và con người trong bài thơ "Đầy thôn VI Dạ" của Hàn Mặc Tử		
Các ý tìm được	Từ ngữ thể hiện	Nhận xét
Ý nghĩa nhan đề		
Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình		
Về đẹp thiên nhiên trong "Đầy thôn VI Dạ"		
Về đẹp con người trong "Đầy thôn VI Dạ"		
Về đẹp của tâm hồn thi sĩ		
Đánh giá hiệu quả của các tín hiệu thẩm mỹ trong việc thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên và con người trong "Đầy thôn VI Dạ"		

** Lập dàn ý: bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo một trình tự nhất định theo ba phần lớn của bài văn, gồm:*

- Mở bài

- Thân bài

- Kết bài

IV. Trả bài

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

- GV: HS nhắc lại yêu cầu của đề bài.

- Đọc một số bài tiêu biểu.

- HS nhận xét, trình bày ý kiến của bản thân.

- GV trao đổi những điểm đáng ghi nhận, những điểm cần sửa chữa của bài viết.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh hoàn thiện bài viết và liên hệ với các vấn đề về tư tưởng sâu sắc trong bài viết

b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp

c. Sản phẩm : Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và thực hiện

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

Phụ lục 1. Rubric chấm bài viết

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1-2 ý mở	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1-2 ý mở rộng

	nhận diện	rộng nâng cao	nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 2: Phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP NHÓM 1

Bài viết tham khảo cảm nhận và phân tích bài thơ “Mùa xuân xanh” (Nguyễn Bính) vừa theo cấu tứ tuyến hình ảnh trải dọc bài thơ, vừa theo từng câu thơ, khổ thơ. Cách cảm nhận và phân tích đó có những ưu thế gì nổi bật?

Trả lời

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP NHÓM 2

Trong bài nghị luận phân tích, đánh giá về một tác phẩm thơ theo cấu tứ, thực chất của việc phân tích là gì?

Trả lời

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP NHÓM 3

Người viết đã đánh giá bài thơ như thế nào? Nêu nhận xét khái quát về tính thuyết phục của đánh giá đó.

Trả lời

.....

.....

.....

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE
GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Cung cấp được thông tin chung về tác phẩm nghệ thuật một cách sáng rõ, chính xác (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng và các nhà chuyên môn,...)

- Nêu được lý do chọn giới thiệu tác phẩm.

- Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; chủ động đặt câu hỏi để người nghe cùng tương tác và đối thoại.

2. Về năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề: thực hiện nhiệm vụ trước vấn đề được cung cấp.

- Năng lực thuyết trình: thuyết trình về nghệ thuật.

3. Về phẩm chất:

Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm nghệ thuật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

Giáo viên: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

Học sinh: Đọc trước các nội dung được hướng dẫn trong SGK

Chuẩn bị trước các nhiệm vụ Gv giao (trong cuối tiết trước)

Nhóm	Phạm vi	Yêu cầu
1	Giới thiệu bài thơ <i>Nhớ đồng</i> của Tố Hữu.	Nhóm phân chia nhiệm vụ để tổ chức một buổi giao lưu giả định với nhà thơ và nhà phê bình văn học. Phân vai cụ thể: + Người dẫn chương trình + Nhà thơ Tố Hữu + Nhà phê bình văn học Lại Nguyên Ân Xây dựng và nộp lại kịch bản
2	Trao đổi về bài thơ <i>Nhớ đồng</i> với nhà thơ Tố Hữu và nhà phê bình văn học Lại Nguyên Ân	- Lắng nghe những trao đổi của nhà thơ và nhà phê bình để đặt ra các câu hỏi

2. Học liệu

Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái bài học mới và gợi dẫn cho học sinh về nội dung

b. Nội dung: GV cho HS xem tranh và video

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, hiểu biết của HS về bức tranh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu bức tranh *Thiếu nữ bên hoa huệ* của họa sĩ Tô Ngọc Vân



? Em biết gì về bức tranh này?

- Gv trình chiếu video

<https://www.youtube.com/shorts/LWHsSLGEO2c>

? Thông qua lời giới thiệu về bức tranh trong video, em hãy đưa ra một vài nhận xét về bức tranh *Thiếu nữ bên hoa huệ*?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ, tìm kiếm câu trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. GV dẫn dắt vào bài mới

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu hoạt động:

-Học sinh nêu lí do vì sao mình giới thiệu bài thơ này đến mọi người.

-Học sinh cung cấp được các thông tin chung về bài thơ một cách ngắn gọn: tên bài thơ, tác giả, đề tài, thể thơ,....

-Học sinh làm rõ được niềm hứng thú của bản thân đối với những nét đặc sắc về nội dung và hình thức của một tác phẩm thơ.

-Học sinh nêu được thông điệp hoặc quan điểm cá nhân về vấn đề thuyết trình, thuyết phục được người nghe và đặt câu hỏi để mọi người thảo luận xa hơn.

-Học sinh thể hiện được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ.

b. Nội dung thực hiện:

- Kịch bản giao lưu giả định về giá trị của bài thơ.

- Những nội dung và quá trình trao đổi giữa HS nói với người nghe.

c. Sản phẩm: kịch bản giao lưu giả định.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chuyển giao nhiệm vụ học tập cho nhóm 1 và 2 (phiếu học tập số 1) để HS chuẩn bị bài nói ở nhà</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày bài nói và nghe theo kịch bản đã chuẩn bị. Thứ tự như sau: - MC giới thiệu chương trình, giới thiệu nhà thơ và nhà phê bình. - Nhà thơ Tố Hữu giới thiệu ngắn gọn về bài thơ <i>Nhớ đồng</i> - Nhà phê bình Lại Nguyên Ân đánh giá, nhận xét - Độc giả đặt câu hỏi để giao lưu</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV, HS đóng vai trò người nghe, ghi lại: + Ưu điểm về bài nói của bạn + Hạn chế + 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh bài nói. - GV hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài nói của mình / đánh giá bài nói của bạn. (phụ lục 3,</p>	<p>1. Chuẩn bị nói và nghe - Lựa chọn đề tài bài nói (có thể tích hợp từ phần Đọc và Viết). - Tìm ý và sắp xếp ý: Xem lại hệ thống luận điểm lựa chọn những ý quan trọng nhất để rút gọn bài viết thành bài nói, thể hiện rõ nét quan điểm và phát hiện của bản thân được trình bày trong bài thơ, chọn dẫn chứng minh họa để nêu và phân tích. (Lưu ý: + Các ý được trình bày theo thứ tự: nhận diện -> tìm hiểu -> đánh giá -> đề xuất thái độ, cách thức tiếp nhận. + Chú ý cấu tứ và hình ảnh thơ) - Xác định từ ngữ then chốt để làm rõ quan điểm được sử dụng trong bài viết và trình bày trong bài nghe nói. - Phương tiện hỗ trợ: Powerpoint, âm thanh, hình ảnh, ... - Người nghe: Tìm hiểu trước vấn đề; lắng nghe bằng một thái độ tích cực; sẵn sàng đối thoại để làm rõ vấn đề.</p> <p>2. Thực hành nói và nghe a. Người nói - Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ hoặc cách dẫn dắt tùy chọn để tạo sự hứng thú cho người nghe. - Thân bài: + Giới thiệu về nội dung, cảm xúc chủ đạo của bài thơ. + Cảm xúc đó được thể hiện qua cấu tứ như thế nào? Nhận xét về cấu tứ đó? + Nội dung được thể hiện qua hệ thống hình ảnh ra sao? nhận xét về hệ thống hình ảnh đó. - Kết bài: Khái quát lại những điều mình cảm nhận cũng như đánh giá về giá trị của bài thơ trên các phương diện về hình thức và nội dung. Có thể khuyến khích người đọc tìm tòi và phát hiện thêm các góc nhìn khác về bài thơ. b. Người nghe: Lắng nghe tôn trọng, ghi lại ý chính và chú ý hơn về phong thái; viết vào vở những nội dung thấy hay, hứng thú; ghi rõ những câu hỏi, thắc mắc đối với người nói, sẵn sàng đối thoại để làm rõ vấn đề.</p> <p>3. Trao đổi a) Người nghe - Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề. - Chia sẻ quan điểm, đưa ra những góc nhìn khác về bài thơ. - Đưa ra những góp ý, bổ sung thông tin mang tính xây dựng. b) Người nói - Làm rõ những điều người nghe muốn tìm hiểu thêm. - Trao đổi những ý kiến chưa thống nhất. - Phản hồi và trao đổi với thái độ lắng nghe và cầu thị.</p>

phụ lục 4).
Đánh giá về kĩ năng nghe
(phụ lục 5)
- GV tổng kết về hoạt động
nghe-nói, chốt những kiến
thức, kĩ năng cơ bản.

PL1. Phiếu học tập số 1:

1. Lí do giới thiệu về bài thơ:

.....
.....
....

2. Tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác:

.....
.....
....

3. Nội dung chính sẽ được trình bày:

.....
.....
....

4. Tìm hiểu, đánh giá cấu tứ của bài thơ:

.....
.....
....

5. Phân tích, đánh giá hệ thống hình ảnh của bài thơ:

.....
.....
....

6. Khẳng định sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc đem lại cách nhìn, cách cảm nhận mới cho độc giả:

.....
.....
....

PL2. Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá về bài trình bày

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn được tác phẩm thơ phù hợp để thực hiện yêu cầu giới thiệu, đánh giá.		
2	Nêu được phương diện cần tập trung giới thiệu, đánh giá tác phẩm thơ đã chọn.		
3	Xây dựng được bố cục hợp lý cho bài thuyết trình căn cứ vào đặc điểm của tác phẩm thơ và mục tiêu thuyết trình.		
4	Chú ý đặc trưng của thể loại thơ khi tạo điểm nhấn cho bài thuyết trình.		
5	Phát huy được ưu thế tác động của tác phẩm thơ khi thực hiện việc tương tác với người nghe.		
6	Sử dụng có hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ.		

PL3. Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân

Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói	Đạt/ chưa đạt
----------------------------------	------------------

Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:	
+ Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa?	
+ Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ... có phù hợp không?	
+ Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào?	
Đánh giá chung:	
+ Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì?	
+ Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó?	

PL4. Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:

Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe	Đạt/ chưa đạt
Kiểm tra kết quả nghe:	
+ Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?	
+ Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ của bạn?	
Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:	
+ Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa?	
+ Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không?	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a.Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để trình bày về một khía cạnh đặc sắc trong một bài thơ.

b.Nội dung: thể hiện cách nhìn, quan điểm của bản thân về giá trị của một bài thơ.

c.Sản phẩm: nói và nghe của học sinh.

d.Nội dung thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Gv nêu yêu cầu của bài tập: Ý nghĩa <i>Tiếng hò</i> trong bài thơ <i>Nhớ đồng</i> của Tố Hữu Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: : HS thực hiện theo nhóm nhỏ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm góp ý kiến, chia sẻ về các bài nói. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện: - GV cùng HS nhận xét, bổ sung	- Giới thiệu về nhà thơ Tố Hữu và bài thơ <i>Nhớ đồng</i> . - Cảm hứng của bài thơ được gợi lên từ tiếng hò quen thuộc của quê hương làm xao động tâm hồn thi sĩ. - Tiếng hò là: + những điệu ca, điệu hò nổi tiếng như Nam ai, Nam bình, mái nhì, mái đẩy... của người dân xứ Huế - quê hương của Tố Hữu; là âm thanh của đời thường luôn luôn vang vọng trong kí ức nhà thơ. + tiếng thương nhớ quê hương, nó được lặp lại nhiều lần giúp tô đậm nỗi nhớ triền miên, da diết. - Tiếng hò đã khơi dậy trong tâm tưởng nhà thơ bao hình ảnh của cuộc sống mến thương trên quê hương yêu dấu. - Diễn tả nỗi lòng cô đơn, hiu quạnh của nhân

	<p>vật trữ tình khi bị cách biệt với thế giới bên ngoài.</p> <p>Vì thế mà tiếng hò có rất nhiều ý nghĩa đối với người tù trẻ tuổi mang trái tim thi sĩ. Đây cũng là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc góp phần làm nên sự thành công của bài thơ.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để trình bày về một tác phẩm mới.(HS lựa chọn bài thơ mà mình yêu thích)

b. Nội dung: Giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật tác phẩm thơ

c. Sản phẩm: HS thực hiện được bài thuyết trình giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV đưa ra tác phẩm (hoặc HS chọn tác phẩm mình muốn đọc).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs tìm đọc ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Chia sẻ sản phẩm trên nhóm Zalo.

Bước 4: Kết luận, nhận định. Rút kinh nghiệm về kỹ năng đọc, tìm hiểu về tác phẩm thơ.

4. Củng cố:

a. Mục tiêu: HS nắm được cách thức thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật thơ.

b. Nội dung: Xây dựng dàn ý cho một bài thuyết trình về một tác phẩm thơ.

c. Sản phẩm: HS xây dựng được dàn ý.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: hãy xây dựng dàn ý cho một bài thuyết trình về một tác phẩm thơ.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ :Hs xây dựng dàn ý.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận : Chia sẻ sản phẩm.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định. Rút kinh nghiệm về kỹ năng đọc, tìm hiểu về tác phẩm thơ.</p>	<p>- Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ hoặc cách dẫn dắt tùy chọn để tạo sự hứng thú cho người nghe.</p> <p>- Thân bài:</p> <p>+ Giới thiệu về nội dung, cảm xúc chủ đạo của bài thơ.</p> <p>+ Cảm xúc đó được thể hiện qua câu tứ như thế nào? Nhận xét về câu tứ đó?</p> <p>+ Nội dung được thể hiện qua hệ thống hình ảnh ra sao? nhận xét về hệ thống hình ảnh đó</p> <p>- Kết bài: Khái quát lại những điều mình cảm nhận cũng như đánh giá về giá trị của bài thơ trên các phương diện về hình thức và nội dung. Có thể khuyến khích người đọc tìm tòi và phát hiện thêm các góc nhìn khác về bài thơ.</p>

5. HDVN:

HS chuẩn bị bài 3: Cấu trúc của một văn bản nghị luận.

Ngày soạn:

BÀI 3: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Thời gian thực hiện: 10 tiết

(Đọc: 6 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 2 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.
- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; vai trò của các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn.
- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh): trình bày rõ quan điểm và hệ thống luận điểm; cấu trúc văn bản chặt chẽ, mở đầu và kết thúc gây ấn tượng, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

- Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội (kết cấu bài có ba phần; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược; có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ).

2. Về năng lực:

3. Về phẩm chất:

- Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết - VĂN BẢN 1

CHIẾU CẦU HIỀN

(Ngô Thì Nhậm)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được đặc điểm của chiếu như là một thể loại văn bản nghị luận đặc thù của thời trung đại.

- Nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm triển khai từ luận đề; lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các thành tố hỗ trợ nhằm tăng sức thuyết phục cho văn bản.

- Hiểu được tài năng nghị luận xuất sắc của Ngô Thì Nhậm thể hiện qua Cầu hiền chiếu - văn bản được vua Quang Trung uỷ nhiệm cho ông viết.

2. Về năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết tự tìm kiếm thông tin, tư liệu liên quan tác giả, tác phẩm

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: lựa chọn hình thức làm việc nhóm có quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ; biết đưa ra được căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại.

3. Về phẩm chất:

Học sinh thể hiện được thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** máy chiếu, micro, bảng, phấn.

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa Ngữ văn 11 (tập 1), bộ KNTT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung thực hiện: GV chiếu một số hình ảnh, HS liên tưởng đến hoạt động, đặc điểm, tính chất được gợi ra từ hình ảnh.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - HS quan sát hình ảnh, nêu các hoạt động, đặc điểm, tính chất được gợi ra từ hình ảnh (Hình ảnh có trong slide PPT). - HĐ cá nhân.	- Hình ảnh 1: Sắp xếp - Hình ảnh 2: Tổ chức - Hình ảnh 3: Liên kết/Kết nối
B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS quan sát tranh, nêu được các từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm.	
B3. Báo cáo thảo luận: - HS trình bày câu trả lời. - Các HS khác nhận xét, chỉnh sửa.	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét HĐ của HS - GV dẫn dắt vào từ CẤU TRÚC → GIỚI THIỆU BÀI HỌC MỚI.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu hoạt động:

- Nhận biết được cấu trúc của văn bản nghị luận với các thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng với nhau.
- Nhận biết được các yếu tố hỗ trợ (thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm) và vai trò của chúng trong văn bản nghị luận.
- Vận dụng kiến thức trong phần “Tri thức ngữ văn” để áp dụng vào văn bản luyện tập.

b. Nội dung thực hiện:

- Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu hỗ trợ giáo viên đưa.
- Tóm tắt kiến thức cơ bản bằng sơ đồ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh**d. Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ <ul style="list-style-type: none"> - Đọc kĩ phần Tri thức Ngữ văn (SGK), tóm tắt ngắn gọn kiến thức bằng sơ đồ. - Hoạt động cá nhân (5 phút) 	1. Cấu trúc của văn bản nghị luận. <ul style="list-style-type: none"> - Thành tố: <ul style="list-style-type: none"> + Luận đề: thành tố bao trùm, định hướng việc triển khai luận điểm. + Luận điểm: là sự thống nhất của lí lẽ và bằng chứng để làm nổi bật các khía cạnh của luận đề. + Lí lẽ: nhằm giải thích và triển khai luận điểm, giúp luận điểm sáng tỏ và đứng vững + Bằng chứng: góp phần xác nhận tính đúng đắn, hợp lí của lí lẽ. → Mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành tố như vậy tạo nên cấu trúc đặc thù của văn bản nghị luận.
B2. Thực hiện nhiệm vụ <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện vẽ sơ đồ để tóm tắt kiến thức. 	
B3. Báo cáo thảo luận <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1,2 HS trình bày. - Các HS khác lắng nghe và góp ý. 	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> - Gv nhận xét chung. - GV chốt kiến thức cơ bản. 	2. Yếu tố hỗ trợ trong văn bản nghị luận. <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh: giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn trở nên xác thực. - Miêu tả: tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan.

	<ul style="list-style-type: none"> - Tự sự: kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên. - Biểu cảm: bộc lộ cảm xúc, tình cảm của người viết, làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục.
--	---

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: CHIẾU CẦU HIỀN

2.1. Đọc và tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS biết đọc diễn cảm một bài chiếu của vua. Nắm vững các kỹ năng đọc.
- Nắm bắt những nét khái quát về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của bài chiếu.

b. Nội dung:

- Đọc diễn cảm văn bản.
- Gạch chân thông tin về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm:

- Phần đọc và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: <ul style="list-style-type: none"> - Đọc diễn cảm theo nhóm 4, chú ý giọng đọc. - Xác định các kỹ năng đọc và Chia sẻ câu trả lời trong hộp chỉ dẫn. 2. Gạch chân những thông tin cơ bản về tác giả và hoàn cảnh ra đời của văn bản? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ đã phân công B3. Báo cáo thảo luận. - GV gọi 1, 2 HS đọc diễn cảm trước lớp và chia sẻ kỹ năng đọc. - GV gọi 1, 2 HS nêu những thông tin nổi bật nhất về tác giả, văn bản.	I. Đọc và tìm hiểu khái quát về văn bản. 1. Đọc diễn cảm 2. Tác giả <ul style="list-style-type: none"> - Ngô Thi Nhậm (1746-1803). - Từng đỗ tiến sĩ và ra làm quan cho triều đại Lê - Trịnh. - Ông là người có công lớn đối với triều đại Tây Sơn. 3. Văn bản - Hoàn cảnh sáng tác: Sau khi vua Quang Trung thiết lập triều đại mới, các sĩ phu Bắc

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV gọi HS nhận xét.
- GV nhận xét chung và chốt KT cơ bản.
- **GV giảng thêm:** Ngô Thì Nhậm là một trí thức chân chính khi bước qua lời nguyên lịch sử - “Tôi trung không thờ hai chúa” của Nho giáo - đã thể hiện một tầm nhìn quảng đại, một thái độ mềm dẻo, linh hoạt trong ứng xử. Những cống hiến của ông gắn liền với triều đại Tây Sơn – Nguyễn Huệ, một triều đại vinh quang mà để đến được với nó, ông đã dùng cảm đương đầu với những dư luận nghiệt ngã, kể cả cái chết bằng một trận đòn thù.

Hà - những người vốn gắn bó với triều đại cũ (Lê - Trịnh) - chưa thực sự đồng lòng ủng hộ. Có nhiều người còn tỏ thái độ bất hợp tác.

→ Vua Quang Trung sai Ngô Thì Nhậm viết chiếu cầu hiền.

2.2. Khám phá văn bản.**a. Mục tiêu hoạt động:**

- Nắm được đặc điểm của chiếu như là một thể loại văn bản nghị luận đặc thù của thời trung đại.
- Nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm triển khai từ luận đề; lí lẽ và bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các thành tố hỗ trợ nhằm tăng sức thuyết phục cho văn bản.
- Hiểu được tài năng nghị luận xuất sắc của Ngô Thì Nhậm thể hiện qua Cầu hiền chiếu - văn bản được vua Quang Trung uỷ nhiệm cho ông viết.

b. Nội dung thực hiện:

- Triển khai đọc hiểu văn bản qua các hình thức: thực hiện phiếu học tập, thảo luận cặp, nhóm, phát vấn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh**d. Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: B1. Chuyển giao nhiệm vụ. <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu về mục đích và đối tượng hướng tới của bài chiếu. - Hoạt động cặp đôi, hoàn thành PHT số 1. B2. Thực hiện nhiệm vụ. <ul style="list-style-type: none"> - HS kết hợp nhóm đôi, đọc kĩ và hoàn thành PHT số 1 B3. Báo cáo thảo luận. <ul style="list-style-type: none"> - GV cho các cặp đôi đối chiếu và sửa bài. 	II. Khám phá văn bản 1. Lí do, mục đích và đối tượng hướng tới của văn bản. <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Kêu gọi những người hiền tài của chế độ cũ (nhà Lê) ra cộng tác với triều đại mới Tây Sơn do vua Quang Trung đứng đầu để chung tay xây dựng đất nước trong giai đoạn đầy đầy những khó khăn. - Đối tượng hướng đến: Các sĩ phu Bắc Hà: những người có học, có tài, từng gắn bó với triều đình Lê- Trịnh, bất hợp tác, chống lại nhà Nguyễn Tây Sơn.

- Gọi 1 vài cặp đôi chia sẻ trước lớp.
- Các cặp khác nhận xét, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét chung.
- Chốt lại KT cơ bản

* GV mở rộng:

- Quan niệm: “tôi trung không thờ hai chủ”- Câu này có nghĩa rằng, những bề tôi trung thành sẽ không phụng sự 2 vị quân vương.
- Cách lên ngôi của Vua Quang Trung chưa được xem là chính thống.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu NT lập luận của VB

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong bài chiếu theo nhóm 4 HS.
- Dựa vào các câu hỏi 3,4 trong SGK để trả lời và hoàn thành PHT số 2.

B2. Thực hiện nhiệm vụ.

- HS thảo luận nhóm và hoàn thành PHT số 2 trong vòng 10 phút.

B3. Báo cáo thảo luận.

- GV cho các nhóm HS đối chéo sp

- **Khó khăn của tác giả:** Phải đối diện với:

+ Thái độ **cố chấp**: nếp nghĩ “tôi trung không thờ hai chủ” đã ăn sâu vào ý thức của người sĩ phu (vì chữ “Trung” với triều đại cũ nên có người bỏ đi ở ẩn, có người tự chôn sống mình)

+ **Nỗi lo sợ**: khi biết mình thuộc lực lượng của triều vua cũ → có thể sẽ bị triều đại mới thanh trừng để tiêu diệt mầm mống phản loạn nên họ giữ thái độ im lặng, làm việc cầm chừng.

+ **Sự nghi ngờ**: triều đại mới của vua Quang Trung chưa được xem là chính thống (nguồn gốc xuất thân của vua Quang Trung), họ chưa có thiện cảm.

→ Trong bối cảnh ấy, dùng tờ chiếu để thay đổi nhận thức, tạo niềm tin, giúp những tri thức tài năng dẹp bỏ nghi kị, sẵn sàng ra cộng tác với triều đại Tây Sơn là việc làm vô cùng nan giải.

2. Nghệ thuật lập luận của văn bản

* **Luận đề**: Chiêu mộ người hiền tài ra giúp vua dựng xây đất nước.

* **Các luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm.**

- LD 1: Theo lẽ phải: người hiền tài cần phát huy tài năng, thể hiện vai trò của mình trong cuộc sống

→ Nêu chân lí phổ quát.

- LD 2: Nhiều kẻ sĩ đang lánh đời, trong khi nhà vua rất mong mỏi hiền tài.

→ Thực trạng ứng xử (lánh đời) của người hiền và sự mong mỏi khẩn thiết của nhà vua.

- LD 3: Những khó khăn của buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người hiền tài ra giúp nước.

<p>để nhận xét, góp ý, chữa bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 vài nhóm trình bày kết quả thảo luận theo từng phần. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét chung. - GV chốt lại KT cơ bản. 	<p>→ Lí do và mục đích cầu hiền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - LĐ 4: Cách thức chiêu mộ, sử dụng hiền tài. → Giải pháp, cách thức cầu hiền. <p>→ Giữa các luận điểm có mối quan hệ chặt chẽ: phần 1 là cơ sở để nêu phần 2; phần 2 tất yếu sẽ dẫn đến nội dung cần trình bày ở Phần 3, nhờ 3 phần trên mà cách thức nêu ra ở phần 4 mới hợp lí.</p> <p>* Lí lẽ và bằng chứng cho mỗi luận điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LĐ 1: <ul style="list-style-type: none"> + Lí lẽ: Từng nghe nói rằng: người hiền xuất hiện ở đời thì như sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt châu về ngôi Bắc thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp đó, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy. - LĐ 2: <ul style="list-style-type: none"> + Lí lẽ: Trước đây thời thế suy vi, kẻ sĩ trốn tránh việc đời là điều dễ hiểu → Nay, đất nước thống nhất, nhà vua mong mỏi, kẻ sĩ vẫn chưa lộ diện. + Bằng chứng: Kẻ sĩ ở ẩn trong ngòi khe, trốn tránh việc đời; những bậc tinh anh trong triều đường phải kiêng dè không dám lên tiếng; có kẻ gõ mõ canh cửa, có kẻ ra biển vào sông... - LĐ 3: <ul style="list-style-type: none"> + Lí lẽ: Nghĩ cho kĩ thì thấy rằng: Một cái cột không thể chống đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình.....Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này....? + Bằng chứng: buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kỉ cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức, mà đức hoá của trẫm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi.
---	--

- LĐ 4:

+ Lí lẽ: Trước đây hiền tài nên ẩn náu. Nay trời đất thanh bình là lúc hiền tài gặp hội gió mây...

+ Bằng chứng: về các hình thức chiêu mộ hiền tài: dâng sớ tâu bày; tiến cử, tự tiến cử.

→ Lí lẽ là những suy luận logic, mang tính chân lý và chính danh cho bài chiếu nên ai cũng phải thừa nhận.

→ Bằng chứng được lấy từ thực tế liên quan đến đời sống, cho nên rất khó bác bỏ

*** Các yếu tố hỗ trợ.**

- Biểu cảm:

+ Nay trẫm đang ghé chiếu lắng nghe, ngày đêm mong mỏi....Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng? Hay đang thời đồ nát chưa thể phụng sự vương hầu chăng?

+ Trẫm nom nớp lo lắng, ngày một ngày hai vạn việc nảy sinh.

- Thuyết minh:

+ Trước đây thời thế suy vi, trung châu gặp nhiều biến cố, kẻ sĩ phải ở ẩn trong ngôi khe, trốn tránh việc đời, những bậc tinh anh trong triều đường phải kiêng dè không dám lên tiếng...

+ Thuyết minh về tình hình khó khăn của đất nước: Nay đương ở buổi đầu của nền đại định, công việc vừa mới mở ra. Kì cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại sức, mà đức hoá của trẫm chưa kịp nhuần thấm khắp nơi.

+ Chiếu này dâng xuống.....

→ Việc phối hợp các yếu tố biểu cảm, thuyết minh với lí lẽ bằng chứng như nêu trên khiến nội dung trở nên rõ ràng, tường minh, văn bản tăng thêm sức thuyết phục, tác động mạnh vào lí trí và

<p>Nhiệm vụ 3:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc lại bài chiếu và trả lời câu hỏi</p>	<p>tình cảm của người đọc.</p> <p>3. Sức thuyết phục của bài chiếu và tình cảm của người viết.</p> <p>* Sức thuyết phục của bài chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có một tư tưởng đúng đắn, quang minh chính đại được thể hiện qua luận đề: Cần người hiền tài giúp vua dựng đất nước. - Có các luận điểm rõ ràng, mạch lạc, quan hệ với nhau rất chặt chẽ. - Có lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, thái độ chân thành thể hiện sự thấu hiểu lòng người, lời mời gọi tha thiết. <p>* Tình cảm của người viết:</p> <p>“Nhập vai” vua Quang Trung viết bài chiếu, NTN hiểu được tầm quan trọng của việc ban chiếu, yêu cầu về tính thuyết phục của tờ chiếu khi hướng tới những đối tượng đặc biệt. Qua đó, ông gửi gắm những khát vọng lớn lao: muốn thuyết phục người hiền tài vượt qua những e dè, nghi ngại, đồng tâm hợp lực để cùng vua xây dựng triều đại mới, cũng chính là làm cho đất nước ngày càng vững mạnh. Đây là tư tưởng tiên bộ nhất trong suốt các triều đại phong kiến Việt Nam của một người toàn tâm toàn ý với đại nghiệp quốc gia.</p>
---	---

<p>5,6 trong SGK.</p> <p>- Thảo luận cặp đôi</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- HS thảo luận cặp đôi và hoàn thành PHT số 3 trong vòng 5 phút.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận.</p> <p>- GV cho các nhóm HS đối chéo sp để nhận xét, góp ý, chữa bài.</p> <p>- GV gọi 1 vài nhóm trình bày kết quả thảo luận theo từng phần.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét chung. - GV chốt lại KT cơ bản. 	
---	--

CÁC PHIẾU HỌC TẬP

PHT số 1: Mục đích và đối tượng hướng tới của văn bản.

Câu hỏi	Trả lời
- Dựa vào thông tin về bối cảnh lịch sử, vị thế của người viết, ý nghĩa của nhan đề và 1 số câu văn quan trọng trong văn bản, xác định lí do, mục đích viết bài chiếu?	* Mục đích:
- Đối tượng chiếu câu hiền hướng tới là những con người như thế nào trong XH thời đó? Họ có gì đặc biệt?	* Đối tượng:
- Sự đặc biệt của họ khiến cho tác giả phải đối diện với những khó khăn gì trong việc thuyết phục các đối tượng đó ra gánh vác việc nước?	* Những khó khăn của người viết trong việc thuyết phục đối tượng:

PHT số 2: Nghệ thuật lập luận của văn bản

Phần/	Xác định luận	Xác định	Xác định bằng	Xác định yếu tố hỗ trợ
-------	---------------	----------	---------------	------------------------

	điểm.	lí lẽ	chứng	
Đoạn				
1			X	X
2				<ul style="list-style-type: none"> Thuyết minh: Biểu cảm
3				<ul style="list-style-type: none"> Thuyết minh. Biểu cảm:
4				<ul style="list-style-type: none"> Thuyết minh:
* Nhận xét về luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng và các yếu tố hỗ trợ:				

PHT số 3: Sức thuyết phục của bài chiếu và tình cảm của người viết.

Sức thuyết phục của bài chiếu	Tình cảm của người viết
Nhận xét các yếu tố: - Luận đề: - Luận điểm: - Lí lẽ, bằng chứng:	Người viết bày tỏ khát vọng:

2.3: TỔNG KẾT

a. Mục tiêu: củng cố đặc điểm của văn nghị luận nói chung và đặc điểm của văn nghị luận được thể hiện trong bài chiếu nói riêng.

b. Nội dung: Đặc điểm của văn nghị luận được thể hiện qua bài chiếu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ. - HS suy nghĩ và khái quát lại những đặc điểm	III. Tổng kết đặc điểm của văn nghị

<p>của văn nghị luận được thể hiện qua bài Chiếu cầu hiền.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1,2 HS trả lời câu hỏi. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và chốt kiến thức cơ bản. 	<p>luận được thể hiện trong bài chiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các yếu tố tạo nên cấu trúc của VBNL: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tổ chức, sắp xếp logic, chặt chẽ. - Xác định mục đích, thái độ, tình cảm của người viết: khát vọng thuyết phục hiện tài chung sức xây dựng và phát triển đất nước. - Đánh giá nội dung, ý nghĩa của văn bản: bài học, thông điệp ý nghĩa. + Nhận thức vai trò của người hiền tài với đất nước. + Thái độ: yêu quý, trân trọng hiền tài. + Hành động: có chính sách bồi dưỡng, phát triển và chiêu mộ hiền tài.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về bài cáo, HS viết kết nối với đọc.

b. Nội dung thực hiện: Học sinh thực hành viết kết nối với đọc theo đề bài

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ:

- **(1) Thảo luận nhóm:** Kể những hình thức chiêu mộ hiền tài của Đảng và đất nước ta hiện nay.
- **(2) Thực hiện về nhà:** Hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến: *Con người sẽ trở nên hạnh phúc và thành công nhất khi được cống hiến*.

+ Đoạn văn đảm bảo về mặt hình thức: đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, khoảng 150 chữ.

+ Yêu cầu về nội dung:

_ Giải thích được lối sống cống hiến là gì?

_ Tại sao con người sẽ trở nên hạnh phúc và thành công nhất khi được cống hiến? (Sử dụng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ vai trò của lối sống cống hiến trong việc đem đến hạnh phúc và thành công cho con người)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi trong yêu cầu 1.

Yêu cầu 2 thực hiện ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần thảo luận nhóm của nhóm mình.

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo.

GV dặn dò HS về nhà làm bài tập và chuẩn bị bài đọc tiếp theo. **Tiết.... Văn bản 2:**

TÔI CÓ MỘT GIÁC MƠ

(Trích *Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri- Montgomery*)

-Martin Luther King-

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua bài diễn văn, từ đó, khái quát được các yếu tố tạo nên sức lay động lớn của bài viết.

- Phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, trình bày được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với luận đề của văn bản.

- Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,...) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu được sâu hơn văn bản; liên hệ được nội dung văn bản với bối cảnh thế giới hiện nay để rút ra bài học và thông điệp

cần thiết.

2. Về năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người sống ý lại vươn lên để có lối sống tự lực.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp

3. Về phẩm chất:

- Sống có ước mơ, khát vọng chính đáng.

- Bồi dưỡng tình yêu thương con người, yêu tự do, hòa bình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu hoạt động:

- Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học: Giá trị của những văn kiện chính trị làm thay đổi xã hội, bên cạnh đó còn là áng văn chương có sức lay động lòng người.

- Học sinh nhớ lại kiến thức đã học trước đó.

b. Nội dung thực hiện:

- Vận dụng tri thức đã biết và chính kiến của bản thân để trình bày vấn đề;

- Học sinh biết độc lập suy nghĩ, làm chủ tình huống để tiếp cận nội dung;

- Giáo viên khuyến khích Hs nói lên suy nghĩ của mình

c. Sản phẩm:

Hs trao đổi suy nghĩ của mình

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Gv thiết kế trò chơi “Ô cửa bí mật” Học sinh trả lời 5 câu hỏi và nêu suy nghĩ về bức ảnh được giấu sau các ô cửa	Câu 1. Hãy kể tên các văn kiện chính trị của lịch sử dân tộc Việt Nam có tính chất văn chương đậm nét? <ol style="list-style-type: none"> Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Chiếu cầu hiền, Nam quốc sơn hà. Tuyên ngôn Độc lập, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Nam Quốc sơn hà, Bảo kính cảnh giới số 43. Hịch tướng sĩ, Chiếu cầu hiền, Bình Ngô đại cáo, Tuyên ngôn Độc lập. Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, Phú sông Bạch Đằng, Tuyên ngôn Độc lập.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	

<p>Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.</p>	<p>(Đáp án C)</p> <p>Câu 2. Hai câu thơ: “Dễ có Ngu cầm đàn một tiếng/ Dân giàu đủ khắp đòi phương” nói lên điều gì?</p> <ol style="list-style-type: none"> Khát vọng làm nên sự nghiệp lớn của Nguyễn Trãi. Khao khát đất nước bình yên, nhân dân ấm no hạnh phúc. Ca ngợi tài đàn của vua Ngu Thuấn. Mong ước cuộc sống giàu sang, quyền quý. <p>(Đáp án b)</p> <p>Câu 3. Mong ước của Bác trong câu nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” hướng đến những đối tượng nào?</p> <ol style="list-style-type: none"> Nước ta, dân ta, đồng bào ta. Toàn thể kiều bào. Toàn thể nhân loại. Toàn thể chúng sinh. <p>(đáp án a)</p> <p>Câu 4. Theo em, một cộng đồng bình đẳng là một cộng đồng như thế nào? (mọi người được tôn trọng quyền sống, quyền tự do và hạnh phúc; không phân biệt đối xử, không kì thị; được pháp luật bảo vệ quyền lợi...)</p> <p>Câu 5. Bức hình này gợi cho em suy nghĩ về điều gì?</p> <p>Nguồn bức ảnh: https://laodong.vn/the-gioi/6-phu-nu-goc-a-thiet-mang-trong-vu-xa-sung-tai-my-lam-day-len-lo-ngai-890724.lido</p> <p>- Bức ảnh ghi lại cảnh Người dân khu Phố người Hoa ở Washington phản ứng với vụ xả súng ở các spa tại Atlanta hôm 16/03/2021 làm 8 người chết, trong đó có 6 người Mỹ gốc Á.</p> <p>- Gợi lên những suy nghĩ về nạn phân biệt chủng tộc vẫn còn đâu đó trên đất nước Mỹ, và trên toàn thế giới; Cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc vẫn chưa có hồi kết...</p> <p>(Gv cần trở lại chủ đề này trong phần luyện tập để khắc sâu suy nghĩ về sự cần thiết của việc xác lập sự công bằng, bình đẳng trong mọi cộng đồng)</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả và văn bản.

a. Mục tiêu hoạt động:

- Hs nắm được thông tin cơ bản về Martin Luther King.
- Nhận biết được nguồn gốc, xuất xứ của bài diễn văn.

b. Nội dung thực hiện:

- Hs thực hiện sơ đồ hóa thông tin về tác giả và trả lời câu hỏi về văn bản.
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu Hs vẽ sơ đồ tư duy về cuộc đời và đóng góp của Martin Luther King - Gv yêu cầu Hs xác định thể loại văn bản - GV yêu cầu Hs đọc văn bản, trong khi đọc chú ý các thẻ đọc - Gv yêu cầu Hs trao đổi cặp đôi để xác định cấu trúc văn bản <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh tham khảo sgk, vẽ sơ đồ đối với yêu cầu 1; suy nghĩ độc lập với yêu cầu 2; Chú ý đọc giọng hùng hồn mà tha thiết với yêu cầu 3; Trao đổi cặp với yêu cầu 4</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung. (đối với các yêu cầu có báo cáo)</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chốt những kiến thức cơ 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p>  <p>https://app.zenflowchart.com/mindmap/kdCkeJd2xal6ULOtX4OU?fbclid=IwAR0Gd9S4d0rM1Vo36hpUF3ZSV_RNkMSGHOA47kDldDs_G_DKvO4XZcAcRyk</p> <p>(SĐ người soạn vẽ online, thầy/cô có thể chỉnh sửa)</p> <p>2. Văn bản</p> <p>a. Xuất xứ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tôi có một ước mơ là nhan đề bài diễn văn được Martin Luther King phát biểu trên bậc thềm đài tưởng niệm Tổng thống Lin- côn, ủng hộ phong trào đòi quyền công dân vào ngày 28/8/1963.

<p>bản</p> <p>- Cho HS nghe một đoạn video về bài diễn văn đề HS cảm nhận tính nhiệt húng của văn bản trước công chúng.</p> <p>Link xem bài diễn văn: https://www.youtube.com/watch?v=vP4iY1TtS3s&t=54s&ab_channel=RAREFACTS</p>	<p>- Lời lẽ bài diễn văn góp phần gây áp lực, buộc Quốc hội Mỹ thông qua Đạo luật Dân quyền năm 1964 dưới thời Tổng thống Lin-đơn Bai-nơ Giôn-xon, quy định cấm phân biệt chủng tộc trên khắp nước Mỹ.</p> <p>b. Thể loại: Văn chính luận</p> <p>b. Cấu trúc văn bản</p> <p>- Luận đề: Kêu gọi hành động đấu tranh vì tự do, bình đẳng của người da đen trên đất Mỹ (mục đích hướng tới trong phần ĐVĐ)</p> <p>- Luận điểm (phần GQVĐ):</p> <p>+ Thực trạng cuộc sống người da đen trái ngược với những gì đã tuyên bố trong “Tuyên ngôn giải phóng nô lệ”;</p> <p>+ Cần xác định thời điểm quan trọng để đòi lại công lí cho người da đen;</p> <p>+ Cần có thái độ đấu tranh kiên quyết nhưng không bạo lực;</p> <p>+ Cần đoàn kết và luôn tiến về phía trước trong cuộc đấu tranh đòi công lí</p> <p>+ Thể hiện niềm tin, ước mơ về tự do, công lí cho người da đen.</p> <p>- Phần kết: Khẳng định lại niềm tin và ước mơ.</p>
--	--

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu hoạt động:

- HS phân tích được cấu trúc của văn bản và các yếu tố hỗ trợ, qua đó nắm được tình cảm của tác giả.
- Kết nối văn bản trải nghiệm với cá nhân; bồi đắp cảm xúc thẩm mĩ.

b. Nội dung thực hiện:

- HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ..

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Khám phá tính thuyết phục của việc trình bày các quan điểm</p> <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 10- 12 Hs (lớp có từ 40-45 hs) để HS tìm hiểu về cách trình bày quan điểm của tác giả một cách thuyết phục, biểu cảm. + Nhóm 1: Phân tích sự thuyết phục trong cách trình bày quan điểm ở luận điểm 1 + Nhóm 2: Phân tích sự thuyết phục trong cách trình bày quan điểm ở luận điểm 2, 3 (chỉ chọn 1 trong 2 luận điểm) + Nhóm 3: Phân tích sự thuyết phục trong cách trình bày quan điểm ở luận điểm 4 + Nhóm 4: Phân tích sự thuyết phục trong cách trình bày quan điểm ở luận điểm 5 - Mỗi nhóm cử 1 trưởng nhóm để điều hành, 1 thư kí (ngồi vị trí trung tâm) để ghi chép, một số bạn thông tin và phản biện (nhiệm vụ thông tin là ghi chép các nội dung báo cáo từ các nhóm khác và nêu lên những nội dung trọng tâm cần đưa ra để phản hồi nhóm bạn; nhiệm vụ phản biện là nêu và trả lời câu hỏi phản biện...) - Thời gian hoạt động nhóm là 05 phút, thời gian báo cáo là 03 phút. <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thảo luận nhóm theo cách thức đã nêu và ghi phiếu học tập số 1 (xem phụ lục)</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p>	<p>II. Đọc hiểu văn bản</p> <p>1. Sự thuyết phục của các quan điểm trong văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm 1: Thực trạng cuộc sống người da đen trái ngược với những gì đã tuyên bố trong “Tuyên ngôn giải phóng nô lệ” + Lí lẽ: <ul style="list-style-type: none"> -- Một trăm năm trước, Lin-côn đã ký bản Tuyên ngôn Giải phóng nô lệ -- Nhưng một trăm năm sau người da đen vẫn chưa được tự do. + Dẫn chứng: Một trăm năm sau...bị trói trong gông cùm của phân biệt...sống cô đơn... gầy mòn trong những góc ngách...-> sinh động, cụ thể, khái quát được tình trạng bất ổn, cô độc của người da đen + Yếu tố hỗ trợ: Lặp cấu trúc câu khẳng định “Một trăm năm...”, hình ảnh ẩn dụ-> nhấn mạnh thái độ bất bình trước sự bất công, kì thị còn là một thực trạng nhức nhối; tha thiết bày tỏ mong muốn chấm dứt thảm trạng này. - Luận điểm 2: Cần xác định thời điểm quan trọng để đòi lại công lí cho người da đen + Lí lẽ: <ul style="list-style-type: none"> -- Một loạt câu khẳng định điệp ý diễn tả tính cấp bách của thời khắc Ngay Bây Giờ “Đây là lúc...” -- Chỉ ra những tác hại nếu phớt lờ vấn đề cấp bách + Dẫn chứng: Mùa hè ngột ngạt của người da đen... những cuộc nổi dậy... + Yếu tố hỗ trợ: Nghệ thuật điệp câu chứa mệnh đề khẳng định “đây là lúc...” nhấn mạnh sự dứt khoát, quyết liệt cần phải hành động kịp thời; hình ảnh ẩn dụ-> tạo tính hàm súc, có những gợi mở lớn cho văn bản. - Luận điểm 3: Cần có thái độ đấu tranh kiên quyết nhưng không bạo lực

Hs chia sẻ bài làm của nhóm, các nhóm nhận xét bổ sung và đánh giá theo bảng kiểm (phụ lục)

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

(* Lưu ý điệp khúc “tôi mơ rằng...” ban đầu không có trong văn bản, giây phút Martin Luther King bất chợt dừng lại tích tắc thì ca sĩ nhạc phúc âm Mahalia Jackson đứng cách bục phát biểu hơn 4 m, hét lên: "Hãy nói với họ về giấc mơ, Martin", từ đó ông đề từ diễn văn đã chuẩn bị sang một bên và nói bằng tiếng nói từ trái tim mình)

+ Lí lẽ:

-- Không được để cho cuộc phản kháng đầy sáng tạo sa vào bạo loạn.

-- Tinh thần chiến đấu quật cường mới vừa trào sôi ...không được đẩy đến chỗ ngờ vực tất cả người da trắng.

+ Dẫn chứng: Có rất nhiều người da trắng đã nhận ra vận mệnh của họ gắn liền với vận mệnh của người da đen, rằng tự do của họ không thể tách rời với tự do của người da đen->những điều mắt thấy tai nghe, thuyết phục có ý nghĩa trấn an mạnh mẽ.

+ Yếu tố hỗ trợ: Điệp cấu trúc câu mệnh lệnh->khẳng định cần có cách đấu tranh đúng đắn, bất bạo động-> tư tưởng nhân văn cao cả.

- **Luận điểm 4:** Cần đoàn kết và luôn tiến về phía trước trong cuộc đấu tranh đòi công lí

+ Lí lẽ:

-- Chúng ta không thể quay lại...

-- Chúng ta sẽ không bao giờ hài lòng...

+ Bằng chứng: Người da đen vẫn còn là những nạn nhân câm lặng của nạn bạo lực từ cảnh sát; không thể tìm được chốn nghỉ chân trong quán trọ ven xa lộ hay khách sạn trong thành phố; bị tước đoạt nhân phẩm và lòng tự trọng bởi những tấm biển đề "Chỉ dành cho người da trắng"; không có quyền bầu cử...

+ Yếu tố hỗ trợ: Điệp cấu trúc phủ định “chúng ta không thể...”, hình ảnh ẩn dụ-> giọng điệu xót xa cho thực cảnh người da đen còn sống trong khổ đau, đầy dọa và tuyệt vọng;

- **Luận điểm 5:** Niềm tin, ước mơ về tự do, công lí cho người da đen.

+ Lí lẽ:

-- Bạn sẽ tiếp tục với niềm tin rằng khổ đau sẽ có ngày được đền đáp...

-- Đừng đắm chìm trong tuyệt vọng... tôi vẫn có ước mơ ...

-- Để nước Mỹ trở thành một quốc gia vĩ đại, thì điều này phải trở thành sự thật..

+ Dẫn chứng: Tôi mơ rằng một ngày kia...; Hãy để tự do ngân vang...

+ Yếu tố hỗ trợ:

-- điệp khúc “tôi mơ rằng”, “hãy để tự do ngân vang”-> tạo giọng điệu âm hưởng hùng hồn, tha thiết, tạo ra nhiệt hứng cho đám đông; nhấn mạnh mơ ước về sự bình đẳng, tình bằng hữu, sự tôn trọng nhân cách của cả người da đen lẫn da trắng.

-- hình ảnh ẩn dụ: “tự do ngân vang trên những đỉnh đồi...ngọn núi...”-> biểu tượng cho sự lớn lao, kì vĩ của nước Mỹ trong mơ ước của tác giả-> mơ ước về một nước Mỹ hùng mạnh.

2. Thái độ và tình cảm, khát vọng của tác giả đối với đất nước Mỹ qua văn bản

<i>Khát vọng</i>	<i>Thái độ, tình cảm</i>
Tự do dân chủ cho người da đen (luận điểm 1, 2)	Thái độ chân thành, đầy nhiệt hứng, đầy quyết tâm khi nói về mong muốn, ước mơ, niềm tin (luận điểm 5); Thái độ xót xa, bất bình khi nói về thực tại bất công, thảm trạng. (luận điểm 1, 2)
Đoàn kết hợp tác dân tộc (luận điểm 3)	Tình cảm yêu nước gắn với tư tưởng nhân văn- đấu tranh bất bạo động (lí lẽ trong luận điểm 3)
Khao khát cháy bỏng về sự phát triển thịnh vượng của nước Mỹ (luận điểm 5)	

Nhiệm vụ 2: Khám phá ý nghĩa của văn bản thể hiện qua thái độ, tình cảm và khát vọng của tác giả.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Gv yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi theo **Phiếu học tập số 2** (phụ lục); Hs trao đổi và ghi vào phiếu học tập trong vòng 4 phút, trình bày 02 phút.

III. Tổng kết

a. Nội dung:

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện yêu cầu theo phiếu học tập số 2

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

Văn bản viết ra nhằm mục đích khẳng định quyền bình đẳng của người da đen. Đây là lời kêu gọi sự đấu tranh giành quyền bình đẳng cho người da đen.

b. Nghệ thuật:

- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.

- Từ ngữ và câu văn giàu hình ảnh, hàm súc, có tính gợi mở; khai thác nghệ thuật trùng điệp tạo nên giọng điệu và âm hưởng vừa hùng hồn vừa tha thiết...

Nhiệm vụ 3: Hs tổng kết các nội dung đã học**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv yêu cầu học sinh trao đổi cặp theo tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện yêu cầu theo cặp đôi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung. (đối với các yêu cầu có báo cáo)

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động:

- Hs hiểu nắm bắt tư tưởng, quan điểm của tác giả qua văn bản đồng thời liên hệ với vốn sống thực tế để nhận thức lí giải về tính thời sự và tính bất biến của tư tưởng đặt ra trong văn bản;
- Hs luyện tập được cách đưa ra, lí giải và bảo vệ quan điểm của mình

b. Nội dung thực hiện:

- Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Gv
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Cho Hs quan sát 2 bức ảnh:</p>   <p>(Một phụ nữ cầm biểu ngữ ghi thông điệp "Chúng tôi cũng là người Mỹ" như thể hiện sự chua chát của những người gốc Á khi bị phân biệt đối xử ở Mỹ - nguồn: https://tuoitre.vn/chi-mot-nam-gan-4-000-vu-ky-thi-nguoi-my-goc-a-xuong-duong-2021032011064548.htm)</p>	<p>* Quan điểm và ước mơ của tác giả thể hiện trong văn bản đến nay vẫn còn có ý nghĩa, bởi lẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuy chế độ phân biệt chủng tộc trong xã hội hiện nay về cơ bản đã được giải quyết trên diện rộng, giấc mơ của Martin Luther King đã được hiện thực hóa một phần (ví dụ nước Mỹ đã có tổng thống da màu) nhưng đâu đó trên thế giới chúng ta vẫn bắt gặp những bất bình đẳng về sắc tộc, còn hành vi bạo lực, thái độ, cách ứng xử còn có sự phân biệt, kì thị (ví dụ...) - Có thể tư tưởng phân biệt đã ăn sâu vào tiềm thức qua từng thế hệ, vì vậy quan điểm đấu tranh và mơ ước của Martin Luther King vẫn còn có ý nghĩa với nhiều người, nhiều dân tộc trên thế giới trong cuộc đấu tranh vì hòa bình và công lí.

Từ quan sát các hình ảnh, trả lời câu hỏi: Theo bạn, trên thực tế hiện nay, quan điểm và mơ ước của Martin Luther King còn có ý nghĩa không? Vì sao?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện yêu cầu

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động:

- Hs rút ra bài học kinh nghiệm về việc viết một văn bản nghị luận thuyết phục người khác
- Hs biết cách viết một bài NLXH ứng dụng trong cuộc sống

b. Nội dung thực hiện:

- Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Gv
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm			
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu Hs làm việc cá nhân để tìm hiểu và thuyết minh vấn đề: Từ bài diễn văn “Tôi có một ước mơ”, bạn rút ra bài học gì trong việc tạo lập một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục; - Hãy tưởng tượng bạn sẽ thuyết phục khoảng toàn bộ Hs khối 12 (tầm 600 Hs) về tác hại của hiệu ứng đám đông 	* Bài học trong việc tạo lập một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục:			
	Luận đề	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng	Các yếu tố hỗ trợ
	Rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu	Rõ ràng, sắp xếp hợp lí, làm sáng	- Lí lẽ và bằng chứng thuyết	-Dùng các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu

<p>trên mạng xã hội, bạn sẽ nói những gì? (Giao Hs bài tập về nhà- báo cáo vào tiết đầu tiết tiếp theo)</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thực hiện yêu cầu theo cặp đôi</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo nội dung, những học sinh lắng nghe góp ý, bổ sung. (đối với các yêu cầu có báo cáo tại lớp)</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản</p>	<p>rõ luận đề</p> <p>phục, được triển khai theo trình tự hợp lí, có liên quan và cùng làm sáng tỏ luận điểm;</p> <p>- Lí lẽ góp phần thể hiện giọng điệu</p> <p>cảm, các biện pháp tu từ làm tăng hiệu quả biểu đạt của Vb.</p>
--	---

*** KẾT NỐI ĐỌC – VIẾT (Thực hiện theo yêu cầu sgk)**

Gợi ý:

- Mở đoạn: Giới thiệu điều bạn tâm đắc nhất khi đọc văn bản
- Thân đoạn: Triển khai ý logic, hợp lí; Vận dụng lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ thông điệp có ý nghĩa với bản thân
- Kết đoạn: Khẳng định lại điều mà mình tâm đắc

*** Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: <i>nêu suy nghĩ về một nhận định mà em cảm thấy tâm đắc nhất trong văn bản “Chữ bầu lên nhà thơ” của Lê Đạt.</i>	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

4. Củng cố:

- Cách triển khai một VB nghị luận thuyết phục

- Cách sử dụng các yếu tố hỗ trợ nhằm tăng tính biểu cảm của VB

5. HDVN:

- Chuẩn bị bài mới: *Một thời đại trong thi ca*

+ Tìm hiểu về phong trào thơ mới và tác giả Hoài Thanh

+ Chú ý các thể đọc khi tìm hiểu VB

PHẦN PHỤ LỤC

Phiếu học tập số 1:

Tên nhóm:

Nội dung thảo luận:.....

Thời gian: 05 phút

Gợi ý thảo luận theo các hướng dẫn trong bảng sau:

<i>Luận điểm</i>	<i>Lí lẽ</i>	<i>Dẫn chứng</i>	<i>Chỉ ra và nhận xét hiệu quả của các yếu tố hỗ trợ</i>
.....			

Phiếu học tập số 2:

Tên nhóm:

Nội dung thảo luận:.....

Thời gian: 04 phút

Gợi ý thảo luận theo các hướng dẫn trong bảng sau:

<i>Khát vọng</i>		<i>Thái độ, tình cảm</i>	
Ngữ liệu minh họa	Khát vọng	Ngữ liệu minh họa	Thái độ, tình cảm
....			
....			

Phiếu đánh giá bài thuyết trình của nhóm:

Nhóm đánh giá:

Nhóm được đánh giá:

Nội dung đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Nhận xét	Điểm
Nội dung trình bày: 40 điểm (đảm bảo tính khoa học, chính xác, sâu sắc)		
Sự hấp dẫn, thuyết phục của bài trình bày: 30 điểm (ngắn gọn súc tích, hấp dẫn; lôi kéo được nhiều người tham gia)		
Có sự hợp tác của nhóm lúc trình bày: 20 điểm		
Thời gian đảm bảo: 10 điểm		
Tổng điểm:		

Tiết - VĂN BẢN 3**MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA***(Hoài Thanh)***I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Nhận biết và phân tích được nội dung, ý nghĩa của văn bản.
- Nhận biết và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ, tình cảm của người viết, vai trò của yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- HS liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (Kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học...) của thời kì 1930-1945 để hiểu văn bản sâu sắc hơn.

2. Về năng lực:

- Năng lực đọc – hiểu các bài phê bình văn học.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về bài phê bình văn học của Hoài Thanh.
- Năng lực giải quyết vấn đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác.

3. Về phẩm chất:

Có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, yêu tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,...

2. Học liệu: SGK, phiếu học tập, tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim về *Phong trào thơ Mới*...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong tiến trình dạy bài mới

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: Vận dụng kỹ năng phân tích, kỹ thuật động não để nhận diện sự khác biệt cơ bản giữa thơ cũ và thơ mới trên một vài bình diện cơ bản.

c. Sản phẩm: Bản trình chiếu của GV

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV trình chiếu bài <i>Mùa xuân chín</i> (Hàn Mặc Tử) và <i>Bảo kính cảnh giới-43</i> (Nguyễn Trãi) và yêu cầu HS thảo luận, nhận xét về sự khác biệt trên một số bình diện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về văn tự - Về tác giả - Về nội dung - Về nghệ thuật (thể thơ, thi pháp...) <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thảo luận cặp đôi</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>Điểm khác biệt giữa hai bài thơ trung đại và hiện đại</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Về văn tự: chữ Quốc ngữ- chữ Nôm - Về tác giả: Trí thức Tây học- Nho sĩ - Về nội dung: Cảm xúc cá nhân- Sự vận động của cảnh vật gắn với ý thức về bốn phận - Về nghệ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Thơ trung đại mang tính quy phạm, thể thơ gò bó vào niêm luật, hình ảnh mang nặng tính ước lệ, công thức. Hệ thống ước lệ phức tạp, nghiêm ngặt. + Thơ mới không sử dụng nhiều hệ thống ước lệ phức tạp, thoát khỏi cách diễn đạt theo quy tắc cứng nhắc, thể thơ tự do (số tiếng, số dòng, vần, nhịp...) ngôn ngữ thơ gần với lời nói cá nhân, hình ảnh sinh động gần với đời sống.

=> Từ đó, giáo viên giới thiệu *bài mới*:

Đầu thập niên 1930, văn hóa Việt Nam diễn ra cuộc vận động đổi mới thơ ca mạnh mẽ với sự xuất hiện làn sóng thơ mới với cá tính sáng tác độc đáo. Cuộc vận động đề xướng sử dụng các thể loại thơ mới, không tuân theo lối văn luật, niêm luật của các thể loại thơ cổ. Cuộc canh tân này đi vào lịch sử văn học tên gọi Phong trào Thơ Mới.

Hoài Thanh, người say thơ bậc nhất trong những người say thơ đã có những nghiên cứu xuất sắc về phong trào thơ Mới. Ông để lại cuốn “Thi nhân Việt Nam” hấp dẫn bao thế hệ bạn đọc. Tiểu luận “Một thời đại trong thi ca” đặt ở đầu sách là một công trình nghiên cứu phê bình kiệt xuất, một áng văn nghị luận đạt dào chất thơ. Đoạn trích “Một thời đại trong thi ca” là đoạn trích tiêu biểu cho tài năng thẩm bình văn học của con người tài hoa này.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

HS nắm được những thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm “Một thời đại trong thi ca”

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, khái quát thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs		Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ		I. Tìm hiểu chung
Đọc kĩ phần giới thiệu về tác giả và bài tiểu luận SGK- tr. 88. Hoàn thành phiếu học tập sau:		1.Tác giả:
Giới thiệu về tác giả Hoài Thanh?		- Nhà phê bình văn học xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại.
Thể loại, vị trí, nội dung chính của tiểu luận “ Một thời đại trong thi ca”		- Tác phẩm sáng giá nhất: <i>Thi nhân Việt Nam</i> (1942) được in tới 33 lần
		- Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật 2000.
B2. Thực hiện nhiệm vụ		2. Một thời đại trong thi ca:
GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi hoàn thành phiếu học tập		- Văn bản nghị luận về 1 vấn đề văn

<p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. - HS khác bổ sung kiến thức nếu cần. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức, mở rộng <p>Hoài Thanh có biệt tài trong thẩm thơ. Ông gọi lối phê bình của mình là “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”. Cách phê bình của ông nhẹ nhàng, tinh tế, hài hòa và luôn thấp thoáng một nụ cười hóm hỉnh... Có nhà thơ viết về ông:</p> <p><i>“Xứ sở của những người tình bắc cầu dải yếm Có một chàng quên ngủ quên ăn Không mơ bóng giai nhân Không đi tìm phú quý Chỉ lo tìm cát giữ Những hạt vàng thi nhân”</i> (Nguyễn Vũ Tiềm)</p>	<p>học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là bài tiểu luận đặt ở đầu cuốn <i>Thi nhân Việt Nam</i> - Nội dung: tổng kết 1 cách sâu sắc về phong trào Thơ mới
--	--

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- **Học sinh nhận biết** được đặc điểm và cấu trúc của văn bản nghị luận
- **Học sinh phân tích** được các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- + Chỉ ra cách nhận diện “tinh thần thơ mới” của tác giả:
- + Chỉ ra điều cốt lõi mà thơ mới đưa đến cho thi đàn Việt Nam lúc bấy giờ; bi kịch của “cái tôi” trong thơ mới và hướng giải tỏa bi kịch.
- + Chỉ ra ý nghĩa của cái Tôi thơ mới đối với thơ ca và xã hội đương thời
- **Học sinh đánh giá** được nội dung và nghệ thuật của văn bản
- **Học sinh vận dụng năng lực** viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

b. Nội dung:

- Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu theo các luận điểm của bài.

- Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hệ thống luận điểm của bài và mối quan hệ giữa các luận điểm</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p><i>Để làm sáng tỏ luận đề “Tinh thần thơ mới” tác giả đã đưa ra hệ thống luận điểm nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm đó?</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân và theo hoạt động nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn. <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cử đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. - GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức 	<p>II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN:</p> <p>1. Hệ thống luận điểm của bài và mối quan hệ giữa các luận điểm</p> <p>* Luận đề: “Tinh thần Thơ mới”:</p> <p>* Các luận điểm làm sáng tỏ luận đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực trạng khó phân biệt rạch ròi giữa thơ cũ và thơ mới - Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới: So sánh bài hay với bài hay và dựa vào đại thể - Nhận diện điểm khác biệt giữa thơ cũ và thơ mới : Tinh thần thơ mới: chữ tôi; Tinh thần thơ cũ: chữ ta - Sự vận động của thơ mới xung quanh cái tôi và bi kịch của nó. - Ý nghĩa của cái Tôi thơ mới đối với thơ ca và xã hội đương thời <p>* Mối quan hệ giữa các luận điểm:</p> <p>Các luận điểm sắp xếp theo trình tự logic:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu vấn đề: Thực trạng khó phân biệt rạch ròi giữa thơ cũ và thơ mới → Đề xuất tiêu chí phân biệt - Giải quyết vấn đề: Nhận diện điểm khác biệt giữa thơ cũ và thơ mới → Tình trạng “cái Tôi” khi mới xuất hiện và những biểu hiện của cái Tôi trong thơ Mới - Kết thúc vấn đề: Ý nghĩa của cái Tôi thơ mới đối với thơ ca và xã hội đương thời <p>2. Sự phù hợp về nội dung nghị luận với vấn đề nghị luận</p> <p>a. Nội dung 1: Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tiêu chí so sánh thơ cũ và thơ mới: + Phải so sánh bài hay với bài hay, không thể căn cứ vào những bài thơ dở, vì thời nào cũng có bài hay bài dở + Dựa trên đại thể vì các thời đại nối tiếp

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu sự phù hợp về nội dung nghị luận với vấn đề nghị luận

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hoạt động cá nhân:

Câu hỏi 1:

Ở phần đầu văn bản, tác giả đưa ra các tiêu chí so sánh thơ cũ – thơ mới nhằm mục đích gì?

Câu hỏi 2:

Hãy nhận xét cách diễn giải về “cái Tôi” của Hoài Thanh trong văn bản (đặc biệt chú ý đoạn: “Đời chúng ta ... cùng Huy Cận”).

Câu hỏi	Gợi ý
Nội dung diễn	- Tinh thần thơ mới

nhau, khó phân biệt rạch ròi

- Mục đích của việc đưa ra các tiêu chí so sánh thơ cũ và thơ mới:

+ Giúp người đọc hiểu cái khó khăn và khao khát của kẻ yêu văn quyết tìm cho được tinh thần thơ mới.

+ Giúp người đọc hiểu về tinh thần thơ cho đúng đắn.

+ Thuyết phục người đọc đồng thuận với những luận giải của tác giả về tinh thần thơ Mới.

b. Nội dung 2: Tinh thần thơ mới là cái “Tôi”

* Nội dung diễn giải về cái “Tôi”

- Tinh thần thơ mới là chữ “Tôi”.

+ Cái khác ở chữ “Tôi” và chữ “Ta”. Ngày trước là thời chữ “Ta”, bây giờ là thời chữ “Tôi”.

+ Chữ “Tôi” trước đây nếu có thì cũng phải ẩn mình sau chữ “Ta”. Chữ “Tôi” bây giờ là chữ “tôi” theo ý nghĩa tuyệt đối của nó.

- Bi kịch “đáng thương” và “tội nghiệp” của cái Tôi :

+ Nó xuất hiện “bỡ ngỡ” như “lạc loài nơi đất khách”, trong sự tiếp nhận của “bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu”

+ Nó không còn cái cốt cách hiên ngang ngày trước, nó “chỉ nói cái khổ sở, cái thảm hại, bế tắc: thoát lên tiên, phiêu lưu trong trường tình, điên cuồng, đắm say, bơ vơ, ngẩn ngơ buồn, bàng hoàng, thiếu hụt lòng tin ...

* Nhận xét về cách diễn giải của tác giả:

- Dùng chữ Tôi để diễn đạt ý thức cá nhân, đối sánh với chữ Ta thể hiện ý thức cộng đồng

- Dùng biện pháp tu từ nhân hoá, ẩn dụ để diễn tả tình trạng của ý thức cá nhân khi mới xuất hiện trong văn học Việt Nam

- Sử dụng hàng loạt các từ ngữ chỉ cảm xúc để

giải về cái Tôi của tác giả?	là gì? Em hiểu thời đại chữ <i>Tôi</i> và thời đại chữ <i>Ta</i> như thế nào?	biểu đạt những hướng tìm tòi và những biểu hiện khác nhau của ý thức cá nhân trong thơ Mới.
	- Tìm các câu văn thể hiện bi kịch của cái Tôi thơ Mới và phân tích bi kịch của nó?	- Đoạn “ <i>Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi... cùng Huy Cận</i> ”
Nhận xét cách diễn giải của tác giả?	- Về từ ngữ - Về BPTT - HS đọc đoạn: “ <i>Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi... cùng Huy Cận</i> ” Chỉ ra vẻ đẹp và sức hấp dẫn của đoạn văn trên?	+ Nhận định có tính khái quát cao về sự bế tắc của cái tôi + Chỉ ra được phong cách riêng của từng nhà thơ một cách tinh tế. + Câu văn nghị luận giàu chất thơ, chất nhạc, cách viết mềm mại, uyển chuyển có tác dụng kêu gọi cảm xúc và hứng thú + Khi nói về từng nhà thơ: giọng điệu giải bày, chia sẻ, tâm tình “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”
B2. Thực hiện nhiệm vụ		3. Tác dụng của dẫn chứng và các biện pháp tu từ trong việc tăng sức hấp dẫn và thuyết phục văn bản
- Học sinh thực hiện nhiệm vụ.		a. Cách sử dụng dẫn chứng
B3. Báo cáo thảo luận		* Các dẫn chứng:
- Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.		- Minh họa cho tình trạng khó rạch ròi giữa thơ cũ và thơ mới: Trích dẫn thơ Xuân Diệu và các nhà thơ trung đại như Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan.
- HS nhóm khác theo dõi, tham vấn, trao đổi.		- Minh họa cho tình trạng thiếu vắng cái Tôi trong thơ cũ (đoạn về Cao Bá Nhạ) và sự khác biệt cảm xúc giữa thơ cũ và thơ mới (Đoạn về Nguyễn Công Trứ)
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:		- Minh họa cho phong cách riêng của các tác giả thơ Mới...
- GV đánh giá sản phẩm		* Nhận xét:
- Gv chuẩn kiến thức		+ Hoài Thanh lấy dẫn chứng thực tế từ những nhà thơ đa dạng, cụ thể, giúp cho văn bản có sức thuyết phục cao hơn.
		+ Khi tìm cái mới của thơ mới tác giả nhìn vấn đề trong mối quan hệ với thời đại, với tâm lí người đương thời thấu đáo, sâu sắc
		+ Có cái nhìn thấu đáo về “cái tôi”, “cái ta” có sự so sánh giữa các câu thơ và các nhà thơ cũ-mới trong diễn biến lịch sử.
Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu tác dụng của dẫn		b. Giá trị của BPTT

chứng và các biện pháp tu từ trong việc tăng sức hấp dẫn và thuyết phục văn bản

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS thảo luận nhóm theo tổ hoàn thành phiếu học tập:

Nhóm 1,2	Phân tích cách sử dụng bằng chứng trong nghệ thuật lập luận được Hoài Thanh thể hiện qua văn bản.
Nhóm 3,4	Hãy chỉ ra và phân tích giá trị đặc sắc của những biện pháp tu từ được tác giả sử dụng ở cuối văn bản.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận:

- Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- HS nhóm khác theo dõi, tham vấn, trao đổi.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá sản phẩm

- Gv chuẩn kiến thức

Minh hoạ qua đoạn văn cuối:

Biện pháp nghệ thuật:

- Điệp ngữ, lặp cấu trúc: Chưa bao giờ như bây giờ...

- Giá trị đặc sắc:

+ Làm cho lời văn nghị luận trở nên sinh động, hấp dẫn hơn.

+ Giúp cho người đọc cảm nhận được trạng thái đặc biệt trong tâm thế, cảm xúc, khát vọng của các nhà thơ mới và sự tin tưởng, khích lệ của Hoài Thanh với các nhà thơ trong phong trào thơ Mới

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Qua văn bản, bạn hiểu được những gì về phong trào Thơ mới và lối văn phê bình của Hoài Thanh.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận:

III. Tổng kết

1. Nội dung

Theo Hoài Thanh, khái niệm thơ Mới phải được hiểu là mới cả về mặt nội dung và hình thức. Thơ Mới là thơ ca phản ánh cái Tôi cá nhân của người nghệ sĩ với tất cả các cung bậc phong phú đa dạng, phức tạp của nó thông qua hình thức nghệ thuật có nhiều đổi mới, cách tân nhằm phát huy cá tính sáng tạo độc đáo của

<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. - HS khác theo dõi, tham vấn, trao đổi. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức 	<p>mỗi người nghệ sĩ.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lối văn phê bình của Hoài Thanh: <ul style="list-style-type: none"> + Đặt vấn đề rõ, gọn. + Dẫn dắt vấn đề khoa học, khéo léo và dễ hiểu, đảm bảo liền mạch trong hệ thống luận điểm. + Câu văn nghị luận giàu chất thơ, có sức gợi cảm xúc, gây hứng thú cho người đọc. + Nghệ thuật lí luận chặt chẽ, thấu đáo khoa học.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3-4: LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Hoài Thanh cho rằng: Các nhà thơ của phong trào thơ mới “đã dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt”. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về ý kiến này?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện nhiệm vụ. <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Hs nộp sản phẩm</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV chấm và trả kết quả vào tiết sau</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mở đoạn: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề - Thân đoạn: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích lí do các nhà thơ Mới gửi gắm tình yêu đất nước trong tình yêu tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> • Vì họ nghĩ rằng, tiếng Việt đã húng vong hồn dân tộc những thế hệ qua. • Vận mệnh dân tộc đã gắn bó với vận mệnh tiếng Việt + Phân tích cách các nhà thơ thể hiện tình yêu tiếng Việt, yêu đất nước: <ul style="list-style-type: none"> • Họ dùng tiếng nói của dân tộc để sáng tác thơ, duy trì tiếng nói và các thể thơ mang hồn cốt dân tộc. • Qua thơ, họ ngợi ca thiên nhiên đất nước, gửi gắm nỗi buồn mất nước. • Qua thơ, các nhà Thơ mới đã phát triển, đổi mới ngôn từ, làm cho tiếng Việt trở nên rất phong phú, trong sáng, tinh tế, hiện đại. + Đánh giá, bình luận về quan niệm của các nhà thơ mới. <ul style="list-style-type: none"> • Đặt trong bối cảnh xã hội những năm đầu TK XX thì tình yêu tiếng Việt là biểu hiện của tình yêu quê hương, đất nước. • Tình yêu ấy của các nhà thơ mới giúp ngôn ngữ tiếng Việt giàu, đẹp hơn. - Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề, tạo ấn tượng kết thúc

Tình yêu tiếng Việt là một biểu hiện tinh tế của tình yêu quê hương đất nước.

HOẠT ĐỘNG 5: CÙNG CỐ

a. Mục tiêu: HS nắm lại những kiến thức liên quan đến bài học.

b. Nội dung: HS sử dụng sách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Vẽ sơ đồ tư duy bài học B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh trao đổi nhóm đôi B3. Báo cáo thảo luận Hs báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá kết quả và chuẩn kiến thức.	Sơ đồ tư duy bài học

*** Phụ lục:**

Phụ lục 1. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ

	trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 2. Rubric chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh hiểu được sự cần thiết về việc đảm bảo tính nhất quán trong sử dụng ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết, tránh tình trạng lạc phong cách (dùng các phương tiện đặc trưng của ngôn ngữ nói vào ngôn ngữ viết và ngược lại).

- Học sinh nắm vững việc cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thể hiện trong các tác phẩm văn xuôi; phân tích được hiệu quả cách sử dụng ngôn ngữ như vậy.

2. Về năng lực:

Năng lực tạo lập văn bản, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

3. Về phẩm chất:

Chủ động, sáng tạo, trách nhiệm, yêu tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** máy tính, máy chiếu

2. **Học liệu:** SGK, SGV, phiếu học tập, video

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				
11				

2. Kiểm tra bài cũ:

Yêu cầu học sinh nhắc lại đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế chủ động, tích cực cho học sinh, giúp học sinh kết nối với phần kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Cung cấp hình ảnh bài văn nghị luận của học sinh sử dụng ngôn ngữ nói

c. **Sản phẩm:** Nội dung trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV cho HS tham gia trò chơi: **Ai nhanh hơn**

- GV Yêu cầu HS: Tìm các câu tục ngữ, ca dao, câu nói nổi tiếng nói về giá trị của lời nói và chữ viết? (GV giao nhiệm vụ chuẩn bị từ tiết trước)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân

- Thời gian: 2 phút

- Chia sẻ: 3 phút

Bước 3: Báo cáo thảo luận:

HS trình bày sản phẩm của mình.

Bước 4: Đánh giá, kết quả thực hiện

- Nhận xét câu trả lời của HS.
- Dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

Dự kiến:

- Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau (Ca dao)
- Lời nói gió bay/ Lời nói, gói vàng (Tục ngữ)
- Ăn có nhai, nói có nghĩ (Tục ngữ)
- Ăn bớt bát, nói bớt lời (Tục ngữ)
- Học ăn, học nói, học gói, học mở (Tục ngữ)
- Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/ Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe (Ca dao)
- Bút sa gà chết (Tục ngữ)
- Uốn lưỡi 7 lần trước khi nói (Bill Mac Farlan)
- Một lời động viên chân thành có thể mang đến sức mạnh bất ngờ để vượt qua những khó khăn nghịch cảnh mà tưởng chừng họ không thể vượt qua được.
- Ba điều trong một đời khi đã đi qua không thể lấy lại được: thời gian, lời nói, cơ hội.
- Lời nói không là dao/ Mà cắt lòng đau nhói/ Lời nói không là khói/ Mà khòe mắt cay cay/
Lời nói không là mây/ Mà đưa ta xa mãi/ Sao không ngồi nghĩ lại/ Nói với nhau nhẹ nhàng/

→GV dẫn vào bài học

Ngôn ngữ tiếng Việt vô cùng phong phú và đa dạng. Dù trải qua không ít thăng trầm, nhưng nhân dân ta đã luôn làm tất cả để bảo tồn ngôn ngữ, ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, hồn cốt của dân tộc. Vậy việc sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết có gì khác nhau, chúng ta hay mắc phải những lỗi gì trong việc sử dụng và trách nhiệm của mỗi chúng ta trong việc gìn giữ, bảo vệ, phát triển tiếng nói dân tộc mỗi khi sử dụng là gì? Bài học hôm nay cô trò mình hãy cùng nhau tìm hiểu kỹ hơn về vấn đề đó.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC*** NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT**

a. Mục tiêu: Cùng cố một số kiến thức cơ bản về ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, từ đó giúp học sinh hiểu được thế nào là hiện tượng lạc phong cách; phân biệt được hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

b. Nội dung: Hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và nhận xét của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm																														
I. NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT																															
<div><div>Bài tập 1</div><div><div><div>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</div><div><p>GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm 10 học sinh, thực hiện nhiệm vụ dưới đây trong thời gian 3 phút trên phiếu học tập và chia sẻ trong 5 phút.</p><p>Câu hỏi: hệ thống lại những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết qua bảng so sánh.</p><div><div>B2. Thực hiện nhiệm vụ</div><div>HS thực hiện nhiệm vụ.</div><div>B3. Báo cáo thảo luận</div><div>Các nhóm trình bày sản phẩm</div><div>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</div><div>Đánh giá đồng đẳng và giáo viên chốt lại.</div></div></div></div></div></div>	<div><div>1. Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết</div><div><div>PHIẾU HỌC TẬP</div><div>PHÂN BIỆT ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT</div><table><tr><th>Nội dung</th><th>Ngôn ngữ nói</th><th>Ngôn ngữ viết</th></tr><tr><td>Sự tiện lợi trong sử dụng</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Thời gian tác động đến đối tượng và khả năng trao đổi qua lại giữa người phát và người nhận thông tin</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Dung lượng thông tin được truyền đạt</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Khả năng trau chuốt sản phẩm ngôn từ</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Khả năng lưu giữ sản phẩm ngôn ngữ qua thời gian</td><td></td><td></td></tr></table><div><div>DỰ KIẾN SẢN PHẨM THẢO LUẬN NHÓM</div><table><tr><th>Nội dung</th><th>Ngôn ngữ nói</th><th>Ngôn ngữ viết</th></tr><tr><td>Sự tiện lợi trong sử dụng</td><td>Thực hiện nhờ các bộ phận phát âm của chính cơ thể con người (tiện lợi)</td><td>Cần các phương tiện phụ trợ: bút, giấy, máy tính, điện thoại</td></tr><tr><td>Thời gian tác động đến đối tượng và khả</td><td>Gắn với sự hiện diện của người nói</td><td>Phải có thời gian cho người</td></tr></table></div></div></div>	Nội dung	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết	Sự tiện lợi trong sử dụng			Thời gian tác động đến đối tượng và khả năng trao đổi qua lại giữa người phát và người nhận thông tin			Dung lượng thông tin được truyền đạt			Khả năng trau chuốt sản phẩm ngôn từ			Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian			Khả năng lưu giữ sản phẩm ngôn ngữ qua thời gian			Nội dung	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết	Sự tiện lợi trong sử dụng	Thực hiện nhờ các bộ phận phát âm của chính cơ thể con người (tiện lợi)	Cần các phương tiện phụ trợ: bút, giấy, máy tính, điện thoại	Thời gian tác động đến đối tượng và khả	Gắn với sự hiện diện của người nói	Phải có thời gian cho người
Nội dung	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết																													
Sự tiện lợi trong sử dụng																															
Thời gian tác động đến đối tượng và khả năng trao đổi qua lại giữa người phát và người nhận thông tin																															
Dung lượng thông tin được truyền đạt																															
Khả năng trau chuốt sản phẩm ngôn từ																															
Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian																															
Khả năng lưu giữ sản phẩm ngôn ngữ qua thời gian																															
Nội dung	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết																													
Sự tiện lợi trong sử dụng	Thực hiện nhờ các bộ phận phát âm của chính cơ thể con người (tiện lợi)	Cần các phương tiện phụ trợ: bút, giấy, máy tính, điện thoại																													
Thời gian tác động đến đối tượng và khả	Gắn với sự hiện diện của người nói	Phải có thời gian cho người																													

năng trao đổi qua lại giữa người phát và người nhận thông tin	và người nghe, việc tiếp nhận thông tin của người nghe diễn ra tức thì	đọc tiếp nhận và phản hồi
Dung lượng thông tin được truyền đạt	Chỉ có thể truyền đạt một lượng thông tin hạn chế	Lượng thông tin truyền đạt rất lớn
Khả năng trau chuốt sản phẩm ngôn từ	Ít có điều kiện gọt giữa lời nói	Có điều kiện để gọt giữa
Khả năng truyền đạt ngôn ngữ trong không gian	Trong phạm vi hạn chế	Phạm vi rộng lớn
Khả năng lưu giữ sản phẩm ngôn ngữ qua thời gian	Chỉ tồn tại nhất thời	Được lưu trữ lâu dài

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Bảng kiểm đánh giá chéo nhóm:

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Trả lời đầy đủ các yêu cầu của câu hỏi, nêu bật được sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	
2	Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp, chuẩn chính tả ngữ pháp	
3	Trình bày hấp dẫn, sinh động, có sức thuyết phục.	

2. Hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng ngôn ngữ.

- Hiện tượng lạc phong cách: không đảm bảo sự nhất quán trong cách dùng từ ngữ, đặt câu dẫn đến cách diễn đạt lệch chuẩn, không tạo được hiệu quả cao trong giao tiếp.

- Hiện tượng cộng hưởng ngôn ngữ: tạo ra một số hiện tượng đặc biệt về lời văn, tạo được hiệu quả cao trong trình bày và truyền đạt thông tin.

Bài tập 2**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân trong thời gian 2 phút trên phiếu học tập và chia sẻ trong 3 phút.

Câu hỏi: trình bày cách hiểu về hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng ngôn ngữ.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo thảo luận

Các nhóm trình bày sản phẩm

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Đánh giá đồng đẳng và giáo viên chốt lại.

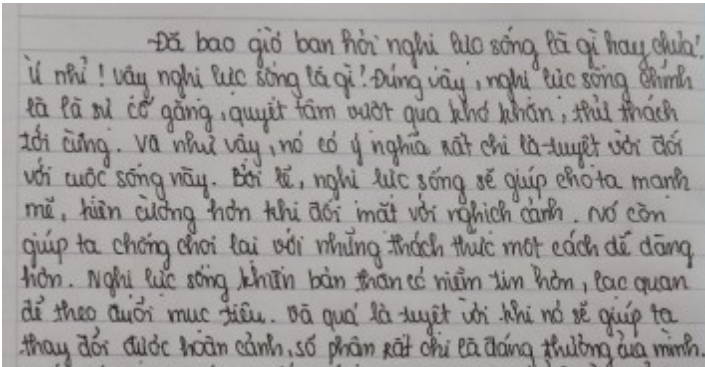
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập trong SGK.

b. Nội dung: Làm bài tập 1, 2 trong SGK

c. Sản phẩm: Bài tập hoàn thiện của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên yêu cầu hs thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Bài tập 1: phát hiện và sửa các lỗi diễn đạt trong ngữ liệu dưới đây</p>  <p>- Bài tập 2 (GV định hướng cho hs đoạn văn phân tích trong Chí Phèo: “<i>Hắn vừa đi vừa chửi... Cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...</i>”)</p> <p>+ Chỉ ra các câu hỏi, các câu cảm thán.</p> <p>+ Nhận biết sự khác nhau về các yếu tố ngôn ngữ giữa lời kể và lời nói của nhân vật khác xen vào.</p> <p>+ Nhận xét về sự cộng hưởng ngôn ngữ</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Học sinh sửa lỗi</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Học sinh trình bày sản phẩm</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>HS thực hiện đánh giá đồng đẳng và giáo viên</p>	<p>1. Bài tập 1</p> <p>- Phát hiện lỗi: sử dụng ngôn ngữ nói trong văn viết.</p> <p>+ Ừ nhỉ!</p> <p>+ Rất chi là</p> <p>+ Quá là</p> <p>- Phương án sửa lỗi: bỏ hoặc thay thế bằng các từ tương đương phù hợp</p> <p>2. Bài tập 2</p> <p>- Các câu hỏi: <i>Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Nhưng mà biết đũa nào đã đẻ ra Chí Phèo? ..</i></p> <p>- Các câu cảm thán: <i>Chắc nó trờ mình ra! Tức thật! Tức thật! A ha!...</i></p> <p>- Sự khác nhau về các yếu tố ngôn ngữ giữa lời kể và lời nói của nhân vật khác xen vào:</p> <p>+ Lời độc thoại nội tâm của nhân vật: trực tiếp bộc lộ tâm trạng, tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật...</p>

nhận xét, chốt lại.	<p>+ Lời nửa trực tiếp của người kể chuyện và các nhân vật khác xen vào: tái hiện ý thức giọng điệu của nhân vật và đánh giá.</p> <p>+ Lời nhại: trần thuật, mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai, bông đùa.</p> <p>➔ Sự cộng hưởng ngôn từ tạo ra tính đa thanh, đa giọng điệu, đa nghĩa cho lời văn..., tạo hiệu quả giao tiếp cao.</p>
---------------------	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Hs vận dụng kiến thức đã học để nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện qua ngữ liệu, đánh giá được hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói.
- Vận dụng kiến thức để tạo lập một đoạn văn bằng ngôn ngữ viết, nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.

b. Nội dung: Làm bài tập 3, 4 trong SGK

c. Sản phẩm: Bài tập đã hoàn thiện của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ

Bài tập 3 (Nhóm 1, 2)

GV trình chiếu video, yêu cầu học sinh quan sát và trả lời các câu hỏi

- + Nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện trong đoạn hội thoại.
- + Đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói.

Bài tập 4 (Nhóm 3, 4)

GV yêu cầu hs thể hiện nội dung cuộc hội thoại ở bài tập 3 bằng ngôn ngữ viết, nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày kết quả.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

HS đánh giá đồng đẳng, gv nhận xét, chốt lại

Bảng kiểm đánh giá kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn.	
2	Đoạn văn thể hiện được nội dung cuộc hội thoại, thể hiện được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết.	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có tính liên mạch, không còn gạch đầu dòng biểu thị từng lượt lời của các nhân vật.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	

4. củng cố: GV nhấn mạnh và chốt lại hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng ngôn ngữ

5. HDVN: HS hoàn thiện các bài tập vào vở.

Tiết

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Con người với cuộc sống xung quanh

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh.
- Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lý lẽ sắc bén và những bằng chứng phù hợp, sinh động
- Dẫn được những ý kiến trái chiều về vấn đề, Thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lý lẽ sắc bén và bằng chứng phù hợp, sinh động
- Dẫn được những ý kiến trái chiều có thể có vì vấn đề được bàn luận để phản bác nhằm củng cố lực lượng bài viết
- Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề

2. Về năng lực:

Năng lực tạo lập văn bản, Năng lực tư duy, năng lực làm việc cá nhân, năng lực phản biện

3. Về phẩm chất:

Chủ động, sáng tạo, có thái độ rõ ràng đối với những ý kiến trái chiều

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập

2. Học liệu:

SGK, SGV, vở ghi, bài giảng điện tử

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

GV: Chúng ta đã học những chủ đề nghị luận xã hội nào ở lớp 10? Cấu trúc của bài nghị luận ấy gồm những phần nào?

HS trả lời: Nghị luận thuyết phục

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS hào hứng với kiểu bài nghị luận xã hội
- HS nhớ lại các nguyên tắc, cấu trúc làm bài nghị luận xã hội

b. Nội dung:

- Con người và cuộc sống xung quanh luôn có nhiều vấn đề phức tạp, phong phú cần được phát hiện, bàn luận, đánh giá và có giải pháp phù hợp
- Có năng lực dùng kiểu bài nghị luận xã hội để phản ánh, trình bày quan điểm cá nhân trước vấn đề

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-HS quan sát một số hình ảnh và xem video</p> <p>-Gọi tên vấn đề xuất hiện trong mối quan hệ giữa con người với cuộc sống tương ứng mà mỗi bức hình thể hiện</p> <p>-Đề xuất kiểu bài phù hợp nếu cần viết bài thuyết phục về vấn đề đó</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS xem, gọi tên vấn đề, trình bày kiểu bài phù hợp với vấn đề và thuyết phục</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>-Các cá nhân phát biểu, nhận xét cho ý kiến</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>-Học sinh đưa ra đáp án phù hợp</p> <p>-Học sinh lựa chọn kiểu bài phù hợp là nghị luận xã hội</p>	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh.
- Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lí lẽ sắc bén và những bằng chứng phù hợp, sinh động.
- Dẫn được những ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận để phản bác nhằm củng cố lập luận của bài viết
- Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề

b. Nội dung:

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi -Yêu cầu của bài văn nghị luận về con người với cuộc sống xung quanh có điểm gì chung và riêng với các kiểu bài văn nghị luận mà em đã viết? -Theo em, những vấn đề của đời sống được bàn đến có thể là những vấn đề nào?	1. Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh 2. Thể hiện rõ quan điểm thông qua hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng phù hợp, sinh động 3. Dẫn được những ý kiến trái chiều và phản bác lại để củng cố lập luận của bài viết
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện theo hình thức nhóm đôi B3. Báo cáo thảo luận: Đại diện một số nhóm trình bày HS còn lại lắng nghe	4. Rút ra ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: -HS các nhóm nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, chốt kiến thức	

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**a. Mục tiêu:**

- Xác định cấu trúc bài viết và hệ thống luận điểm
- Biết cách triển khai vấn đề và rút ra tác dụng viết cơ bản

b. Nội dung:

- Vấn đề trong đời sống mà bài viết tập trung bàn luận
- Những luận điểm đã được tác giả triển khai và mối quan hệ giữa các luận điểm đó
- Xác định các lí lẽ, bằng chứng người viết đã sử dụng
- Ý kiến bổ sung cho bài viết

c. Sản phẩm:**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	II/ Phân tích bài viết tham khảo
-Thảo luận theo nhóm - phương pháp mảnh ghép (mỗi tổ tương ứng 1 nhóm)	1. Vấn đề được bàn luận
-Thời gian: 7 phút	-Lắng nghe
-Nội dung:	-Đời sống thường nhật, con người cần biết lắng nghe “những tiếng thì thầm” – tiếng nói, tiếng lòng thâm kín và cả thế giới tự nhiên mà cần đến sự chủ động, tinh tế từ phía người nghe khi tiếp nhận những thanh âm đó
+Nhiệm vụ chung: các tổ đều tìm vấn đề được bàn luận	2. Hệ thống luận điểm và quan hệ giữa những LD
+Nhiệm vụ riêng: làm rõ hệ thống luận điểm - luận cứ- dẫn chứng của mỗi luận điểm	-LD1: Bàn về nghĩa của từ “lắng nghe”
Tổ 1: LD 1, 2	-LD2: Bàn về việc lắng nghe nỗi buồn bui của con người
Tổ 2: LD 3	-LD3: Bàn về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên qua trải nghiệm
Tổ 3: LD 4	-LD 4: Phản bác ý kiến trái chiều
Tổ 4: LD 5	-LD5: Bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe
B2. Thực hiện nhiệm vụ:	=>Quan hệ giữa các luận điểm rất logic (định nghĩa (LD1) -> biểu hiện (LD 2, 3) -> phản bác lại ý kiến trái chiều (LD4) -> Khẳng định tầm quan trọng của việc lắng nghe (LD5)
HS thảo luận trả lời câu	3. Lí lẽ và bằng chứng
	Vd: Lí lẽ và bằng chứng làm rõ LD4 – Phản bác ý kiến trái chiều
	-Nêu ra ý kiến trái chiều: Vì những âm thanh ấy quá bé nhỏ nên

<p>hỏi theo nhiệm vụ được phân công cho mỗi tổ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>-Trình bày: đại diện mỗi tổ</p> <p>-Sản phẩm: sơ đồ hoặc bảng thể hiện được hệ thống Luận điểm - luận cứ - dẫn chứng</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>-GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức</p>	<p>chúng ta có thể bỏ qua do cuộc sống còn nhiều điều cần lo lắng</p> <p>-Dẫn chứng:</p> <p>“Nhưng có phải vì sự “bé mọn” của những tiếng thì thầm ấy mà ta có thể bỏ qua chúng, bởi cuộc sống này còn biết bao điều...”</p> <p>-Lí lẽ phản bác: Nếu không biết lắng nghe tiếng nói nhỏ bé của cuộc sống thì</p> <p>+ Cuộc đời này có thể trở nên nhạt nhẽo hoặc chỉ toàn những âm thanh ồn ã, chat chúa</p> <p>+ Mỗi con người sẽ tẻ nhạt, cô đơn giữa cuộc sống đông đúc, náo nhiệt.</p> <p>-Dẫn chứng: các chi tiết còn lại</p> <p>4. Ý kiến bổ sung của người đọc</p> <p>-Bàn thêm về việc làm thế nào có thể lắng nghe</p> <p>-Mở rộng thêm bài học khi liên hệ cá nhân</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết theo các bước)

a. Mục tiêu: HS thực hiện được các công việc sau:

- Chọn được đề tài, tìm ý, lập dàn ý
- Triển khai bài viết
- Chỉnh sửa, hoàn thiện bài theo hướng dẫn của GV

b. Nội dung:

-GV hướng dẫn HS chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý và triển khai bài viết

c. Sản phẩm:

-Bài viết nghị luận về một vấn đề xã hội

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>HS đọc phần “Chuẩn bị viết” trong SGK</p>	<p>II/ Thực hành viết</p> <p>1) Đề tài</p> <p>Phải chăng sống ảo có nguy</p>

<p>HS trả lời câu hỏi sau để tìm ý tưởng vấn đề bàn luận</p> <p>Suy nghĩ tìm hiểu những vấn đề gì diễn ra trong nhà trường, gia đình và môi trường xung quanh thường khiến em có trăn trở, suy nghĩ.</p> <p>Phát biểu vấn đề đó bằng một mệnh đề</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>-HS làm việc cá nhân, nhóm (5 phút)</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: (2 phút)</p> <p>-Một số HS trình bày qua hình ảnh, video hoặc diễn tả hoạt cảnh tình huống nhỏ tại lớp</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, chọn một vấn đề để HS thực hiện triển khai</p>	<p>cơ đánh mất giá trị thực?</p>
--	---

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm				
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p>	<p>2.Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>a)Tìm ý thông qua việc trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết bàn luận về vấn đề gì ? (Có thể dẫn dắt, đặt vấn đề bằng một câu hỏi) - Vấn đề được bàn luận ở những khía cạnh nào? Tác động tích cực/ tiêu cực của mỗi khía cạnh đối với đời sống con người như thế nào? - Những lí lẽ, bằng chứng nào cần đưa ra để làm rõ cho mỗi luận điểm? - Vấn đề có ý kiến trái chiều nào? Ý kiến - lí lẽ, dẫn chứng dùng để phản bác là gì ? - Việc bàn luận đem tới ý nghĩa gì? (Đối với cá nhân và cộng đồng xã hội) <p>b) Dàn ý - cấu trúc bài</p> <table> <tr> <td>Mở bài</td><td>Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể n... một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi n...</td></tr> <tr> <td>Thân bài</td><td>Dùng lí lẽ và bằng chứng để: - Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn luận v... người viết.</td></tr> </table>	Mở bài	Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể n... một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi n...	Thân bài	Dùng lí lẽ và bằng chứng để: - Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn luận v... người viết.
Mở bài	Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể n... một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi n...				
Thân bài	Dùng lí lẽ và bằng chứng để: - Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn luận v... người viết.				

	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau, bàn về vấn đề. - Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều. - Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề hoặc cộng đồng.
<i>Kết bài</i>	Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, động,...).

c)Dàn ý minh họa

I. Mở bài:

- Sự ra đời của các trang mạng xã hội, tiêu biểu nhất là Facebook, dần mang con người rời xa khỏi thế giới thực tại mà đắm chìm vào thế giới ảo, ngày càng có nguy cơ đánh mất những giá trị thực trong cuộc sống.

II. Thân bài:

* Khái niệm “Sống ảo”

- Lối sống chuộng hình thức, thậm chí nói hơi nặng lời thì đó là một cuộc sống toàn dối lừa..

- Facebook, sau là Instagram, Twitter, Zalo,... chính là các công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc “ảo” của các tín đồ “sống ảo”.

- “Giá trị thực” ở đây mang hàm nghĩa rất rộng, bao gồm tất cả những gì ngoài cuộc sống thực của con người, cả niềm vui, nỗi buồn, từ những điều tốt đẹp cho đến những góc xấu xí nhất trong tâm hồn. Đó là thứ phản ánh rõ ràng nhất nhân cách, đạo đức và tâm hồn của một cá nhân.

* Thực trạng sống ảo:

- Nhưng có một điều rất đáng quan ngại rằng dường như con người đang dần rời xa những “giá trị thực” để chăm chăm vào việc “sống ảo” nhiều hơn.

+ Thích kết bạn qua mạng, yêu qua mạng

+ Xây cho mình những cái vỏ tuyệt vời, là nơi để thỏa sức thể hiện bản thân, bằng cách khoe khoang sự giàu có, sự hạnh phúc, phô bày vẻ đẹp của bản thân, để mong được sự chú ý.

+ Ai cũng tự tin bày tỏ quan điểm ý kiến, sẵn sàng chửi rửa lăng nhục, cười nhạo một cá nhân nào khác, để lại những tổn thương tâm lý sâu sắc cho nạn nhân, gây ra những hậu quả nghiêm trọng, khiến nạn nhân, chán chường, trầm cảm, tự tử.

+ Tạo scandal, phát ngôn gây sốc để nổi tiếng, chia sẻ những thông tin phản cảm, văn hóa phẩm đồi trụy một cách tràn lan mà chẳng quan tâm ai sẽ bắt gặp chúng, họ chỉ cần biết mình được tung hô, tán tụng, được bao nhiêu “like”, bao nhiêu “comment”, còn ai như nào không cần quan tâm.

*** Hậu quả:**

+ Ảo tượng giá trị của bản thân, dễ dàng suy sụp chỉ vì một lời chê bai

+ Quên thực tại cuộc sống vốn khó khăn như nào, quên đi hết những tình cảm quý giá như tình thân, tình cảm giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên.

+ Họ trở nên vô cảm, vô tâm, không còn quan tâm đến thế giới thực tại, từ chối hòa nhập vào xã hội thực tế, dẫn tới khi bước vào làm việc, mưu sinh họ bị chông chênh, không có kinh nghiệm sống và ứng xử, nên rất dễ bị đào thải, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống tương lai.

+ Khiến cho tâm hồn con người trở nên nghèo nàn, kiến thức và vốn sống hạn hẹp, cả thế giới chỉ thu lại vào trang mạng xã hội, khiến con người trở nên lười biếng, lãng phí thời gian, bỏ qua nhiều cơ hội tu dưỡng, nâng cao tri thức, thay đổi bản thân.

***Phản bác ý kiến trái chiều**

-“Sống ảo đem lại cảm xúc vui cho cá nhân nên không cần thiết phải từ bỏ”

-Sống ảo đúng sẽ khiến ta vui nhưng việc khoe trên mạng xã hội góp phần tạo dựng tô hồng cuộc sống thực, góp phần làm sai lệch cái nhìn cuộc sống, ảnh hưởng tới tâm lý mọi người – so sánh, áp lực,...

-Xa rời thực tế, mất đi thời gian đáng lẽ dành cho việc hoàn thiện bản thân được như giá trị ảo

-Lâu dần tâm trạng bị phụ thuộc vào thế giới ảo

*** Bài học:**

- Nhận thức được tác hại của việc “sống ảo”, mỗi cá nhân chúng ta cần ý thức được hành động của bản thân.

	<p>- Mạng xã hội không xấu, thậm chí có rất nhiều lợi ích, nhưng chúng ta phải biết sử dụng sao cho hợp lý, đừng có đắm chìm vào đó, mãi mê xây dựng những giá trị “ảo”, mà bỏ rơi những “giá trị thực”.</p> <p>- Đừng để việc “sống ảo” dần giết chết cả tâm hồn và thể xác chúng ta, hãy biết cách tận dụng mạng xã hội một cách hiệu quả nhất, đừng chỉ mãi mê chạy theo những xu hướng, trào lưu và ảo tưởng về bản thân.</p> <p>III. Kết bài:</p> <p>- Hiện tượng sống ảo, đặc biệt là ở giới trẻ đang dần kéo con người rời xa và đánh mất đi những giá trị thực, có ý nghĩa cho cuộc đời.</p> <p>- Hãy có những nhận thức đúng đắn và biết cân bằng giữa thế giới ảo và thế giới thực</p>
--	---

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-Chỉnh sửa Mở bài nếu vấn đề chưa được nêu rõ</p> <p>-Kiểm tra lí lẽ, bằng chứng</p> <p>-Xem xét sự khái quát nghĩ của việc bàn luận vấn đề ở phần Kết bài xem đã đạt chưa</p> <p>-Bổ sung những ý còn sơ sài</p> <p>-Kiểm tra liên kết đoạn, câu trong bài viết, bổ sung nếu còn thiếu</p> <p>-Soát lỗi chính tả và lỗi diễn đạt, sửa lại.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện bài viết theo hình thức cá nhân hoặc trao đổi với bạn cùng bàn</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>Một số bài viết đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p>	<p>Đối chiếu bài viết với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập, phát hiện những vấn đề cần chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện</p>

GV đọc một số bài đã hoàn thành, nhận xét và rút kinh nghiệm cho HS	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết những ưu nhược điểm trong bài viết của mình
- Học sinh nhận ra những lỗi sai, những điểm cần điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện bài viết

b. Nội dung:

- Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài
- Nhận xét kết quả viết và yêu cầu học sinh chỉnh sửa bài viết

c. Sản phẩm: Bài viết sau khi sửa chữa, bổ sung và hoàn thiện

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-Nhắc lại đặc điểm chung của kiểu bài nghị luận về một vấn đề của cuộc sống thường nhật; những đòi hỏi cụ thể của kiểu bài này</p> <p>-Xem kĩ nhận xét của GV về lựa chọn và triển khai vấn đề, kĩ năng viết bài, cách trình bày và diễn đạt</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS trả lời cá nhân</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>HS trình bày bài viết sau khi sửa theo hướng dẫn của GV</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV đánh giá bài làm đã hoàn thiện sau khi sửa của HS</p>	<p>1 Nhận xét về ưu khuyết điểm</p> <p>a. Ưu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Một số bài viết bộc lộ được quan điểm cá nhân về vấn đề, biết dẫn dắt phân tích vấn đề, lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục – Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp. <p>b. Khuyết điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Một số bài viết rất chung chung, không có dấu ấn cá nhân. – Nhiều bài trình bày cẩu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ <p>2. Đọc và phân tích bài viết ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá</p> <p>3. Trả bài viết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tiếp thu ý kiến của HS.

– Chính sửa (nếu có)

4. củng cố: GV nhấn mạnh lại những yêu cầu của kiểu bài, những lỗi nhiều học sinh mắc phải và cách khắc phục trong triển khai lập luận, trình bày và diễn đạt

5. HDVN:

-Đọc một số bài làm tốt của các bạn trong lớp, rút kinh nghiệm

-Ghi nhớ yêu cầu, cấu trúc của kiểu bài nghị luận xã hội về vấn đề xã hội

Phụ lục

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu bài Sai phương thức thuyết minh	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Bài viết gợi ý

Xã hội càng phát triển, khoa học công nghệ càng hiện đại thì cuộc sống con người cũng càng phức tạp, giả dối. Những năm gần đây, khái niệm sống ảo đã ra đời và ngày càng trở nên phổ biến, quen thuộc đối với mọi người, đặc biệt là giới trẻ. Có thể nói, việc sống ảo làm có nguy cơ đánh mất các giá trị thực. Ý kiến ấy là rất đúng về hiện tượng này.

Sống ảo là việc con người sống khác, khác bản thân mình, khác thực tế. Có thể coi sống ảo là một dạng phô bày không giống với sự thật lắm. Sống ảo thường được thể hiện qua các phương tiện của mạng xã hội như facebook, instagram, zalo, twitter, weibo. Trên những trang mạng xã hội này người ta thường xuyên đăng tải những bức hình khác thực tế, những dòng trạng thái status cũng khác thực tế nhằm đánh lạc hướng suy nghĩ và nhận thức của mọi người.

Có thể thấy việc sống ảo nhiều nhất là khi các bạn trẻ sử dụng các công cụ make up, chụp hình, chỉnh hình làm đẹp rồi đăng tải trên mạng xã hội khiến mọi người lầm tưởng về vẻ đẹp, ngoại hình của mình. Rồi họ đăng tải những dòng trạng thái cũng giả dối để đánh lừa mọi người chẳng hạn như là “Đang ở một nơi rất xa” (thực ra là ở nhà), “Rảnh được đưa đi ăn” (thực ra là tự đi)... Những người sống ảo đăng hình và trạng thái thường nhằm mục đích PR cho bản thân mình, khoe khoang về bản thân: ngoại hình, thành tích, sự giàu có, sự nổi tiếng... Người ta đăng hình ảnh, trạng thái từ không đúng lắm so với thực tế cho đến khác xa thực tế, sai sự thực hoàn toàn để được mọi người, bạn bè trên mạng xã hội trầm trồ, thán phục, khen ngợi.

Sống ảo có tính chất lây lan và gây nghiện. Người sống ảo lâu dần hình thành một thói quen khó bỏ. Trước khi ăn bao giờ cũng phải lôi điện thoại ra chụp lại hình, đi chơi ở đâu bao giờ cũng chụp hình post facebook đầu tiên. Thậm chí trong những hoàn cảnh không phù hợp cũng lôi điện thoại ra check in sống ảo. Thế giới ảo bao quanh chúng ta, khiến mọi người không còn phân biệt được. Dần dần con người quên đi những giá trị thực tế, quên đi những điều rất bình dị trong cuộc sống. Sống ảo dẫn con người đến những giá trị giả dối, khiến con người dần quên mất thực tại, nhầm lẫn giữa thực tại và thế giới ảo. Nhiều người lợi dụng các công cụ mạng xã hội để bán hàng, lừa lọc bằng những hình ảnh, lời lẽ văn hoa, hào nhoáng. Rất nhiều chàng trai, cô gái đã tỏ ra vô cùng bất ngờ khi người bạn mình gặp gỡ quen biết qua mạng xã hội lại khác xa thực tế. Người ta thất vọng, chê bai thậm chí là làm nhục nhau. Bởi vì quen biết nhau qua những thước hình lung linh trên mạng, không ít bạn trẻ đã bị lừa lọc, bị dụ dỗ dẫn đến những sự cố đáng tiếc có thể xảy ra.

Bởi vì hiện tượng sống ảo đang ngày càng trở nên phổ biến nên con người cũng dần đa nghi với những gì xảy ra quanh mình. Nhìn một tấm hình, nghe một lời quảng cáo, người ta thường hỏi “Có thật không đây”, “ở ngoài thế nào”... Có lẽ, vì sống ảo nhiều nên chính ta cũng đang dần mất niềm tin vào con người và dễ thất vọng với những gì xung quanh.

Mạng xã hội là một công cụ hữu ích, làm đẹp mình cũng là việc nên làm nhưng nếu cứ sống ảo, cứ giả dối như vậy sẽ chỉ khiến chúng ta dần làm mất đi giá trị thật của chính bản thân mình. Vì vậy mỗi người cần sáng suốt, tỉnh táo và nên bài trừ việc sống ảo, hãy để những gì chân thật được trở lại là chính nó.

TIẾT.....

TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận.
- Trình bày ý kiến bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng, phân tích và đánh giá cụ thể)
- Rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá.

2. Về năng lực

2.1 Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh.

2.1 Năng lực chuyên biệt

- *Nói*: Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một vấn đề xã hội.
- *Nghe*: Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- *Nói nghe tương tác*: Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

3. Về phẩm chất:

- Biết tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác trước một vấn đề xã hội xã hội cụ thể.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

- 1. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.
- 2. Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV: chuẩn bị clip về một bài đánh giá, bàn luận một vấn đề xã hội đang được quan tâm.

HS: xem clip

c. Sản phẩm:

- Bài viết đã chuẩn bị ở nhà của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Cho HS xem clip và đặt câu hỏi: “Hãy xác định vấn đề đang được bàn luận, đánh giá ở đây là gì?”</p> <p>https://youtu.be/tpmgADc4j8w</p> <p>HS: xem clip và dự trù câu trả lời</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS xem clip và tìm câu trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>HS trả lời câu hỏi của GV</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV dẫn dắt vào bài học: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau.</p>	<p>Phần xem clip và câu trả lời của HS</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu hoạt động:

- HS trình bày được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận
- HS trình bày được ý kiến của bản thân về vấn đề; rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá.

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các yêu cầu, thao tác chuẩn bị nói và nghe
- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm:

- Phần chuẩn bị của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

1. Tìm hiểu yêu cầu của bài nói.

a. Mục tiêu hoạt động:

- Biết được cách tham gia cuộc thảo luận, trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các yêu cầu, của bài nói.

c. Sản phẩm:

- Phần thảo luận, chuẩn bị của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS				DỰ KIẾN SẢN PHẨM									
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập				I. TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI - Nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận. - Làm rõ được bản chất, vai trò của của vấn đề trong đời sống xã hội. - Trình bày ý kiến bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng, phân tích và đánh giá cụ thể) , biết đánh giá, phân tích ý kiến của người khác. - Rút ra được ý nghĩ của việc đánh giá, bình luận về vấn đề - Thể hiện sự tôn trọng ý kiến, quan									
GV hướng dẫn thể loại bài nói.													
GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ													
<table><tr><th colspan="3">Chuẩn bị nói</th><th rowspan="2">Chuẩn bị nghe</th></tr><tr><th>Lựa chọn đề tài</th><th>Tìm ý và sắp xếp ý</th><th>Xác định từ ngữ then chốt</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>			Chuẩn bị nói			Chuẩn bị nghe	Lựa chọn đề tài	Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt				
Chuẩn bị nói			Chuẩn bị nghe										
Lựa chọn đề tài	Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt											
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ													
HS lắng nghe và lưu ý để xem lại phần chuẩn bị bài nói của mình.													
Bước 3: Báo cáo kết quả													

- HS báo cáo kết quả Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận	điểm của người khác trước một vấn đề xã hội
--	---

2. Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu:

- Soát lại được bài nói của mình trước khi đưa ra thảo luận.
- Xác nhận lại đề tài thảo luận.
- Chuẩn bị sẵn sàng tâm thế để trình bày ý kiến trước tập thể.

b. Nội dung

- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm

- PHT thu thập từ HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập <ul style="list-style-type: none"> ● Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kỹ phần nội dung chuẩn bị ● HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân ● HS thực hành lập dàn ý và nói theo phiếu ht. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói theo chủ đề	1. Chuẩn bị nói <p>a. Lựa chọn đề tài: Khi lựa chọn đề tài cho bài nói, HS có thể tham khảo những vấn đề đã được gợi ý ở phần Viết hoặc các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải chăng việc thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng sẽ mâu thuẫn với quyền của cá nhân? - Thế hệ trẻ với vấn đề hiến máu nhân đạo. - Quan niệm về du học thế nào cho đúng? - Học đại học có phải là con đường duy nhất để kiến tạo tương lai? <p>b. Tìm ý và sắp xếp ý</p> <p>Nếu chọn vấn đề đã giải quyết ở phần Viết, cần xem lại dàn ý đã lập, đối chiếu với nội dung bài nói để xác định hệ thống ý. Ghi lại theo kiểu gạch đầu dòng hoặc đánh số thứ tự các ý để xây dựng dàn ý cho bài nói.</p>
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm	
Bước 4. Kết luận, nhận định	

Giáo viên chốt những kiến thức

Nếu chọn vấn đề khác, cần nghiên cứu kĩ đề tài, nhận thức đúng bản chất của vấn đề, các nội dung cụ thể cần đánh giá, bình luận. Có thể nêu một số câu hỏi, suy nghĩ và tự trả lời để tìm ý. HS có thể tham khảo dàn ý sau đây:

- Theo thống kê của bộ Lao động và xã hội, quý 4 năm 2017 cả nước có 1.071,2 nghìn lao động trong độ tuổi thất nghiệp, trong đó có 215,3 nghìn người có trình độ đại học trở lên bị thất nghiệp. Câu hỏi đặt ra là: “Vào đại học có phải con đường tiến thân duy nhất của tuổi trẻ ngày nay?”. Đây là vấn đề đang được xã hội quan tâm vì nó có liên quan mật thiết tới tương lai của thế hệ học sinh của chúng ta và trên con đường lựa chọn theo đuổi đích đến ước mơ của mình.

Vào đại học là con đường đáng mơ ước, mở ra nhiều cơ hội

- Khi vào đại học, nếu thực sự có năng lực, khi ra trường sẽ có nhiều cơ hội việc làm hơn.

- Học đại học sẽ tạo nền tảng kiến thức vững chắc để sau này có thể tiến xa hơn, vận dụng nó vào trong công việc hiệu quả.

Nhưng vào đại học không phải con đường tiến thân duy nhất

- Tuy nhiên tấm bằng đại học không phải tấm vé bước vào đời để bạn muốn đến đâu tùy thích, đó chỉ là yếu tố nhỏ góp phần tạo cơ hội cho bạn trong cuộc sống.

- Sự thành công không phụ thuộc hoàn toàn vào thành tích học tập ở đại học mà phụ thuộc vào năng lực thực tế của mỗi người khi bước vào đời.

- Trên thực tế, ở một số ngành, cơ cấu đào tạo chưa căn cứ vào cơ cấu sử dụng nhân lực thực tiễn, dẫn đến tình trạng thừa thầy thiếu thợ.

- Trên thực tế, cuộc sống cũng chính là một trường đại học rộng lớn, dạy cho con người biết nhiều vấn đề thực tiễn, ở đó con người không học thông qua lí thuyết mà qua trải nghiệm.

- Nhiều người đã thực sự thành công mà không cần bước chân vào con đường đại học. (Lấy VD dẫn chứng)

- Vấn đề đặt ra là chúng ta sẽ là người quyết định đến việc học hay không học đh. Tùy vào khả năng và định hướng bản thân để xây dựng cho mình con đường đi

phù hợp. Học đại học k phải con đường duy nhất để thành công, nhưng là con đường ngắn nhất để đi tới thành công. Nhưng nếu mù quáng chen chân vào đại học rồi mới phát hiện nó không thật sự phù hợp đó là lãng phí thanh xuân, lãng phí tiền bạc.

- Chúng ta có thể lựa chọn cho mình con đường thích hợp khác, như học nghề, tập tành kinh doanh,...

- Ví dụ về những người thành công mà không cần học đại học: Henry Ford, Steve Jobs, Michael Dell, Bill Gates,...

- Tuy nhiên quan trọng nhất vẫn là chúng ta phải thực sự cố gắng với lựa chọn mình đã đặt ra thì mới có thể thành công được.

2. Thực hành nói

Bám sát dàn ý đã chuẩn bị để thực hiện bài nói một cách tự tin. Chủ động tăng cường tương tác với người nghe, đảm bảo đúng thời gian quy định.

- Mở đầu: Nêu vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận.

- Triển khai:

+ Phân tích, diễn giải để làm rõ bản chất vấn đề.

+ Nêu rõ ràng, cụ thể ý kiến đánh giá của bản thân về vấn đề (có lí lẽ và bằng chứng cụ thể).

+ Đối thoại với những ý kiến khác biệt để củng cố quan điểm của mình về vấn đề.

- Kết luận: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá, bình luận về vấn đề.

*Lưu ý: Điều chỉnh giọng nói phù hợp, kết hợp giữa lời nói và các phương tiện phi ngôn ngữ; sử dụng PowerPoint (nếu có) và các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ khác.

Phụ lục 1. Phiếu thực hành nghe – nói

Chuẩn bị nói	
Lựa chọn đề tài:	
Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động:

- Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe

b. Nội dung thực hiện

HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubric chấm

c. Sản phẩm:

- Phần trình bày bài nói – nghe của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																														
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Giáo viên giao nhiệm vụ</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thực hành nói – nghe</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình .</p> <p>Người nghe và người nói tiến hành trao đổi, thảo luận, trình bày theo bảng kiểm và rubric chấm</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>Bảng kiểm thảo luận.</p> <div><p><i>Bảng kiểm thảo luận</i></p><table><tr><th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr><tr><td><ul style="list-style-type: none">Nắm bắt được những thắc mắc của người nghe để giải đáp thỏa đáng; tiếp thu ý kiến của người nghe để có những điều chỉnh cần thiết.Khẳng định lại những quan điểm mà bản thân cho là có đầy đủ cơ sở.</td><td><ul style="list-style-type: none">Chủ động nêu ý kiến thảo luận (thắc mắc cần được giải đáp; cách hiểu khác về bản chất vấn đề; quan điểm khác với người nói trong đánh giá, bình luận về vấn đề,...).Cần hướng thảo luận vào cả hai khía cạnh: nội dung và cách thức trình bày của người nói.</td></tr></table></div> <p>Rubric chấm:</p> <div><p><i>Rubric đánh giá bài nói</i></p><table><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung đánh giá</th><th colspan="2">Kết quả</th></tr><tr><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>1</td><td>Chọn được vấn đề thu hút được sự quan tâm của xã hội để nêu ý kiến.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Ý kiến đánh giá, bình luận về vấn đề được trình bày mạch lạc, rõ ràng.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Trình bày đúng bản chất của vấn đề.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).</td><td></td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian; duy trì tương tác với người nghe.</td><td></td><td></td></tr></table></div>	Người nói	Người nghe	<ul style="list-style-type: none">Nắm bắt được những thắc mắc của người nghe để giải đáp thỏa đáng; tiếp thu ý kiến của người nghe để có những điều chỉnh cần thiết.Khẳng định lại những quan điểm mà bản thân cho là có đầy đủ cơ sở.	<ul style="list-style-type: none">Chủ động nêu ý kiến thảo luận (thắc mắc cần được giải đáp; cách hiểu khác về bản chất vấn đề; quan điểm khác với người nói trong đánh giá, bình luận về vấn đề,...).Cần hướng thảo luận vào cả hai khía cạnh: nội dung và cách thức trình bày của người nói.	STT	Nội dung đánh giá	Kết quả		Đạt	Chưa đạt	1	Chọn được vấn đề thu hút được sự quan tâm của xã hội để nêu ý kiến.			2	Ý kiến đánh giá, bình luận về vấn đề được trình bày mạch lạc, rõ ràng.			3	Trình bày đúng bản chất của vấn đề.			4	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).			5	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian; duy trì tương tác với người nghe.		
Người nói	Người nghe																														
<ul style="list-style-type: none">Nắm bắt được những thắc mắc của người nghe để giải đáp thỏa đáng; tiếp thu ý kiến của người nghe để có những điều chỉnh cần thiết.Khẳng định lại những quan điểm mà bản thân cho là có đầy đủ cơ sở.	<ul style="list-style-type: none">Chủ động nêu ý kiến thảo luận (thắc mắc cần được giải đáp; cách hiểu khác về bản chất vấn đề; quan điểm khác với người nói trong đánh giá, bình luận về vấn đề,...).Cần hướng thảo luận vào cả hai khía cạnh: nội dung và cách thức trình bày của người nói.																														
STT	Nội dung đánh giá	Kết quả																													
		Đạt	Chưa đạt																												
1	Chọn được vấn đề thu hút được sự quan tâm của xã hội để nêu ý kiến.																														
2	Ý kiến đánh giá, bình luận về vấn đề được trình bày mạch lạc, rõ ràng.																														
3	Trình bày đúng bản chất của vấn đề.																														
4	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).																														
5	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian; duy trì tương tác với người nghe.																														

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói

b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp

c. Sản phẩm:

- Phần bản luận của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

Ngày soạn:

BÀI 3: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Thời gian thực hiện: 10 tiết

(Đọc: 06 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG**1. Về kiến thức:**

- Phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.

- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; vai trò của các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm trong văn bản nghị luận.

- Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn.
- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).
- Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.

2. Về năng lực: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

3. Về phẩm chất: Có thái độ trung thực, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

VĂN BẢN 1: CẦU HIỀN CHIẾU

(*Chiếu cầu hiền* - Ngô Thì Nhậm)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Biết được đặc điểm của chiếu như một thể loại văn học nghị luận đặc thù của thời trung đại. Cũng như hịch và cáo, chiếu thuộc thể loại văn bản chức năng, được viết và ban bố bởi những người đứng đầu nhà nước, nhằm mục đích điều hành xã hội.
- Hiểu, chiếu cũng được tạo nên bởi các thành tố như bất kì văn bản nghị luận nào khác. Qua việc đọc, HS nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm được triển khai từ luận đề, lí lẽ và các bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm, các thành tố hỗ trợ làm tăng sức thuyết phục cho văn bản.
- Hiểu được tài năng xuất sắc trong việc viết văn nghị luận của Ngô Thì Nhậm thể hiện qua *Chiếu cầu hiền*- văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho ông viết.

2. Về năng lực: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

3. Về phẩm chất: Có thái độ, trách nhiệm với đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:**

- HS hứng thú với bài học.
- Huy động những trải nghiệm và kiến thức liên quan nội dung chủ đề bài học.

b. Nội dung: HS huy động hiểu biết để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu chuyện về chiêu mộ hiền tài có trong lịch sử.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV đặt câu hỏi:</p> <p>1. Có không ít câu chuyện thú vị về việc vua chúa hay lãnh đạo đất nước muốn chiêu mộ hiền tài ra gánh vác trọng trách quốc gia. Hãy chia sẻ một câu chuyện mà bạn biết?</p> <p>2. Trong công cuộc xây dựng đất nước, việc trọng dụng người tài có ý nghĩa như thế nào?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Hs suy nghĩ và thảo luận.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>HS lần lượt kể các câu chuyện.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét các câu chuyện HS kể, ghi nhận sự đóng góp tích cực của HS, dẫn dắt vào bài học: <i>Ở bất kì thời đại nào, việc trọng dụng người tài có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc xây dựng quốc gia. Bởi vì, có những việc hết sức khó khăn, trọng đại, chỉ những người tài năng, có tri thức,</i></p>	<p>- Lưu Bị, Quan Vân Trường, Trương Phi ba lần đến lều cỏ của Gia Cát Lượng để mời ông làm quân sư (<i>Tam quốc diễn nghĩa</i>)</p> <p>- Nguyễn Trãi được vua Lê Thái Tông mời ra giúp nước dù ông đã về quê ở ẩn.</p> <p>- Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 do chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã trọng dụng các nhân sĩ trí thức từng làm việc cho chế độ cũ.</p>

	<p>- Luận đề có chức năng định hướng triển khai luận điểm.</p> <p>- Luận điểm với sự thống nhất của lí lẽ và dẫn chứng làm rõ từng khía cạnh và thể hiện tính nhất quán của luận đề.</p> <p>→ Các thành tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.</p> <p>2. Yếu tố hỗ trợ trong VBNL</p> <p>- Các yếu tố hỗ trợ: Thuyết minh, tự sự, miêu tả, biểu cảm...</p> <p>- Tác dụng của các yếu tố hỗ trợ:</p> <p>+ Thuyết minh: Giải thích, cung cấp thông tin.</p> <p>+ Miêu tả: Tái hiện rõ nét, sinh động đối tượng.</p> <p>+ Tự sự: kể chuyện để làm bằng chứng.</p> <p>+ Biểu cảm: Bộc lộ cảm xúc, tình cảm.</p> <p>→ Tăng sức thuyết phục cho VBNL.</p>
--	--

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: CẦU HIỀN CHIẾU (Ngô Thì Nhậm)

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: HS biết cách khai thác thông tin trong SGK làm tiền đề khám phá văn bản.

b. Nội dung: Đọc thông tin về tác giả và văn bản trong SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: Yêu cầu HS đọc nhanh thông tin tác giả tác phẩm SGK/78.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Ngô Thì Nhậm (1764-1803), hiệu Hi Doãn.

<p>2. Tác giả: Họ tên, năm sinh năm mất. quê quán, dấu mốc cuộc đời, công lao.</p> <p>3. Tác phẩm:</p> <p>+ Thể loại</p> <p>+ Hoàn cảnh ra đời.</p> <p>+ Bố cục và mối quan hệ giữa các phần.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS đọc SGK, gạch chân ở những nội dung cần nhớ.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Hs trình bày sản phẩm. Gv tổ chức HS đánh giá nhận xét, góp ý, bổ sung hoàn thiện sản phẩm.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Gv đánh giá nhận xét kết quả làm việc của HS. Chốt kiến thức như mục <i>Dự kiến sản phẩm</i>.</p>	<p>- Người làng Tả Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc Thanh Trì- Hà Nội)</p> <p>- Là người học giỏi, đỗ đạt, từng làm quan cho chúa Trịnh.</p> <p>- Khi Lê- Trịnh sụp đổ, ông theo phong trào Tây Sơn , được vua Quang Trung tin nhiệm nhiều trọng trách và là người có công lớn đối với triều đại Tây Sơn.</p> <p>2. Văn bản</p> <p>- Thể loại: Chiếu.</p> <p>+ là một thể văn nghị luận chính trị xã hội thời trung đại thường do nhà vua ban hành.</p> <p>+ Xuống chiếu cầu hiền tài là một truyền thống văn hóa chính trị của triều đại phong kiến phương đông.</p> <p>Văn thể chiếu trang trọng, lời lẽ rõ ràng, tao nhã.</p> <p>- Hoàn cảnh ra đời:</p> <p>Khoảng năm 1788-1789, vua Quang Trung mới lên ngôi, giao cho Ngô Thì Nhậm viết bài chiếu cầu hiền thay mình</p> <p>- Bố cục: 4 phần.</p> <p>+ Phần 1: Theo lẽ xưa nay, người hiền phải phát huy tài năng, thể hiện vai trò của mình trong cuộc sống.</p> <p>+ Phần 2: Nhiều kẻ sĩ đang lánh đời, trong khi nhà vua mong gặp được người hiền tài.</p> <p>+ Phần 3: Những khó khăn của buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người hiền tài giúp nước.</p> <p>+ Phần 4: Nêu cách thức chiêu mộ, sử dụng người hiền tài.</p>
---	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản, mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề.
- Sự phù hợp giữa đối tượng, mục đích hướng tới với sự lựa chọn cách viết.

b. Nội dung:

HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

- HS hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày.

c. Sản phẩm:

- Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. GV: Gọi 1-2 HS đọc văn bản. GV nhắc HS trước khi đọc: - Nắm được bố cục văn bản qua đánh số trong văn bản. - Giọng đọc phù hợp với từng đoạn: Giọng tha thiết tình cảm ở đoạn 2,3; giọng hùng hồn mạnh mẽ ở phần 4 - Chú ý các thẻ hướng dẫn đọc bên phải văn bản để nắm được những thao tác nghị luận mà người viết sử dụng. - Xem chú thích cuối mỗi chân trang để hiểu nghĩa từ ngữ đầy đủ. 2. GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: - Xác định mục đích viết <i>Cầu hiền chiếu</i> ? - Đối tượng <i>Cầu hiền chiếu</i> hướng tới gồm những con người như thế nào? Họ	II. Khám phá văn bản 1. Mục đích, đối tượng bài chiếu - Mục đích: thuyết phục những người hiền tài ở chế độ cũ (nhà Lê) ra cộng tác với triều Tây Sơn do Quang Trung đứng đầu để xây dựng đất nước. - Đối tượng: Sĩ phu Bắc Hà. + Những người có học, có tài, từng gắn bó với triều Lê, ở những cương vị khác nhau. + Họ sống ẩn dật hoặc có thái độ bất hợp tác với triều đại mới. → Thử thách lớn đối với người viết.

có gì đặc biệt? Sự đặc biệt đó khiến tác giả phải suy tính những điều gì khi viết Cầu hiền chiếu?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ trả lời.

B3. Báo cáo thảo luận

Gv gọi HS báo cáo kết quả làm việc, cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung hoặc phản biện.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Gv nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm và đi đến thống nhất:

- Đối tượng mà Cầu hiền chiếu hướng tới là những người có học, có tài, từng gắn bó với triều đại nhà Lê, ở những cương vị khác nhau. Đó là những sĩ phu Bắc Hà theo cách hiểu của những người thời đó.

- Khi vâng mệnh vua Quang Trung soạn *Cầu hiền chiếu*, Ngô Thì Nhậm đối diện với những thử thách không nhỏ. Một mặt đó là nếp nghĩ “*tôi trung không thờ hai chủ*” đã ăn sâu vào ý thức của người sĩ phu. *Hoàng Lê nhất thống chí* kể lại, thời ấy có người trí thức tên Lý Trần Quán đã yêu cầu người thân chôn sống mình để tạ lỗi với chúa Trịnh Khải. Rõ ràng, ở thời điểm này, việc kêu gọi người hiền ra phò vua mới (Quang Trung) gánh vác việc nước là rất khó khăn.

- Mặt khác, trong ý thức của nhiều vị sĩ phu, triều đại mới của vua Quang Trung chưa được xem là chính thống, họ chưa có thiện cảm, thậm chí họ còn nơm nớp lo sợ khi biết mình thuộc lực lượng của triều vua cũ. Sử sách từng ghi lại nhiều cuộc thanh toán đẫm máu của triều mới đối với bề tôi của triều cũ, vì sợ đó là mầm mống của phản loạn. Trong bối cảnh ấy, dùng từ

chiếu để tạo được niềm tin, khiến cho những trí thức đẹp bỏ nghi kị, sẵn sàng cộng tác với triều Tây Sơn là chuyện vô cùng nan giải.

Nhiệm vụ 2:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.

Thời gian 5'. Hình thức điền vào phiếu học tập sau:

Luận đề: Cầu hiền tài.	
Luận điểm:	
Lí lẽ+ dẫn chứng	
Lí lẽ+ dẫn chứng	
Các yếu tố bổ trợ	
Nhận xét nghệ thuật lập luận:...	

Nhóm 1: Tìm hiểu luận điểm 1: **Quy luật xưa nay: người hiền phải bộc lộ tài năng vai trò của mình.**

Nhóm 2: Tìm hiểu luận điểm 2: **Thực trạng nhiều kẻ sĩ đang trốn tránh việc đời, trong khi vua mong mỏi gặp người tài.**

Nhóm 3: Tìm hiểu luận điểm 3: **Những khó khăn trong buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người tài giúp nước.**

Nhóm 4: Tìm hiểu luận điểm 4: **Cách thức chiêu mộ người hiền tài.**

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

2. Nghệ thuật lập luận.

* **Luận điểm 1: Quy luật xưa nay: người hiền phải bộc lộ tài năng vai trò của mình.**

- **Lí lẽ 1:** Triết lí người xưa: *Người hiền như ngôi sao sáng*→ Người hiền tài phải thể hiện tài năng.

- **Lí lẽ 2:** Quy luật vĩnh hằng của vũ trụ và

GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

B3. Báo cáo thảo luận

Các nhóm lần lượt trình bày

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

người hiền: *Sao sáng- châu về ngôi Bắc Thần; người hiền- ắt làm sứ giả cho thiên tử.* → Người hiền phải phụng sự vua, đề phò dân, giúp nước.

- **Lí lẽ 3:** Nêu phản đề: Nếu người tài che giấu tài năng, không được dùng là trái ý trời, trái quy luật. → Khẳng định tính chân lý và bất biến của quy luật xử thế của người tài.

=> Ngắn gọn, giàu sức thuyết phục, đứng trên quyền lợi của đất nước mà lập luận, đưa ra vấn đề có tính triết lý nên không ai có thể phủ nhận.

*** Luận điểm 2: Thực trạng nhiều kẻ sĩ đang trốn tránh việc đời, trong khi vua mong mỗi gặp người tài.**

- **Dẫn chứng 1:** kẻ sĩ ở ẩn ngòai khe, trốn tránh việc đời, những bậc tinh anh kiêu dè không dám lên tiếng, có kẻ gõ mõ canh cửa, ra biển vào sông, chết đuối trên cạn, lẩn tránh suốt đời. → Kẻ sĩ bất hợp tác với nhà Nguyễn, quay lưng với thời cuộc.

- **Dẫn chứng 2:** Vua *Ghé chiếu lắng nghe, ngày đêm mong mỗi.* → Nhà vua khiêm tốn, khắc khoải, thành tâm mong chờ.

=> Dẫn chứng thực tế, cách nói tế nhị, châm biếm nhẹ nhàng, lay động.

*** Luận điểm 3: Những khó khăn trong buổi đầu xây dựng triều đại mới và sự cần thiết phải có người tài giúp nước.**

- Dẫn chứng: Thằng thần thừa nhận bất cập của triều đại mới: Đất nước vừa mới bắt đầu triều đại mới; còn nhiều khó khăn: kỉ cương triều chính còn khiếm khuyết, công việc ngoài biên đương phải lo toan, dân còn mệt nhọc, đức hóa của vua chưa kịp thấm nhuần khắp nơi.

+ Lí lẽ: Suy luận logic, chạm đến chân lí

phổ biến, ai cũng phải thừa nhận: *Kìa như trời còn tăm tối thì đáng quân tử trở tài. Nay buổi đầu đại đình.. Nghĩ cho kĩ thì ..*

→ Người hiền tài phải ra phục vụ hết mình cho triều đại mới.

+ Yếu tố biểu cảm: *Trẫm nom nóp.., hướng nay trên dải đất văn hiến..., suy đi tính lại...*

→ lời gan ruột, chân thành, tha thiết cầu hiền tài hơn bao giờ hết nhưng cũng rất kiên quyết.

=> Lập luận chặt chẽ, logic, vừa đề cao, vừa thuyết phục người hiền, vừa châm biếm, vừa ràng buộc, vừa mở ra con đường cho người hiền ra giúp đời.

*** Luận điểm 4: Cách thức chiêu mộ người hiền tài.**

- Đường lối cầu hiền

+ Đối tượng: quan viên lớn nhỏ, thứ dân trăm họ.

+ Cách thức cầu hiền: Rộng mở, thiết thực, dễ thực hiện, an tâm.

→ Đường lối đúng đắn, thể hiện tầm nhìn xa trông rộng và tấm lòng vì nước vì dân của vua Quang Trung.

- Lời khuyên dụ

Khẳng định triều đại mới mở ra đang là thời “*trời trong sáng, đất thanh bình*” là cơ hội tốt cho người hiền thi thố tài năng, xây dựng nghiệp lớn, ghi tên mình vào lịch sử, để lại tiếng thơm muôn đời.

→ Lời lẽ chân thành, tha thiết có tác dụng khích lệ, động viên kẻ sĩ ra phò tá giúp đời.

<p>Nhiệm vụ 3:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Hs suy nghĩ trả lời câu hỏi: Điều gì tạo nên sức thuyết phục của <i>Cầu hiền chiếu</i>?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS suy nghĩ trả lời.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Gv gọi HS báo cáo kết quả làm việc, cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung hoặc phản biện.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, chuẩn kiến thức</p>	<p>3. Sức thuyết phục của bài Chiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư tưởng đúng đắn, quang minh chính đại thể hiện qua luận đề: Cần người hiền tài ra giúp nước. - Luận điểm rõ ràng, rành mạch, có quan hệ chặt chẽ với nhau. - Lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, thái độ chân thành, thể hiện sự thấu hiểu lòng người, lời mời gọi tha thiết.
---	--

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: HS khái quát nghệ thuật, ý nghĩa của VB

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi chia sẻ .
- HS thảo luận cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của HS và thẻ học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS thảo luận cặp đôi, ghi lại ý kiến trao đổi trên thẻ học tập</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách nói sùng cổ - Lời văn ngắn gọn, súc tích, tư duy sáng rõ, lập luận chặt chẽ, khúc chiết kết hợp với tình cảm tha thiết, mãnh liệt có

<p>- GV quan sát, khích lệ HS.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>- Cặp đôi chia sẻ trước lớp</p> <p>- HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>GV lưu ý HS cách đọc tác phẩm nghị luận</p>	<p>sức thuyết phục cả về lý và tình.</p> <p>2. Ý nghĩa văn bản:</p> <p>Thể hiện tầm nhìn chiến lược của vua Quang Trung trong việc cầu hiền tài phục vụ cho sự nghiệp dựng nước và khát vọng xây dựng đất nước vững mạnh.</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học

b. Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Kết quả của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:</p> <p>Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:</p> <p><i>Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt châu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy. (Trích Chiếu cầu hiền- Ngô Thì Nhậm)</i></p> <p>1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên.</p> <p>2/ Câu văn <i>Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời</i></p>	<p>1/ Nội dung chính của văn bản trên: Vai trò và sứ mệnh của người hiền đối với nhà vua và đất nước.</p> <p>2/ Hai câu trên sử dụng biện pháp tu từ so sánh : <i>người hiền- ngôi sao sáng ; thiên tử- sao Bắc Thần (tức Bắc Đẩu)</i></p> <p>Tác giả quan niệm về người hiền : tác giả ví người hiền như ngôi sao sáng. Quy luật vận động của các vì sao sáng là châu về Bắc Thần, mà Thiên tử là Bắc Thần. Như vậy, tác giả không chỉ đưa ra quan niệm về người hiền mà còn nêu rõ quy luật xử thế của người hiền : người hiền phải do Thiên tử sử dụng, nếu không làm như vậy là trái với đạo trời.</p> <p>3/ Việc xác định vai trò và nhiệm vụ của người hiền tài có tác dụng khẳng định việc chiêu hiền, cầu hiền của nhà vua là có cơ sở, có căn cứ, là hợp lòng trời, lòng người.</p>

<p><i>cao.Sao sáng ắt châu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử sử dụng biện pháp tu từ gì?</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thảo luận nhóm.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.</p>	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b. Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

1. Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung: Từ vai trò người hiền trong bài Chiêu, thí sinh hiểu được người hiền là người như thế nào ? Làm thế nào để có được người hiền để phục vụ cho đất nước hôm nay ? Từ đó, bản thân rút ra bài học nhận thức và hành động.

2. Sơ đồ tư duy bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

1. Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ vai trò của *người hiền* trong cuộc sống hôm nay.

2. Thiết kế sơ đồ tư duy bài học.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

4. củng cố:

- Tầm quan trọng của người hiền tài đối với đất nước.
- Nghệ thuật lập luận tạo sức thuyết phục trong bài văn nghị luận.

5. HDVN:

Chuẩn bị bài: “*Tôi có một ước mơ*”- Martin Luther King.

Ngày soạn: 28/07/2023

BÀI CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Tiết

VĂN BẢN 2: TÔI CÓ MỘT ƯỚC MƠ

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua bài diễn văn, từ đó, khái quát được các yếu tố tạo nên sức lay động lớn của bài viết.
- Phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, trình bày được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với luận đề của văn bản.
- Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học,..) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu được sâu hơn văn bản; liên hệ được nội dung văn bản với bối cảnh thế giới hiện nay để rút ra bài học và thông điệp cần thiết.

2. Về năng lực

- Năng lực đọc hiểu
- Năng lực tự học
- Năng lực làm việc nhóm

3. Về phẩm chất

- Sống có ước mơ, khát vọng chính đáng.
- Bồi dưỡng tình yêu thương con người, yêu tự do, hòa bình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập

2. Học liệu: SGK, SGV, KHBD, một số bức tranh để đưa vào slide trình chiếu cho học sinh quan sát, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Học sinh biết huy động những trải nghiệm về kiến thức nền có liên quan đến việc tiếp nhận nội dung văn bản.

b. Nội dung: Học sinh quan sát và thảo luận về bức tranh The Problem We All Live With của Norman Rockwell (trình chiếu slide 1)

c. Sản phẩm:

- Nhận biết được sự việc, hình ảnh mà bức tranh thể hiện.
- Phát hiện được vấn đề bức tranh nêu lên (qua gợi ý của nhan đề tranh)

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên dẫn dắt với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết nối với văn bản Cầu hiền chiếu (chiếu cầu hiền- Ngô Thì Nhậm) đã học ở tiết trước. - Đặt câu hỏi gợi suy đoán về mục đích của việc xem bức tranh The Problem We All Live With (Vấn đề chúng ta đang đối diện) của Norman Rockwell: 	

+ Em thấy gì từ bức tranh này?



+ Em có đặt cho mình câu hỏi nào không?)

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh quan sát và thảo luận

B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh lần lượt trình bày ý kiến của mình

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên thu tóm ý kiến phát biểu và gợi mở vấn đề cần chú ý

- Một bé gái váy trắng tinh, tay cầm đồ dùng học tập; bốn cảnh sát đi kèm; cà chua ném vào em, dòng chữ NIGGER (mọi) trên tường.

- Tại sao có một cảnh huống bất thường như vậy trên con đường đến trường của một đứa trẻ.

- Đó là một câu chuyện rất dài về nạn phân biệt chủng tộc diễn ra tại Mỹ và một hành trình dài, bền bỉ để đấu tranh đòi quyền bình đẳng cho người da đen tại quốc gia này. Văn bản mà chúng ta tìm hiểu sau đây *Tôi có một ước mơ* là một ghi dấu quan trọng trong hành trình đó.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết cách khai thác thông tin được cung cấp trong SGK làm tiền đề cho việc khám phá văn bản.

- Học sinh nhận diện được loại, thể của văn bản.

b. Nội dung:

- Đọc thông tin về tác giả và văn bản trong SGK.

- Xác định thể loại của văn bản và tính đặc thù của tiểu loại văn bản *Tôi có một ước mơ*.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh về tác giả và một số thông tin cơ bản về tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thông tin chung về tác giả, tác phẩm.	Bài 3. CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

1. Đọc: Giáo viên nhắc học sinh mở SGK Ngữ văn 11, tập 1, trang 84, đọc nhanh thông tin về tác giả và hoàn cảnh ra đời của văn bản.

2. Tác giả: Em hãy điểm qua các thông tin về tác giả.

3. Tác phẩm

- Nêu hoàn cảnh ra đời của văn bản

Văn bản 2. TÔI CÓ MỘT ƯỚC MƠ**Martin Luther King****I. Tìm hiểu thông tin chung về tác giả, tác phẩm****1. Tác giả**

- Martin Luther King (1929- 1969) là mục sư, hoạt động nhân quyền người gốc Phi.

- Ông là một trong những nhà lãnh đạo có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ cũng như lịch sử đương đại của phong trào đấu tranh bất bạo động.

- Martin Luther King được nhiều người trên khắp thế giới ngưỡng mộ như anh hùng, nhà kiến tạo hòa bình và hi sinh cho một lí tưởng cao cả.

- Năm 1964, Martin Luther King là nhân vật trẻ tuổi nhất được chọn để trao giải Nobel Hòa bình cho những nỗ lực chấm dứt nạn kì thị chủng tộc với quan điểm và các biện pháp đấu tranh vì hòa bình và bình đẳng.

(Giáo viên mở rộng: Từ khi còn bé, Martin Luther King đã sớm bộc lộ năng khiếu trong thuật hùng biện; ông nhận học vị tiến sĩ ở tuổi 25)

2. Văn bản *Tôi có một ước mơ***a. Hoàn cảnh ra đời của văn bản**

- *Tôi có một ước mơ* là nhan đề bài diễn văn nổi tiếng nhất của Martin Luther King. Với tài hùng biện, ông nói về ước mơ cho tương lai của nước Mỹ, khi người da trắng và người da đen có thể chung sống bình đẳng.

- *Tôi có một ước mơ* của Martin Luther King cho đến nay được xem là một trong bài diễn văn xuất sắc nhất trong lịch sử nước Mỹ.

(Giáo viên diễn giải thêm: Bài diễn văn được ông phát biểu trên bậc thềm của đài tưởng niệm Tổng thống

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh đọc thông tin về tác giả, văn bản.

B3. Báo cáo thảo luận: học sinh trả lời.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt ý, học sinh tự đánh dấu các ý chính trong SGK bằng bút chì và ghi chép nhanh vào các vở thông tin chính về tác giả. Giáo viên ghi bảng.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu thông tin chung về văn bản

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc văn bản *Tôi có một ước mơ* và thực hiện một số nhiệm vụ khi đọc.

- *Tôi có một ước mơ* thuộc loại văn bản gì? Trong loại đó, nó có thể được xếp vào tiểu loại nào?

- Để đảm bảo yêu cầu thuyết phục, văn bản nghị luận phải được cấu trúc như thế nào?

=> Các thành tố của văn bản nghị luận phải tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Giáo viên dẫn dắt: cấu trúc chặt chẽ, lớp lang tạo nên tính logic cho văn bản, thuyết phục được

Lincoln trong cuộc tuần hành ủng hộ phong trào đòi quyền công dân diễn ra vào ngày 28/08/1963 với khoảng 250000 người thuộc các sắc tộc khác nhau. Cho đến khi ấy đây là cuộc tụ tập lớn nhất trong suốt lịch sử của Washington D.C. Khi sắp kết thúc bài diễn văn, Mahalia Jackson- Ca sĩ, bạn thân của King kêu to từ phía đám đông “NÓI CHO HỌ BIẾT VỀ ƯỚC MƠ ĐÓ ĐI MARTIN”. King ngưng ngay bài diễn văn soạn sẵn, tiếp tục phần còn lại của bài diễn văn bằng câu hỏi về ƯỚC MƠ của hành trình đấu tranh, nhấn mạnh đến câu nói cao trào TÔI CÓ MỘT ƯỚC MƠ.

<p>người đọc về mặt lí trí. Nhưng riêng điều đó vẫn chưa đủ. Những cảm xúc trào dâng, những nhiệt hứng khăng định là điều cần phải chú ý. Đó thực sự là một ẤN SỐ HẤP DẪN cần khám phá.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh đọc văn bản và thực hiện yêu cầu của giáo viên.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: học sinh trả lời.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt ý, học sinh ghi chép vào các vở thông tin chính về văn bản. Giáo viên ghi bảng.</p>	<p>b. Loại văn bản: văn nghị luận</p> <p>c. Tiểu loại: chính luận.</p> <p>d. Định hướng tiếp cận:</p> <p>- Cấu trúc văn bản và các yếu tố hỗ trợ => ấn số</p> <p>- Ý nghĩa của văn bản.</p>
---	---

Nội dung2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- Học sinh hiểu và phân tích được các yếu tố cấu thành cơ bản của văn bản.
- Học sinh biết liên hệ với hoàn cảnh ra đời của văn bản để phát hiện, đánh giá được tác động của văn bản.

b. Nội dung

- Xác định luận đề, luận điểm của văn bản.
- Tìm hiểu ý nghĩa của văn bản.

c. Sản phẩm

- Câu trả lời về luận đề và luận điểm của văn bản.
- Nêu được ý nghĩa văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu cấu trúc văn bản và các yếu tố hỗ trợ trong văn bản.</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Cấu trúc văn bản và các yếu tố hỗ trợ.</p> <p>1.1. Luận đề của văn bản</p>

<p>- Giáo viên hỏi:</p> <p>+ Xác định luận đề là gì?</p>	<p>- Bối cảnh</p> <p>- Đối tượng hướng đến của bài diễn văn</p> <p>=> Kêu gọi hành động đấu tranh vì sự tự do, bình đẳng của người da đen trên đất Mỹ.</p> <p>1.2. Các luận điểm được triển khai trong văn bản</p> <p>- Thực trạng cuộc sống của người da đen trái ngược với những gì được tuyên bố trong bản Tuyên ngôn giải phóng nô lệ.</p> <p>- Cách thức đấu tranh để đòi lại công lý cho người da đen</p> <p>- Niềm tin và ước mơ về sự tự do công lí cho người da đen.</p> <p>1.3. Phân tích cách tác giả dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người nghe</p> <p>- Luận điểm 1: Thực trạng cuộc sống của người da đen</p> <p>+ Lí lẽ: “<i>Cách đây một thế kỉ</i>”/ “<i>NHƯNG một trăm năm sau</i>”</p> <p>→ Nguyên lí đưa ra và thực tế - quan hệ này bị phá gãy. Thực trạng 100 năm là câu trả lời khác với quy định được khởi tạo đầy hy vọng của 100 năm trước.</p> <p>+ Dẫn chứng: <i>Người da đen vẫn chưa được tự do; bị trói; sống cô đơn trên hòn đảo nghèo đói; gây mòn; tìm cách tị nạn ngay chính trên quê hương của mình;</i></p>
<p>- Giáo viên ra câu hỏi yêu cầu học sinh làm việc nhóm.</p> <p>- Nhóm 1: Phân tích lí lẽ, bằng chứng và các yếu tố hỗ trợ mà tác giả sử dụng để triển khai luận điểm 1</p> <p>- Nhóm 2, 3: Phân tích lí lẽ, bằng chứng và các yếu tố hỗ trợ mà tác giả sử dụng để triển khai luận điểm 2</p> <p>- Nhóm 4: Phân tích lí lẽ, bằng chứng và</p>	<p>→ Dẫn chứng sinh động vừa sinh động, vừa cụ thể, vừa khái quát về tình trạng BẤT ỔN, NGOÀI LỀ, CÔ ĐỘC.</p> <p>→ Đây cũng là lời tố cáo đanh thép của tác giả về sự phân biệt chủng tộc, màu da đang diễn ra trên đất Mỹ</p> <p>+ Các yếu tố hỗ trợ: Điệp ngữ: “<i>Một</i></p>

các yếu tố hỗ trợ mà tác giả sử dụng để triển khai luận điểm 3

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thảo luận nhóm 4 phút.

B3. Báo cáo thảo luận: Đại diện mỗi nhóm lên trình bày khoảng 3 phút.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt ý, ghi bảng. Học sinh ghi vào vở

trăm năm sau” - lặp 4 lần

→ Nhấn mạnh đau xót, bất bình; dồn thúc hành động quyết liệt.

→ Biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh kết hợp với cách nói tương phản, đối lập: ngọn hải đăng của hi vọng; ngọn lửa bất công, như một ánh bình minh; sống cô đơn trên hòn đảo nghèo đói giữa một đại dương mênh mông thịnh vượng về vật chất; bị trói trong gông cùm, xiềng xích.

→ Khiến cho ý diễn đạt trở nên cụ thể, hàm súc, giàu liên tưởng, tạo được tác động mạnh mẽ đến cảm xúc người đọc, người nghe.

- Luận điểm 2: Cách thức đấu tranh

+ Lí lẽ:

- Cần xác định thời điểm quan trọng nhất để đòi lại công lí cho người da đen
- Cần có thái độ đấu tranh quyết liệt nhưng không bạo lực
- Cần đoàn kết trong cuộc đấu tranh đòi công lí.

+ Dẫn chứng: Xuất hiện ở lí lẽ thứ 3: ***Bởi có rất nhiều anh em da trắng minh chứng bằng sự hiện diện ở đây***

→ Mắt thấy tai nghe, thuyết phục, có ý nghĩa trấn an mạnh mẽ

- + Các yếu tố hỗ trợ: **Điệp ngữ:** “*Đây là lúc-4 lượt*”; “*đừng*”; “*không thể*”; “*chúng ta không thể hài lòng*”; ...

→ Nhấn mạnh thời điểm cần kíp, phù hợp để thực hiện lời hứa dân chủ; sự bình tĩnh; sự quyết tâm

→ Tạo giọng điệu sôi nổi, quyết liệt.

- **Biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh kết hợp với cách nói tương phản, đối lập:** “*thung lũng hoang tàn*” / “*con đường chan hào ánh nắng*”; “*vùng cát lún*” / “

tảng đá vững chắc”; “công lí chưa như mưa giăng khắp nơi”, ...

→ Khiến cho ý diễn đạt trở nên cụ thể, hàm súc, giàu liên tưởng, tạo được giọng điệu lạc quan, hứng khởi, tin tưởng.

-Luận điểm 3: Ước mơ và niềm tin tự do, công lí

+ Lí lẽ:

- *Đó là hi vọng của chúng ta và cũng là niềm tin tôi sẽ mang theo khi hướng về Nam*
- *Hãy để nước Mỹ trở thành một quốc gia vĩ đại*

+ Dẫn chứng:

- *Hãy để tự do ngân vang từ những đỉnh đồi; những ngọn núi; dãy A-lơ-ghe-ny...*

=>ước mong hiện hữu qua những ảnh mang tính ẩn dụ

- *Lời ca cũ thiêng liêng của người da đen “Tự do cuối cùng cũng đã đến!...tự do!”*

=>ước mong và niềm tin được thể hiện cụ thể, chân thực, sinh động, đẹp dễ

+ Các yếu tố hỗ trợ: Biện pháp điệp từ ngữ, lặp cấu trúc câu; những hình ảnh ẩn dụ

=> tạo giọng điệu vừa hùng hồn vừa tha thiết cho bài diễn văn

2. Ý nghĩa của văn bản

- Bày tỏ khát vọng:

+ Tự do, dân chủ cho người da đen.

+ Đoàn kết, hòa hợp dân tộc.

Sự phát triển hùng cường, thịnh vượng của nước Mỹ.

<p>Nhiệm vụ 2: Ý nghĩa của văn bản</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Giáo viên hỏi:</p> <p>- Đặt vấn đề đấu tranh cho quyền tự do, dân chủ của người da đen nhưng khát vọng của tác giả còn nhiều hơn thế, em hãy cho biết thêm về điều này.</p>	<p>- Bài tỏ tình cảm và cảm xúc, thái độ:</p> <p>+ Tình cảm yêu nước, yêu con người.</p> <p>+ Cảm xúc, thái độ: chân thành, nồng nhiệt, quyết tâm, hi vọng.</p> <p>=> Tư tưởng lớn của nhà chính trị cũng như tâm hồn cao cả, nhân văn của ông.</p>
---	--

<p>- Tác giả đã bày tỏ khát vọng và tình cảm đó bộc lộ cảm xúc và thái độ ra sao?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh tìm hiểu trả lời</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh lần lượt trả lời</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- Giáo viên tổng kết bài học: Lời nhận định của dân biểu Hoa Kỳ; John Lewis; dẫn lời bài hát Why? The King Of Love is Dead do Nina Simone thể hiện “Once upon this plant earth/ lived a man of noble birth/ preaching love and freedom for his fellow man”,</p> <p>- Giáo viên ghi bảng.</p> <p>- Học sinh ghi vào vở</p>	
---	--

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Học sinh củng cố được kiến thức về văn bản nghị luận, cụ thể là về diễn văn được thể hiện trực tiếp trước đám đông.

b. Nội dung: liên hệ mở rộng và củng cố

c. Sản phẩm: câu trả lời về các yêu cầu then chốt làm nên sức hấp dẫn và tính thuyết phục của một văn bản nghị luận, cụ thể ở đây là một diễn văn

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Giáo viên hỏi: qua việc tìm hiểu văn bản trên, em rút ra kinh nghiệm gì về việc tạo lập một văn bản nghị luận có sức hấp dẫn và có tính thuyết phục cao?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thảo luận</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh liệt kê</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>Đối với một diễn văn, các yếu tố then chốt cần có: lí trí (tầm nhìn), cảm xúc, ngẫu hứng.</p>

nhưng kết quả mà mình thảo luận được

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét và chốt ý, ghi bảng. Học sinh ghi vào tập.

PHIẾU HỌC TẬP (Nếu có)

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Học sinh viết được đoạn văn (khoảng 150 chữ) thể hiện cảm nhận, suy nghĩ của mình về nội dung văn bản hoặc các vấn đề do văn bản gợi lên.

b. Nội dung: Viết đoạn văn và thuyết trình

c. Sản phẩm: Đoạn văn đã hoàn thành và bài thuyết trình ngắn về nội dung đã viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Giáo viên yêu cầu học sinh viết đoạn văn (15 phút) bày tỏ suy nghĩ về vấn đề bình đẳng của người da đen trong thời đại của mình.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thảo luận, viết đoạn văn.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh thuyết trình nội dung đoạn văn đã viết (1 hoặc 2 học sinh)</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét</p>	<p>Đoạn văn tham khảo:</p> <p>Bình đẳng cho người da đen là một vấn đề quan trọng trong thời đại này. Mặc dù đã có nhiều tiến bộ trong việc đảm bảo quyền lợi cho người da đen, nhưng vẫn còn nhiều thách thức cần phải giải quyết. Chúng ta cần tiếp tục nỗ lực để xây dựng một xã hội công bằng và bình đẳng, nơi mọi người được đánh giá dựa trên năng lực và phẩm chất cá nhân, chứ không phải dựa trên màu da hay nguồn gốc. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể tạo ra một tương lai tươi sáng cho tất cả mọi người. Trong thời gian qua, đã có nhiều cuộc biểu tình và phong trào đấu tranh cho quyền lợi của người da đen trên khắp thế giới. Những cuộc biểu tình này đã thu hút sự chú ý của dư luận và giúp thúc đẩy các chính sách bình đẳng được ban hành. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều việc phải làm để đảm bảo rằng mọi người da đen đều được hưởng quyền bình đẳng và công bằng. Chúng ta cần tiếp tục giáo dục và nâng cao nhận thức về vấn đề bình đẳng cho người da đen trong cộng đồng. Chúng ta cũng cần hỗ trợ các tổ chức và cá nhân đang nỗ lực để thúc đẩy sự bình đẳng và công bằng cho người da đen. Bằng cách này, chúng ta có thể góp phần xây dựng một xã hội công bằng và bình đẳng hơn.</p>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

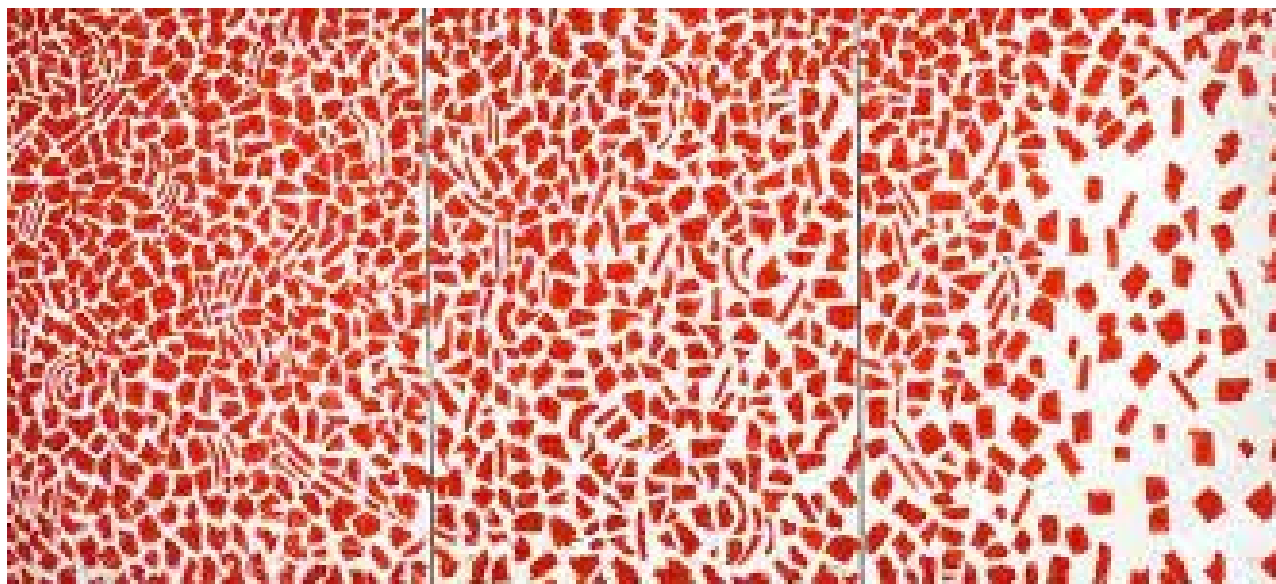
a. Mục tiêu: Học sinh hiểu được các nội dung then chốt của văn bản và biết suy nghĩ về những vấn đề do văn bản gợi lên

b. Nội dung: Xem bức tranh Red Azaleas Singing and Dancing Rock and Roll Music

c. Sản phẩm: Nêu nhận xét về bức tranh trong mối liên hệ với những gì đã được tiếp nhận từ văn bản vừa học.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên cho học sinh xem tranh Red Azaleas Singing and Dancing Rock and Roll Music (Những cây đỗ quỳen ca hát và nhảy múa với nhạc Rock and Roll) của họa sĩ Alma Thomas, một họa sĩ người Mỹ gốc Phi.



The problem we all live with

Red Azaleas Singing and Dancing Rock and Roll Music

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh quan sát bức tranh, thảo luận để tìm câu trả lời. (Giáo viên gợi ý: Một tác phẩm với màu sắc rực rỡ và gây ấn tượng về một hoạt động, nhịp điệu rộn ràng. Thomas không thích cái mát “nghệ sĩ da đen”, bà nói: “Tôi là một họa sĩ. Tôi là người Mỹ”)

B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh nêu cảm nhận về bức tranh

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên kết luận: có nhiều cách để chúng ta đấu tranh cho những điều tốt đẹp trên đời. Nhưng trước hết em phải nâng cao trí tuệ, làm giàu có tâm hồn mình. Hãy để cho mình thật vững vàng đã. Phải thế không?

4. Củng cố: Củng cố cấu trúc văn bản nghị luận bằng sơ đồ tư duy

5. HDVN: Dặn học sinh về xem lại bài cũ và chuẩn bị bài mới theo hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa.

Phiếu học tập số 1

Sau khi đọc văn bản, em hãy xác định thể loại của văn bản và tính đặc thù của tiểu loại văn bản Tôi có một ước mơ.

Tác phẩm	- Loại văn bản:.....
	- Tiểu loại:.....
	- Hướng tiếp cận:.....
	

Phiếu học tập số 2

Sau khi tìm hiểu văn bản, em hiểu ý nghĩa của văn bản là gì?

Ý nghĩa văn bản	- Khát vọng của tác giả:
	
	
	
	
	- Bày tỏ tình cảm của tác giả:
	
	
	
	
	- Cảm xúc, thái độ của tác giả:
	

Ngày soạn: 1/8/2023

BÀI 3: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Thời gian thực hiện: 10 tiết

(Đọc: 6 tiết, Thực hành tiếng Việt: 2 tiết, Viết: 2 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 5-6: VĂN BẢN 3:

MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA

(Hoài Thanh)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh nhận biết và phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản.
- Học sinh nhận biết và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cũng như mối quan hệ giữ chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- Học sinh nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết, vai trò của các yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong văn nghị luận.
- Học sinh liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học,...) của thời kỳ 1930 – 1945 để hiểu văn bản sâu sắc hơn.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở, phản biện,...
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực thu thập thông tin về tác giả Hoài Thanh và thể loại Phê bình văn học.
 - + Năng lực đọc – hiểu một văn bản phê bình văn học
 - + Năng lực hợp tác khi tạo lập một văn bản nghị luận văn học

3. Về phẩm chất

- Có thái độ sống trung thực, trách nhiệm với cộng đồng và đất nước

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng máy tính, ti vi, phiếu học tập

2. Học liệu: Chân dung của tác giả Hoài Thanh, ảnh bìa cuốn sách “Thi nhân Việt Nam”

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

3. Kiểm tra bài cũ:**GV:** Gọi 1 đến 2 học sinh trình bày bài viết

Trình bày bài viết 150 chữ trình bày điều bạn thấy tâm đắc khi đọc văn bản “Tôi có một ước mơ” của Mác – tin – Lu – Thơ Kinh.

HS: trình bày**GV:** Nhận xét và cho điểm**4. Bài mới: dẫn vào bài**

“Cuộc đời của Hoài Thanh từ thuở thiếu thời cho đến lúc trái tim ngừng đập là một chuỗi dài của những cuộc tìm kiếm đầy thích thú mê say cái hay và vẻ đẹp của văn chương. Như một nhà địa chất cần mẫn và yêu nghề, Hoài Thanh đã phát hiện được không ít vàng ngọc của thơ ẩn trong lớp bụi thời gian hoặc trong các mạch chìm nổi của cuộc đời, nhất là trong hiện tại” (Từ Sơn). Và cũng đúng như lời thơ bất hủ của Nguyễn Du: “Sống là thể phách, thác là tinh anh”, với Hoài Thanh, cái tinh anh mà ông để lại cho đời chính là những tác phẩm phê bình văn học tài hoa và tinh tế, mà đỉnh cao là cuốn “Thi nhân Việt Nam”. Đoạn trích “Một thời đại trong thi ca” là đoạn trích tiêu biểu cho tài năng thẩm bình văn học của con người tài hoa này.

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, tâm thế để tiếp cận nội dung của bài học**b. Nội dung:** HS quan sát trên ti vi/ máy chiếu 2 văn bản Bài thơ *Qua đèo ngang* của Bà Huyện Thanh Quan và bài *Mùa xuân chín* của Hàn Mặc Tử**c. Sản phẩm:**

- Nhận biết được điểm khác nhau giữa hai bài thơ
- Phản ánh được nội dung bài học được gợi mở

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Chiếu 2 bài thơ <i>Qua đèo ngang</i> và <i>Mùa xuân chín</i> HS: Quan sát và đọc thầm GV: Gọi 1 hs đọc thành tiếng GV đặt câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> - Nhìn từ phương diện hình thức, em hãy cho biết sự giống nhau và khác nhau giữa hai bài thơ? - Em có bao giờ băn khoăn về cái cũ, cái mới, cũ mới cùng tồn tại và phát triển? 	* So sánh hai bài thơ: -Về hình thức: + Thơ trung đại mang tính qui phạm, qui định nghiêm về niêm, luật, hình anhrmang nặng tính ước lệ, công thức... + Thơ mới không sử dụng nhiều hệ thống ước lệ, thoát khỏi lối diễn đạt theo qui tắc cứng nhắc, ngôn ngữ gần với lời nói cá nhân, hình ảnh gần với đời sống ... -Về nội dung: +Thơ trung đại thường bày tỏ nỗi lòng qua thiên nhiên, cái nhìn hoài cổ, khuôn mẫu +Thơ mới có cái nhìn phóng khoáng, tự do bày tỏ “cái tôi” cá nhân trước cuộc sống -Những băn khoăn phân biệt cái mới và cái cũ
B2. Thực hiện nhiệm vụ:	

<p>Hs suy nghĩ, bàn bạc thảo luận</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>GV: Gọi 2-3 hs trả lời (ưu tiên hs giờ tay phát biểu)</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Gv thu tóm vấn đề và gợi mở vấn đề cần chú ý</p>	<p>+ Khó để phân biệt rạch ròi giữa cũ và cái mới.</p> <p>+ Cái cũ được xem như quá khứ, cái mới được xem hiện tại. Cái mới được phát triển trên nền tảng cái cũ</p> <p>+ Cần phải có thái độ trân trọng cái cũ, phát triển cái mới</p>
--	---

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu:

- Giúp HS biết cách đọc văn nghị luận góp phần phát triển năng lực văn học, ngôn ngữ
- Tìm hiểu chung về tác giả Hoài Thanh và văn bản: “Một thời đại trong thi ca”

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, điền phiếu học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm, phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Các phiếu học tập:

Phiếu 1: Bảng tìm hiểu về tác giả Hoài Thanh

Tên thật	
Năm sinh	
Quê quán	
Vị trí văn học – nghệ thuật	
Phong cách sáng tác	
Các tác phẩm	

Phiếu 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản

Xuất xứ đoạn trích	
Thể loại	
Phương thức biểu đạt chính	
Bố cục đoạn trích	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-----------------	------------------

GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả Hoài Thanh và văn bản “Một thời đại trong thi ca”

*** Tác giả Hoài Thanh**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 1: Tìm hiểu về tác giả Hoài Thanh

HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS hoàn thành phiếu học tập

+ GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp

+ HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV đánh giá phần trình bày của HS và chuẩn kiến thức

*** Văn bản: “Một thời đại trong thi ca”**

GV hướng dẫn cách đọc và tìm hiểu chú thích

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS đọc văn bản

Thao tác 1: Đọc

Đọc rõ ràng, rành mạch. Chú ý những chỗ ngắt đoạn, những

I. Đọc, tìm hiểu chung về tác giả và văn bản

1. Tác giả Hoài Thanh

Phiếu 1: Bảng tìm hiểu về tác giả Hoài Thanh

Tên thật	Hoài Thanh tên thật là Nguyễn Đức Nguyên
Năm sinh	1909 – 1982
Quê quán	Xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An
Vị trí văn học – nghệ thuật	<p>-- Là nhà phê bình văn học xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại:</p> <p><i>Đem đến cho văn học một phong cách phê bình riêng đặc sắc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự uyên bác về tri thức + Sự tinh tế trong cảm thụ + Ngòi bút phê bình tinh tế, nhẹ nhàng, giàu chất thơ <p>- Năm 2000, Hoài Thanh được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật</p>
Phong cách phê bình	<p>- Thiên về thưởng thức, ghi nhận ấn tượng, hài hước hóm hỉnh</p> <p>=> Lối phê bình “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”.</p>
Các tác phẩm	<p><i>Văn chương và hành động</i> (viết chung với Lê Trảng và Lưu Trọng Lư, 1936)</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thi nhân Việt Nam</i> (viết chung với Hoài Chân, 1942) - <i>Có một nền văn hóa Việt Nam</i> (1946) - <i>Quyền sống của con người trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du</i> (1949). - <i>Phê bình và tiểu luận</i> (3 tập – 1960, 1965, 1971) -

phần sử dụng phương thức biểu cảm

Thao tác 2: Tìm hiểu nhanh

+ HS tìm hiểu chú thích SGK

+ HS trả lời nhanh các câu hỏi bên lề phải SGK

+ GV chú ý hướng dẫn HS tìm hiểu nhan đề văn bản

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi

+ GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS đọc văn bản theo yêu cầu.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV nhận xét cách đọc của HS.

GV hướng dẫn HS nghe mẫu một số đoạn tiêu biểu

Thao tác 4: Tìm hiểu chung về văn bản

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu học tập số 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản

HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS hoàn thành phiếu học tập

+ GV quan sát, khích lệ HS.

2. Văn bản: “Một thời đại trong thi ca”

a. Đọc và tìm hiểu chú thích

- Đọc văn bản

- Chú thích chân trang SGK và chú thích SGK tr.88

b. Tìm hiểu chung văn bản

Phiếu 2: Bảng tìm hiểu chung về văn bản

Xuất xứ đoạn trích	Tiểu luận mở đầu Thi nhân Việt Nam => Sự khám phá và đánh giá đầu tiên; là công trình tổng kết có giá trị về phong trào thơ mới.
Thể loại	Tiểu luận phê bình văn học
Phương thức biểu đạt chính	Nghị luận
Bố cục đoạn trích	3 phần: + P1: “...nhìn vào đại thể”-> Nêu luận đề: Tinh thần Thơ mới P2: “Cứ đại thểthanh niên”-> Các luận điểm, luận cứ, dẫn chứng, lí lẽ chứng minh vai trò, ý nghĩa của Tinh thần Thơ mới. P3: Còn lại -> Con đường giải quyết bi kịch của các nhà thơ mới.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung hoàn thiện phiếu và trình bày trước lớp

+ HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV đánh giá phần trình bày của HS

Bảng kiểm kĩ năng đọc

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo đọc đúng chính tả	
2	Đảm bảo đọc tương đối diễn cảm, thể hiện được tính thuyết phục của văn nghị luận	
3	Đảm bảo đọc diễn cảm, thể hiện rõ nét tính thuyết phục của văn nghị luận	
4	Giúp người nghe hiểu sự công phu trong lao động nghệ thuật của nhà thơ	

2.2. Khám phá văn bản**a. Mục tiêu:**

- HS biết cách đọc văn bản nghị luận hiện đại: bố cục, luận đề, luận điểm; cách lập luận và dẫn chứng cụ thể.

- Giúp HS nắm được các đặc sắc về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản:

Nội dung:

- Hiểu được tinh thần Thơ mới trên cả hai bình diện: văn chương và xã hội.

- Học sinh nhận biết và phân tích được quan niệm về thơ mới và nhận thức được ý nghĩa thời đại của Thơ mới

Nghệ thuật:

- Hs hiểu được nét đặc sắc trong cách nghị luận của Hoài Thanh: Ngôn từ, Các biện pháp tu từ nghệ thuật, Cách triển khai các luận điểm, Văn phong ngắn gọn, cô đúc, hóm hỉnh

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo hướng dẫn của GV
- HS làm việc cá nhân kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Thao tác 1: Xác định luận đề của văn bản</p> <p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>-Em hãy xác định luận đề bài tiểu luận “Một thời đại trong thi ca”?</p> <p>- Nhà phê bình Hoài Thanh đã nêu ra những luận điểm nào để làm sáng rõ luận đề “ Tinh thần thơ mới”?</p> <p>HS trao đổi cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS cặp đôi trao đổi thảo luận</p> <p>+ GV quan sát, khích lệ HS.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS chọn bạn hình thành cặp đôi mới để nhận xét, bổ sung và trình bày trước lớp</p> <p>+ HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận:</p> <p>GV đánh giá phần trình bày của HS</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>Luận đề: Tinh thần thơ mới</p> <p>1. Luận điểm 1: Con đường và nguyên tắc xác định tinh thần Thơ mới:</p> <p>1.1. Luận cứ: Con đường không hề dễ dàng, khó khăn và phức tạp.</p> <p>- Lí lẽ: Tác giả đưa ra hai giả thuyết: + Giả thuyết thứ nhất: “<i>Giả các nhà thơ mới cứ viết những câu như hai câu vừa trích trên này thì tiện cho ta biết mấy.</i>” <i>“Hôm nay tôi đã chết trong người Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi.”</i> + Giả thuyết thứ hai: “<i>Giả trong thơ cũ chỉ có những trần ngôn sáo ngữ, những bài thơ chúc tụng, những bài thơ vịnh hết cái này đến cái nọ, mà các nhà thơ mới lại chỉ làm những bài kiệt tác thì cũng tiện cho ta biết mấy.</i>”</p> <p>-Dẫn chứng: Tác giả đưa ra dẫn chứng bằng cách so sánh: + Thơ Xuân Diệu: <i>“ Người giai nhân: bến đợi dưới cây già; Tình du khách: Thuyền qua không buộc chặt.”</i> Thơ mới: hình ảnh ước lệ cổ điển. + Thơ Hồ Xuân Hương / Bà Huyện Thanh Quan: <i>“ Ô hay! Cảnh cũng ưa người nhĩ! Ai thấy ai mà chẳng ngán ngơ?”</i> => Thơ cũ: giọng trẻ trung, hiện đại.</p> <p>Tiểu kết: Con đường để xác định tinh thần của Thơ</p>

<p>-Luận đề: Tinh thần Thơ mới</p> <p>- Gồm 3 luận điểm</p> <p>LD 1: Con đường và nguyên tắc xác định Tinh thần Thơ mới.</p> <p>LD 2: <i>Tinh thần Thơ mới</i></p> <p>LD 3: <i>Bí kịch cái tôi cá nhân và hướng giải quyết bí kịch</i></p> <p>Thao tác 1: Thảo luận, phân tích các luận điểm</p> <p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ từng nhóm (giao nhiệm vụ tìm hiểu trước ở nhà)</p> <p>Nhóm 1: Phân tích, làm rõ nội dung ld1: Con đường và nguyên tắc xác định tinh thần Thơ mới:</p> <p>Nhóm 2: Phân tích, làm rõ nội dung ld2: Tinh thần Thơ mới</p> <p>Nhóm 3: Phân tích, làm rõ nội dung ld2: <i>Bí kịch cái tôi cá nhân và hướng giải quyết bí kịch</i></p> <p>Nhóm 4: Nhận xét nội dung và nghệ thuật của văn bản</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS họp nhóm trao đổi, thảo luận trình bày bằng PP, giấy A0 hoặc video có lời thuyết trình</p> <p>+ GV quan sát, khích lệ HS.</p>	<p>mới là rất khó khăn:</p> <p>+ Ranh giới giữa Thơ mới và thơ cũ không phải lúc nào cũng rõ ràng, dễ nhận ra.</p> <p>+ Trong cả thơ mới và thơ cũ đều đan xen cả những bài hay, bài dở.</p> <p>I.2 Luận cứ 2: Nguyên tắc xác định tinh thần Thơ mới:</p> <p>- Dẫn chứng</p> <p>+Nguyên tắc thứ nhất: Dẫn chứng: Khốn nỗi, cái tâm thường, cái lổ lảng chẳng phải của riêng một thời nào và muốn hiểu tinh thần thơ cho đúng đắn, phải sánh bài hay với bài hay vậy.”</p> <p>-> Phương pháp so sánh bài hay với bài hay.</p> <p>+Nguyên tắc thứ hai: “Trời đất không phải dựng lên cùng một lần với thế hệ chúng ta. Hôm nay đã phôi phai từ hôm qua và trong cái mới vẫn còn rớt lại ít nhiều cái cũ. Các thời đại vẫn liên tiếp cùng nhau và muốn rõ đặc sắc mỗi thời phải nhìn vào đại thể.”</p> <p>-> Cái nhìn bao quát, biện chứng nhiều chiều.</p> <p>Kết luận: Nguyên tắc xác định tinh thần Thơ mới: Chỉ căn cứ vào cái hay, không căn cứ vào cái dở; chỉ căn cứ vào đại thể, không căn cứ vào tiểu tiết</p> <p>- Nhận xét cách lập luận của tác giả:</p> <p>Cách nêu luận điểm rõ ràng, mới mẻ, khoa học; dẫn chứng tiêu biểu, lập luận theo lối quy nạp rất chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.</p> <p>4. Luận điểm 2. Tinh thần Thơ mới</p> <p>2.1. Luận cứ 1. Định nghĩa: Tinh thần Thơ mới bao gồm trong chữ tôi, bản chất chữ tôi chính là quan niệm cá nhân được hiểu theo nghĩa tuyệt đối của nó.</p> <p>-Dẫn chứng: “Cứ đại thể thì tất cả tinh thần thời xưa – hay thơ cũ – và thời nay – hay thơ mới – có thể gồm lại trong hai chữ tôi và ta. Ngày trước là thời chữ ta, bây giờ là thời chữ tôi. Nói giống nhau thì vẫn có chỗ giống nhau như chữ tôi vẫn giống chữ ta. Nhưng chúng ta hãy tìm những chỗ khác nhau.”</p> <p>- So sánh, giải thích:</p> <p>+Tinh thần của thời xưa – thơ cũ-> Chữ ta ->Cái chung ->Ý thức cộng đồng</p> <p>+ Tinh thần của thời nay – thơ mới -> Chữ tôi -> Cái riêng ->Ý thức cá nhân</p> <p>Dẫn chứng, so sánh</p>
--	---

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS cử đại diện trình bày

+ HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV đánh giá phần trình bày của HS và chốt kiến thức

THƠ CŨ	THƠ MỚI
<p>Chủ yếu là chữ ta (Chữ tôi nếu có phải ẩn mình sau chữ ta).</p> <p>Thường đề cập đến những tình cảm chung, mang tính cộng đồng, ít có bài thơ thể hiện tính cá nhân, nếu có thì chưa quyết liệt mạnh mẽ.</p> <p>Chưa có ý thức tạo nên phong cách cá nhân</p> <p>Ảnh hưởng của tư tưởng phương Đông</p>	<p>Xuất hiện chữ tôi với ý nghĩa tuyệt đối của nó -</p> <p>> Sự trỗi dậy, bùng nổ của ý thức cá nhân</p> <p>Người viết trực tiếp bày tỏ những cảm xúc, tình cảm riêng tư cá nhân</p> <p>Ý thức khẳng định tài năng, vị trí cá nhân -></p> <p>Xuất hiện hàng loạt phong cách thơ</p> <p>➤ Ảnh hưởng của tư tưởng phương Tây</p>

Nhận xét:

- Tác giả đã bắt đúng mạch chính của 2 dòng chảy thi ca (thơ cũ – thơ mới; thơ trung đại – thơ hiện đại)

-Phát hiện đúng cái gốc của sự khác biệt

-Cách thu tóm ngắn gọn, rõ ràng

1.2. Luận cứ 2: Hành trình của cái Tôi (cá nhân trong nghĩa tuyệt đối của nó)

- **Dẫn chứng:** “Ngày thứ nhất – ai biết đích ngày nào – chữ tôi xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bỡ ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân...”

“Bởi vậy cho nên, khi chữ tôi, với cái nghĩa tuyệt đối của nó, xuất hiện giữa thi đàn Việt nam, bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu...”

“Nhưng, ngày một ngày hai, nó mất dần cái vẻ bỡ ngỡ. Nó được vô số người quen. Người ta lại còn thấy nó đáng thương. Mà thật nó tội nghiệp quá.”

-**Kết luận rút ra:** Hình tượng hóa cái tôi có dáng vẻ, điệu bộ, cảnh ngộ như một con người: Cô đơn, lạc loài, bỡ ngỡ, tuyệt vọng

3. Luận điểm 3: Bi kịch cái tôi cá nhân và hướng

giải quyết bi kịch**3.1. Luận cứ 1: Bi kịch cái tôi cá nhân****a. Bi kịch thứ nhất:**

“Thì nhân ta cơ hồ đã mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước. Chĩ ta với họ to rộng quá. Tâm hồn của họ chỉ vừa thu trong khuôn khổ chữ tôi..... Nhưng ta trách gì Xuân Diệu! Xuân Diệu, nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại, chỉ nói cái khổ sở, cái thảm hại của hết thảy chúng ta.”

- Bi kịch mất hết cốt cách hiên ngang ngày trước:

+ Không có khí phách ngang tàng như Lí Bạch

+ Không có lòng tự trọng sinh cảnh cơ hàn như Nguyễn Công Trứ

+ Rên rỉ, khổ sở, thảm hại.

b. Bi kịch thứ hai:

“Đời chúng ta đã nằm trong vòng chĩ tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.”

+ Bi kịch “mất bề rộng”: Không tìm được tiếng nói chung với cuộc đời, không tìm được sự giao thiệp

+ “Ta đi tìm bề sâu: Trón vào ý thức cá nhân, thoát li cuộc đời theo các xu hướng thoát li.

+ “Càng đi sâu càng lạnh”:Cảnh muốn vượt thoát thì cuối cùng càng bế tắc, cô đơn.

=> Buồn, cô đơn, bế tắc-> Chính sự thoát li theo các xu hướng đã đưa đến sự “nở rộ” của phong cách thơ.

- Nghệ thuật lập luận: sử dụng Điệp từ, liệt kê, diễn đạt tinh tế, tài hoa, lập luận chặt chẽ, giàu cảm xúc,

hấp dẫn lôi cuốn người đọc**c. Bi kịch thứ ba:**

“Thời trước, dầu bị oan khuất như Cao Bá Nhạ, dầu bị khi bỏ như cô phụ trên bến Tầm Dương, vẫn còn có thể nương tựa vào một cái gì không di dịch. Ngày nay lớp thành kiến phủ trên linh hồn đã tiêu tan cùng lớp hoa hoè phủ trên thi tử. Phương Tây đã giao trả hồn ta lại cho ta. Nhưng ta bàng hoàng vì nhìn vào đo ta thấy thiếu một điều, một điều cần hơn trăm nghìn điều khác: một lòng tin đầy đủ.”

-> Bi kịch thiếu một lòng tin đầy đủ vào thực tại, tìm cách thoát li nhưng lại rơi vào bi kịch không thể nương tựa vào một cái gì đó, không thể di dịch như thuở trước

3.2. Luận cứ 2: Giải quyết bi kịch

“Bi kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt. Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch chung để gửi nỗi băn khoăn riêng.....”

-Nghệ thuật lập luận: Vận dụng các BPTT như: Điệp cấu trúc “chưa bao giờ...”, giọng văn đồng cảm, chia sẻ từ đó đưa ra Giải pháp cho những bi kịch trên: gửi tình yêu vào tiếng Việt

-> Đánh giá các giải pháp:

- Tấm lòng trân trọng, tình yêu tha thiết với tiếng Việt
- Thể hiện sức sống lâu bền của tiếng Việt
- Tạo ra mối liên hệ giữa tiền nhân – hậu thế

=> Tấm lòng yêu nước của các nhà thơ mới.

--	--

--	--

<p>Hướng dẫn HS tổng kết</p> <p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập.</p> <p>Nội dung thảo luận nhóm 4</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>III. Tổng kết văn bản</p> <p>1. Nội dung</p> <p>- Khẳng định sự thắng lợi của Thơ mới, ủng hộ mặt tích cực, lí giải bi kịch cái Tôi, cách giải quyết bi kịch của cái tôi trong Thơ mới</p> <p>- Cách nhìn nhận đúng đắn, khoa học vấn đề Thơ mới, cái nhìn tiến bộ xuất phát từ</p>
--	--

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả làm việc, lớp theo dõi đánh giá, nhận xét và bổ sung. - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn. <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét đánh giá kết quả của HS theo Dự kiến sản phẩm. 	<p>chính tâm hồn người viết.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự kết hợp hài hoà giữa tính khoa học và tính nghệ thuật <p>+ Tính khoa học: Hệ thống luận điểm chuẩn xác, mới mẻ, sắp xếp mạch lạc. Dẫn chứng chọn lọc, lập luận chặt chẽ, thuyết phục. Sử dụng biện pháp so sánh đối chiếu ở cấp độ phù hợp, mang lại hiệu quả.</p> <p>+ Tính nghệ thuật: Lời văn thấm đẫm cảm xúc, giọng điệu thay đổi linh hoạt, cảm xúc người viết nồng nhiệt, gây truyền cảm, đồng cảm cao.</p> <p>=> Một cách viết văn nghị luận văn chương dễ hiểu mà rất tài hoa, tinh tế, hấp dẫn.</p>
---	--

* Hoạt động Luyện tập

a. Mục tiêu

- HS biết cách vận dụng kiến thức vừa học câu hỏi cụ thể từ đó rèn luyện kỹ năng phân tích, cảm nhận văn học.
- HS biết cách nhận xét, đánh giá quan điểm của một nhà phê bình văn học để ghi nhớ kiến thức bài học.

b. Nội dung hoạt động

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Tìm hiểu</p> <p>Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để thực hiện nội dung.</p> <p>+ Theo quan niệm của Hoài Thanh, chữ tôi và ta trong Thơ mới và thơ cũ có gì khác nhau?</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc cá nhân vào giấy để chuẩn bị phát biểu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV gọi HS lên phát biểu cảm nhận.</p> <p>- GV cho HS đánh giá chéo lẫn nhau, bổ sung để hoàn thiện.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá và bổ sung theo Dự kiến sản phẩm.</p>	<p>- Sự khác biệt cơ bản giữa "cái tôi" Thơ mới và "cái ta" thơ cũ là ở chỗ:</p> <p>+ Thơ cũ thường nói lên những suy tư, những cảm xúc chung của cả lớp người, loại người, kiểu người. "Cái tôi" nếu có cũng mượn bóng "cái ta" chung ấy.</p> <p>+ "Cái tôi" trong Thơ mới, nó đã đứng một mình, tự bộc bạch những gì sâu kín ngay bên trong bản thể của nó.</p> <p>+ Chữ “tôi” và chữ “ta” thể hiện ý thức bản thân mình, chữ “tôi” mang ý nghĩa tuyệt đối của nó.</p> <p>+ Chữ “ta” trong thơ cũ là cá nhân thức gắn với cộng đồng, đoàn thể.</p>

*** Hoạt động Vận dụng**

a. Mục tiêu

- HS biết cách vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết một vấn đề thực tiễn.
- HS nhận thức được bài học cuộc sống qua một tác phẩm trữ tình được nhà thơ gửi gắm.

b. Nội dung hoạt động

- HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm

Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để rút ra bài học:</p> <p>+ Qua văn bản, em hiểu được những gì về phong trào Thơ mới và lối phê bình của Hoài Thanh?</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS làm việc cá nhân để hoàn thành.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS lên trình bày kết quả làm việc.</p> <p>- GV cho HS đánh giá chéo lẫn nhau, bổ sung để hoàn thiện.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá và bổ sung theo Dự kiến sản phẩm.</p>	<p>- Hiểu biết về phong trào Thơ mới</p> <p>+ Theo Hoài Thanh, khái niệm Thơ mới phải được hiểu là mới cả về mặt nội dung và hình thức, mà trước hết là về nội dung, thơ ca Việt Nam đi từ thời cổ điển <i>sang hiện đại là đi từ chữ “ta” đến chữ “tôi”</i> (Một thời đại trong thi ca).</p> <p>+ Ban đầu, Thơ mới được hiểu là thơ tự do nhưng đến chặng phát triển đỉnh cao của nó, khái niệm về Thơ mới được bổ sung và hoàn chỉnh.</p> <p>+ Thơ mới phản ánh cái “Tôi” cá nhân của người nghệ sĩ với tất cả các cung bậc phong phú đa dạng, phức tạp của nó thông qua hình thức nghệ thuật có nhiều đổi mới, cách tân nhằm phát huy cá tính sáng tạo độc đáo của mỗi người nghệ sĩ.</p> <p> - Lối văn phê bình của Hoài Thanh</p> <p>+ Đặt vấn đề ngắn gọn, rõ ràng mang tính minh triết.</p> <p>+ Dẫn dắt vấn đề khoa học, khéo léo và dễ hiểu, đảm bảo liên mạch trong hệ thống luận điểm.</p> <p>+ Câu văn nghị luận giàu chất thơ, có sức gợi cảm xúc, gây hứng thú cho người đọc.</p> <p>+ Nghệ thuật lí luận chặt chẽ, thấu đáo khoa học.</p>

*** Kết nối đọc – viết****a. Mục tiêu**

- Rèn luyện cho học sinh kĩ năng viết một đoạn văn bản về một vấn đề trong lá phẩm được đặt ra.

- HS thực hành viết đề củng cố kiến thức đã học trong văn bản.

b. Nội dung

- HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm

- + Bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc tại lớp để lập ý tưởng cho bài viết. Về nhà HS hoàn thiện. + Hoài Thanh cho rằng: <i>Các nhà thơ của phong trào Thơ mới đã “dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt”. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến này.</i> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>HS làm việc cá nhân để hoàn thành viết đoạn.</p> <p>Bước 3: Báo cáo sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> + (Trước giờ học bài tiếp theo) Gv gọi HS lên trình bày sản phẩm, GV cùng HS theo dõi, góp ý và bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đánh giá, nhận xét về đoạn văn học sinh đã viết. GV đánh giá theo yêu cầu viết đoạn văn. 	<p>* HS có thể có nhiều cách trình bày song cần lưu ý khác nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn. - Biết cách triển khai đoạn văn. + <i>Mở đoạn:</i> Giới thiệu được khái quát về luận điểm: Thơ mới “dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt”. + <i>Thân đoạn:</i> Biết vận dụng lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề vai trò, vị trí của Thơ mới trong tình yêu quê hương qua tình yêu tiếng Việt. + <i>Kết đoạn:</i> Khẳng định được vấn đề.

Đoạn văn tham khảo

Tình yêu quê hương đất nước là một nội dung mang phạm trù rộng, mỗi con người sinh ra trong mình đều mang một tình cảm sâu nặng với quê hương. Thơ mới ra đời trong

thời buổi nhiễu nhương của xã hội, trong cuộc mưa Âu gió Mỹ hỗn loạn, xã hội thượng tầng bất ổn, đời sống người dân bơ vơ lạc lõng. Trước tình cảnh như vậy mỗi trí thức tìm cho mình một hướng rẽ riêng, người đấu tranh trực diện; kẻ ẩn náu thân mình bộc lộ tình yêu đất nước thầm kín. Trong tiểu luận phê bình “Một thời đại trong thi ca” khi nhận xét về phong trào Thơ mới, Hoài Thanh cho rằng: “*Các nhà thơ phong trào Thơ mới đã “dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt”*”. Trong hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ, có nhiều cách biểu lộ lòng yêu nước.... Các nhà Thơ mới dành gửi lòng yêu nước thương nòi của mình vào tình yêu tiếng Việt. Họ dùng tiếng nói của dân tộc để sáng tác thơ, duy trì tiếng nói và các thể thơ mang hồn cốt dân tộc. Qua thơ, họ ngợi ca thiên nhiên đất nước, gửi gắm nỗi buồn mất nước, các nhà thơ mới đã phát triển, đổi mới ngôn từ, làm cho tiếng Việt trở nên rất phong phú, trong sáng, tinh tế, hiện đại. Trong khi văn học trung đại sáng tác văn học bằng chữ Hán, chữ Nôm (sáng tạo từ chữ Hán) và các thể thơ chủ yếu là Đường luật, thì các nhà Thơ mới làm thơ bằng tiếng Việt, chữ quốc ngữ, tôn vinh các thể thơ truyền thống như: thơ lục bát, thơ bốn chữ, thơ năm chữ... Họ coi tiếng nói của cha ông là là hương hoa quý giá, mang hồn thiêng dân tộc, nên đã trau chuốt từ ngữ, hình ảnh. Tình yêu tiếng Việt, yêu nghệ thuật thơ ca, yêu bản sắc văn hóa dân tộc của các nhà Thơ mới rất phong phú sâu sắc. Khi không thể thi thố tài năng cũng không kinh bang tế thế giúp đời trị quốc được thì tình yêu tiếng Việt được xem là một biểu hiện tinh tế của tình yêu quê hương đất nước.

Ngày soạn:

BÀI 3: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết ... ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Hiểu được sự cần thiết về việc đảm bảo tính nhất quán trong sử dụng ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết, tránh tình trạng lạc phong cách (dùng các phương tiện đặc trưng của ngôn ngữ nói vào ngôn ngữ viết và ngược lại).
- Nắm vững việc cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thể hiện trong các tác phẩm văn xuôi; phân tích được hiệu quả cách sử dụng ngôn ngữ như vậy.

2. Về năng lực: Năng lực tạo lập văn bản, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

3. Về phẩm chất: Chủ động, sáng tạo, trách nhiệm, yêu tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Học liệu: SGK, SBT Ngữ văn 11, KHBD, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

b. Nội dung: GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS.

c. Sản phẩm: Trả lời một số câu hỏi mà GV đưa ra để dẫn vào bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Gv trình chiếu đoạn văn và yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 4, nhận xét cách sử dụng từ ngữ trong đoạn văn.</p> <p>Chúng ta hẳn ai cũng nghe nói về tập thơ <i>Nhật kí trong tù</i> của Hồ Chí Minh. Tập thơ gồm những bài được Bác làm trong lúc nhàn rỗi ở nhà lao cực khổ của bọn Tưởng Giới Thạch. Bác vốn chẳng thích làm thơ: “ngâm thơ ta vốn không ham...”. Nhưng trong hoàn cảnh nhà tù khổ sở, tăm tối, tâm hồn tác giả Hồ Chí Minh vẫn mang một vẻ đẹp lung linh. Vẻ đẹp ấy thể hiện rõ trong các bài thơ: Chiều tối; Giải đi sớm; Mới ra tù, tập leo núi.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ hoàn thành bài tập.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: - GV mời 2 – 3 HS trả lời</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- Gv nhận xét, chốt lại kiến thức</p> <p>- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong tiết học hôm trước chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu khái niệm</p>	<p>Bước 1: Nhận và thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS nghe câu hỏi, suy nghĩ.</p> <p>Bước 2: Trao đổi, thảo luận.</p> <p>HS trao đổi theo nhóm 4 người</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận. HS cập nhật sản phẩm của hoạt động học.</p> <p>HS đại diện nhóm trả lời. HS ghi nhớ kiến thức về các vấn đề liên quan đến bài học (Dùng từ thiếu chính xác, không phù hợp đối tượng được nói đến</p>

đặc trưng của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết qua ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp.... Đến bài học hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu về đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Từ đó rút ra những lưu ý khi sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

như: *nhàn rồi; chẳng thích làm thơ; vẽ đẹp lung linh....*) -> hiện tượng lạc phong cách.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NHẬN BIẾT: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

a. Mục tiêu:

- Cùng cố một số kiến thức cơ bản về ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, từ đó giúp hs hiểu được thế nào là hiện tượng lạc phong cách.

- Giúp hs phân biệt được hiện tượng lạc phong cách và hiện tượng cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong – một biểu hiện sáng tạo trong ngôn ngữ văn xuôi.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: HS trả lời các kiến thức về đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. HÌNH THÀNH VÀ Củng cố kiến thức	
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: gv yêu cầu hs nhận xét cách sử dụng từ ngữ trong 2 đoạn văn sau:</p> <p>- Đoạn văn 1: Chí Phèo là truyện ngắn đỉnh nhất của Nam Cao. Tác phẩm đã miêu tả quá u chân thực tâm lí của người nông dân trong xã hội cũ.</p> <p>- Đoạn văn 2: Bà lão pháp phồng bước theo con vào trong nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà? Ai thế nhỉ?</p>	<p>1. Xét ngữ liệu:</p> <p>- Đoạn văn 1: Người viết đã mắc lỗi phong cách khi sử dụng những từ ngữ mang đậm tính khẩu ngữ: “đỉnh”, “quá u”.</p> <p>- Đoạn văn 2: có sự xuất hiện của nhiều câu văn mang hình thức lời nửa trực tiếp. Lời của người kể chuyện nương theo ý thức của nhân vật, tái hiện những “tiếng nói” đang vang lên trong nhân vật. Một số cách diễn đạt mang dấu ấn của khẩu ngữ được bảo lưu trong lời kể: <i>Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà?</i></p> <p>2. Kết luận:</p> <p>- Tùy hoàn cảnh và mục đích giao tiếp chúng ta có thể sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Nhưng</p>

<p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS nghe câu hỏi, trả lời</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>nếu đã sử dụng ngôn ngữ ở dạng nào thì cần đảm bảo sự nhất quán trong cách dùng từ ngữ đặt câu phù hợp với dạng đó.</p> <p>- Trong tác phẩm truyện, sự mô phỏng, tái tạo ngôn ngữ nói bằng ngôn ngữ viết là một đối tượng khảo sát, nghiên cứu thú vị. Sự cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong văn bản nghệ thuật tạo ra một số hiện tượng đặc biệt về lời văn như lời nửa trực tiếp, lời độc thoại nội tâm, lời nhại....</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức về tiếng việt

b. Nội dung: GV phát phiếu học tập, HS trả lời vào phiếu bài tập

c. Sản phẩm: HS hoàn thành các bài tập trong phiếu bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm												
II. THỰC HÀNH													
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên giao nhiệm vụ:</p> <p>GV chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm thực hiện 1 bài tập, trả lời vào phiếu học tập.</p> <p>Nhóm 1: Bài 1- Phiếu học tập số 1</p> <table border="1"> <tr> <td colspan="2"> <p>Hãy tìm trong các bài viết của mình hoặc bạn bè một số trường hợp diễn đạt “giống văn nói” và đề xuất cách chỉnh sửa</p> </td></tr> <tr> <td>Bài viết</td><td>Cách chỉnh sửa</td></tr> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>.....</td><td>.....</td></tr> </table>	<p>Hãy tìm trong các bài viết của mình hoặc bạn bè một số trường hợp diễn đạt “giống văn nói” và đề xuất cách chỉnh sửa</p>		Bài viết	Cách chỉnh sửa									<p>Bài 1. Học sinh trình bày sản phẩm của mình và chỉ ra một số trường hợp diễn đạt giống văn nói và đề xuất cách chỉnh sửa.</p> <p>Bài 2. Trong văn bản Chí Phèo những đoạn có sự cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hấn vừa đi vừa chửi ... cũng không ai biết... - Hấn về lớp này trông khác hẳn ... trông gớm chết. - Họ bảo nhau ... Ô hấn kêu! - Chỉ biết rằng thị ... mang ra cho Chí Phèo. - Hấn tự hỏi rồi tự trả lời ... chỉ gây kẻ thù. <p>Bài 3. Học sinh trình chiếu một cảnh trong một bộ phim hoặc một chương trình trên truyền hình có đoạn hội thoại hội và nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện trong đoạn hội thoại đó. Từ đó đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói ở ví dụ mà học sinh đã chọn.</p>
<p>Hãy tìm trong các bài viết của mình hoặc bạn bè một số trường hợp diễn đạt “giống văn nói” và đề xuất cách chỉnh sửa</p>													
Bài viết	Cách chỉnh sửa												
.....													
.....													
.....													
.....													

Nhóm 2: bài 2- Phiếu học tập số 2

Tìm trong văn bản Chí Phèo những đoạn cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

.....

.....

.....

.....

.....

Nhóm 3: Bài 3- Phiếu học tập số 3

Chọn một cảnh có hội thoại trong một bộ phim hoặc một chương trình trên truyền hình và nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện trong cảnh này. Từ đó đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói ở ví dụ mà bạn đã chọn.

Chọn một cảnh hội thoại hoặc chương trình trên truyền hình	Nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói	Đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt
.....		
.....		
.....		

Nhóm 4: Bài 4- Phiếu học tập số 4

Thể hiện nội dung của hội thoại được chọn ở bài tập 3 bằng ngôn ngữ viết và nhận xét sự khác biệt về phương tiện

- Gợi ý nhận xét: Đặc điểm ngôn ngữ trong chương trình: Ngôn ngữ nói, được thể hiện bằng âm thanh, đây cũng là lời nói trong giao tiếp hằng ngày. Nhân vật giao tiếp trực tiếp, phản hồi tức khắc, có sự đổi vai. Có các phương tiện hỗ trợ: ngữ điệu, ánh mắt nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...

- Đánh giá hiệu quả trình bày: Giúp cho người nghe dễ dàng nắm bắt thông tin, truyền đạt thông tin nhanh gọn. Người nghe có thể hiểu thêm về lời nói qua ngữ điệu, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...

Bài 4:

Gợi ý nhận xét:

- Phương tiện ngôn ngữ nói: âm thanh. Phương tiện hỗ trợ: ngữ điệu, nét mặt ánh mắt, cử chỉ điệu bộ.

- Phương tiện ngôn ngữ viết: chữ viết. Phương tiện hỗ trợ dấu câu.

Bài 5:**1. Ngôn ngữ nói**

- Ưu thế: Kết hợp giữa lời nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ... làm tăng tính biểu cảm rõ nét hơn.

- Giới hạn: Diễn ra tức thời nên không có thời gian suy ngẫm, gọt giũa.

2. Ngôn ngữ viết

- Ưu thế: Có điều kiện suy ngẫm, gọt giũa, đọc lại, hướng đến tính chuẩn của ngôn ngữ

- Giới hạn: Không có sự hỗ trợ của ngôn ngữ phi lời nói.

ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.			
Chọn ở bài tập 3 bằng ngôn ngữ viết	Nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.		
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

Nhóm 5: Bài 5- Phiếu học tập số 5

Phân tích những ưu thế và giới hạn của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.			
ngôn ngữ nói		ngôn ngữ viết	
Ưu thế	Giới hạn	Ưu thế	Giới hạn
.....			
.....			
.....			

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh hoàn thành nhiệm vụ vào các phiếu học tập của mình

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Mỗi nhóm cử 1 đại diện trình bày sản phẩm của nhóm mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại vấn đề, nhận xét, đánh giá, bổ sung từng phiếu học tập.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Có thể giao về nhà)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Tìm từ ngữ thích hợp điền vào cột tương ứng

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Tìm từ ngữ thích hợp điền vào cột tương ứng

Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết
...?	Sợ hãi
Lộn ruột, điên tiết, sôi máu...	...?
...?	Rất đẹp
Lười chảy thây, lười thối thây...	...?
...?	Vui mừng

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh hoàn thành nhiệm vụ vào các phiếu học tập của mình

B3. Báo cáo thảo luận

Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết
Đứng tim, lạnh xương sống, hết hồn, hú vía...	Sợ hãi
Lộn ruột, điên tiết, sôi máu...	Bực tức
Đẹp mê hồn, đẹp ngất ngây, ...	Rất đẹp
Lười chảy thây, lười thối thây...	Lười biếng
Vui hết nắc, vui bốc giờ...	Vui mừng

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chốt lại vấn đề, nhận xét, đánh giá, bổ sung từng phiếu học tập.

4. Củng cố:

Khi nói hay viết cần theo đúng đặc trưng mỗi loại ngôn ngữ, đặc biệt là không dùng “văn nói” trong khi viết văn.

5. HDVN: Chuẩn bị bài Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội

- Tìm 1 số vấn đề có ý nghĩa từ cuộc sống hàng ngày.
- Đọc trước bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi
- Tìm hiểu trước phần thực hành viết

Phụ lục 1: Phiếu học tập**Phiếu học tập số 1.**

Hãy tìm trong các bài viết của mình hoặc bạn bè một số trường hợp diễn đạt “giống văn nói” và đề xuất cách chỉnh sửa

Bài viết	Cách chỉnh sửa
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

Phiếu học tập số 2

Tìm trong văn bản Chí Phèo những đoạn cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

.....
.....
.....
.....
.....

Phiếu học tập số 3:

Chọn một cảnh có hội thoại trong một bộ phim hoặc một chương trình trên truyền hình và nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện trong cảnh này. Từ đó đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt thông tin bằng lời nói ở ví dụ mà bạn đã chọn.

Chọn một cảnh hội thoại hoặc chương trình trên truyền hình	Nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ nói	Đánh giá hiệu quả trình bày, truyền đạt
.....		
.....		

.....		
-------	-------	-------

Phiếu học tập số 4

Thể hiện nội dung của hội thoại được chọn ở bài tập 3 bằng ngôn ngữ viết và nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.

Chọn ở bài tập 3 bằng ngôn ngữ viết	Nhận xét sự khác biệt về phương tiện ngôn ngữ biểu đạt trong hai trường hợp.
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

Phiếu học tập số 5

Phân tích những ưu thế và giới hạn của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

Ngôn ngữ nói		Ngôn ngữ viết	
Ưu thế	Giới hạn	Ưu thế	Giới hạn
.....			
.....			
.....			

Phụ lục 2. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, nhiều yêu cầu chưa thực hiện được. Trình bày cẩu thả.	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu

		Không có lỗi chính tả	Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa thực hiện đủ các yêu cầu của bài tập. Một số ý chưa chính xác	4 – 5 điểm Thực hiện tương đối đầy đủ các yêu cầu. Nhiều ý chính xác	6 điểm Thực hiện đầy đủ các yêu cầu Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Ngày soạn:

BÀI 3: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

PHẦN 3. VIẾT

Tiết 8, 9: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

(Con người với cuộc sống xung quanh)

(.... tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh.
- Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lý lẽ sắc bén và những bằng chứng phù hợp, sinh động
- Dẫn được những ý kiến trái chiều về vấn đề, Thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lý lẽ sắc bén và bằng chứng phù hợp, sinh động
- Dẫn được những ý kiến trái chiều có thể có vì vấn đề được bàn luận để phản bác nhằm củng cố lực lượng bài viết
- Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề

2. Về năng lực: Năng lực tạo lập văn bản, Năng lực tư duy, năng lực làm việc cá nhân, năng lực phản biện

3. Về phẩm chất: Chủ động, sáng tạo, có thái độ rõ ràng đối với những ý kiến trái chiều

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng, máy tính, máy chiếu, ...

2. Học liệu: SGK, SGV, Phiếu học tập, tranh ảnh, ...

- Một số bức tranh đưa vào slide cho HS quan sát:



Tranh về “an toàn giao thông”

Tranh về “ô nhiễm môi trường”



Tranh về “phân biệt chủng tộc”

Tranh về vấn đề “việc làm”

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

*HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS biết huy động những trải nghiệm và kiến thức nền có liên quan tới việc tiếp nhận nội dung văn bản.

b. Nội dung: HS quan sát và phát biểu về vấn đề liên quan đến nội dung của từng bức tranh.

c. Sản phẩm:

- HS nhận biết được sự việc, nội dung mà các bức tranh thể hiện.

- HS phát hiện được vấn đề mà bức tranh đề cập tới.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS quan sát lần lượt các bức tranh đưa yêu cầu gọi suy đoán về các vấn đề được đề cập trong từng bức tranh.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát và giơ tay phát biểu.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Câu trả lời của HS</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Sau mỗi câu trả lời của HS, GV đưa ra đáp án và dẫn dắt vào bài.</p> <p>GV hỏi “Em có suy nghĩ gì về những vấn đề được nêu trên?”</p> <p>GV nhận xét chung và gợi mở vấn đề cần chú ý.</p> <p>+ Cuộc sống xung quanh của chúng ta có rất nhiều vấn đề bức thiết đáng quan tâm.</p> <p>+ Con người cần biết quan tâm tới cuộc sống xung quanh và có cái nhìn nhận, đánh giá riêng về từng vấn đề.</p> <p>Để bày tỏ được quan điểm, đánh giá riêng, chúng ta cần biết cách triển khai 1 văn bản nghị luận. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng học tiết... “Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội – Con người với cuộc sống xung quanh”.</p>	<p>-Bức tranh số 1: Vấn đề “An toàn giao thông”.</p> <p>-Bức tranh số 2: Vấn đề “Ô nhiễm môi trường”.</p> <p>-Bức tranh số 3: Vấn đề “Phân biệt chủng tộc”.</p> <p>-Bức tranh số 4: Vấn đề “Việc làm”.</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC*Nội dung 1: Tìm hiểu Tri thức ngữ văn.**

a. Mục tiêu: HS biết huy động lí thuyết để vận dụng cho thực hành, phân tích văn bản và áp dụng vào bài viết.

b. Nội dung: HS tái hiện kiến thức về cấu trúc của văn bản nghị luận và các yếu tố hỗ trợ.

c. Sản phẩm: HS nhắc lại được kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Gv hỏi: Cấu trúc của văn bản nghị luận bao gồm những yếu</p>	<p>-Cấu trúc văn bản nghị luận gồm:</p>

tổ nào?	+ Luận đề.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và trả lời.	+ Luận điểm.
B3. Báo cáo thảo luận: HS giơ tay phát biểu.	+ Lí lẽ.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Từ câu trả lời của HS, GV nhấn mạnh kiến thức và gợi mở nội dung tiếp theo.	+ Bằng chứng.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS thể hiện được khả năng đọc diễn cảm.
- HS nhận diện được kiểu loại văn bản.
- HS hiểu và phân tích được các yếu tố cấu thành cơ bản của văn bản.

b. Nội dung:

- Đọc văn bản.
- Xác định thể loại của văn bản và tính đặc thù của tiểu loại văn bản “Lắng nghe những tiếng thì thầm của cuộc sống”.
- Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng của văn bản.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời về loại của văn bản và tiểu loại mà văn bản có thể được xếp vào.
- Câu trả lời về luận đề và luận điểm của văn bản (Phiếu học tập của HS làm trong 3 phút).

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN. B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ học tập, hướng dẫn HS đọc thành tiếng VB. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc nối tiếp văn bản, khi đọc HS cần thể hiện được sự tiếp nhận của cá nhân qua giọng đọc phù hợp với từng đoạn VB.	

B3. Báo cáo thảo luận:

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét chung về hoạt động đọc.

HOẠT ĐỘNG 2: PHÂN TÍCH VĂN BẢN.**NHIỆM VỤ 1.****B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv hỏi: VB “Lắng nghe những tiếng thì thầm của cuộc sống” thuộc loại văn bản gì?
- Gv phát phiếu học tập. Sau 3 phút gọi bất kì HS trong lớp trả lời nhanh.

1. Vấn đề được bàn luận trong văn bản ?	
2. Nêu các luận điểm được triển khai trong văn bản?	

-Loại văn bản: Văn bản Nghị luận.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân trong 3 phút.

B3. Báo cáo thảo luận: HS trả lời theo phiếu học tập.

B4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành bài tập của HS.

NHIỆM VỤ 2.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 5 nhóm

- Mỗi nhóm sẽ phụ trách tìm luận cứ của một luận điểm trong văn bản mẫu.

Luận điểm....	Luận cứ, lí lẽ, bằng chứng

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn thành phiếu học tập trong 05 phút.

B3. Báo cáo thảo luận: Mỗi nhóm cử 1 đại diện lên

trình bày bài tập.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Dựa trên mức độ hoàn thành bài tập, phần trình bày của đại diện mỗi nhóm.

-LĐ1: Bàn về nghĩa của từ “lắng nghe”.

-LĐ2: Bàn về việc lắng nghe những nỗi buồn vui của con người.

Phiếu học tập của HS trình bày trên giấy khổ lớn.

*LĐ1: Bàn về nghĩa của từ “lắng nghe”.

- LC1: Lắng nghe trước hết thể hiện sự tập trung tiếp nhận âm thanh từ bên ngoài.

- LC2: Lắng nghe còn có nghĩa là thấu hiểu, đồng cảm.

- LC3: Biết lắng nghe có nghĩa là có khả năng sẻ chia với những nghĩ suy, tâm tư khát vọng của người khác...

*LĐ2: Bàn về việc lắng nghe những nỗi buồn vui của con người.

- LC1: “Khi lắng nghe... Cung bậc tình cảm”

Dẫn chứng:

+ Lời tâm sự của cô bé đang nằm trên giường bệnh.

+ Tiếng thở dài của người

<p>-LĐ3: Bàn về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên qua trải nghiệm.</p> <p>-LĐ4: Phản bác ý kiến trái chiều.</p>	<p>nông dân.</p> <p>+ Nỗi mong mỏi được về quê của người lao động</p> <p>- LC2: “Biết lắng nghe... Cảnh ngộ”</p> <p>Dẫn chứng:</p> <p>+ Ta vui mừng...</p> <p>+ Ta đau buồn...</p> <p>- LC3: “Lắng nghe... Biết nhường nào”</p> <p>*LĐ3: Bàn về việc lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên qua trải nghiệm.</p> <p>-LC 1: “Thiên nhiên quanh ta cũng có tiếng nói riêng của nó”</p> <p>Dẫn chứng: tiếng thì thầm của lá, giọt sương,...</p> <p>-LC 2: Mỗi người cần lắng đọng để suy nghĩ khi đối diện với mẹ thiên nhiên vĩ đại...</p> <p>*LĐ4: Phản bác ý kiến trái chiều.</p> <p>-Tác giả đưa ra câu hỏi liệu có thể bỏ qua “những tiếng thì thầm ấy”?</p> <p>-Lợi ích: tránh được những phiền toái không liên quan.</p> <p>-Tác hại: Cuộc đời sẽ nhạt nhẽo, toàn âm thanh ồn ã và chất chứa, sẽ không có sẻ chia và yêu thương, con người sẽ tẻ nhạt và cô đơn</p> <p>*LĐ5: Bàn về ý nghĩa của việc</p>
--	---

<p>-LĐ5: Bàn về ý nghĩa của việc lắng nghe.</p>	<p>lắng nghe.</p> <p>-LC 1: Lắng nghe sẽ giúp ta biết cảm nhận chân thực, biết trân quý những giá trị sống.</p> <p>-LC 2: Lắng nghe sẽ nhận được những gửi trao đầy ấp yêu thương.</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: HS viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

b. Nội dung: Viết bài văn nghị luận.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS viết bài.</p> <p><i>- Từ trải nghiệm, suy nghĩ bản thân về cuộc sống; từ sách báo, các phương tiện truyền thông... sau đó chọn một vấn đề tâm đắc làm đề tài cho bài viết.</i></p> <p><i>* Gợi ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao học sinh cần tham gia các hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở địa phương? - Cách tổ chức cuộc sống cá nhân có vai trò như thế nào trong việc hoàn thiện nhân cách? - Việc tiếp thu ý kiến của người khác có mâu thuẫn với việc khẳng định tính tự chủ của bản thân? - Ý nghĩa của phát ngôn có trách nhiệm trong giao tiếp xã hội là gì? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS dựa vào các gợi ý để tìm hiểu vấn đề.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo kết quả hoạt động.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá qua câu trả lời, sự sôi nổi, hứng thú của HS.</p>	<p>-Câu trả lời của HS.</p>

--	--

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm												
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn, yêu cầu HS làm phiếu học tập trong 05 phút để tìm ý cho bài viết.</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin: 10px 0;"> <p>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: PHIẾU TÌM Ý</p> <p>NHÓM/CÁ NHÂN:..... Lớp:.....</p> <p>Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn nghị luận về vấn đề mình lựa chọn.</p> <p>Gợi ý:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">1. Bài viết bàn luận về vấn đề gì?</td><td style="width: 50%;"></td></tr> <tr> <td>2. Các khía cạnh của vấn đề bàn luận là... (tìm các luận điểm cho bài viết)</td><td></td></tr> <tr> <td>3. Tác động tích cực hay tiêu cực tới đời sống con người?</td><td></td></tr> <tr> <td>4. Tìm dẫn chứng cho vấn đề mình lựa chọn.</td><td></td></tr> <tr> <td>5. Đưa ra ý kiến trái chiều (phản bác ý kiến)</td><td></td></tr> <tr> <td>6. Ý nghĩa của vấn đề đối với cuộc sống</td><td></td></tr> </table> </div> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm phiếu học tập trong 05 phút.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo kết quả thực hiện hoạt động.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và hướng dẫn viết theo bố cục 3 phần mở bài, thân bài, kết bài.</p>	1. Bài viết bàn luận về vấn đề gì?		2. Các khía cạnh của vấn đề bàn luận là... (tìm các luận điểm cho bài viết)		3. Tác động tích cực hay tiêu cực tới đời sống con người?		4. Tìm dẫn chứng cho vấn đề mình lựa chọn.		5. Đưa ra ý kiến trái chiều (phản bác ý kiến)		6. Ý nghĩa của vấn đề đối với cuộc sống		<p>-Phiếu học tập của HS.</p> <p>-Mở bài: Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận.</p> <p>Gợi ý: Có thể nêu vấn đề thông qua một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức...</p> <p>-Thân bài:</p> <p>+ Trình bày bản chất của vấn đề đời sống (Nêu quan điểm của người viết).</p> <p>+ Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau, bàn về các khía cạnh của vấn đề.</p> <p>+ Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều (lí lẽ và bằng chứng)</p> <p>+ Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng.</p> <p>-Kết bài: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề.</p>
1. Bài viết bàn luận về vấn đề gì?													
2. Các khía cạnh của vấn đề bàn luận là... (tìm các luận điểm cho bài viết)													
3. Tác động tích cực hay tiêu cực tới đời sống con người?													
4. Tìm dẫn chứng cho vấn đề mình lựa chọn.													
5. Đưa ra ý kiến trái chiều (phản bác ý kiến)													
6. Ý nghĩa của vấn đề đối với cuộc sống													

--	--

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm												
<p>HOẠT ĐỘNG VIẾT.</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện viết bài ở nhà, chỉnh sửa và hoàn thiện vào tiết sau.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS viết bài.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: Bài viết của HS.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>HOẠT ĐỘNG CHỈNH SỬA, HOÀN THIỆN</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>– Nhiệm vụ (1): Nhóm 2 HS trao đổi bài viết nghị luận cho nhau để đọc bài của bạn.</p> <p>– Nhiệm vụ (2): Mời 1 HS đọc bài viết của mình trên lớp, các HS khác góp ý, trao đổi dựa vào bảng kiểm.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">MẪU PHIẾU GÓP Ý</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nội dung trao đổi về văn bản nghị luận</td><td>Câu trả lời</td></tr> <tr> <td>Điều bạn làm tốt</td><td></td></tr> <tr> <td>Kinh nghiệm học hỏi từ bạn</td><td></td></tr> <tr> <td>Điều còn băn khoăn</td><td></td></tr> <tr> <td>Phần đề xuất bạn chỉnh sửa</td><td></td></tr> </tbody> </table> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc bài của bạn, lắng nghe bài của bạn và hoàn thiện phiếu góp ý.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>+ HS ghi lại 3 điều học được từ quá trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.</p> <p>+ HS ghi lại 2 điều học hỏi được từ bài văn nghị luận của các bạn</p> <p>+ HS ghi lại 1 hoạt động dự định sẽ thực hiện sau tiết học để nâng cao kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề</p>	MẪU PHIẾU GÓP Ý		Nội dung trao đổi về văn bản nghị luận	Câu trả lời	Điều bạn làm tốt		Kinh nghiệm học hỏi từ bạn		Điều còn băn khoăn		Phần đề xuất bạn chỉnh sửa		<p>-Bài viết của HS.</p> <p>-Sự đóng góp ý kiến của các HS trong lớp về bài của bạn.</p>
MẪU PHIẾU GÓP Ý													
Nội dung trao đổi về văn bản nghị luận	Câu trả lời												
Điều bạn làm tốt													
Kinh nghiệm học hỏi từ bạn													
Điều còn băn khoăn													
Phần đề xuất bạn chỉnh sửa													

xã hội.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá dựa trên bài viết của HS, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HS, sự sôi nổi, hào hứng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: HS chỉnh sửa, hoàn thiện, khắc phục được nhược điểm về bài viết của mình.

b. Nội dung: HS sửa lại bài viết của mình.

c. Sản phẩm: Bài viết đã được chỉnh sửa hoàn chỉnh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS chỉnh sửa lại bài viết của mình ở nhà.	-Bài viết đã hoàn chỉnh của HS.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn chỉnh bài viết.	
B3. Báo cáo thảo luận:	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	

Ngày soạn: ...

BÀI 3

CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết... TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận.
- Trình bày ý kiến bản thân về vấn đề . (góc nhìn riêng, phân tích và đánh giá cụ thể)
- Rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực cốt lõi:

- *Nói*: Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm nghệ thuật.
- *Nghe*: Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.
- *Nói nghe tương tác*: Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

3. Về phẩm chất: Biết tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác trước một vấn đề xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Tivi, máy tính xách tay hoặc để bàn
- Điện thoại của GV, HS; máy ghi âm (nếu có)
- Phần mềm zalo, Palet

2. Học liệu

- Phiếu giao nhiệm vụ
- Bảng kiểm
- Bài giảng điện tử
- Video thảo luận của HS

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

GV kiểm tra tình hình chuẩn bị bài của HS, có thể lựa chọn theo 2 cách:

Cách 1: Yêu cầu các nhóm trưởng báo cáo về tình hình chuẩn bị bài, kết quả làm việc (sản phẩm) của nhóm.

Cách 2: GV đi một vòng quan sát sản phẩm của các nhóm đã chuẩn bị

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS có hứng thú, tâm thế chủ động khi thực hành nói và nghe, biết khơi gợi, kết hợp các kiến thức và kỹ năng đã học để chuẩn bị thực hiện

b. Nội dung: Nghe một bài thuyết trình tiêu biểu, đưa ra những cảm nhận của bản thân

c. Sản phẩm: Những chia sẻ cảm nhận của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. GV yêu cầu HS xem video sau đó đưa ra cảm nhận, ý kiến cá nhân về vấn đề XH được trình bày-> trình chiếu video “ <i>Sức mạnh của ngôn từ</i> ” https://youtu.be/TGSTcGHfDGo	HS nêu được những nhận xét cá nhân về vấn đề XH được trình bày
B2 HS xem, ghi cảm nhận ra giấy nháp	
B3. GV cho HS chia sẻ cảm nhận, ấn tượng của bản thân	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV dẫn dắt vào bài mới	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

-HS biết cách trình bày, đánh giá một vấn đề XH, mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh.

-HS biết tôn trọng ý kiến, quan điểm người khác đối với vấn đề bàn luận., chấp nhận sự khác biệt của người khác.

- HS biết cách trình bày ý kiến một cách hợp lý, thuyết phục.

b. Nội dung: Thảo luận câu hỏi, chuẩn bị thuyết trình

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS đã thực hiện theo nhóm gửi vào patlet

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Thao tác 1. Chuẩn bị nói (Thực hiện ở nhà theo hướng dẫn của GV, bước 4 thực hiện ở lớp)	I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE 1. Lựa chọn đề tài Đề tài của bài nói đã được chuẩn bị ở phần viết hoặc các vấn đề sau: - Quan niệm về du học thế nào cho đúng? -Học đại học có phải là con đường duy nhất để kiến
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: GV chia lớp thành 6 nhóm và cho HS lựa chọn chủ đề nói (Có thể tiếp tục chủ đề đã thực hiện ở phần viết, hoặc chủ đề mới theo gợi ý trong SGK tr 95) (GV	

<p>duyet trước chủ đề.</p> <p>Bước 2: HS làm việc nhóm, thảo luận về các nội dung: đề tài, xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian, thời gian.; tìm và lập ý, sắp xếp ý.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>(Ở lớp)</p>	<p>tạo tương lai.</p> <p>Lắng nghe ý kiến người khác hay khẳng định tự chủ của bản thân.-</p> <p>2. Xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, thời gian và không gian nói</p> <p>3. Tìm ý và lập ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu chọn vấn đề đã giải quyết ở phần viết, cần xem lại dàn ý đã lập, đối chiếu với nội dung bài nói. - Nếu chọn vấn đề mới, cần phải tìm ý và sắp xếp ý cho phù hợp. - Lưu ý: + Bài nói có 3 phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc. + Lựa chọn luận điểm trọng tâm mà bạn tâm đắc nhất để trình bày, tóm tắt hệ thống luận điểm dưới dạng sơ đồ để chủ động khi trình bày và giúp người nghe dễ theo dõi. + Sắp xếp các nội dung cho phù hợp thời gian nói, không gian, đối tượng.. + Dự kiến các ý kiến trái chiều và phản hồi của bản thân. + Dự kiến sử dụng kết hợp có hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ.
<p>** Thao tác 2: Tổ chức nói</p> <p>Bước 1: HS bắt thăm đại diện nhóm trình bày</p> <p>Bước 2: HS chuẩn bị nói, dự kiến trước các tình huống có thể gặp, dự kiến về ngữ điệu, cử chỉ...</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả: HS thực hành nói, chú ý tương tác với người nghe.</p> <p>-Các bạn nghe, ghi chép nhận</p>	<p>II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI</p> <p>-Bám sát dàn ý đã chuẩn bị để thực hiện bài nói một cách bình tĩnh, tự tin, chủ động, tăng cường tương tác với người nghe, đảm bảo đúng thời gian quy định.</p> <p>Mở đầu: Nêu vấn đề xã hội cần đánh giá, bình luận.</p> <p>Trọng tâm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân tích diễn giải để làm rõ bản chất vấn đề. + Nêu rõ ràng, cụ thể ý kiến của bản thân về vấn đề (Có lý lẽ và bằng chứng cụ thể)

xét)	+ Đối thoại với những ý kiến khác biệt để củng cố quan điểm của mình về vấn đề
Bước 4: Nhận xét, đánh giá, tư vấn và bổ sung cho bài nói của HS	Kết: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá bình luận vấn đề, xin ý kiến nhận xét góp ý của mọi người.

Thao tác 3. Trao đổi, đánh giá.

- Người nói:
- + Thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe, tôn trọng ý kiến trái chiều.
- + Nắm bắt thắc mắc của người nghe để giải đáp thỏa đáng trong thời gian cho phép.
- Người nghe:
- + Chủ động nêu ý kiến thảo luận (Thắc mắc cần được giải đáp, cách hiểu khác về bản chất vấn đề, quan điểm khác của người nói trong đánh giá, bình luận vấn đề.
- + Ý kiến đánh giá cần chú ý vào cả 2 phương diện: nội dung VĐ và cách trình bày VĐ
- Có thể đánh giá qua bảng kiểm sau:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn được vấn đề thu hút sự quan tâm của XH để nêu ý kiến		
2	Ý kiến đánh giá, bình luận về vấn đề được trình bày mạch lạc rõ ràng		
3	Trình bày đúng bản chất vấn đề		
4	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng hiệu quả các phương tiện công nghệ (Nếu có)		
5	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe, làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

- a. Mục tiêu:** HS nói thành thạo, lưu loát và thuyết phục vấn đề mà mình lựa chọn.
- b. Nội dung:** HS nói về các chủ đề mình lựa chọn
- c. Sản phẩm:** Video nói của cá nhân hoặc cặp về vấn đề được gửi qua patlet
- d. Tổ chức thực hiện:** HS làm ở nhà

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS đăng ký chủ đề nói	

<p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nói ở nhà theo nhiều hình thức. Những HS khá có thể tổ chức nói phản biện, những HS còn hạn chế NL nói có thể tự nói và quay video.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận. Cặp đôi nhận xét, chấm bài nói cho nhau</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Qua bảng kiểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm video nói của HS gửi qua palet - Bảng kiểm nhận xét, đánh giá bài nói của bạn
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: Tổ chức ngoài giờ học

a. Mục tiêu: HS nói hấp dẫn, lôi cuốn, có sức lan tỏa

b. Nội dung: Tổ chức CLB tranh biện, các chuyên đề có nội dung hùng biện hoặc tranh biện

c. Sản phẩm: Các sản phẩm tranh biện, hùng biện của HS

d. Tổ chức thực hiện: CLB tranh biện, Sân khấu hóa TP VHDG ...

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Sắp tới CLB tranh biện của trường tổ chức tranh biện về vấn đề Tình yêu tuổi học trò, em hãy chuẩn bị bài nói về bày tỏ quan điểm về VD trên

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tự thực hiện và gửi Sp cho chủ nhiệm CLB

B3. Báo cáo thảo luận: Bình chọn qua zalo

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

4. củng cố:

5. HDVN:

Ngày soạn:

BÀI 4

TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Thời gian thực hiện: 09 tiết

(Đọc: 05 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả.
- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.
- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.
- Nắm bắt được các kiểu lỗi về thành phần câu, biết cách sửa lỗi và vận dụng vào việc sử dụng tiếng Việt của bản thân.

2. Về năng lực:

- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).
- Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hoá.

3. Về phẩm chất:

Biết đồng cảm, yêu thương con người; biết trân trọng vẻ đẹp thủy chung trong tình yêu.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết- VĂN BẢN 1:

LỜI TIỄN DẶN

(Trích *Tiến dặn người yêu* – Truyện thơ dân tộc Thái)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Học sinh nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của truyện thơ dân gian trên các phương diện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả.

2. Về năng lực:

- Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: Học sinh nhận biết và phân tích được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ (thể hiện qua văn bản đọc).

- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc- viết trong bài học.

3. Về phẩm chất:

Học sinh đồng cảm với tình yêu sắt son giữa hai nhân vật và thái độ ca ngợi tình yêu đó của tác giả dân gian.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV, bài giảng PPT, phiếu học tập và các tài liệu tham khảo.

2. Học liệu: Đĩa/video hát của các nghệ nhân về “Xống trụ xon xao”- Tiễn dặn người yêu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				
11				

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: 100% HS sẵn sàng tiếp cận, hứng thú với bài học.

b. Nội dung: Những tri thức nền về thơ và truyện thơ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs xem video Xống chụ xon xao và trả lời câu hỏi: cảm nhận của em về lời hát của các nghệ nhân. Hoặc hỏi học sinh về 1 số phong tục của dân tộc Thái: hôn nhân, sinh hoạt... B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe và trả lời câu hỏi. B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo kết quả	Tái hiện tri thức về truyện thơ

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV kết luận, đưa ra dữ kiện bổ sung (nếu có).
- GV kết luận, dẫn dắt vào bài.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN**

a. Mục tiêu: HS nhắc lại khái niệm truyện thơ, truyện thơ dân gian; nhận biết được yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

q. Nội dung: Những tri thức về môn Ngữ văn

r. Sản phẩm: Phiếu HT số 1

s. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs			Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ			I. TRI THỨC NGŨ VĂN
HS làm việc theo nhóm 4, hoàn thành bảng đối chiếu truyện thơ và truyện thơ dân gian. Sau khi xong, GV chiếu đáp án trên màn hình. HS các nhóm chấm chéo và tự chỉnh sửa bằng bút màu khác.			1. Truyện thơ và truyện thơ dân gian
			a. Truyện thơ
			– Loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,... được thể hiện dưới hình thức thơ.
			– Dung lượng lớn.
			– Bao quát được nhiều sự kiện, con người, chi tiết cụ thể, sinh động của đời sống thường nhật.
			b. Truyện thơ dân gian
			Mang các đặc điểm của văn học dân gian:
			– Do tầng lớp bình dân hoặc các trí thức sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác.
			– Lưu hành chủ yếu bằng con đường truyền miệng nhưng cũng có khi thông qua các văn bản viết.
			– Khai thác đề tài từ nhiều nguồn khác nhau như truyền thuyết, cổ tích, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường.
Tiêu chí	Truyện thơ	Truyện thơ dân gian	
Khái niệm			
Đặc điểm			
Cốt truyện			
Nhân vật			
Ngôn ngữ			
- Đọc phần tri thức Ngũ văn trong sgk, điền khuyết vào chỗ trống để hoàn thành những đặc điểm của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.			
+ Thơ trữ tình ưu tiên thể hiện của nhân vật trữ tình.			
+ Trong thơ trữ tình có các yếu tố....., độc giả dễ nhận ra bóng dáng của một câu chuyện, một sự kiện.			
+ Các câu chuyện thường chỉ được “kể” ở mức độ để cảm xúc của nhà thơ			

<p>được bộc lộ</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Hs thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đã phân công</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Hs gửi phiếu kết quả</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận 	<ul style="list-style-type: none"> – Kết hợp hài hòa yếu tố tự sự và trữ tình. – Thể hiện đời sống hiện thực, những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo. – Ngôn ngữ giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây,... – Truyện thơ dân gian đặc biệt phát triển trong sinh hoạt văn hóa, văn học của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam. <p>2. Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thơ trữ tình ưu tiên thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình. – Trong thơ trữ tình có các yếu tố tự sự, độc giả dễ nhận ra bóng dáng của một câu chuyện, một sự kiện. – Các câu chuyện thường chỉ được “kể” ở mức độ vừa đủ để cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ trọn vẹn.
--	---

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1 - *LỜI TIỄN DẶN*

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: nhận biết được một số yếu tố của thơ và truyện thơ.

b. Nội dung: tìm hiểu chung về tác phẩm, đoạn trích.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc: HS đọc nối tiếp, thực hiện các nhiệm vụ trong khi đọc (theo dõi, dự đoán, chú thích, tưởng tượng). - Trong quá trình đọc, gặp các thẻ câu hỏi theo dõi, dự đoán, tưởng tượng dừng 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác phẩm <i>Tiến dặn người yêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến dặn người yêu (Xống chụ xon xao) của dân tộc Thái là truyện thơ nổi tiếng trong kho tàng truyện thơ các dân tộc thiểu số.

lại 1 phút để suy ngẫm.

- Nêu những thông tin chung về tác phẩm “Tiễn dặn người yêu” và đoạn trích “Lời tiễn dặn”.

- Tóm tắt văn bản “Tiễn dặn người yêu”: HS trình bày trong 1-2 phút.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

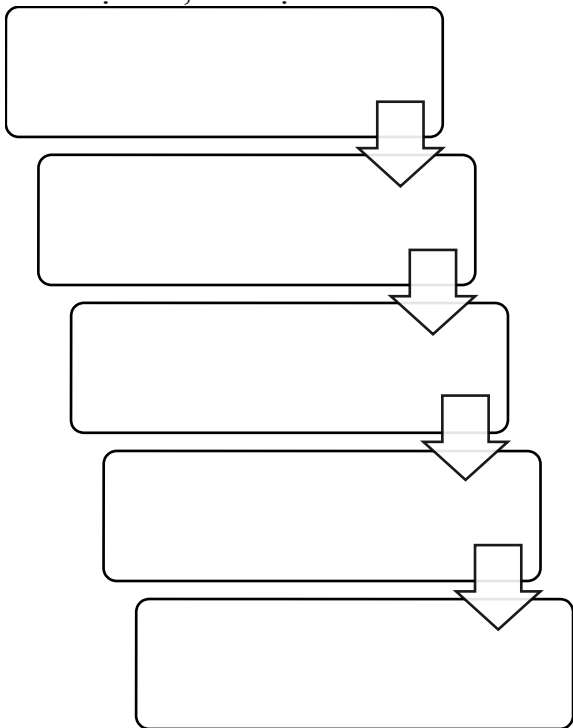
HS thực hiện nhiệm vụ trên lớp

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS nêu những nét chính về tác phẩm và đoạn trích.

Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận

GV nhận xét, kết luận



- Dung lượng: 1846 câu thơ trong đó có khoảng gần 400 câu là lời chàng trai tiễn dặn cô gái.

- Nội dung: kể về chuyện tình éo le, đắm nước mắt của đôi nam nữ dân tộc Thái.

- Tóm tắt (sgk)

2. Đoạn trích *Lời tiễn dặn*

- Đoạn trích gồm 2 đoạn được ghép thành từ hai lời tiễn dặn trong tác phẩm.

- Nội dung:

+ Lời 1: thể hiện tâm sự của chàng trai khi tiễn dặn cô gái về nhà chồng.

+ Lời 2: bộc lộ niềm thương xót của anh khi chứng kiến cảnh cô gái bị nhà chồng đánh đập, hành hạ.

=> Cả 2 lời đều tha thiết, cảm động, cho thấy tình yêu sắt son, bền chặt, mãi không nhạt phai giữa hai nhân vật chính.

- Nghệ thuật: Kết hợp tự sự và trữ tình. Lời diễn đạt mộc mạc, gần gũi.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: HS phân tích được được các yếu tố tiêu biểu của thơ và truyện thơ: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả; ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình; Hiểu được chủ đề của văn bản; liên hệ được sự giống và khác nhau giữa các nhân

vật trữ tình ở các bài thơ, truyện thơ khác nhau; nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.

b. Nội dung: Nội dung, nghệ thuật của đoạn trích.

c. Sản phẩm: câu trả lời của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Xác định bối cảnh của câu chuyện và Lời kể chuyện? Cá nhân làm -> GV chốt</p> <p>Bối cảnh: Cô gái và chàng trai yêu nhau nhưng không đến được với nhau. Cô gái phải đi lấy người khác và chàng trai muốn đến tiền cô để nói lời từ biệt cùng tấm lòng son sắt. Họ ngồi lại cánh đồng nói chuyện và ai cũng mang theo tâm trạng không lời rời.</p> <p>Lời kể trong đoạn trích của ai? So với 1 số tác phẩm viết bằng văn xuôi đã học, lời kể ở đây có điểm gì đặc biệt?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận</p> <p>- HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>- GV nhận xét, kết luận</p> <p>Nhiệm vụ 2:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Hình thức: Làm việc nhóm, lớp chia thành 3 nhóm tương ứng với 3 nhiệm vụ (Hs chuẩn bị ở nhà).</p> <p>- Mỗi nhóm tự chuẩn bị nhiệm vụ của</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Bối cảnh của câu chuyện và Lời kể chuyện</p> <p>a. Bối cảnh của câu chuyện</p> <p>Những trở ngại ngăn đôi trai gái yêu nhau thành vợ chồng, do đó càng làm bùng ước nguyện gắn bó của 2 người.</p> <p>b. Lời kể chuyện</p> <p>- Lời kể: của chàng trai.</p> <p>- Đặc điểm lời kể: Lời kể trong câu chuyện từ ngôi thứ nhất. Nhưng do lời kể được thể hiện bằng hình thức thơ nên tính trữ tình gia tăng, gây ấn tượng đoạn trích mang đặc điểm tương tự một bài thơ trữ tình dài với nội dung chính là thổ lộ cảm xúc của chủ thể.</p> <p>2. Tâm trạng của nhân vật trữ tình</p> <p>* Tâm trạng của chàng trai và cô gái khi tiễn đưa cô gái về nhà chồng</p> <p>– Tâm trạng của cô gái:</p>

<p>nhóm ở nhà theo phân công sau:</p> <p>+ Nhóm 1: Chàng trai và cô gái có tâm trạng như thế nào khi tiễn đưa cô gái về nhà chồng.</p> <p>+ Nhóm 2: Hoàn cảnh của cô gái ở nhà chồng và thái độ, cử chỉ của chàng trai khi chứng kiến cảnh đó.</p> <p>+ Nhóm 3: Lời thề nguyện thủy chung được thể hiện như thế nào?</p> <p>- Hình thức: Các nhóm tự lựa chọn hình thức nhưng phải đảm bảo yêu cầu: Có sản phẩm cụ thể để các nhóm khác có thể hiểu về ý tưởng và nội dung của nhóm mình làm. Mỗi nhóm cần chuẩn bị 1 phiếu bài tập mà nhóm mình đã làm để kiểm tra lại các thông tin sau khi các nhóm khác đến nhóm mình tìm hiểu.</p> <p>- Yêu cầu trên lớp: Các nhóm sẽ có tối đa 5p để chia sẻ những phần mà nhóm mình đã chuẩn bị ở nhà để các nhóm khác lắng nghe. Sau khi lắng nghe thì các nhóm phải hoàn thành phần bài tập hoặc trò chơi mà nhóm đã chuẩn bị.</p> <p>? Nhận xét tâm trạng của cô gái trên đường về nhà chồng và cách thể hiện tâm trạng ấy trong <i>Lời tiễn dặn</i>?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận</p> <p>- HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>- GV nhận xét, kết luận</p> <p>? Cho biết cách cư xử của chàng trai trong việc chứng kiến cô gái về nhà chồng?</p>	<p>+ Vừa đi - vừa → ngoảnh lại</p> <p>→ ngoái trông</p> <p>→ lòng càng đau càng nhớ.</p> <p>=> Sự lưu luyến, nuối tiếc, đau đớn, nhớ nhung, tuyệt vọng của cô gái.</p> <p>+ Cô gái đi qua các khu rừng:</p> <p>Rừng ớt - cay.</p> <p>Rừng cà - đắng.</p> <p>Rừng lá ngón - độc địa.</p> <p>→ Những từ “cay”, “đắng”, “độc địa” có lẽ là cuộc sống mà cô gái sắp phải đối mặt và bộc lộ tâm trạng đau đớn, buồn bã. Sự “chờ”, “đợi”, “ngóng trông” của cô gái là vô vọng. Cô gái dường như đang muốn kéo cho dài ra giây phút được ở bên người yêu: Vừa đi vừa ngoảnh lại – tìm có dừng lại để chờ chàng trai!</p> <p>=> Cô gái đau nhớ, chờ đợi, ngóng trông. Dồn hết tâm trí vào người yêu mà quên đi thực tại. Tác giả vừa trực tiếp gọi tên tâm trạng, vừa miêu tả các cử chỉ ngoại hiện làm nổi bật tình cảnh bi thiết của cô gái và khắc họa sâu sắc những gì diễn ra trong nội tâm nhân vật.</p> <p>– Tâm trạng của chàng trai:</p> <p>+ Nhấn nhủ, dằn dò.</p> <p>+ Muốn ngồi lại, âu yếm bên cô gái.</p> <p>+ Nặng con riêng của cô gái</p> <p>→ Lòng trân trọng cô gái và tâm trạng xót xa, đau đớn của anh.</p> <p>+ Chàng trai muốn mượn hương người yêu từ lúc này để mai đây “lửa xác đượm hơi” → suốt đời anh không còn yêu thương ai hơn cô gái để đến lúc chết xác chàng có thể nhờ có hương người đó mà cháy đượm (theo phong tục của người Thái)</p>
---	--

<p>? Qua lời chàng trai căn dặn người yêu, em thấy nhân vật này là người như thế nào?</p> <p>(chung tình, nhân hậu, kiên trì. Luôn nói lời thề nguyện sắt son; ân cần với con của người yêu; vỗ về, chăm sóc khi người yêu bị hành hạ</p> <p>? Điều gì xảy ra với cô gái khi ở nhà chồng?</p> <p>? Cử chỉ, thái độ của chàng trai khi chứng kiến cô gái bị đánh?</p> <p>? Qua đoạn trích chàng trai hiện lên với đặc điểm nào? Bạn thấy xúc động với biểu hiện nào nhất của chàng trai?</p> <p>? So sánh lời thề nguyện thủy chung và cách thể hiện lời thề nguyện ấy trong 2 lời tiễn dặn?</p> <p>Gv: Điệp từ “chết” và những hình ảnh thiên nhiên chỉ sự hoá thân gắn bó khăng khít của hai nhân vật trữ tình khẳng định tình yêu mãnh liệt, thủy chung son sắt của họ.</p> <p>+ Các hình ảnh so sánh tương đồng:</p> <p>Tình đôi ta - tình Lú - Ủa</p> <p>Lòng ta thương nhau - bền chắc như</p>	<p>→ Khẳng định tình yêu thủy chung, mãnh liệt.</p> <p>+ Lời hẹn ước của chàng trai đối với cô gái:</p> <p>Ước hẹn chờ đợi cô gái trong mọi thời gian, tình huống:</p> <p>Tháng năm lau nở</p> <p>Mùa nước đỏ cá về</p> <p>Chim tăng ló hót gọi hè</p> <p>Mùa hạ- mùa đông</p> <p>Thời trẻ- về già</p> <p>→ Những khoảng thời gian được tính bằng mùa vụ và đời người.</p> <p>=> Tâm trạng đầy đau đớn, tuyệt vọng và mâu thuẫn (vừa phải chấp nhận sự thật trở trêu vừa muốn kéo dài giây phút tiễn chân, âu yếm bên nhau). Đồng thời, nó còn cho thấy lời ước hẹn quyết tâm chờ đợi đoàn tụ của chàng trai qua lời ước hẹn.</p> <p>* Hoàn cảnh của cô gái ở nhà chồng và thái độ, cử chỉ của chàng trai khi chứng kiến cảnh đó</p> <p>– Hoàn cảnh của cô gái khi ở nhà chồng:</p> <p>+ Bố mẹ chồng xúi con trai đánh vợ</p> <p>+ Bị chồng đánh đập</p> <p>– Cử chỉ, thái độ của chàng trai khi chứng kiến cảnh cô gái bị chồng đánh:</p> <p>+ An ủi, vỗ về khi cô gái bị nhà chồng đánh đập, hắt hủi: “Dậy đi em... bụi hộ”</p> <p>+ Làm thuốc cho cô gái uống: “Anh chặt tre... khỏi đau”</p> <p>+ Giúp cô làm lụng: “Tơ rồi đôi ta... cán thuôn”.</p> <p>→ Sự quan tâm, săn sóc ân tình → chàng trai trở thành chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cô gái.</p>
---	--

<p>vàng, đá</p> <p>+ Các điệp ngữ (yêu nhau, yêu trọn)</p> <p>→ Khát vọng, ý chí đoàn tụ ko gì lay chuyển được. Khát vọng đó như được tạc vào đá, khắc vào gỗ</p> <p>? Đoạn trích cho biết điều gì về không gian tồn tại và đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc Thái?</p>	<p>=> Niềm xót xa, thương cảm sâu sắc của chàng trai đối với cô gái, từ đó trỗi dậy ý chí đưa người yêu về đoàn tụ cùng mình.</p> <p>* Lời thề nguyện thủy chung</p> <p>- Lời tiễn dặn 1:</p> <p>+ “<i>Đôi ta yêu nhau đợi đến tháng Năm lau nở</i>”</p> <p>+ “<i>Không lấy được nhau thời trẻ,về già</i>”</p> <p>-> sẽ yêu nhau trong mọi thời điểm, tình huống. Liệt kê dồn dập các tiết, các mùa trong năm làm nổi bật sự bền bỉ, nồng đượm của tình yêu qua năm tháng.</p> <p>- Lời tiễn dặn 2:</p> <p>+ <i>Chết thành sông...mát lòng</i></p> <p>+ <i>Chết thành đất....xanh thắm</i></p> <p>+ <i>Ta yêu nhau...không chuyển</i></p> <p>+ <i>Người xiêm xui...không nghe</i></p> <p>-> Sẽ quyết chống lại mọi tác động ngược chiều để bảo vệ tình yêu. Nêu các giả định mang tính thử thách để tô đậm sự kiên định.</p> <p>3. Không gian tồn tại và đời sống văn hoá của đồng bào dân tộc thái</p> <p>- Không gian tự nhiên: dân tộc Thái cư trú là miền núi, nơi có rừng cây, có suối nước khi voi khi đây, có chim tăng ló hót, có hoa lau nở vào tháng 5.</p> <p>- Phong tục của đồng bào dân tộc Thái:</p> <p>+ Hôn nhân: ở rể.</p> <p>+ Tang lễ: hỏa táng.</p> <p>+ Sinh hoạt: nấu cơm lam, dệt vải...</p>
--	--

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Khái quát những nét đặc sắc nghệ thuật của truyện thơ; giá trị tư tưởng của văn bản.

b. Nội dung: Đặc sắc nghệ thuật; Giá trị tư tưởng

c. Sản phẩm: câu trả lời của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Hs tổng kết văn bản qua các yêu cầu: giá trị nội dung; Đặc sắc nghệ thuật.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Hs làm việc theo cặp</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận</p> <p>- HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>- GV nhận xét, kết luận</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Giá trị nội dung</p> <p>Đoạn trích thể hiện tâm trạng của chàng trai, cô gái trong hoàn cảnh trở trêu, yêu nhau mà không đến được với nhau. Qua đó tố cáo tục hôn nhân ngày xưa và là tiếng nói chứa chan tình cảm nhân đạo, đòi quyền tự do yêu đương cho con người.</p> <p>2. Đặc sắc nghệ thuật</p> <p>- Yếu tố tự sự trong truyện thơ: chàng trai kể lại toàn bộ câu chuyện khi tiễn đưa cô gái – người mà anh yêu đi lấy chồng.</p> <p>- Cách xưng hô: “em yêu” hay “anh yêu em” => Cách gọi đậm chất trữ tình, đặc trưng cho lời ăn tiếng nói của đồng bào Thái.</p> <p>- Hình ảnh so sánh được chọn lọc đa dạng, biểu hiện phong tục, bản sắc văn hoá tinh thần, cảnh sắc thiên nhiên dân tộc Thái: “Đôi ta yêu nhau, tình Lú – Ủa mặm nòng”.</p> <p>- Biện pháp lặp cấu trúc: Vừa đi vừa...; Chết...; Yêu nhau... => Nhấn mạnh sự thủy chung son sắt trong tình yêu của đôi bạn trẻ. Nó cũng đồng thời khẳng định ý chí và ước mơ đoàn tụ không gì lay chuyển của chàng trai và cô gái.</p> <p>=> Qua những chi tiết, hình ảnh đó, người đọc có thể cảm nhận một cách chân thực, vẻ đẹp thiên nhiên, văn hóa con người đây. Đồng thời qua những chi tiết, hình ảnh này, đã làm nổi bật lên tình yêu của chàng trai dành cho cô gái, một tình yêu tha thiết, thủy chung.</p>

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Hoàn thành bảng sau để đối chiếu truyện thơ và truyện dân gian

Tiêu chí	Truyện thơ	Truyện dân gian
Khái niệm		
Đặc điểm		
Cốt truyện		
Nhân vật		
Ngôn ngữ		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

- Nêu ý hiểu của em về nhan đề:

.....

- Tóm tắt nội dung tác phẩm “Lời tiễn dặn”

.....

.....

- Ai là người kể chuyện trong văn bản?.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

PHIẾU 3.1: Đọc đoạn 1 để tìm hiểu tâm trạng của chàng trai và cô gái trên đường tiễn cô gái về nhà chồng.

- Khi tiễn đưa cô gái về nhà chồng chàng trai có tâm trạng như thế nào?

.....

.....

- Trên đường về nhà chồng cô gái có tâm trạng như thế nào?

.....

.....

PHIẾU 3.2: Đọc đoạn 2 để tìm hiểu hoàn cảnh cô gái khi ở nhà chồng. Thái độ, cử chỉ của chàng trai khi chứng kiến cảnh đó.

- Hoàn cảnh cô gái khi ở nhà chồng:

.....

.....

- Thái độ, cử chỉ của chàng trai khi chứng kiến cảnh đó:

.....

.....

PHIẾU 3.3:

- Chỉ ra những đặc sắc nghệ thuật?

.....

- Văn bản viết về đề tài gì?.....

- Qua văn bản tác giả muốn nhắn gửi điều gì?

.....

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: So sánh được đặc điểm của thơ trữ tình và truyện thơ.

b. Nội dung: nhận xét về sự khác nhau giữa 1 bài thơ trữ tình và 1 truyện thơ.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu Hs làm việc cá nhân để tìm hiểu vấn đề. ? Từ văn bản nhận xét về sự khác nhau giữa 1 bài thơ trữ tình và 1 truyện thơ? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận Hs trình bày bài viết B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận	Sự khác nhau - Thơ trữ tình: nội dung chính thường là trạng thái cảm xúc, suy tư của NVTT; tiếng nói của NVTT giữ vai trò chi phối. - Truyện thơ: nội dung chính là 1 câu chuyện tương đối hoàn chỉnh với các nhân vật và sự kiện có diễn tiến trong không gian và thời gian; tiếng nói giữa người kể và nhân vật đan cài, hòa nhập.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Phân tích được 1 đoạn thơ của văn bản.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích 1 đoạn thơ trong văn bản mà em ấn

tượng nhất.

c. Sản phẩm: bài viết của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu Hs viết đoạn văn: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích 1 đoạn thơ trong văn bản mà em ấn tượng nhất.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Hs làm việc cá nhân

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc.

Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận

- HS khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, kết luận

4. củng cố: Nắm được thể loại truyện thơ và cách thức tìm hiểu

5. HDVN: Chuẩn bị văn bản 2 trong sgk và trả lời các câu hỏi trong sách.

Tiết - VĂN BẢN 2:

DƯƠNG PHỤ HÀNH

(Bài hành về người thiếu phụ phương Tây) – Cao Bá Quát

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Học sinh nhận biết được các yếu tố tự sự và vai trò của chúng trong bài thơ.

2. Về năng lực:

- Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:

+ Học sinh phân tích được hình tượng người thiếu phụ phương Tây

+ Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

+ Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc- viết trong bài học.

3. Về phẩm chất:

Học sinh hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả, từ đó, biết tôn trọng sự khác biệt; biết trân trọng tình yêu, tình cảm gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

– Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu

– SGK, SGV và “Kế hoạch bài dạy”.

– Tài liệu nguồn có văn bản đọc hiểu trong bài.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối, tạo hứng thú qua sự chia sẻ, từ đó khơi gợi HS suy ngẫm về sự khác biệt văn hóa và cách ứng xử cần có khi đối diện với sự khác biệt đó

b. Nội dung: HS lắng nghe, suy nghĩ.

c. Sản phẩm: Hs chia sẻ về câu chuyện của mình, lắng nghe chia sẻ của người khác và định hướng bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Em đã biết câu chuyện thú vị nào về cuộc tiếp xúc văn hoá giữa những người đến từ hai thế giới: phương Đông và phương Tây? Hãy chia sẻ câu chuyện đó.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ, thực hiện</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày kết quả làm việc của mình.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p><i>Văn hóa phương Tây và phương Đông vốn rất khác biệt. Có rất nhiều tác giả đã cho người đọc thấy được những nét khác biệt đó trong tác phẩm của mình. Cao Bá Quát cũng vậy, đặc biệt hơn, ông biết du nhập và làm mới thơ văn của mình bằng những nét văn hóa, cái đẹp vượt xa ngoài lễ giáo phong kiến phương Đông. Và một minh chứng cụ thể cho quan điểm trên chính là bài Dương phụ hành.</i></p>	<p>Ví dụ 1: Một anh chàng người Pháp inbox khẩn cấp cho fanpage trợ giúp tại Việt Nam: “Mọi người ơi giúp tôi với!!! Có chuyện gì đang xảy ra tại Hà Nội vậy? Mọi người đi đâu hết cả rồi? Tôi đói quá đi mất!” -> Đến Du lịch Việt Nam vào ngày Tết</p> <p>Ví dụ 2: Chuyện ăn uống khi làm khách</p> <p>Tại Ấn Độ và Nhật Bản, việc ăn không hết lại mang ý xúc phạm, cho thấy đồ ăn không ngon.</p> <p>Ví dụ 3: người đàn ông nước ngoài ăn phở Việt Nam. Họ không biết cách dùng đũa, loay hoay một hồi thì được bác chủ quán hướng dẫn cách cầm đũa nhưng vẫn không học được. Vì thế, bác đã cắt nhỏ phở giúp cho vị khách nước ngoài.</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nắm được thông tin cần thiết về tác giả Cao Bá Quát, văn bản Dương phụ hành
- HS đọc, hiểu nội dung

b. Nội dung:

- Gv hướng dẫn HS đọc và thu thập thông tin cần thiết.
- HS đọc, quan sát SGK

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: Gv hướng dẫn cách đọc: <ul style="list-style-type: none"> - Đọc rõ ràng, mạch lạc. - Nghe nhìn SGK và gạch chân ở những từ ngữ quan trọng, chú ý những câu hỏi gợi mở trong thẻ đọc bên phải văn bản, trả lời nhanh các câu hỏi đó. Xem chú thích cuối chân trang. 2. Tác giả HS tìm hiểu tác giả và trả lời câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> - Tên, năm sinh, quê quán, những thành tựu. - Nêu ấn tượng đặc biệt nhất của em về Cao Bá Quát. 3. Văn bản <ul style="list-style-type: none"> - Xác định hoàn cảnh sáng tác - Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Nêu hiểu biết về thể thơ đó B2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc văn bản, rút ra thông tin cần thiết.	I. Đọc – hiểu khái quát 1. Tác giả: Cao Bá Quát (1808 – 1855) <ul style="list-style-type: none"> - Cao Bá Quát (1808 – 1855) nổi tiếng học rộng, tài cao, đỗ cử nhân sớm (1831) những lận đận trên con đường làm quan. - Thơ văn phong phú về đề tài - Có cái nhìn nhân văn, tinh thần dân chủ - Là 1 nghệ sĩ có tâm hồn rộng mở, phóng khoáng, sẵn sàng đón nhận và trân trọng những nét đẹp mới mẻ, xa lạ với truyền thống. 2. Văn bản “Dương phụ hành” a. Hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác trong chuyến “xuất dương hiệu lực” năm 1844 (nhà thơ theo phái bộ của triều đình đi công tác ở Ấn Độ, xa quê hương, xa gia đình và tiếp xúc với nền văn hóa khác). b. Thể thơ: Thể hành + Một thể của thơ cổ phong + Không hạn định về số câu, chỉ cần có vần, không cần đối, niêm, luật bằng trắc như thơ Đường. + Thường được sử dụng khi tác giả có nhu cầu kể, bày tỏ cảm xúc suy ngẫm về 1 sự việc gây ấn tượng → thường có yếu tố tự sự

B3. Báo cáo thảo luận HS trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, kết luận, khắc sâu nội dung.	+ Một số TP viết theo thể hành: Tì bà hành (Bạch Cư Dị), Sở kiến hành (Những điều trông thấy) - Nguyễn Du.
---	--

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS phân tích được các yếu tố tự sự trong thơ trữ tình; Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong thể hiện nội dung văn bản
- Hs cảm nhận được hình tượng người thiếu phụ phương Tây và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

b. Nội dung:

- Gv hướng dẫn HS đọc và khám phá văn bản, thu thập thông tin cần thiết.
- HS đọc, quan sát SGK

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs				Dự kiến sản phẩm													
<div>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</div> <p>Gv chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm hoàn thành phiếu học tập của mình.</p> <p>- Dựa vào bản dịch nghĩa, chỉ ra một số điểm khác nhau giữa bản dịch thơ và bản phiên âm. .</p>				II. Khám phá văn bản													
				* Đọc văn bản													
				1. So sánh bản dịch thơ và bản phiên âm													
<table><tr><th rowspan="2">Câu thơ</th><th colspan="2">Hình ảnh, từ ngữ</th><th rowspan="2">Nhận xét bản dịch thơ</th></tr><tr><th>Bản phiên âm</th><th>Bản dịch thơ</th></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>		Câu thơ	Hình ảnh, từ ngữ		Nhận xét bản dịch thơ	Bản phiên âm	Bản dịch thơ					<table><tr><th>Bản phiên âm</th><th>Bản dịch thơ</th></tr><tr><td>Câu 1:“y như tuyết” - áo trắng như tuyết → hình ảnh so sánh (trong thơ cổ phương Đông, “<i>băng, tuyết</i>” là biểu tượng cho vẻ đẹp trong trắng, thanh khiết: “Mai cốt cách, tuyết tinh</td><td>“áo trắng phau”: → chỉ gọi màu sắc, không làm toát lên được ngẫm ý nói về vẻ đẹp thanh khiết → chưa thể hiện được cái nhìn đầy thiện cảm của nhân vật trữ tình với đối tượng quan sát</td></tr></table>		Bản phiên âm	Bản dịch thơ	Câu 1: “y như tuyết” - áo trắng như tuyết → hình ảnh so sánh (trong thơ cổ phương Đông, “ <i>băng, tuyết</i> ” là biểu tượng cho vẻ đẹp trong trắng, thanh khiết: “Mai cốt cách, tuyết tinh	“áo trắng phau”: → chỉ gọi màu sắc, không làm toát lên được ngẫm ý nói về vẻ đẹp thanh khiết → chưa thể hiện được cái nhìn đầy thiện cảm của nhân vật trữ tình với đối tượng quan sát
Câu thơ	Hình ảnh, từ ngữ		Nhận xét bản dịch thơ														
	Bản phiên âm	Bản dịch thơ															
Bản phiên âm	Bản dịch thơ																
Câu 1: “y như tuyết” - áo trắng như tuyết → hình ảnh so sánh (trong thơ cổ phương Đông, “ <i>băng, tuyết</i> ” là biểu tượng cho vẻ đẹp trong trắng, thanh khiết: “Mai cốt cách, tuyết tinh	“áo trắng phau”: → chỉ gọi màu sắc, không làm toát lên được ngẫm ý nói về vẻ đẹp thanh khiết → chưa thể hiện được cái nhìn đầy thiện cảm của nhân vật trữ tình với đối tượng quan sát																
<div>B2. Thực hiện nhiệm vụ</div>																	

<p>Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Nhóm cử đại diện trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Gv nhận xét, chốt vấn đề.</p>	<p>thần; Thói nhà băng tuyết, chất hằng phi phong” – Truyện Kiều).</p> <p>Câu 7: từ “phiên thân”</p> <p>-Nghĩa là: nghiêng mình</p> <p>+ chỉ vẻ nũng nịu, duyên dáng của người thiếu phụ</p>	<p>- Dịch là “uốn éo”</p> <p>+ Chuyển tải được nét nghĩa miêu tả hình dáng, tư thế</p> <p>+ Chưa thật phù hợp với sắc thái biểu cảm của từ trong nguyên tác vốn</p>
<p>Nhiệm vụ 2:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Gv chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm hoàn thành phiếu học tập của mình.</p> <p>- Không gian và thời gian trong bài thơ được tác giả miêu tả miêu tả như thế nào? Không gian đó có khác với không gian trong văn học phương Đông không?</p> <p>- Các yếu tố tự sự trong bài thơ?</p> <p>- Tác dụng nghệ thuật của các chi tiết miêu tả thời gian và không gian trong văn bản với việc biểu cảm tâm trạng của nhân vật trữ tình</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Nhóm cử đại diện trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Gv nhận xét, chốt vấn đề.</p>	<p>2. Thời gian, không gian, yếu tố tự sự trong bài thơ</p> <p>- Thời gian: ban đêm</p> <p>- Không gian: rộng lớn. Mặt biển mênh mông, trăng đêm bát ngát, gió biển đêm, sương lạnh lẽo >< bé nhỏ đơn chiếc của con người</p> <p>- Các yếu tố tự sự:</p> <p>+ Người thiếu phụ tựa vai chồng trong đêm trăng</p> <p>+ Thấy thuyền người Nam có ánh đèn</p> <p>+ Kéo áo chồng, cầm cốc sữa hờ hững</p> <p>+ Đòi chồng đỡ dậy</p> <p>➔ Gọi những liên tưởng, những cảm xúc thâm kín của một con người cô đơn xa nhà trong đêm trường lạnh lẽo giữa biển cả mênh mông</p>	

*Đây là không gian vốn **không** quen thuộc trong thơ ca phương Đông, không gian tách khỏi khuê phòng, cung cấm, lũy tre làng....*

Không gian rộng lớn ấy tương phản với sự nhỏ bé đơn chiếc của con người. Hình tượng không gian và thời gian dường như không liên quan gì với cảnh đôi lứa ngoại quốc ngồi bên nhau....., nhưng đối với tác giả nó dẫn đến những liên tưởng, những cảm xúc thâm kín, đó là con người cô đơn xa nhà giữa biển cả mênh mông.

Nhiệm vụ 3:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Gv chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm hoàn thành phiếu học tập của mình.

- Hình ảnh người thiếu phụ phương Tây được tác giả miêu tả như thế nào?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.

B3. Báo cáo thảo luận

Nhóm cử đại diện trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Gv nhận xét, chốt vấn đề.

3. Hình ảnh người thiếu phụ Phương Tây qua đôi mắt nhà thơ

- Vẻ ngoài sang trọng, trẻ trung, duyên dáng + Trang phục: y như tuyết (trắng phau)
- Tác giả tán thưởng kín đáo một vẻ đẹp xa lạ: vẻ đẹp trong sáng, rực rỡ
- + Ngôn ngữ, cử chỉ, tư thế: tự nhiên, chủ động và yêu kiều (Tựa vai chồng; Kéo áo chồng; đòi chồng nâng đỡ dậy)
- Cuộc sống sung túc, đầm ấm, hạnh phúc: Cầm cốc sữa hờ hững trên tay; thể hiện tình yêu và hạnh phúc bằng những cử chỉ, điệu bộ thân mật, nũng nịu
- ➔ Tác giả miêu tả vẻ đẹp của người thiếu phụ phương Tây một cách khách quan, không biểu hiện thái độ phê phán mà tỏ vẻ tán thưởng, đồng cảm, kín đáo

Nhiệm vụ 4:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Từ cảnh hạnh phúc, triu mến của đôi lứa

4. Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình

- Ngạc nhiên, ngỡ ngàng khi chứng kiến những điều mới mẻ, xa lạ.

<p><i>phương Tây, Nvtt có cảm xúc, tâm trạng, thái độ như thế nào</i></p> <p>- Tất cả những cử chỉ, thái độ của người thiếu phụ Phương Tây đều lạ mắt với người Phương Đông.</p> <p>+ Ở phương Đông xưa, người vợ ít ra khỏi nhà, ít có trường hợp sánh đôi với chồng ở ngoài.</p> <p>+ Người vợ ít nhận được sự triu mến, chăm sóc của chồng; Họ phải nâng khăn, sửa túi, hầu hạ chồng.</p> <p>→ Những điều mới lạ đó gây ấn tượng đối với một con mắt sắc sảo, không hề tỏ thái độ phê phán, mà ngược lại miêu tả với những nét duyên dáng thể hiện sự tán thưởng, đồng cảm.</p> <p>→ Cái nhìn của tác giả thật mới mẻ, táo bạo so với XhPK đương thời</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Nhóm cử đại diện trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Gv nhận xét, chốt vấn đề.</p>	<p>- Đồng cảm, trân trọng với HP của vợ chồng người thiếu phụ phương Tây và những vẻ đẹp khác biệt, thậm chí xa lạ với nền văn hóa của dân tộc mình</p> <p>- Ấn sâu sau nỗi sầu ly biệt là nỗi nhớ thương, niềm khát khao hạnh phúc gia đình và khát vọng đoàn tụ của Nvtt</p> <p>→ <i>Cái nhìn khách quan, cởi mở, táo bạo, thể hiện một quan niệm mới mẻ, hiện đại.</i></p> <p>→ <i>Chất nhân văn sâu sắc trong tâm hồn tác giả</i></p>
--	---

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu:

- HS tổng kết giá trị của văn bản.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS khái quát giá trị của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Theo em, điều gì tạo nên sức hấp dẫn của bài thơ này ? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi thảo luận. B3. Báo cáo thảo luận: HS trả lời. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, tổng hợp.	III. Tổng kết Bài thơ thể hiện cảm hứng của người nghệ sĩ trước cái đẹp, đồng thời cho thấy một tâm hồn giàu cảm xúc nhân văn, nhạy cảm tiếp nhận cái mới và một cái nhìn phóng khoáng, tiến bộ

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS nắm vững kiến thức bài học để hoàn thành được các bài tập luyện tập
- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày điều bạn tâm đắc nhất ở bài Dương phụ hành

b. Nội dung: Thực hiện bài tập luyện tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày điều bạn tâm đắc nhất ở bài Dương phụ hành (*Nội dung: Một nét đẹp của hình tượng người thiếu phụ phương Tây hoặc của nv trữ tình * Nghệ thuật: Kết cấu bài thơ, thời gian, không gian, giọng điệu...) B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc yêu cầu, làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận	Bài làm tham khảo Độc tác phẩm “Dương phụ hành” ta thấy được mạch cảm xúc trữ tình và cái nhìn tiến bộ của tác giả Cao Bá Quát. Bài thơ là bức tranh đầy gợi cảm về hình ảnh người thiếu phụ Tây dương và ẩn đằng sau bức tranh đó là tâm trạng và tâm sự của nhân vật trữ tình. Đó là sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng khi chứng kiến những điều mới mẻ, xa lạ. Đó còn là sự đồng cảm, trân trọng với HP của vợ chồng người thiếu phụ phương Tây. Ẩn sâu sau nỗi sầu ly biệt “Biết đâu nỗi khách biệt li này!” là nỗi nhớ thương, niềm khát khao hạnh phúc gia đình và khát vọng đoàn tụ của nhân vật trữ tình. Bài thơ thể hiện cảm hứng của người nghệ sĩ trước cái đẹp, đồng thời cho thấy một tâm

<p>HS chia sẻ bài làm của mình. HS còn lại lắng nghe và nhận xét.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét và chốt lại vấn đề HS cần nắm vững trong bài.</p>	<p>hồn giàu cảm xúc nhân văn, nhạy cảm tiếp nhận cái mới và một cái nhìn phóng khoáng, tiến bộ của người trí thức Việt Nam những năm đầu thế kỉ XIX.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Tìm đọc một số bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và thể hiện những quan niệm mới mẻ, tiến bộ, sâu sắc về cuộc sống và văn chương của Cao Bá Quát.

c. Sản phẩm: Kết quả sưu tầm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS về nhà tìm đọc một số bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và thể hiện những quan niệm mới mẻ, tiến bộ, sâu sắc về cuộc sống và văn chương của Cao Bá Quát.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện nhiệm vụ

B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh nộp sản phẩm trên Padlet

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét, đánh giá sản phẩm của học sinh trên Padlet.

4. Củng cố:

5. HDVN:

Tiết 40, 41 - VĂN BẢN 3**THUYỀN VÀ BIỂN
(Xuân Quỳnh)****I. Mục tiêu bài học**

- **Kiến thức:** HS nhận biết và phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tổ tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại. Hiểu được triết lí sâu sắc về tình yêu của nhà thơ; chỉ ra được đặc sắc về nghệ thuật trong bài thơ.
- **Năng lực:** Năng lực tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, hợp tác, sử dụng CNTT, năng lực đọc văn bản theo đặc trưng thể loại, năng lực ngôn ngữ, năng lực tạo lập văn bản...
- **Phẩm chất:** Hình thành, bồi đắp tình yêu đúng đắn, có thái độ ứng xử nghiêm túc trong tình yêu; thủy chung trong tình yêu.

II. Chuẩn bị dạy học, học liệu**1. Thiết bị dạy học**

Máy chiếu, bảng phụ

2. Học liệu

- Học liệu: Video clip , tranh ảnh.
- Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

III. Tiến trình dạy học**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				
11				

2. Kiểm tra bài cũ: (kiểm tra trong tiết dạy)**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về tác phẩm.

b. Nội dung: Dẫn dắt bài mới

c. Sản phẩm: Sản phẩm của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
- Bước 1: GV cho học sinh nghe bài hát “ <i>Sóng</i> ” và nêu cảm nhận. - Bước 2: HS lắng nghe, nêu cảm nhận - Bước 3: GV nhận xét, gợi dẫn vào bài.	Sản phẩm của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: HS biết cách chắt lọc các thông tin quan trọng về nhà thơ Xuân Quỳnh; xác định được thể loại văn bản; chia được bố cục văn bản.

b. Nội dung: Tri thức về thể loại, tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm: Những dấu ấn về xuân Quỳnh và bài thơ “*Thuyền và biển*”

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-Bước 1: GV cho học sinh tìm hiểu tri thức về tác giả, thể loại ở nhà. Trên lớp giáo viên kiểm tra việc tìm hiểu các tri thức Ngũ văn đó bằng hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm. -Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Câu 1: Năm sinh, năm mất của Xuân Quỳnh: A. 1940-1989 B. 1942-1988 C. 1938-1978 D. 1942-1980 Câu 2: Dòng nào dưới đây nói đúng đặc điểm phong cách thơ Xuân Quỳnh? A. Giàu yếu tố tự thuật, giàu nữ tính, chân thành đằm thắm, mang nhiều dự cảm lo âu về tình, về cuộc đời. B. Giàu yếu tố tự thuật, hồn thơ mê đắm	I. Tri thức Ngũ văn 1. Tác giả - Xuân Quỳnh (1942 – 1988) - Xuân Quỳnh sáng tác nhiều thể loại, đề tài đa dạng. Trong đó tình yêu, hạnh phúc gia đình và trẻ em là các đề tài chiếm vị trí nổi bật. - Thơ Xuân Quỳnh giàu yếu tố tự thuật. Bên cạnh việc bộc lộ niềm khát khao được yêu thương, chia sẻ và ý thức chắt chiu, gìn giữ hạnh phúc đang có, thơ bà còn chứa đựng những dự cảm đầy lo âu về cái mong manh của đời sống, của tình yêu. 2. Bài thơ “Thuyền và biển” - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ <i>Thuyền và biển</i> được sáng tác vào tháng 4 năm 1963 và được

<p>tài hoa.</p> <p>C. Giàu yếu tố tự thuật, giàu nữ tính, chân thành đắm thắm, triết lí sâu xa về cuộc đời.</p> <p>Câu 3: Đề tài nổi bật trong thơ Xuân Quỳnh là gì?</p> <p>A. Tình yêu, hạnh phúc gia đình, trẻ em.</p> <p>B. Chiến tranh, tình yêu</p> <p>C. Gia đình, tình yêu, quê hương đất nước.</p> <p>Câu 4: Bài thơ “Thuyền và biển” sáng tác vào thời điểm nào?</p> <p>A. Bài thơ <i>Thuyền và biển</i> được sáng tác vào tháng 4 năm 1963 và được in trong tập <i>Chồi biếc</i> (1963)</p> <p>B. Bài thơ <i>Thuyền và biển</i> được sáng tác vào tháng 8 năm 1963 và được in trong tập <i>Chồi biếc</i> (1965).</p> <p>C. Bài thơ <i>Thuyền và biển</i> được sáng tác vào năm 1966.</p> <p>Câu 5: Xác định thể thơ của bài thơ?</p> <p>A. Thơ lục ngôn</p> <p>B. Thơ tự do</p> <p>C. Thơ ngũ ngôn</p> <p>D. Thơ mới</p> <p>-Bước 3: GV nhận xét, đánh giá</p>	<p>in trong tập <i>Chồi biếc</i> (1963). Sau này, bài thơ được nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, Hữu Xuân phổ nhạc thành các bài hát cùng tên.</p> <p>- Thể loại: thơ ngũ ngôn</p> <p>- Bố cục:</p> <p>+ Ba khổ đầu</p> <p>+ Hai khổ tiếp theo</p> <p>+ Hai khổ kế tiếp</p> <p>+ Hai khổ cuối</p>
---	--

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN THUYỀN VÀ BIỂN

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Học sinh biết cách đọc văn đúng theo đặc trưng thể loại, ngắt, nghỉ hợp lí

b. Nội dung: Đọc văn bản thơ trữ tình có kết hợp yếu tố tự sự

c. Sản phẩm: Đọc truyền cảm, đúng nhịp

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<ul style="list-style-type: none"> - GV: Hướng dẫn HS đọc và theo dõi các thẻ đọc - HS: Đọc, quan sát SGK và tìm thông tin. - GV: Quan sát, khích lệ HS; nhận xét cách đọc của học sinh 	Đọc văn bản với giọng truyền cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: HS chỉ ra được yếu tố tự sự trong văn bản, nêu được cảm nhận ban đầu về bài thơ. HS nắm được nội dung, phân tích được các chi tiết, hình ảnh đặc sắc trong các khổ thơ.

b. Nội dung: Yếu tố tự sự trong bài thơ; nội dung và nghệ thuật của các đoạn thơ

c. Sản phẩm: Yếu tố tự sự trong bài thơ, nội dung và nghệ thuật của văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>-Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ Em hãy chỉ ra những dấu hiệu hình thức nào chứng tỏ có một câu chuyện được kể trong bài thơ?</p> <p>+ Em có cảm nhận gì về câu chuyện được kể trong bài thơ? Điểm độc đáo trong câu chuyện kể là gì?</p> <p>- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Bước 3: HS trình bày kết quả</p> <p>- Bước 4: GV nhận xét, định hướng cho HS</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Yếu tố tự sự trong bài thơ</p> <p>- Những dấu hiệu chứng tỏ có một câu chuyện được kể trong bài thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cụm từ: kể anh nghe + Nhân vật: thuyền và biển <p>- Bài thơ này sinh từ một câu chuyện đơn giản. Nhà thơ mượn hình ảnh thuyền và biển để gửi gắm tâm tư, tình cảm của mình trong tình yêu. Tình yêu của nhà thơ cũng rộng lớn, mênh mông thăm thiết như thuyền với biển.</p>
<p>-Bước 1: GV yêu cầu học sinh theo dõi hai khổ đầu, phân công nhiệm vụ nhóm đôi, thảo luận thực hiện yêu cầu phiếu học tập số 1. Thời gian thảo luận 3 phút.</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin-top: 10px;"> <p style="text-align: center;">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</p> <p>Quan sát ba khổ thơ đầu và trả lời các câu hỏi</p> </div>	<p>2. Ba khổ thơ đầu</p> <p>- Bài thơ bắt đầu bằng hình ảnh thuyền và biển, luôn sóng đôi với nhau, không thể tách rời.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thuyền nghe lời biển khơi -> Chấp nhận bằng lòng + Biển đưa thuyền đi muôn nơi -> Sẵn sàng đi đâu.

<p>Câu 1: Câu chuyện được kể như thế nào trong ba khổ đầu?</p> <p>Câu 2: Qua hình ảnh thuyền và biển tác giả muốn nói lên điều gì?</p> <p>- Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của PHT theo nhóm.</p> <p>- Bước 3: GV gọi đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung. GV nhận xét định hướng.</p> <p>GV: Như vậy, cứ một câu thơ nói về thuyền thì tương ứng là một lời thơ viết về biển. Sự sóng đôi này ngầm thể hiện sự gắn bó mật thiết không thể tách rời của hai hình tượng thuyền – biển. Đúng là chỉ có thuyền mới “xô sóng dậy” và sóng mới “đẩy thuyền lên”. Tình yêu tìm đến một không gian, thời gian lãng mạn.</p> <p>- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá</p>	<p>->Thuyền và biển như cặp tình nhân-> Ba khổ thơ đầu là lời thủ thi ngọt ngào của người con gái đang tâm sự với chàng trai, gợi mở về một câu chuyện tình lãng mạn.</p>
<p>- Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận thực hiện yêu cầu phiếu học tập số 2 trên link Classkick. Thời gian thảo luận 5 phút.</p> <div data-bbox="172 1151 692 1659" style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin: 10px 0;"> <p style="text-align: center;">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2</p> <p>Quan sát hai khổ thơ tiếp theo và trả lời các câu hỏi</p> <p>Câu 1: Tình cảm của thuyền và biển được miêu tả như thế nào?</p> <p>Câu 2: Hình ảnh biển có gì đặc biệt?</p> <p>Câu 3: Cảm xúc trong đoạn thơ được vận động như thế nào?</p> </div> <p>- Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện yêu cầu của PHT theo nhóm.</p> <p>- Bước 3: GV gọi đại diện nhóm trình bày sau khi thảo luận, nhóm khác bổ sung. GV nhận xét định hướng.</p> <p>- Bước 4: GV nhận xét, định hướng nội dung cần đạt</p> <p>- GV: Yêu cầu học sinh theo dõi hai khổ</p>	<p>3. Hai khổ thơ tiếp theo</p> <p>- Tình cảm thuyền và biển: yêu thương, gắn bó, vững bền nhưng vẫn còn đôi chút ngại ngùng.</p> <p>- Hình ảnh so sánh biển như là một cô gái nhỏ-> đem đến cho tình yêu những màu sắc điệu kỳ, sự ấm áp và an lành.</p> <p>-Biển tượng trưng cho người con trai bởi sự mạnh mẽ của nó. Với Xuân Quỳnh biển ẩn dụ cho người con gái, bởi biển cũng có sự dịu dàng, chân thật, đặc biệt có sự rộng lớn như chính tình yêu của nhà thơ.</p> <p>->Cảm xúc khi yêu rất thật, mạnh mẽ và ồ ạt không thể dự đoán được phương hướng. Khi yêu con người ta chỉ tuân theo cảm xúc, để mặc mình cho tình yêu đưa lối.</p> <p>=> Cảm xúc vận động không ngừng nghỉ.</p>
<p>- GV: Yêu cầu học sinh theo dõi hai khổ</p>	<p>4. Hai khổ kế tiếp</p>

<p>thơ và trả lời các câu hỏi:</p> <p>Xuân Quỳnh quan niệm như thế nào về tình yêu?</p> <p>-HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi</p> <p>-GV: Từ câu chuyện giữa thuyền và biển, con suy nghĩ gì về vấn đề “hiểu”, “biết” và “gặp” trong tình yêu?</p> <p>-HS phát hiện và trả lời</p> <p>- GV nhận xét chốt ý.</p> <p>-GV bình</p>	<p>- Với Xuân Quỳnh yêu là phải: “<i>gặp gỡ</i>” “<i>hiểu</i>”, “<i>biết</i>”.</p> <p>+ “<i>Hiểu</i>” là sự thấu hiểu của con người trong tình yêu.</p> <p>+ “<i>Biết</i>” là sự hiểu biết về những biến đổi trong tình yêu, có khi bình lặng, khi lại xô bồ đề bản thân mỗi người biết cách để tự điều chỉnh.</p> <p>+ “<i>Gặp</i>” là sự gặp gỡ, trò chuyện thân mật giữa những người mình yêu.</p> <p>= > Ba yếu tố trên là cách để ta duy trì mối quan hệ tình yêu được tốt đẹp, bền vững theo thời gian.</p> <p>-Nghệ thuật ẩn dụ, nhân hoá -> diễn tả nỗi nhớ niềm đau khắc khoải khi phải xa nhau.</p>
<p>- Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận thực hiện yêu cầu phiếu học tập số 3 trên link Classkick. Thời gian thảo luận 5 phút.</p> <div data-bbox="167 1010 692 1641" style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin: 10px 0;"> <p style="text-align: center;">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3</p> <p>Quan sát hai khổ thơ cuối và trả lời các câu hỏi</p> <p>Câu 1: Hai khổ thơ cuối bài đã bộc lộ cảm xúc, mong muốn gì của nhà thơ?</p> <p>Câu 2: Điệp từ “<i>nếu</i>” có tác dụng gì?</p> <p>Câu 3: Trong bài thơ có sự lồng ghép hai câu chuyện. Con có nhận xét gì về sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ?</p> </div> <p>- Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện yêu cầu của PHT theo nhóm.</p> <p>- Bước 3: GV gọi đại diện nhóm trình bày sau khi thảo luận, nhóm khác bổ sung. GV nhận xét định hướng.</p> <p>- Bước 4: GV nhận xét, định hướng nội dung cần đạt</p>	<p>5. Hai khổ cuối</p> <p>- Khao khát được sống một lần trọn vẹn với tình yêu.</p> <p>- <i>Điệp từ “nếu”</i> -> nỗi đớn đau lên đến tột độ nếu chia xa, biểu lộ một tình yêu nồng thắm, mãnh liệt.</p> <p>- Nhận xét sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ:</p> <p>+ Về mặt ý nghĩa, sự lồng ghép giữa câu chuyện của tác giả và câu chuyện của thuyền và biển diễn ra linh hoạt, đan xen với nhau.</p> <p>+ Tác giả sử dụng ít những câu thơ nói trực tiếp về câu chuyện của mình, bởi tình yêu của tác giả cũng giống như thuyền và biển. Khi nói về thuyền và biển cũng là đang nói đến câu chuyện của tác giả.</p>

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Học sinh nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản. Chỉ ra được vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ; tổng hợp được những nét đặc sắc về nghệ thuật.

b. Nội dung: Vai trò của yếu tố tự sự trong thơ, nghệ thuật đặc của bài thơ

c. Sản phẩm: Tổng hợp đánh giá nhận xét về bài thơ

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>-Bước 1: GV đặt vấn đề: Bài thơ giúp con hiểu gì về tâm sự và khát vọng của nhân vật trữ tình ?</p> <p>- Bước 2: HS phát hiện trả lời</p> <p>- GV: Bài thơ sử dụng yếu tố tự sự, con có nhận xét gì về vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong văn bản?</p> <p>- Bước 3: GV nhận xét, định hướng</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>-Bài thơ là lời giải bày mong muốn về một tình yêu thuỷ chung, thấu hiểu, chia sẻ; đồng thời thể hiện khát vọng khám phá sự bao la, vô tận, vĩnh cửu trong tình yêu.</p> <p>- Nghệ thuật:</p> <p>+ Sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật: so sánh, nhân hóa, các phép điệp từ.</p> <p>+Thể thơ 5 chữ, đặc sắc.</p> <p>+ Hình ảnh gợi hình, gợi cảm.</p> <p>-Vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự: lời cuốn người đọc vào cuộc hành trình tinh thần; làm sáng tỏ nhiều cung bậc trong tình yêu, tạo nên sự đồng thuận, chia sẻ; làm đa dạng hoá các biểu hiện của nhân vật trữ tình...</p>

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Viết được đoạn văn ngắn theo cách thức diễn dịch

- Tích hợp kiến thức bài đọc

b. Nội dung: Viết đoạn văn theo đề tài yêu cầu

c. Sản phẩm: Đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Con hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ, phân tích tâm trạng của người phụ nữ trong tình yêu qua bài thơ <i>Thuyền và biển</i> của Xuân Quỳnh?</p>	<p>Yêu cầu viết đoạn:</p> <p>Viết đoạn văn khoảng 150 chữ phân tích tâm trạng của người phụ nữ trong tình yêu qua bài thơ <i>Thuyền và biển</i> của Xuân Quỳnh</p>

- Bước 2: HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu bài tập Bước 3: GV gọi đại diện HS trình bày sản phẩm -Bước 4: GV nhận xét bài viết của học sinh, chữa lỗi.	- Định hướng: + Đảm bảo hình thức, dung lượng; bố cục của đoạn văn + Triển khai được tâm trạng của người phụ nữ trong tình yêu. + Trình bày sạch sẽ, đúng chính tả..
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Biết xác định yếu tố tự sự và phân tích được yếu tố tự sự trong một văn bản trữ tình khác.

b. Nội dung: Phát hiện và phân tích yếu tố tự sự trong văn bản trữ tình

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của học sinh từ việc lựa chọn văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh Em hãy chọn một văn bản trữ tình có yếu tố tự sự và thực hiện các yêu cầu: -Chỉ rõ yếu tố tự sự trong văn bản - Phân tích tác dụng của yếu tố tự sự trong văn bản. Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo thảo luận vào tiết học sau Bước 4: GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	- Tìm đúng văn bản có yếu tố tự sự - Chỉ ra được tác dụng của yếu tố tự sự

4. củng cố

Giáo viên tổng hợp vấn đề

5. HDVN

- Nắm nội dung bài học

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Thực hành Tiếng Việt : Lỗi về thành phần câu và cách sửa

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết....

LỖI VỀ THÀNH PHẦN CÂU VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được các biểu hiện của lỗi ngữ pháp về thành phần câu và cách sửa từng loại lỗi
- HS tự nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi thực hành nói và viết; biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản

2. Về năng lực:

- Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: HS tự nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi nói và viết; biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng ngôn ngữ dân tộc
- Ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu: SGK 11 kì 1, SGV kì 1, Bảng giao nhiệm vụ cho HS, giáo án

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				
11				

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình
- Kết nối kiến thức tiếng Việt đã học trước với bài học

b. Nội dung: Kiến thức về thành phần câu

c. Sản phẩm: Những hiểu biết, chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện: Sử dụng bảng biểu

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS đặt câu giới thiệu nội dung được học môn Ngữ văn tiết trước - Xác định các thành phần - Xác định được các thành phần chính? Thành phần phụ của câu	- Câu học sinh tự đặt. Có thể chuẩn ngữ pháp, có thể mắc lỗi - Sơ đồ phân tích kết cấu câu
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs viết câu vào bảng biểu, phân tích thành phần câu và gọi tên các thành phần.	
B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo, nhận xét	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung tri thức về thành phần câu	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NHẬN BIẾT: Lỗi về thành phần câu (Kiến thức Tiếng Việt được học)

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được yêu cầu của chuẩn mực của tiếng Việt về ngữ pháp. Từ đó nhận ra những lỗi về thành phần câu thường mắc phải

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. NHẬN BIẾT LỖI VỀ THÀNH PHẦN CÂU	
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-Giáo viên nhắc lại các thành phần câu trong tiếng Việt.</p> <p>- Dựa vào SGK, trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ Em hãy cho biết các lỗi về thành phần câu hay gặp là gì?</p> <p>+ Làm sao để xác định câu có bị mắc lỗi về thành phần câu</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>-HS trình bày sản phẩm</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá</p> <p>- GV khẳng định:</p> <p>+ Để xác định Vị ngữ: đặt câu hỏi: làm gì? Như thế nào? Ra sao?</p> <p>+Để xác định chủ ngữ: đặt câu hỏi: Ai? Cái gì?</p> <p>+ Sắp xếp câu: Chủ ngữ- vị ngữ</p> <p>+ Nếu có hiện tượng bất thường, không viết đúng quy tắc, không chứa đựng một thông báo trọn vẹn thì có thể quy về hiện tượng lỗi</p>	<p>I.Các lỗi về thành phần câu hay gặp</p> <p>1. Thiếu thành phần nòng cốt</p> <p>- Câu thiếu chủ ngữ</p> <p>Cách sửa: Làm cho câu có chủ ngữ- vị ngữ</p> <p>- Câu thiếu vị ngữ</p> <p>Cách sửa: Làm cho câu có đủ chủ ngữ- vị ngữ</p> <p>- Câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ</p> <p>2. Sắp xếp sai vị trí thành phần câu</p> <p>Đổi chủ ngữ đặt trước vị ngữ</p> <p>3. Thiếu vế của câu ghép</p> <p>Cách sửa: Bổ sung vế câu</p>

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học từ lớp dưới về thành phần câu

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS làm bài tập 1 trong SGK - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS làm bài tập - Chia nhóm: + Nhóm 1: làm bài tập 1 + Nhóm 2: Làm bài tập 2 + Nhóm 3: Làm bài tập 3 + Nhóm 4: Viết 1 đoạn văn ngắn: 7 câu văn: trình bày quan niệm về lối sống tích cực B3. Báo cáo thảo luận - HS trình bày câu trả lời - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá	II. LUYỆN TẬP 1. Bài tập 1 a, Lỗi: thiếu chủ ngữ - Bởi vì: + <i>Bằng những khảo sát đáng tin cậy:</i> thành phần trạng ngữ + <i>đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần khô cạn:</i> thành phần vị ngữ - Cách sửa: tạo câu có chủ ngữ + Cách 1: biến trạng ngữ thành chủ ngữ: bỏ từ “ <i>Bằng</i> ” : Những khảo sát đáng tin cậy đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần khô cạn + Cách 2: Thêm chủ ngữ trước vị ngữ. Thêm chủ ngữ; bằng cách trả lời câu hỏi : <i>ai đã chỉ ra rằng?</i> thêm: <i>các nhà nghiên cứu/ các nhà khoa học</i> b, Lỗi: Sắp xếp sai vị trí thành phần trong câu - Bởi vì: + <i>Rất thú vị:</i> là cụm tính từ, phải đặt sau danh từ hoặc cụm danh từ để làm vị ngữ - Cách sửa: sắp xếp lại: cụm động từ/ cụm tính từ phải đặt sau danh từ/ cụm danh từ - Cách sửa cụ thể: đảo “ <i>rất thú vị</i> ” ra sau cụm danh từ: <i>Truyện ngắn sử dụng các yếu tố kì ảo, lạ lùng rất thú vị</i> c. Lỗi: thiếu thành phần chủ ngữ- vị ngữ. - Bởi vì: <i>Những con người giàu đức hi sinh ấy</i> mới chỉ là cụm danh từ, chưa thể là câu - Cách sửa + Cách 1: thêm chủ ngữ và động từ trung tâm, biến cụm danh từ thành bộ ngữ: Mọi người đều biết ơn những con người giàu đức hi sinh ấy + Cách 2: Thêm vị ngữ: <i>Những con người giàu đức hi sinh ấy đáng được kính trọng, biết ơn.</i>

d. Lỗi: thiếu chủ ngữ- vị ngữ

- Bởi vì: *Theo báo Tuổi trẻ* là cụm từ có khả năng làm trạng ngữ

- Cách sửa:

+ Cách 1: Bỏ từ: “*theo*”, thêm thành phần bỏ ngữ sau từ: “cho biết”

Báo Tuổi trẻ cho biết sắp có cuộc thi tiếng Anh dành cho học sinh THPT

+ Cách 2: thêm Chủ ngữ, vị ngữ, biến cụm từ đã cho thành trạng ngữ, bỏ cụm từ: *cho biết*: *Theo báo Tuổi Trẻ, Cuộc thi tiếng Anh dành cho HS THPT sắp diễn ra*

e. Lỗi: Chưa có thành phần nòng cốt câu

- Bởi vì: *Chữ người tử tù*: là tên nhan đề tác phẩm; “*một tác phẩm được sáng tác bằng bút pháp lãng mạn của Nguyễn Tuân*” là thành phần giải thích/ phụ chú cho cụm danh từ đứng trước

- Cách sửa: thêm động từ “là” xác lập mối quan hệ chủ vị: *Chữ người tử tù là một tác phẩm được sáng tác bằng bút pháp lãng mạn của Nguyễn Tuân*

g. Lỗi: Thiếu chủ ngữ

- Bởi vì: *Với những tin tức lan truyền trên mạng xã hội*: là trạng ngữ; “*không phải bao giờ cũng chính xác*”: là vị ngữ

- Cách sửa: bỏ từ “*với*” biến “*những tin tức lan truyền trên mạng xã hội*”: là chủ ngữ.

2. Bài tập 2

a. Lỗi: thiếu vị ngữ

- Bởi vì: *truyện ngắn*: là chủ ngữ; “*thể loại linh hoạt ấy*”: là cụm danh từ- vai trò giải thích/ phụ chú

- Cách sửa: thêm vị ngữ: *Truyện ngắn, thể loại linh hoạt ấy, được các nhà văn dành ưu ái viết nhiều hơn các thể loại khác.*

b. Lỗi: Vị trí các thành phần câu bị đảo, không phù hợp

- Cách sửa: *Một nhóm họa sĩ đến từ thành phố đã vẽ bức tranh tường hoành tráng ấy*

c. Thiếu một vế câu

- Bởi vì: trong Tiếng Việt, quan hệ từ “*không chỉ*” bao giờ cũng đi với “*mà còn*”: *Số Đỏ không chỉ là một tác phẩm trào phúng đặc sắc bậc nhất trong văn học VN trước 1945, mà còn là tác phẩm xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại.*

d. Lỗi : thiếu vị ngữ

- Bởi vì: *Văn bản nghị luận*: là chủ ngữ; *loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc*: là thành phần phụ chú, giải thích cho cụm từ trước

- Cách sửa 1: thêm: động từ : *là* vào giữa hai cụm từ đã cho: *Văn bản nghị luận là loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc*

- Cách sửa 2: Giữ nguyên chủ ngữ, thành phần phụ chú, thêm vị ngữ: *Văn bản nghị luận, loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc, được sử dụng nhiều trong đời sống hiện nay.*

3. Bài tập 3

	<p>Trong văn bản văn học, có nhiều cách tạo câu thể hiện sự tìm tòi, sáng tạo của nhà văn</p> <p>a. <i>Bị đạo lí</i>: là 1 câu, ko có chủ ngữ, chủ ngữ ở câu trước. Tác dụng nhấn mạnh ý, và người đọc vẫn hiểu được ý nghĩa của nó</p> <p>b, <i>Mắt mèo hoang</i>: là cụm danh từ, không phân định được đóng vai trò thành phần nào trong câu. Dựa và câu sau có thể hiểu được nghĩa của câu</p> <p>c. <i>Anh Ba Hoàn</i>: được tách thành câu. Vừa có ý khẳng định, vừa thể hiện sự ngạc nhiên, và dựa vào câu trước người ta vẫn hiểu nghĩa của câu.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng những kiến thức đã học để có thể nhận ra lỗi sai của bạn mình

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu đoạn văn sau và yêu cầu HS phát hiện lỗi về thành phần câu và sửa lỗi:

Sùng bái vật chất- một cụm từ tưởng quen mà hoá lạ. Nó đã và đang trở thành một hiện tượng đáng chú ý trong xã hội hiện nay. Có thể hiểu sùng bái vật chất là quan niệm dùng vật chất để khẳng định, thể hiện bản thân. Một hiện tượng tiêu cực.

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm bài

B3. Báo cáo thảo luận: Trao đổi thảo luận

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và cho điểm

4. củng cố: GV gọi HS khái quát những lỗi về thành phần hay mắc phải

5. HDVN: HS soạn bài: **Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội**

PHẦN 3. VIẾT

Tiết 43

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

(Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

I. MỤC TIÊU

- Về kiến thức:** Hoàn thiện kỹ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội từng được rèn luyện qua nhiều bài học trước.
- Về năng lực:** Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học
- Về phẩm chất:** Chủ động trong việc bàn luận về chủ đề, biết kết nối vấn đề với những lựa chọn của bản thân.

Nội dung 1: Tìm hiểu về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

a. Mục tiêu: HS nhận thức được lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

b. Nội dung: Lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

c. Sản phẩm: Hiểu biết của HS lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS suy nghĩ và cho biết: Thế nào là lối sống tích cực trong xã hội hiện đại? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và tìm câu trả lời B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi 1-2 HS trình bày cách hiểu về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại B4. Đánh giá kết quả thực hiện: HS đánh giá và GV chốt lại	I. Lối sống tích cực trong xã hội hiện đại Là lối sống hướng con người tới những điều tốt đẹp: - Suy nghĩ tích cực, lạc quan; biết cân bằng cảm xúc - Cống hiến và tận hưởng niềm vui, ý nghĩa của cuộc sống - Sống nhân ái, giàu yêu thương - Có trách nhiệm với bản thân và đồng loại - Luôn cố gắng, nỗ lực không ngừng trong xã hội thay đổi phát triển tiến bộ từng ngày...

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS chỉ ra được hệ thống luận điểm, cách trình bày rõ ràng, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng cụ thể, xác thực

b. Nội dung: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc văn bản nghị luận tham khảo và làm việc nhóm đôi trả lời các câu hỏi trang 118 SGK	II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo 1. Đọc bài viết 2. Phân tích bài viết a) Vấn đề chính được bàn luận trong bài viết và ý nghĩa của nó.

<p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc văn bản - HS thực hiện hoạt động nhóm đôi <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>Đại diện 3 nhóm trình bày (mỗi nhóm trả lời một câu hỏi)</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét, bổ sung (nếu cần) - GV chốt lại 	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề chính: <p>Cư dân của hành tinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa: <p>Từ việc trình bày nguồn gốc và thực tiễn lịch sử cận – hiện đại của thế giới... Từ đó, mỗi người thấy được vị trí, vai trò của mình trong hành tinh</p> <p>b) Hệ thống luận điểm được triển khai trong bài viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm 1: <p>Xem xét vấn đề từ nguồn gốc chung của loài người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm 2: <p>Xem xét vấn đề từ thực tiễn lịch sử cận – hiện đại của thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm 3: <p>Xem xét vấn đề từ mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm 4: <p>Xem xét vấn đề từ góc nhìn khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm 5: <p>Ứng xử thực tế cần có của mỗi người khi nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề bàn luận</p> <p>c) Nhận xét về mức độ thuyết phục của các bằng chứng được người viết đưa ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bằng chứng tiêu biểu, xác thực - Bằng chứng cụ thể, chi tiết nhưng giàu sức khái quát
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: Biết chọn đề tài phù hợp, luyện kỹ năng viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội

b. Nội dung: Viết bài nghị luận về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS tìm một số đề tài thể hiện lối sống tích cực trong xã hội hiện đại và thống nhất chọn một đề tài để viết bài</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Mỗi HS tìm ít nhất được một đề tài thể hiện lối sống tích cực trong xã hội hiện đại</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số HS nêu đề tài lựa chọn của mình (có thể lựa chọn đề tài được gợi ý trong SGK, hoặc ngoài SGK) - Cả lớp thống nhất chọn đề tài chung (được đồng ý lựa chọn nhiều nhất) <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV đánh giá việc chọn đề tài của từng thành viên và thống nhất đề tài chung của cả lớp</p>	<p>III. Viết bài nghị luận về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại</p> <p>1. Lựa chọn đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài được gợi ý trong SGK: <ul style="list-style-type: none"> + Tự bảo vệ mình trước các tệ nạn + Thực hành lối sống xanh + Đấu tranh cho sự bình đẳng giới + Tôn trọng sự khác biệt + Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ ... - Đề tài ngoài SGK: <ul style="list-style-type: none"> + Yêu thương bản thân + Đọc sách mỗi ngày + Luyện rèn thân, tâm, trí + Học tập những tấm gương + Thay vì than trách, đổ lỗi hãy tập trung tìm kiếm giải pháp

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV yêu cầu HS tìm ý, lập dàn ý cho bài viết về đề tài vừa thống nhất</p>	<p>2. Lập dàn ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu luận đề - Thân bài:

<p>chọn</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS tìm ý, lập dàn ý</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>1-2 HS viết dàn ý trên bảng</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- HS góp ý, bổ sung (nếu cần)</p> <p>- GV chốt lại</p>	<p>+ Triển khai hệ thống luận điểm</p> <p>+ Những minh chứng</p> <p>+ Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều (phản đề)</p> <p>+ Ý nghĩa</p> <p>- Kết bài:</p> <p>Khái quát lại quan điểm đã trình bày và bài học của “lối sống tích cực” đối với người viết</p>
--	---

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS viết bài về đề tài vừa thống nhất chọn.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS viết ra giấy</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>HS đọc bài viết</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét</p>	<p>3. Viết bài</p> <p>- HS bám sát vào dàn ý đã được góp ý, chỉnh sửa phù hợp để thực hành viết bài</p> <p>- <i>Lưu ý:</i></p> <p>+ Luận điểm cần được triển khai cụ thể, rõ ràng</p> <p>+ Giữa các đoạn văn có sự nối tiếp, chuyển ý</p> <p>+ Bằng chứng xác thực</p> <p>+ Kết hợp các phương thức biểu đạt, thao tác lập luận</p> <p>+ Dùng từ độc đáo, viết câu linh hoạt</p> <p>+ Sử dụng biện pháp tu từ trong diễn đạt...</p> <p>4. Kiểm tra, chỉnh sửa (nếu cần) và hoàn thiện bài viết</p> <p>- Xem xét tính hợp lí của bố cục bài viết</p> <p>- Phát hiện lỗi và sửa lỗi</p>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: HS hiểu về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại và biết cách viết bài nghị luận về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

b. Nội dung: Ưu điểm và hạn chế của bài viết

c. Sản phẩm: Rút kinh nghiệm về cách nhìn, cách viết

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu một HS đọc bài viết, các HS lắng nghe và nhận xét	Ưu điểm và hạn chế của bài viết: + Tính hợp lí
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Một HS đọc bài viết, các HS lắng nghe, ghi chép những điều cần góp ý	+ Sự sáng tạo
B3. Báo cáo thảo luận: HS chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của bài viết	+ Cách diễn đạt + Sự thuyết phục của bằng chứng ...
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS tự đánh giá và đánh giá - GV chốt lại	

4. Củng cố:

Cách làm bài nghị luận về một vấn đề xã hội:

- Mở bài: Dẫn dắt, nêu luận đề

- Thân bài:

+ Giải thích (nếu cần)

+ Phân tích, chứng minh các luận điểm

+ Đánh giá ý nghĩa, vai trò

+ Phản đề

- Kết bài: Liên hệ, bài học

5. HDVN:

- Lựa chọn thêm ít nhất một đề tài về lối sống tích cực trong xã hội hiện đại và luyện viết bài

- Thực hiện lối sống tích cực trong xã hội hiện đại

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 43

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG XÃ HỘI

(Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Học sinh từng bước hoàn thiện kỹ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội từng được rèn luyện qua nhiều bài học trước.

2. Năng lực

Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: Học sinh chọn được đề tài phù hợp với định hướng viết của Bài 4, phân biệt với định hướng viết của Bài 3.

3. Phẩm chất

Biết lắng nghe, thể hiện được thái độ tôn trọng lẫn nhau trong quá trình thảo luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- KHBD, bài giảng Power Point.
- Phương tiện dạy học: Máy chiếu/Tivi, máy tính kết nối mạng.
- Học liệu: tranh ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ, bảng biểu, phiếu học tập.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh

SGK, sách Bài tập Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ
3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- + Tạo tâm thế hứng thú, định hướng cho học sinh.
- + Hình thành và phát triển năng lực: HS thể hiện được sự nhanh nhạy và tư duy tích cực của bản thân trước những thách thức của đời sống hiện đại.

b. Nội dung: HS lựa chọn 01 đề tài**c. Sản phẩm:** giấy note ghi đề tài HS ấn tượng và đã chuẩn bị cho phần trình bày nói.**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS chọn đề tài thảo luận phù hợp, có khả năng lôi cuốn được nhiều người tham gia phát biểu ý kiến và gửi lại cho GV.	HS có cảm xúc để lựa chọn một đề tài phù hợp có ấn tượng sâu sắc, gợi hứng thú chia sẻ với giáo viên và học sinh trong lớp.
Bước 2+ 3: Thực hiện + báo cáo nhiệm vụ HS chia sẻ.	
Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận - HS khác bổ sung - GV tổng hợp, nhận xét, kết luận	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**a. Mục tiêu**

- + Học sinh nắm bắt được các yêu cầu, mục đích, chủ đề thảo luận về một vấn đề trong xã hội: Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.
- + Học sinh biết tôn trọng ý kiến, quan điểm cá nhân trước cuộc sống, chấp nhận sự khác biệt tích cực.
- + Biết cách thảo luận và trình bày ý kiến.
- + Hình thành và phát triển năng lực: Giải quyết vấn đề, giao tiếp tiếng Việt, tư duy tổng hợp, hợp tác.

b. Nội dung: Thảo luận lựa chọn đề tài nói và trình bày nói**c. Sản phẩm dự kiến:** Phần chuẩn bị bài nói của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* Thao tác 1: Chuẩn bị thảo luận</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 02 nhóm và tổ chức bắt thăm cho nhóm mình 1 trong các đề tài đã được đề xuất ở phần Viết. - Các nhóm thảo luận đề tài của mình qua các nội dung: Đề tài; tìm ý và sắp xếp ý; xác định từ ngữ then chốt. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm để thống nhất vấn đề. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày vấn đề theo yêu cầu của GV. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV bổ sung và hoàn thiện. 	<p>I. CHUẨN BỊ THẢO LUẬN</p> <p>1. Chuẩn bị nói</p> <p>* Lựa chọn đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại. + Tự bảo vệ mình trước tệ nạn + Thực hành lối sống xanh + Đấu tranh và bình đẳng giới + Tôn trọng sự khác biệt + Trách nhiệm với lớp người yếu thế trong xã hội + Cảm thông chia sẻ với những hoàn cảnh éo le, hoạn nạn. <p>* Xác định từ ngữ then chốt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể sử dụng các cụm từ phù hợp với kiểu bài nói này như: Tôi cho rằng; Với lối sống này có rất nhiều cách hiểu; Theo cá nhân tôi; Với cách tiếp cận khác ta có thể thấy; Có thể khẳng định rằng... <p>2. Chuẩn bị nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi nghe thảo luận về một ý kiến khác nhau (Tranh luận, phản biện). Người nghe cần tìm hiểu các thông tin cơ bản, đề tài được nêu xung quanh vấn đề thảo luận. - Ghi lại những ý cơ bản của bài thảo luận, đặc biệt là quan điểm cá nhân người nói. - Khi cần tham gia thảo luận bàn bạc, phản biện để cùng đi đến cách hiểu thỏa đáng, thống nhất về vấn đề.
<p>* Thao tác 2: Thảo luận (nói)</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân (ghi vào giấy giàn ý nói) và thực hiện nói. 	<p>II. THẢO LUẬN (NÓI)</p> <p>1. Người nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kính thưa... Giới thiệu bản thân...

- HS thuộc nhóm đề tài nào sẽ trình bày bài nói về đề tài đó.

- GV hướng dẫn HS cách tổ chức thảo luận: Người điều hành; Thư kí ghi chép nội dung thảo luận; lập danh sách những người đăng kí/ chỉ định phát biểu.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân

- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nói và nghe

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV tổ chức đánh giá bài viết của HS để bổ sung và hoàn thiện.

- Nêu đề tài của bài nói, trình bày lí do lựa chọn đề tài (lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).

- Trình bày các ý của bài nói

+ Bày tỏ thái độ hưởng ứng tích cực đối với đề tài, vấn đề thảo luận.

+ Nắm bắt được tốt nội dung và các ý kiến đã phát biểu và chiều hướng phát triển của cuộc thảo luận.

+ Nêu được ý kiến làm sáng tỏ đề tài, vấn đề thảo luận với lí lẽ sắc bén và bằng chứng sinh động, tạo được sự kết nối liên mạch với ý kiến đã phát biểu trước đó.

+ Thể hiện được văn hóa tranh luận khi nêu ý kiến phản bác.

+ Biết sử dụng kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ cho bài nói được hấp dẫn, sinh động.

+ Phát biểu theo đúng khung thời gian quy định.

- Khái quát lại nội dung của bài nói để khẳng định, từ đó có thể mở rộng vấn đề.

Chú ý:

- Lựa chọn các từ ngữ chuyển tiếp để tạo sự liên kết chặt chẽ, hấp dẫn cho bài nói, giúp người nghe dễ theo dõi. Ví dụ: Đầu tiên, tiếp theo, cuối cùng, tóm lại, thứ nhất, thứ hai,...

- Phối hợp giữa giọng nói và ngữ điệu một cách thích hợp: giọng điệu kết hợp cử chỉ, điệu bộ.

- Có thể sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu đồ,... (nếu có) cần được sử dụng với mức độ vừa phải, cốt để làm nổi bật vấn đề muốn nói.

2. Người nghe

- HS theo dõi tiến trình thảo luận.

	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép những ý kiến phát biểu độc đáo hoặc những ý kiến cần được trao đổi thêm. - Thể hiện sự tôn trọng người nói, tạo điều kiện cho người nói thể hiện tốt nhất ý kiến của mình. - Chuẩn bị ý kiến để sẵn sàng tham gia thảo luận.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

(Trình bày bài nói và trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm)

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức đã được học ở phần hình thành kiến thức vào các tình huống cụ thể thông qua hệ thống các bài tập.

b. Nội dung: HS trình bày được bài nói.

c. Sản phẩm dự kiến: Bài nói của HS và lắng nghe, trao đổi.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
THỰC HÀNH NÓI – NGHE Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS thực hành đối vai nói – nghe cho nhau, trong 1 tiết đảm bảo tối thiểu 3 bạn được thuyết trình. Đề tài: <i>Chọn một trong hai vấn đề sau để trình bày trước lớp:</i> (1) Tự bảo vệ mình trước tệ nạn (2) Cảm thông chia sẻ với những hoàn cảnh éo le, hoạn nạn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tham gia thực hành. Bước 3: Báo cáo kết quả Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận (dựa trên bảng kiểm) - HS khác nhận xét, bổ sung	III. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE Người nói: - Cách mở đầu: giới thiệu ngắn gọn và khuyến khích đa dạng cách dẫn dắt. - Cách triển khai: trình bày lần lượt các thông tin một cách tóm lược kết hợp nhịp nhàng với trình chiếu. - Kết luận: khái quát lại và đánh giá tính nghệ thuật của tác phẩm. Có thể kết bằng câu khuyến khích người nghe chia sẻ những góc nhìn, phát hiện khác. Người nói cần: - Trả lời những thắc mắc từ người nghe. - Thể hiện thái độ tiếp nhận chân thành, cởi mở. - Chia sẻ thêm một số điểm mình muốn làm rõ hơn. Người nghe: - Thái độ tôn trọng, quan tâm đến cảm xúc người thuyết trình. - Ghi chép ý tưởng khiến mình hứng thú, điểm bạn

- GV nhận xét, kết luận	<p>còn bản khoản muốn trao đổi.</p> <p>- Có thể đặt thêm một số câu hỏi để người nói làm rõ hơn về những điều bạn tâm đắc ở tác phẩm.</p> <p>- Chú ý phong thái người thuyết trình.</p> <p>IV. TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM</p> <p>- Người điều hành tổng kết thảo luận, nêu những điều đã đạt được đồng thuận và những điều còn có ý kiến khác nhau, đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa của đề tài (lối sống tích cực trong xã hội hiện đại), vấn đề thảo luận trong việc giúp mỗi người xác định được thái độ sống tích cực.</p> <p>- Người điều hành biết cách biểu dương, khích lệ sự đóng góp của tập thể và từng cá nhân cho sự thành công của cuộc thảo luận.</p> <p>- Tập thể cùng rút kinh nghiệm về khâu tổ chức thảo luận, từ bước chuẩn bị đến bước triển khai.</p> <p>- Từng cá nhân tự rút ra những bài học cho bản thân về kỹ năng phát biểu và kỹ năng tương tác – nói nghe trong thảo luận.</p> <p>- Thực hiện đánh giá và đánh giá về trình bày dựa trên các nội dung được nêu trong bảng sau:</p>
-------------------------	--

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được vấn đề xã hội (hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) để thảo luận (lí do, mục đích chọn vấn đề).		
2	Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề xã hội (lối sống tích cực) mà bản thân chọn lựa.		
3	Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác vấn đề được đặt ra.		
4	Xác định được những điểm có sự đồng thuận giữa các ý kiến.		
5	Gợi mở được những vấn đề mới cần tìm hiểu tiếp.		
6	Tạo được không khí đối thoại thoải mái, bình đẳng.		

4. RÚT KINH NGHIỆM

a. Tự đánh giá, rút kinh nghiệm

b. Hình thức thu thập đánh giá của HS về bài dạy

5. HDVN:

PHỤ LỤC

- Tư liệu sử dụng
- Mẫu phiếu học tập

PHIẾU THỰC HÀNH NÓI NGHE

Chuẩn bị nói			Chuẩn bị nghe
Lựa chọn đề tài	Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt	

THANG ĐO KĨ NĂNG TRÌNH BÀY VẤN ĐỀ

Hướng dẫn: Hãy ghi lại mức độ thường xuyên mà người học thực hiện những hành vi dưới đây khi thực hiện nhiệm vụ trình bày. Với mỗi hành vi, hãy khoanh tròn vào con số thể hiện mức độ thường xuyên, cụ thể:

- Mức độ 1: Chưa bao giờ
- Mức độ 2: Đôi khi
- Mức độ 3: Thường xuyên
- Mức độ 4: Luôn luôn

				I. Chuẩn bị
4	3	2	1	A. Tìm hiểu kĩ vấn đề trình bày và đối tượng người nghe.
4	3	2	1	B. Lập dàn ý chi tiết cho phần trình bày.
4	3	2	1	C. Tập trình bày thử để làm chủ nội dung trình bày.
				II. Trình bày
4	3	2	1	A. Chào khán giả và tự giới thiệu nội dung trình bày, giới thiệu ngắn gọn về bản thân (nếu cần thiết).
4	3	2	1	B. Bám sát dàn ý chuẩn bị để lần lượt trình bày các nội dung của vấn đề.
4	3	2	1	C. Giọng nói đủ to, rõ ràng để tất cả người nghe đều có thể tiếp nhận được thông tin.
4	3	2	1	D. Diễn đạt trôi chảy, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt để chuyển tiếp nội dung này sang nội dung khác.
4	3	2	1	E. Sử dụng ngôn ngữ nói kết hợp điệu bộ cử chỉ và sự biểu cảm qua nét mặt, ánh mắt phù hợp với nội dung trình bày.
4	3	2	1	G. Tương tác với người nghe thông qua ánh mắt và các câu hỏi gợi dẫn.
4	3	2	1	III. Kết thúc vấn đề và cảm ơn người nghe

BÀI 4**TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH**

(9 tiết)

(Đọc: 5 tiết; Tiếng Việt: 1 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

A. Mục tiêu chung:**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả.
- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.
- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.
- Nắm bắt được các kiểu lỗi về thành phần câu, biết cách sửa lỗi và vận dụng vào việc sử dụng tiếng Việt của bản thân.

2. Về năng lực:

- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).
- Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hoá.

3. Về phẩm chất: Biết đồng cảm, yêu thương con người; biết trân trọng vẻ đẹp thủy chung trong tình yêu.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**Phần 1: ĐỌC****TIẾT 1- 2****VĂN BẢN 1: LỜI TIỄN DẶN**

(Trích Tiễn dặn người yêu – truyện thơ dân tộc Thái)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức: Nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của truyện thơ dân gian trên các phương diện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả.

2. Về năng lực:

- Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: Nhận biết và phân tích được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ (thể hiện qua văn bản đọc).

- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc- viết trong bài học.

3. Về phẩm chất: Đồng cảm với tình yêu sắt son giữa hai nhân vật và thái độ ca ngợi tình yêu đó của tác giả dân gian.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

Máy tính, máy chiếu, Phiếu học tập, các công cụ đánh giá...

2. Học liệu:

- SGK Ngữ văn 11 tập 1; Sách giáo viên Ngữ Văn 11 tập 1
- Thiết kế bài giảng điện tử, tài liệu tham khảo.
- Video, clip, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Không

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, huy động kiến thức trải nghiệm, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về truyện thơ và truyện thơ dân gian.

b. Nội dung hoạt động: HS xem ảnh và đoán tên các loại truyện thơ, nhận diện truyện thơ dân gian

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

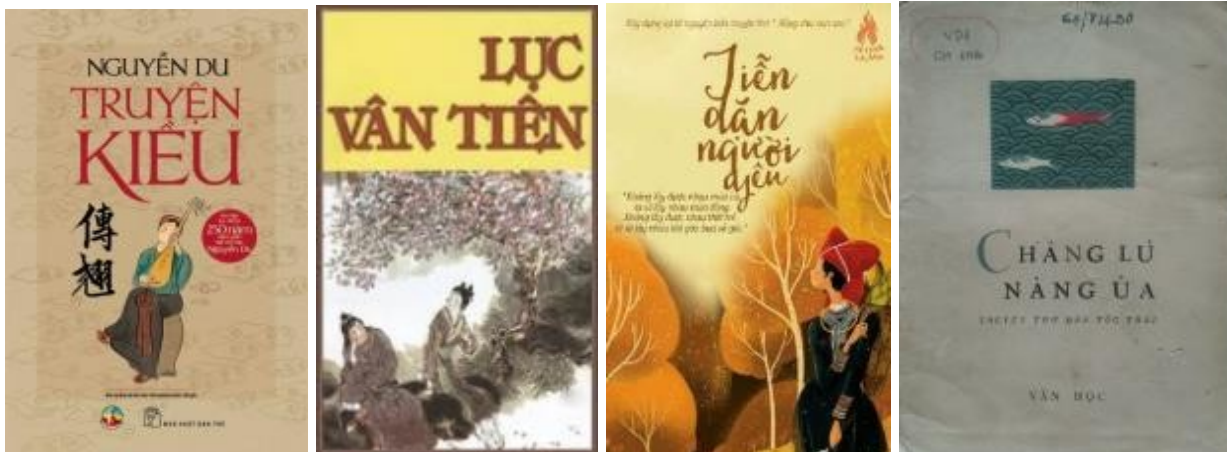
- GV: Chiếu hình ảnh về 1 số truyện thơ (có che khuất tên truyện)

Hoặc tổ chức trò chơi đuổi hình bắt chữ để đoán tên tác phẩm

Câu hỏi 1. Các em hãy nhìn hình ảnh và đoán tên tác phẩm văn học.

Câu hỏi 2. Nhớ lại một tác phẩm có câu chuyện tình yêu thực sự ấn tượng với bạn. Theo bạn, điều gì khiến tình yêu trở thành đề tài bất tận cho văn học?

- HS: Xem hình ảnh về các truyện thơ và đoán tên các truyện thơ, phân biệt truyện thơ dân gian.



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ cá nhân. GV có thể gợi ý về những truyện thơ em đã biết hoặc được học, được đọc.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS trả lời câu hỏi của GV

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV: Qua phần khởi động, các em được nhắc lại một số truyện thơ: Truyện Kiều và Truyện Lục Vân Tiên là truyện thơ trung đại, còn Tiễn dặn người yêu và Chàng Lú, nàng Ủa là truyện thơ dân gian. Hai thể loại truyện thơ này có điểm giống và khác nhau như thế nào sau đây cô và các em cùng đi tìm hiểu nội dung bài học ngày hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về truyện thơ và truyện thơ dân gian và yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về truyện thơ: khái niệm, đặc trưng, yếu tố tự sự trong thơ trữ tình)

- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm

- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS về một số nét cơ bản của truyện thơ và truyện thơ dân gian, yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV hướng dẫn HS trao đổi cặp đôi với nhau về phần Tri thức ngữ văn trong SGK để nêu những hiểu biết về thể loại truyện thơ và truyện thần thoại dân gian.</p> <p>Bước 2. GV gọi đại diện cặp xung phong phát biểu.</p> <p>Bước 3. Các cặp khác bổ sung, nhận xét</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và đánh giá hoạt động cặp của HS. - GV lưu ý một số kiến thức: HS ghi vắn tắt, hoặc dùng bút nhớ trong SGK. 	<p>A. TRI THỨC NGŨ VĂN</p> <p>1. Truyện thơ</p> <p>a. Khái niệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuộc loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,, nhưng lại được thể hiện dưới hình thức thơ. <p>b. Đặc điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện nội dung thể sự và đời tư - Hiện diện trong nhiều nền văn học, có lịch sử lâu đời, phát triển thành dòng riêng. <p>2. Truyện thơ dân gian</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do tầng lớp bình dân hoặc các trí thức gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác, lưu hành chủ yếu bằng con đường truyền miệng. - Khai thác đề tài từ nhiều nguồn khác nhau như truyện cổ, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường. - Kết hợp hài hòa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình. - Thể hiện một cách sinh động đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng nhất là những người nghèo khổ... - Ngôn ngữ: giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống hòa đồng gắn bó với đất đai, cây cỏ,... <p>3. Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đặt trọng tâm vào việc kể một câu chuyện mà ưu tiên hàng đầu cho việc thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình. - Tuy vậy yếu tố tự sự khá đậm nét: bóng dáng một câu chuyện, một sự kiên với những đường nét cốt yếu của nó, câu chuyện có tác dụng làm nền cho

	<p>tiếng nói trữ tình và luôn chịu chi phối của mạch cảm xúc mà tác giả triển khai...</p> <p>=> Câu chuyện được “kể” ở mức độ vừa đủ để cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ trọn vẹn.</p>
--	--

Nội dung 2. ĐỌC VĂN BẢN 1 – TIỀN DẶN NGƯỜI YÊU

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích.
- Tóm tắt được văn bản.
- Nhận biết và chỉ ra được bối cảnh và điểm đặc biệt lời kể của câu chuyện.

b. Nội dung hoạt động:

- GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà hoàn thiện phiếu học tập cá nhân
- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, trả lời câu hỏi của GV.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời theo phiếu học tập của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>(1) GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những câu điệp từ ngữ, điệp cấu trúc. Chú ý: giọng đọc chậm rãi, thiết tha, giàu xúc cảm...</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu một vài đoạn. - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó. - Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản. <p>(2) GV cho hs thảo luận theo theo bàn (3 phút), trao đổi bổ sung kết quả làm việc được giao về nhà theo phiếu học tập</p>	<p>B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN</p> <p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Đọc và tìm hiểu chú thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc VB - Tìm hiểu chú thích (SGK) <p>2. Tóm tắt văn bản - xác định vị trí, nội dung đoạn trích</p> <p>* Tóm tắt văn bản – SGK</p> <p>* Vị trí, nội dung đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Ghép từ hai lời tiễn dặn + Lời 1: tâm sự của chàng trai khi tiễn cô gái

Phiếu học tập số 1.**Họ và tên.....Lớp**

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Bổ sung
1	Em hãy tóm tắt văn bản <i>Tiễn dặn người yêu</i>		
2	Hãy nêu vị trí, nội dung đoạn trích		
3	Qua hai lời tiễn dặn, hãy nêu bối cảnh câu chuyện?		
4	Lời kể trong câu chuyện là ai? So với tác phẩm viết bằng văn xuôi đã học, lời kể ở đây có điểm gì đặc biệt?		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS đọc VB, đọc phần chú thích giải thích nghĩa từ khó dưới chân trang.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

+ Gọi cặp đôi xung phong trình bày kết

về nhà chồng

+ Lời 2: Niềm thương xót của anh khi chứng kiến cảnh cô gái bị nhà chồng đánh đập, hành hạ.

- **Nội dung:** Cho thấy tình yêu sắt son, bền chặt, mãi không phai nhạt của đôi nam nữ.

3. Bối cảnh và lời kể của câu chuyện*** Bối cảnh**

- Những trở ngại ngăn đôi trai gái yêu nhau kết thành vợ chồng.

- Trở ngại là: chàng trai sau bao ngày đi xa, trở về xin cưới cô gái thì gặp đúng lúc cô phải bước chân về nhà chồng; chàng trai chứng kiến cảnh cô gái bị hành hạ nhưng chỉ biết nói lời an ủi, vì cô đã thuộc về nhà người ta và chàng không thể làm gì được.

*** Lời kể**

- Lời kể trong đoạn trích là của chàng trai

- Chàng trai tự kể câu chuyện từ ngôi thứ nhất. Nhưng do lời kể được thể hiện bằng hình thức thơ nên tính trữ tình gia tăng, gây ấn tượng đoạn trích mang đặc điểm tương tự như một bài thơ trữ tình dài với nội dung chính là thổ lộ cảm xúc của chủ đề.

<p>quả làm việc theo phiếu học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS nhận xét, bổ sung kết quả làm việc của các cặp.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét cách đọc của HS qua quá trình quan sát, lắng nghe. - GV chốt nội dung kết thúc cơ bản 	
---	--

2.2 Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ qua việc cảm nhận, phân tích tâm trạng cô gái và chàng trai trong đoạn trích.
- Đồng cảm với tình yêu son sắt giữa hai nhân vật và thái độ ngợi ca tình yêu đó của tác giả dân gian.

b. Nội dung hoạt động

- HS thảo luận theo nhóm và theo cặp đôi

c. Sản phẩm

- Câu trả lời của HS theo nhóm
- HS hoàn thành các Phiếu học tập số 2,3

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm								
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đoạn 1: Tâm sự của chàng trang khi chạy theo tiễn đưa cô gái về nhà chồng</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chia nhóm từ 4-6 HS, phát phiếu học tập, thời gian: 5 phút.</p> <table border="1"> <tr> <td colspan="2">Phiếu học tập số 2</td></tr> <tr> <td colspan="2">Nhóm.....</td></tr> <tr> <td>Câu hỏi</td><td>Trả lời</td></tr> <tr> <td>Nhóm 1, 2: Diễn biến sự việc, hành</td><td></td></tr> </table>	Phiếu học tập số 2		Nhóm.....		Câu hỏi	Trả lời	Nhóm 1, 2: Diễn biến sự việc, hành		<p>II. Đọc hiểu chi tiết</p> <p>1. Tâm sự của chàng trai khi chạy theo tiễn đưa cô gái về nhà chồng:</p> <p><i>* Hành động, tâm trạng của cô gái trên đường về nhà chồng:</i></p> <p>- Trước khi gặp lại người mình yêu:</p> <p>+ <i>Vừa đi vừa ngoảnh lại, vừa đi vừa ngoái trông</i> → chờ đợi, ngóng trông, khắc khoải hi vọng gặp lại người yêu</p> <p>+ <i>Chân bước xa - lòng càng đau nhớ</i> → Đoạn đường về nhà chồng càng ngăn lại, nỗi</p>
Phiếu học tập số 2									
Nhóm.....									
Câu hỏi	Trả lời								
Nhóm 1, 2: Diễn biến sự việc, hành									

động, tâm trạng của cô gái trên đường về nhà chồng.		đau buồn, nhớ nhung càng quặn thắt, chất chồng.
Nhóm 3, 4: Hành động, cử chỉ, lời nói, tâm trạng ...của chàng trai trên đường tiễn người yêu về nhà chồng.		<p>+ <i>Tới rừng ớt....rừng cà.....ngồi đợi -> Tới rừng lá ngón ngóng trông</i>: tên cây, tên lá mang ý nghĩa tượng trưng + động từ “<i>Ngắt</i>”</p> <p>→ Gọi lên một hành trình, một tương lai khổ đau, đắng cay, tuyệt vọng</p> <p>→ Hành động yếu ớt, không chủ định cho thấy cô gái như mất phương hướng, bối rối, loay hoay kiếm tìm trong vô vọng</p> <p>→ Tình yêu sâu đậm. Tình yêu là sự sống, là niềm vui, là hi vọng. Mất tình yêu CS trở nên vô nghĩa.</p> <p>- Khi gặp người yêu: <i>Anh tới nơi</i></p> <p>+ hành động <i>bẻ >< ngắt</i> → Mạnh mẽ, đầy sinh lực</p> <p>+ hình ảnh <i>lá xanh</i>: sức sống, hi vọng</p> <p>→ Cô gái như được hồi sinh (sức mạnh tình yêu), sẵn sàng lắng nghe, tâm sự sau bao tháng ngày xa cách.</p> <p><i>Qua cái nhìn và cảm nhận của chàng trai có thể thấy: dù bước chân theo chồng nhưng mọi tâm tư, tình cảm của cô đều hướng về người cô yêu → tình cảnh đáng thương của cô gái trong một cuộc hôn nhân gả bán.(liên hệ thêm)</i></p> <p><i>* Tâm trạng của chàng trai trên đường tiễn người yêu về nhà chồng:</i></p> <p>- Gọi cô gái là <i>Người đẹp anh yêu</i> -Tình yêu dành cho cô gái vẫn thấm thiết</p> <p>- Ngôn ngữ tự sự + từ ngữ biểu cảm khi nói về cô gái: <i>ngóng trông, đau nhớ ...-> Thấu hiểu, xót xa → không đành lòng nên chàng trai quyết định: Được nhủ đôi câu...Được</i></p>

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc theo nhóm và đưa ra kiến giải cho nhóm mình.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

-Đại diện nhóm lên trình bày. HS cả lớp chú ý theo dõi, bổ sung, hoàn thiện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV tổng hợp nhận xét, đánh giá và bổ sung như phần: Dự kiến sản phẩm

	<p>dẫn đôi lời...mới quay lại, mới quay đi</p> <p>- Bày tỏ mong muốn:</p> <p>+ kẻ vốc mảnh, để ủ lấy hương người...lửa xác được hơi.</p> <p>→ muốn lưu giữ mùi hương của người yêu để linh hồn được siêu thoát → bày tỏ một tình yêu duy nhất, yêu đến trọn đời.</p> <p>+ Con nhỏ đưa anh ấm, bé xinh đưa anh bông (sẵn sàng sẻ chia, đỡ đàn) .. con dòng, con rồng, con phượng (nâng niu, trân trọng tất cả những gì thuộc về người mình yêu), đừng ngưng, đừng buồn (an ủi, động viên)</p> <p>→ ngôn ngữ nhẹ nhàng, cử chỉ vỗ về, hành động ân cần, chu đáo cho thấy một tình yêu chân thành, vị tha, cao thượng</p> <p>- Khẳng định tình yêu sắt son, chung thủy:</p> <p>+ “Đôi ta yêu nhau.....khi góa bụa về già” - > yêu nhau trong mọi thời điểm, tình huống, tình yêu vượt qua năm tháng, vượt qua thử thách không thay đổi.</p> <p>+ Điệp từ “Đợi” => Vừa khẳng định tình yêu bền bỉ, nhưng cũng cho thấy thái độ cam chịu, chấp nhận, chưa đủ mạnh mẽ để vượt qua lễ thói của một cuộc hôn nhân ép buộc.</p> <p>Tóm lại: Qua đoạn 1 của “Lời tiễn dặn” thấy nỗi khổ đau của cô gái, tấm lòng của chàng trai, tình yêu sâu đậm, thủy chung và khát vọng hạnh phúc của họ trong hoàn cảnh trái ngang, nghiệt ngã.</p>
<p>* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đoạn 2</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV Yêu cầu h/s làm việc theo cặp + cá nhân tìm hiểu nội dung:</p> <p>+ Lời nói và hành động của chàng trai</p> <p>+ Tâm trạng, nỗi lòng chàng trai khi</p>	<p>2. Nỗi lòng chàng trai khi chứng kiến cảnh cô gái bị nhà chồng hành hạ</p> <p>- Lay gọi, nâng đỡ cô gái dậy “Dậy đi em, dậy đi em ơi.....kẻo lấm”</p> <p>- Chăm sóc cô: “Đầu bù anh chải cho....búi lại” “Chặt tre” để “Lam ống thuốc này em uống khỏi đau”</p>

chúng kiến người yêu bị nhà chồng hành hạ

→ Cảm nhận về nhân vật chàng trai (là người như thế nào? Có những phẩm chất gì? ...)

Bước 2: H/s thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc theo cặp , cá nhân theo hướng dẫn

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

-H/s trình bày. HS cả lớp chú ý theo dõi, bổ sung, hoàn thiện

- GV lắng nghe, gợi ý, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV tổng hợp nhận xét, đánh giá và bổ sung như phần: Dự kiến sản phẩm

→Giọng điệu, cử chỉ nhẹ nhàng đầy xót xa, thương cảm - xoa dịu nỗi đau cho ng mình yêu.

- Hứa cùng cô tháo gỡ, giải thoát cho cả hai ra khỏi tình cảnh bị thương này: *Tơ rối đôi ta cùng gỡ ..thửa đó.*

- Khẳng định ý chí quyết tâm, và tình yêu sắt son không thay đổi:

+ Điệp từ “**Chết**” + Điệp cấu trúc trùng điệp “*Nước ngập rẫy”...Yêu nhau yêu...*”

+ Từ ngữ, hình ảnh so sánh, đậm màu sắc dân tộc, giàu sức biểu cảm

* Nếu trong lời tiễn dặn 1, lời thề nguyên khẳng định tình yêu bền bỉ, nồng đượm qua năm tháng bằng cách liệt kê các hình ảnh, các mùa trong năm, nhưng thái độ, hành động của chàng trai vẫn là động viên cô gái cùng chờ đợi và hi vọng “ **Đợi tháng năm.....gọi hè**”, “**Không lấy nhau thời trẻ...khi góa bụa về già**”(cam chịu) → Lời tiễn dặn 2 lại thể hiện quyết tâm mạnh mẽ, chống lại mọi tác động ngược chiều để bảo vệ tình yêu

- “**Chết thành sông...Chết thành đất**” “**Ta yêu nhau tàn đời giókhông ngoảnh, không nghe**” Cách thể hiện bằng cách nêu lên các tình huống giả định mang tính thử thách đặc biệt để khẳng định sự kiên định trong tình yêu. Trong đó cái chết được nhắc đến như một thử thách cao nhất

- Hình ảnh so sánh vừa quen thuộc vừa mới lạ “**Bền chắc như vàng, như đá yêu tròn đời gỗ cứng**”

→ quyết tâm sắt đá: Không cam chịu, chờ đợi. Cùng nhau đấu tranh đến cùng. Thề nguyện sống chết có nhau → Tình yêu đã cho chàng trai sức mạnh để quyết tâm đấu tranh cho tình yêu.

*** Tóm lại:** *Chàng trai là người chân thành, nhân hậu, luôn hết lòng vì người mình yêu, thủy chung và cao thượng.*

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu:

- Hiểu được giá trị nhân đạo của truyện thơ.
- Hiểu được vai trò của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

b. Nội dung:

- HS trả lời câu hỏi số 6 cuối văn bản.
- Vận dụng kiến thức ở phần Tri thức Ngữ văn lí giải sự khác nhau giữa một bài thơ trữ tình và một truyện thơ?

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Thao tác 3: Hướng dẫn tổng kết văn bản</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS nêu những cảm nhận về văn bản ở hai phương diện: nội dung, hình thức nghệ thuật</p> <p>Bước 2: H/S thực hiện nhiệm vụ</p> <p>-H/S làm việc theo hướng dẫn của GV</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện</p> <p>H/S trình bày trên bảng phụ/ máy chiếu....kết quả làm việc của mình</p> <ul style="list-style-type: none"> - H/S nhận xét, phát biểu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV căn cứ vào Dự kiến sản phẩm để nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của hs 	<p>III. Tổng kết</p> <p>a. Giá trị nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích đã thể hiện được tâm trạng, nỗi lòng của chàng trai, cô gái trong hoàn cảnh trở trêu, yêu nhau mà không thể đến được với nhau. - Đồng thời thông qua câu chuyện tình bi thương lên án, tố cáo tập tục hôn nhân gả bán và nói lên tiếng nói chưa chan tình cảm nhân đạo, đòi quyền tự do yêu đương, hạnh phúc cho con người. Ca ngợi tình yêu thủy chung, son sắt. <p>b. Giá trị nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và trữ tình khiến cho câu chuyện tình thấm đẫm cảm xúc. - Từ ngữ, hình ảnh, cách diễn đạt với trùng điệp các phép điệp từ, điệp cấu trúc, so sánh đã gọi ra không gian đặc trưng, bản sắc văn hóa, tâm hồn của người dân tộc Thái → màu

	<p>sắc riêng.</p> <p>- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, đặc sắc đã góp phần khắc họa vẻ đẹp tâm hồn của chàng trai, cô gái trong câu chuyện tình yêu đẹp, bi thương.</p>
--	---

Nội dung 3: Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu:

- H/s nhận biết sự khác nhau giữa một bài thơ trữ tình và một truyện thơ
- H/s hiểu sâu sắc về các khía cạnh làm nên đặc trưng của thể loại truyện thơ dân gian

b. Nội dung hoạt động:

- H/S thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn h/s thực hiện và trình bày

c. Sản phẩm:

- Kết quả làm việc của hs

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu hs làm việc theo cặp để tìm hiểu vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ việc đọc hiểu đoạn trích, hãy nêu nhận xét về sự khác nhau giữa bài thơ trữ tình và truyện thơ <p>Bước 2: H/S thực hiện nhiệm vụ</p> <p>H/S trình bày trên bảng phụ/ máy chiếu....kết quả làm việc của mình</p> <ul style="list-style-type: none"> - H/S nhận xét, phát biểu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV căn cứ vào Dự kiến sản phẩm để nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của hs 	<p>* Sự khác nhau giữa bài thơ trữ tình và truyện thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở bài thơ trữ tình nội dung chính thường là trạng thái cảm xúc, suy tư của nhân vật trữ tình tồn tại như một lát cắt của đời sống, còn ở truyện thơ, nội dung chính là một câu chuyện tương đối hoàn chỉnh với các nhân vật, cốt chuyện, sự kiện có diễn biến trong thời gian, không gian. - Ở bài thơ trữ tình, tiếng nói của nhân vật trữ tình giữ vai trò chi phối, vì vậy gây ấn tượng về sự thuần nhất, trong khi đó, ở truyện thơ, có thể có sự đan cài, hòa nhập về tiếng nói của người kể chuyện và nhân vật.

Nội dung 4: Hoạt động vận dụng**a. Mục tiêu:**

- H/S biết cách liên hệ những giá trị văn hóa của văn bản văn học.
- H/S biết cách đọc tích cực từ văn bản để bồi đắp kinh nghiệm sống, hình thành thái độ ứng xử nhân văn trước cuộc đời.

b. Nội dung hoạt động:

- H/S biết cách vận dụng kiến thức kĩ năng để liên hệ, mở rộng
- GV hướng dẫn h/s thực hiện và trình bày

c. Sản phẩm:

- Kết quả làm việc của hs

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu hs làm việc cá nhân để tìm hiểu và thuyết minh về vấn đề. <p>Câu 1. Từ việc đọc- hiểu đoạn trích em có những hiểu biết gì về không gian tồn tại và đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào dân tộc Thái?</p> <p>Câu 2. Chọn đoạn thơ tâm đắc, viết đoạn văn khoảng 150 chữ nêu cảm nhận của em.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - H/s làm việc theo hướng dẫn của gv <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - H/S trình bày trên bảng phụ/ máy chiếu....kết quả làm việc của mình - H/S nhận xét, phát biểu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Câu 1. H/S có thể trình bày bằng nhiều cách nhưng đảm bảo mấy ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không gian nơi đồng bào dân tộc Thái cư trú là miền núi với những: ớt, cà, lá ngón, lau...chim tăng ló.... - Đồng bào dân tộc Thái có những phong tục tập quán riêng về hôn nhân, tang lễ, sinh hoạt: ở rể, hỏa táng, dệt vải, com lam.. - Đời sống tâm linh phong phú, ứng xử nhân văn (cho người thân ở lại cùng cô gái những ngày đầu về nhà chồng...) <p>Câu 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chọn đoạn tâm đắc - Nêu cảm nhận của bản thân - Hình thức đoạn văn 150 chữ

- Câu 1. GV căn cứ vào Dự kiến sản phẩm để nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của hs.	
- Câu 2. Bảng kiểm đánh giá	

PHỤ LỤC

THANG ĐO ĐÁNH GIÁ PHẦN THUYẾT TRÌNH TRANH BIỆN CỦA CÁC NHÓM

Tiêu chí	Mức độ đạt được			
	Tốt (4)	Khá (3)	Trung bình (2)	Cần điều chỉnh (1)
Nội dung rõ ràng, dẫn chứng thuyết phục				
Sử dụng đa dạng, phù hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày				
Trả lời tốt các câu hỏi của người đối thoại				
Tự tin, lịch sự, tôn trọng người đối thoại				
Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm				

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

ST T	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn và dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: một điều tâm đắc về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.	
3	Đoạn văn phân tích được những nét chính về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.	
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
5	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	

6	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: cách diễn đạt mới mẻ, giàu hình ảnh.	
---	---	--

Ngày soạn:

BÀI 4. TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Thời gian thực hiện: tiết

(Đọc: ... tiết, Thực hành tiếng Việt: ... tiết, Viết: ... tiết, Nói và nghe: ... tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả.
- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.
- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.
- Nắm bắt được các kiểu lỗi về thành phần câu, biết cách sửa lỗi và vận dụng vào việc sử dụng tiếng Việt của bản thân.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).
- Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hóa.
- Biết đồng cảm, yêu thương con người; biết trân trọng vẻ đẹp thủy chung trong tình yêu.

2. Về năng lực

- Năng lực ngôn ngữ: nắm được các kiểu lỗi về thành phần câu, biết cách sửa lỗi và vận dụng vào sử dụng tiếng Việt của bản thân.
- Năng lực tạo lập văn bản: viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.
- Năng lực nói và nghe: biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống.

3. Về phẩm chất

- Biết đồng cảm, yêu thương con người; biết trân trọng vẻ đẹp thủy chung trong tình yêu.
- Chăm chỉ, tự giác học tập, tìm tòi và sáng tạo.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN I. ĐỌC

Tiết - VĂN BẢN 2: DƯƠNG PHỤ HÀNH (CAO BÁ QUÁT)

(.... tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được yếu tố tự sự và vai trò của chúng trong bài thơ.
- Phân tích được hình tượng người thiếu phụ phương Tây và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

2. Về năng lực

Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:

- Học sinh phân tích được hình tượng người thiếu phụ phương Tây và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.
- Phân tích được ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.
- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc – viết trong bài học.

3. Về phẩm chất

- Hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả, từ đó, biết tôn trọng sự khác biệt; biết trân trọng tình yêu, tình cảm gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ: sử dụng trong dạy đọc, viết.
- Phiếu hướng dẫn đọc, viết, phiếu nói và nghe, bảng tự đánh giá và đánh giá sau khi đọc.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập Ngữ văn 11.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: không**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:**

- Kết nối với bài học - tạo tâm thế, tạo hứng thú để HS mong muốn khám phá kiến thức mới.

b. Nội dung

- HS xem hình ảnh về trang phục của phụ nữ Pháp, phụ nữ Việt Nam thế kỉ 19.



- Hs trả lời câu hỏi: Nêu 1 điểm khác biệt trong trang phục của phụ nữ phương Tây và phương Đông ở thế kỉ XIX ? Em có thể giải thích lí do cho sự khác biệt đó không?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	- Điểm khác biệt: vẻ đẹp của

<p>- GV cho HS xem hình ảnh, trả lời câu hỏi.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS xem hình ảnh và chia sẻ suy nghĩ của mình.</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn (nếu có).</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>- GV gọi 2 -> 3 học sinh trả lời. GV nhận xét.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhận xét phần chia sẻ của HS, ghi nhận những đóng góp tích cực và tôn trọng những ý tưởng khác biệt.</p> <p>- GV nhấn mạnh: mỗi trang phục có nét đẹp riêng, mỗi đất nước, mỗi thời đại có tiêu chí về vẻ đẹp riêng. Nên khi tiếp nhận sự khác biệt, cần có thái độ ứng xử phù hợp, tôn trọng.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài học.</p>	<p>phụ nữ phương Tây và phương Đông; trang phục của phụ nữ phương Tây sang trọng, hiện đại, tôn vẻ đẹp hình thể; trang phục của phụ nữ phương Đông thanh lịch, truyền thống, kín đáo.</p> <p>- Lí do: mỗi xã hội có tiêu chí khác nhau về vẻ đẹp, về trang phục, xã hội tư bản phương Tây đề cao cái tôi cá nhân, phong cách trẻ trung, quý phái của giới quý tộc; xã hội phong kiến phương Đông chuộng vẻ đẹp nhẹ nhàng, tinh tế, nho nhã, kín đáo.</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

ĐỌC VĂN BẢN 2- DƯƠNG PHỤ HÀNH (CAO BÁ QUÁT)

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- Nắm được những kiến thức cơ bản về tác giả Cao Bá Quát, tác phẩm *Dương phụ hành*.
- Nhận biết điểm khác biệt giữa bản phiên âm và dịch thơ.

b. Nội dung:

- Đọc văn bản, chú ý các thẻ chỉ dẫn, cước chú, thông tin về tác giả, tác phẩm.
- HS đọc văn bản, tham gia trò chơi, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: phần đọc của hs; câu trả lời cho câu hỏi 1 cuối bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản:	I. Tìm hiểu chung

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- Đọc văn bản: GV yêu cầu HS chú ý thể chỉ dẫn trước, đọc văn bản sau. Gọi 1 HS đọc phần phiên âm, dịch thơ trước lớp.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS đọc văn bản, đối chiếu những từ khó và chú giải, trả lời một số câu hỏi chỉ dẫn đọc.

B3. Báo cáo thảo luận

Một số HS trả lời các câu hỏi chỉ dẫn đọc, HS khác chia sẻ, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, đánh giá.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về tác giả và văn bản*B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

Tổ chức cho HS tham gia trò chơi Vòng quay văn học.

Yêu cầu HS rút ra những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS tham gia chơi trò chơi.

B3. Báo cáo thảo luận

HS trả lời, rút ra kiến thức cơ bản cần nắm.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, đánh giá.

Câu 1: Cao Bá Quát quê ở đâu?

- A. Hà Nội
C. Hải Dương

- B. Hà Nam
D. Hưng Yên

1. Tác giả

- Cao Bá Quát (1808 – 1855), quê Hà Nội.

- Nổi tiếng văn hay chữ tốt (Thánh Quát), lận đận khoa cử, khí phách ngang tàng, phóng túng “nhất sinh đề thủ bách hoa mai”.

- 1841, đi phục dịch ở vùng Hạ Châu -> tiếp xúc văn minh xứ lạ, thay đổi nhận thức.

- 1854, lãnh đạo khởi nghĩa Mỹ Lương chống nhà Nguyễn, tử trận, bị kết án “tru di tam tộc”.

- Đặc điểm thơ văn: phong phú về thể loại, tình cảm tha thiết với quê hương, gia đình và những người cùng khổ, có cái nhìn dân chủ và nhân văn sâu sắc.

2. Văn bản

- Thể loại: hành (thơ cổ thể)

- 1884, trong dịp xuất dương hiệu lực.

- Bố cục: câu 1- 7 (hình ảnh người thiếu phụ tây phương) – câu 8 (tâm trạng của nhà thơ)

- Điểm khác biệt giữa bản dịch thơ và phiên âm:

Đáp án: A

Câu 2: Đâu không phải là thông tin chính xác về cuộc đời Cao Bá Quát?

- A. Ông học rộng, tài cao, đỗ cử nhân sớm.
- B. Ông từng cáo quan về quê ở ẩn.
- C. Ông lận đận trên con đường làm quan.
- D. Ông từng đi theo phục dịch phái bộ đi công cán một số nước vùng Hạ Châu.

Đáp án: B

Câu 3: Cao Bá Quát tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Mỹ Lương
- B. Bãi Sậy
- C. Yên Thế
- D. Ba Đình

Đáp án: A

Câu 4: Đâu không phải là đặc điểm của thơ văn Cao Bá Quát?

- A. Phong phú về đề tài
- B. Thể hiện tình cảm thiết tha gắn bó với gia đình, quê hương, những thân phận cùng khổ.
- C. Thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp.
- D. Có cái nhìn nhân văn và tinh thần dân chủ.

Đáp án: C

Câu 5: *Dương phụ hành* được sáng tác vào năm nào?

- A. 1845
- B. 1844
- C. 1856
- D. 1847

Đáp án: B

Câu 6: *Dương phụ hành* được viết theo thể gì?

- A. Hát nói

+ *y như tuyết* (màu sắc áo, cái nhìn thiện cảm với vẻ đẹp thuần khiết) - *áo trắng phau* (chỉ nói được màu sắc của áo)

+ *phiên thân* (nghiêng mình, vẻ nũng nịu, duyên dáng) - *uốn éo* (chỉ miêu tả tư thế, mất đi nét biểu cảm)

- B. Thơ thất ngôn tứ tuyệt
- C. Thơ lục bát
- D. Thể hành

Đáp án: D

***Nhiệm vụ 3: So sánh bản phiên âm và dịch thơ**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

So sánh bản dịch thơ và nguyên tác, chỉ ra chỗ khác biệt.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân, đối chiếu, chỉ ra sự khác biệt.

B3. Báo cáo thảo luận

HS trình bày, bổ sung, nhận xét.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Gv nhận xét, chuẩn xác kiến thức

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Phân tích được yếu tố tự sự trong bài thơ: không gian, thời gian, sự việc, hình ảnh người thiếu phụ phương tây (vẻ ngoài sang trọng, cuộc sống hạnh phúc)
- Hiểu được điểm nhìn, cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ – nhà Nho, nhà thơ phương Đông.

b. Nội dung:

- HS thảo luận theo nhóm.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của nhóm học sinh.
- HS hoàn thành các Phiếu học tập số 1, 2

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu 7 câu đầu	II. Khám phá văn bản
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	1. Hình tượng người thiếu phụ phương Tây (bảy câu đầu)
GV chia nhóm từ 4-6 HS, phát phiếu học tập,	

thời gian: 7 phút.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm.....

Câu hỏi	Trả lời
<p>1. Tìm hiểu yếu tố tự sự trong 7 câu đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian - Không gian - Sự việc - Hình ảnh người thiếu phụ phương Tây (trang phục, cử chỉ, điệu bộ) - Nhận xét về vẻ đẹp và cuộc sống gia đình của người thiếu phụ. <p>2. Dưới điểm nhìn của một nhà Nho đồng thời cũng là một nhà thơ phương Đông, tác giả bộc lộ thái độ, cảm xúc gì?</p>	

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS nhận nhiệm vụ, thảo luận, ghi vào PHT

- GV gợi dẫn:

Hãy chỉ ra những nét khác biệt, thậm chí tương phản giữa hình ảnh người thiếu phụ phương Tây trong bài thơ với hình ảnh người phụ nữ phương Đông theo quan niệm Nho giáo.

a. Hình ảnh người thiếu phụ phương Tây

- thời gian: đêm trăng

- không gian: biển, thuyền

- sự việc: câu chuyện về người thiếu phụ phương Tây.

- Hình ảnh người thiếu phụ:

+ Trang phục: y như tuyết (màu áo trắng, vẻ đẹp thanh khiết hòa vào ánh trăng)

+ Cử chỉ, điệu bộ (kéo áo chồng, tựa vai chồng, nghiêng mình đòi chồng nâng dậy...)

=> Vẻ đẹp sang trọng, trẻ trung, duyên dáng; cuộc sống đầm ấm, hạnh phúc.

b. Điểm nhìn, cảm xúc của nhà thơ

- Điểm nhìn:

+ của nhà Nho: quan niệm người phụ nữ là người nâng khăn sửa túi, chăm sóc chồng, lễ phép, khiêm nhường

-> ngạc nhiên, không kì thị, khách quan, tôn trọng những điều mới mẻ, xa lạ với văn hóa truyền thống của người phương đông.

+ của một nhà thơ: sự tương phản của thời tiết lạnh giá >< vẻ đẹp, cuộc sống ấm áp, yêu thương của người thiếu phụ.

-> đồng cảm, trân trọng vẻ đẹp của con người và cuộc sống. Thơ trung đại: giai nhân – mệnh bạc; Cao Bá Quát: giai nhân

Nhà Nho Cao Bá Quát có thể hiện thái độ kì thị hay phê phán khi miêu tả người thiếu phụ phương Tây?

Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện rõ nhất thái độ của tác giả từ điểm nhìn này?

Thơ trung đại thường nhắc đến giai nhân – mệnh bạc. Còn nhà thơ Cao Bá Quát nhắc đến giai nhân thì gắn với điều gì?

B3. Báo cáo thảo luận

- GV yc hs trao đổi PHT giữa các nhóm, ghi góp ý ra bên cạnh PHT, chuyển lại.

- HS trình bày, bổ sung, nhận xét.

- GV quan sát, định hướng để việc thảo luận đúng trọng tâm.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, chuẩn xác.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu câu cuối

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV phát phiếu HT số 2, làm việc cặp đôi, thời gian 5 phút

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Họ tên...

Câu hỏi	Trả lời
- Phân tích tâm trạng nhân vật trữ tình trong câu kết và những ý tứ được mở ra từ câu này.	

Liên hệ bài thơ *Tự quân chi xuất hĩ* (Tự thuở chàng ra đi) của CBQ, thể hiện một cách chân thành, tinh tế, cảm động tình yêu, khát vọng hạnh phúc lứa đôi:

– hạnh phúc, sum họp.

=> Quan niệm tiến bộ, hiện đại, sâu sắc về cuộc sống, văn chương.

2. Tâm trạng nhân vật trữ tình (câu kết)

- Tâm trạng của nhân vật trữ tình:

+ tự nói với mình: người thì hạnh phúc, mình thì ly biệt, xa quê, công danh dang dở.

<p><i>Từ ngày anh ra đi, Đêm đêm giường quạnh hiu. Trăng khời soi mộng lẻ, Gió bên lạnh hơi chiều. Áo rét em cất giữ, Gương nhỏ anh mang theo. Tạm để cùng yên ủi, Không lạt tình thương yêu.</i></p>	<p>+ đồng cảm, trân trọng cuộc sống hạnh phúc của vc thiếu phụ.</p> <p>+ nhớ quê hương, gia đình, người thân.</p> <p>=> Nhân cách cao đẹp, nhân văn.</p> <p>- Mạch cảm xúc mở: giai nhân – tài tử; hạnh phúc sum họp – đau khổ biệt li.</p>
<p>Hoặc bài Thăng Long thành hoài cổ (Bà HTQ):</p> <p><i>Ngàn năm gương cũ soi kim cổ Cảnh đó người đây luống đoạn trường!</i></p> <p>Để thấy những vần thơ thấm đẫm lệ ly hương.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS nhận nhiệm vụ, thảo luận, ghi vào PHT</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>- HS trình bày, bổ sung, nhận xét.</p> <p>- GV quan sát, định hướng để việc thảo luận đúng trọng tâm.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhận xét, chuẩn xác.</p>	

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu:

- Hiểu được giá trị nhân đạo của bài thơ.
- Hiểu được vai trò của yếu tố tự sự trong thơ.

b. Nội dung:

- HS trả lời câu hỏi số 6 cuối văn bản.
- Vận dụng kiến thức ở phần Tri thức ngữ văn lí giải vai trò của yếu tố tự sự.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV nêu câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận về tư tưởng, tâm hồn tác giả. - Yếu tố tự sự có ý nghĩa ntn trong bài thơ? <p>YC hs chuẩn bị trong 5 phút, trình bày trong 2 phút.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời.</p> <p>GV gợi dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị nhân đạo của bài thơ. - Câu chuyện về người thiếu phụ được kể ntn? Có tác động gì đến cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ? <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>HS trình bày</p> <p>GV gọi bổ sung, nhận xét.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, chuẩn xác.</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Giá trị nhân đạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan niệm mới mẻ, sâu sắc về cuộc sống, văn chương. - Trân trọng, đề cao tình yêu, hạnh phúc của con người. <p>2. Vai trò của yếu tố tự sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu chuyện về người thiếu phụ được kể qua 1 vài chi tiết (không gian, thời gian, trang phục, cử chỉ, điệu bộ) - Làm nền cho cảm xúc, tâm trạng nhà thơ được bộc lộ trọn vẹn.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ), trình bày suy nghĩ của anh/chị về một khía cạnh thuộc nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.

b. Nội dung: HS kết nối kiến thức từ bài học để viết đoạn văn.

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh về hình thức và nội dung của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ), trình bày suy nghĩ của anh/chị về điều anh/chị tâm đắc nhất trong bài thơ Dương phủ hành. - Thời gian: 15 phút. <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận câu hỏi, xác định vấn đề nghị luận, tìm ý, viết đoạn văn. - GV gợi ý: liên hệ hcs, điểm nhìn của nhà nho, nhà thơ phương Đông. <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV trình chiếu các tiêu chí chấm bằng bảng kiểm - HS trình bày, bổ sung, nhận xét. - GV yêu cầu HS dựa vào bảng kiểm, nghe phần trình bày của bạn để đánh giá. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chuẩn xác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn: đảm bảo về hình thức (150 chữ, kết cấu rõ ràng, mạch lạc); có thể chọn một khía cạnh về nội dung (làm rõ vẻ đẹp, cuộc sống hạnh phúc của người thiếu phụ; quan niệm mới mẻ, điểm nhìn khách quan của tác giả) hoặc một nét đặc sắc về nghệ thuật.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Đọc văn bản ngoài sgk, cùng thể loại hành.
- Hiểu được nội dung, sự kết hợp của tự sự và biểu cảm trong văn bản.

b. Nội dung:

- HS đọc đoạn trích trong văn bản *Sa hành đoản ca* (Cao Bá Quát)
- Dựa vào chú thích để trả lời các câu hỏi.
- Thảo luận nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV trình chiếu hoặc phát bài tập cho các nhóm

- HS đọc đoạn trích trong văn bản *Sa hành đoản ca* (Cao Bá Quát)

Phiên âm:

*Trường sa, trường sa, nại cù hà?
Thản lộ mang mang úy lộ đa.
Thỉnh ngã nhất xướng cùng đồ ca.
Bắc sơn chi bắc, sơn vạn điệp,
Nam sơn chi nam, ba vạn cấp,
Quân hồ vi hồ sa thượng lập?*

Dịch nghĩa:

*Bãi cát dài, bãi cát dài, biết tính sao đây?
Bước đường bằng phẳng thì mờ mịt, bước đường ghê sợ thì nhiều.
Hãy nghe ta hát khúc “đường cùng”,
Phía bắc núi Bắc núi muôn trùng,
Phía nam núi Nam sóng muôn đợt.
Anh còn đứng làm chi trên bãi cát?*

Chú thích: Cao Bá Quát thi đỗ cử nhân năm 1831, tại trường thi Hà Nội. Để thi tiến sĩ, cần vào kinh đô Huế. Do vậy, ông đã nhiều lần đi Huế để thi Hội (nhưng đã không đỗ tiến sĩ). Hành trình từ Hà Nội vào Huế qua nhiều tỉnh miền trung như Quảng Bình, Quảng Trị là vùng có nhiều bãi cát trắng mênh mông, sóng biển và núi đã gợi cảm hứng cho tác giả sáng tác bài thơ.

- Dựa vào chú thích để trả lời các câu hỏi:

- + Ý nghĩa ẩn dụ của hình ảnh “bãi cát dài”.
- + Lí giải cụm từ “đường cùng”.
- + Câu hỏi tu từ cuối văn bản bộc lộ thái độ, tâm trạng gì?
- + Chỉ rõ yếu tố tự sự trong văn bản.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS xem câu hỏi, chú thích, thảo luận, trả lời.

GV quan sát, gợi ý.

B3. Báo cáo thảo luận

GV trình chiếu Thang đo.

HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV dựa vào thang đo, nhận xét phần thuyết trình, tranh biện của các nhóm.

- Bãi cát dài = ẩn dụ cho con đường công danh mờ mịt.

- Đường cùng = sự bế tắc, tuyệt vọng không biết đi tiếp hay từ bỏ.
- Câu hỏi tu từ: nhận thức được hoàn cảnh, quyết tâm từ bỏ con đường danh lợi để giải thoát, theo đuổi lí tưởng của riêng mình.
- Yếu tố tự sự: kể về hành trình theo đuổi công danh sự nghiệp khó khăn, gian truân, mờ mịt. Sự thức tỉnh của kẻ sĩ.

4. Củng cố:

- Yếu tố tự sự và vai trò của chúng trong bài thơ.
- Hình tượng người thiếu phụ phương Tây và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.
- Tình cảm, tư tưởng của tác giả; biết tôn trọng sự khác biệt, biết trân trọng tình yêu, tình cảm gia đình.

5. HDVN:

- Đọc thêm các tác phẩm: Tống biệt hành (Thâm Tâm), Sở kiến hành (Nguyễn Du) để hiểu rõ về thể loại, nội dung thường gặp trong các bài thể loại hành (tình cảm gia đình, sự việc ẩn tượng, đồng cảm với con người)
- Đọc văn bản 3: THUYỀN VÀ BIỂN (Xuân Quỳnh), tác giả, tác phẩm. Trả lời các câu hỏi cuối văn bản 3. Nghe bài hát Thuyền và biển (thơ Xuân Quỳnh, nhạc: Phan Huỳnh Điểu).
- Suy tầm các bài thơ: Sóng, Thơ tình cuối mùa thu (Xuân Quỳnh).

PHỤ LỤC

THANG ĐO ĐÁNH GIÁ PHẦN THUYẾT TRÌNH TRANH BIỆN CỦA CÁC NHÓM

Tiêu chí	Mức độ đạt được			
	Tốt (4)	Khá (3)	Trung bình (2)	Cần điều chỉnh (1)
Nội dung rõ ràng, dẫn chứng thuyết phục				
Sử dụng đa dạng, phù hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày				
Trả lời tốt các câu hỏi của người đối thoại				
Tự tin, lịch sự, tôn trọng người đối thoại				
Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm				

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

ST T	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn và dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: một điều tâm đắc về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.	
3	Đoạn văn phân tích được những nét chính về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.	
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
5	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
6	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: cách diễn đạt mới mẻ, giàu hình ảnh.	

Ngày soạn:

BÀI 4

TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH.

Thời gian thực hiện: tiết

(Đọc: ... tiết, Thực hành tiếng Việt: ... tiết, Viết: ... tiết, Nói và nghe: ... tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả.
- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.
- Nhận ra được các kiểu lỗi về thành phần câu, biết cách sửa lỗi và vận dụng vào việc sử dụng tiếng Việt của bản thân khi nói, viết.
- Nhận ra được các kiểu lỗi về thành phần câu, biết cách sửa lỗi và vận dụng vào việc sử dụng tiếng Việt của bản thân khi nói, viết.

2. Về năng lực

- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại).
- Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hoá.

3. Về phẩm chất

- Biết đồng cảm, yêu thương con người; biết trân trọng vẻ đẹp thủy chung trong tình yêu, tình nghĩa con người.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết

VĂN BẢN 3:

THUYỀN VÀ BIỂN

- Xuân Quỳnh –

(.... tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh nhận biết và phân tích được ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại.
- Nhận ra vẻ đẹp tâm hồn tinh tế và phong phú của người phụ nữ đang yêu.

2. Về năng lực

- Phát huy năng lực tự học và năng lực hợp tác của học sinh, cụ thể:
 - + Học sinh phân tích được biểu hiện của hình tượng sóng với nhiều cung bậc cảm xúc vừa truyền thống, vừa hiện đại.
 - + Phân tích được ý nghĩa của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình hiện đại.

- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc- viết trong bài học.

3. Về phẩm chất

- Học sinh đồng cảm với khát vọng tình yêu của nhân vật trữ tình,
- Có thái độ ứng xử nghiêm túc với tình yêu,
- Có ý thức vun đắp cho tình yêu trở thành một trong những tình cảm đẹp đẽ nhất mà con người có được.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy tính, tivi.

2. Học liệu:

- Phiếu học tập, tranh, ảnh/video,...
- SGK; SGV

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra bài *Dương phụ hành* – Cao Bá Quát

Câu 1. Việc miêu tả vẻ đẹp của người thiếu phụ thể hiện quan điểm gì của tác giả?

- A. Cái nhìn cởi mở táo bạo, thể hiện một quan niệm mới mẻ hiện đại
- B. Cái nhìn cổ hủ lạc hậu, thể hiện tư duy cũ kĩ của thế hệ đã cũ
- C. Cái nhìn phiến diện đáng lên án, thể hiện lối mòn của phong kiến
- D. Cái nhìn xót xa đầy cảm thông, thể hiện tấm lòng của tác giả

Câu 2 . Nhận xét về giọng điệu của tác giả khi miêu tả người thiếu phụ?

- A. Giọng thán phục, thích thú
- B. Giọng châm biếm, trào phúng
- C. Giọng điềm tĩnh, khách quan
- D. Giọng mỉa mai, phê phán

Câu 3. Giá trị nội dung quan trọng nhất của văn bản “Đương phụ hành”?

- A. Giá trị hiện thực: tố cáo hiện thực xã hội.
- B. Giá trị nhân đạo: đề cao hạnh phúc của con người
- C. Giá trị nhân đạo: lên án cái ác, cái xấu trong xã hội
- D. Giá trị hiện thực: đề cao đạo lí làm người.

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế cho HS trước khi nghiên cứu bài học
- Học sinh được định hướng, huy động những kiến thức, tri thức đã có, khơi dậy sự hứng khởi với bài học.

b. Nội dung:

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p><u>Cách 1.</u></p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>HS nghe ca khúc “Thuyền và biển” https://www.youtube.com/watch?v=L3f-6_OsubA</p> <p><i>Hãy nêu cảm xúc của em sau khi nghe ca khúc</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS làm việc cá nhân</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>HS chia sẻ</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p>	<p>HS tự do chia sẻ cảm xúc</p>
<p><u>Cách 2. HS giải ô chữ</u></p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Giải ô chữ với 9 hàng ngang để tìm ra từ khóa</p> <p>Câu 1. Từ gồm 7 chữ cái đồng nghĩa với từ thanh bình</p>	

(BÌNH YÊN)

Câu 2. Áo của người thiếu phụ Tây dương được miêu tả với từ này (gồm 5 chữ cái)

TUYẾT

Câu 3. Loài chim sống ở biển còn được gọi là chim báo bão (gồm 5 chữ cái)

HẢI ÂU

Câu 4. Từ chỉ vật phát sáng lớn nhất, nhìn thấy về ban đêm (gồm 5 chữ cái)

TRĂNG

Câu 5. Đây là một danh từ chỉ là hiện tượng gió tăng tốc một cách đột ngột, đi kèm với những cơn dông mạnh. (gồm 2 chữ cái)

TÓ

Câu 6. Từ lấy chỉ cách nói chuyện khẽ và kín (gồm 7 chữ cái)

THẦM THÌ

Câu 7. Tên một truyện thơ của người Tày còn gọi là khảm hải (gồm 8 chữ cái)

VƯỢT BIỂN

Câu 8. Một bài thơ nổi tiếng của Xuân Quỳnh về tình yêu (gồm 4 chữ cái)

SÓNG

Câu 9. Tập thơ của Xuân Quỳnh xuất bản năm 1984 (gồm 5 chữ cái)

TỰ HÁT**TỪ KHÓA: YẾU TỐ TỰ SỰ**

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận: HS giải mã hàng ngang, tìm từ khóa B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV giới thiệu bài mới	
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết, nắm bắt được những thông tin về tác giả Xuân Quỳnh, bài thơ “Thuyền và biển”.
- Biết cách tra cứu, tìm hiểu, trình bày những thông tin đã có.

b. Nội dung:

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc văn bản, chú ý các thể đọc, giọng đọc 2. Tác giả 3. Tác phẩm Trả lời câu hỏi: <i>- Những thông tin nào trong phần giới thiệu có thể giúp em hiểu hơn về văn bản “Thuyền và biển”?</i> <i>- Trình bày hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, đề tài?</i> <i>- Bài thơ có nhắc đến những</i>	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả <i>- Thơ Xuân Quỳnh giàu yếu tố tự thuật.</i> <i>- Bên cạnh việc bộc lộ niềm khát khao được yêu thương, chia sẻ và ý thức chất chiu, gìn giữ hạnh phúc đang có, thơ bà còn chứa đựng những dự cảm đầy lo âu về cái mong manh của đời sống, của tình yêu.</i> <i>-> Xuân Quỳnh được nhìn nhận là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ Việt Nam hiện đại nửa sau thế kỉ XX.</i> 2. Văn bản <i>- Bài thơ <i>Thuyền và biển</i> được sáng tác vào tháng 4 năm 1963 và được in trong tập <i>Chồi biếc</i> (1963). Sau này, bài thơ được nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, Hữu Xuân phổ nhạc thành bài hát cùng tên.</i> <i>- Thể thơ: Thơ năm chữ</i>

<p>“nhân vật” nào? Em cảm nhận như thế nào về câu chuyện được nhân vật trữ tình kể lại trong bài thơ?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p>	<p>- Đề tài: Tình yêu</p> <p>- Bố cục:</p> <p>+ Phần 1: 3 khổ đầu - tình yêu vừa mới chớm</p> <p>+ Phần 2: 2 khổ thơ tiếp - khi cả hai đã yêu nhau</p> <p>+ Phần 3: 2 khổ thơ tiếp - khi tình yêu đã trở nên sâu đậm</p> <p>+ Phần 4: khổ cuối – nếu cuộc tình phải chia xa.</p> <p>- Câu chuyện được nhân vật trữ tình kể lại trong bài thơ chính là tâm trạng của những người đang yêu nhau. Nhà thơ mượn hình ảnh thuyền và biển để gửi gắm tâm tư, tình cảm của mình. Tình yêu của nhà thơ cũng rộng lớn, mênh mông thăm thiết như thuyền với biển.</p>
--	---

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc văn bản thơ trữ tình hiện đại, nắm được một số đặc điểm riêng của thể tự do (thể thơ, ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu,...).
- HS nhận biết và phân tích được yếu tố tự sự trong thơ trữ tình (câu chuyện; tâm sự và khát vọng của nhân vật trữ tình).
- HS nhận biết và phân tích cảm xúc, khát vọng của nhân vật trữ tình - mong muốn tình yêu được bền vững, tìm cách để vun đắp cho tình yêu.
- HS hiểu được những nét nghệ thuật cơ bản của bài thơ được tác giả sử dụng.

b. Nội dung:

- HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học.
- HS đọc VB, vận dụng “*Tri thức ngữ văn*”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1:	II. Khám phá văn bản
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	1. <i>Mối tương quan giữa thuyền và biển</i>

<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các từ khoá phản ánh mối tương quan giữa thuyền và biển từ góc độ mà nhà thơ muốn khám phá. - Những từ ngữ này thường xuất hiện trong các bài thơ về đề tài gì? - Trong câu chuyện về thuyền và biển, hai đối tượng này được đặt trong tương quan nào? - Những cung bậc tình cảm gì đã được “người kể” soi rọi, khám phá? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS thảo luận nhóm theo bàn</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>HS báo cáo kết quả</p> <p>HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV cùng HS chuẩn kiến thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các từ khoá phản ánh mối tương quan giữa thuyền và biển từ góc độ mà nhà thơ muốn khám phá: <i>nghe lời, nhiều khát vọng, tình... bao la, thâm thì, hiểu, biết, gặp nhau, thương nhớ, đau, sóng gió,...</i> <p>-> những từ ngữ có tần suất xuất hiện rất cao trong các bài thơ viết về tình yêu.</p> <p>=> hai đối tượng thuyền và biển đã được đặt trong mối quan hệ gắn bó – xung đột mang tính vĩnh cửu của tình yêu (trong hình dung của nhà thơ, thuyền và biển chính là một cặp tình nhân).</p> <p>Với lời phụ chú đặt trong ngoặc đơn (“Vì tình yêu muôn thuở/ Có bao giờ đứng yên?”), đáp án của câu hỏi đã được tác giả tự hé lộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cung bậc của tình yêu được nhà thơ soi rọi: <ul style="list-style-type: none"> + niềm đam mê không giới hạn ("Thuyền nghe lời biển khơi"; "Thuyền đi hoài không mỏi"); + sự êm ả lắng sâu ("Thầm thì gửi tâm tư Quanh mạn thuyền sóng vỗ"); + sự cồn cào, mãnh liệt ("Cũng có khi vô có/ Biển ào ạt xô thuyền");, + sự nhớ thương khắc khoải ("Những ngày không gặp nhau/ Biển bạc đầu thương nhớ"); + sự đau khổ giày vò ("Những ngày không gặp nhau/ Lòng thuyền đau – rạn vỡ; “Biển chỉ còn sóng gió” <p>=> Tình yêu có nhiều cung bậc cảm xúc, nhiều khát vọng</p> <p>2. Những yếu tố để xây dựng một tình</p>
---	--

<p>Nhiệm vụ 2:</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Nhóm 1, 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hãy tìm các câu thơ đánh dấu trạng thái “hiểu”, “biết”, “gặp” của thuyền và biển</i> - <i>Giải nghĩa các từ “hiểu”, “biết”, “gặp”.</i> - <i>Theo em, tình yêu có nhất thiết phải được xây dựng dựa trên sự “hiểu” và “biết” không?</i> - <i>“Gặp” là cần thiết, nhưng sự “không gặp” có giá trị như thế nào trong việc giúp ta hiểu bản chất của tình yêu?</i> <p>Nhóm 3, 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Số dòng thơ được dành cho từng câu chuyện được phân bố theo tỉ lệ nào?</i> - <i>Tại sao “em” lại dùng câu chuyện thuyền và biển để kể cho anh, mà không trực tiếp nói ra cảm xúc của chính mình?</i> - <i>Nêu nhận xét về sự lồng ghép hai câu chuyện trong bài thơ.</i> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS thảo luận nhóm, các nhóm cùng nội dung trao đổi kết quả, bổ sung, thống nhất</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p>	<p>yêu đích thực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải nghĩa: (theo cách hiểu thông thường) + “Hiểu” và “biết” ở đây có chung trường nghĩa, chỉ sự thấu tỏ về nhau qua một quá trình không ngừng chia sẻ, tương tác. + “gặp” chính là sự sum vầy, quần quýt, đối lập với sự cách xa, phôi pha, lạnh nhạt. - Trong tác phẩm (trong tình yêu) + <i>Hiểu</i> – sự thấu hiểu, đồng cảm + <i>Biết</i> - sự hiểu biết về những biến đổi, thay đổi, cung bậc cảm xúc trong tình yêu, có khi bình lặng, hiền từ khi lại vô cớ ào ạt .. => hai động này đã diễn tả trọn vẹn sự giao hòa, thấu hiểu, đồng cảm sâu sắc trong tình yêu. =>Hiểu và biết vừa là những xúc cảm vừa là khao khát của con người trong tình yêu - sự thấu hiểu, đồng điệu => Khát vọng tình yêu của người phụ nữ: khát vọng được thấu hiểu (hiểu người yêu, hiểu chính mình) + <i>Gặp</i> - sự gặp gỡ, trò chuyện thân mật giữa những người mình yêu. -> khi không gặp như thách thức sự chờ đợi, thách thức lòng thủy chung của cả thuyền và biển => <i>Trong tình yêu đôi lứa “hiểu”, “biết”, “gặp” là những yếu tố không thể thiếu để xây dựng, duy trì mối quan hệ tình yêu tốt đẹp, bền vững theo thời gian.</i> <p>3. Nét độc đáo trong cấu trúc của văn</p>
--	--

Đại diện các nhóm trình bày

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV cùng HS chuẩn xác kiến thức

bản

- Số dòng thơ được dùng cho thuyền và biển: 26 câu
- Số dòng thơ dùng cho câu chuyện của tác giả: 4 câu
- *Tác giả sử dụng ít những câu thơ nói trực tiếp về câu chuyện của mình như vậy bởi tình yêu của tác giả cũng giống như thuyền và biển, sự tương đồng giữa chúng là rất nhỏ. Bởi vậy, khi nói về thuyền và biển cũng là đang nói đến câu chuyện của tác giả.*
- Trong bài thơ, câu chuyện giữa “em” - nhân vật trữ tình – và “anh” là câu chuyện “khung” “Em” đã kể cho “anh”, cũng là cho độc giả, nghe câu chuyện giữa thuyền và biển.
- Thực chất câu chuyện được "em" kể chính là sự hình tượng hoá các cung bậc, sắc thái của tình yêu nói chung cũng như lí tưởng, khát vọng tình yêu của “em” nói riêng. (Vì câu chuyện giữa thuyền và biển đã nói thay mọi điều cần nói nên “em” không cần phải triển khai rộng hơn, dài hơn câu chuyện giữa mình và “anh”. Lúc câu chuyện giữa thuyền và biển được đẩy tới cao trào (“Nếu từ giã thuyền rồi/ Biển chỉ còn sóng gió”), rất tự nhiên, “em” đã đưa ra lời khẳng định trực tiếp về tình yêu với “anh”: “Nếu phải cách xa anh/ Em chỉ còn bão tố.”)
- => sự lồng ghép giữa câu chuyện của tác giả và câu chuyện của thuyền và biển diễn ra linh hoạt, đan xen với nhau. đã tạo nên các góc soi chiếu khác nhau về tình yêu, cả khách quan lẫn chủ quan, làm cho ấn tượng của người đọc về những điều thô lộ của nhân vật trữ tình càng thêm mạnh mẽ, sâu sắc
- => Đôi khi nó khiến người đọc khó có thể phân biệt được đâu là câu chuyện của tác giả và câu chuyện của thuyền biển bởi sự tương đồng giữa chúng.

--	--

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tâm sự và khát vọng của nhân vật trữ tình
- HS đánh giá được vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ.

b. Nội dung:

- HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>HS trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bài thơ giúp bạn hiểu như thế nào về tâm sự và khát vọng của nhân vật trữ tình?</i> - <i>Đánh giá chung về vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự được sử dụng trong bài thơ.</i> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thảo luận cặp đôi</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>HS trình bày kết quả thảo luận</p> <p>HS khác nhận xét, bổ sung, phản biện</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV cùng HS chuẩn xác kiến thức</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ là lời giải bày của một người phụ nữ về tình yêu. + Mối quan tâm cháy bỏng về sự thủy chung, thấu hiểu và chia sẻ. + khát vọng khám phá sự bao la, vô tận và vĩnh cửu của tình yêu. <p>=>Thuyền và biển không chỉ là đối tượng chủ thể trữ tình mà hình ảnh đó còn là biểu trưng cho cảm xúc của những đôi lứa yêu nhau. Đó là tâm trạng nhớ nhung, buồn đau của tháng ngày xa cách, là ước nguyện luôn được gắn bó, bền chặt bên nhau.</p> <p>=>Bài thơ là lời nhắn gửi những người đang yêu xa hãy luôn nghĩ và hướng về nhau để giữ vững niềm tin, hi vọng về một ngày tương phùng.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ năm chữ. - Sử dụng cặp hình tượng sánh đôi thuyền - biển để nói về tình yêu đôi lứa. - Nhịp thơ linh hoạt, lúc nhẹ nhàng, tâm tình, lúc sôi nổi, dồn dập

	<p>- Yếu tố tự sự</p> <p>+ Làm cho thông điệp về tình yêu được truyền tải một cách tự nhiên và gần gũi hơn.</p> <p>+ giúp cho người đọc hình dung và cảm nhận được tâm tư, tình cảm của tác giả.</p> <p>+ Từ câu chuyện của thuyền và biển cho đến anh và em, một sự chuyển đổi bất ngờ nhưng đầy tự nhiên, không hề đột ngột.</p> <p>=> góp phần tạo nên một thi phẩm như lời tự sự chân thành của tình yêu.</p>
--	--

PHIẾU HỌC TẬP (Nếu có)

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Rèn kĩ năng viết đoạn văn bản về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm
- HS thực hành viết để củng cố kiến thức đã tìm hiểu, trình bày quan điểm của bản thân.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

c. Sản phẩm: đoạn văn (khoảng 150 chữ).

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ <i>Tìm đọc thêm một bài thơ trữ tình chứa đựng câu chuyện ẩn dụ về tình yêu gần gũi với “Thuyền và biển”. Từ đó, viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) so sánh hai tác phẩm.</i>	HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau song cần lưu ý - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn. - Biết cách triển khai đoạn văn. + Mở đoạn: Giới thiệu được khái quát về vấn đề cần so sánh.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân	+ Thân đoạn ++ Biết vận dụng lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề vai trò, vị trí của câu chuyện về tình yêu gần gũi với thuyền và biển
B3. Báo cáo thảo luận:	

<p>HS trình bày kết quả</p> <p>HS khác nhận xét, bổ sung, phản biện</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV cùng HS chuẩn xác kiến thức</p>	<p>++ Biết cách so sánh nét riêng và chung trong tác phẩm thơ.</p> <p>+ Kết đoạn: Khẳng định được vấn đề.</p> <p>- Gợi ý một số tác phẩm thơ Việt Nam nên tìm đọc: Sóng (Xuân Quỳnh), Rét nàng Bân, Bão, Vườn xưa (Tế Hanh), Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây (Phạm Tiến Duật), Hai nửa vầng trăng (Hoàng Hữu), Thời hoa đỏ (Thanh Tùng), Tan vỡ (Dư Thị Hoàn),...</p> <p>- Để nhận xét khái quát về đặc điểm kết cấu của những bài thơ được gọi là “gần gũi” với Thuyền và biển, HS có thể trả lời một số câu hỏi:</p> <p>+ <i>Việc gợi nhắc về những câu chuyện tình trong các bài thơ có ý nghĩa gì?</i></p> <p>+ <i>Trong câu chuyện, có những tình tiết nào đáng chú ý và vì sao chúng được nhấn mạnh?</i></p> <p>+ <i>Bài thơ đã làm sáng tỏ được khía cạnh gì của tình yêu?</i></p> <p>+ <i>Giữa các khía cạnh này và những tình tiết câu chuyện được nhấn mạnh có mối quan hệ như thế nào?...</i></p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS biết cách vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết một vấn đề thực tiễn
- HS trình bày được suy nghĩ, quan điểm của riêng bản thân

b. Nội dung:

HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhân vật trữ tình “Em” cho rằng trong tình yêu, sự thủy chung, thấu hiểu, hi sinh là quan trọng nhất. Với em, em cho rằng giá trị nào là quan trọng nhất trong tình yêu?

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân

B3. Báo cáo thảo luận

- Học sinh chia sẻ về giá trị mình cảm thấy quan trọng nhất trong tình yêu, đặc biệt trong bối cảnh thời đại số, thời đại mở cửa

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Học sinh cần giải thích được lí do tại sao mình cho rằng đó là giá trị quan trọng nhất

4. Cũng cố:

Lưu ý: Vai trò, ý nghĩa của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình

5. HDVN: Chuẩn bị bài Thực hành Tiếng Việt

Ngày soạn:

BÀI 4: TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT****Tiết 40: LỖI VỀ THÀNH PHẦN CÂU VÀ CÁCH SỬA**

(01 tiết)

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức:**

- HS nhận biết được các biểu hiện của lỗi ngữ pháp (cụ thể ở đây là lỗi về thành phần câu) và cách sửa từng loại lỗi.
- HS tự nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi thực hành nói và viết biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản.

2. Về năng lực:

- Năng lực tự chủ, tự học: Suu tầm, thu thập thông tin liên quan đến các thành phần câu tiếng Việt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực văn học: Có khả năng tạo lập các câu tiếng Việt.

3. Về phẩm chất:

- Có trách nhiệm, ý thức tìm hiểu và thực hành các thành phần câu tiếng Việt.
- Có nỗ lực, chăm chỉ trong việc hoàn thành sản phẩm ở nhà.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,...

2. Học liệu:

- SGK, hình ảnh, bảng phụ; Phiếu học tập, máy chiếu...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: kết hợp trong bài**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung:

- Sử dụng kỹ thuật động não để chơi trò chơi “Ai nhanh hơn” trong việc đặt câu tiếng Việt.

c. Sản phẩm: nội dung trả lời câu hỏi của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”, yêu cầu HS lên bảng đặt câu tiếng Việt trong thời gian 5 phút.	- HS lắng nghe nhiệm vụ học tập - Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. * Yêu cầu:
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi vào bảng theo nhiệm vụ được phân công.	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.
B3. Báo cáo kết quả: câu trả lời của HS.	- Có thái độ tích cực, hứng thú.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chấm điểm và dẫn vào bài mới.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**NHẬN BIẾT KIẾN THỨC VỀ THÀNH PHẦN CÂU TIẾNG VIỆT**

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết kiến thức về các thành phần câu tiếng Việt: các thành phần nòng cốt và các thành phần phụ của câu.

b. Nội dung:

- HS sử dụng kiến thức đã được học ở các lớp dưới để trả lời các vấn đề GV nêu ra.
c. Sản phẩm: câu trả lời của HS và phần chốt ý của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. NHẬN BIẾT KIẾN THỨC VỀ THÀNH PHẦN CÂU TIẾNG VIỆT	
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn trong thời gian 3 phút, trả lời các câu hỏi: câu tiếng Việt có những thành phần nào? Những thành phần nào được xem là nòng cốt của câu? Bên cạnh thành phần nòng cốt còn có những thành phần phụ nào? Các thành phần câu tiếng Việt có trật tự như thế nào?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công của các nhóm trưởng.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>HS cử đại diện nhóm trả lời, nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận chung.</p>	<p>1. Các thành phần nòng cốt của câu tiếng Việt</p> <p>- Trong câu đơn và câu ghép đẳng lập</p> <p>+ Chủ ngữ là từ hay cụm từ làm thành phần chính biểu thị đối tượng được nói đến (cái được thông báo) có quan hệ với hoạt động, trạng thái, tính chất ở vị ngữ. Vị trí: trong câu chủ ngữ thường đứng trước vị ngữ.</p> <p>+ Vị ngữ là thành phần chính biểu thị “cái được thông báo” của câu. Đó là điều nói về hành động, trạng thái, tính chất, quan hệ... của người, vật được nhắc tới ở chủ ngữ. Vị trí: trong câu vị ngữ thường đứng trước chủ ngữ.</p> <p>- Trong câu ghép chính phụ: các vế câu được biểu thị bằng một số cặp quan hệ từ: vì...nên...; chẳng những...mà còn...; tuy... nhưng...; càng...càng...; nếu...thì...;</p> <p>2. Các thành phần phụ của câu tiếng Việt</p> <p>- Trạng ngữ là thành phần phụ trình bày hoàn cảnh diễn ra sự kiện được miêu tả ở nòng cốt câu. Vị trí: đứng ở đầu, ở giữa hoặc cuối câu.</p> <p>- Thành phần chuyển tiếp: Thành phần phụ này thường đứng đầu câu, thực hiện chức năng chuyển tiếp từ câu nọ sang câu kia hoặc liên kết các câu với nhau.</p> <p>- Đề ngữ là thành phần phụ của câu biểu thị chủ đề là hành động, tính chất được nhấn mạnh để làm căn cứ xuất phát của sự việc nêu ở nòng cốt câu.</p> <p>- Thành phần hô ngữ nằm ngoài nòng cốt của câu, nó là dấu hiệu về tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe, nó biểu thị lời gọi, lời đáp hay lời cảm thán.</p> <p>- Thành phần giải thích: là thành phần phụ của câu giải thích thêm cho cụm từ hay từ ở nòng cốt câu.</p>

	- Thành phần chú thích: Là thành phần phụ của câu có tác dụng chú thích thêm một chi tiết về thái độ, tình cảm, về xuất xứ, nguồn gốc hoặc về một phương diện nào đó.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được các biểu hiện của lỗi ngữ pháp (cụ thể ở đây là lỗi về thành phần câu) và cách sửa từng loại lỗi.

c. Nội dung:

- HS vận dụng kiến thức đã được học ở các lớp dưới, kết hợp HS thảo luận, làm việc cá nhân để trả lời các vấn đề GV nêu ra.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS và phân chốt ý của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
II. THỰC HÀNH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn trong thời gian 5 phút, trả lời các câu hỏi của bài tập 1 trong SGK. Bài tập 1. Trong những trường hợp sau, trường hợp nào mắc lỗi về thành phần câu? Phát hiện và đề xuất phương án sửa lỗi cho những trường hợp đó. a. Bằng những khảo sát đáng tin cậy đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần dần khô cạn. b. Rất thú vị truyện ngắn sử dụng các yếu tố kì ảo, lạ lùng. c. Những con người vị tha giàu đức hi sinh ấy. d. Theo báo Tuổi trẻ cho biết, tình trạng ùn ứ nông sản của nông dân miền Tây đã bước đầu được giải quyết.	Bài tập 1 - Câu a: "Bằng những khảo sát đáng tin cậy" là thành phần trạng ngữ; "đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần dần khô cạn" có thể xem là vị ngữ. Lỗi của câu này là thiếu chủ ngữ. -> Sửa: Bỏ từ "Bằng". Những khảo sát đáng tin cậy đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần dần khô cạn. Hoặc thêm chủ ngữ: <i>Bằng những khảo sát đáng tin cậy, các nhà khoa học đã chỉ ra rằng, các con sông lớn đang dần dần khô cạn.</i> - Câu b: "Rất thú vị" là cụm từ bị đặt sai vị trí, lẽ ra phải được đặt sau danh từ hoặc cụm danh từ để làm vị ngữ. -> Sửa: Đảo "rất thú vị" ra sau cụm danh từ để tạo thành câu " <i>Truyện ngắn sử dụng các yếu tố kì ảo lạ lùng rất thú vị</i> ". - Câu c. "Những con người vị tha giàu đức hi sinh ấy" mới chỉ là một cụm danh từ, tự nó chưa thể làm thành một câu. -> Sửa: Thêm một cụm chủ - vị đặt phía trước cụm từ đã có, biến nó thành bổ ngữ để tạo thành câu hoàn

<p>e. Chữ người tử tù, một tác phẩm được sáng tác bằng bút pháp lãng mạn của Nguyễn Tuân.</p> <p>g. Với những tin tức lan truyền trên mạng xã hội không phải bao giờ cũng chính xác.</p> <p>h. Khổ thơ chỉ có một câu, rất đặc biệt.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công của các nhóm trưởng.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>HS cử đại diện nhóm trả lời, nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận chung.</p>	<p>chính: <i>Nhân dân rất biết ơn những con người vị tha giàu đức hi sinh ấy.</i></p> <p>Nếu dùng cụm từ đã có làm chủ ngữ, cần bổ sung vị ngữ phía sau để có một câu mang nội dung thông báo khác: <i>Những con người vị tha giàu đức hi sinh ấy không màng việc tên tuổi của mình có được ghi vào sử sách hay không.</i></p> <p>– Câu d: Người viết nhằm "Theo báo Tuổi Trẻ cho biết" là một cụm chủ – vị, sự thực, đây mới chỉ là cụm từ có khả năng làm trạng ngữ.</p> <p>-> Sửa: Bỏ từ "theo" — "Báo Tuổi Trẻ" sẽ là chủ ngữ: <i>Báo Tuổi Trẻ cho biết, tình trạng ùn ứ nông sản của nông dân miền Tây đã bước đầu được giải quyết.</i> Hoặc: Bỏ cụm từ cho biết — "Theo báo Tuổi Trẻ" là trạng ngữ, "tình trạng ùn ứ nông sản của nông dân miền Tây đã bước đầu được giải quyết" có đầy đủ chủ ngữ, vị ngữ và đó là câu hoàn chỉnh.</p> <p>- Câu e: "Chữ người tử tù" là cụm danh từ được dùng làm nhan đề của một tác phẩm về "một tác phẩm được sáng tác bằng bút pháp lãng mạn của Nguyễn Tuân" là thành phần giải thích cho cụm danh từ ấy. Như vậy, đơn vị này chưa phân định rõ là thành phần gì trong câu và chưa có nội dung thông báo. Đây là một trường hợp lỗi vì chưa có thành phần nòng cốt của câu.</p> <p>-> Sửa: Thêm từ "là": <i>Chữ người tử tù là một tác phẩm được sáng tác bằng bút pháp lãng mạn của Nguyễn Tuân</i></p> <p>– Câu g: "Với những tin tức lan truyền trên mạng xã hội" là trạng ngữ, "không phải bao giờ cũng chính xác" có thể xem là vị ngữ. Vậy câu này bị lỗi thiếu chủ ngữ.</p> <p>-> Sửa: Bỏ từ "Với": <i>Những tin tức lan truyền trên mạng xã hội không phải bao giờ cũng chính xác.</i></p> <p>– Câu h: "Khổ thơ" là chủ ngữ, "chỉ có một câu" là vị ngữ của câu, "rất đặc biệt" là thành phần giải thích thêm cho đặc điểm của khổ thơ. Câu này đầy đủ thành phần, đúng ngữ pháp.</p>
---	--

<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, theo dõi và trả lời các câu hỏi của bài tập 2 trong SGK, thời gian 7 phút.</p> <p>Bài tập 2. Phát hiện lỗi về thành phần câu ở các trường hợp sau và sửa lại:</p> <p>a. Truyện ngắn, thể loại linh hoạt ấy.</p> <p>b. Đã vẽ bức tranh tường hoành tráng này một nhóm họa sĩ đến từ thành phố.</p> <p>c. Số đo không chỉ là một tác phẩm trào phúng đặc sắc vào bậc nhất trong văn học Việt Nam trước 1945</p> <p>d. Văn bản nghị luận, loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS làm việc cá nhân, trả lời các</p>	<p>Bài tập 2</p> <p>- Câu a: "Truyện ngắn" là một thuật ngữ "thể loại linh hoạt ấy" là thành phần giải thích. Cả đơn vị ấy mới chỉ là chủ ngữ, chưa có vị ngữ.</p> <p>-> Sửa: Bổ sung vị ngữ: <i>Truyện ngắn, thể loại linh hoạt ấy, chiếm vị trí quan trọng trong nền văn học hiện đại.</i></p> <p>- Câu b: Vị trí các thành phần câu bị đảo, không phù hợp.</p> <p>-> Sửa: <i>Một nhóm họa sĩ đến từ thành phố đã vẽ bức tranh tường hoành tráng này.</i></p> <p>– Câu c: Trong câu tiếng Việt, quan hệ từ “không chỉ” bao giờ cũng đi với “mà còn” thành một cặp. Câu này thiếu một vế, do vậy, cần thêm một vế câu có sử dụng quan hệ từ “mà còn” với nội dung phù hợp: <i>Số đo không chỉ là một tác phẩm trào phúng đặc sắc vào bậc nhất trong văn học Việt Nam trước 1945, mà còn có vị trí quan trọng trong nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.</i></p> <p>- Câu d. “Văn bản nghị luận, loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc”. Viết như thế này, về loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc" chỉ là thành phần giải thích của cuối từ "Văn bản nghị luận".</p> <p>-> Sửa: Thêm từ là: <i>Văn bản nghị luận là loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc.</i> Hoặc giữ nguyên thành phần giải thích, thêm vị ngữ cho câu: <i>Văn bản nghị luận – loại văn bản được viết ra với mục đích thuyết phục người đọc – bao giờ cũng phải có luận đề.</i></p> <p>Bài tập 3</p> <p>- Câu a: Ở đây có hiện tượng tách câu. Bình thường, người ta có thể chỉ viết một câu Huân cảm tưởng như mình đã bị thưởng văn, bị đạo ý. Nhưng để nhấn mạnh, tạo ngữ điệu khác lạ, tác giả đã tách cụm “Bị đạo ý” thành một câu, chỉ có cụm động từ. Tuy trở thành câu không có chủ ngữ, nhưng do được chủ ngữ của câu trước thuyết minh, câu này vẫn có giá trị</p>
--	--

câu hỏi trên vào vở.

B3. Báo cáo kết quả

2-3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận chung.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 6 HS theo kĩ thuật khăn trải bàn, thời gian 5 phút.

Bài tập 3. Vì sao những câu sau đây (lấy từ một số văn bản văn học) mặc dù không đầy đủ thành phần câu nhưng vẫn không bị xem là câu sai:

a. Huân cảm tưởng như mình đã bị thương văn. **Bị đạo ý.**

(Nguyễn Trương Quý. Câu chuyện bắt đầu từ tầng 10)

b. **Mắt mèo hoang.** Em thích mẹ nói em có con mắt mèo hoang và dã thú.

(Nguyễn Ngọc Thuần, Một thiên nằm mộng)

c. Đó là người cầm của quán rượu. **Anh Ba Hoàn!**

(Nguyễn Quang Sáng, Quán rượu của người cầm)

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

thông báo, trở thành hợp lí.

– Câu b: “Mắt mèo hoang” là cụm danh từ khi tách ra trở thành câu không phân định được thành phần. Tuy vậy, nhờ câu sau đó mà người đọc hiểu rằng mắt mèo hoang là mắt của em theo cách nói của mẹ. Như vậy, đây là một câu hay, thể hiện cách viết đầy tính nghệ thuật của tác giả.

– Câu c: Nếu theo cấu trúc bình thường, hai câu này có thể viết lại thành: Đó là người cầm của quán rượu. Người cầm ấy là anh Ba Hoàn. Nhưng ở đây, nhờ có câu trước mà câu sau chỉ cần là một cụm danh từ, nghĩa vẫn rất tường minh. Hơn thế, Anh Ba Hoàn được tách ra thành câu, sử dụng dấu chấm than thể hiện sắc thái khẳng định chắc chắn. Nó còn mang nghĩa tình thái: Người ta có thể vô cùng ngạc nhiên về sự thật không ngờ đó.

<p>HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công của các nhóm trưởng.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>HS cử đại diện nhóm trả lời, nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận chung.</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS tự nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi thực hành nói và viết biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản.

b. Nội dung:

d. Nội dung:

- HS vận dụng kiến thức đã được học ở các lớp dưới, làm việc cá nhân để trả lời các vấn đề GV nêu ra.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS và phần chốt ý của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>HS nhận biết lỗi về các thành phần câu trong bài kiểm tra giữ kì và các bài kiểm tra 15 phút đã làm để sửa lại cho phù hợp.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ: phân tích lỗi và sửa bài của mình tại lớp</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- B4: Đánh giá sản phẩm: GV nhận xét, chốt ý.</p>	<p>- HS lắng nghe nhiệm vụ học tập</p> <p>- Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>* Yêu cầu:</p> <p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>

4.Củng cố:

- GV chốt lại kiến thức của bài học: biểu hiện của lỗi ngữ pháp (cụ thể ở đây là lỗi về thành phần câu) và cách sửa từng loại lỗi.

5. HDVN:

- HS về nhà sửa các lỗi của câu Tiếng Việt trong các bài viết của mình.
- Soạn bài mới: viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại). Yêu cầu HS đọc trước bài viết tham khảo; trả lời các câu hỏi 1, 2, 3 trong SGK, trang 118.

Ngày soạn:/.../2023

BÀI 4

TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Tiết:

PHẦN 3. VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

(Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

(01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nêu được vấn đề thực sự có ý nghĩa, hướng đến việc hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.
- HS từng bước hoàn thiện kỹ năng viết bài văn NLXH từng được rèn luyện qua nhiều bài học trước.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác (tương tác với giáo viên, học sinh trong lớp; làm việc cặp đôi/nhóm);
- Năng lực tự chủ và tự học (chuẩn bị bài ở nhà, chủ động xây dựng phương án trả lời câu hỏi, phản biện khoa học)

2.1. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ (sử dụng ngôn ngữ để tìm hiểu, trao đổi bài học theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập);
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài viết.

3. Về phẩm chất:

- Sống tự chủ, tích cực, trách nhiệm, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng.

- HS thể hiện được sự chủ động trong việc bàn luận về vấn đề; biết rút ra những ý nghĩa của vấn đề và kết nối vấn đề với những lựa chọn của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính kết nối với TV/ màn chiếu, phiếu học tập.

2. Học liệu: SGK, SGV, một số tài liệu trên internet.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a. Mục tiêu: Tạo cho học sinh tâm thế tiếp nhận chủ động, tích cực qua việc nhận biết các vấn đề, các hiện tượng của đời sống xã hội. Từ đó, có nhu cầu tìm hiểu, bước đầu hình thành nhận thức về lối sống tích cực và bày tỏ quan điểm cá nhân,

b. Nội dung:

GV sử dụng tranh ảnh về những hiện tượng quen thuộc trong đời sống theo 2 mặt tích cực và tiêu cực; yêu cầu HS nhận biết, đặt tên cho mỗi hình ảnh và nêu suy nghĩ của bản thân.

c. Sản phẩm:

- Tên gọi cho mỗi hình ảnh được HS nhận biết.

- Phần thuyết trình ngắn gọn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nhận biết các hình ảnh và đặt tên cho mỗi hình ảnh.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>2 nhóm HS tham gia trò chơi.</p> <p>B3. Báo cáo kết quả: Đại diện 2 nhóm HS thuyết trình ngắn gọn về kết quả thực hiện.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá chung và dẫn vào bài mới.</p>	<p>Kết quả nhận biết của nhóm HS.</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu bài học (3 phút)

a. Mục tiêu:

- Giúp HS nhận thức được yêu cầu cơ bản khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội theo định hướng: Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.

b. Nội dung

- Xác định được các yêu cầu cơ bản của kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội theo định hướng: Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu ý nghĩa và sự cần thiết của kiểu bài viết? - Trong các yêu cầu trình bày trong GSK, yêu cầu nào cho thấy đặc thù của kiểu bài này? - Đây là khó khăn mà kiểu bài viết đặt ra đối với em? <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS tự đọc phần yêu cầu của kiểu bài 4, so sánh với yêu cầu kiểu bài ở bài 3 và thảo luận trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3. Báo cáo</p> <p>HS làm việc theo nhóm và phát biểu trước lớp; HS các nhóm lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá qua phần trình bày của HS (thái độ làm việc, kỹ năng trình bày). - GV chốt vấn đề. 	<p>1/ Yêu cầu của kiểu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vấn đề thực sự có ý nghĩa, hướng tới việc hình thành lối sống tích cực trong XH hiện đại. - Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận. - Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí, sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ. - Biết sử dụng yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục của văn bản. - Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo (10 phút)

a. Mục tiêu:

- HS có thể nhận diện được các bước triển khai văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội hướng tới hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.
- Phát hiện ý, xử lý tốt hệ thống câu hỏi trong ngữ liệu.

b. Nội dung

- Xác định được nội dung vấn đề, các luận điểm cơ bản và cách triển khai vấn đề.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc nhóm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS đọc ngữ liệu và thảo luận cặp đôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vấn đề được bàn luận trong bài viết và ý nghĩa của vấn đề đó đối với cuộc sống hiện đại ngày nay? <p>GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1, 2: Vấn đề đã được người viết triển khai bằng những luận điểm nào? Nhận xét về mạch lập luận của người viết? - Nhóm 3, 4: Chỉ ra các yếu tố làm nên sức thuyết phục của văn bản và mức độ thuyết phục của các bằng chứng được người viết đưa ra? <p>GV kết hợp cho HS thảo luận một số lưu ý về kiểu bài.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận phiếu học tập và thực hiện nhiệm vụ. 	<p>Đọc hiểu ngữ liệu “ Cư dân của hành tinh”.</p> <p>1. Vấn đề bàn luận: Thái độ tích cực của mỗi người với thế giới mình đang sống.</p> <p>-> Ý nghĩa của vấn đề:</p> <p>2. Các luận điểm chính:</p> <p>(đã được định hướng trong thẻ đọc)</p> <p>-> Nhận xét mạch lập luận của tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận từ cụ thể đến bao quát, từ vấn đề có tính chất cá nhân đến quốc gia, dân tộc, nhân loại. <p>Cụ thể: Tác giả đặt vấn đề: mỗi người trong chúng ta là một “cư dân của hành tinh” -> dùng lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh khi đặt mỗi cá nhân trong các mối quan hệ, từ nhiều góc nhìn (lịch sử, xã hội, đạo đức). Từ đó, người viết nhận thức sâu sắc về cách ứng xử tích cực của con người với Thế giới.</p> <p>3. Các yếu tố làm nên sức thuyết phục của bài viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạch lập luận khoa học, rõ ràng, mạch

<p>Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo</p> <p>Học sinh làm việc nhóm, viết ra PHT, đại diện nhóm phát biểu trước lớp; HS còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến. <p>Giáo viên chốt vấn đề.</p>	<p>lạc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp lí lẽ thuyết phục và dẫn chứng chính xác, gần gũi, phù hợp. - Nêu được ý kiến về vấn đề bàn luận từ nhiều góc nhìn khác nhau. - Giọng điệu bàn luận có tính chất đối thoại. - Vấn đề đặt ra có ý nghĩa thiết thực với mỗi cá nhân trong thời điểm hiện tại.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT (15 phút)

a. Mục tiêu:

- Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực hành.
- Rèn kỹ năng tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn.

b. Nội dung

- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi: tìm hiểu 4 bước theo gợi ý trong SGK, ghi lại những thắc mắc và trao đổi chung về quy trình viết bài.
- Lựa chọn đề tài.
- Tìm ý, lập dàn ý bài viết nghị luận về một vấn đề xã hội (hình thành lối sống tích cực)

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân/ nhóm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Nội dung 1: Chuẩn bị viết

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ.</p> <p>GV khuyến khích HS lựa chọn đề tài viết từ những vấn đề mình quan tâm, từ những nảy sinh trong hoàn cảnh sống đặt ra vấn đề: cần lựa chọn và hình thành lối sống tích cực. Sau đó hãy lựa chọn 1 nhan đề phù hợp cho bài viết.</p>	

<p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS làm việc cá nhân, ghi lại những vấn đề lựa chọn. Sau đó chia sẻ với bạn bè, chọn nhan đề cho bài viết.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>HS chia sẻ sự lựa chọn và quyết định của bản thân</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV đánh giá và kết luận chung.</p>	<p>Kết quả làm việc cá nhân/nhóm của HS.</p> <p>Hoặc một số đề tài gợi ý trong SGK:</p> <p>- Giới trẻ tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy.</p> <p>- Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ.</p>
--	---

Nội dung 2: Tìm ý, lập dàn ý

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS dựa vào câu hỏi gợi dẫn trong SGK để tìm ý và lập dàn ý cho 1 đề mẫu; ghi vào PHT.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: Làm việc nhóm, hoàn thành vào PHT.</p> <p>Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo</p> <p>Đại diện nhóm phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <p>- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày).</p> <p>- Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và</p>	<p><u>Đề bài:</u> Giới trẻ tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy.</p> <p>1. Tìm ý:</p> <p>2. Lập dàn ý</p> <p>a. MB: Nêu vấn đề cần bàn luận, hướng bàn luận và ý nghĩa chung của vấn đề.</p> <p><i>Chú ý: Nêu ngắn gọn; nêu trực tiếp/ gián tiếp.</i></p> <p><i>(Xã hội ngày càng phát triển kéo theo nhiều hệ lụy đối với đời sống, trong đó vấn đề đáng báo động đối với tuổi trẻ hiện nay là sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội, đặc biệt là hiểm họa ma túy. Vậy tuổi trẻ cần làm gì để tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy?)</i></p> <p>b. TB:</p> <p>+ Khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề.</p> <p><i>(- Thực tế, không ít bạn trẻ hiện nay vẫn còn rất mơ hồ về sự nguy hại của ma túy, nhất là ma túy tổng hợp, coi đó đơn thuần chỉ là các chất kích thích, có thể dùng chúng như một trò chơi, nên đã mắc nghiện.</i></p> <p><i>- Có thể dùng những số liệu cụ thể để chứng minh.)</i></p> <p>+ Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề với những</p>

bổ sung ý kiến. Giáo viên chốt vấn đề	Lí lẽ và bằng chứng phù hợp. <i>(- Phân tích những tác động xấu của ma túy đối với bản thân tuổi trẻ, gia đình- nhà trường- xã hội ở các góc độ: sức khỏe, tinh thần, kinh tế, các mối quan hệ...)</i> <i>- Dùng dẫn chứng để chứng minh)</i> + Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề <i>(Nêu rõ biện pháp tự bảo vệ bản thân trước hiểm họa ma túy)</i> + Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề (nếu có) + Nêu phản đề <i>(nêu ý kiến/ quan điểm trái chiều rồi dùng lí lẽ và bằng chứng để phản bác lại)</i> c. KB: Khẳng định ý nghĩa của vấn đề
---	--

Nội dung 3: Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao đề bài cho HS thực hiện bài viết ở nhà. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS ghi đề bài về nhà	Đề bài: - Giới trẻ tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy. - Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (10 phút)

a. Mục tiêu:

- Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực hành.
- Rèn kĩ năng viết đoạn văn.

b. Nội dung

- GV yêu cầu HS viết 01 đoạn văn tùy chọn trong dàn ý đã xây dựng ở phần Lập dàn ý.
- HS làm việc cá nhân theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm

- Đoạn văn triển khai 1 ý trong dàn bài.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu HS viết 01 đoạn văn tùy chọn trong dàn ý B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS làm việc cá nhân theo yêu cầu của GV B3. Báo cáo thảo luận. - HS đổi bài cho nhau để cùng sửa chữa. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá và kết luận chung.	Đoạn văn của HS.

3. củng cố: GV củng cố quy trình viết bài bằng sơ đồ tư duy.

4. Hướng dẫn về nhà:

- GV lưu ý HS xem kỹ quy trình viết bài trước khi viết bài ở nhà.
- GV lưu ý HS hạn nộp bài.
- Chuẩn bị nội dung cho tiết Nói và nghe (sử dụng bài viết)

Ngày soạn:/.../2023

BÀI 4**TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH**

Tiết:

PHẦN 3. VIẾT**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

(Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

(01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nêu được vấn đề thực sự có ý nghĩa, hướng đến việc hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.
- HS từng bước hoàn thiện kỹ năng viết bài văn NLXH từng được rèn luyện qua nhiều bài học trước.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác (tương tác với giáo viên, học sinh trong lớp; làm việc cặp đôi/nhóm);
- Năng lực tự chủ và tự học (chuẩn bị bài ở nhà, chủ động xây dựng phương án trả lời câu hỏi, phản biện khoa học)

2.1. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ (sử dụng ngôn ngữ để tìm hiểu, trao đổi bài học theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập);
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài viết.

3. Về phẩm chất:

- Sống tự chủ, tích cực, trách nhiệm, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng.
- HS thể hiện được sự chủ động trong việc bàn luận về vấn đề; biết rút ra những ý nghĩa của vấn đề và kết nối vấn đề với những lựa chọn của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính kết nối với TV/ màn chiếu, phiếu học tập.

2. Học liệu: SGK, SGV, một số tài liệu trên internet.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a. Mục tiêu: Tạo cho học sinh tâm thế tiếp nhận chủ động, tích cực qua việc nhận biết các vấn đề, các hiện tượng của đời sống xã hội. Từ đó, có nhu cầu tìm hiểu, bước đầu hình thành nhận thức về lối sống tích cực và bày tỏ quan điểm cá nhân,

b. Nội dung:

GV sử dụng tranh ảnh về những hiện tượng quen thuộc trong đời sống theo 2 mặt tích cực và tiêu cực; yêu cầu HS nhận biết, đặt tên cho mỗi hình ảnh và nêu suy nghĩ của bản thân.

c. Sản phẩm:

- Tên gọi cho mỗi hình ảnh được HS nhận biết.
- Phần thuyết trình ngắn gọn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nhận biết các hình ảnh và đặt tên cho mỗi hình ảnh.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>2 nhóm HS tham gia trò chơi.</p> <p>B3. Báo cáo kết quả: Đại diện 2 nhóm HS thuyết trình ngắn gọn về kết quả thực hiện.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá chung và dẫn vào bài mới.</p>	Kết quả nhận biết của nhóm HS.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu bài học (3 phút)

a. Mục tiêu:

- Giúp HS nhận thức được yêu cầu cơ bản khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội theo định hướng: Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.

b. Nội dung

- Xác định được các yêu cầu cơ bản của kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội theo định hướng: Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu ý nghĩa và sự cần thiết của kiểu bài viết? - Trong các yêu cầu trình bày trong GSK, yêu cầu nào cho thấy đặc thù của kiểu bài này? - Đây là khó khăn mà kiểu bài viết đặt ra đối với em? <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS tự đọc phần yêu cầu của kiểu bài 4, so sánh với yêu cầu kiểu bài ở bài 3 và thảo luận trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3. Báo cáo</p> <p>HS làm việc theo nhóm và phát biểu trước lớp; HS các nhóm lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá qua phần trình bày của HS (thái độ làm việc, kỹ năng trình bày). - GV chốt vấn đề. 	<p>1/ Yêu cầu của kiểu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vấn đề thực sự có ý nghĩa, hướng tới việc hình thành lối sống tích cực trong XH hiện đại. - Nêu rõ lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận. - Chứng minh quan điểm của mình bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí, sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, đầy đủ. - Nêu được ý kiến về vấn đề bàn luận từ một góc nhìn khác. - Khẳng định ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận.
---	---

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo (10 phút)

a. Mục tiêu:

- HS có thể nhận diện được các bước triển khai văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội hướng tới hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.
- Phát hiện ý, xử lí tốt hệ thống câu hỏi trong ngữ liệu.

b. Nội dung

- Xác định được nội dung vấn đề, các luận điểm cơ bản và cách triển khai vấn đề.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc nhóm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	Đọc hiểu ngữ liệu “ Cư dân của hành

<p>GV yêu cầu HS đọc ngữ liệu và thảo luận cặp đôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vấn đề được bàn luận trong bài viết và ý nghĩa của vấn đề đó đối với cuộc sống hiện đại ngày nay? <p>GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1, 2: Vấn đề đã được người viết triển khai bằng những luận điểm nào? Nhận xét về mạch lập luận của người viết? - Nhóm 3, 4: Chỉ ra các yếu tố làm nên sức thuyết phục của văn bản và mức độ thuyết phục của các bằng chứng được người viết đưa ra? <p>GV kết hợp cho HS thảo luận một số lưu ý về kiểu bài.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận phiếu học tập và thực hiện nhiệm vụ. <p>Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo</p> <p>Học sinh làm việc nhóm, viết ra PHT, đại diện nhóm phát biểu trước lớp; HS còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày). - Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến. <p>Giáo viên chốt vấn đề.</p>	<p>tinh”.</p> <p>1. Vấn đề bàn luận: Thái độ tích cực của mỗi người với thế giới mình đang sống.</p> <p>-> Ý nghĩa của vấn đề:</p> <p>2. Các luận điểm chính:</p> <p>(đã được định hướng trong thẻ đọc)</p> <p>-> Nhận xét mạch lập luận của tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận từ cụ thể đến bao quát, từ vấn đề có tính chất cá nhân đến quốc gia, dân tộc, nhân loại. <p>Cụ thể: Tác giả đặt vấn đề: mỗi người trong chúng ta là một “cư dân của hành tinh” -> dùng lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh khi đặt mỗi cá nhân trong các mối quan hệ, từ nhiều góc nhìn (lịch sử, xã hội, đạo đức). Từ đó, người viết nhận thức sâu sắc về cách ứng xử tích cực của con người với Thế giới.</p> <p>3. Các yếu tố làm nên sức thuyết phục của bài viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạch lập luận khoa học, rõ ràng, mạch lạc. - Kết hợp lí lẽ thuyết phục và dẫn chứng chính xác, gần gũi, phù hợp. - Nêu được ý kiến về vấn đề bàn luận từ nhiều góc nhìn khác nhau. - Giọng điệu bàn luận có tính chất đối thoại. - Vấn đề đặt ra có ý nghĩa thiết thực với mỗi cá nhân trong thời điểm hiện tại.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT (15 phút)

a. Mục tiêu:

- Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực hành.
- Rèn kĩ năng tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn.

b. Nội dung

- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi: tìm hiểu 4 bước theo gợi ý trong SGK, ghi lại những thắc mắc và trao đổi chung về quy trình viết bài.
- Lựa chọn đề tài.
- Tìm ý, lập dàn ý bài viết nghị luận về một vấn đề xã hội (hình thành lối sống tích cực)

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân/ nhóm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:**Nội dung 1: Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV khuyến khích HS lựa chọn đề tài viết từ những vấn đề mình quan tâm, từ những nảy sinh trong hoàn cảnh sống đặt ra vấn đề: cần lựa chọn và hình thành lối sống tích cực. Sau đó hãy lựa chọn 1 nhan đề phù hợp cho bài viết.	
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, ghi lại những vấn đề lựa chọn. Sau đó chia sẻ với bạn bè, chọn nhan đề cho bài viết.	Kết quả làm việc cá nhân/ nhóm của HS. Hoặc một số đề tài gợi ý trong SGK:
B3. Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ sự lựa chọn và quyết định của bản thân	<i>- Giới trẻ tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy.</i> <i>- Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ.</i>
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá và kết luận chung.	

Nội dung 2: Tìm ý, lập dàn ý

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	<u>Đề bài:</u> <i>Giới trẻ tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy.</i>

GV yêu cầu HS dựa vào câu hỏi gợi dẫn trong SGK để tìm ý và lập dàn ý cho 1 đề mẫu; ghi vào PHT.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Làm việc nhóm, hoàn thành vào PHT.

Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo

Đại diện nhóm phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày).

- Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.

Giáo viên chốt vấn đề

1. Tìm ý:

2. Lập dàn ý

a. MB: Nêu vấn đề cần bàn luận, hướng bàn luận và ý nghĩa chung của vấn đề.

Chú ý: Nêu ngắn gọn; nêu trực tiếp/ gián tiếp.

(Xã hội ngày càng phát triển kéo theo nhiều hệ lụy đối với đời sống, trong đó vấn đề đáng báo động đối với tuổi trẻ hiện nay là sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội, đặc biệt là hiểm họa ma túy. Vậy tuổi trẻ cần làm gì để tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy?)

b. TB:

+ Khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề.

(- Thực tế, không ít bạn trẻ hiện nay vẫn còn rất mơ hồ về sự nguy hại của ma túy, nhất là ma túy tổng hợp, coi đó đơn thuần chỉ là các chất kích thích, có thể dùng chúng như một trò chơi, nên đã mắc nghiện.

- Có thể dùng những số liệu cụ thể để chứng minh.)

+ Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp.

(- Phân tích những tác động xấu của ma túy đối với bản thân tuổi trẻ, gia đình- nhà trường- xã hội ở các góc độ: sức khỏe, tinh thần, kinh tế, các mối quan hệ...

- Dùng dẫn chứng để chứng minh)

+ Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề

(Nêu rõ biện pháp tự bảo vệ bản thân trước hiểm họa ma túy)

+ Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề (nếu có)

+ Nêu phản đề *(nêu ý kiến/ quan điểm trái chiều rồi dùng lí lẽ và bằng chứng để phản bác lại)*

c. KB: Khẳng định ý nghĩa của vấn đề

Nội dung 3: Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao đề bài cho HS thực hiện bài viết ở nhà. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS ghi đề bài về nhà	Đề bài: - Giới trẻ tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy. - Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (10 phút)**a. Mục tiêu:**

- Giúp HS vận dụng kiến thức vào thực hành.
- Rèn kỹ năng viết đoạn văn.

b. Nội dung

- GV yêu cầu HS viết 01 đoạn văn tùy chọn trong dàn ý đã xây dựng ở phần Lập dàn ý.
- HS làm việc cá nhân theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm

- Đoạn văn triển khai 1 ý trong dàn bài.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu HS viết 01 đoạn văn tùy chọn trong dàn ý B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS làm việc cá nhân theo yêu cầu của GV B3. Báo cáo thảo luận. - HS đổi bài cho nhau để cùng sửa chữa. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá và kết luận chung.	Đoạn văn của HS.

3. Củng cố: GV củng cố quy trình viết bài bằng sơ đồ tư duy.

4. Hướng dẫn về nhà:

- GV lưu ý HS xem kĩ quy trình viết bài trước khi viết bài ở nhà.
- GV lưu ý HS hạn nộp bài.
- Chuẩn bị nội dung cho tiết Nói và nghe (sử dụng bài viết)

Ngày soạn:

BÀI 4: TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ THƠ TRỮ TÌNH

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 43: THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

(Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU

1.Kiến thức:

- Học sinh hiểu được sự cần thiết của việc trao đổi, thảo luận về một vấn đề nào đó trong đời sống.
- Chọn được vấn đề thảo luận có ý nghĩa gần gũi với trải nghiệm của tuổi trẻ học đường

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung: Tự chủ & tự học, giao tiếp & hợp tác, giải quyết vấn đề & sáng tạo; năng lực trình bày

2.2. Năng lực đặc thù:

- + Năng lực thu thập thông tin có liên quan đến bài học.
- + Năng lực hợp tác khi trao đổi thảo luận, hoàn thành các bài tập.
- + Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng của kiểu bài để hoàn thành các yêu cầu của bài tập.

3. Phẩm chất

- Tôn trọng người đối thoại để tìm được tiếng nói chung trong cuộc thảo luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Học liệu: SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

HS chuẩn bị bài nói theo chủ đề định hướng chuẩn bị nói mà giáo viên yêu cầu:

-, Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ, Đấu tranh bình đẳng giới, Giới trẻ tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy.

GV cho HS lựa chọn chủ đề thảo luận, GV chia HS thành (2 đội) và 1 nhóm Chuyên gia (MC, bản word chương trình Tranh biện)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh xem video và phát vấn: em có nhận xét gì sau khi xem xong video trên?

c. Sản phẩm: Học sinh xem video và trả lời câu hỏi. Trong cuộc sống có nhiều vấn đề chúng ta cần phải thảo luận, trao đổi với nhau. Người nói phải nói đúng chủ đề, tôn trọng người nghe...; người nghe phải chú ý...

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT
----------------------------	---------------------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên cho học sinh xem video https://youtu.be/GMX5us8yQko: NGƯỢC ĐỜI THÍ SINH THÍCH LỚN TIẾNG VỚI BGK VÀ CÁI KẾT</p> <p>GV phát vấn: em có nhận xét gì sau khi xem xong video trên?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS suy nghĩ, thảo luận, trình bày quan điểm</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS trình bày quan điểm</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.</p>	<p>Trong cuộc sống có nhiều vấn đề chúng ta cần phải thảo luận, trao đổi với nhau. Người nói phải nói đúng chủ đề, tôn trọng người nghe...; người nghe phải chú ý lắng nghe và tôn trọng người nói.....</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. CHUẨN BỊ THẢO LUẬN

a. Mục tiêu:

- HS nắm được các yêu cầu, mục đích, chủ đề thảo luận về một vấn đề trong xã hội: Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.
- HS biết tôn trọng ý kiến, quan điểm của cá nhân trước cuộc sống, chấp nhận sự khác biệt tích cực..
- Biết cách thảo luận và trình bày ý kiến

b. Nội dung:

- HS làm việc cá nhân
- Giáo viên hướng dẫn HS thực hiện và trình bày

c. Sản phẩm học tập:

- Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>-GV chia lớp thành 2 nhóm và tổ chức bốc thăm cho nhóm của mình một trong các đề tài được đề xuất ở phần viết:</p>	<p>I. Chuẩn bị nói và nghe</p> <p>1. Chuẩn bị nói:</p> <p>a. Lựa chọn đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới trẻ tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy. - Sự cần thiết của việc học ngoại ngữ.

<p>+GV phát vấn: Em phải chuẩn bị gì khi nói và khi nghe?</p> <p>- Các nhóm thảo luận đề tài của mình qua các nội dung: Đề tài, tìm ý, sắp xếp ý, xác định từ ngữ then chốt.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS làm việc nhóm để thống nhất đề tài, vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>- HS trình bày vấn đề theo yêu cầu của giáo viên</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>b. Tìm ý, sắp xếp các ý.</p> <p>c. Xác định những từ ngữ then chốt</p> <p>- Có thể sử dụng các cụm từ phù hợp với kiểu bài nói như: Tôi cho rằng...; Với lối sống này có nhiều cách hiểu; Theo cá nhân tôi; Với cách tiếp cận khác ta có thể thấy; có thể khẳng định rằng..</p> <p>2. Chuẩn bị nghe</p> <p>- Khi nghe thảo luận về một vấn đề trong đời sống (tranh luận, phản biện) người nghe cần tìm hiểu các thông tin cơ bản, đề tài được nêu xung quanh vấn đề thảo luận</p> <p>- Ghi lại các ý cơ bản của bài thảo luận, đặc biệt là quan điểm cá nhân của người nói.</p> <p>- Khi cần tham gia thảo luận, bàn bạc phản biện để cùng đi đến cách hiểu thỏa đáng, thống nhất về vấn đề.</p>
--	---

Nội dung 2: THỰC HÀNH NÓI, NGHE

a. Mục tiêu:

- HS nắm được các yêu cầu, mục đích, chủ đề thảo luận về một vấn đề trong xã hội: Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.
- HS biết tôn trọng ý kiến, quan điểm của cá nhân trước cuộc sống, chấp nhận sự khác biệt tích cực..
- Biết cách thảo luận và trình bày ý kiến

b. Nội dung:

- Học sinh thảo luận, trình bày, tranh luận về đề tài: **Giới trẻ tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy.**

c. Sản phẩm học tập:

- Hs trình bày sản phẩm theo đề cương đã chuẩn bị

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 3 nhóm:</p> <p>Nhóm 1: Trình bày suy nghĩ của anh</p>	<p>II. THẢO LUẬN (NÓI – NGHE)</p> <p>1. Người nói</p> <p>- Kính thưa thầy cô và các bạn. Em tên là A, hôm nay em rất vui khi được đại diện cho các bạn nhóm</p>

<p>chị về vấn đề: Giới trẻ tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy.</p> <p>Nhóm 2: Lắng nghe và chuẩn bị câu hỏi thảo luận</p> <p>Nhóm 3: Nhóm chuyên gia: Xây dựng tiêu chí chấm điểm cho phần tranh biện (nộp trước cho giáo viên bộ môn Điều chỉnh góp ý gửi đến cho các nhóm trước tiết học)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS chuẩn bị bài nói và chú ý lắng nghe</p> <p>- Những thành viên còn lại giữ vai trò là người nghe khán giả có thể hỗ trợ các thành viên trong nhóm của mình (nếu cần)</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện</p> <p>- Học sinh đại diện nhóm 1 lên thực hiện bài nói được giao. Còn nhóm 2 lắng nghe góp ý, phản biện</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- GV tổ chức nhận xét, đánh giá bài nói – nghe của học sinh, bổ sung, chốt lại vấn đề.</p>	<p>1 lên trình bày về vấn đề vô cùng cần thiết đối với các bạn trẻ hiện nay đó là: Giới trẻ tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy.</p> <p>- Như các bạn đã biết, cuộc sống càng phát triển, càng có nhiều cám dỗ. Nếu ta không có lập trường vững vàng và sự hiểu biết chắc chắn sẽ bị những thói hư tật xấu như nghiện ma túy, lười học, hủy hoại.</p> <p>- Thực tế, nhiều bạn trẻ hiện nay vẫn còn rất mơ hồ về tác hại khủng khiếp của ma túy, nhất là ma túy tổng hợp. Các bạn ấy nghĩ đơn thuần nó chỉ là các chất kích thích không gây hại, có thể dùng chúng như một trò chơi giải trí rồi nghiện lúc nào không hay.</p> <p>- Theo tôi có nhiều nguyên nhân dẫn đến con đường nghiện ma túy ở giới trẻ. Trước hết là do ý thức chủ quan, sự thiếu hiểu biết của giới trẻ về tác hại của ma túy. Thứ hai do lối sống buông thả, thích thể hiện, chứng tỏ mình là người sành điệu, chịu chơi. Thứ ba cũng có thể do yếu tố gia đình, ba mẹ hay cãi nhau, chỉ lo lắng làm ăn ít quan tâm đến con cái nên dẫn đến tâm lý chán nản dễ bị bạn bè lôi kéo rủ rê dẫn đến nghiện ngập...</p> <p>- Có thể thấy nghiện ma túy đã để lại tác hại lớn cho con người. Nếu không quyết tâm cai sẽ dẫn tới nghiện ngập, học hành sa sút, mất dần hết lí trí, dễ bị kẻ xấu lợi dụng lôi kéo... Ngoài ra còn dẫn tới khó thở, xóc thuốc, trào bọt mép, ngất, suy tim, làm suy giảm hệ thống miễn dịch, thậm chí dẫn đến chết người, hay các căn bệnh nguy hiểm như ung thư vòm họng và ung thư phổi.... Từ đó ta thấy, ma túy không mang lại lợi ích cho con người mà để lại hậu quả vô cùng nghiêm trọng.</p> <p>- Cá nhân tôi cho rằng trước xã hội nhiều cám dỗ này, giới trẻ cần phải biết tự bảo vệ mình trước hiểm họa ma túy</p> <p>+ Thứ nhất cần phải tìm hiểu về tác hại của ma túy, các nguyên nhân thường dẫn đến sử dụng ma túy và nói cho các bạn khác cùng biết.</p> <p>+ Thứ 2 phải có ý thức cảnh giác về các tình huống nguy cơ dẫn đến sử dụng ma túy</p> <p>+ Thứ 3, kiên quyết cự tuyệt sự rủ rê của bạn bè,</p>
---	---

	<p>không hút, hít, tiêm chích, thử bất kỳ loại ma túy.</p> <p>+ Thứ 4, từ chối không tham gia tàng trữ, vận chuyển, buôn bán ma túy.</p> <p>+ Thứ 5 báo cho người có trách nhiệm về những hiện tượng buôn bán sử dụng ma túy</p> <p>+ Cuối cùng tôi muốn nói với các bạn: Chúng ta hãy tỉnh táo, bản lĩnh để tránh xa ma túy các bạn nhé.</p> <p>- Đã có nhiều bạn trẻ không tỉnh táo, bị người xấu lợi dụng đẩy vào con đường nghiện ngập, tù tội. Tuy nhiên không phải bạn trẻ nào cũng để cho kẻ xấu lôi kéo. ...</p> <p>- Tôi luôn tin rằng: Nếu các bạn trẻ ai cũng có niềm tin, ý chí, quyết tâm sẽ xóa bỏ được hoàn toàn ma úy....</p> <p>2. Người nghe</p> <p>- Lắng nghe theo dõi người nói</p> <p>- Ghi chép những ý kiến phát biểu độc đáo, hoặc những ý kiến mình không đồng tình với người nói cần trao đổi thêm.</p> <p>- Thể hiện sự tôn trọng người nói, tạo điều kiện cho người nói thể hiện tốt nhất ý kiến của mình.</p> <p>- Chuẩn bị ý kiến để góp ý, thảo luận với người nói.</p>
--	--

Nội dung 3: TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM

a. Mục tiêu: Nắm được tiêu chí đánh giá bài nói và đưa ra được nhận xét về bài nói.

b. Nội dung: Học sinh sử dụng phiếu đánh giá theo tiêu chí để đánh giá bài nói của bạn.

c. Sản phẩm học tập: Học sinh hoàn thiện phiếu đánh giá theo tiêu chí.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Nhóm chuyên gia và các thành viên trong hội đồng giám khảo tổ chức nhận xét đánh giá về phần trình bày của các nhóm (Phiếu học tập 1)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>Hs chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu theo phiếu học tập số 1</p>

GV yêu cầu nhận xét sự trình bày của các nhóm theo bảng	
Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	
GV gọi học sinh trình bày kết quả đánh giá	
Bước 4: Kết luận, nhận định:	
GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học

b. Nội dung: Gv nêu câu hỏi luyện tập: Em học được những kĩ năng gì sau bài học này?

c. Sản phẩm học tập: Kĩ năng: sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tổ chức VB... bản thân tự tin, hứng thú khi được bày tỏ quan điểm...

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu câu hỏi yêu cầu hs trả lời: Em học được những kĩ năng gì sau bài học này? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trình bày quan điểm Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi học sinh trình bày Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	Đoạn văn của học sinh

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (GIAO VỀ NHÀ)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

c. Sản phẩm học tập: đoạn văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT
---------------------	--------------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ: Hãy chọn viết về một đề tài xã hội mà bạn đang quan tâm. Dựa vào bài viết này để lập dàn ý cho một bài thuyết trình và tập thuyết trình trên cơ sở dàn ý đó; Hoàn thành bài tập khác trong SGK</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ (Ở nhà)</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>- HS hoàn thành bài làm, chỉnh sửa</p> <p>- Giáo viên khuyến khích học sinh quay video phần trình bày bài nói và gửi cho giáo viên.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá ý thức làm bài của học sinh trong giờ học sau</p>	<p>Hoàn thành bài tập ở nhà và nộp vào buổi học sau</p>
--	---

DẶN DÒ

- Làm bài tập giáo viên giao
- Chuẩn bị bài mới: Thực hành đọc (tự đọc có hướng dẫn): Nàng Ồm nhẩn nhủ

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Stt	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được vấn đề xã hội (hình thành lối sống tích cực		

	trong xã hội hiện đại) để thảo luận (lí do, mục đích chọn vấn đề)		
2	Thể hiện được quan điểm nhìn nhận vấn đề xã hội (lối sống tích cực) mà bản thân lựa chọn		
3	Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác vấn đề được đặt ra. Xác định được những điểm đồng thuận giữa các ý kiến		
4	Biết sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng nói phù hợp.		
5	Tạo được không khí đối thoại thoải mái, bình đẳng		
6	Gợi mở được những vấn đề mới cần tìm hiểu tiếp		

Ngày soạn:

BÀI 5: NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

Thời gian thực hiện: 3 tiết

(Đọc: 5 tiết, Viết: 2 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

2. Về năng lực:

- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

- Trình bày được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.

3. Về phẩm chất:

Biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và vượt lên mọi trở ngại.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

TiếtVĂN BẢN 1

SỐNG, HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ

(Trích *Hăm-lét* – Uy-li-am Sếch-xpia)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Hs nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,... qua đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề* của bi kịch *Hăm-lét*
- HS phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*, làm rõ được mối quan hệ giữa các chi tiết ấy với đề tài, câu chuyện, hành động kịch, nhân vật chính – phụ.
- HS phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ bi kịch thể hiện qua cách dùng từ ngữ, biện luận, suy xét tự ý thức và ý thức về cuộc sống của nhân vật trong đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*.

2. Về năng lực:

Viết được đoạn văn cảm nhận về nhân vật Hăm-lét.

3. Về phẩm chất:

Hs đồng cảm được với tâm trạng trăn trở, với những suy nghiệm của nhân vật Hăm-lét về cuộc đời, về chính mình, từ đó, biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và vượt lên mọi trở ngại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập. Ngoài ra, giáo viên nên chuẩn bị các tài liệu nói về lí thuyết bi kịch, các bài phê bình, nghiên cứu, các tác phẩm văn học, nghệ thuật, tranh ảnh liên quan đến vở kịch *Ham-let* và các sáng tác của Sếch-xpia.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng
11				
11				

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:****HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: Cho học sinh tham gia trò chơi ô chữ. Đáp án hàng dọc là **BI KỊCH**

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên thực hiện trình chiếu câu hỏi.</p> <p>Học sinh suy nghĩ và sự đoán đáp án của ô chữ.</p> <p>Sau trò chơi, GV đặt câu hỏi:</p> <p>Con có cảm nhận như thế nào về cảnh ngộ những nhân vật gặp phải trong các tác phẩm trên?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>Học sinh chia sẻ</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.</p>	<p>Câu hỏi ô chữ và đáp án:</p> <p>Câu 1: Từ có 7 chữ cái. Đây là chi tiết nghệ thuật quan trọng trong tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ tạo ra thắt nút và mở nút cho tác phẩm.</p> <p>Đáp án: Cái bóng.</p> <p>Câu 2: Từ có 7 chữ cái. Điền vào chỗ trống để tạo thành tên tác phẩm của Khánh Hoài: “Cuộc của những con búp bê”.</p> <p>Đáp án: chia tay</p> <p>Câu 3: Từ có 8 chữ cái. Đây là tên nhân vật chính trong tác phẩm “Đoạn trường tân thanh” của Nguyễn Du.</p> <p>Đáp án: Thúy Kiều.</p> <p>Câu 4: Trong đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng người mẹ đã trở về vào ngày gì của cha Hồng?</p> <p>a. Sinh nhật b. Giỗ c. Hết tang d. Bốc mộ</p> <p>Đáp án: Giỗ</p> <p>Câu 5: Từ có 6 chữ cái. Đây là tên một truyện ngắn của Nam Cao viết về số phận đau khổ của người nông dân nghèo đã phải ăn bả chó để tự vẫn.</p>

	<p>Đáp án: Lão Hạc.</p> <p>Câu 6: Có 11 chữ cái. Tác giả của bài thơ “Bánh trôi nước”.</p> <p>Đáp án: Hồ Xuân Hương.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

t. Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được các khái niệm bi kịch; xung đột, cốt truyện, nhân vật, hành động, ngôn ngữ trong bi kịch; hiệu ứng thanh lọc của bi kịch.

u. Nội dung: Thực hiện phiếu học tập theo từng nhóm.

v. Sản phẩm: Phần trình bày sản phẩm của học sinh.

w. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chia lớp thành 3 nhóm, tìm hiểu và thực hiện phiếu học tập:</p> <p>+ Nhóm 1- phiếu học tập 1(Bi kịch):</p> <p>1. Yếu tố cốt lõi của bi kịch là gì? Cái bi là gì?</p> <p>2. Nêu những chủ đề có thể khai thác để xây dựng cốt truyện bi kịch.</p> <p>+ Nhóm 2 – phiếu học tập 2 (Nhân vật và xung đột trong bi kịch):</p> <p>1. Xung đột trong bi kịch là gì?</p> <p>2. Đặc điểm xung đột, cốt truyện bi kịch</p>	<p>I. Bi kịch</p> <p>1. Yếu tố cốt lõi của bi kịch là cái bi. Cái bi là phạm trù mỹ học xác định giá trị thẩm mỹ của những xung đột không thể giải quyết, được khai triển trong tiến trình hành động tự do của nhân vật, kèm theo xung đột này là những đau khổ và tiêu vong của nhân vật hoặc sự mất mát những giá trị đời sống của nó.</p> <p>2. Những chủ đề: định mệnh ngang trái, khát vọng kì vĩ không thể thành hiện thực, những mất mát lớn lao, sự nổi loạn chống lại trật tự thế giới,...</p> <p>II. Nhân vật và xung đột trong bi kịch</p> <p>1. Xung đột trong bi kịch những mâu thuẫn hệ trọng, gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật với cái tất yếu khách quan được thể hiện và cả cái tất yếu chủ quan.</p> <p>2. Nhân vật chính trong bi kịch phải trải qua những đau khổ, giằng xé cả về thể xác lẫn tinh thần, rơi vào những tình huống nặng nề, bế tắc, thường có kết cục bi thảm.</p>

đã chi phối phẩm chất, hành động của nhân vật chính trong bi kịch ra sao?

3. Đặc điểm lời thoại của nhân vật trong bi kịch?

+ Nhóm 3 – phiếu học tập 3 (Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch):

1. Thế nào là “hiệu ứng thanh lọc” của bi kịch?

2. Vì sao việc tiếp nhận bi kịch lại mang “hiệu ứng thanh lọc” cho tâm hồn?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm làm việc trên phiếu học tập.

B3. Báo cáo thảo luận

Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, đưa ra phản hồi. Nhóm được hỏi sẽ giải đáp các câu hỏi của nhóm khác về sản phẩm của nhóm mình.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét quá trình và kết quả làm việc của các nhóm. GV chốt ý.

3. Lời thoại căng thẳng, chất chứa biện luận. thể hiện suy tư trăn trở và thể hiện ý chí mạnh mẽ, không chịu khuất phục.

III. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch

1. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch (sự tẩy rửa trong bi kịch), thuật ngữ từ thời cổ đại Hi Lạp, dùng chỉ sự tác động của bi kịch Hi Lạp đối với người xem, hướng họ về cái thiện, cái đẹp, tránh xa cái ác, cái xấu.

2. Theo dõi hành động kịch căng thẳng, gay gắt, kết cục bi thảm, người tiếp nhận bi kịch có thể sợ hãi, kinh hoàng, thương cảm, xót xa như chính mình đang trải nghiệm những bế tắc trong cuộc sống nhân vật để rồi từ đó căm ghét cái đê tiện, giả dối, ngưỡng mộ cái đẹp đẽ, hào hùng, tâm hồn được thanh lọc và trở nên hài hòa, thăng bằng hơn.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: SỐNG, HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- Nắm được những thông tin cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả Sếch-xpia
- Tóm tắt được vở kịch *Hăm-lét*.
- Xác định được thể loại, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, vị trí của đoạn trích “*Sống, hay không sống – đó là vấn đề*”

b. Nội dung: Những thông tin cơ bản về Sếch-xpia và tác phẩm *Hăm-lét*. Đoạn trích “*Sống, hay không sống – đó là vấn đề*”.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản “*Sống, hay không sống – đó là vấn đề*”.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm																																																												
<p>*Nhiệm vụ 1: Khởi động</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV đặt câu hỏi: Theo bạn, việc ý thức về tình trạng bi đát của hoàn cảnh có khi nào ngăn trở con người hành động quyết đoán trong cuộc đời?</p> <p>- HS có thể trả lời theo những hướng khác nhau.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc theo nhóm đôi.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: HS trả lời</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét chốt ý</p>	<p>Câu trả lời có thể:</p> <p>+ Việc ý thức về tình trạng bi đát của hoàn cảnh không ngăn trở con người hành động quyết đoán trong cuộc đời.</p> <p>+ Việc ý thức về tình trạng bi đát của hoàn cảnh có ngăn trở con người hành động quyết đoán trong cuộc đời</p>																																																												
<p>*Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về tác giả Sếch-xpia</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu học sinh đọc phần tiểu dẫn về tác giả trong SGK</p> <p>- Chia lớp thành 3 nhóm cùng tham gia trò chơi “Truy tìm mật mã”.</p> <table><tr><td>N</td><td>N</td><td>H</td><td>A</td><td>N</td><td>V</td><td>A</td><td>N</td><td>E</td><td>N</td></tr><tr><td>G</td><td>H</td><td>I</td><td>A</td><td>T</td><td>K</td><td>N</td><td>H</td><td>A</td><td>N</td></tr><tr><td>B</td><td>T</td><td>A</td><td>N</td><td>M</td><td>A</td><td>N</td><td>H</td><td>M</td><td>E</td></tr><tr><td>C</td><td>V</td><td>E</td><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>I</td><td>N</td><td>E</td><td>A</td></tr><tr><td>E</td><td>M</td><td>R</td><td>N</td><td>U</td><td>N</td><td>G</td><td>H</td><td>J</td><td>X</td></tr><tr><td>S</td><td>F</td><td>O</td><td>H</td><td>D</td><td>I</td><td>A</td><td>C</td><td>A</td><td>U</td></tr></table>	N	N	H	A	N	V	A	N	E	N	G	H	I	A	T	K	N	H	A	N	B	T	A	N	M	A	N	H	M	E	C	V	E	A	B	C	I	N	E	A	E	M	R	N	U	N	G	H	J	X	S	F	O	H	D	I	A	C	A	U	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>a. Cuộc đời</p> <p>- Uy-li-am Sếch-xpia (1564-1616) là nhà soạn kịch, nhà thơ lớn nhất nước Anh thời kì Phục hưng.</p> <p>- Ông sinh ra trong một gia đình buôn bán len dạ. Khi ông 14 tuổi, do gia đình sa sút nên ông buộc phải thôi học.</p> <p>- Từ 1585, ông lên Luân Đôn kiếm sống, làm giúp việc cho đoàn kịch, rồi</p>
N	N	H	A	N	V	A	N	E	N																																																				
G	H	I	A	T	K	N	H	A	N																																																				
B	T	A	N	M	A	N	H	M	E																																																				
C	V	E	A	B	C	I	N	E	A																																																				
E	M	R	N	U	N	G	H	J	X																																																				
S	F	O	H	D	I	A	C	A	U																																																				

X	U	O	N	G	D	A	T	I	D
B	R	U	G	B	I	N	H	A	N
A	P	H	U	C	H	U	N	G	V

1. Sếch-xpia là nhà soạn kịch, nhà thơ nổi tiếng nhất nước Anh thời kì nào?

Đáp án: Phục hưng

2. Ông sinh ra và lớn lên ở miền tây nam nước Anh trong một gia đình...?

Đáp án: buôn bán

3. Năm 1599, Sếch-xpia tham gia xây dựng nhà hát nào?

Đáp án: Địa Cầu

4. Nhân vật kịch của Sếch-xpia thường có tính cách ra sao?

Đáp án: Mạnh mẽ

5. Những vở bi kịch của ông chứa đựng giá trị... sâu sắc

Đáp án: nhân văn

- Sau thi thực hiện xong nhiệm vụ “Truy tìm mật mã”, tổ chức bốc thăm để 1 nhóm lên trình bày về cuộc đời và sự nghiệp của Sếch-xpia dựa trên những thông tin vừa tìm được. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc bài.

- Làm việc theo nhóm truy tìm mật mã

B3. Báo cáo thảo luận

Bốc thăm để thuyết trình, nhận xét.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Gv nhận xét, chốt ý.

thành diễn viên, nhà soạn kịch và người đồng sở hữu đoàn kịch.

- 1599, ông tham gia xây dựng nên Nhà hát Địa Cầu.

b. Sự nghiệp

- Sáng tác của ông gồm 37 vở kịch, 4 trường ca, 154 bài son-nê được coi là những kiệt tác hàng đầu thế giới.

- Kịch của ông gồm nhiều thể loại, nổi tiếng nhất là bi kịch.

- Bi kịch của Sếch-xpia chứa đựng tinh thần nhân văn sâu sắc thể hiện qua các nhân vật phóng khoáng, tự do, có tính cách mạnh mẽ; qua lời thoại sắc sảo, tinh tế; nghệ thuật triển khai, đan xen các tuyến xung đột, các tuyến hành động kịch mang tính chất dồn nén, tập trung. Các vở bi kịch của ông thường dựa trên một số cốt truyện, truyền thuyết có sẵn nhưng được mở rộng, khơi sâu chủ đề để xây dựng những hình tượng bất tử.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về tác phẩm Hăm-lét và đoạn trích “Sống, hay không sống - đó là vấn

2. Văn bản

đề”

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

* GV giao HS tóm tắt tác phẩm trước ở nhà

* GV gửi gói câu hỏi trắc nghiệm trên Azota

1. Tác phẩm Hăm-lét được sáng tác vào giai đoạn nào?

a. 1599-1600 b. 1599-1601

c. 1600-1601 d. 1601-1603

Đáp án: b

2. vở bi kịch Hăm-lét được xây dựng dựa trên cốt truyện nào?

a. Câu chuyện hoàng tử Ăm-lét xứ Đan Mạch

b. Do Sếch-xpia hoàn toàn sáng tạo ra

c. Câu chuyện tình lãng mạn mà đau thương ở Ý thời Trung cổ.

d. Câu chuyện cổ tích dân gian.

Đáp án: a

3. Sếch-xpia đặt nhân vật trong vở kịch vào bối cảnh nào?

a. Trung cổ b. Hiện đại c. Phục hưng d. Hậu kì Phục hưng

Đáp án: d

4. Vở bi kịch gồm mấy hồi?

a. 3 b. 4 c. 5 d. 6

Đáp án: 5

5. Đoạn trích “Sống, hay không sống - đó là vấn đề” thuộc hồi mấy của vở kịch?

a. Hồi 1 b. Hồi 2 c. Hồi 3 d. Hồi 4

a. Vở kịch “Hăm-lét”

- Sáng tác vào khoảng 1599-1601

- Dựa trên cốt truyện về hoàng tử Ăm-lét xứ Đan Mạch trả thù cho cha.

- Sếch-xpia đặt nhân vật trong vở kịch vào bối cảnh hậu kì Phục hưng khi lí tưởng nhân văn chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc bởi xung đột với thực tế lịch sử nghiệt ngã.

- Vở kịch gồm 5 hồi: Tóm tắt vở kịch

(HS trình bày phần đã chuẩn bị ở nhà)

b. Đoạn trích “Sống, hay không sống - đó là vấn đề”

- Đoạn trích thuộc cảnh 1 hồi III của vở kịch

- Ý nghĩa nghệ thuật của đoạn trích: Không chỉ góp phần khơi sâu tư tưởng chủ đề của vở kịch, mà còn gợi nhiều suy ngẫm về bản tính con người, về những nỗi vướng mắc tâm tư và trở trở muôn đời của con người trong cuộc sống.

Đáp án: c

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS nhấp chuột vào link Azota giáo viên gửi, đọc và thực hiện nhiệm vụ học tập trong thời gian 3 phút.

B3: Báo cáo thảo luận

Làm xong hs sẽ đánh giá được năng lực của bản thân

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, rút kinh nghiệm, nhấn mạnh một số kiến thức trọng tâm

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Hs nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,... qua đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề* của bi kịch *Hăm-lét*
- HS phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*, làm rõ được mối quan hệ giữa các chi tiết ấy với đề tài, câu chuyện, hành động kịch, nhân vật chính.

b. Nội dung:

- Sử dụng SGK, chất lọc kiến thức, trao đổi thảo luận để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản *Sống hay không sống? - Đó là vấn đề*.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Sống hay không sống? - Đó là vấn đề* và chuẩn kiến thức GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc đoạn trích, xác định các nhân vật trong đoạn đối thoại, các màn đối thoại.	II. Khám phá văn bản 1. Âm mưu do thám - Lời thoại giữa: Vua với Rô-đen- cran và Ghin-đơn-xton; Vua với hoàng hậu, Ô-phê-li-a - Mối quan hệ với Hăm lét: Chú, bạn thân, mẹ

- HS chia 4 nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập sau trên bảng phụ:

Lời đối thoại	Mối quan hệ với Hăm lét	Nội dung	Ý nghĩa

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS chia nhóm, cử nhóm trưởng, thư kí nhóm

- Thảo luận hoàn thành phiếu

B3. Báo cáo thảo luận

- Đại diện các nhóm nhanh nhất lên trình bày kết quả

- Các nhóm thảo luận, phản biện, bổ sung, đánh giá phần thực hiện của nhóm bạn

- Các nhóm vẫn ngồi tại vị trí thảo luận

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Các nhóm cho điểm và đánh giá lẫn nhau thang điểm 10: 7 điểm nội dung, 3 điểm trình bày

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4
Nhóm 1				
Nhóm 2				
Nhóm 3				
Nhóm 4				
Tổng				

- GV tổng kết nhiệm vụ 1, bổ sung chỉnh sửa nội dung còn thiếu. Yêu cầu 1,2 nhóm lí giải cách cho điểm nhóm bạn.

Nhiệm vụ 2:

ruột, người yêu - đều là những người có mối quan hệ ruột thịt, thân thiết gần gũi với Hăm lét, là nơi có thể tin cậy được

-> Thực tế phũ phàng khiến cho Hăm-lét phải đánh giá lại tất cả những mối quan hệ này. Đây là biểu hiện của sự băng hoại về đạo đức của xã hội hiện tại

- Nội dung các lời thoại:

+ Bằng những lời đẹp đẽ bề ngoài tưởng chừng như họ quan tâm đến tình trạng của Hăm lét thực chất tất cả đều muốn tìm hiểu tình trạng thực sự của Hăm – lét là điên thật hay giả điên.

+ Vua và Hoàng hậu bộc lộ âm mưu do thám tình hình thực sự của Hăm – lét qua việc bố trí việc nghe trộm cuộc nói chuyện giữa Hăm – lét và Ô-phê-li-a

- Qua đoạn đối thoại thấy được:

+ Tâm trạng bất an của vua và hoàng hậu

+ Tinh thần cúc cung tận tụy của 2 người bạn, Ô-phê-li-a đồng lõa với âm mưu do thám

+ Thời đại đảo điên, giả dối lúc bấy giờ- Là thời đại xã hội Tư sản Anh mới ra đời “mình đã tắm đầy bùn máu”(Kac-Mac), cũng là thực tại mà Hăm – lét đang đấu tranh để chống lại.

2. Suy tưởng và hành động của Hăm-lét

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Đọc kĩ đoạn trích
- Lớp chia 2 nhóm:
- + Nhóm 1 mang tên Mặt trăng
- + Nhóm 2 mang tên Mặt trời
- (Cũng có thể để HS tự đặt tên nhóm cho nhóm của mình)
- Chuẩn bị tham gia cuộc thi hùng biện mang tên: “Tobe or not tobe”
- Phân tích các xung đột trong nội tâm của Hăm-lét
- Đánh giá về nhân vật

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS chia nhóm thảo luận, cử mỗi tổ 1 thành viên tham gia cuộc thi hùng biện
- Lớp cử 1 đại diện đảm nhiệm vai trò MC dẫn dắt cuộc thi
- MC không tham gia thảo luận mà lên chương trình ngắn gọn để dẫn dắt cuộc thi hùng biện.

B3. Báo cáo thảo luận

- 4 đại diện lên thuyết trình và tranh biện cùng các đối thủ để bảo vệ quan điểm của mình

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Các thành viên còn lại trong lớp sẽ theo dõi và đánh giá kết quả cuộc thi bằng cách giơ tay hoặc đưa tay thích hoặc không thích
- Đội thắng cuộc là đội được giơ tay

**Lời độc thoại*

- Hăm-lét suy tư giữa

Sống	Không sống
-Không hành động	- Hành động
-Sống nhục nhã, hèn hạ	- Cầm vũ khí đứng lên đấu tranh
-Chịu đựng mọi điều đảo điên giả dối	- Chết

- Hăm – lét chọn hành động, lại rơi và xung đột mới là: Chết và sẽ mơ thấy ác mộng

Chết	
Đáng mong muốn	Khó khăn
- Chấm dứt mọi khổ đau	- Mơ
- Thoát khỏi thể xác trần tục	- Mọi khổ cực mà nhân dân phải chịu đựng

-> Hăm lét đặt mình vào vị thế của nhân dân để đau nỗi đau thời đại, chứ không chỉ đấu tranh để trả mối thù giết cha

-> Xung đột chính trong vở kịch không phải là xung đột giữa Hăm-lét và vua mà là xung đột giữa chàng với cả thời đại khổ đau. Nên cuộc đấu tranh của nhân vật trở nên thật hào hùng

** Lời đối thoại với Ô-phê-li-a*

- Hăm-lét nói những lời nói tàn nhẫn để đoạn tuyệt quan hệ với nàng

- Cũng là tín hiệu khẳng định rằng Hăm-lét đưa ra lựa chọn của bản thân là quyết tâm chống lại hiện thực xã hội đảo điên xảo trá lúc đó

=> Nhân vật hoài nghi Hăm-lét là một hiện tượng có ý nghĩa lịch sử, là nhân vật dám hoài nghi cả xã hội và lời nó ra tòa án công chúng

<p>nhiều nhất hoặc được thích nhiều nhất</p> <p>- GV tổng kết nội dung bổ sung nội dung còn thiếu, sửa chữa nội dung chưa đúng hoặc HS đưa ra lí giải chưa phù hợp.</p>	<p>của nhân loại. Đây là phát súng đầu tiên của nhân loại bắn vào thành trì của chủ nghĩa Tư bản ngay giữa lúc đang xây dựng.</p>
---	---

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu:

- HS tổng kết lại giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích

b. Nội dung:

- Sử dụng SGK, tổng hợp kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi tổng kết văn bản *Sống hay không sống?* - *Đó là vấn đề*.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được khi tổng kết văn bản *Sống hay không sống?* - *Đó là vấn đề*

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Đánh giá lại giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Mỗi HS rút ra 1 giá trị nội dung và nghệ thuật ghi trong tờ giấy nhớ và dán vào góc học tập của nhóm</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>- Đại diện các nhóm đọc kết quả của nhóm</p> <p>- Các thành viên còn lại thảo luận, đánh giá kết quả của các nhóm</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung</p> <p>- Đoạn trích <i>Sống, hay không sống</i> - đó là vấn đề được tác giả thể hiện không chỉ nêu lên tư tưởng, chủ đề của tác phẩm mà còn nêu lên những suy ngẫm về bản tính của con người, những trăn trở, lo âu của con người trong cuộc sống đầy gian nan, vất vả, những rủi ro vẫn đang thường trực xảy ra.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>- Xây dựng nhân vật trong tác phẩm kịch độc đáo, tinh tế,</p> <p>- Tình huống kịch hấp dẫn gây nên những ấn tượng sâu sắc trong tâm trí người tiếp nhận</p>

- GV tổng kết chung bằng việc chọn các tờ giấy nhớ của HS trong cả lớp sắp xếp lại để tổng kết về nội dung và nghệ thuật	- Sự kết hợp khéo léo giữa ngôn ngữ đối thoại với ngôn ngữ độc thoại của các nhân vật
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một vấn đề liên quan sau khi học xong đoạn trích.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn 150 chữ

c. Sản phẩm:

- Đoạn văn 150 chữ đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của bạn về con người Hăm lét được thể hiện qua lời độc thoại trong đoạn trích <i>Sống hay không sống-đó là vấn đề</i> . B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS viết đoạn văn B3. Báo cáo thảo luận - HS nộp 3 bài ngẫu nhiên (GV có thể chọn mỗi đối tượng HS 1 bài) B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - HS đọc bài viết, các bạn còn lại nhận xét đánh giá bài của bạn - GV đưa ra đánh giá cuối cùng.	* Về hình thức - Đảm bảo 1 đoạn văn khoảng 150 chữ - Đảm bảo bố cục 1 đoạn văn có : Mở đoạn- Thân đoạn- Kết đoạn *Về nội dung - Đoạn văn cảm nhận về nhân vật Hăm-lét phải được viết từ ấn tượng chung về nhân vật qua lời độc thoại - Đoạn văn có thể là sự ấn tượng sâu sắc về một chi tiết, một tư tưởng nào đó trong lời độc thoại toát lên con người nhân vật

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế bản thân trong cuộc sống
- HS vận dụng kĩ năng đọc bi kịch để đọc, diễn một đoạn bi kịch khác

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo HD của GV

c. Sản phẩm:

- Rút ra ý nghĩa trong đời sống hiện đại
- Diễn được một đoạn kịch

d. Tổ chức thực hiện:**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Theo em trong xã hội hiện đại có xung đột giữa lí tưởng cao đẹp về con người với những tồn tại tiêu cực trong đời sống xã hội; giữa ý chí hành động tự do với khuynh hướng suy tư bị quan trọng mỗi con người có còn tồn tại trong xã hội hiện đại không? Căn cứ để nêu ý kiến về vấn đề này là gì?

- Sân khấu hóa đoạn trích đã học hoặc một đoạn trích trong vở kịch Hăm lét hoặc trong một vở kịch khác của Sếch- xpia.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời nhiệm vụ 1 tại lớp để chia sẻ “hiệu ứng thanh lọc” của vở kịch
- HS luyện tập nhiệm vụ 2

B3. Báo cáo thảo luận

- HS trả lời tại lớp, có thể tranh luận nếu có ý kiến bất đồng trái ngược nhau
- Diễn đoạn trích sân khấu hóa trong tiết học hoặc trong một buổi ngoại khóa...

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá kết quả thực hiện của HS

4. HDVN: Chuẩn bị soạn các câu hỏi trong Văn bản *Vĩnh biệt Cửu Trùng đài*.

Tiết - VĂN BẢN 2:

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI

(Trích *Vũ Như Tô*) – Nguyễn Huy Tưởng

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh hiểu và phân tích được những đặc trưng của thể loại bi kịch được thể hiện trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.
- Học sinh hiểu được tư tưởng, những đặc sắc trong nghệ thuật kịch của Nguyễn Huy Tưởng.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù:

- Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thể loại bi kịch như : xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,...qua đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.

- Học sinh phân tích được chủ đề, tư tưởng và những đặc sắc về nghệ thuật được nhà viết kịch Nguyễn Huy Tưởng thể hiện trong đoạn trích.

2.3. Phẩm chất:

- HS biết cảm thông, trân trọng đối với người nghệ sĩ tài năng nhưng phải chịu số phận đau thương, từ đó biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và lựa chọn cho mình được cách hành xử phù hợp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu, giấy A0 hoặc bảng phụ để học sinh làm việc nhóm.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy, sách giáo viên, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung thực hiện:

- HS quan sát hình ảnh và nêu hiểu biết của mình về những hình ảnh đó.

c. Sản phẩm:

Hiểu biết của học sinh về những hình ảnh GV cung cấp.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu một vài hình ảnh về một số công trình kiến trúc nổi tiếng trên thế giới (<i>Vạn lý Trường Thành, Kim tự tháp</i>) - HS nhìn hình ảnh và nêu hiểu biết của mình về những hình ảnh đó.	- Bức hình 1: <i>Kim tự tháp</i> nổi tiếng và bí ẩn nhất thế giới cổ đại (một trong 7 kì quan thế giới cổ đại). Song để xây dựng được công trình vĩ đại này cần rất nhiều nhân lực, của cải, ước tính giao động từ 20-100 nghìn người làm việc liên tục. Số lượng nhân công này được thay thế thường xuyên bởi xây dựng kim tự tháp là công việc rất khổ ải.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:	- Bức hình 2: <i>Vạn lý Trường Thành</i>

<p>HS suy ngẫm, trình bày hiểu biết của mình và chia sẻ trước lớp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận.</p> <p>- GV gọi đại diện 1-2 HS trình bày hiểu biết của bản thân về hai hình ảnh trên.</p> <p>- HS khác lắng nghe, nhận xét, phản biện.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, dẫn vào bài mới.</p>	<p>+ Đây là bức tường và các công sự trải dài theo biên giới phía Bắc của Trung Quốc, do hoàng đế Trung Hoa đầu tiên tên Tần Thủy Hoàng ra lệnh xây dựng vào khoảng năm 200 TCN, sau đó tiếp tục đến thời Minh mở mang xây dựng thêm.</p> <p>+ Đây là một công trình kiến trúc đồ sộ, được công nhận là một trong 7 kì quan thế giới mới.</p> <p>+ Để xây dựng được công trình này đã có khoảng hơn 400.000 người phải bỏ mạng, nhiều người đã phải chôn vùi thân xác ngay dưới chân thành. Điều đó đã gây nổi oán hận trong nhân dân.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả.
- HS nắm được những thông tin cơ bản về hoàn cảnh ra đời, tóm tắt được nội dung chính của tác phẩm, xác định được vị trí và nội dung của đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.

b. Nội dung hoạt động: Thông qua phần chuẩn bị, soạn bài ở nhà của HS theo nhóm đôi, GV tổ chức cho HS đọc nhanh thông tin trong SGK và trả lời nhanh câu hỏi

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà của HS và câu trả lời đúng, nhanh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV gọi 2 HS đọc thông tin về tác giả và tác phẩm tr. 141.sgk Ngữ Văn 11.</p> <p>- HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm (làm phim tài liệu hoặc thiết kế powerpoint + thuyết trình về tác giả, tác phẩm)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (đã chuẩn bị ở nhà)</p>	<p>I. Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm</p> <p>1. Tác giả Nguyễn Huy Tưởng</p> <p>- Nguyễn Huy Tưởng (1912-1960)</p> <p>- Quê: làng Dục Tú, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội).</p> <p>- Ông là nhà văn, nhà viết kịch chuyên khai thác đề tài lịch sử.</p> <p>- Sáng tác: đóng góp nổi bật trên thể loại tiểu</p>

<p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện cặp đôi tham gia thuyết trình - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <p>GV nhận xét, chuẩn kiến thức.</p>	<p>thuyết và kịch. Trong đó, với thể loại kịch, ông đã để lại dấu ấn sâu đậm trong làng kịch Việt Nam với những tác phẩm tiêu biểu như: <i>Vũ Như Tô</i> (1943), <i>Cột đồng Mã Viện</i> (1944), <i>Bắc sơn</i> (1946)...</p> <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - vở kịch đầu tay này viết về sự kiện lịch sử xảy ra ở Thăng Long vào đầu thế kỉ XVI, dưới triều vua Lê Tương Dực. - vở kịch gồm 5 hồi, được viết năm 1941, sau đó được xuất bản vào năm 1943. - Tóm tắt tác phẩm: sgk
---	--

Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh đọc, xác định vị trí và tóm tắt được các sự kiện trong văn bản
- Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,.. qua đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.
- Học sinh phân tích được những đặc sắc nghệ thuật của kịch Nguyễn Huy Tưởng được thể hiện qua đoạn trích.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Hoạt động: Đọc, xác định vị trí và tóm tắt văn bản.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV phân vai, gọi học sinh đọc.</p> <p>GV gợi ý cách đọc.</p> <p>? Dựa trên kết quả đọc ở nhà và nghe đọc, hãy xác định vị trí đoạn trích và tóm tắt ngắn gọn văn bản.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện nhiệm vụ đã chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu. 	<p>II. Đọc hiểu văn bản</p> <p>1. Đọc, xác định vị trí và tóm tắt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giọng đọc phải diễn cảm, phù hợp với nhân vật. - Vị trí đoạn trích: Nằm ở hồi V cũng là hồi cuối của vở kịch. - Tóm tắt: HS nêu được một số sự kiện chính qua các lớp. + Đan Thiềm giục Vũ Như Tô trốn vì kiêu binh nổi loạn, định phá Cửu Trùng Đài nhưng Vũ Như Tô nhất quyết ở lại. + Lê Trung Mại xuất hiện báo tin Trịnh Duy

<p>- Trên lớp HS đọc lại một số đoạn theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- Trong khi đọc lưu ý trả lời các câu hỏi ở thẻ đọc.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS được giao nhiệm vụ nhập vai, đọc to rõ ràng, các HS khác đọc thầm, trả lời câu hỏi.</p> <p>GV gọi HS xác định vị trí và tóm tắt (Gọi khoảng 2 HS bất kì của các nhóm)</p> <p>- HS có thể tóm tắt bằng sơ đồ đã chuẩn bị hoặc bằng trình chiếu PowerPoint.</p> <p>HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <p>GV nhận xét, chuẩn kiến thức.</p>	<p>Sản làm phản, nhà vua và hoàng hậu đều đã chết, Nguyễn Vũ biết tin đã tự sát theo vua.</p> <p>+ Nội gián cho biết loạn quân đã đập phá kinh thành, đốt Cửu Trùng Đài, Lê Trung Mai và bọn nội gián đều chạy trốn, Vũ Như Tô vẫn nhất quyết ở lại.</p> <p>+ Quân khởi loạn và Ngô Hạch vào thành bắt đám cung nữ và Đan Thiềm, Đan Thiềm một mực cầu xin tha mạng cho Vũ Như Tô.</p> <p>+ Vũ Như Tô vẫn hi vọng An Hòa Hầu biết ông vô tội và để ông tiếp tục xây dựng Cửu Trùng Đài, nhưng khi biết được chính An Hòa Hầu đã ra lệnh đốt Cửu Trùng Đài, VNT tuyệt vọng và yêu cầu quân sĩ dẫn mình ra pháp trường.</p>
<p>Hoạt động: Khám phá văn bản</p> <p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về Tình huống kịch.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV phân lớp làm 4 nhóm cùng thực hiện một nội dung.</p> <p>- GV cung cấp phiếu học tập số 1, HS hoàn thiện các nội dung theo các câu hỏi:</p> <p>+ Tình huống kịch là gì? Theo em, tình huống kịch được miêu tả trong đoạn trích là tình huống gì?</p> <p>+ Trước tình huống đó, mỗi nhân vật có lựa chọn và hành động như thế nào, qua đó thể hiện được đặc điểm tích cách gì của nhân vật?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS làm việc theo nhóm đã được phân công.</p> <p>- Hoàn thiện phiếu học tập số 1 vào giấy A0 hoặc bảng phụ đã chuẩn bị.</p>	<p>2. Khám phá văn bản</p> <p>2.1. Tình huống kịch.</p> <p>- Tình huống kịch là một hoàn cảnh đặc biệt giúp bộ lộ toàn bộ tính cách và số phận của nhân vật.</p> <p>- Tình huống kịch được miêu tả trong đoạn trích là: Trịnh Duy Sản dấy binh làm loạn, giết nhà vua, đốt phá Cửu Trùng Đài, lùng bắt Vũ Như Tô. Đây là tình huống vô cùng kịch tính, làm thay đổi số phận nhân vật và đẩy nhân vật vào một tình thế buộc phải lựa chọn, thông qua đó bộc lộ tính cách nhân vật.</p> <p>- Trước tình huống đó, mỗi nhân vật có những phản ứng và hành động khác nhau:</p> <p>+ Đan Thiềm thì khẩn thiết cầu xin Vũ Như Tô đi trốn để không uổng phí tài trời, ngay cả khi bị bắt vẫn một mực bảo vệ Vũ Như Tô.</p> <p>+ Vũ Như Tô nhất quyết ở lại Cửu Trùng Đài, một lòng tin vào sự vô tội của mình, hi vọng có thể xây dựng được một Cửu Trùng Đài huy hoàng nhưng cuối cùng chấp nhận cái chết khi chứng kiến Cửu Trùng Đài bị đốt cháy.</p>

<p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi đại diện nhóm bất kì báo cáo sản phẩm. - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung, phản biện. <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <p>GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức cơ bản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Nguyễn Vũ khi biết vua chết, kêu binh nổi loạn liền tự sát theo vua + Lê Trung Mai và bọn nội gián lựa chọn chạy trốn. + Đám cung nữ quyền rũ quân sĩ, vu oan cho Đan Thiềm và Vũ Như Tô hòng thoát chết. + Ngô Hạch và đám quân sĩ đắc thắng khi bắt được Vũ Như Tô và đốt phá Cửu Trùng Đài. <p>-> Trước cùng một tình huống, nhưng mỗi nhân vật lại có những lựa chọn và hành động khác nhau. Điều đó đã làm nổi bật những tính cách đối lập của các nhân vật: Sự tận trung của Nguyễn Vũ đối lập với sự phản trắc của Lê Trung Mai và bọn nội gián; sự ngay thẳng, cương trực và lòng vị tha của Đan Thiềm so với sự giả dối, ích kỉ của lục cung nữ; sự cương trực, lãng mạn và đầy lí tưởng của Vũ Như Tô so với sự thực dụng, thô lỗ, hèn hạ của đám quân sĩ và Ngô Hạch. Có thể nói, tình huống kịch mà Nguyễn Huy Tưởng xây dựng trong đoạn trích thực sự đắt giá, làm nổi bật xung đột kịch cũng như làm bộc lộ rõ tính cách nhân vật.</p> <p>2.2. Xung đột kịch</p> <p>* Xung đột kịch là yếu tố chi phối toàn bộ cách triển khai nhân vật, các sự kiện, lời thoại và hành động, tạo nên sức hấp dẫn của tác phẩm, đồng thời bộc lộ rõ nét tư tưởng của tác giả.</p> <p>* Xung đột kịch được thể hiện trong văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước hết thể hiện qua mâu thuẫn gay gắt, quyết liệt giữa các tuyến nhân vật:
<p>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về xung đột kịch.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV phát vấn: <i>Xung đột kịch là gì?</i></p> <p>GV phát phiếu học tập số 2, HS hoàn thiện vào bảng (cá nhân hoặc theo nhóm đôi) tìm hiểu về xung đột kịch trong văn</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Vũ Như Tô và Đan Thiềm kiên quyết bảo vệ Cửu Trùng Đài, trong khi đó lũ nội gián, đám cung nữ, Lê Trung Mai đều không nhìn thấy hoặc không thừa nhận giá trị của Cửu Trùng Đài, thậm chí còn mừng rỡ khi Cửu Trùng Đài bị đốt cháy. + Vũ Như Tô và Đan Thiềm là những người dũng cảm, trung thực, vị tha, có lí tưởng sống cao cả, sẵn sàng hi sinh tính mạng để bảo vệ lí

<p>bản theo các câu hỏi gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xung đột kịch được thể hiện qua những nhân vật nào, gắn với các sự kiện nào? Từ đó xác định xung đột chính của đoạn trích cũng như toàn bộ tác phẩm là gì? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, hoàn thiện phiếu học tập số 2. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1-2 học sinh hoặc nhóm trình bày, HS khác lắng nghe, nhậ, xét và phản biện. <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận.</p> <p>GV nhận xét, đánh giá và chốt ý</p> <p>GV mở rộng bằng câu hỏi: Việc xây dựng xung đột trong văn bản có vai trò gì?</p>	<p>tưởng, trong khi đó các nhân vật còn lại đều là những nhân vật thực dụng , ích kỉ, dối trá và hung bạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xung đột kịch còn thể hiện qua sự đối lập sâu sắc trong hành động của các nhân vật: <ul style="list-style-type: none"> + Đan Thiềm tha thiết xin Vũ Như Tô đi trốn nhưng Vũ Như Tô kiên quyết ở lại. + Đám cung nữ khăng khăng đổ tội cho Vũ Như Tô nhưng Đan Thiềm ra sức bảo vệ. + Vũ Như Tô tha thiết xin được gặp An Hòa Hầu song đám quân lính nhất định đưa dẫn Vũ Như Tô ra pháp trường. <p>-> Xung đột chính trong đoạn trích cũng như toàn bộ văn bản là xung đột giữa lí tưởng nghệ thuật cao cả của một nghệ sĩ chân chính, tài hoa với đời sống lầm than, cơ cực của nhân dân; xung đột giữa sự cương trực, trong sáng, ngay thẳng của cá nhân với một xã hội tầm thường giả dối, vụ lợi.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các xung đột này góp phần làm nổi bật bi kịch của người nghệ sĩ cũng như thân phận đầy bi kịch của những cá nhân trong một xã hội loạn lạc, đầy biến động, nhưng qua đây cũng khẳng định được sức mạnh của ý chí và khát vọng tự do của con người. Dẫn cho Cửu Trùng Đài bị đốt cháy, Vũ Như Tô có bị hành quyết nơi pháp trường thì ước vọng về một thứ nghệ thuật chân chính, tự do, cao cả không thể bị dập tắt. <p>3. Nhân vật Vũ Như Tô (qua lời nói và hành động)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi nghe Đan Thiềm báo tin loạn quân đang kéo về triều đình để phá Cửu Trùng Đài, Vũ Như Tô vẫn không tin, một mực cho rằng mình vô tội, thậm chí hi vọng có thể thuyết phục An Hòa Hầu cho mình xây tiếp Cửu Trùng Đài. + Niềm tin ngây thơ ấy được thể hiện qua một loạt các câu hỏi: “Sao bà nói lạ? Đài Cửu Trùng chưa xong, tôi trốn đi đâu. Làm gì phải trốn?” “Tôi làm gì nên tội?” “Phá Cửu Trùng Đài? Không đời nào? Mà tôi thì không làm gì nên tội”....., hay qua các câu phủ định và
--	---

<p>Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về nhân vật Vũ Như Tô (qua ngôn ngữ và hành động)</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chia lớp thành 3 nhóm, hoàn thiện phiếu học tập số 3.</p> <p><i>Tìm hiểu về nhân vật Vũ Như Tô qua ngôn ngữ và hành động.</i></p> <p>Nhóm 1: Tìm lời thoại của nhân vật VNT khi nghe Đan Thiềm báo tin loạn quân đang kéo đến phá Cửu Trùng Đài. Lời thoại ấy cho thấy điều gì về tâm trạng và hành động của nhân vật.</p> <p>Nhóm 2 và nhóm 3: Vẫn câu hỏi ấy nhưng với các hoàn cảnh khác (khi cung nữ vu oan, chế giễu, sỉ nhục và Chứng kiến Đan Thiềm ra sức bảo vệ VNT; khi quân lính báo tin kinh thành phát hỏa, Cửu Trùng Đài sắp thành tro tàn)</p> <p><u>Yêu cầu:</u> HS đọc kĩ lời thoại, chỉ ra những hành động và tâm trạng của nhân vật được bộc lộ qua lời thoại</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc nhóm, hoàn thiện phiếu học tập số 3.</p>	<p>những lời khẳng định dứt khoát: “<i>Tôi không trốn đâu. Người quân tử không bao giờ sợ chết...Tôi sống với Cửu Trùng Đài, chết cũng với Cửu Trùng Đài.</i>”</p> <p>+ Những lời thoại này cho thấy VNT là một nghệ sĩ khao khát theo đuổi lí tưởng nghệ thuật nhưng hoàn toàn xa rời thực tế.</p> <p>- Khi đám cung nữ vu oan, đám quân khởi loạn chế giễu, sỉ nhục và khi chứng kiến việc Đan Thiềm ra sức bảo vệ cho mình, VNT đã nói những lời danh thép, thể hiện thái độ thẳng thắn, không hề khuất phục trước cường quyền: “<i>Giết thì cứ giết, nhưng đừng vu oan, “Sao bà lẩn tránh thế, lạy cả một đấng tiểu nhân?”; “Mi thực sự là một tên bỉ ổi.Sao trời lại để cho mi sống làm nhục cương thường</i>”. Mặt khác ông cũng luôn hi vọng có thể tiếp tục xây dựng Cửu Trùng Đài: “ Ta sẽ xây một đài vĩ đại để tạ lòng tri kỉ”, “Ta không có tội và chủ tướng các ngươi sẽ cởi trói cho ta để ta xây nốt Cửu trùng Đài.” Những lời này cho thấy VNT là người cương trực, dũng cảm nhưng cũng hết sức trong sáng, cả tin.</p> <p>- Khi quân lính báo tin kinh thành phát hỏa, Cửu Trùng Đài sắp trở thành đồng tro tàn, VNT vẫn không tin. Nhưng khi thấy ánh sáng rực, tàn than, khói bụi bay vào, ông vô cùng căm phẫn và tuyệt vọng, thốt lên đầy đau đớn: “<i>Đốt thực rồi! Đốt thực rồi! Ôi đảng ác! Ôi muôn phần căm giận! Trời ơi! Phũ cho ta cái tài làm gì? Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài!</i>”</p> <p>+ Lời độc thoại thể hiện thái độ bi phẫn, sự thất vọng náo nức của VNT khi giấc mộng nghệ thuật của mình bị sụp đổ trước một thực tại tàn khốc. Đó là lời than tiếc cho tài năng, cho thân phận nhỏ bé của người nghệ sĩ. VNT đã lựa chọn cái chết. Sự lựa chọn đó khẳng định niềm say mê lí tưởng nghệ thuật của ông, nhất quán với tính cách cương trực của ông, đồng thời cũng góp phần tô đậm bi kịch vỡ mộng của người nghệ sĩ khi đối diện với một thực tại đã bóp nghẹt đi giấc mơ sáng tạo của con người, bi kịch sụp đổ niềm tin của các nhân trước mmootj thời thế chao đảo, cái xấu, cái ác lên ngôi.</p>
--	--

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện HS bất kì trình bày.
Các HS khác lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức cơ bản.

*** Điểm khác biệt của nhân vật VNT so với các nhân vật trong các tác phẩm tự sự:**

- VNT luôn nhất quán trong tính cách và hành động, lời nói. Từ đầu đến cuối ta thấy, VNT luôn đặt cược toàn bộ đời sống và tính mạng của mình vào Cừ Trùng Đài, bất chấp mọi khuyên can, cản trở, huy hiếp của người khác. Sự nhất quán này một mặt khẳng định ý chí tự do của con người, mặt khác thúc đẩy các xung đột lên cao trào, tạo sức hấp dẫn cho tác phẩm.

- Hơn nữa trong các tác phẩm tự sự, nhân vật thường được biểu hiện thông qua các hình thức giỚI thiệu lai lịch, chân dung, khắc họa nội tâm và hành động..., thì nhân vật VNT trong đoạn trích lại chủ yếu được khắc họa các lời thoại. Do đó tính cách của nhân vật được bộ lộ trực tiếp, rõ ràng nhất.

*** Khi phân tích nhân vật kịch, cần chú ý các bước:**

+ B1: Đọc kĩ lời loại, phân tích tâm trạng nhân vật qua lời thoại.

+ B2: Đặt lời thoại của nhân vật trong ngữ cảnh giao tiếp, chỉ ra hành động bộc lộ qua lời thoại (Nhân vật đang nói với ai? Mục đích của lời thoại là gì?)

+ B3: Nhận xét đặc điểm, tính cách nhân vật qua lời thoại và hành động.

4. Hình Tượng Cừ Trùng Đài

Hình tượng Cừ Trùng Đài được hiện lên một cách gián tiếp thông qua lời thoại của các nhân vật. Từ điểm nhìn của mỗi nhân vật khác nhau lại mang một ý nghĩa riêng.

- Với VNT, Cừ Trùng Đài là lí tưởng sống và lí tưởng nghệ thuật mà cả đời ông theo đuổi. Nó là thứ quý hơn cả mạng sống của ông, thậm chí ông có thể sẵn sàng đổi cả bằng phẩm giá chính trực của mình, mượn quyền của Lê Tương Dực để xây dựng. Lúc nguy biến, VNT không hề quan tâm đến bản thân, chỉ một mực nghĩ đến sự tồn vong của Cừ Trùng Đài. Khi biết Cừ Trùng Đài bị đốt

GV đặt thêm câu hỏi phát vấn mở rộng:

So sánh nhân vật Vũ Như Tô với các nhân vật tự sự đã học, em nhận ra đâu là sự khác biệt của nhân vật kịch so với nhân vật tự sự? Từ đó em rút ra điều gì cần lưu ý khi phân tích một nhân vật kịch?

cháy, ảo mộng tan vỡ, VNT lựa chọn chấm dứt sự sống. Với VNT, Cờ Trùng Đài là cách để ông cống hiến cho đất nước. Có thể nói, ở góc nhìn này, Cờ Trùng Đài là biểu tượng của tài năng, cái đẹp và nghệ thuật, một thứ nghệ thuật thuần khiết, cao cả, mang giá trị vĩnh cửu, vượt lên trên cuộc đời phàm tục. Cờ Trùng Đài do đó cũng là biểu tượng cho giấc mơ lãng mạn mà con người muốn theo đuổi trong cuộc đời, bất chấp mọi cản trở và phức tạp của thực tại.

- Với Đan Thiềm, Cờ Trùng Đài là sự kết tinh của tài năng và khí phách của người nghệ sĩ. Hành động kiên quyết bảo vệ Cờ Trùng Đài. Bảo vệ VNT của Đan Thiềm thể hiện một thái độ trân trọng cái tài, cái đẹp và niềm tin vào giá trị vĩnh cửu của cái đẹp.

- Với những nhân vật khác, Cờ Trùng Đài là biểu tượng cho sự xa hoa, lãng phí, thậm chí cho tội ác của quyền lực, là nguyên nhân của mọi đau khổ, lầm than.

-> Từ những góc nhìn trên cho thấy, Cờ Trùng Đài là một hình tượng mang ý nghĩa đa nghĩa, qua đó cũng thể hiện cái nhìn đa chiều của Nguyễn Huy Tưởng về nghệ thuật, về tài năng, về cá nhân. Nguyễn Huy Tưởng một mặt trân trọng tài năng, phẩm giá của VNT, thương xót cho số phận đầy bi kịch của người nghệ sĩ, mặt khác cũng nhận ra sự phù phiếm của một thứ nghệ thuật thoát li cuộc sống.

5. Thái độ của tác giả .

Trong văn bản, thái độ của tác giả tuy không bộc lộ trực tiếp, nhưng thông qua cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, ta có thể nhận ra được tư tưởng của Nguyễn Huy Tưởng.

+ Thứ nhất, trong cách xây dựng hình tượng, ta có thể thấy tác giả đã tạo nên hình tượng nhân vật đa diện, đặc biệt là nhân vật VNT.

- VNT được miêu tả là một kiến trúc sư tài ba, cương trực, có lí tưởng lớn, giàu lòng vị tha, không khuất phục trước cường quyền, nhưng lại ngay thơ, phù phiếm, xa rời thực tế, thậm chí mù quáng, vì hoài bão xây dựng

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu về hình tượng Cửu Trùng Đài

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV đặt câu hỏi phát vấn: *Tìm các chi tiết miêu tả Cửu Trùng Đài trong đoạn trích. Hình tượng Cửu Trùng Đài được thể hiện bằng những phương tiện nào? Thông qua các phương tiện đó, em thấy được gì về ý nghĩa của hình tượng Cửu Trùng Đài?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện HS trình bày, HS lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

Cửu Trùng Đài mà vô tình gây ra biết bao lầm than khổ cực cho nhân dân.

- Quân khởi loạn tuy hung hăng, thô lỗ, không hiểu biết gì về nghệ thuật, thậm chí độc ác, mù quáng trút giận lên Vũ Như Tô và Cửu Trùng Đài nhưng sâu xa có nguyên nhân từ sự đau khổ và oán giận trước sự hung tàn của hôn quân. Các nhân vật đều không nguyên phiến, tính cách đầy mâu thuẫn, khó đánh giá tốt hay xấu. Điều đó cũng cho thấy được sự phân vân, hoài nghi và mâu thuẫn trong tư tưởng của chính tác giả: một mặt trân trọng, cảm thương cho người nghệ sĩ, mặt khác lại nhận ra sự phù phiếm của thứ nghệ thuật thuần túy.

+ Thứ hai, trong cách xây dựng cốt truyện, kết thúc của tác phẩm là Cửu Trùng Đài bị đốt cháy, VNT chủ động chọn cái chết. Cách kết thúc cho thấy như một kết quả tất yếu, nghệ thuật sẽ không thể tồn tại nếu không gắn liền với thực tế, vì con người. Tuy vậy ẩn sau hành động hiên ngang lựa chọn cái chết của VNT Tta cũng phần nào thấy được sự ngưỡng mộ của nhà văn với nhân vật, đó là thái độ đầy mâu thuẫn.

+ Mặt khác, thái độ “*biệt nhỡn liên tài*” của tác giả còn được bộc lộ kín đáo qua hình tượng nhân vật Đan Thiềm. Thông qua nhân vật này, tác giả muốn khẳng định thiên tài nghệ thuật và lí tưởng cao đẹp củ VNT, đồng thời bày tỏ niềm hi vọng vào một thứ nghệ thuật thanh cao có thể vượt lên thực tại tầm thường.

Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu thái độ của tác giả.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV phát vấn: *Theo em, thái độ của tác giả qua văn bản được thể hiện qua những phương tiện nào?*

GV gợi ý: Thái độ của tác giả được thể hiện thông qua cách xây dựng nhân vật, cốt truyện.

Qua những yếu tố ấy, em nhận ra được gì về tư tưởng của Nguyễn Huy Tưởng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS bám sát văn bản, suy ngẫm và trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS đại diện trình bày, chia sẻ hiểu biết của bản thân, HS khác lắng nghe và nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt kiến thức.

Nội dung 3: Tổng kết

a) Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b) Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV: <i>HS khái quát giá trị nội dung và những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	III. TỔNG KẾT 1. Nội dung – Vở kịch phản ánh mâu thuẫn giữa khát vọng nghệ thuật thuần túy của Vũ Như Tô với lợi ích thiết thực của nhân dân – Qua việc xây dựng các tính cách bi kịch (Vũ Như Tô, Đan Thiềm), Tác giả muốn gửi đến người đọc, người xem những bài học, tư tưởng, quan niệm về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống: Nghệ thuật vì nhân sinh, nghệ thuật phản ánh cuộc sống, khát vọng của người nghệ sĩ phải phù hợp với nguyện vọng, quyền lợi và lợi ích của nhân dân. – Tác giả cũng bày tỏ sự cảm thông , trân trọng đối với những người nghệ sĩ có tài năng, hoài bão lớn nhưng lâm vào mâu thuẫn, bi kịch giữa lí tưởng và thực tế. 2. Nghệ thuật – Đoạn trích thể hiện rõ những đặc trưng cơ bản của thể loại bi kịch: tình huống kịch, xung đột, sự kiện, lời thoại... – Không khí, nhịp điệu của sự việc được diễn tả theo chiều tăng tiến, mức độ dồn dập đã thể hiện được tính chất gay gắt của mâu thuẫn và đẩy xung đột kịch

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	lên cao trào. Nhà văn đã tạo nên không khí kịch thông qua lời thoại, tình huống đầy kịch tính
---	---

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Điền vào bảng sau để thấy được những phản ứng và thái độ của các nhân vật trước tình huống kịch. Qua đó, em thấy được gì về tính cách nhân vật, nhận xét.

Nhân vật	Lựa chọn/ hành động	Tính cách	Nhận xét

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Qua hệ thống nhân vật ở các lớp kịch, hãy xác định những xung đột cơ bản của đoạn trích? Từ những xung đột đó, em có nhận xét gì?

Xung đột chính	Lớp kịch	Nhân vật	Sự kiện	Nhận xét chung

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Sự kiện	Lời thoại của Vũ Như Tô	Nhận xét

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS thực hiện kết nối viết với đọc, viết được đoạn văn nghị luận xã hội

(khoảng 150 chữ).

b. Nội dung thực hiện:

HS thực hiện kết nối với đọc theo đề bài: theo bạn, vấn đề xã hội nào được đề cập đến trong đoạn trích? Viết đoạn văn nghị luận xã hội(khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS thực hiện kết nối với đọc theo đề	Đoạn trích <i>Vĩnh Biệt Cửu Trùng Đài</i> và bi kịch Vũ Như Tô đã nhắc nhở mỗi chúng ta về ước mơ chân chính trong cuộc sống. Ước

<p>bài: theo bạn, vấn đề xã hội nào được đề cập đến trong đoạn trích? Viết đoạn văn nghị luận xã hội(khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề đó.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện viết</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi đại diện trình bày, HS khác nhận xét.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, chốt kiến thức.</p>	<p>mơ là mong muốn được cống hiến sức lực của mình cho xã hội. Khi chúng ta đạt được ước mơ cũng chính là lúc chúng ta được mọi người công nhận năng lực. Khi mỗi người có ước mơ, họ sẽ trở nên tốt đẹp hơn và từ đó nâng tầm quan trọng của ước mơ trong cuộc sống mỗi con người. Việc xây dựng ước mơ không chỉ khiến cho bản thân tốt đẹp hơn mà còn đóng góp cho xã hội, cho đất nước phát triển. Tuy nhiên, trong xã hội vẫn còn nhiều người sống không có ước mơ, hoài bão, vô cảm. Phớt lờ cho cuộc đời. Lại có những người sống có ước mơ nhưng chẳng hề cố gắng... Những người ấy cần phải thức tỉnh và thay đổi bản thân để có được cuộc sống tốt đẹp hơn. Mọi ước mơ đều đẹp nhưng không phải ai cũng có thể biến ước mơ thành hiện thực. Nó đòi hỏi chúng ta phải có sự cố gắng và nỗ lực lớn. Vì thế nếu ai đang có ước mơ, hãy nuôi dưỡng để nó thành hiện thực.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu:

HS chia sẻ mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống.

b. Nội dung thực hiện:

HS chia sẻ: Từ thông điệp rút ra từ văn bản, em hãy chia sẻ về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống. Người nghệ sĩ cần làm gì để cân bằng giữa hai yếu tố ấy để tránh xảy bi kịch giống như Vũ Như Tô? Vở kịch gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng và thực tế, giữa cá nhân và lịch sử?

c. Sản phẩm:

HS trình bày được quan điểm của cá nhân về vấn đề thảo luận

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV giao nhiệm vụ cho hs tranh biện</p> <p><i>Từ thông điệp rút ra từ văn bản, em hãy chia sẻ về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống. Người nghệ sĩ cần làm gì để cân bằng giữa hai yếu tố ấy để tránh xảy bi kịch giống như Vũ Như Tô? Vở kịch gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng và thực tế, giữa cá nhân và lịch sử?</i></p>	<p>HS trình bày ý kiến của mình, trong đó có thể kể ra một số ý tưởng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cái đẹp trong đó đã bao hàm cái thiện: “Bản thân cái đẹp là đạo đức”(Có thể lấy minh chứng trong tác phẩm <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> của Nguyễn Minh Châu) - Nghệ thuật không thể tồn tại nếu xa rời hiện thực và đời sống. - Nghệ thuật sống trong lòng nhân dân và phát triển vì nhân dân

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS chia se, thể hiện được quan điểm của bản thân. B3. Báo cáo thảo luận B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	(Minh chứng bằng quan điểm sáng tác của Nam Cao trong một số tác phẩm)
---	---

HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, DẶN DÒ

1. Củng cố

- Nắm chắc các đặc trưng cơ bản của thể loại bi kịch
- Hiểu và phân tích được những đặc trưng đó qua văn bản Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài

2. Dặn dò, giao bài tập về nhà

Vận dụng phân tích đặc trưng của thể loại bi kịch qua văn bản kịch *Hồn Trương Ba da hàng thịt* của tác giả Lưu Quang Vũ.

(HS có thể chọn một đoạn bất kì)

PHẦN 3. VIẾT

Tiết

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh biết cách lựa chọn đề tài, hướng tiếp cận đề tài.
- Học sinh hiểu được giá trị, tác dụng của các nguồn thông tin, các loại thông tin khác nhau để tìm kiếm, khai thác một cách hiệu quả.
- Học sinh đánh giá được tính khả tín của các thông tin.
- Học sinh xây dựng được đề cương nghiên cứu từ những thông tin mình đã thu thập.
- Học sinh viết và chỉnh sửa báo cáo nghiên cứu theo đúng quy cách.

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để tạo lập báo cáo nghiên cứu

3. Về phẩm chất: Học sinh thể hiện được thái độ trung thực khi kể thừa kết quả nghiên cứu của người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

Câu hỏi: Vở kịch Vũ Như Tô gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng và thực tế, giữa cá nhân và lịch sử?

Gợi ý:

- Nghệ thuật có mối quan hệ chặt chẽ với đời sống. Nghệ thuật nảy sinh từ đời sống và phục vụ đời sống.
- Con người nên sống có lí tưởng và theo đuổi lí tưởng của mình. Những lí tưởng cao đẹp đáng được trân trọng nhưng không thể bắt chấp tất cả để theo đuổi lí tưởng.
- Một cá nhân có thể không làm nên lịch sử nhưng sức mạnh của tập thể có thể thay đổi lịch sử.

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV cho học sinh kể tên các vấn đề tự nhiên, xã hội.

- HS liệt kê, tổng hợp.

c. Sản phẩm: Kết quả tìm hiểu và câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: Em hãy kể tên một số vấn đề tự nhiên, xã hội? B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và trả lời B3. Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án: Ảnh hưởng của hiện tượng thiên nhiên; một hiện tượng tâm lí; một sự kiện văn hóa- lịch sử; một vấn đề thời sự...

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: HS biết được những yêu cầu của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung:

-GV gọi 1 hs đọc to mục “Yêu cầu” trong SGK, tr.140

- HS đọc to. Gv gọi Hs khác chốt mỗi yêu cầu bằng một vài từ khóa.

- Hs ghi vào vở từ khóa vừa được thống nhất

c. Sản phẩm: Từ khóa liên quan đến yêu cầu của kiểu bài

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv: Em hãy đọc to mục Yêu cầu, sgk.tr142 B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs đọc to nội dung B3. Báo cáo thảo luận: Hs thống nhất từ khóa và ghi lại vào vở B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv chốt từ khóa	Yêu cầu của kiểu bài: - Nêu được đề tài - Xây dựng hệ thống luận điểm - Biết các thao tác; khai thác nguồn tin - Thái độ trung thực
--	--

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- Hs xác định được ý nghĩa đặt nhan đề cho bài báo cáo nghiên cứu.
- Hs xác định được hệ thống luận điểm, cứ liệu minh họa
- Hs chỉ ra tính chất ngôn ngữ khách quan, khoa học của bài nghiên cứu, xác định quan điểm, đánh giá riêng của tác giả.
- Hs khái quát được ý nghĩa của vấn đề báo cáo nghiên cứu.

b. Nội dung:

- Hs tìm hiểu bài viết tham khảo “*Rồng thành bậc điện Kính Thiên và kiểu thức phương Nam*”
- Hs định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu

c. Sản phẩm: HS phân tích được bài viết tham khảo để hiểu rõ cách thức viết bài nghiên cứu

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ ● Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc thật kỹ bài viết tham khảo và tự trả lời các câu hỏi cuối bài	1. Đặt vấn đề - Đề tài nghiên cứu: Kiến trúc Rồng châu lan can trong kiến trúc Đại Việt - Người viết tiếp cận vấn đề từ góc độ công

Nhóm 1 câu 1

Nhóm 2 câu 2

Nhóm 3 câu 3

Nhóm 4 câu 4

● HS hoàn thành nhiệm vụ vào *phiếu học tập số 1*

Đặt vấn đề	Giải quyết vấn đề	Kết luận
- Đề tài:	- Hệ thống luận điểm:	- Đánh giá của người viết
- Góc độ tiếp cận:	- Nguồn thông tin	

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh trả lời câu hỏi

B3. Báo cáo thảo luận:

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

năng đến kiểu dáng

2. Giải quyết vấn đề

* Hệ thống luận điểm:

- Công năng của kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên

- Nguồn gốc tên gọi

- Hình dáng con rồng của kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên

- Nguồn gốc và công dụng của long bệ thạch, ứng dụng của nó vào Việt Nam.

* Các nguồn thông tin:

- Quá trình quan sát, nghiên cứu thực tế

- Tài liệu: *Sách Long Phụng đồ điện; Các nguồn sử liệu về quy mô và cấu trúc Hoàng thành Thăng Long thời Lý- Trần- Lê; Từ góc nhìn từ linh khám phá tâm thức rồng của văn hóa người Việt và người Hán; Hoàng thành Thăng Long.*

=> Thông tin được sử dụng trong bài nghiên cứu khách quan, có độ tin cậy cao.

* Tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo gồm các thông tin: tác giả, tên tài liệu, xuất xứ, NXB.

- Các tài liệu được sắp xếp theo thứ tự ABC của tên tài liệu. Bản thân mỗi tài liệu sẽ gồm các thông tin theo thứ tự tên tác giả, tên tài liệu, thể loại văn bản, NXB (có thể bao gồm trang, năm xuất bản)

3. Kết luận

Khẳng định quan điểm của người viết:

- Đồng tình với các nhà nghiên cứu khác khi cho rằng kiểu thức kiến trúc rồng thành

	<p>bậc là kiểu thức phương Nam.</p> <p>- Ý kiến cá nhân của tác giả là ảnh hưởng rộng thành bậc đến từ nước In đô nê xi a</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

1. Tìm hiểu quy trình báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội

a. Mục tiêu:

Học sinh nắm rõ quy trình viết, lập đề cương bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung:

HS hoàn thành *Phiếu bài tập số 2* đã giao thực hiện ở nhà các cột (1) và (2). Lên lớp bắt cặp chia sẻ với bạn khác.

c. Sản phẩm:

Hs hoàn thiện Phiếu bài tập số 2

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs			Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Gv đã giao nhiệm vụ cho hs lập bảng tóm tắt ở nhà theo <i>Phiếu học tập số 2</i> . Học sinh bắt cặp chia sẻ với bạn.			1. Tìm hiểu quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội Quy trình viết gồm 4 giai đoạn: - Chuẩn bị viết + Lựa chọn đề tài + Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin - Xây dựng đề cương + Đặt vấn đề + Giải quyết vấn đề + Kết luận
Quy trình	Thao tác	Điều lưu ý	
Chuẩn bị viết			
Xây dựng đề cương			
Viết			
Chỉnh sửa, hoàn thiện			
Gv gọi đại diện 1 hs trình bày phần tóm tắt và lấy ý kiến đánh giá, bổ sung.			
B2. Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc theo cặp vào phiếu học tập số 2			
B3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày phần bài làm của nhóm mình. Nhóm			

khác phản biện, bổ sung	+ Tài liệu tham khảo
B4. Kết luận, nhận định	- Viết
GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo.	+ Tuân thủ các quy định về hình thức trình bày.
	+ Các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; lưu ý các trích dẫn, cước chú, tài liệu tham khảo
	- Chỉnh sửa, hoàn thiện

2. Thực hành viết

a. Mục tiêu:

Học sinh thực hành viết

b. Nội dung:

HS làm việc nhóm, 2 nhóm chung một vấn đề; mỗi nhóm thiết lập đề cương bài viết báo cáo nghiên cứu. Sau đó một nhóm trình bày và nhóm còn lại phản biện, bổ sung.

Nhóm 1, 3: Vấn đề ô nhiễm môi trường nước và việc hạn chế ô nhiễm môi trường nước

Nhóm 2, 4: Kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê

c. Sản phẩm:

Hs hoàn thiện nội dung học tập

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuẩn bị viết:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	- Vấn đề ô nhiễm môi trường nước và việc hạn chế ô nhiễm môi trường nước
Hs xác định đề tài, thu thập và xử lý thông tin.	
B2. Thực hiện nhiệm vụ:	- Kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê
- Hs tiến hành nhiệm vụ ở nhà với nhiệm vụ đã được giáo viên thông báo từ trước tiết học.	
- Hs đại diện nhóm trình bày	

<p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>Nhóm còn lại bổ sung, phản biện</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Gv nhận xét</p>	
--	--

*** Xây dựng đề cương:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Các nhóm lập đề cương cho nội dung của nhóm mình</p> <p>- Tài liệu tham khảo: có thể sử dụng trên các tạp chí nhưng phải ghi rõ nguồn</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Hs thực hiện nhiệm vụ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm bổ sung, phản biện</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>Gv chuẩn kiến thức</p>	<p>Đề tài: Vấn đề ô nhiễm môi trường nước và việc hạn chế ô nhiễm môi trường nước</p> <p>- Đặt vấn đề : Ô nhiễm môi trường nước và việc hạn chế ô nhiễm môi trường nước ở Việt nam hiện nay.</p> <p>- Giải quyết vấn đề :</p> <p>+ Thực trạng vấn đề ô nhiễm môi trường nước và việc hạn chế ô nhiễm môi trường nước hiện nay ở nước ta.</p> <p>+ Kinh nghiệm quốc tế của các quốc gia lân cận.</p> <p>- Kết luận về những bài học đặt ra.</p> <p>- Tài liệu tham khảo</p> <p>Đề tài: Kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê</p> <p>- Đặt vấn đề : Kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê</p> <p>- Giải quyết vấn đề :</p> <p>+ Địa lí: vị trí địa hình, khí hậu và dân cư</p> <p>+ Văn hóa: các phong tục, lễ nghi, tín ngưỡng..</p> <p>+ Lịch sử: các sự kiện lịch sử quan trọng diễn ra ở kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê</p> <p>+ Nghệ thuật: các thành tựu nghệ thuật</p>

	<p>quan trọng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết luận: về vai trò của Kinh thành Thăng Long thời kì Hậu Lê trong tiến trình lịch sử. - Tài liệu tham khảo
--	---

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs		Dự kiến sản phẩm	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs làm việc cá nhân Hs viết theo nội dung đề cương mà nhóm đã thảo luận và chỉnh sửa hoàn thiện B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hành viết và chỉnh sửa bài viết của mình B3. Báo cáo thảo luận: Hs chấm chéo bài của nhau theo phiếu đánh giá số 1			
Tiêu chí	Cần cố gắng (0- 4 điểm)	Tốt (5 – 7 điểm)	Rất tốt (8- 10 điểm)
Hình thức	1 điểm Trình bày câu trả; sai dạng bài sai chính tả.	2 điểm Trình bày cẩn thận; đảm bảo yêu cầu của kiểu bài, không sai chính tả .	3 điểm Trình bày cẩn thận; đảm bảo yêu cầu; không sai chính tả;
Nội dung	1- 4 điểm Nội dung sơ sài, mới dừng lại ở mức độ nhận diện	5- 6 điểm Nội dung đúng, đủ Có những đánh giá của bản thân	7 điểm nội dung đúng, đầy đủ; có sáng tạo; có đánh giá của bản thân.
Điểm			
Tổng			

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Gv nhận xét về quá trình thực hiện của học sinh

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: Hs phân tích được những ưu điểm và nhược điểm trong bài thực hành viết của bản thân.

b. Nội dung: Đọc to và phân tích điểm đạt và chưa đạt của 1 hoặc 2 bài viết

c. Sản phẩm: Hs phân tích và rút ra kinh nghiệm cho bản thân với dạng bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài - Gv nhận xét chung về bài làm của hs: ưu điểm, khuyết điểm - Phân tích 1, 2 bài làm của hs để rút kinh nghiệm chung. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Hs đọc bài của mình - Những hs khác đối chiếu với phiếu đánh giá để nhận xét B3. Báo cáo thảo luận: Hs nhận xét bài làm của bạn sau quá trình lắng nghe và đối chiếu B4. Đánh giá kết quả thực hiện:	1. Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài - Nêu được đề tài - Xây dựng hệ thống luận điểm - Biết vận dụng các thao tác - Khai thác nguồn tin - Thái độ trung thực 2. Nhận xét chung * Ưu điểm: – Một số bài viết đảm bảo đúng quy trình của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. - Bộc lộ được quan điểm cá nhân về vấn đề. Lập luận thuyết phục. - Nguồn tài liệu tham khảo có tính minh xác – Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp. * Khuyết điểm: – Một số bài viết rất chung chung, mang tính một bài nghị luận xã hội chứ chưa phải bài báo cáo nghiên cứu. - Tham khảo tài liệu nhưng không công khai tài liệu tham

Gv nhận xét chung	<p>khảo.</p> <p>– Nhiều bài trình bày cầu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ</p> <p>3. Đọc và phân tích bài viết ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá</p> <p>- Hs phân tích, đánh giá</p> <p>- Rút ra những bài học về quy trình viết, lập luận, tài liệu tham khảo, những đánh giá cá nhân.</p>
-------------------	---

4. Củng cố:

Hs khái quát lại những điểm lưu ý của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên và xã hội để phân biệt với kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội trên các phương diện: đánh giá cá nhân; thu thập, phân tích, xử lý thông tin; hình ảnh minh họa

5. HDVN:

- Hs ôn tập lại kiến thức đã học
- Chuẩn bị bài Nói và nghe

Phụ lục

Bài làm tham khảo

Ô nhiễm môi trường nước và việc hạn chế ô nhiễm môi trường nước ở Việt nam hiện nay.

Ô nhiễm nước và kiểm soát ô nhiễm nước là lĩnh vực hết sức phức tạp. Bất kỳ nội dung nào trong lĩnh vực này cũng liên quan mật thiết tới kinh tế, xã hội và luật pháp. Nội dung kiểm soát ô nhiễm nước bao trùm các khía cạnh sinh thái, bảo tồn, tính chất lý hóa của nước, các vấn đề công nghệ, tiêu chuẩn, các vấn đề về quản lý lưu vực, quản lý nguồn nước.

Chính vì độ phức tạp như vậy mà ô nhiễm nước vẫn tồn tại dai dẳng, gây nhiều thiệt hại về kinh tế, xã hội và sức khỏe con người. Hệ sinh thái nước mặt cũng bị tổn hại nghiêm trọng.

Từ thực tiễn ô nhiễm nước trong thời gian qua, báo cáo đã phân tích những bất cập thách thức trong kiểm soát ô nhiễm theo hệ thống luật pháp hiện nay. Một trong những thách thức lớn nhất là kiểm soát ô nhiễm nước chưa được chú ý đúng tầm quan trọng và cần thiết trong sự nghiệp phát triển kinh tế mà chỉ được đưa vào như một phần nhỏ tích hợp trong công tác bảo vệ môi trường. Vì vậy công tác kiểm soát các hành vi xả thải, các nguồn ô nhiễm còn mang tính gián tiếp, hình thức. Các công cụ thực thi kiểm soát ô nhiễm nước bị tản mạn nằm trong nhiều luật và có quan hệ chéo phức tạp trong hệ thống quản lý hành chính, dẫn đến tính thực thi chưa có hiệu quả cao.

Việc thực thi các hoạt động kiểm soát ô nhiễm nước trong hệ thống luật hiện nay cũng đối mặt với các thách thức như nền tảng công nghệ xử lý nước thải còn yếu và thiếu, các nguồn nước thải bị quản lý bởi nhiều bên khác nhau.

Do hệ thống pháp luật và các công cụ liên quan đến kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm nước được xây dựng chủ yếu từ góc nhìn của bên quản lý, chưa cân nhắc tới góc độ của bên bị điều chỉnh là các doanh nghiệp và chưa cân nhắc từ góc độ của đối tượng được bảo vệ là nguồn nước mặt và cá và các loại thủy sinh sống trong môi trường nước, nên cách tiếp cận quản lý lưu vực, tiếp cận hệ sinh thái, tiếp cận quản lý theo kết quả còn chưa được đưa vào áp dụng.

Điều này đã dẫn đến những bất cập và phân tán trong quản lý, không phù hợp với tính thống nhất và kết nối của hệ thống nước mặt, nên hiệu quả kiểm soát bị hạn chế.

Báo cáo cũng phân tích kinh nghiệm quốc tế, cụ thể kinh nghiệm kiểm soát ô nhiễm nước của các nước Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan để tham khảo.

Các nước này đều trải qua thời kỳ công nghiệp hóa đô thị hóa mạnh mẽ, đã gặp phải nhiều sự cố về ô nhiễm nước hết sức nặng nề. Họ cũng phải trải qua một chặng đường dài trong công tác kiểm soát ô nhiễm nước và khôi phục chất lượng nước mặt và đạt được các kết quả tương đối tốt.

Các nước này đều có Luật hoặc hệ thống luật chuyên biệt kiểm soát ô nhiễm nước và đều đưa khoa học công nghệ xử lý nước thải làm điểm tựa cho các công cụ kiểm soát, coi việc bảo tồn hệ sinh thái cho cá và các thủy sinh trong nước, đảm bảo an toàn cho sinh kế con người là mục tiêu cao nhất.

Trung Quốc đã đầu tư vào chương trình khoa học công nghệ xử lý ô nhiễm nước như một chương trình trọng yếu và cải thiện Luật Kiểm soát ô nhiễm nước để giải quyết vấn đề ô nhiễm nước. Chính phủ Hàn Quốc đầu tư mua các vùng đất ven sông để trồng rừng và bảo vệ sông. Họ cũng xây dựng các tiêu chuẩn quy chuẩn về sinh thái cho việc kiểm soát ô nhiễm nước. Malaysia áp dụng luôn một số điều luật trong Luật Kiểm soát ô nhiễm nước của Hoa Kỳ áp dụng ở Malaysia. Thái Lan đưa ưu tiên xử lý nước thải đô thị và công nghiệp tập trung, có các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc xử lý nước thải.

Với nhận thức ô nhiễm nước ở nước ta đã trở nên rất cấp bách và đòi hỏi có chiến lược tổng thể để cải thiện tình hình, báo cáo đã kiến nghị với Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất đưa công tác xây dựng Luật Kiểm soát ô nhiễm nước vào chương trình xây dựng luật của quốc hội khóa 14, nghiên cứu và xây dựng Luật ngay từ năm 2018 và nghiên cứu xây dựng các chính sách cũng như cải thiện các công cụ về kiểm soát ô nhiễm nước nhằm từng bước đẩy lùi ô nhiễm nước và khôi phục nguồn nước sạch Việt Nam.

Tài liệu tham khảo: (chưa rõ nguồn)

Kinh thành Thăng Long

Kiến trúc kinh thành, cổ đô phong kiến ở Việt Nam luôn mang theo cái gì đó rất chung và rất riêng với văn hóa kiến trúc của Trung Hoa và nó luôn thể hiện nét đẹp truyền thống, văn hóa lịch sử lâu đời của người Việt. Bên cạnh quần thể kiến trúc Cổ đô Huế từ xưa, người Việt vẫn luôn tự hào với kiến trúc thành Thăng Long – tòa thành đã trải qua biết bao năm tháng của lịch sử.

Như chúng ta đã biết, kinh thành Thăng Long luôn được gắn với một sự kiện lịch sử nổi tiếng đó là vào năm 1010, vua Lý Thái Tổ đã dời đô từ Hoa Lư đến Đại La và cho xây

dựng kinh thành Thăng Long. Cùng với đó là hàng loạt các cung điện, lăng tẩm được xây dựng, nổi bật là công trình Điện Kính Thiên cao tới 2 tầng rộng hơn 2300 mét vuông. Thời Hậu Lê, thành Thăng Long vẫn được coi là kinh đô, trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước.

Về vị trí, kinh thành Thăng Long tọa lạc ở phía Bắc Việt Nam và được giảm dần về diện tích qua các triều đại. Ở thời Hậu Lê, hầu như không xây dựng thêm các chùa tháp mà chủ yếu là trùng tu. Thay vào đó, hàng loạt phủ đệ mới của giới quý tộc, quan lại trung ương được xây dựng, tạo ra hình ảnh một kinh thành Thăng Long đầy quyền uy, thâm nghiêm.

Về kiến trúc, trải qua thời gian và những biến cố của lịch sử, thành Thăng Long đã có nhiều thay đổi, biến dạng, nhưng đến nay vẫn còn thấy được cả di tích trên mặt đất, dưới lòng đất, di tích lịch sử cách mạng, di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật,... tạo thành hệ thống các di tích được đánh giá là quan trọng bậc nhất trong hệ thống các di tích đô thị cổ, trung, cận, hiện đại của nước ta. Hiện tại, trong khu vực trung tâm Thành cổ Thăng Long - Hà Nội còn lại 5 điểm di tích nổi trên mặt đất phân bố theo trục Bắc - Nam, còn gọi là “Trục chính tâm”, “Trục ngự đạo”, gồm có: Kỳ Đài, Đoan Môn, nền điện Kính Thiên, Hậu Lâu, Bắc Môn, tường bao và kiến trúc cổng hành cung thời Nguyễn, di tích nhà và hầm D67, các công trình kiến trúc Pháp...

Kinh thành Thăng Long từ thời Lý được xây dựng theo cấu trúc ba vòng thành, gọi là “tam trùng thành quách”: vòng thành ngoài là La thành hay Đại La thành, vòng thành giữa là Hoàng thành (thời Lý - Trần - Lê gọi là Thăng Long thành, thời Lê còn gọi là Hoàng thành) và vòng thành trong cùng gọi là Cẩm thành (hay Cung thành). Cẩm thành từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 18 hầu như không thay đổi và còn bảo tồn cho đến nay hai vật chuẩn rất quan trọng: Thứ nhất là nền điện Kính Thiên xây dựng thời Lê sơ (1428) trên nền điện Càn Nguyên (sau đổi tên là điện Thiên An) thời Lý, Trần. Đó vốn là vị trí của núi Nùng (Long Đỗ - Rón Rông), được coi là tâm điểm của Cẩm thành và Hoàng thành, nơi chung đúc khí thiêng của non sông đất nước theo quan niệm phong thủy cổ truyền, mà di tích hiện còn là nền điện với bậc thềm và lan can đá chạm rồng thế kỷ 15. Thứ hai là cửa Đoan Môn, cửa Nam của Cẩm thành thời Lý - Trần - Lê. Trên vị trí này hiện nay vẫn còn di tích cửa Đoan Môn thời Lê.

Phương Đình Nguyễn Văn Siêu (1799-1872), trong sách Đại Việt địa dư chỉ toàn biên có đoạn mô tả khá rõ ràng về Hoàng thành Thăng Long thời Lê: “Ở giữa là Cung thành, trong cửa Cung thành là Đoan Môn. Trong Đoan Môn là điện Thị Triều, trong điện Thị Triều là điện Kính Thiên. Bên hữu Kính Thiên là điện Chí Kính, bên tả là điện Vạn Thọ. Bên hữu Đoan Môn là Tây Trường An, bên tả là Đông Trường An, ở giữa có Ngọc Giản. Trong Hoàng thành và ngoài Cung thành ở phía Đông là Thái Miếu, sau là Đông Cung”.

Để giúp thế hệ sau và bạn bè quốc tế hiểu thêm về lịch sử Việt Nam cùng Hoàng thành Thăng Long, đêm tour “Giải mã Hoàng thành Thăng Long” đã được tổ chức thành công. Đây không chỉ là một sự kiện quảng bá văn hóa, du lịch mà nó còn là cách để thế hệ sau tôn vinh, tự hào về lịch sử, văn hóa của dân tộc mình.

Trải qua thăng trầm của lịch sử, chiến tranh, thuộc địa... Kinh thành Thăng Long vẫn nằm đó như một minh chứng trường tồn của lịch sử, về một thời huy hoàng đã qua đi của dân tộc. Chúng ta – thế hệ con cháu phải biết bảo tồn, gìn giữ và phát huy vẻ đẹp của Hoàng thành đến thế hệ tương lai và bạn bè quốc tế.

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS giới thiệu được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn vấn đề

2. Về năng lực:

- HS trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính
- HS sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng hấp dẫn

3. Về phẩm chất:

- HS tôn trọng, hợp tác với người nói
- HS tự tin bản lĩnh khi trình bày

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, bảng phụ, máy chiếu

2. Học liệu

- SGK, SGV, phiếu học tập
- Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ -GV đưa ra nhiệm vụ, yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi + Chúng ta thường trình bày báo cáo trong những hoàn cảnh nào? + Khi phát biểu trước nhiều người, bạn cảm thấy như thế nào? + Theo bạn, như thế nào là một bài thuyết trình tốt?	-Trình bày báo cáo được sử dụng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau: trong hội thảo, hội nghị, trong các cuộc họp nhóm, các hoạt động tập thể... - Bài thuyết trình tốt cần đảm bảo: nội dung lôi cuốn, hấp dẫn, chính xác, đầy đủ; hình thức trình bày hấp dẫn, linh hoạt
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp và thực hiện nhiệm vụ	
B3. Báo cáo thảo luận: 2-3 nhóm HS báo cáo kết quả	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - Nhóm HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (Chuẩn bị nói)**a. Mục tiêu:**

- HS nắm được cách tham gia vào một cuộc hội thảo nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm.
- HS khái quát được quy trình thuyết trình giới thiệu, trình bày kết quả nghiên cứu, đánh giá về một vấn đề đáng quan tâm.
- HS có thái độ tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập
- HS có năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề

b. Nội dung: GV yêu cầu gợi mở HS hoàn thành sơ đồ

c. Sản phẩm: Sơ đồ của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

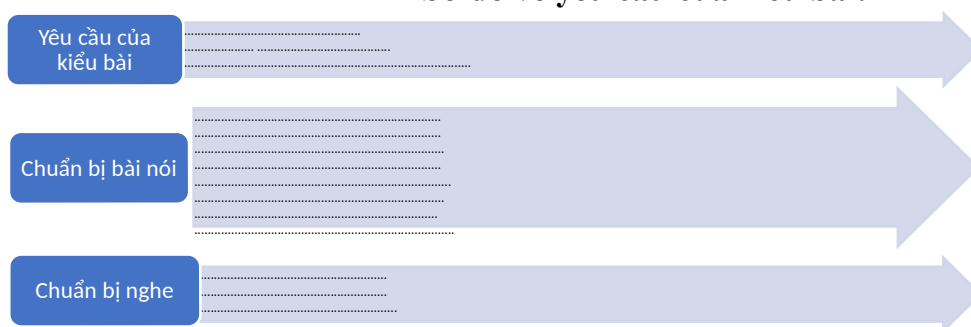
Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 06 nhóm,	1. Yêu cầu

<p>nêu yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc SGK và nêu yêu cầu về nói về Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm. - GV dành khoảng 5 phút cho HS tự soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà (dựa trên hướng dẫn của SHS và những nhiệm vụ được GV giao thực hiện trước đó). <p>-GV yêu cầu HS hoàn thành sơ đồ theo Phiếu học tập 01</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Đại diện 01 nhóm trình bày</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận thông qua việc quan sát thái độ theo dõi hoạt động làm mẫu và kết quả ghi chép của đại diện 1 số HS, sau đó GV trả lời, giải đáp thắc mắc của HS (nếu có) 	<ul style="list-style-type: none"> -Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn vấn đề -Trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính về vấn đề - Sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn. <p>2. Chuẩn bị bài nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xây dựng được một bài thuyết trình dựa trên bài hay công trình nghiên cứu đã có. - Xác định: <ul style="list-style-type: none"> + Đề tài + Đối tượng nghe + Không gian, thời gian +Mục đích giao tiếp - Tìm ý: thu thập và sắp xếp thông tin cho bài trình bày. - Lập dàn ý: Tóm tắt báo cáo kết quả nghiên cứu đã viết (khoảng 1-1,5 trang giấy). + Lí do nghiên cứu + Câu hỏi nghiên cứu + Phương pháp nghiên cứu + Kết quả nghiên cứu + Kết luận - Gạch chân những luận điểm hoặc thông tin chính của bài viết. - Xác định đúng từ ngữ then chốt gắn với từng luận điểm, đảm bảo cho bài nói có trọng tâm, không sa vào lối kể chuyện, bình tán. - Xác định các hình thức, phương tiện trình bày: Chuẩn bị powerpoint (nếu có), các phương tiện hỗ trợ
---	--

	<p>(bảng biểu, hình ảnh, sơ đồ)</p> <p>- Luyện tập nói</p> <p>3. Chuẩn bị nghe</p> <p>- Tìm hiểu trước về vấn đề nghiên cứu, bài thuyết trình. (Có thể dựa theo bảng gợi ý hoặc sử dụng bảng K – W – L)</p> <p>- Có hướng triển khai riêng của bản thân.</p> <p>- Tự đặt ra câu hỏi về nội dung vừa đọc.</p>
--	---

PHIẾU HỌC TẬP 01

Sơ đồ về yêu cầu của kiểu bài:



HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu:

HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

HS nắm được các kỹ năng khi trình bày bài nói.

HS nắm được kỹ năng tham gia thảo luận, góp ý và xây dựng những kinh nghiệm cho bản thân

b. Nội dung: HS thảo luận, trình bày theo nhóm theo gợi mở của GV

c. Sản phẩm: Bài nói của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động GV và HS	Dự kiến sản phẩm
--------------------	------------------

Hoạt động 3.1. Thực hành nói - nghe	Người nói	Người nghe
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đưa ra hướng dẫn trước khi HS trình bày bài nói, cho HS thực hành đổi vai nói – nghe cho nhau, trong 1 tiết đảm bảo tối thiểu 3 bạn được thuyết trình. - GV lưu ý HS một số vấn đề: + Giới thiệu ngắn gọn về vấn đề định nói + Trình các thông tin trong bài viết theo hình thức tóm lược kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu hay minh họa trực quan..... + Sử dụng hợp lý các từ ngữ then chốt như đã gợi ý trong SGK. + Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ nếu cần thiết. - GV yêu cầu HS trình bày và lắng nghe đọc kỹ yêu cầu với người nói và người nghe để hoàn thành nhiệm vụ. - HS lựa chọn bài nói có thể tận dụng từ bài viết của tiết Viết. <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS khác nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở đầu: + Nêu tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu + Trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện. - Triển khai: + Trình bày từ khái quát đến cụ thể + Kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ + Tương tác với người nghe. + Có thể tổ chức lại nội dung từng luận điểm theo hình thức câu hỏi – lời đáp. - Kết luận: + Khái quát lại những kết quả nghiên cứu chính + Cảm ơn người nghe và tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận những ý kiến trao đổi, đối thoại. - Khi thuyết trình cần đảm bảo: + Nêu rõ vấn đề nghiên cứu + Các luận điểm + Bằng chứng, lí lẽ + Những phát hiện mới về vấn đề + Sử dụng phương 	<ul style="list-style-type: none"> - Thái độ lắng nghe tích cực. - Nắm bắt mục đích nghiên cứu. - Nhận biết cấu trúc của bài thuyết trình. - Chú ý lắng nghe, ghi lại từ khoá. - Theo dõi và đánh giá tác dụng tích cực của những phương tiện hỗ trợ. - Phát hiện những điểm mâu thuẫn, chưa thoả đáng. (Có thể sử dụng bảng mẫu để ghi chép nhanh nội dung thuyết trình) - Tự đánh giá kĩ năng nghe và nắm bắt thông tin của mình dựa vào bảng kiểm để rút kinh nghiệm.

	<p>tiện hỗ trợ: sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh, giấy ghi chú,...</p> <p>- Tự đánh giá bài nói của mình dựa vào bảng kiểm để rút kinh nghiệm.</p>	
<p>Hoạt động 3.2.Trao đổi đánh giá</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV hướng dẫn HS nhận xét, góp ý về bài trình bày, báo cáo.</p> <p>-GV nêu yêu cầu:</p> <p>Qua phần trình bày vừa rồi, em rút ra được những kinh nghiệm gì trên các phương diện: chuẩn bị nói; giới thiệu và trình bày vấn đề; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS làm việc cá nhân</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>-1-2 HS trình bày</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>- GV nhận xét, kết luận</p>		

PHIẾU HỌC TẬP 02**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI TRÌNH BÀY**

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được các vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài, những kết luận, phát hiện chính		
2	Trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc những luận điểm chính, các thông tin chi tiết để làm sáng tỏ luận điểm		
3	Lựa chọn các hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ... phù hợp để trực quan hóa, cụ thể hóa thông tin		
4	Sử dụng ngôn ngữ cơ thể và ngữ điệu một cách hiệu quả		
5	Lắng nghe và phản hồi tích cực với những câu hỏi, phản biện của người nghe		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức trong bài học vào thực tế đời sống.

b. Nội dung: HS thực hiện thu thập, phân tích, đánh giá thông tin về một vấn đề lựa chọn

c. Sản phẩm: Bài nghiên cứu của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS lựa chọn một trong các vấn đề sau để thu thập, phân tích, đánh giá các thông tin:

-Nghệ thuật thời Phục hưng

-Kiến trúc thành Thăng Long

-Lịch sử Việt Nam thế kỉ XVI-XVII

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS trao đổi và thảo luận

B3. Báo cáo thảo luận:

01-02 học sinh chia sẻ kết quả lựa chọn của mình

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

4. củng cố: HS hoàn thành các câu hỏi 1,2,3 SGK/T151 vào vở

5. HDVN:

Ngày soạn: 01/8/2023

BÀI 5

NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

Thời gian thực hiện: 8 tiết

(Đọc: 05 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

2. Về năng lực:

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

- Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp các phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.

3. Về phẩm chất: Biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và biết vượt lên mọi trở ngại.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết: 44, 45

VĂN BẢN 1: SỐNG HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ

(Trích *Hăm- lét – Hamlet*)

Uy-li-am Sếch-xpia (William Shakespeare)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc...qua đoạn trích *Sống, hay không sống- đó là vấn đề* của bi kịch *Hăm- lét*

2. Về năng lực:

- HS phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích; làm rõ được mối quan hệ giữa các chi tiết ấy với đề tài, hành động kịch, nhân vật chính, phụ.

- HS phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ bi kịch thể hiện qua cách dùng từ ngữ, biện luận, suy xét tự ý thức và ý thức về cuộc sống của nhân vật trong đoạn trích.

3. Về phẩm chất:

- HS đồng cảm được với những tâm trạng trăn trở, những suy nghiệm của nhân vật *Hăm-lét* về cuộc đời, về chính mình. Từ đó biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và biết vượt kên mọi trở ngại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ: Gv tổ chức cho lớp Yêu cầu: trong 2 phút các Hs xung phong lên bảng ghi tên các vở kịch mà bản thân biết?

Gv nhận xét, cho điểm, định hướng vào bài.

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: kết nối với bài học – tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS để HS mong muốn khám phá kiến thức mới

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Cho HS xem một đoạn trong vở kịch Hăm - lét trên You Tube.</p> <p>GV hỏi HS: Em có cảm nhận gì về vở kịch?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe, suy nghĩ trả lời</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: GV gọi HS trả lời, các HS khác bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.</p> <p>- GV dẫn vào bài mới</p>	<p>- Hs nhận diện được tuyến nhân vật trong vở kịch.</p> <p>- Diễn biến vở kịch.</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: HS tóm tắt được những thông tin quan trọng nhất trong phần *Tri thức ngữ văn*.

b. Nội dung:

- Đọc nội dung phần *Tri thức ngữ văn*.

- Tóm tắt kiến thức cần tìm hiểu.

- Thảo luận, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

- Tóm tắt kiến thức của HS.

- Chốt kiến thức chuẩn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu các thuật ngữ trong phần Tri thức ngữ văn.</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu nhiệm vụ: (trong tiết học trước)</p> <p>(1) Kịch có những loại cơ bản nào?</p> <p>(2) Những đặc điểm cơ bản của bi kịch?</p> <p>(3) Nhân vật chính trong bi kịch thường có cuộc đời, số phận đặc biệt nào?</p> <p>(4) Vì sao đọc bi kịch lại giúp thanh lọc tâm hồn con người?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tự thực hiện nhiệm vụ 1 ở nhà, báo cáo kết quả tại lớp - HS trả lời câu hỏi được giao <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày những gì mình đã tìm hiểu trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i>. - Thảo luận, phản biện các câu trả lời <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV chốt lại những thông tin quan trọng nhất trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i>.</p>	<p>1. Bi kịch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bi kịch là một thể loại thuộc về kịch. Thông qua sự dàn cảnh, luân chuyển lời đối thoại, độc thoại, hành động của nhân vật trên sân khấu, bi kịch tập trung diễn tả những xung đột hệ trọng, đạt tới mức căng thẳng tốt độ giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát không thể đảo ngược hay với những trở ngại tồn tại ngay trong bản tính con người. Việc thắt nút, triển khai và giải quyết những xung đột như vậy làm nên cốt truyện bi kịch. - Bi kịch thường kết thúc bằng thảm cảnh hay bằng cái chết của một loạt nhân vật. - Trong bi kịch, việc cái đẹp, cái hùng bị thất bại đã đưa đến nỗi đau khổ cùng cực. Song chính từ đó, bi kịch trở thành tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người trong cuộc đấu tranh chống lại những tình thế bi đát của thực tại và những yếu hèn của cá nhân con người. <p>2. Nhân vật và xung đột trong bi kịch</p> <p>a. Nhân vật chính trong bi kịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật chính trong bi kịch: mang khát vọng cao đẹp, có tính cách mạnh mẽ, có khả năng lựa chọn hành động tự do xuất phát từ chính kiến, đức tin của mình, song lựa chọn này xung đột với hoàn cảnh thực tế hoặc gặp phải những trở ngại ngay trong bản tính cố hữu. - Nhân vật chính trong bi kịch thường trải qua những trạng thái giằng xé, bế tắc, rơi vào những tình huống hết sức nặng nề và có kết thúc bi thảm.

<p>GV: Bị kịch lịch sử lấy đề tài trong lịch sử, tôn trọng sự thật. Bị kịch có những mâu thuẫn không thể giải quyết. Nhân vật bị kịch thường là những anh hùng, nghệ sĩ, con người có khát vọng cao đẹp, cũng có khi sai lầm bị trả giá, phải hi sinh cho lí tưởng. Kết thúc bị kịch thường bi thảm, giá trị nhân văn, cái đẹp được khẳng định và tôn vinh.</p> <p>GV(mở rộng): Pha – đê – ép có nói: Xung đột là cơ sở của kịch. Xung đột trong tác phẩm kịch là sự phát triển cao nhất sự mâu thuẫn của hai hay nhiều lực lượng đối lập thông qua một sự kiện hay một diễn biến tâm lí cụ thể được thể hiện trong mỗi màn, mỗi hồi kịch.</p>	<p>- Tương ứng với sự phức tạp của nhân vật, lời thoại của bi kịch thường căng thẳng, chắt chứa biện luận, thể hiện suy tư trăn trở và ý chí của những nhân cách mạnh mẽ, không khuất phục.</p> <p>b. Xung đột trong bi kịch: là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật như một nhân cách mạnh mẽ với các yếu tố vốn được thể hiện qua những thế lực như định mệnh, bản tính tự nhiên, định kiến thời đại, thực tại xã hội...</p> <p>3. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch:</p> <p>- Khi theo dõi hành động kịch căng thẳng, gay gắt, kết cục bi thảm, người tiếp nhận bi kịch có thể sợ hãi, kinh hoàng, thương cảm, xót xa như chính mình đang trải nghiệm những bế tắc trong cuộc sống cùng nhân vật, để rồi sau đó thấy căm ghét cái đê tiện, giả dối; ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả; tâm hồn như được thanh lọc, trở nên hài hòa, thăng bằng hơn.</p>
---	---

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: SỐNG, HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ.

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được những nét khái quát về tiểu sử, vị trí, các tác phẩm chính, văn phong của Sếch – xpia.
- HS nắm được thể loại, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ của tác phẩm và đoạn trích.

b. Nội dung: Thông qua phần chuẩn bị, soạn bài ở nhà của HS theo nhóm đôi, GV tổ chức cho HS đọc nhanh thông tin trong SGK và trả lời nhanh câu hỏi.

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà của HS và câu trả lời đúng, nhanh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV gọi 1 HS đọc thông tin về tác giả và tác phẩm tr.130/SGK.</p> <p>- Dựa vào phần tiểu dẫn trong SGK, em hãy tóm tắt vài nét cơ bản về Uy-li-am Sếch-xpia?</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả Uy-li-am Sếch-xpia (1564-1616)</p> <p>- Tác giả: William Shakespeare là nhà viết kịch, nhà thơ vĩ đại người Anh thời Phục hưng.</p> <p>- Quê hương, gia đình: ông sinh ra và lớn lên tại</p>

<p>- HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm đã chuẩn bị trước ở nhà theo nhóm đôi (làm phim tài liệu hoặc thiết kế powerpoint + thuyết trình về tác giả, tác phẩm)</p> <p>HS hoàn thành phiếu học tập số 1: những yếu tố nào trong thời đại, cuộc đời góp phần hình thành nên tài năng viết kịch xuất sắc của Sếch-xpia?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện vụ trong phiếu bài tập</p> <p>B3: Báo cáo thảo luận:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thảo luận.</p> <p>- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.</p> <p>B4: Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Gv yêu cầu HS làm việc theo bàn: sau khi xem tóm tắt vở kịch trên You Tube, đọc tóm tắt SGK, em hãy hệ thống lại những sự kiện chính của vở kịch? Từ đó, xác định vị trí của đoạn trích “Sống, hay không sống- đó là</p>	<p>thị trấn Xơ-rét-phốt (Stratford) ở tây nam nước Anh trong một gia đình buôn bán len dạ.</p> <p>- Cuộc đời:</p> <p>+ Khoảng năm 14 tuổi, do gia đình sa sút, Sếch-xpia phải thôi học.</p> <p>+ Khoảng năm 1585, ông lên thủ đô kiếm sống, tham gia giúp việc cho một đoàn kịch, trở thành diễn viên, nhà soạn kịch kiêm đạo diễn, rồi người đồng sở hữu đoàn kịch.</p> <p>+ Năm 1599, Sếch-xpia tham gia dựng nên Nhà hát Địa Cầu.</p> <p>- Sự nghiệp sáng tác:</p> <p>+ Gồm 37 vở kịch , 4 bản trường ca và 154 bài thơ Xon-nê (sonnet) , được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau.</p> <p>+ Kịch của Sếch-xpia bao gồm nhiều thể loại (kịch lịch sử, hài kịch, bi kịch, bi hài kịch), trong đó nổi bật là bi kịch với nhiều kiệt tác như: Rô-mê-ô và Giu-li-ét, Vua Lia, Ô-ten-lô, Mắc-bét và đặc biệt là Hăm-lét.</p> <p>+ Bi kịch của Sếch-xpia chứa đựng những suy ngẫm mang tính nhân văn sâu sắc, được thể hiện qua các hình tượng nhân vật phóng khoáng, tự do, có tính cách mạnh mẽ; qua lời thoại sắc sảo, tinh tế; qua nghệ thuật triển khai, đan xen các tuyến xung đột, các tuyến hành động kịch mang tính chất dồn nén, tập trung. Sếch-xpia thường xây dựng các vở bi kịch của mình trên một số cốt truyện, truyền thuyết có sẵn nhưng ông đã mở rộng, khơi sâu chủ đề để xây dựng nên những hình tượng bất tử.</p> <p>2. Vở kịch Hăm-lét</p> <p>- Bi kịch Hamlet là vở kịch nổi tiếng được Shakespeare sáng tác vào những năm 1599-1601 dựa trên câu chuyện hoàng tử xứ Đan Mạch thời Trung cổ là Ăm-lét trả thù cho cha. Ông đặt nhân</p>
--	--

<p>vấn đề”?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: (đã chuẩn bị ở nhà và làm việc cặp đôi trên lớp)</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện cặp đôi tham gia thuyết trình - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.</p>	<p>vật vào bối cảnh hậu kì Phục hưng, khi lí tưởng nhân văn chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc bởi xung đột với thực tại lịch sử.</p> <p>-Tóm tắt:</p> <p>+ Hồi I-II: Được tin thân phụ là quốc vương Đan Mạch đột ngột băng hà, thái tử Hăm-lét (đang học tại Đức) vội vàng về chịu tang. Về đến triều đình chàng được cha báo mộng: chú ruột chàng là Clô-đi-út đã mưu sát anh trai để cướp ngôi, mẹ chàng cũng đã tái giá cùng ông ý. Hăm-lét đã giả điên để chờ cơ hội báo thù. Nhà vua cử người theo dõi, giám sát Hăm-lét để muốn rõ thực hư về bệnh điên của chàng.</p> <p>+ Hồi III: Vua và cận thần Pô-lô-ni-út bố trí nghe trộm cuộc trò chuyện giữa Hăm-lét và người yêu của chàng Ô-phê-li-a. Ô-phê-li-a trả lại Hăm-lét kỉ vật tình yêu và chàng nói những lời tàn nhẫn để nàng rời xa mình. Hăm-lét bố trí một gáo nước vào cung điện vỡ Cái bẫy chuột với nội dung kể về vụ mưu sát khiến vua hốt hoảng bỏ đi. Hăm-lét theo sau định hạ sát nhưng thấy hắc đang cầu nguyện nên buộc dừng tay. Chàng đến trách cứ mẹ mình và vô tình giết chết Pô-lô-ni-út khi hắc đứng sau rèm nghe trộm.</p> <p>+ Hồi IV-V: Vua bố trí Hăm-lét sang nước Anh và bí mật trừ khử chàng nhưng chàng thoát nạn. Trở về, chàng chạm trán và đọ con trai của Pô-lô-ni-út, hai người giao đấu và đều dính kiếm độc. Hoàng hậu uống nhầm thuốc độc mà chết. Trước khi chết, Hăm-lét giết Clô-đi-út và trắng trối lại việc quốc gia đại sự.</p> <p>3. Đoạn trích: Sống, hay không sống – đó là vấn đề.</p> <p>Đoạn trích <i>Sống, hay không sống</i> - đó là vấn đề thuộc Hồi thứ III trong vở kịch <i>Ham-lét</i>.</p>
---	---

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết cách đọc và tóm tắt được các sự kiện chính trong đoạn trích.

- Học sinh nhận biết được tình huống kịch, xung đột kịch được miêu tả trong đoạn trích, diễn biến tâm trạng của nhân vật và mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng và thực tế, giữa cá nhân và lịch sử được gợi ra qua đoạn trích.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản.</p> <p>Nhiệm vụ 2a: Tìm hiểu bầu không khí xã hội và xung đột kịch.</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu hs đọc tài liệu về văn hóa Phục hưng, bối cảnh nước Anh thời Phục hưng, suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy trình bày bối cảnh nước Anh thời kì Phục hưng? - Vở kịch được lấy bối cảnh từ câu chuyện lịch sử nào? - Nhân vật Hăm-lét được Sếch-xpia đặt trong hoàn cảnh đặc biệt như thế nào? - Thảo luận theo nhóm lớn (chia lớp thành 2 nhóm, làm việc kèm phiếu học tập số 2). - Câu hỏi thảo luận: 	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Bầu không khí xã hội và xung đột kịch</p> <p>a. Bầu không khí xã hội</p> <p>- Bối cảnh rộng: Hậu kì Phục hưng khi lí tưởng nhân văn chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng sâu sắc khi xung đột với thực tại lịch sử nghiệt ngã. Ở nước Anh, chế độ phong kiến Trung cổ chưa đổ tận gốc rễ, chế độ tư bản chưa được xác lập. “<i>Nước Anh đã bao năm rồ dại tự cấu xé ngay chính bản thân mình. Anh mù quáng làm đổ máu em, bố điên cuồng chọc tiết ngay cả con mình. Để phục thù, con lại trở thành tên đồ tể giết bố: tất cả đều tan tác như vậy do sự chia rẽ khủng khiếp...</i>” Sếch-xpia nhìn rõ được thái độ đức giả của xã hội phong kiến, lớp sơn hào nhoáng bịp bợm đang manh nha của chủ nghĩa tư bản và nhìn rõ mặt trái của đồng tiền tư bản: “<i>mày nói hết mọi thứ tiếng và bất kì mục đích gì, mày là hòn đá thử lương tâm</i>”.</p> <p>- Bối cảnh cụ thể: vở kịch lấy bối cảnh là đất nước Đan Mạch thời kì Trung cổ đầy bất ổn chính trị. Clô-đi-út hãm hại anh trai cướp ngôi, lấy hoàng hậu và âm mưu trừ khử cháu ruột là thái tử Hăm-lét. Hăm-lét đơn độc và rơi vào cái bẫy dò xét đầy nguy hiểm giữa người thân, bạn bè và người yêu. Mọi người bên ngoài tỏ ra quan tâm nhưng thực chất là đang tìm hiểu thực hư về chàng. Họ tiếp tay cho âm mưu và tội ác của vua Clô-đi-út. Để tồn tại và nuôi ý nguyện trả thù, Hăm-lét dừ vô cùng tinh táo cũng phải giả điên để “che mắt kẻ thù.</p> <p>=> Sếch-xpia đã đặt nhân vật chính vào một hoàn</p>
<p>Nhóm 1</p> <p>Câu hỏi 1: Giữa Hăm-lét và các nhân vật khác xảy ra những xung đột nào?</p> <p>Câu hỏi 2: Theo em, qua xung đột đó tác giả đặt Hăm-lét trong tình thế ra sao?</p>	
<p>Nhóm 2</p> <p>Câu hỏi 1: Trong bản thân Hăm-lét diễn ra xung đột nào?</p>	

gay gắt?

Câu hỏi 2: Theo em, qua xung đột đó tác giả đặt Hăm-lét trong tình thế ra sao?

- Thời gian: 10'

- Sản phẩm: phiếu học tập

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu. (*Phiếu học tập số 2*)

- Thời gian: 10 phút

B3: Báo cáo thảo luận

- Chia sẻ: 3 phút

- Phản biện và trao đổi: 2 phút

B4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV chốt kiến thức

- Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt

- Rút kinh nghiệm

cảnh vô cùng bi kịch, khắc nghiệt và mang dấu ấn đậm nét của bi kịch lịch sử thời đại.

b. Xung đột kịch

- Xung đột kịch hiểu theo nghĩa là “sự va chạm, đấu tranh, loại trừ các thế lực đối lập”.

- Xuyên suốt từ Hồi I đến Hồi IV: xung đột giữa một bên là hoàng tử Hăm-lét - người đang giả điên để âm thầm điều tra về cái chết bí ẩn của vua cha, đòi lại sự công bằng cho ông cũng như sự công bằng trong xã hội với bên kia là vua Clô-đi-út - kẻ đang dùng quyền uy và mọi cách để dò xét, đối phó, trừ khử Ham-lét nhằm che giấu tội ác, bảo vệ ngai vàng, quyền uy do chiếm đoạt mà có của mình.

- Bên cạnh đó là xung đột giữa biểu hiện giả điên của Hăm-lét với hệ thống dò xét từ tay sai của Clô-đi-út (bạn bè, thân cận của vua, người yêu, thậm chí hoàng hậu- mẹ chàng) đang âm mưu nghe lén chàng.

=> Xung đột này cho thấy Hăm-lét trở nên cô độc ngay trong chính gia đình và Đất nước mình. Nhưng giả điên đời thời cũng cho thấy Hăm-lét là một con người khôn ngoan, tinh táo và có chí khí.

=> Đây cũng là xung đột giữa cái cao cả và cái thấp kém. Nhân vật Hăm-lét với hành động, lẽ sống cao quý là hiện thân cho cái cao cả; Clô-đi-út và cái triều đình mới của ông ta là hiện thân cho cái thấp kém, cũng là cái thấp kém của xã hội Đan Mạch đương thời (xã hội Đan Mạch trong cái nhìn của Hăm-lét: mục ruỗng kị cương, băng hoại nhân phẩm, cả Đan Mạch như một "nhà tù" "bát nháo "bẩn thỉu" "phải hàng vạn người mới nhặt ra được một kẻ lương thiện", vua Clô-đi-út và các nhân vật trong triều đình mà ông ta dựng lên chính là hiện thân cho thực trạng đen tối của xã hội ấy).

- Xung đột trong chính bản thân vua Clô-đi-út: Bên ngoài giả tạo để che đi sự xấu xa của con người bên trong; bản chất độc ác được che đậy bằng con người hiền lành bao dung.

- Xung đột trong nội tâm nhân vật Hăm-lét (sống hay

Nhiệm vụ 2b: Khám phá nhân vật Hăm-lét

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Thảo luận theo nhóm lớn (chia lớp thành 2 nhóm, làm việc).
- Câu hỏi thảo luận:

Nhóm 1

Câu hỏi 1: Tìm các từ ngữ đồng nghĩa với từ “sống” và “không sống” trong ngữ cảnh lời độc thoại?

Câu hỏi 2: Theo em, Hăm-lét đang rơi vào trạng thái mâu thuẫn giữa những điều gì? Ngôn ngữ độc thoại có ý nghĩa như nào trong việc khắc họa nhân vật chính?

Nhóm 2

Câu hỏi 1: Lời đối thoại của Hăm-lét với Ô-pia-li-a có sự khác biệt gì với lời độc thoại trước đó về năng? Câu hỏi 2: Ngôn ngữ đối thoại có ý nghĩa như nào trong việc khắc họa nhân vật chính?

- Thời gian: 10’
 - Sản phẩm: phiếu học tập
- ### B2: Thực hiện nhiệm vụ
- Yêu cầu: Học sinh thảo luận và trả lời.
 - Thời gian: 10 phút

không sống – to be or not to be) việc giải quyết xung đột này là tìm được chỗ dựa tinh thần quan trọng cho nhân vật, trong hoàn cảnh Hăm-lét hoàn toàn đơn độc chống lại Clô-đi-út và mặt trái của xã hội Đan Mạch.

=> Xung đột này cho thấy những giằng xé nội tâm ghê gớm đang diễn ra bên trong con người Hăm-lét. Chàng đang khủng hoảng về tinh thần hay đang băn khoăn, do dự. Mặt khác, xung đột trên cũng cho thấy một nhân vật đang gắng gỏi vượt qua chính mình và rút cuộc, Hăm lét đã không chấp nhận lối sống “cam chịu” “ôm yếu”, “hèn mạt... trái lại đang hướng đến tinh thần can đảm “cầm vũ khí vùng lên mà chống lại với sóng gió của biển khổ, chống lại để mà diệt chúng để” biến những “dự kiến lớn lao, cao quý” thành “hành động”.

2. Nhân vật Hăm-lét

Đoạn trích cho thấy sự kết hợp khéo léo giữa ngôn ngữ đối thoại với ngôn ngữ độc thoại của nhân vật Hăm-lét để làm nổi bật bi kịch của chàng.

a. Lời độc thoại nội tâm của Hăm-lét

* Độc thoại chia làm 3 phần:

- Phần 1. Từ “Sống, hay không sống” đến “... chẳng nào cao quý hơn”: đặt vấn đề sống hay không sống, “chịu đựng” hay “cầm vũ khí vùng lên”?

- Phần 2. Từ “Chết, là ngủ” đến “chưa hề biết tới?”: suy ngẫm về gánh nặng cuộc sống, sự giải thoát và sự ngăn trở của nỗi sợ “chưa biết tới” ở cõi chết.

- Phần 3. Từ “Đấy, chính nỗi vương mắc” đến “chẳng thể biến thành hành động”: suy nghĩ về cái bất định sau khi chết ngăn cản quyết tâm hành động.

* Bi kịch, những giằng xé nội tâm của Hăm-lét:

- Sống hay không sống là hai khái niệm trừu tượng khiến Hăm-lét vô cùng băn khoăn và khó khăn đưa ra lựa chọn. Đó là chấp nhận chịu đựng mọi thứ mà người khác gây ra cho hay đấu tranh đến cùng để bảo vệ mình mà kéo theo đau thương cho bao người khác.

- Hăm-lét cho rằng “chết” đáng “mong muốn” mà cũng là “điều khó khăn” buộc người ta phải “ngừng

B3: Báo cáo thảo luận

- Chia sẻ: 3 phút
- Phản biện và trao đổi: 2 phút

B4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV chốt kiến thức
- Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt
- Rút kinh nghiệm

lại mà suy nghĩ” bởi vì khi chết là hết, là không còn tồn tại cả thể xác lẫn những đau khổ, bất hạnh trong tinh thần, những hận thù cũng theo đó mà chấm dứt. Tuy nhiên Hăm-lét không muốn đem lại tự do cho bản thân mình khi mà những kẻ xấu xa, độc ác vẫn hoành hành ngoài kia, đem đến đau khổ cho người khác. Đó chính là “điều khó khăn” buộc người ta phải “ngừng lại mà suy nghĩ. Hăm-lét không chỉ nghĩ cho bản thân, chàng suy xét cả sự sống và cái chết của mình trong sự sống và cái chết của những con người chân chính đang bị áp bức trong xã hội. Hăm-lét đã mở rộng các khái niệm “sống”, “không sống” soi chiếu trong tương quan trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng. Đó với hình tượng Hăm-lét tượng trưng nghĩa.

- Hăm-lét nhận thức được những gánh nặng cuộc đời, những tai họa dang dở trong cuộc sống: những roi vọt và khinh khi của thời đại, sự áp bức của kẻ bạo ngược, hống hách của kẻ kiêu căng, những nỗi giằng vò của tình yêu tuyệt vọng, sự trì chậm của công lí, hỗn xược của cường quyền, sự miệt thị của kẻ bất tài đối với đức tài nhẩn nhục...

=>Hăm-lét mang trong mình một trái tim đầy tổn thương, nhạy cảm; hiểu sự ngang trái, bất công mà chưa thể giải thoát.

=> Hăm-lét đã tự nhận thức được về nguyên nhân tình trạng do dự và không thể hành động quyết đoán của chính mình vì anh phân vân không biết nên tự chịu đựng những bất hạnh hay là vùng lên đấu tranh, giành lại chiến thắng cho bản thân mà mặc kệ những đau khổ của người khác.

=> Bên ngoài giả khùng nhưng bên trong lại tỉnh táo, suy nghĩ thấu đáo. Mặc dù không muốn nhưng vì hoàn cảnh mà phải đóng giả người điên để có thể bảo toàn mạng sống.

* Nhận xét về ngôn ngữ độc thoại:

Đoạn độc thoại của Hăm lét thực chất là một màn độc thoại nội tâm sâu sắc, đậm chất triết học và tính trí tuệ. Tác giả đã làm cho tiếng nói trong tâm tư Hăm-lét vang lên để mở ra trước khán giả thế giới nội tâm sâu kín, phức tạp của chàng. Nó làm nổi bật những giằng xé, băn khoăn; những ẩn ức, khổ đau đến thường trực của một con người đang tìm lối giải thoát khỏi bi kịch.

b. Lời đối thoại với Ô-phê-li-a

<p>Nhiệm vụ 2c: Rút ra chủ đề, thông điệp, bài học ý nghĩa từ đoạn trích.</p> <p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu Hs suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề của đoạn trích là gì? - Bằng hiểu biết của mình, hãy rút ra ý nghĩa của văn bản? <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành câu trả lời. - Thời gian: 2 phút <p>B3: Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ: 3 phút 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong lời độc thoại: Hăm-lét dành cho Ô-phê-li-a những lời có cánh, ngọt ngào đầy yêu thương: “Ô-phê-li-a yêu kiều! Nữ thần của ta ơi... nàng...” - Trong lời đối thoại: Hăm-lét lại dùng lối xưng hô vô cùng xa cách, xã giao: “đa tạ cô em” “tôi”. - Chàng trần trở trong một xung đột giữa hai khái niệm: “nhan sắc” và “đức hạnh”, giữa cái vẻ đẹp bên ngoài và phẩm chất bên trong bằng một loạt câu hỏi. Chàng ý thức được mối quan hệ giữa chúng trong thời kì đảo điên: “nhan sắc có mãnh lực biến đức hạnh thành phóng đãng, nhưng đức hạnh không thể nào khép nhan sắc vào khuôn khổ nề nếp na”. <p>=> Dường như Hăm-lét nhận ra đó là một nghịch lí phổ biến. Trong thời đại đảo điên, hỗn loạn nhan sắc và đức hạnh của người phụ nữ cũng dần biến mất, họ cũng mang theo những toan tính, mưu mô riêng khiến 2 phạm trù tốt đẹp ấy trở nên tha hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cái hay của ngôn ngữ đối thoại trong đoạn trích là giúp thể hiện được một cách sinh động tính cách của từng nhân vật : Ô-phê-li-a trong trắng, ngây thơ nhưng ngờ nghệch, lệ thuộc, dễ bị lợi dụng.... còn Hăm-lét khôn ngoan, mang tính nước đôi trong hành động: đó phải vừa là lời nguyền dại của người điên (khiến những kẻ nghe lên tin là Hăm-lét bị điên), vừa phải là tiếng nói tỉnh táo, sắc bén của lương tri trong lúc “giả điên” để tấn công không khoan nhượng vào bộ mặt đạo đức giả của nhiều nhân vật trong triều đình của Clô-đi-út và trong xã hội đương thời. Vì thế, trong lời thoại của chàng, thỉnh thoảng có những câu rất tỉnh táo, giàu tính triết lí và giá trị phê phán. <p>3. Chủ đề, thông điệp, bài học ý nghĩa từ đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề: Niềm băn khoăn về vấn đề “sống hay là không sống” của Hăm-lét và việc giả điên của chàng. - Thông điệp: <p>+ Mâu thuẫn giữa tư tưởng và hành động cũng do hoàn cảnh mà hình thành. Các nhân vật bước ra từ bị kịch này, đều là sản phẩm của hoàn cảnh. Mặc dù là</p>
--	---

<ul style="list-style-type: none"> - Phản biện và trao đổi: 2 phút <p>B4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt kiến thức - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm 	<p>bị xã hội đưa đẩy, bị hoàn cảnh chèn ép nhưng hoàng tử Đan Mạch ấy vẫn khẳng định được lý tưởng của bản thân – lý tưởng anh hùng nghĩa hiệp. Không chỉ cố gắng vì mục đích trả thù cho vua cha đã mất và tiếp nối ngai vàng, mà hơn hết đó chính là sự quan tâm đến lẽ sống và phẩm giá của con người. Dù trước hoàn cảnh gì thì con người cũng phải giữ lấy lý trí và niềm tin của mình.</p> <p>+ Mỗi người cần phải vượt lên trên thách thức của hoàn cảnh, chọn cho mình một thái độ sống cao quý, một cách hiện hữu xứng đáng trong cuộc đời. Sự sống của con người chỉ có ý nghĩa và giá trị khi gắn liền với vận mệnh của cộng đồng, xã hội.</p>
--	---

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu: Hs đánh giá, tổng hợp được giá trị nội dung cốt lõi và giá trị nghệ thuật đặc sắc của đoạn kịch.

b. Nội dung: Gv giao Hs tổng hợp, khái quát vấn đề.

c. Sản phẩm: Phần trả lời của Hs.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 3: Tổng kết về nội dung và nghệ thuật của truyện.</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu hs suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những giá trị nội dung nổi bật của đoạn trích? - Bằng hiểu biết của mình, hãy nhận xét những đặc sắc trong nghệ thuật viết kịch của tác giả? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành câu trả lời. - Thời gian: 2 phút <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ: 3 phút - Phản biện và trao đổi: 2 phút <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt kiến thức - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt 	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Giá trị nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích Sống, hay không sống - đó là vấn đề được tác giả thể hiện chủ đề về vấn đề sống hay không sống, sống trách nhiệm hay sống cho cá nhân. - Ngoài ra tác phẩm còn nêu lên những suy ngẫm về bản tính của con người, những trăn trở, lo âu của con người trong cuộc sống đầy gian nan, vất vả, những rủi ro vẫn đang thường trực xảy ra. <p>2. Giá trị nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tác phẩm kịch độc đáo, tinh tế, các tình huống kịch hấp dẫn gây nên những ấn tượng sâu sắc trong tâm trí người tiếp nhận. - Xây dựng xung đột kịch tiêu biểu, có giá trị điển hình cho thời đại. - Kết hợp khéo léo ngôn ngữ đối thoại và ngôn

- Rút kinh nghiệm	ngữ độc thoại. Đặc biệt, ngôn ngữ độc thoại bậc thầy của Sếch-xpia đã mang đến những thước phim nội tâm vô cùng sâu sắc, góp phần khắc họa rõ nét bi kịch của nhân vật.
-------------------	---

PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Yếu tố	Nội dung tác động

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhân vật	Hành động bên ngoài	Hành động bên trong
Vua Cloo-đi-út		
Hăm-lét		

Gợi ý:

Nhân vật	Hành động bên ngoài	Hành động bên trong
Vua Cloo-đi-út	Quan tâm, hỏi han tình hình sức khỏe và thể hiện sự lo lắng với tình trạng của Hăm-lét	Cho người theo dõi, ngấm ngấm lên kế hoạch muốn trừ khử Hăm-lét
Hăm-lét	Giả khùng giả điên, chịu sự kiểm soát của vua	Căm ghét, phẫn nộ, tức giận tột cùng và muốn tìm cách trả thù, tránh tai mắt của vua

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Kết nối đọc – viết
- Học sinh viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ vở kịch?

b. Nội dung:

- GV giao HS viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu.
- Thực hiện tại lớp: 10'

c. Sản phẩm:

- Bài làm của hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Sau khi đọc xong văn bản, em rút ra thông điệp gì	*Gợi ý: - Hình thức: đoạn văn, dung lượng

<p>sâu sắc? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày ý kiến của mình về thông điệp này.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành bài viết. - Thời gian: 7-10 phút <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs chia sẻ bài viết, phân biện và trao đổi <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cần lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số câu của đoạn theo quy định. - GV thu “bài viết” của HS để theo dõi và đánh giá khả năng viết của các em, khi cần, có thể sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết. 	<p>khoảng 150 chữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: chọn thông điệp (dũng cảm, mạnh mẽ, trách nhiệm...) nêu suy nghĩ của bản thân về thông điệp đó.
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Đọc mở rộng
- HS vận dụng tri thức và kỹ năng của mình để đọc hiểu một trích đoạn kịch hiện đại Việt Nam.
- Hiểu được vai trò quan trọng của ngôn ngữ độc thoại, ngôn ngữ đối thoại trong kịch.

b. Nội dung:

- Đọc đoạn văn bản trong “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”, xác định các xung đột kịch?

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ (sgk Ngữ văn 12, tập 2). - Xác định xung đột kịch trong nhân vật hồn Trương Ba? Nhân vật này có điểm gì giống với Hăm-lét? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà - Thời gian: 1-3 ngày <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo sản phẩm. - Thảo luận, tranh biện chéo <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV thu bài làm. - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt 	<p>* Những xung đột kịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xung đột giữa hồn Trương Ba với những người khác (Đế Thích, người thân, vợ hàng thịt) - Xung đột giữa hồn Trương Ba với xác hàng thịt. - Xung đột nội tâm trong bản thân hồn Trương Ba. <p>=> Hầu hết các xung đột đều xoay quanh mâu thuẫn chấp nhận sống trong thân xác người khác để được tồn tại hay chết để được là chính mình.</p> <p>* Nhân vật hồn Trương Ba cũng giằng xé nội tâm như Hăm-lét trong câu hỏi đầy trăn trở: tồn tại hay không tồn tại, sống hay không sống. Họ đều rơi vào bi kịch trong hành trình đi tìm ý nghĩa đích thực của sự sống.</p>

- Rút kinh nghiệm	
-------------------	--

4. Củng cố: Gv hệ thống lại những kiến thức, kĩ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi khám phá văn bản.

5. HDVN: Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn đọc hiểu văn bản “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” theo hệ thống gợi dẫn SGK.

NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TÁC GẢ SÁCH-XPIA

Tác giả William Shakespeare



- Nhà soạn kịch William Shakespeare sinh ngày 23-4-1564 tại Nước Anh. Là Nhà soạn kịch sinh thuộc cung Kim Ngưu, cầm tinh con (giáp) chuột (Giáp Tý 1564). William Shakespeare xếp hạng nổi tiếng thứ 2387 trên thế giới và thứ 1 trong danh sách Nhà soạn kịch nổi tiếng.
- Nhà viết kịch thời đại của Nữ hoàng Elizabeth và nhà thơ người được coi là nhà văn có ảnh hưởng nhất trong văn học Anh. Hầu hết các tác phẩm nổi tiếng nhất của ông được ông sáng tác trong giai đoạn từ 1589 đến 1613. Những vở kịch đầu tiên của ông chủ yếu là hài kịch và kịch lịch sử, những thể loại này được ông tăng lên sự tinh tế của nghệ thuật vào cuối thế kỉ XVI. Sau đó, ông sáng tác chủ yếu là bi kịch đến năm 1608, bao gồm các tác phẩm *Hamlet*, *Vua Lear*, *Othello* và *Macbeth*, gồm một vài tác phẩm nổi tiếng nhất của ông bằng tiếng Anh. Trong giai đoạn cuối cùng của sự nghiệp sáng tác, ông sáng tác những vở kịch buồn (tragicomedies), hay còn gọi là lãng mạn, và hợp tác với một số nhà viết kịch khác.
- Nhiều vở kịch của ông được tái bản nhiều lần với các chất lượng khác nhau và một cách chính xác trong suốt cuộc đời của ông. Năm 1623, hai đồng nghiệp cũ của Shakespeare, cũng làm việc trên sân khấu kịch, xuất bản First Folio, một tập hợp tất cả các vở kịch được coi là của ông. Nhưng đến nay, chỉ có hai trong tổng số đó được công nhận là của Shakespeare.

Ngày soạn: 01/8/2023

BÀI 5

NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

Thời gian thực hiện: 08 tiết

(Đọc: 05 tiết, Viết: 02 tiết, Nói và nghe: 01 tiết)

VĂN BẢN 2: VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI(Trích *Vũ Như Tô*)**Nguyễn Huy Tưởng**

(03 tiết)

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức:**

- Nắm được những đặc điểm của thể loại bi kịch. Hiểu và phân tích được xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng, bi kịch của *Vũ Như Tô* và *Đan Thiềm* trong hồi V của vở kịch.
- Nhận thức được quan điểm nhân dân của *Nguyễn Huy Tưởng*, đồng thời thấy được thái độ ngưỡng mộ, trân trọng tài năng của tác giả đối với những nghệ sĩ có tâm huyết và tài năng lớn nhưng lại lâm vào tình trạng mâu thuẫn không thể giải quyết được giữa khát vọng nghệ thuật lớn lao và thực tế xã hội không tạo điều kiện để họ thực hiện khát vọng ấy.
- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của vở kịch qua đoạn trích.

2. Về năng lực:

- Biết thưởng thức vẻ đẹp ngôn ngữ, vẻ đẹp hình tượng cũng như cảm thụ cái hay, cái đẹp của tác phẩm.
- Biết liên hệ văn bản với đời sống, từ đó lựa chọn cách hành xử phù hợp.

3. Về phẩm chất: Biết cảm thông, trân trọng đối với người nghệ sĩ tài năng nhưng phải chịu số phận đau thương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:**3. Bài mới:**

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi và cho HS xem trích đoạn kịch trong vở kịch Vũ Như Tô

c. Sản phẩm: Câu trả lời và nhận xét của HS sau khi xem trích đoạn kịch.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS xem một đoạn trong vở kịch Vũ Như Tô do nhà hát kịch Việt Nam trình diễn.</p> <p>https://www.youtube.com/watch?v=d5PYEeCFbSY</p> <p>- GV nêu câu hỏi: Đây là trích đoạn trong vở kịch nào? Tác giả là ai? Em có ấn tượng sâu sắc nhất về câu nói của nhân vật nào? Vì sao?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS quan sát, lắng nghe, ghi câu trả lời ra giấy nháp.</p> <p>- GV quan sát</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>- HS nêu ý kiến của mình.</p> <p>- Cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.</p> <p>- GV lắng nghe, hỗ trợ.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: <i>Nguyễn Huy Tưởng cùng thế hệ với Nam Cao, Tô Hoài nhưng có thiên hướng khai thác các đề tài lịch sử và rất thành công trong hai thể loại kịch lịch sử và tiểu thuyết lịch sử như: Đêm hội Long Trì; An Tư; Lá cờ thêu sáu chữ vàng; Sống mãi với thủ đô... Vũ Như Tô là vở kịch đầu tay - bi kịch lịch sử có giá trị nhất của ông.</i></p>	<p>- Đây là trích đoạn trong vở kịch “Vũ Như Tô” của Nguyễn Huy Tưởng.</p> <p>- HS đưa ra một câu nói bất kì mà bản thân thấy ấn tượng nhất và lí giải lí do hợp lí, thuyết phục.</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- Biết cách đọc văn bản theo đặc trưng thể loại.
- HS nắm bắt được thông tin về tác giả Nguyễn Huy Tường.
- HS nhận biết được bối cảnh ra đời của vở kịch *Vũ Như Tô*.

b. Nội dung:

- HS sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.
- HS dựa vào SGK và tìm hiểu qua các tài liệu tham khảo.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS chuẩn bị bài ở nhà theo gợi ý sau: <ul style="list-style-type: none"> - Đọc phần giới thiệu về tác giả Nguyễn Huy Tường, vở kịch <i>Vũ Như Tô</i> - Nêu ngắn gọn những nét chính về tác giả, tác phẩm. - Tóm tắt vở kịch <i>Vũ Như Tô</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ <ul style="list-style-type: none"> - HS tham khảo SGK, các tài liệu tham khảo khác. B3. Báo cáo thảo luận <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả học tập tại lớp (GV gọi 1-2 em trình bày sản phẩm đã được chuẩn bị) - Gv tổ chức cho HS góp ý, nhận xét và bổ sung để hoàn thiện. B4. Đánh giá kết quả thực hiện	I. Tìm hiểu khái quát 1. Tác giả <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Huy Tường (1912-1960) quê ở làng Dục Tú, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội) - Ông là nhà văn, nhà viết kịch chuyên khai thác đề tài lịch sử - Các tác phẩm tiêu biểu: <i>Đêm hội Long Trì</i> (tiểu thuyết lịch sử 1942), <i>Vũ Như Tô</i> (kịch lịch sử 1943), <i>An Tư</i> (tiểu thuyết lịch sử 1944), <i>Cột đồng Mã Viện</i> (kịch lịch sử 1944), <i>Bắc Sơn</i> (kịch lịch sử 1946) 2. Tác phẩm kịch <i>Vũ Như Tô</i> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Bi kịch lịch sử, với quy mô hoành tráng gồm 5 hồi. - Hoàn cảnh sáng tác: Kịch <i>Vũ Như Tô</i> được sáng tác từ sự kiện lịch sử có thật xảy ra ở Thăng Long các năm 1516 – 1517, dưới triều Lê Tương Dực

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	<p>- Tóm tắt kịch Vũ Như Tô:</p> <p>+ Vũ Như Tô, một kiến trúc sư thiên tài, bị hôn quân Lê Tương Dực bắt xây dựng Cửu Trùng Đài, ông kiên quyết từ chối.</p> <p>+ Cung nữ Đan Thiềm thuyết phục Vũ Như Tô lợi dụng quyền thế và tiền bạc của Lê Tương Dực để xây dựng một tòa lầu đài vĩ đại.</p> <p>+ Vũ Như Tô chấp nhận xây dựng Cửu Trùng Đài, vô tình gây biết bao tai họa cho nhân dân.</p> <p>+ Quận công Trịnh Duy Sản nổi loạn, giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm. Cửu Trùng Đài bị thiêu hủy.</p> <p>- Đoạn trích nằm trong hồi cuối cùng của vở bi kịch: miêu tả Trịnh Duy Sản - kẻ cầm đầu phe đối lập trong triều đình - dấy binh nổi loạn, lôi kéo thợ làm phàn, giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm và đập phá, thiêu hủy Cửu Trùng Đài.</p>
--	--

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- HS biết cách tìm hiểu các yếu tố liên quan đến vở kịch như bối cảnh lịch sử, bố cục đoạn trích.
- Hiểu và phân tích được xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng và bi kịch của Vũ Như Tô và Đan Thiềm trong đoạn trích “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*”.
- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật đoạn trích.
- HS biết đánh giá những vấn đề đặt ra trong vở kịch và hiểu được thông điệp mà tác giả gửi gắm.

b. Nội dung

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm																				
<p>Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu tình huống kịch</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ sau:</p> <p>+ Xác định tình huống kịch được miêu tả trong đoạn trích.</p> <p>+ Trước tình huống đó, mỗi nhân vật sẽ có những phản ứng như thế nào?</p> <p>+ Những phản ứng, hành động đó thể hiện đặc điểm, tính cách gì của nhân vật (Phiếu học tập)</p> <table><tr><th>Nhân vật</th><th>Lựa chọn, hành động</th><th>Tính cách</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>Vũ Như Tô</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đan Thiềm</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Nguyễn Vũ</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Lê Trung Mại</td><td></td><td></td><td></td></tr></table> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thảo luận, ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày.</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ kịp thời.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>- GV gọi HS báo cáo kết quả làm việc (gọi</p>	Nhân vật	Lựa chọn, hành động	Tính cách	Nhận xét	Vũ Như Tô				Đan Thiềm				Nguyễn Vũ				Lê Trung Mại				<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Tình huống kịch trong đoạn trích</p> <p>- Trịnh Duy Sản đẩy binh làm loạn, giết nhà vua, đốt phá Cửu Trùng Đài, lòng bắt Vũ Như Tô.</p> <p>- Đây là tình huống kịch tính, làm thay đổi số phận nhân vật và đẩy nhân vật vào tình thế buộc phải lựa chọn và hành động. Thông qua việc lựa chọn và hành động đó bộc lộ tính cách.</p>
Nhân vật	Lựa chọn, hành động	Tính cách	Nhận xét																		
Vũ Như Tô																					
Đan Thiềm																					
Nguyễn Vũ																					
Lê Trung Mại																					

từ 2-3 cặp đôi)

- HS khác lắng nghe, bổ sung, phản biện.

- GV lắng nghe, hỗ trợ, góp ý.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, bổ sung kết quả hoạt động chốt lại kiến thức.

Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu tình huống kịch

những mâu thuẫn-xung đột cơ bản của vở kịch

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ sau:

+ Xác định những mâu thuẫn - xung đột cơ bản của vở kịch.

+ Phân tích từng mâu thuẫn và chỉ ra bi kịch của Vũ Như Tô.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận, ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày.

- GV quan sát, hỗ trợ kịp thời.

B3. Báo cáo thảo luận

- GV gọi HS báo cáo kết quả làm việc (gọi từ 2-3 cặp đôi)

- HS khác lắng nghe, bổ sung, phản biện.

- GV lắng nghe, hỗ trợ, góp ý.

2. Những mâu thuẫn - xung đột cơ bản của vở kịch

*** Mâu thuẫn thứ nhất:**

Nhân dân lao động	Bạo chúa và phe cánh
- Lầm than, làm việc cật lực, bị ăn chặn	- Bắt xây Cửu Trùng Đài để làm nơi hưởng lạc, sống xa hoa.
-> nghèo đói.	- Tăng sưu thuế, tróc nã, hành hạ người chống đối.
- Chết vì tai nạn, chết vì bị chém.	- Lôi kéo thợ làm phản.
- Mất mùa-> nổi loạn	→ Trịnh Duy Sản cầm đầu phe nổi loạn

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV nhận xét, bổ sung kết quả hoạt động chốt lại kiến thức.

chống triều đình:
Giết Lê Tương Dực,
Vũ Như Tô, Đan
Thiền, cung nữ,
thieu hủ Cửu Trùng
Đài.

*** Mâu thuẫn thứ hai:**

Quan niệm nghệ thuật thuần túy, cao siêu
muôn đời >< Lợi ích thiết thực, trực tiếp của
nhân dân.

- Vũ Như Tô - Kiến trúc sư - nghệ sĩ: Tâm
huyết, hoài bão, muốn đem lại cái đẹp cho
muôn đời.

- Mượn uy quyền, tiền bạc của vua để thực
hiện hoài bão lớn lao: → mục đích chân
chính >< con đường thực hiện mục đích sai
lầm.

→ Đẩy Vũ Như Tô vào tình trạng đối nghịch
với nhân dân - kẻ thù của nhân dân, nhất là
những người thợ.

Bi kịch : Muốn thực hiện được lí tưởng nghệ
thuật thì đi ngược lại quyền lợi trực tiếp của
nhân dân; nếu xuất phát từ lợi ích của nhân
dân thì không thể thực hiện được lí tưởng
nghệ thuật cao cả của người nghệ sĩ.

→ Bi kịch không lối thoát của nghệ sĩ thiên
tài Vũ Như Tô.

3. Các nhân vật chính của vở kịch**3.1. Nhân vật Vũ Như Tô****a. Diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô.**

*** Khi Vũ Như Tô nghe Đan Thiền báo tin
loạn quân đang kéo về triều đình để phá
Cửu Trùng Đài.**

- Vũ Như Tô vẫn không tin, một mực cho
rằng mình vô tội, thậm chí hi vọng có thể
thuyết phục An Hòa Hầu cho mình xây tiếp

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nhân vật Vũ Như Tô

*** Thao tác 1: Tìm hiểu diễn biến tâm
trạng của Vũ Như Tô (dựa vào các lời
thoại và hành động của nhân vật)**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

<p>- GV chia lớp thành 6 nhóm.</p> <p>- GV phát phiếu học tập cá nhân:</p> <p>+ Nhóm 1+2: Phiếu học tập số 1: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô khi nghe Đan Thiềm báo tin loạn quân đang kéo về triều đình để phá Cửu Trùng Đài.</p> <p>+ Nhóm 3+4: Phiếu học tập số 2: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô khi bị vu oan, chế giễu và sỉ nhục.</p> <p>+ Nhóm 5+6: Phiếu học tập số 3: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô khi nghe tin Cửu Trùng Đài bị phá hủy.</p> <p>- GV yêu cầu HS sau khi hết thời gian làm việc cá nhân sẽ thảo luận để thống nhất trong nhóm nội dung câu trả lời.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh làm việc cá nhân hoàn thành phiếu học tập (thời gian 3 phút) - HS nộp lại phiếu học tập sau tiết học.</p> <p>- HS thảo luận, thống nhất trong nhóm (thời gian 5 phút).</p> <p>- GV quan sát, giúp đỡ, khích lệ HS kịp thời.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>- HS các nhóm trình bày kết quả làm việc.</p> <p>- HS theo dõi, góp ý, bổ sung.</p> <p>- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV cung cấp phiếu đánh giá hoạt động nhóm để HS tự đánh giá sản phẩm.</p> <p>- GV đánh giá, nhận xét, cho điểm sản</p>	<p>Cửu Trùng Đài. Điều này được thể hiện qua hàng loạt các câu hỏi:</p> <p>+ “Sao bà nói lạ? Đài Cửu Trùng chưa xong, tôi trốn đi đâu. Làm gì phải trốn?”</p> <p>+ “Tôi làm gì nên tội?”</p> <p>+ “Phá Cửu Trùng Đài? Không đời nào? Mà tôi thì không làm gì nên tội.”</p> <p>...</p> <p>- Vũ Như Tô còn khẳng định rất dứt khoát, quyết tâm không từ bỏ ước mơ của mình:</p> <p>+ “Tôi sống với Cửu Trùng Đài, chết cũng với Cửu Trùng Đài. Tôi không thể xa Cửu Trùng Đài một bước”</p> <p>=> Vũ Như Tô là một người nghệ sĩ khao khát theo đuổi lí tưởng nghệ thuật nhưng hoàn toàn xa rời thực tế.</p> <p>* Khi Vũ Như Tô bị vu oan, chế giễu và sỉ nhục.</p> <p>- Vũ Như Tô đã nói những lời đanh thép thể hiện thái độ rất thẳng thắn, không chịu khuất phục trước cường quyền:</p> <p>+ “Giết thì cứ giết, nhưng đừng nghi oan”</p> <p>+ “Sao bà lại lẩn thẩn thế, lạy cả một đấng tiểu nhân?”</p> <p>+ “Mi thực là một tên bỉ ổi. Sao trời lại để cho mi sống làm nhục cương thường!”</p> <p>- Tuy nhiên, ông vẫn luôn hi vọng vào việc Cửu Trùng Đài sẽ tiếp tục được xây:</p> <p>+ “Ta sẽ xây một đài vĩ đại để tạ lòng tri kỉ”.</p> <p>+ “Ta không có tội và chủ tướng các người sẽ cớ trời cho ta để ta xây nốt Cửu Trùng Đài, dựng một kì công muôn thuở...”</p>
--	---

phẩm của các nhóm học sinh dựa trên phiếu đánh giá.

- GV cho HS đọc chéo để tự học và rút kinh nghiệm.

- GV chốt những kiến thức trọng tâm.

=> Vũ Như Tô là người cương trực, dũng cảm, nhân cách cao cả nhưng cũng hết sức trong sáng, ngây thơ, cả tin.

*** Khi Vũ Như Tô nghe tin Cửu Trùng Đài bị phá hủy.**

- Ban đầu Vũ Như Tô vẫn không tin hỏi lại bọn lính: “Thế Cửu Trùng Đài?”

- Sau đó Vũ Như Tô nhìn thấy ánh lửa sáng rực, tàn than, bụi khói bay vào ông vô cùng căm phẫn, tuyệt vọng, ông nhìn ra và rú lên đau đớn: “Đốt thực rồi! Đốt thực rồi! Ôi đảng ác! Ôi muôn phần căm giận! Trời ơi! Phú cho ta cái tài làm gì? Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài!”

=> Lời độc thoại thể hiện nỗi bi phẫn, sự thất vọng náo nức của Vũ Như Tô khi giấc mộng nghệ thuật của mình sụp đổ trước một thực tại tàn khốc. Đó cũng là lời than tiếc cho tài năng cho thân phận nhỏ bé của người nghệ sĩ.

Tiểu kết: Vũ Như Tô – nhân vật bi kịch lịch sử, là người mang khát vọng lớn lao, cao cả nhưng lầm lạc trong suy nghĩ và hành động. Vũ Như Tô chỉ thực sự bừng tỉnh khi biết chính An Hòa Hầu ra lệnh đập phá, đốt Cửu Trùng Đài. Đồng thời bi kịch của Vũ Như Tô còn là bi kịch vỡ mộng của người nghệ sĩ khi đối diện với một thực tại bóp nghẹt mọi giấc mơ sáng tạo của con người, bi kịch sụp đổ niềm tin của một cá nhân trước một thời thế trao đảo, nơi cái xấu và cái ác lên ngôi.

b. Bài học cuộc sống

- Qua tấn bi kịch của Vũ Như Tô, tác giả đặt ra những vấn đề sâu sắc, có ý nghĩa muôn thuở về mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống, giữa lí tưởng nghệ thuật cao siêu, thuần túy của muôn đời với lợi ích thiết thực của nhân dân.

- Trong cuộc sống, cái ĐẸP và cái THIÊN

	phải luôn song hành với nhau.
<p>Thao tác 2: Tìm hiểu bài học cuộc sống rút ra qua nhân vật Vũ Như Tô.</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để rút ra những bài học cuộc sống qua nhân vật Vũ Như Tô. <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm việc cá nhân - GV quan sát, giúp đỡ, khích lệ HS kịp thời. <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày kết quả làm việc. - HS khác theo dõi, góp ý, bổ sung. - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV bổ sung, góp ý và chốt những kiến thức trọng tâm. <p>Nhiệm vụ 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật Đan Thiềm và hình tượng Cửu Trùng Đài</p>	<p>3.2. Nhân vật Đan Thiềm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đan Thiềm là một cung nữ biết trân trọng cái tài, đam mê cái tài. - Dưới con mắt của Vũ Như Tô thì Đan Thiềm là tri kỷ, tri âm duy nhất ở triều đình. (Vũ mê cái đẹp, Đan Thiềm mê cái tài) . - Luôn động viên, khích lệ, giúp đỡ Vũ Như Tô xây đài, bảo vệ đài. - Là con người luôn tinh táo: Biết chắc Đài không thành, tìm cách bảo vệ an toàn tính mạng cho Vũ Như Tô, khuyên ông bỏ trốn. - Sẵn sàng đổi mạng sống của mình cứu Vũ Như Tô. Đau đớn khi không thể cứu được người tài. - <i>Bệnh Đan Thiềm</i>: Bệnh mê đắm cái đẹp, cái tài. Có tấm lòng <i>biệt nhỡn liên tài</i> <p>→ Thuyết phục Vũ Như Tô mượn tay Lê Tương Dực để xây Cửu Trùng Đài.</p> <p>=> Sống chết hết mình vì cái, cái đẹp</p> <p>4. Hình Tượng Cửu Trùng Đài</p> <p>Hình tượng Cửu Trùng Đài được hiện lên</p>

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nhân vật Đan Thiềm với các yêu cầu sau: xuất thân, quan niệm, mối quan hệ với Vũ Như Tô.

- GV đặt câu hỏi phát vấn: *Tìm các chi tiết miêu tả Cửu Trùng Đài trong đoạn trích. Hình tượng Cửu Trùng Đài được thể hiện bằng những phương tiện nào? Thông qua các phương tiện đó, em thấy được gì về ý nghĩa của hình tượng Cửu Trùng Đài?*

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc cá nhân

- GV quan sát, giúp đỡ, khích lệ HS kịp thời.

B3. Báo cáo thảo luận

- HS trình bày kết quả làm việc.

- HS khác theo dõi, góp ý, bổ sung.

- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

một cách gián tiếp thông qua lời thoại của ccacs nhân vật. Từ điểm nhìn của mỗi nhân vật khác nhau lại mang một ý nghĩa riêng.

- Với VNT, Cửu Trùng Đài là lí tưởng sống và lí tưởng nghệ thuật mà cả đời ông theo đuổi. Nó là thứ quý hơn cả mạng sống của ông, thậm chí ông có thể sẵn sàng đổi cả bằng phẩm giá chính trực của mình, mượn quyền của Lê Tương Dực để xây dựng. Lúc nguy biến, VNT không hề quan tâm đến bản thân, chỉ một mực nghĩ đến sự tồn vong của Cửu Trùng Đài. Khi biết Cửu Trùng Đài bị đốt cháy, ảo mộng tan vỡ, VNT lựa chọn chấm dứt sự sống. Với VNT, Cửu Trùng Đài là cách để ông cống hiến cho đất nước. Có thể nói, ở góc nhìn này, Cửu Trùng Đài là biểu tượng của tài năng, cái đẹp và nghệ thuật, một thứ nghệ thuật thuần khiết, cao cả, mang giá trị vĩnh cửu, vượt lên trên cuộc đời phàm tục. Cửu Trùng Đài do đó cũng là biểu tượng cho giấc mơ lãng mạn mà con người muốn theo đuổi trong cuộc đời, bất chấp mọi cản trở và phục phàng của thực tại.

- Với Đan Thiềm, Cửu Trùng Đài là sự kết tinh của tài năng và khí phách của người nghệ sĩ. Hành động kiên quyết bảo vệ Cửu Trùng Đài. Bảo vệ VNT của Đan Thiềm thể hiện một thái độ trân trọng cái tài, cái đẹp và niềm tin vào giá trị vĩnh cửu của cái đẹp.

- Với những nhân vật khác, Cửu Trùng Đài là biểu tượng cho sự xa hoa, lãng phí, thậm chí cho tội ác của quyền lực, là nguyên nhân của mọi đau khổ, lầm than.

-> Từ những góc nhìn trên cho thấy, Cửu Trùng Đài là một hình tượng mang ý nghĩa đa nghĩa, qua đó cũng thể hiện cái nhìn đa chiều của Nguyễn Huy Tưởng về nghệ thuật, về tài năng, về cá nhân. Nguyễn Huy Tưởng một mặt trân trọng tài năng, phẩm giá của VNT, thương xót cho số phận đầy bi kịch của người nghệ sĩ, mặt khác cũng nhận ra sự

	phù phiếm của một thứ nghệ thuật thoát li cuộc sống.
--	--

PHIẾU HỌC TẬP:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

NHÓM:

Họ và tên :Lớp:

Nhiệm vụ: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô khi nghe Đan Thiềm báo tin loạn quân đang kéo về triều đình để phá Cửu Trùng Đài.

Các lời thoại của Vũ Như Tô	Diễn biến tâm trạng, hành động
+ Lời thoại 1:...	
+ Lời thoại 2:...	
+ Lời thoại 3:...	
=> Đặc điểm tính cách, phẩm chất:...	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

NHÓM:

Họ và tên:Lớp:

Nhiệm vụ: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô khi bị vu oan, chế giễu và sỉ nhục.

Các lời thoại của Vũ Như Tô	Diễn biến tâm trạng, hành động
-----------------------------	--------------------------------

+ Lời thoại 1:...	
+ Lời thoại 2:...	
+ Lời thoại 3:...	
=> Đặc điểm tính cách, phẩm chất:...	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**NHÓM:**

Họ và tên:Lớp:

Nhiệm vụ: Tìm hiểu diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô khi nghe tin Cửu Trùng Đài bị phá hủy.

Các lời thoại của Vũ Như Tô	Diễn biến tâm trạng, hành động
+ Lời thoại 1:...	
+ Lời thoại 2:...	
+ Lời thoại 3:...	
=> Đặc điểm tính cách, phẩm chất:...	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM

TIÊU CHÍ	CHƯA ĐẠT	ĐẠT	TỐT
----------	----------	-----	-----

Hình thức (2 điểm)	0 điểm	1 điểm	2 điểm
	Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả; Sai lỗi chính tả	Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu, trình bày cẩn thận, không có lỗi chính tả	Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu, trình bày cẩn thận, không có lỗi chính tả, có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1-3 điểm	4-5 điểm	6 điểm
	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, không trả lời đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Nội dung sơ sài, mới dừng lại ở việc biết và nhận diện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có ít nhất 1-2 ý mở rộng, nâng cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có nhiều hơn 2 ý mở rộng, nâng cao - Có sự sáng tạo
Hiệu quả làm việc nhóm (2 điểm)	0 điểm	1 điểm	2 điểm
	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ, làm việc chưa hiệu quả. - Có trên 2 thành viên không tham gia hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất. - Vẫn còn 1-2 thành viên không tham gia hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động gắn kết, có sự động thuận nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo. - Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động.

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: HS nắm vững nội dung chính và những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung:

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv yêu cầu học sinh làm việc theo cặp đôi, vận dụng kiến thức vừa đọc hiểu để hoàn thành nhiệm vụ: Nêu nội dung chính và đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích?	III. Tổng kết 1. Nội dung: Qua tấn bi kịch của Vũ Như Tô, tác giả đã đặt ra những vấn đề có ý nghĩa muôn thuở về mối quan hệ giữa: <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật và cuộc sống. - Lí tưởng nghệ thuật cao siêu thuần túy với lợi ích thiết thân của nhân dân.

<p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi cặp đôi - HS nhận xét và bổ sung cho nhau <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày kết quả làm việc - HS theo dõi góp ý, bổ sung - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS theo dự kiến sản phẩm.</p>	<p>2. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ kịch điều luyện, có tính tổng hợp cao - Tính cách, tâm trạng nhân vật được khắc họa rõ nét qua ngôn ngữ và hành động. - Các lớp kịch ngắn, lời thoại dồn dập tạo nên không khí sôi sục, căng thẳng.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức về thể loại bi kịch và đoạn trích “ Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”

b. Nội dung:

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên
- HS làm việc theo nhóm và trình bày trước lớp
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chia lớp thành 3 nhóm và tổ chức cho HS tham gia trò chơi: Chim cánh cụt về nhà</p> <p>Thẻ lậ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chọn bất kì một đức tính nào của chim cánh cụt (trùng khớp với một câu hỏi) và trả lời sau khi GV đọc xong câu hỏi. - Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm. <p>Câu 1: Xét theo nội dung và ý nghĩa của xung đột, kịch được chia ra làm mấy loại?</p>	<p>ĐÁP ÁN :</p> <p>Câu 1: C</p> <p>Câu 2: A</p> <p>Câu 3: C</p> <p>Câu 4: D</p> <p>Câu 5: C</p> <p>Câu 6: D</p>

- A. Một loại: hài kịch.
- B. Hai loại: hài kịch, chính kịch.
- C. Ba loại: hài kịch, bi kịch, chính kịch.
- D. Bốn loại: hài kịch, bi kịch, chính kịch, ca kịch.

Câu 2: Nhận xét nào sau đây không đúng về đặc điểm của thể loại bi kịch?

- A. Gây cười, chế giễu đả kích những thói xấu hoặc những hiện tượng tiêu cực trong xã hội.
- B. Tập trung diễn tả những xung đột hệ trọng đạt tới mức căng thẳng tốt độ giữa mong muốn, hành động cao đẹp của con người với tình thế bi đát của thực tại hay những trở ngại tồn tại trong bản tính của con người.
- C. Là tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 3: Bi kịch của nhân vật Vũ Như Tô trong tác phẩm kịch cùng tên là gì?

- A. Muốn cống hiến nhưng không được cống hiến
- B. Từ chối xây dựng Cửu Trùng Đài nhưng vẫn phải xây dựng.
- C. Không giải quyết được mối quan hệ giữa khát vọng nghệ thuật và lợi ích thiết thân của nhân dân.
- D. Ông muốn xây dựng và để lại một công trình vĩ đại để nhân dân nghìn thu hãnh diện nhưng lại bị nhân dân nổi lên đập phá và giết chết ông.

Câu 4: Xung đột kịch trong kịch “Vũ Như Tô” được tạo nên bởi những mâu thuẫn cơ bản nào?

- A. Mâu thuẫn giữa nhân dân lao khổ, lầm than với bọn hôn quân bạo chúa và phe cánh của chúng sống xa hoa, trụy lạc.
- B. Mâu thuẫn giữa quan niệm nghệ thuật cao siêu, thuần túy muôn đời với lợi ích thiết thực của nhân dân.
- C. Mâu thuẫn giữa Vũ Như Tô và vua Lê.
- D. Cả A và B.

Câu 5: Vấn đề mà Nguyễn Huy Tưởng đặt ra trong đoạn trích “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” cũng như trong tác phẩm “Vũ Như Tô” là gì?

- A. Mối quan hệ giữa quyền lợi giai cấp thống trị với cuộc sống của nhân dân.
- B. Mối quan hệ giữa tài năng và đạo đức, giữa lí tưởng cao siêu với thực tế
- C. Mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng cao siêu với lợi ích thiết thực của nhân dân.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 6: Lời tựa đề "Than ôi! Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết." thể hiện suy nghĩ gì của tác giả?

- A. Nghĩ về mâu thuẫn giữa Vũ Như Tô và nhân dân.
- B. Lời tự thú “ta chẳng biết” bởi chính tác giả cũng không thể đưa ra câu trả lời dứt khoát.
- C. Những băn khoăn day dứt của tác giả khi không biết lẽ phải thuộc về Vũ Như Tô hay những kẻ giết Vũ Như Tô.
- D. Tất cả các ý trên.

<p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi - Làm việc theo nhóm để chọn ra câu trả lời cho nhóm mình <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>Đại diện nhóm trình bày kết quả</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS theo dự kiến sản phẩm. 	
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Rèn luyện cho HS kỹ năng viết một đoạn văn nghị luận.
- HS biết cách nhận diện về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ văn bản.
- HS nhận thức được bài học cuộc sống mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm của mình.

b. Nội dung: Viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc, trao đổi thảo luận lập ý tưởng cho bài viết. Về nhà HS hoàn thiện. <p>Viết đoạn văn ngắn khoảng 150 chữ trình bày một vấn đề xã hội được đề cập đến trong đoạn trích trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS có thể triển khai đoạn văn theo các bước: + Giới thiệu vấn đề xã hội được đề cập đến. + Bàn luận vấn đề xã hội được đề cập đến trong đoạn trích. + Vận dụng lí luận và dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. 	<p>Đoạn văn tham khảo:</p> <p>Độc một tác phẩm văn học hay bao giờ cũng để lại cho chúng ta nhiều bài học về cuộc sống. Với kịch Vũ Như Tô được tác giả Nguyễn Huy Tưởng xây dựng trên nền một vấn đề lịch sử đã cách thời hiện đại hàng trăm năm. Vấn đề đặt ra không chỉ là mối quan hệ vua tôi hay quan hệ tầng lớp thượng lưu với nhân dân lao động. Vấn đề mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống được đề cập là mong muốn được nhận thức về nghệ thuật phải là bắt đầu từ cuộc sống, phải vì cuộc sống. Khi đọc đến cảnh vĩnh biệt Cửu Trùng Đài là chúng ta không thể không suy ngẫm về vấn đề xã hội mà hiện nay vẫn còn trăn trở đó là hiệu ứng đám đông. Hiện thực xã hội có rất nhiều sự bất công, đặc biệt là đặt trong hoàn cảnh nhiều nhượng của thời phong kiến. Việc phản ứng của số đông quần chúng nhân dân lao động trước việc bòn rút tiền thuế của nhân dân để xây dựng nơi ăn chơi xa hoa, trụy lạc thật đáng khen, đáng khích lệ. Biết đứng lên đấu tranh bảo vệ lẽ phải thật đáng trân trọng nhưng cực đoan đến</p>

<p>+ Khẳng định được vấn đề có ý nghĩa với bản thân qua đoạn trích.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS thực hiện yêu cầu theo sự hướng dẫn của GV.</p> <p>B3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV mời 1 – 2 HS trình bày sản phẩm của mình, yêu cầu cả lớp theo dõi, nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>B4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>- (Đầu tiết học) GV cho HS đánh giá, nhận xét về đoạn văn HS đã viết.</p> <p>- GV đánh giá theo yêu cầu viết đoạn văn.</p>	<p>mức giết người, đập phá những thành quả (Cửu Trùng Đài) thì cần phải xem lại. Hiệu ứng đám đông trong tác phẩm là vấn đề hiện nay trong xã hội hiện đại chúng ta đang hàng ngày phải đối mặt. Một vấn đề chúng ta cần nhìn nhận ở nhiều phương diện, nhiều khía cạnh phải thấu hiểu để đưa ra những phản ứng, bàn luận thì vấn đề đó mới giải quyết triệt để được. Hãy dừng ngay những hiệu ứng đám đông chạy theo dư luận để tránh những hậu quả cực đoan cho con người và xã hội.</p>
---	--

4. Củng cố: Gv hệ thống lại những kiến thức, kỹ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi khám phá văn bản.

5. HDVN: Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn phần viết theo hệ thống gợi dẫn SGK.

Ngày soạn:...../...../.....

BÀI 5: NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 11

PHẦN 3: VIẾT**Tiết 49, 50: VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI (02 tiết)****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- HS biết chọn đề tài, hướng tiếp cận đề tài.
- HS hiểu được giá trị, tác dụng của các nguồn thông tin, các loại thông tin khác nhau để tìm kiếm, khai thác một cách hiệu quả.

2. Về năng lực:

- HS đánh giá được tính khả tin của các thông tin.
- HS xây dựng được đề cương nghiên cứu từ những thông tin mình đã thu thập.
- HS viết và chỉnh sửa các báo cáo nghiên cứu theo đúng quy cách

3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1. Thiết bị dạy học:**

- Tranh, ảnh, bảng biểu, video clip, máy tính có kết nối internet, máy chiếu.
- Phiếu học tập để HS chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.

2. Học liệu:

- SGK – SGV Ngữ văn lớp 11, hồ sơ tài liệu, sách tham khảo.
- Tài liệu tham khảo (sách báo, tạp chí,... về vấn đề tự nhiên, xã hội).
- Sản phẩm của HS

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm cá nhân và kiến thức đã học ở lớp 10 (Bài Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề) để trả lời các câu hỏi trước khi tìm hiểu, thực hành viết báo cáo.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	Chốt đáp án:
GV tổ chức cho HS tham gia trả lời câu hỏi trắc nghiệm	Câu 1: B Câu 3: D
Câu 1. Một bài Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề gồm mấy phần?	Câu 2: A Câu 4: D
A. 2 phần	
B. 3 phần	
C. 4 phần	
D. 5 phần	
Câu 2: Phần mở đầu của bài Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề cần có nội dung nào sau đây?	
A. Nêu vấn đề (đề tài) được lựa chọn để nghiên cứu.	
B. Lần lượt trình bày các kết quả nghiên cứu về đề tài đã chọn.	
C. So sánh giữa các vấn đề được tìm hiểu.	
D. Khái quát ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đã được trình bày.	
Câu 3: Đây là nhiệm vụ của kết bài trong Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề?	
A. Nêu vấn đề (đề tài) được lựa chọn để nghiên cứu.	
B. Lần lượt trình bày các kết quả nghiên cứu về đề tài đã chọn.	
C. So sánh giữa các vấn đề được tìm hiểu.	
D. Khái quát ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đã được trình bày.	
Câu 4: Quy trình viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề là:	
A. Tìm ý, lập dàn ý -> Chuẩn bị viết -> Viết -> Chỉnh sửa, hoàn thiện.	
B. Chuẩn bị viết -> Tìm ý, lập dàn ý -> Chỉnh sửa, hoàn thiện -> Viết.	

C.Chuẩn bị viết -> Chỉnh sửa, hoàn thiện -> Viết -> Tìm ý, lập dàn ý.

D.Chuẩn bị viết -> Tìm ý, lập dàn ý -> Viết -> Chỉnh sửa, hoàn thiện.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ, suy nghĩ chọn câu trả lời đúng

B3. Báo cáo thảo luận

HS nhận xét câu trả lời của bạn, phản biện, tranh luận để đưa ra đáp án đúng

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giới thiệu nội dung bài học và các yêu cầu cần đạt

GV nêu vấn đề: *Báo cáo nghiên cứu là văn bản trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề dựa trên các dữ liệu khách quan, chính xác, đáng tin cậy. Viết báo cáo nghiên cứu là một hoạt động thực hành giúp bạn phát triển kỹ năng tìm hiểu, khám phá về đời sống xã hội và tự nhiên (con người, sự kiện, địa điểm, môi trường,...) qua tư liệu thu thập được và trình bày kết quả tìm hiểu, khám phá đó. Vấn đề nghiên cứu có thể là một vấn đề đời sống hoặc một vấn đề gợi ra từ tác phẩm văn học mà bạn đã đọc. Trong chương trình Ngữ văn 10, các em đã được hướng dẫn những thao tác cơ bản để viết một báo cáo kết quả nghiên cứu. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ hơn về các thao tác nghiên cứu cụ thể, trên cơ sở các em đã có những thu thập, xử lý thông tin liên quan đến đề tài theo yêu cầu của GV.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề

a. Mục tiêu: Nắm được yêu cầu khi viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: HS trả lời các yêu cầu khi viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS tìm hiểu, trao đổi về phần Yêu cầu trong sách giáo khoa trang 142. - GV lưu ý HS thêm một số yêu cầu khi làm kiểu bài này.	I. YÊU CẦU KIỂU BÀI Yêu cầu của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội - Nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu đặt ra trong báo cáo. - Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ, thông tin xác thực. - Khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng
B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.	

<p>- HS dựa vào SGK để trình bày các yêu cầu.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>- GV mời cá nhân HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>tin cậy; sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp; thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có.</p> <p>- Có danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.</p>
---	---

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nắm nội dung bài báo cáo và trả lời được các câu hỏi trong sách giáo khoa; Hiểu được cấu trúc của một bài báo cáo, các thao tác mà người viết sử dụng; biết cách lựa chọn đề tài, phân tích và xử lý thông tin.

b. Nội dung: HS đọc SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: HS trả lời các yêu cầu khi viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu, trao đổi thảo luận 4 câu hỏi trong SGK trang 142-146 và 1 câu hỏi tổng hợp</p> <p>- GV lưu ý HS chú ý đến cấu trúc của báo cáo, các thao tác được sử dụng, cách lựa chọn đề tài, phân tích và xử lý thông tin.</p> <p><i>Câu 1. Đề tài của báo cáo nghiên cứu ở trên là gì? Tác giả đã tiếp cận đề tài từ góc độ nào?</i></p> <p><i>Câu 2. Để triển khai báo cáo, những luận điểm chính nào đã được tác giả sử dụng?</i></p> <p><i>Câu 3. Các thông tin tác giả cung cấp trong bài viết đến từ nguồn nào? Bạn có nhận xét gì về độ chính xác, tin cậy, khách quan của các thông tin?</i></p> <p><i>Câu 4. Tài liệu tham khảo có những thông tin gì và được sắp xếp theo trật tự nào?</i></p> <p><i>Câu 5. Từ bài viết, khái quát cấu trúc của văn bản</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>II. Phân tích ngữ liệu (đọc văn bản tham khảo và trả lời các câu hỏi)</p> <p>Câu 1. Đề tài của báo cáo nghiên cứu ở trên là gì? Tác giả đã tiếp cận đề tài từ góc độ nào?</p> <p><u>Trả lời:</u></p> <p>– Đề tài: Nghiên cứu về kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên.</p> <p>– Góc độ tiếp cận: từ góc độ công năng (công dụng và chức năng) đến kiểu dáng.</p> <p>Câu 2. Để triển khai báo cáo, những luận điểm chính nào đã được tác giả sử dụng?</p> <p><u>Trả lời:</u></p> <p><i>Những luận điểm đã sử dụng:</i></p> <p>– Công năng của kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên.</p> <p>– Nguồn gốc tên gọi.</p> <p>– Hình dáng con rồng của kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên.</p> <p>– Nguồn gốc và công dụng của Long bệ thạch. Ứng dụng của nó vào Việt Nam.</p> <p>Câu 3. Các thông tin tác giả cung cấp trong bài viết đến từ nguồn nào? Bạn có nhận xét gì về độ chính xác, tin cậy, khách quan của các thông tin?</p>

<p>- HS nghe câu hỏi, làm việc cá nhân và hoàn thành yêu cầu.</p> <p>- HS dựa vào SGK và phân chuẩn bị bài ở nhà để trình bày các yêu cầu.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và Ghi lên bảng.</p>	<p><u>Trả lời:</u></p> <p>– Các thông tin tác giả cung cấp trong bài viết đến từ các nguồn:</p> <p>+ Luận án tiến sĩ: Các nguồn sử liệu về quy mô và cấu trúc Hoàng thành Thăng Long thời Lý – Trần – Lê.</p> <p>+ Tạp chí văn hóa học: Từ góc nhìn tứ linh khám phá tâm thức văn hóa rồng của người Việt và người Hán.</p> <p>+ Sách: Hoàng thành Thăng Long.</p> <p>– Những thông tin này có độ chính xác cao, có tính tin cậy và khách quan.</p> <p>Câu 4. Tài liệu tham khảo có những thông tin gì và được sắp xếp theo trật tự nào?</p> <p><u>Trả lời:</u></p> <p>– Tài liệu tham khảo chứa những thông tin: Tác giả, năm công bố, tên tác phẩm, tên tạp chí, luận án hoặc tên sách, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản, tập, số, các số trang.</p> <p>– Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo trật tự: ABC họ tên tác giả của tài liệu.</p> <p>Câu 5. Khái quát cấu trúc của báo cáo Giao thoa và tiếp biến văn hóa – nhìn từ kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên.</p> <p>Bài viết gồm 3 phần</p> <p>a. Đặt vấn đề.</p> <p>Giới thiệu về vấn đề nghiên cứu: Giao thoa và tiếp biến văn hóa – nhìn từ kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên.</p> <p>b. Giải quyết vấn đề.</p> <p>– Trình bày các kết quả nghiên cứu</p> <p>– Sử dụng hình minh họa cho kênh chữ</p> <p>– Thu thập thông tin từ nhiều nguồn</p> <p>– Phân tích, đánh giá thông tin</p> <p>c. Kết luận.</p> <p>– Khẳng định quan điểm của người viết</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết báo cáo)

a. Mục tiêu:

- (1) Nắm được các bước để chuẩn bị viết báo cáo về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội
- (2) Viết được văn bản đúng quy trình.
- (3) Viết được báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung: HS thực hành viết báo cáo về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Bản báo cáo được HS viết và trình bày trên giấy A4, hoặc vở, trình chiếu... đáp ứng yêu cầu của đề bài (Nên lựa chọn vấn đề từ tác phẩm văn học, có thể từ đời sống xã hội)

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị viết</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu phần Chuẩn bị viết và xây dựng đề cương trong SGK tr 147-148; trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi:</p> <p>Câu 1:</p> <p>+ Đề tài của báo cáo nghiên cứu về một vấn đề là gì?</p> <p>+ Để lựa chọn được đề tài nghiên cứu cần có những lưu ý nào?</p> <p>+ Xét theo nguồn gốc, tài liệu được chia làm mấy loại?</p> <p>Câu 2</p> <p>+ Có thể thu thập, xử lý thông tin như thế nào để chuẩn bị viết báo cáo?</p> <p>Câu 3</p> <p>+ Bạn lựa chọn đề tài nào để viết báo cáo về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội (Đề tài qua tác phẩm văn học hay từ thực tế đời sống?)</p> <p>+ Tên của văn bản là gì?</p> <p>+ Văn bản sẽ được viết với bố cục như thế nào?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS nghe câu hỏi, làm việc cá nhân và hoàn thành yêu cầu.</p> <p>- HS dựa vào SGK để trình bày các yêu cầu.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p>	<p>III. THỰC HÀNH VIẾT</p> <p>1. Chuẩn bị viết</p> <p>a) <u>Lựa chọn đề tài:</u></p> <p>- Đề tài của báo cáo kết quả nghiên cứu có thể là một vấn đề xã hội như một sự kiện văn hóa – lịch sử, một vấn đề khoa học – nghệ thuật, một hiện tượng tâm lí, cũng có thể là một vấn đề tự nhiên như môi trường, khí hậu, tài nguyên,...</p> <p>- Với loại đề tài là vấn đề tự nhiên, xã hội được đề cập đến trong một TPVH đã học, có thể lựa chọn theo hướng:</p> <p>+ Qua các tác phẩm đã học và đọc, chỉ ra những vấn đề tự nhiên, xã hội được đề cập đến trong các sáng tác đó (Vd: Vĩnh biệt CTD-mối quan hệ giữa nghệ sĩ và thời cuộc, cá nhân và lịch sử; Chí Phèo- thân phận của người nông dân thời Pháp thuộc, hay tình thương có thể cứu vớt con người...; Sống hay không sống- lí tưởng sống của con người...</p> <p>+ Trong số những vấn đề đó, vấn đề nào bạn quan tâm, hứng thú?</p> <p>+ Viết ra tất cả các cách tiếp cận đối với vấn đề (từ góc độ lịch sử, nghệ thuật, liên ngành); Với mỗi cách tiếp cận hãy đặt ra các câu hỏi bạn muốn tìm hiểu.</p> <p>+ Lựa chọn câu hỏi mà bạn cảm thấy hứng thú nhất và viết một giả thiết nghiên cứu.</p> <p>- Với loại đề tài là một vấn đề tự nhiên, xã hội trong đời sống, có thể lựa chọn theo hướng:</p> <p>+ Vấn đề, hiện tượng đời sống nào bạn quan tâm, có hứng thú?</p> <p>+ bạn sẽ tiếp cận vấn đề đó từ góc độ nào? Hãy đặt ra các câu hỏi từ góc độ tiếp cận đó.</p> <p>-> Để lựa chọn được đề tài nghiên cứu, trước tiên bạn cần xác định phạm vi vấn đề mà mình thực sự quan tâm, hứng thú, sau đó, lựa chọn một góc độ tiếp cận phù hợp với vấn đề, có thể là từ góc độ lịch sử, địa lí, khoa học hay nghệ thuật, hoặc liên ngành – kết hợp nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Từ mỗi góc độ tiếp cận, hãy đặt ra những câu</p>

<p>- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và Ghi lên bảng.</p>	<p>hỏi nghiên cứu và chọn một câu hỏi mà bạn hứng thú nhất và viết một nhận định về mục tiêu nghiên cứu của mình.</p> <p>b) Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin:</p> <p>- Mỗi nguồn tài liệu có thể cung cấp những loại thông tin khác nhau, phù hợp với những chủ đề khác nhau.</p> <p>+ Các từ điển bách khoa có thể cung cấp một cái nhìn tổng quan về vấn đề. Các tài liệu tham khảo chuyên môn cho biết những thông tin chi tiết, cụ thể. Các bản ghi chép bài phỏng vấn, diễn văn giúp hiểu hơn về các chủ đề lịch sử, văn chương, khoa học. Báo và tạp chí cung cấp những tin tức, sự kiện,... mới nhất về vấn đề mà bạn quan tâm.</p> <p>+ Các văn bản quảng cáo cho biết thêm thông tin về các chủ đề liên quan đến kinh tế, văn hóa đại chúng. Các ảnh chụp, video clip, bản ghi âm, tư liệu về hiện vật được trưng bày trong bảo tàng; các hình ảnh minh họa, bản đồ, bảng biểu, số liệu;... cho biết những tri thức cụ thể, chi tiết về vấn đề;...</p> <p>+ Trước khi tìm kiếm thông tin, hãy cân nhắc nguồn tư liệu nào có ý nghĩa nhất đối với nghiên cứu của bạn.</p> <p>- Xét về nguồn gốc, có thể chia các tài liệu thành hai loại: tài liệu gốc và tài liệu phái sinh. Tài liệu gốc là nguồn tài liệu được tạo ra bởi những người trực tiếp chứng kiến, tham gia các sự kiện, ví dụ: thư từ, nhật ký, diễn văn, ảnh chụp, tự thuật, email, bản tường thuật từ ngôi thứ nhất,... Nguồn tài liệu gốc có thể giúp bạn hình dung ra được không khí và các chi tiết cụ thể về sự kiện, song thường chứa đựng cái nhìn có tính chất thiên kiến của tác giả. Nguồn tài liệu phái sinh là những bản ghi được tạo ra sau các sự kiện, bởi những người không trực tiếp chứng kiến, tham gia, ví dụ: tiểu sử, từ điển bách khoa, bản ghi lời kể của người được chứng kiến,... Tài liệu phái sinh có thể đưa lại cái nhìn tổng quan, đa chiều về vấn đề, nhưng độ tin cậy lại phụ thuộc vào nguồn tài liệu mà chúng dựa vào.</p> <p>- Sau khi thu thập được những thông tin đáng tin cậy, bạn cần lưu trữ chúng một cách hệ thống, khoa học. Có một số cách phổ biến để lưu trữ thông tin như: tóm tắt, trích dẫn. Tóm tắt là nắm bắt các nội dung cốt lõi của tài liệu và diễn đạt chúng một cách ngắn gọn dựa vào các từ khóa. Trích dẫn là ghi chép nguyên văn các thông tin và sử dụng dấu ngoặc kép để đánh dấu những phần trích dẫn (trích dẫn trực tiếp) hoặc diễn giải lại các thông tin bằng ngôn ngữ của mình (trích dẫn gián tiếp).</p>
<p>Nhiệm vụ 2: Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>2. Xây dựng đề cương.</p> <p>– Sau khi đã có được những thông tin bao quát về vấn đề, bạn có thể tìm thấy một cách triển khai vấn đề riêng</p>

<p>- Dựa trên phân lựa chọn đề tài, GV cho HS trao đổi thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản sẽ tập trung vào những nội dung nào? + Những nội dung đó nên được thể hiện bằng những luận điểm, luận cứ nào? Luận điểm nào cần được tập trung, nhấn mạnh? + Cách diễn đạt phải đảm bảo những yêu cầu gì? + Có thể sử dụng kết hợp những phương tiện phi ngôn ngữ nào trong văn bản? + Có thể tham khảo những nguồn tài liệu nào? - HS xây dựng đề cương theo nhóm - HS thảo luận và viết lên giấy A4. <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS nghe câu hỏi, làm việc cá nhân và hoàn thành yêu cầu.</p> <p>- HS dựa vào SGK để trình bày các yêu cầu.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và Ghi lên bảng.</p>	<p>của mình. Hãy tham khảo phần hướng dẫn xây dựng đề cương nghiên cứu đã được học ở sách giáo khoa Ngữ Văn 10, tập một, tr. 117 – 118 để phác thảo đề cương chi tiết cho đề tài của bạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề cương nghiên cứu cần những nội dung sau + Đặt vấn đề: Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu + Giải quyết vấn đề: Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng + Kết luận: Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới. + Tài liệu tham khảo: Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố - Cũng có thể trình bày đề cương dưới dạng sơ đồ. Xác định ý tưởng trung tâm và viết quan điểm nghiên cứu dưới dạng một câu, sau đó phát triển trung tâm thành các ý chính, ý phụ và lựa chọn các dữ liệu, bằng chứng để làm sáng tỏ các ý.
<p>Nhiệm vụ 3: Thực hành viết và chỉnh sửa, hoàn thiện</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Giao đề bài:</p> <p>GV yêu cầu các nhóm HS <i>thực hành viết báo cáo về vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đặt ra từ tác phẩm văn học hoặc từ</i></p>	<p>2. Thực hành viết và chỉnh sửa, hoàn thiện</p> <p>a) Thực hành viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai mỗi luận điểm đã được xác định trong dàn ý thành một đoạn văn. Mỗi đoạn văn cần có câu chủ đề, được đặt ở đầu hoặc ở cuối câu - Chú ý sử dụng ngôn ngữ phù hợp (Sử dụng các câu mệnh lệnh; Sử dụng các động từ chỉ rõ hoạt động; Sử

đời sống.

- Ví dụ: Nạn đói năm Ất Dậu và bức tranh hiện thực trong tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân

- Quan niệm sống của giới trẻ: tận hưởng hay tận hiến?

Văn bản được trình bày trên giấy A4, vở ghi hoặc trình chiếu.

* GV chia lớp thành 6-8 nhóm. Thực hành viết theo đề tài đã lựa chọn (Chuẩn bị ở nhà)

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

*** Hướng dẫn học sinh viết**

- HS hoàn thiện bài viết theo yêu cầu (dựa trên bài viết đã chuẩn bị ở nhà)

- GV phát *Bảng kiểm số 1* cho mỗi nhóm, nội dung bảng kiểm là các tiêu chí đánh giá bài viết của các nhóm HS thảo luận và ghi kết quả ra giấy A4, hoặc vở ghi

- GV trình chiếu bảng kiểm số 1, phân tích, giải thích các tiêu chí; yêu cầu HS dựa trên dàn ý đã làm và bảng kiểm số 1, hoàn thiện và trình bày văn bản trên giấy A4, vở ghi

*** Hướng dẫn HS xem lại và chỉnh sửa**

- GV yêu cầu HS dựa trên các tiêu chí trong bảng kiểm số 1, xem lại văn bản đã viết và chỉnh sửa nếu cần. Thời gian thực hiện 5-7 phút.

- HS xem lại và chỉnh sửa bản nội quy đã viết.

B3. Báo cáo thảo luận

GV tổ chức cho các nhóm HS dán sản phẩm (văn bản đã viết và trình bày trên giấy A4) lên vị trí đã quy định hoặc gửi văn bản vào nhóm zalo và thuyết minh ngắn gọn.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

dụng các đại từ nhân xưng không mang tính chất cá nhân)

- Sử dụng các từ ngữ liên kết để thể hiện mối quan hệ logic

- Cần ghi nguồn đúng cách khi trích dẫn trực tiếp, gián tiếp

- Sắp xếp các tài liệu tham khảo theo đúng thông lệ dựa vào trật tự chữ cái đầu trong tên hoặc họ của tác giả
- Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ như hình ảnh, biểu tượng, sơ đồ... để hỗ trợ việc nắm bắt thông tin của người đọc.

b. Chỉnh sửa và hoàn thiện

Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết theo các tiêu chí sau:

- Tuân thủ cấu trúc của văn bản nội quy, hướng dẫn
- Sử dụng ngôn ngữ phù hợp, đúng theo quy cách.
- Sắp xếp các nội dung theo trình tự hợp lí.

- Mỗi nhóm HS dùng bảng kiểm số 1 để đánh giá bài của 1 nhóm khác (theo sự phân công của GV) và GV cũng dùng bảng kiểm này để đánh giá bài của từng nhóm HS.
- Các nhóm HS phản hồi, rút kinh nghiệm và các nhân học sinh tự chỉnh sửa văn bản sau khi nhận được góp ý từ GV và các nhóm khác.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu:

- Giúp HS nhận biết được cách viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên và xã hội; Những luận điểm, những ý chính khi triển khai phần viết bài báo cáo nghiên cứu.

b. Nội dung

- Xác định được ưu, khuyết điểm khi viết bài để kịp thời điều chỉnh.

c. Sản phẩm

- Bài viết (đã chỉnh sửa) theo quan điểm cá nhân của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: <i>Viết một bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội</i> GV nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà theo phiếu học tập phụ lục 2. B3. Báo cáo thảo luận: GV thu lại một số bài viết của HS, đọc trước cả lớp và cho HS nhận xét về các bài viết. B4. Đánh giá kết quả thực hiện	Học sinh tự chỉnh sửa bài viết theo hướng sau: + Bố cục phù hợp với một báo cáo nghiên cứu, gồm các phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo. + Các thông tin tham khảo có nguồn gốc rõ ràng, đáng tin cậy. + Các luận điểm, bằng chứng rõ ràng, chặt chẽ. + Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả; không mắc lỗi dùng từ, đặt câu (ngữ pháp). GV hướng dẫn HS cách viết, cách chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết dựa theo phụ lục 3- Rubric đánh giá.

4. Cũng cố: Gv hệ thống lại những kiến thức, kỹ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi khám phá văn bản.

5. HDVN: Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn nói và nghe theo hệ thống gợi dẫn SGK.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Bảng kiểm

Đánh giá văn bản Báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội

Tiêu chí đánh giá	Đạt
1. Nhan đề: Vấn đề nghiên cứu được nêu ngắn gọn, rõ ràng, hấp dẫn	
2. Bố cục đủ 3 phần	
Đặt vấn đề: Giới thiệu khái quát vấn đề và quan điểm của người viết	
Giải quyết vấn đề: Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm rõ ràng, mạch lạc, có các dữ liệu, bằng chứng chính xác, tiêu biểu.	
Kết luận: Tổng hợp lại vấn đề nghiên cứu và đánh giá tầm quan trọng của vấn đề đó trong nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới (khẳng định đóng góp của bản báo cáo)	
3. Các luận điểm được trình bày rõ ràng, mạch lạc; có trọng tâm, điểm nhấn.	
4. Sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ	
5. Tuân thủ quy tắc chính tả, ngữ pháp.	
6. Hình thức trình bày khoa học, trang trí phù hợp với nội dung	
7. Tài liệu tham khảo: sắp xếp tên tài liệu hoặc tên tác giả theo trình tự hợp lý; có xuất xứ rõ ràng	

Phụ lục 2

PHIẾU HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT ➤ Nhiệm vụ: Hãy rà soát lại bài viết theo những câu hỏi ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải	
Câu hỏi đánh giá	Gợi ý chỉnh sửa bài viết
Ví dụ:	Ví dụ:
1. Phần đặt vấn đề đã giới thiệu ngắn gọn, tường minh vấn đề cần bàn luận chưa?	- Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó. - Nếu chưa, hãy sửa chữa hoặc viết lại 1-2 câu giới thiệu về vấn đề sẽ bàn luận.
2. Phần giải quyết vấn đề đã nêu được các nội dung cụ thể sau chưa?	- Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó.
- Các luận điểm đã mạch lạc, rõ ràng và nhất quán trong đánh giá vấn đề chưa?	- Nếu chưa, đánh dấu chỗ cần bổ sung và ghi các câu bổ sung bên lề hoặc giấy nhớ.
- Lập luận đã khách quan, chặt chẽ chưa?	

	- Các cứ liệu, bằng chứng đã tinh gọn, đầy đủ chưa?	
	- Việc dẫn nguồn tài liệu hay ghi chú các ý kiến được trích dẫn đã minh bạch chưa?	
	3. Phần kết luận có khái quát được ý nghĩa của vấn đề không?	- Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân ý đó. - Nếu chưa, có thể viết thêm vào cuối đoạn.
	4. Có mắc lỗi về ý (thiếu ý, lặp ý, lạc ý), lỗi chính tả, trình bày, dùng từ và diễn đạt,... nào không?	Nếu có, hãy dùng bút chì gạch chân các lỗi đó và nêu cách chữa bên cạnh hoặc bên lề giấy.
- Yêu cầu HS chuẩn bị trình bày nội dung chỉnh sửa theo Phiếu và rút kinh nghiệm chung cho tiết Trả bài.		Nghe và ghi chép thêm các lưu ý của thầy/cô giáo.

Phụ lục 3 Rubric đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu bài Sai phương thức thuyết minh	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉnh chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4 Bài viết tham khảo:

Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về kiến trúc Hoàng Thành Thăng Long.

Kiến trúc kinh thành, cố đô phong kiến ở Việt Nam luôn mang theo cái gì đó rất chung và rất riêng với văn hóa kiến trúc của Trung Hoa và nó luôn thể hiện nét đẹp truyền thống, văn hóa lịch sử lâu đời của người Việt. Bên cạnh quần thể kiến trúc Cố đô Huế từ xưa, người Việt vẫn luôn tự hào với kiến trúc thành Thăng Long – tòa thành đã trải qua biết bao năm tháng của lịch sử.

Như chúng ta đã biết, kinh thành Thăng Long luôn được gắn với một sự kiện lịch sử nổi tiếng đó là vào năm 1010, vua Lý Thái Tổ đã dời đô từ Hoa Lư đến Đại La và cho xây dựng kinh thành Thăng Long. Cùng với đó là hàng loạt các cung điện, lăng tẩm được xây dựng, nổi bật là công trình Điện Kính Thiên cao tới 2 tầng rộng hơn 2300 mét vuông. Thời Hậu Lê, thành Thăng Long vẫn được coi là kinh đô, trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước.

Về vị trí, kinh thành Thăng Long tọa lạc ở phía Bắc Việt Nam và được giảm dần về diện tích qua các triều đại. Ở thời Hậu Lê, hầu như không xây dựng thêm các chùa tháp mà chủ yếu là trùng tu. Thay vào đó, hàng loạt phủ đệ mới của giới quý tộc, quan lại trung ương được xây dựng, tạo ra hình ảnh một kinh thành Thăng Long đầy quyền uy, thâm nghiêm.

Về kiến trúc, trải qua thời gian và những biến cố của lịch sử, thành Thăng Long đã có nhiều thay đổi, biến dạng, nhưng đến nay vẫn còn thấy được cả di tích trên mặt đất, dưới lòng đất, di tích lịch sử cách mạng, di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật,... tạo thành hệ thống các di tích được đánh giá là quan trọng bậc nhất trong hệ thống các di tích đô thị cổ, trung, cận, hiện đại của nước ta. Hiện tại, trong khu vực trung tâm Thành cổ Thăng Long – Hà Nội còn lại 5 điểm di tích nổi trên mặt đất phân bố theo trục Bắc – Nam, còn gọi là “Trục chính tâm”, “Trục ngự đạo”, gồm có: Kỳ Đài, Đoan Môn, nền điện Kính Thiên, Hậu Lâu, Bắc Môn, tường bao và kiến trúc công hành cung thời Nguyễn, di tích nhà và hầm D67, các công trình kiến trúc Pháp...

Kinh thành Thăng Long từ thời Lý được xây dựng theo cấu trúc ba vòng thành, gọi là “tam trùng thành quách”: vòng thành ngoài là La thành hay Đại La thành, vòng thành giữa là Hoàng thành (thời Lý – Trần – Lê gọi là Thăng Long thành, thời Lê còn gọi là Hoàng thành) và vòng thành trong cùng gọi là Cẩm thành (hay Cung thành). Cẩm thành từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 18 hầu như không thay đổi và còn bảo tồn cho đến nay hai vật chuẩn rất quan trọng: Thứ nhất là nền điện Kính Thiên xây dựng thời Lê sơ (1428) trên nền điện Càn Nguyên (sau đổi tên là điện Thiên An) thời Lý, Trần. Đó vốn là vị trí của núi Nùng (Long Đỗ – Rốn Rồng), được coi là tâm điểm của Cẩm thành và Hoàng thành, nơi chung đúc khí thiêng của non sông đất nước theo quan niệm phong thủy cổ truyền, mà di tích hiện còn là nền điện với bậc thềm và lan can đá chạm rồng thế kỷ 15. Thứ hai là cửa Đoan Môn, cửa Nam của Cẩm thành thời Lý – Trần – Lê. Trên vị trí này hiện nay vẫn còn di tích cửa Đoan Môn thời Lê.

Phương Đình Nguyễn Văn Siêu (1799-1872), trong sách Đại Việt địa dư chí toàn biên có đoạn mô tả khá rõ ràng về Hoàng thành Thăng Long thời Lê: “Ở giữa là Cung thành, trong cửa Cung thành là Đoan Môn. Trong Đoan Môn là điện Thị Triều, trong điện Thị Triều là điện Kính Thiên. Bên hữu Kính Thiên là điện Chí Kính, bên tả là điện Vạn Thọ. Bên hữu Đoan Môn là Tây Trường An, bên tả là Đông Trường An, ở giữa có Ngọc Giản. Trong Hoàng thành và ngoài Cung thành ở phía Đông là Thái Miếu, sau là Đông Cung”.

Để giúp thế hệ sau và bạn bè quốc tế hiểu thêm về lịch sử Việt Nam cùng Hoàng thành Thăng Long, đêm tour “Giải mã Hoàng thành Thăng Long” đã được tổ chức thành công. Đây không chỉ là một sự kiện quảng bá văn hóa, du lịch mà nó còn là cách để thế hệ sau tôn vinh, tự hào về lịch sử, văn hóa của dân tộc mình.

Trải qua thăng trầm của lịch sử, chiến tranh, thuộc địa... Kinh thành Thăng Long vẫn nằm đó như một minh chứng trường tồn của lịch sử, về một thời huy hoàng đã qua đi của dân tộc. Chúng ta – thế hệ con cháu phải biết bảo tồn, gìn giữ và phát huy vẻ đẹp của Hoàng thành đến thế hệ tương lai và bạn bè quốc tế.

Dưới đây là một số nguồn tham khảo để em có thể hoàn thiện bản báo cáo của mình:

1. TTXVN (2010), Thăng Long thời Lê, thời Mạc-Lê, Trung Hưng (1428-1788), Ban Tuyên giáo Trung ương.
2. Sở Du lịch Hà Nội (2020), Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, Cổng thông tin điện tử Quận Ba Đình – Thành phố Hà Nội.
3. Quang Dương (2018), Hoàng thành Thăng Long – Dấu ấn văn hóa, kiến trúc độc đáo, Báo Xây dựng.

Ngày soạn: .../..../....

Bài 5. NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 11

Thời gian thực hiện: 08 tiết

(Đọc: 05 tiết; Viết: 02 tiết; Nói và nghe: 01 tiết)

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE

Tiết 51: TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

(Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ)

(01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu.
- Biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

2. Về năng lực:

- HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe.
- HS giới thiệu được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài.
- HS trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính.
- HS sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.

3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, các phần mềm hỗ trợ trình bày báo cáo (Powpoint, Canva, Azota, Googlefom...)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Nhắc HS nhớ lại kiến thức bài trình bày báo cáo đã học ở lớp 10, tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV chiếu video thuyết trình về một bài báo cáo

- HS theo dõi và ghi chú lại những điều cần lưu ý

c. Sản phẩm: Những điều HS khắc sâu về bài báo cáo

d. Tiến trình thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu video Link: https://www.youtube.com/watch?v=shsENf2clVg	HS nhớ lại cách tiến hành bài báo cáo - Chuẩn bị bài báo cáo logic, khoa học - Tự tin thuyết trình
B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và ghi chú lại những điều cần lưu ý khi báo cáo	- Thay thế phần thuyết trình bằng các bảng biểu hoặc sơ đồ tư duy, phương tiện phi ngôn ngữ ...
B3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Học sinh xác định được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn vấn đề, nội dung cần trình bày, hình thức trình bày
- Học sinh trình bày khái quát kết quả nghiên cứu chính ở phần trọng tâm bài nói
- Học sinh nêu được thu hoạch bổ ích của bản thân khi tiến hành nghiên cứu về đề tài

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe
- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm: Những lưu ý của HS rút ra được từ bài học mục Chuẩn bị nói, Dàn ý bài báo cáo

d. Tiến trình thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị nói</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ (đã được chuẩn bị ở nhà)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị nói. - HS đọc và ghi chép lại các thông tin về những điều cần xác định khi chuẩn bị nói? - Chú ý chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ trong bài báo cáo (nếu có). <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh đọc sgk và rút ra những nội dung cần chuẩn bị khi nói</p> <p>B3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh bổ sung khi cần thiết</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét ưu điểm, hạn chế và chốt kiến thức, kĩ năng.</p>	<p>I. Chuẩn bị nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về đối tượng nghe, bối cảnh giao tiếp: Trả lời cho câu hỏi: Ai nghe, nghe trong hoàn cảnh nào? - Xác định mục đích giao tiếp: Báo cáo nghiên cứu này nhằm mục đích gì? - Xác định nội dung cần trình bày? - Xác định hình thức trình bày, phương tiện hỗ trợ: Chuẩn bị powerpoint với các thông tin chất lượng, hình ảnh, video minh họa sinh động, thể hiện nét đặc trưng của báo cáo nghiên cứu nhằm đảm bảo: Tối giản, trực quan và ấn tượng. - Hình thức tổ chức: Buổi hội thảo, sắp xếp kiểu bàn ghế, chọn MC, thư kí... <p>II. Thực hành nói</p>

<p>Nhiệm vụ 2: Thực hành nói</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại dàn ý bài báo cáo gồm những phần nào? Nội dung gì?</p> <p>GV chọn 2 hoặc 3 nhóm trong số 4 nhóm đã giao nhiệm vụ ở nhà lên trình bày bài nghiên cứu</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc về yêu cầu dàn ý của bài nói - Học sinh thực hành nói – nghe bài đã chuẩn bị ở nhà <p>B3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh các nhóm lắng nghe báo cáo theo văn bản đã chuẩn bị trước, ghi nhận xét và đặt câu hỏi (hoặc bổ sung ý kiến) thảo luận ra giấy.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>GV chốt lại các nội dung của bài báo cáo và những lưu ý cần tránh khi thực hành báo cáo.</p> <p>Nhiệm vụ 3: Trao đổi, đánh giá</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đánh giá về bài trình bày của nhóm bạn</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh suy nghĩ đặt câu hỏi, phản biện về vấn đề vừa trình bày</p>	<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="810 73 1214 152">Người nói</th><th data-bbox="1214 73 1465 152">Người nghe</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="810 152 1214 1126"> <ul style="list-style-type: none"> - Mở đầu: Nêu tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu; trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện. - Triển khai: Trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong luận điểm theo trình tự hợp lí, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu powerpoint nếu có (có thể tổ chức theo hình thức câu hỏi - lời đáp, mỗi câu hỏi tương ứng với một luận điểm giải quyết câu hỏi...). - Kết luận: Khái quát những kết quả nghiên cứu chính; cảm ơn và xin tiếp thu những ý kiến đóng góp. </td><td data-bbox="1214 152 1465 1126"> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe chăm chú, ghi ra giấy những ý chính và những câu hỏi - Hỗ trợ bạn trong quá trình trình chiếu (nếu có) </td></tr> </tbody> </table> <p>III. Trao đổi, đánh giá</p> <p>- HS trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="810 1451 1110 1529">Người nói</th><th data-bbox="1110 1451 1465 1529">Người nghe</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="810 1529 1110 2105"> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, phản hồi những phản biện của người nghe. - Ghi lại những ý kiến đóng góp hay, phù hợp với nội dung nghiên cứu (về nhà hoàn thiện báo cáo kết quả nghiên cứu). </td><td data-bbox="1110 1529 1465 2105"> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, đánh giá dựa trên các tiêu chí của Rubic (theo mẫu) - Đặt ra các câu hỏi để tìm hiểu sâu thêm về đề tài. - Phản biện lại những nội dung vừa trình bày hoặc đưa ra các kiến giải khác, một nguồn thông tin khác về vấn đề. </td></tr> </tbody> </table>	Người nói	Người nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Mở đầu: Nêu tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu; trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện. - Triển khai: Trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong luận điểm theo trình tự hợp lí, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu powerpoint nếu có (có thể tổ chức theo hình thức câu hỏi - lời đáp, mỗi câu hỏi tương ứng với một luận điểm giải quyết câu hỏi...). - Kết luận: Khái quát những kết quả nghiên cứu chính; cảm ơn và xin tiếp thu những ý kiến đóng góp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe chăm chú, ghi ra giấy những ý chính và những câu hỏi - Hỗ trợ bạn trong quá trình trình chiếu (nếu có) 	Người nói	Người nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, phản hồi những phản biện của người nghe. - Ghi lại những ý kiến đóng góp hay, phù hợp với nội dung nghiên cứu (về nhà hoàn thiện báo cáo kết quả nghiên cứu). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, đánh giá dựa trên các tiêu chí của Rubic (theo mẫu) - Đặt ra các câu hỏi để tìm hiểu sâu thêm về đề tài. - Phản biện lại những nội dung vừa trình bày hoặc đưa ra các kiến giải khác, một nguồn thông tin khác về vấn đề.
Người nói	Người nghe								
<ul style="list-style-type: none"> - Mở đầu: Nêu tên và lí do chọn vấn đề nghiên cứu; trình bày ngắn gọn về quá trình thực hiện. - Triển khai: Trình bày tóm tắt các luận điểm, thông tin chính có trong luận điểm theo trình tự hợp lí, kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu powerpoint nếu có (có thể tổ chức theo hình thức câu hỏi - lời đáp, mỗi câu hỏi tương ứng với một luận điểm giải quyết câu hỏi...). - Kết luận: Khái quát những kết quả nghiên cứu chính; cảm ơn và xin tiếp thu những ý kiến đóng góp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe chăm chú, ghi ra giấy những ý chính và những câu hỏi - Hỗ trợ bạn trong quá trình trình chiếu (nếu có) 								
Người nói	Người nghe								
<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, phản hồi những phản biện của người nghe. - Ghi lại những ý kiến đóng góp hay, phù hợp với nội dung nghiên cứu (về nhà hoàn thiện báo cáo kết quả nghiên cứu). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, đánh giá dựa trên các tiêu chí của Rubic (theo mẫu) - Đặt ra các câu hỏi để tìm hiểu sâu thêm về đề tài. - Phản biện lại những nội dung vừa trình bày hoặc đưa ra các kiến giải khác, một nguồn thông tin khác về vấn đề. 								

B3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên rubic (sgk tr151)

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được các vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài, những kết luận và phát hiện chính		
2	Trình bày được một cách rõ ràng, mạch lạc những luận điểm chính, các thông tin chi tiết làm rõ luận điểm		
3	Lựa chọn hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, ... phù hợp để trực quan hóa, cụ thể hóa thông tin		
4	Sử dụng ngôn ngữ và ngữ điệu hiệu quả		
5	Lắng nghe và phản hồi tích cực từ những câu hỏi, phản biện của người nghe		

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chốt lại các nội dung của bài báo cáo và những lưu ý cần tránh khi thực hành báo cáo.

- Những lưu ý khi trình bày bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề:

+ Nội dung bài báo cáo lựa chọn được vấn đề phù hợp; nội dung thông tin chính xác; luận điểm rõ ràng, cách triển khai logic, thuyết phục.

+ Cách trình bày:

++ Người nói: ngữ điệu phù hợp, rõ ràng, truyền cảm; chú ý đến thái độ của người nghe để điều chỉnh cách trình bày; có sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để tăng hiệu quả

++ Người nghe: chú ý lắng nghe, ghi chép những thông tin cần thiết giúp hiểu nội dung và có những đánh giá, phản hồi phù hợp; trao đổi, thảo luận.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ để thực hành bài nói và nghe

b. Nội dung: HS các nhóm được phân công nhiệm vụ đã chuẩn bị bài báo cáo, vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài nói và nghe đã chuẩn bị trước ở nhà theo rubic đánh giá

c. Sản phẩm: Bài trình bày của HS có kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ

d. Tiến trình thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên giao nhiệm vụ cho các nhóm còn lại lên trình bày bài nghiên cứu của nhóm mình</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh trình bày bài đã chuẩn bị ở nhà, các nhóm còn lại lắng nghe</p> <p>B3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên rubric(sgk tr151)</p> <p>Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>GV chốt lại các nội dung của bài báo cáo và những lưu ý cần tránh khi thực hành báo cáo.</p>	<p>HS thực hiện bài báo cáo và trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn</p>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Học sinh tiếp tục hoàn thiện bài báo cáo ở nhà
- b. Nội dung:** HS báo cáo vấn đề đã nghiên cứu dựa trên văn bản đã chuẩn bị
- c. Sản phẩm:** Bài báo cáo của HS
- d. Tiến trình thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà</p> <p>Học sinh tiếp tục chuẩn bị bài báo cáo và thảo luận</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>B3. Báo cáo, thảo luận</p> <p>Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>Trao đổi</p> <p>1. Người nghe</p> <p>Dựa vào các tiêu chí đánh giá đã xây dựng để tiếp tục suy nghĩ về vấn đề và có thể đóng góp ý kiến bổ sung sau giờ học.</p> <p>2. Người nói</p> <p>Tiếp thu các ý kiến đóng góp phù hợp và hoàn thiện bài báo cáo.</p>

4. Củng cố: Gv hệ thống lại những kiến thức, kĩ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi khám phá văn bản.

5. HDVN: Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn bài mới theo hệ thống gợi dẫn SGK.